

có một vườn thơ đạo

tập 1

thi sĩ của thánh giá

*Dây thi sĩ của đạo quân Thánh giá,
Nửa đêm nay vùi dập để tung hô,
Để sót cho cả xuân xuân thiên hạ
Hương mến yêu là lộc của lời thơ.*

(Nguồn Thom)

Linh mục TRĂNG THẬP TỰ
chủ biên

CÓ MỘT VƯỜN THƠ ĐẠO

sưu tập

kỷ niệm 100 năm ngày sinh

HÀN MẠC TỬ

Tập 1

THI SĨ CỦA THÁNH GIÁ

NHÓM THỰC HIỆN:

CAO HUY HOÀNG – LÊ ĐÌNH BẢNG – LÊ HỒNG BẢO –
MẠC TƯỜNG – NGUYỄN ĐÌNH ĐIỂN – NGUYỄN THANH XUÂN –
THIỆN CHÂN – TRĂNG THẬP TỰ – TRẦN NHƯ LUẬN –
TRẦN VẠN GIÃ – VŨ THỦY

LỜI GIỚI THIỆU CỦA ĐỨC CHA CHỦ TỊCH ỦY BAN VĂN HÓA HỘI ĐỒNG GIÁM MỤC VIỆT NAM

Có những gặp gỡ thật tình cờ mà cứ như đã hẹn trước.

Hai cuộc thi xướng họa trên mạng năm 2009-2010 (*Đức khiết tịnh*) và 2010-2011 (*Nhánh huệ Nước Trời*) đã góp phần chuẩn bị mừng kỷ niệm 100 năm sinh nhật nhà thơ Công giáo Hàn Mạc Tử, tạo điều kiện cho sự gặp gỡ của đông đảo tác giả trong cùng một bộ sách.

Năm 2009, nhà thơ Lê Đình Bảng đã giới thiệu 77 tác giả thơ và nhạc *Ở thượng nguồn thi ca Công giáo Việt Nam*, những vị đã sáng tác từ nhiều vị trí khác nhau trên hành trình đức tin, nhưng đều có chung một cảm hứng linh thiêng để hội tụ khởi đầu cho một dòng chảy thanh thoát mà hiện thực, nhẹ nhàng mà không kém phần sắc nét.

Tiếp nối và gợi hứng từ dòng chảy ấy, năm nay, 2012, nhà thơ Trăng Thập Tự và một số bạn hữu có sáng kiến thực hiện một sưu tập mới mang tên *Có một vườn thơ đạo*, bao gồm 140 tác giả từ cột mốc năm sinh Hàn Mạc Tử, 1912, trong đó có hơn 120 tác giả mới, hầu hết hiện đang sống, vị cao niên nhất đã 92 và người trẻ nhất là 22. Dù nhẹ nhàng và thường khi lặng lẽ, vẫn đang có một dòng thơ Công giáo Việt ngữ.

Với cột mốc 1912, *Có một vườn thơ đạo* không chỉ đánh dấu 100 năm ngày sinh Hàn Mạc Tử, mà còn cho thấy dòng thơ Công giáo Việt ngữ đã có một định hướng và được thêm sức sống kể từ sự xuất hiện của nhà thơ trẻ đạo hạnh Phanxicô Nguyễn Trọng Trí, Hàn Mạc Tử.

Trong ý nghĩa đó, tôi trân trọng giới thiệu bộ sưu tập với quý độc giả, cách riêng là các bạn trẻ, trong và ngoài cộng đồng Công giáo Việt Nam.

Phan Thiết ngày 13-5-2012

† *Giuse Vũ Duy Thống*
Gm. Gp. Phan Thiết
CT. UB VH/HĐGMVN

MỘT MẠCH SỐNG CỦA DÂN CHÚA

LỜI GIỚI THIỆU CỦA ĐỨC GIÁM MỤC PHÊRÔ NGUYỄN SOẠN CHO ẤN BẢN KINH TRONG SƯƠNG

Tiền thân bộ sưu tập này là chương trình đã được khởi đầu với tập Kinh Trong Sương 4 (Nxb Phương Đông 2007). Đức Cha Phêrô Nguyễn Soạn, giám mục giáo phận Quy Nhơn đã có lời giới thiệu sau đây cho chương trình này.

Ở một số dân tộc, người ta sinh ra và lớn lên trong dân vũ. Tại Việt Nam, chúng ta sinh ra và lớn lên trong thơ ca. Người mẹ miền Bắc ru con trong tiếng à ơi, ọ ời. Người mẹ miền Nam ru con trong tiếng ầu ơ. Thôi nghe tiếng ru, em bé học vỡ lòng đạo lý làm người bằng ca dao tục ngữ cho đến ngày khôn lớn. Đến tuổi thành nhân, người ta tìm kiếm bạn đời bằng hát gheo, hát ví, hát dặm... Lại cũng là thơ...

Du nhập vào Việt Nam, Kitô giáo không phát triển ngoài nhịp sống ấy của dân tộc. Các tín hữu Kitô đã sớm có những ca dao, hò, vè, câu đố mang nội dung đức tin và luân lý Kitô Giáo. Cao cấp hơn là kinh bốn và nhiều tác phẩm văn chương bằng lục bát và các thể loại văn vần khác. Rồi từ ngày có trào lưu thơ mới, nhiều tín hữu đã dùng nó để diễn tả lòng tin Kitô....

Không ở đâu mà trong Dân Chúa thiếu người làm thơ... Để riêng rẽ, thơ ca của họ dường như là chuyện cá nhân. Giờ đây, sưu tập lại, gom thành một vườn hoa, ta mới thấy rằng thơ ca là một mạch sống của Dân Chúa tại Việt Nam.

Hiểu như thế, bộ Sưu Tập Thơ Công Giáo quả là công trình cần thiết và đáng quý. Tôi xin trân trọng giới thiệu với mọi người, cả trong cũng như ngoài cộng đồng Công Giáo.

Quy Nhơn, ngày 20-9-2007

† Phêrô NGUYỄN SOẠN

Giám Mục Giáo Phận Quy Nhơn

LỜI TỰA CỦA ĐỨC CHA MICAEL HOÀNG ĐỨC DANH

TỪ VƯỜN THƠ ĐẾN VƯỜN VĂN

Xem qua bản thảo bộ sưu tập CÓ MỘT VƯỜN THƠ ĐẠO, tôi rất vui mừng vì cảm thấy mình đang được tiếp cận với cả vườn thơ. Một vườn thơ, một vườn thơ đạo, với hàng ngàn bài thơ và hàng trăm tác giả. Vườn chứ không phải bụi, khóm hay cây. Không còn riêng tư, lẻ tẻ, nhưng được tập hợp, liên kết và sắp xếp lớp lang.

1. Vườn thơ

Một sưu tập toàn thơ, lối diễn tả bằng lời và tiếng nhưng lại nhịp nhàng như nhạc, lại sống động như tranh, như mộng, dẫn đến hài hòa cả màu sắc, lẫn âm điệu và tiết tấu. Trong sách Sáng Thế, sách Isaia và sách Diễm Ca, vườn nho Chúa đã là một vườn thơ. Ở chính giữa vườn có chủ nhân là Ngôi Lời Thiên Chúa, là Thơ và Nguồn Thơ, để trở thành một vườn thơ đạo. Thông điệp của vườn thơ đạo phải êm đềm tha thướt mới lọt tai, mới thấm lòng.

Tôi lại chú ý đến cả hai chữ “có một” mở đầu cho tựa đề. Tôi hỏi linh mục chủ biên, tại sao lại “một” và “có”? Một, là muốn nói đến cái vườn thơ đạo cụ thể, của Việt Nam và ở Việt Nam mình chứ không phải của ai khác hay ở đâu khác, với những cái hay và cái dở rất riêng của nó. Còn “có” ở đây gợi nhắc một quá khứ, quá khứ trăm năm. Ban Biên soạn đã giới thiệu các tác giả theo thứ tự năm sinh là vì thế. Quyển II, những tác giả sinh từ 1912 đến 1940. Quyển III, 1941-1955 và quyển IV, 1956-1990. Thứ tự nói lên một lịch sử, với những đổi thay trời sục, lên xuống, từ cách viết, cách cảm nhận đến nội dung tư tưởng. Theo danh sách liệt kê ở chương 10 quyển I, ta thấy những tác giả dưới 30 còn quá ít. Mong rằng trong đợt sau sẽ có nhiều hơn.

Tại sao Cha Trăng Thập Tự không nhờ những vị ở các thủ đô văn hóa mà lại nhờ một giám mục Tây Nguyên đề tựa? Đơn giản thôi vì chút tình văn nghệ giữa chúng tôi từ thời theo học tại Giáo Hoàng Học Viện Piô X, Đà Lạt xưa vào thập niên 1960-1970! Lúc đó, ở các đại chủng viện Việt Nam, xuất hiện những nhóm phiên dịch hoặc biên soạn sách đạo. Riêng tại Đà Lạt, đã có các nhóm như: Hương Quê, Thăng Tiến, Tin Yêu, Niềm Vui, ... Nhà thơ Trăng Thập Tự và mấy anh em trẻ khác còn mở ra một nhóm chuyên sáng tác. Tất cả đều nhập vào Tổ hợp xuất bản Vào Đời do tôi xương xuất. Từ ấy tới nay đã 50 năm... Rất mong sớm rộ lên những nhóm mới, dịch thuật và sáng tác, làm giàu thêm kho tàng văn chương chữ nghĩa nhà đạo hầu đáp ứng sứ mạng loan báo Tin Mừng cũng như nuôi dưỡng đời sống đạo của người tín hữu.

2. Vườn Văn

Đàng sau thơ hay là văn hay. Nơi phần trích tuyển tác phẩm Hàn Mạc Tử, ta thấy những bài văn xuất thần, đáng kinh ngạc. Từ bộ sưu tập thơ ta cần nghĩ đến văn. Tình trạng viết văn tiếng Việt của các bạn trẻ ngày nay thật đáng suy nghĩ! Mấy chục năm thời chiến, vừa học vừa nấp bom tránh đạn, thì thước đo trí thức lấy cộng trừ nhân chia làm chính. Hòa bình lập lại, cả thầy lẫn trò bị hút vào vi tính và ngoại ngữ, tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ bị bỏ quên, chẳng còn mấy ai chuyên chăm luyện văn, tập viết. Tiếng Việt là gia tài cha ông để lại cho con cháu luyện tập để chuyển tải Tin Mừng cứu độ cho thiên hạ lại “bị bỏ quên hoặc coi thường”, trong khi thiên hạ biết tôi luyện và tận dụng tiếng Việt để chuyển đạt các tư tưởng chống Chúa, chống Giáo hội. Thảm thương thay! Đắc tội với cha ông và lỗi đạo với hậu thế! Trên thương trường và các mặt khác của xã hội, tình trạng yếu kém tiếng Việt chẳng trở ngại gì lắm, nhưng trên cánh đồng của Chúa mà cứ thế, thì người của Chúa lấy đâu văn chương chữ nghĩa mà rao giảng Tin Mừng? Thế nên, cầm quyển vườn thơ trên tay tôi lại cứ nghĩ đến vườn văn... Nhìn lại 50 năm qua và, hơn nữa, hơn 400 năm qua, cộng đồng Công giáo Việt Nam đã để lại được mấy tập truyện ngắn, mấy quyển tiểu thuyết có sức đi vào lòng người bằng những ngôn ngữ “chất chứa cái hồn Kitô giáo”? Đọc giả thử đếm xem. Đếm tác phẩm? Đếm tác giả? Muốn đếm thì phải có ít là một vài mới có thể bắt đầu đếm được... Nhưng một vài ấy tìm ở đâu?... Thiếu truyện và tiểu thuyết, sẽ thiếu kịch bản, thiếu phim, ta sẽ vắng mặt trên mặt trận truyền thông ... chữ và nghĩa! Phải chăng chúng ta đầu tư quá nhiều cho những lãnh vực khác, trong khi lại chảnh mảng lãnh vực truyền thông văn hoá này? Đã bao năm tháng rồi!

Viết lời tựa cho vườn thơ, mà lại nói đến vườn văn, không phải là bàn lui hay bàn ra nhưng là đang bàn tới, để mong sao các anh em của tôi thuộc mọi thành phần Dân Chúa, cách riêng các vị giám đốc chủng viện, các vị đặc trách các tập viện, những vị phụ trách ơn gọi, những người tận hiến trẻ, những phụ huynh đang khao khát dâng con mình cho Chúa, cùng suy nghĩ, đầu tư và hành động. Đầu tư và hành động cách thiết thực và cụ thể! Cụ thể và hữu hiệu! Ngay hôm nay chứ không chờ đến ngày mai! Mong thay.

Kontum ngày 04 tháng 04 năm 2012

Thứ Tư Tuần Thánh

+ *Micae Hoàng Đức Oanh*

Giám Mục Giáo Phận Kontum.

đôi lời của nhóm sưu tập

Cuối đời, nhà thơ Hàn Mạc Tử đã tự tuyển tác phẩm mình thành hai tập mỏng: *THƠ ĐỜI* và *THƠ ĐẠO*. Tuyển tập Thơ Đời sớm bị tan tác đập vùi nhưng có lẽ phần lớn nội dung vẫn sống sót nơi những gì về sau người ta còn nhặt nhạnh được. Tuyển tập Thơ Đạo đề tặng Nguyễn Văn Xê được nâng niu như một khóm cây giống để sớm trở thành một *VƯỜN THƠ ĐẠO* với muôn màu muôn vẻ.

Khi nói về Hàn Mạc Tử, nhà phê bình Vũ Ngọc Phan dự đoán: “Thơ tôn giáo đã ra đời với Hàn Mạc Tử. Tôi dám chắc rồi đây còn nhiều thi sĩ Việt Nam sẽ tìm nguồn hứng trong Đạo giáo và đưa thi ca vào con đường triết học, con đường rất mới, rất xa xăm mà đến nay chưa mấy nhà thơ dám bước tới”. Lời tiên tri nay đã thành hiện thực.

Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của nhà thơ (22-9-1912 – 22-9-2012), xin được giới thiệu một góc của cánh vườn. Chúng tôi đã nhận được sáng tác thơ đạo của gần 200 tác giả, với trên 150 tác giả có những bài đáng giá. Chúng tôi không làm việc bình thơ nhưng đã xin mỗi tác giả tự viết một bài chia sẻ về đức tin của mình kèm với đôi dòng tiểu sử và một ảnh chân dung. Do thời gian vội vã và hoàn cảnh làm việc hạn hẹp, chúng tôi chỉ mới nhận được hồi đáp của hơn 100 tác giả. Chúng tôi sắp xếp thành bốn tập để ấn

hành nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của nhà thơ. Phần còn lại hy vọng sẽ có thể hoàn tất vào dịp giỗ lần thứ 75 của ông, 11-11-2015.

Tập đầu mang tên “Thi sĩ của thánh giá”, lấy ý từ một câu thơ của bài *Nguồn thom*, giới thiệu con người, cuộc đời và thơ đạo của Hàn Mạc Tử, kèm với bài viết của một số người về thơ đạo của ông. Các tập sau được đặt tên theo những hình ảnh trong bài thơ AVE MARIA bất hủ của Hàn Mạc Tử, giới thiệu thơ đạo của những tác giả theo chân Hàn Mạc Tử.

Về nhà thơ Hàn Mạc Tử, hơn 70 năm qua, cùng với biết bao bài viết và sách vở trên diễn đàn văn học trong và ngoài nước, vẫn có những đóng góp của giới Công giáo. Những đóng góp này thoạt đầu có vẻ rời rạc và ít có điều kiện để được biết đến rộng rãi. Thế nhưng khi những nhận định trên diễn đàn chung có vẻ bão hòa, những hình như cái nhìn của các tác giả Công giáo lại bắt đầu khởi sắc và tiến dần, cách riêng là với Phạm Xuân Tuyền, Trần Quý Thiện, Nguyễn Thị Tuyết, Lê Văn Lân, Võ Long Tê, Đặng Tiến, Phạm Đán Bình, Phạm Đình Khiêm rồi linh mục Trần Cao Tường, và đến lượt chúng tôi, thêm một đóng góp nhỏ từ góc nhìn huyền học Cát Minh.

Theo hướng ấy, tập đầu của bộ sách, dành riêng để tưởng niệm nhà thơ, sẽ lần lượt giới thiệu 10 nội dung sau đây:

1. GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ NHÀ THƠ HÀN MẠC TỬ
2. TRÍCH TUYỂN TÁC PHẨM HÀN MẠC TỬ
3. ĐÓNG GÓP CỦA GIÁO SƯ PHAN CỰ ĐỆ
4. TRONG KÝ ỨC BẠN BÈ
5. LĂNG KÍNH RIÊNG CỦA NHÀ THƠ QUÁCH TẤN
6. TRONG MẮT CÁC NHÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC

7. TRONG MỐI ĐỒNG CẢM CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐỒNG ĐẠO
8. ĐÓNG GÓP CỦA LM TRẦN CAO TƯỜNG
9. TỪ GÓC NHÌN HUYỀN HỌC CÁT MINH
10. VƯỜN THƠ ĐẠO NỞ HOA

Mở đầu, xin được thấp nén hương kính cẩn nghiêng mình trước anh hồn giáo sư viện sĩ Phan Cự Đệ. Ông để lại cho đời hai quyển sách sáng giá về Hàn Mạc Tử: ***"Hàn Mạc Tử – Tác Phẩm, Phê Bình Và Tưởng Niệm, Nxb Văn Học, Hà Nội, 2002"*** (trong tập này sẽ viết tắt là PCĐ-1) và quyển hai, soạn chung với ông Nguyễn Toàn Thắng: ***"Hàn Mạc Tử – Về Tác Giả Và Tác Phẩm, Nxb Giáo Dục, 2002"*** (sẽ viết tắt là PCĐ-2). Hậu thế phải biết ơn ông. Không những ông nghiên cứu và nêu lên những nhận định xác đáng về nhà thơ, mà còn có công gom góp tất cả những gì còn vớt vát được của Hàn Mạc Tử và những bài viết đáng quý về nhà thơ vào một chỗ. Hẳn đó sẽ là cơ sở để về sau người ta có thể thực hiện một ấn bản các tác phẩm Hàn Mạc Tử có hiệu đính và được bổ sung thêm.

Chúng tôi cũng còn phải cảm ơn nhà nghiên cứu lão thành Võ Long Tê, tác giả bộ sách ***Lịch Sử Văn Học Công Giáo Việt Nam***, hơn hai chục năm trước đây đã chia sẻ cho chúng tôi những cái nhìn chính xác trên đường tìm hiểu về nhà thơ tiên phong của cộng đồng Công giáo Việt Nam.

Xin chân thành cảm ơn gia đình quý tác giả quá cố: Hàn Mạc Tử, Nguyễn Bá Tín, Quách Tấn, Phan Cự Đệ, Trần Cao Tường, Phạm Đán Bình; và chân thành cảm ơn quý tác giả Võ Long Tê, Đặng Tiến, Phạm Đình Khiêm, Nguyễn Thị Tuyết và Lê Văn Lân đã dành cho chúng tôi những tình cảm nồng hậu và giúp đỡ chúng tôi trong việc trích đăng những bài viết giá trị.

Với quý tác giả khác có bài trích trong tập này mà chúng tôi chưa liên lạc được, vì mối thân tình chung đối với nhà thơ Hàn Mạc Tử, xin rộng lượng thông cảm cho chúng tôi.

Về bút hiệu Hàn Mạc Tử, chúng tôi in lại nguyên văn bài nghiên cứu và ý kiến của Giáo sư Viện sĩ Phan Cự Đệ. Đồng thời xin phép được chuyển thống nhất thành Hàn Mạc Tử trong toàn bộ tập sách.

Ước mong tập này sẽ giúp độc giả có thêm một cái nhìn về Hàn Mạc Tử đồng thời được gợi hứng để nghiên cứu đào sâu thêm nữa về nhà thơ.

Lm TRĂNG THẬP TỰ

LỜI CẢM TẠ

Bộ sưu tập thơ Công giáo đợt I, Có Một Vườn Thơ Đạo, kỷ niệm 100 năm sinh nhật Hàn Mạc Tử, gồm 4 quyển: Thi sĩ của Thánh giá, Như song lộc triều nguyên, Ôn phúc cả và Thần nhạc sáng hơn trăng.

Chúng tôi xin chân thành cảm tạ tất cả những vị đã giúp gom góp tư liệu, đánh máy, sửa lỗi chính tả, in ấn và phát hành.

Cách riêng, xin tri ân sâu xa tất cả quý vị ân nhân đã giúp đỡ tinh thần và vật chất để bộ sách có thể hoàn thành và được phổ biến với giá thấp, thuận lợi cho sinh viên học sinh để mua.

Đợt II của bộ sưu tập, Vườn Thơ Đạo Nở Hoa, dự kiến sẽ phát hành vào năm 2015, dịp giỗ lần thứ 75 của nhà thơ Hàn Mạc Tử. Xin đóng góp bài vở về:

thoconggiao@gmail.com

Nguyện xin Thiên Chúa chúc lành cho tất cả chúng ta.

BAN BIÊN SOẠN

1.

Giới thiệu tổng quát
về nhà thơ Hàn Mặc Tử

1. Niên biểu giản lược

Hàn Mạc Tử tên thật là Phanxicô Assisi Nguyễn Trọng Trí, sinh ngày 22-9-1912 tại Lệ Mỹ (thuộc giáo xứ Tam Tòa), tổng Võ Xá, huyện Phong Lộc (nay là Đồng Hới), tỉnh Quảng Bình. Cha là ông Vinh Sơn Phaolô Nguyễn Văn Toàn và mẹ là bà Maria Nguyễn Thị Duy.

Từ 1924-1926: Trí học tiểu học ở Quảng Ngãi.

Tháng 7-1926: ông Toàn qua đời, Trí theo mẹ vào Quy Nhơn ở với anh là Nguyễn Bá Nhân, xướng họa ký tên Minh Duệ Thị.

Từ 1928-1930: bắt đầu theo học trung học Pellerin ở Huế. Đến kỳ thi tháng 6, được cấp bằng Pháp Việt sơ học.

1931: làm thơ Đường đăng báo ký tên Phong Trần.

1932: Hàn làm viên chức sở đạc điền ở Quy Nhơn, yêu Hoàng Cúc.

1933: lãnh bí tích Thêm Sức tại Nhà Thờ Quy Nhơn với tên thánh Phanxicô Xaviê.

Năm 1934, vào Sài Gòn làm báo – đổi bút danh là Lệ Thanh rồi Hàn Mạc Tử (một số bài ký Hàn Mạc Tử)¹.

¹ Theo Quách Tấn, bút danh cuối cùng là Hàn Mạc Tử. Theo Võ Long Tê, Phạm Đán Bình và Phạm Xuân Tuyền thì bút danh cuối cùng là Hàn Mạc Tử. Chúng tôi theo ba vị sau. Thêm vào luận giải của ba vị, tôi cho rằng Quách Tấn không hiểu được nội tâm Kitô giáo của Hàn Mạc Tử. Quách Tấn rất tâm đắc khi thêm vành trăng trên chữ *mạc*, biến thành *hàn mạc tử*, *người của bút mực* thật ý nhị. Có thể Hàn Mạc Tử đã chiều ý bạn để ký như thế đôi lần. Tuy nhiên, Hàn Mạc Tử không phải là *người của bút mực* mà là *thi sĩ của đạo quân thánh giá*. Anh không đứng một mình với bút mực nhưng luôn liên kết theo hình thập giá, cả chiều dọc (với Thiên Chúa) và chiều ngang (với đồng loại). Trong cả hai chiều ấy đều có bức rèm. Theo

1935-1936: gặp gỡ Mộng Cầm.

1936: in tập *Gái quê*, về Quy Nhơn chữa bệnh.

1937: Biết mình mắc bệnh phong, cắt đứt thư từ và xa lánh bạn bè.

1938: Hoàn thành tập *Thơ điên (Đau thương)*.

1939: Viết *Xuân như ý, Thượng thanh khí* – quen biết Thương Thương, viết *Cẩm châu duyên, Duyên kỳ ngộ, Quần tiên hội*.

20-9-1940: Vào nhà thương Quy Hoà, mang số hiệu bệnh nhân 1134.

Qua đời vì bệnh kiệt ly, tại Quy Hoà, lúc 05 giờ 45 phút ngày 11-11-1940.

Hàn Mạc Tử đem đến cho Thơ Mới một phong cách độc đáo và sáng tạo: bên cạnh những tác phẩm bình dị, trong trẻo, chan chứa tình quê là các tác phẩm đầy những cảm hứng lạ lùng, huyền bí...

(Theo Phan Cự Đệ - Nguyễn Toàn Thắng: Hàn Mạc Tử, Về Tác Gia Và Tác Phẩm, Nxb Giáo Dục, 2002, trang 36-39; Lê Đình Bảng, Ở Thượng Nguồn Thi Ca Công Giáo Việt Nam, Miền Thơ Kinh Cầu Nguyện, Nxb Phương Đông 2009, trang 175-177)

chiều ngang, đó là bức rèm ngăn cách bệnh nhân với đời. Theo chiều dọc, kẻ ẩn sau bức rèm muốn nói lên nỗi khát khao đón nhận *mạc khải* của Thiên Chúa (*mạc khải* = *vén màn*). Khi Chúa Kitô chết “bức màn trướng trong Đền Thờ xé ra làm hai từ trên xuống dưới” (Mt 27,51). Thiên Chúa đã vượt qua bức màn của Ngài, thế nhưng vẫn còn bức màn của con người, như cánh cửa khép kín lạnh lùng chưa chịu mở (x. Dc 5,2; Kh 3,20). Không dễ, cần có Thánh Thần của Thiên Chúa; như Gioan Thánh Giá: “Hãy xé nốt giùm em tấm thân này lụa đào” (Trăng Thập Tự).

2. Nẻo đường hành hương

Ngày nhà biên khảo Phạm Xuân Tuyền phát hành quyển *Đi Tìm Chân Dung Hàn Mạc Tử*, chưa có quốc lộ 1D. Con đường này là mạch rẽ tách khỏi quốc lộ 1A, từ ngã ba Phú Tài, km 1222, theo đường xuống Quy Nhơn khoảng 2km thì rẽ phải, ôm theo núi Long Vân, ngang qua bến xe Quy Nhơn tại km 9, rồi leo đèo, bên núi bên biển, đổ xuống đất Phú Yên, và vượt cầu Bình Phú, gặp tại quốc lộ 1A tại chân núi Chóp Hòn Bò, cách chợ Sông Cầu 17km về phía Bắc.

Tại km 11, quốc lộ 1D gặp đỉnh đèo đường bê tông. Đường rẽ hướng đông nam dẫn xuống trại phong Qui Hòa, nơi Hàn Mạc Tử sống hai tháng cuối đời. Còn đường rẽ hướng đông bắc dẫn xuống khu du lịch Ghềnh Ráng, nơi có mộ Hàn Mạc Tử, trên con đường núi ven biển cũng dẫn tới trại phong Qui Hòa. Trở lại cổng khu du lịch, đi tiếp về nội thành Quy Nhơn là đoạn đường ngăn mang tên Hàn Mạc Tử. Cuối đường Hàn Mạc Tử, rẽ trái là đường Tây Sơn, ngang qua cổng bến xe Quy Nhơn và gặp lại quốc lộ 1D. Còn đi thẳng là đường An Dương Vương dọc theo bờ biển, qua khỏi cổng Đại học Quy Nhơn một đoạn, gặp vòng xuyên giao lộ. Rẽ trái là đường Ngô Mây dẫn tới chân núi. Phía này xưa kia là những “động” cát cho nên cụm dân cư ở đây được gọi là xóm *Động Kỳ Mang*, nơi Hàn Mạc Tử đã có thời lánh bệnh (tại khu VI, tức giáo xứ Qui Hiệp và Đồng Tiến ngày nay) .

Đường ven biển nối tiếp đường An Dương Vương mang tên nhà thơ Xuân Diệu, chạy ngang qua tượng đài chiến thắng và kết thúc tại Bãi Nhạn, mũi đất đâm ra biển, viền bằng hai đường Xuân Diệu và Trần Hưng Đạo, xưa là xóm Tấn, nơi Hàn Mạc Tử đã có thời lánh bệnh. Trở ngược lại con đường Xuân Diệu, qua khỏi tượng đài chiến thắng khoảng 150m, gặp ngã tư, rẽ phải khoảng 100m gặp

bồn hoa giữa giao lộ ngã năm. Ngã rẽ thứ hai bên tay phải là đường Lê Lợi, xưa là đường Khải Định mà Hàn Mạc Tử đã có thời gian sống tại căn nhà số 20, cách bờ biển khoảng 200m.

Phần thứ nhất tập sách này giúp bạn đọc có một cái nhìn tổng quát về con người, cuộc đời và sự nghiệp của Hàn Mạc Tử. Bản đồ hành hương vừa rồi sẽ được tiếp nối về túp lều lánh bệnh của Hàn Mạc Tử tại Gò Bồi, phía bắc trung tâm TP Quy Nhơn khoảng 25km.

Đó là cuộc hành hương trên đất.

Cuộc hành hương lịch sử sẽ được linh mục Trần Quý Thiện giới thiệu dựa theo quyển sách của Phạm Xuân Tuyến. Nữ tu Nguyễn Thị Tuyết sẽ hướng dẫn cuộc hành hương văn chương về nguồn đạo. Học giả Võ Long Tê sẽ thuyết minh về kinh nghiệm và hành trình tinh thần của Hàn Mạc Tử. Sau cùng giáo sư Phan Cự Đệ sẽ giới thiệu đúc kết cuộc tranh luận về bút danh Hàn Mạc Tử.

Lm TRĂNG THẬP TỰ

3. Những bài trong phần này:

- TƯỢNG NIỆM THI SĨ CÔNG GIÁO HÀN MẠC TỬ – TRẦN QUÝ THIÊN
- HÀN MẠC TỬ: ĐỜI VÀ THƠ - NGUYỄN THỊ TUYẾT
- KINH NGHIỆM THƠ VÀ HÀNH TRÌNH TINH THẦN CỦA HÀN MẠC TỬ - VÕ LONG TÊ
- VỀ BÚT HIỆU CỦA NHÀ THƠ - PHAN CỰ ĐỆ

TƯỜNG NIỆM THI SĨ CÔNG GIÁO HÀN MẠC TỬ¹

Lm TRẦN QUÝ THIỆN

Ngược dòng thời gian trở về với gia tài Văn Chương Việt Nam, người ta thấy vào thập niên 1930, một phong trào Thơ Mới đã xuất hiện trên thi đàn và đã mở ra một kỷ nguyên thơ tiến bộ phóng khoáng thay thế cho những vần thơ Đường Luật cổ kính với những niêm luật khắt khe gò bó.

Do ảnh hưởng của trào lưu thơ mới trong văn chương Pháp, những vần thơ mới đầy sáng tạo, chất chứa hồn thơ, phong phú đa dạng này đã thúc đẩy cả một phong trào sáng tác thơ mới trong dân gian. Trong đó xuất hiện nhiều nhà thơ tên tuổi như Thế Lữ, Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư, Nguyễn Bính, Chế Lan Viên, Hàn Mạc Tử... Những tài năng thơ mới danh tiếng này đã thúc đẩy nền thi ca của dân tộc Việt bước vào những chặng đường mới đầy hoa thơm cỏ lạ... Từ trước đến nay trên thi đàn nước Việt, có lẽ không có nhà thơ Việt Nam nào, sau khi mất đã để lại cho hậu thế bao nhớ thương ngậm ngùi bằng nhà thơ Hàn Mạc Tử, vì qua cuộc sống quá ngắn ngủi của mình, nhà thơ tài hoa nhưng bạc mệnh này đã chỉ có một giấc mộng duy nhất là làm thơ diễn tả và chia sẻ tình thương cho mọi người. Bằng chứng là gần đây nhà xuất bản Đồng Nai tại Việt Nam đã viết: “Không ai nghi ngờ Hàn Mạc Tử là một hiện tượng nổi bật trong Văn học Việt Nam giữa thời kỳ thơ mới xuất hiện. Cho đến nay không ai đếm xuể những con người thuộc mọi tầng lớp, mọi trình độ, đã nghiêng mình kính cẩn trước anh linh Hàn Mạc Tử.

¹ Linh mục Trần Quý Thiện (1928-2012) đã viết bài này nhân kỷ niệm 60 năm Hàn Mạc Tử qua đời, năm 2000.

Người ta cũng không đong được những dòng lệ mà người đời đã nhỏ xuống khóc thương người thi sĩ tài hoa nhưng bạc mệnh này!!”

Hàn Mạc Tử là một nhà thơ Công giáo đầu tiên đã tiên phong đi tìm nguồn cảm hứng sáng tác trong nguồn mạch khả Thánh kinh. Là một thi sĩ Công giáo tài ba ông đã cảm nhận được những nét đẹp của tâm hồn, nhờ đó mới diễn tả hết được hồn thơ trong sáng qua các vần thơ siêu thoát vươn tới Chân Thiện Mỹ. [...]

Để tránh những ngộ nhận, chúng tôi xin thưa đây không phải là một bài viết phê bình thơ Hàn Mạc Tử, nhưng chỉ là một vài nét đan thanh về cuộc đời nhà thơ tài hoa cùng với những suy tư cá nhân, xin được coi như một nén hương kính viếng một thi sĩ không chỉ nổi danh về sự nghiệp thi ca mà còn được nhắc đến qua những mối tình dang dở. [...]

Tưởng niệm nhà thơ Công giáo Hàn Mạc Tử

Trong tác phẩm Danh Nhân Tự Điển (nhà xuất bản Xuân Thu Sài Gòn 1966), Giáo sư Trịnh Văn Thanh sau khi trình bày tiểu sử và thi văn nhà thơ Hàn Mạc Tử đã nhận định: “Nhiều người thường cho Hàn Mạc Tử là một nhà thơ lãng mạn trữ tình. Nhưng đích thực ông là một thiên tài hiếm có trong Phong Trào Thơ Mới Việt Nam... Từ một hiện tại lạnh mạnh, một người trai giang hồ đi ngao du Nam Bắc tới một hiện tại đau ốm, một bệnh nhân phong, một phế nhân nằm yên một chỗ chờ chết, Hàn Mạc Tử đã tìm cho đời mình một hướng đi, một con đường đi vào Vĩnh Cửu.. Lời thơ của Hàn Mạc Tử không phải chỉ là tiếng nói của một con người văn nghệ thời đại, nhưng trên bình diện con người, ông chính là một thi sĩ mà các thế hệ bây giờ cũng như sau này không thể nào quên được”.

Đề cập đến thơ mới Việt Nam, bất cứ một nhà văn học sử nào cũng không thể không nhắc đến Hàn Mạc Tử, vì ông chính là một

tài hoa sáng chói trong thi ca Việt Nam. Cuộc sống của ông chỉ kéo dài 28 xuân xanh nhưng ông đã bắt đầu làm thơ từ năm 14 tuổi. Và sau khi mất đã để lại cho hậu thế những thi phẩm nổi tiếng với những cảm hứng dạt dào tình thương pha lẫn khắc khoải, máu và nước mắt.

Trong hoàn cảnh đất nước nghèo như Việt Nam, rất hiếm có trường hợp chỉ 2 năm sau khi nhà thơ mất, khi nhà phê bình Trần Thanh Mại ra mắt tác phẩm: Hàn Mạc Tử - Thân Thế và Thi Văn (Nxb Rạng Đông Hà Nội 1942 - Nxb Tân Việt Sài Gòn tái bản 1957) là bắt đầu cả một phong trào tìm đọc thơ của Hàn Mạc Tử, nhất là đối với giới trẻ thời đó. Từ đó đến nay, Hàn Mạc Tử vẫn là đề tài được rất nhiều văn sĩ, thi sĩ, nhà phê bình đề cập đến như một chủ đề bất tận! Thời gian qua, biết bao tác phẩm, đặc san, bài báo đã viết về ông, đặc biệt từ năm 1998 đến nay, sau khi cuốn Đi Tìm Chân Dung Hàn Mạc Tử, một công trình sưu khảo công phu giá trị do ông Phạm Xuân Tuyền phát hành. [...]

Những ngày cuối đời của Hàn Mạc Tử

Không một người nào biết rất rõ những gì xảy ra trong 52 ngày cuối đời của nhà thơ Hàn Mạc Tử bằng ông Rôcô Nguyễn Văn Xê. Với nhà thơ, ông là một người đồng bệnh, đồng đạo, một người bạn tri kỷ đã tận tình giúp đỡ hết mình. Sau khi nhà thơ mất, ông được di chuyển vào Nam và mất ngày 8-3-1995 tại trại phong Bến Sắn, xã Khánh Bình, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Trong một cuộc phỏng vấn trước khi mất, ông Nguyễn Văn Xê đã kể cho nhà sưu khảo Nguyễn Xuân Tuyền những chi tiết trong những ngày cuối đời nhà thơ như sau:

“Ngày 20 tháng 9, 1940, Trí nhập trại phong Quy Hòa, thời Mẹ Maria Juetta. Sau ba tuần, nhờ sự chăm sóc tận tụy của các nữ tu

dòng Phan Sinh (Franciscaine), bệnh tình Trí thuyên giảm.. Từ tuần lễ thứ tư, sinh hoạt của Trí đều đều như kinh Nhật Tụng: 5 giờ sáng dậy đi nhà nguyện đọc kinh, sốt sáng dâng lễ, rước lễ - 7 giờ cùng anh em bệnh nhân dùng điểm tâm cháo trắng với đường tán đen - 8 giờ được băng bó, uống thuốc hoặc chuyện vãn với anh em đồng bệnh - 11 giờ cơm trưa rồi nghỉ ngơi - 14 giờ 30 lên nhà nguyện đọc kinh lần hạt đến 17 giờ dùng cơm chiều”. (Trích *Đi Tìm Chân Dung Hàn Mạc Tử*, trg 35).

Có lần Trí còn tâm sự: “Tôi đến Quy Hòa này là nơi có bãi biển, rừng dừa xanh, núi non hùng vĩ, cù lao xanh huyền ảo, đặc biệt là tình người nên tôi được hưởng sự bình an của nội tâm, cái thanh tao của nguồn vui tưởng như đã chết trong tôi khi sống ở Xóm Tấn đây đau khổ, nghèo nàn, cô đơn, không một ai đến an ủi săn sóc dù là người thân quyến”... “Trí là một người rất sùng kính Đức Mẹ Maria, lúc nào cũng cầu xin Đức Mẹ và thứ bảy nào cũng xưng tội”... “Trưa ngày 30-10-1940, khi đọc kinh tại nhà nguyện về, Trí hỏi tôi: Anh Xê có đến La Vang đi kiệu Đức Mẹ lần nào chưa? Trí lộ vẻ mặt buồn buồn nói: Từ ngày có bệnh tôi ao ước có một lần trong đời kính viếng Đức Mẹ La Vang... Lúc này tôi lại càng vô cùng ao ước được quỳ gối dưới chân Mẹ La Vang xin Người tha thứ tội lỗi”... “Suốt hơn một tuần, từ 30-10-1940 đến 7-11-1940, Trí bị bệnh kiệt lực nặng nên mất sức! Đêm ngày 8-11-1940 Trí lấy hai tập giấy pelure, dùng bút chì cùn trong áo veston sáng tác bài thơ cuối cùng La Pureté de l’Âme (Tâm Hồn Thanh Khiết) để ca tụng Đức Maria cùng các bà mẹ dưới đất là thân mẫu và các nữ tu Phan Sinh đã săn sóc Trí. Đây là bút tích cuối đời của Trí”.

“Chiều 9 tháng 11, 1940, Trí xưng tội lúc 16 giờ 30. Sáng ngày 10 tháng 11, 1940, lúc 6 giờ 45 Cha Tuyên Ủy cho Trí chịu phép Xức Dầu bệnh nhân và rước lễ lần cuối.. Đêm đó tôi (ông Xê) trực canh chừng Trí. Mẹ Nhất Juetta và sơ Julienne đến thăm Trí ba lần trong đêm. Lúc ba giờ sáng, sơ Julienne cho biết Trí khó lòng qua khỏi! Thời gian của đêm nay đối với tôi như chùng hẫng xuống. Tôi

nhìn Trí, ngoài những lúc đau bệnh, Trí khi quỳ, lúc ngồi, khi nằm, trên tay lúc nào cũng cầm chuỗi hạt đọc kinh cho đến lúc 5 giờ 45 sáng ngày 11 tháng 11, 1940 thì Trí nhẹ nhàng tắt thở một cách êm ái” (Trích *Đi Tìm Chân Dung Hàn Mạc Tử*, trg 36 - 38).

[...]

Những tác phẩm của Hàn Mạc Tử

Hàn Mạc Tử bắt đầu làm thơ Đường Luật năm 14 tuổi (1926) xướng họa thi ca với anh cả Nguyễn Bá Nhân. Năm 18 tuổi (1930) tham dự bình thơ, thi thơ với nhà chí sĩ Phan Bội Châu, nhưng thực sự mãi tới năm 22 tuổi (1934) khi bước vào làng báo Sài Gòn, phụ trách các nhật báo Sài Gòn, Tân Thời, chủ trương tờ Công Luận Văn Chương, tài năng và hồn thơ của chàng mới phát triển dồi dào và tạo uy tín trong làng thơ làng báo. Hiện nay, người ta ghi nhận Hàn Mạc Tử đã đóng góp cho Văn Học Việt Nam những tác phẩm dưới đây:

- *Lệ Thanh Thi Tập*: Thơ Đường Luật đăng rải rác trên các báo.
- *Gái quê*: Tập thơ mới đầu tay phát hành năm 1936, nhà thơ Phạm Văn Ký viết tựa.
- *Đau thương (Thơ điên)*: phát hành 1937, gồm 50 bài hoàn thành trên giường bệnh.
- *Tập Thơ Mới Xuân như ý*.
- *Tập Thơ Mới Thượng thanh khí*.
- *Kịch Thơ: Cầm châu duyên, Duyên kỳ ngộ và Quần tiên hội* (đang viết dở dang).
- *Chơi Giữa Mùa Trăng (Thơ và Văn Xuôi)*.

Bút tích cuối đời là bài văn viết bằng tiếng Pháp với cây bút chì cùn nhan đề: La Pureté de l'Âme (Tâm Hồn Thanh Khiết) để ca tụng Đức Mẹ Maria và các bà mẹ dưới trần. - Trong cuốn *Đi Tìm Chân Dung Hàn Mạc Tử*, nhà sưu khảo Phạm Xuân Tuyền cho biết: “Khi ông Nguyễn Văn Xê đưa Mẹ Nhất Maria Juetta, người Pháp, đọc bài viết này, Mẹ Juetta nói: Giỏi quá, uống quá, Hàn Mạc Tử là một thiên tài hiếm có! Nhưng Mẹ xin phép tác giả đổi chữ “nénuphars” (hoa súng) thay cho chữ “lotus” (hoa sen) vì cuộc đời tu sĩ của chúng tôi tại đây với các bệnh nhân phong, chính là những bông hoa súng lên xuống theo con nước và bập bênh trôi nổi như mọi vật trong hồ, chứ không dám tự nhận mình như những bông hoa sen gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn”.

Xin ghi lại đây một bài thơ tiêu biểu “Đây Thôn Vỹ Dạ” của Hàn Mạc Tử và mời quý độc giả thưởng thức:

*Sao anh không về chơi thôn Vỹ
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

*Gió theo lối gió mây đường mây
Dòng nước buồn thiu hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay.*

*Mơ khách đường xa khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà.*

(trích Đau Thương, 1939)

Nét Công giáo trong thơ Hàn Mạc Tử

Năm 1942, nhà phê bình Vũ Ngọc Phan, trong bộ Nhà Văn Hiện Đại, tập III, khi nhận định về nhà thơ Hàn Mạc Tử đã viết: “Hàn Mạc Tử có lẽ là người Việt Nam đầu tiên làm thơ ca ngợi Thánh Nữ Đồng Trinh Maria và Chúa Giêsu. Ông ca tụng đạo Công giáo với một giọng rất chân thành. Đây là lần đầu tiên thi ca Việt Nam thấy được một nguồn cảm hứng mới. Tôi dám chắc rồi đây sẽ còn nhiều thi sĩ Việt Nam đi tìm nguồn cảm hứng trong đạo giáo và đưa thi ca Việt Nam vào con đường triết học”.

Nhà nghiên cứu Võ Long Tê, hiện sống tại Canada, trong đoạn kết bài Thi Hào Công giáo Hàn Mạc Tử cũng viết: “Nghiên cứu Hàn Mạc Tử đã dẫn ông đến một kết luận thú vị bất ngờ. Trong Hàn Mạc Tử, không phải chỉ có một tác giả được thừa nhận như một thi hào mà còn có một con người sống với Niềm Tin Công giáo nhiệt thành. Đối với Hàn Mạc Tử, làm thơ là làm người nghĩa là sống đạo”.

Quả thật, với bất cứ ai đọc thơ Hàn Mạc Tử, người ta thấy Đạo đối với ông chính là cứu cánh, là con đường, là Chân Thiện Mỹ tuyệt đối có giá trị vĩnh hằng mà nhân loại mãi mãi tìm kiếm, mãi mãi khắc khoải trong cuộc hành trình vào đời. Với Hàn Mạc Tử, thơ là một nét nghệ thuật cao đi vào chủ nghĩa siêu linh, là cõi xuất thế, là bến trăng sao an toàn cho con người ẩn náu khi sống trong tuyệt vọng khổ đau, trong cô đơn của nhân tình thế thái. Không ai có thể phủ nhận nét Công giáo trong thơ Hàn Mạc Tử, vì chính ông đã mở rộng biên giới thi ca Việt Nam nhờ những sáng tạo độc đáo, mà nền giáo dục Công giáo từ cha mẹ, gia đình, trường Pellerin và gương sống các nữ tu Phan Sinh đã hun đúc hồn thơ của ông. Trong những ngày cuối đời, Hàn Mạc Tử đã sống như một nhà tu thực sự, cuộc sống chìm lặng trong cầu kinh, lời nguyện pha lẫn với những đốn đau do bệnh phong hành hạ. Chính nhà thơ đã thổ lộ: “Trong

những ngày cuối đời, tôi chỉ biết ngâm thơ và cầu nguyện là nhiều hơn cả”.

Hàn Mạc Tử đã sống với thể giới siêu linh một cách tự nhiên đến mức “hư thực làm sao phân biệt nổi”. Nhờ đó thi nhân đã nghe được điều chúng ta không nghe, đã thấy được cái mà mắt trần chúng ta không thấy. Thi nhân đã lặn chìm vào trăng sao, đắm đuối trong êm ả của sông Ngân, tan biến trong Tình Yêu bao la huyền nhiệm của Thượng Đế. Trong trường ca *Đà Lạt trắng mờ*, phải chăng nhạc sĩ Phạm Duy đã nắm bắt được hồn thơ Hàn Mạc Tử. Trong thi phẩm *Đà Lạt trắng mờ* được ông phổ nhạc thành trường ca bất hủ, Phạm Duy đã để cho hát ba lần dòng nhạc: “Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu “với những âm thanh vời vợi mông lung huyền nhiệm. Linh thiêng làm sao một đêm *Đà Lạt trắng mờ* huyền ảo:

*Cả trời say nhuộm một màu trắng
Và cả lòng tôi chẳng nói chẳng rằng
Không một tiếng gì nghe đùng chạm
Đâu là tiếng võ của sao băng.*

Cứ thế, tiếp tục đọc những vần thơ cao sang thanh khiết của Hàn Mạc Tử trong các thi phẩm: *Ra đời, Đằm lạ, Nguồn thơm, Xuân đầu tiên, Đêm xuân cầu nguyện, Ngoài vũ trụ, Vàng trắng...* trong tinh thần tôn giáo, tâm hồn con người sẽ được cất cánh bay cao lên với trăng sao, ngào ngạt hương hoa, mặc dầu thân xác bệnh hoạn, đau thương dồn dập giữa những thăng trầm của cuộc sống.

Thật là một thiếu sót lớn lao, nếu muốn tìm hiểu nét Công giáo trong thơ Hàn Mạc Tử, mà chúng ta quên không đề cập đến thi phẩm bất hủ *Ave Maria* (Kính Chào Maria). Nhà thơ khai bút bằng lời chào mừng trang trọng cung kính Mẹ Maria, Người Nữ Tuyệt Vời

lung linh thánh thiện. Trong kho tàng Nghệ Thuật Công giáo thế giới, biết bao nghệ sĩ, họa sĩ, thi sĩ đã sáng tác muôn vàn tác phẩm với những nét nghệ thuật độc đáo như Michel Ange, Raphael, Fra Angelico, từ thời Phục Hưng đến thời Cận Đại. Người Việt Nam chúng ta tự hào vì với một Hàn Mạc Tử, chúng ta không thua kém với các nghệ sĩ nổi tiếng trên thế giới trong lãnh vực tôn giáo này.

Kỷ niệm một lần gặp nạn trên bờ biển Quy Nhơn, những lời kinh với chuỗi tràng hạt luôn có bên mình, ngay cả niềm đau se buốt khi những ngón tay nhà thơ co rút lại vì bệnh phong, tất cả đã đưa anh đến trạng thái xuất thần khi sáng tác thi phẩm *Ave Maria* đưa hồn anh đi rất xa trong cõi mệnh mộng với các sứ thần thiên quốc. Những chữ viết về nhà thơ Công giáo Hàn Mạc Tử của tác giả bài viết này để tưởng niệm anh sẽ trở thành vô nghĩa, nếu không kính mời quý độc giả đi vào chính thi phẩm bất hủ *Ave Maria*:

*Như song lộc triều nguyên ơn phước cả
Dâng cao dâng thần nhạc sáng hơn trăng
Thơm tho bay cho đến cõi thiên đàng
Huyền diệu biến thành muôn kinh trọng thể
Và Tổng Lãnh Thiên Thần quỳ lạy Mẹ
Tung hô cầu đường hạ ngợp châu sa.
Hương xông lên lời ca ngợi sum hòa
Trí miêu duệ của muôn vì rất thánh.*

.....

Hàn Mạc Tử, một thi nhân, một nhà thơ Công giáo, một tâm hồn thấm nhuần Niềm Tin Công giáo sâu sắc, được nuôi dưỡng bằng kinh nguyện, bằng đời sống nội tâm phong phú thánh thiện, đã khám phá được những chiều kích mới lạ vượt qua những niềm đau bất hạnh mà thi nhân đã trải qua. Càng đọc thi phẩm bất hủ *Ave Maria* càng đưa chúng ta tới bến bờ huyền nhiệm trong thế giới

vô hình. Phải chăng qua đó, nhà thơ đã đi tiên phong trong sứ mệnh trình bày một nền Thần học Á Châu dựa trên những suy tư và văn hóa lâu đời của Á Châu. Dem tôn giáo vào thơ, lấy nguồn cảm hứng thơ trong tôn giáo phải chăng Hàn Mạc Tử đã đi đúng con đường mà sau này Tông Huấn Giáo hội Á Châu đã trình bày. Đây chính là một vinh dự cho Giáo hội Công giáo Việt Nam, vì có một người con đã đóng góp và khai phá một con đường mới trong Văn Học Việt Nam.

Với tác giả bài viết này, từ khi còn theo học ban văn chương tại nhà trường vẫn đặc biệt ngưỡng mộ quý mến nhà thơ Hàn Mạc Tử. Nhưng có một kỷ niệm không bao giờ quên, mặc dầu đã 26 năm nay! Đó là nhân Mùa Đại Lễ Giáng Sinh năm 1974, Phòng Thông Tin Hoa Kỳ Sài Gòn tổ chức một buổi trình diễn đặc biệt Thánh Ca Giáng Sinh tại thính đường Hội Việt Mỹ. Chúng tôi vẫn nhớ mãi khi cố Nhạc sĩ Hải Linh điều khiển Ca đoàn Hồn Nước, với trên 60 ca viên, trình diễn hai trường ca – hai thi phẩm bất hủ của nhà thơ Hàn Mạc Tử: *Ave Maria* do Hải Linh phổ nhạc và *Đà Lạt trắng mờ* của Phạm Duy. Hôm đó cả hội trường đông đảo thính giả ngoại quốc và Việt Nam đã hoàn toàn nín lặng, khi những dòng nhạc hòa lẫn hồn thơ với những âm thanh vời vợi mông lung... đưa lòng người vào một không gian huyền ảo thánh thiện tuyệt diệu... Nhân mùa tưởng niệm 60 năm ngày nhà thơ mất, xin thành kính gửi một nén hương về bên kia thế giới cho nhà thơ tài hoa bạc mệnh của chúng ta.

HÀN MẠC TỬ: ĐỜI VÀ THƠ

NGUYỄN THỊ TUYỆT

Kỷ niệm 100 năm ngày sinh của nhà thơ (22-9-1912 – 2012)

*Hỡi sứ thần Thiên Chúa Gabriel,
Khi Người xuống truyền tin cho Thánh Nữ,
Người có nghe xôn xao muôn tinh tú?
Người có nghe náo động cả muôn trời?
Người có nghe thơ máu nhiệm ra đời...*
(Hàn Mạc Tử, Thánh nữ Đồng Trinh)

Dòng thơ của Hàn Mạc Tử thì say sưa vô tận, bay từ trần thế đến thiên cung, bay từ một tạo vật bé nhỏ bệnh tật đến Chúa Trời sáng láng và Chí Thánh, bay từ hữu hạn đến vô hạn, bay từ khi thiên địa mới *Ra đời* đến ngày chung thẩm cùng tận... Qua nhiều năm tôi đã đọc, hát, nghe nhạc, thưởng thức hợp xướng, xem phim, diễn ca vũ... để cảm nhận thơ Hàn Mạc Tử, nhưng tôi cũng nhận mình bất lực trước một dòng thi văn đi ra *Ngoài vũ trụ* như thế! Tôi đã đọc ít nhiều tác giả viết về tiên sinh thi nhân, và tôi thiết nghĩ hầu như mỗi tác giả cũng chỉ nói lên mỗi cung bậc trong nguồn thơ và hồn thơ bao la vô tận này... tôi cũng đọc những trang Kinh thánh, những lời kinh, có ảnh hưởng tới dòng thơ Đạo cách chung và niềm tin Kitô giáo của tiên sinh.

Nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của thi nhân (ngày 22-9-1912 – 2012), tôi tri ân Thiên Chúa đã ban cho đời một tạo vật, một con người có một nhân cách cao đẹp, một Kitô hữu sốt sắng với một hồn thơ lai láng, tôi xin thấp nén hương tưởng nhớ và vinh danh một người thơ tài hoa, đã từ già cõi đời này khi còn quá trẻ (28 tuổi),

nhưng đã để lại cho trần thế những dòng thơ ướp đầy hương thơm; người viết đây xin mạo muội diễn tả chút đỉnh về Đời, nghệ thuật thơ và chất Đạo trong dòng thơ cầu nguyện của thi nhân, để tỏ lòng mộ mến thán phục. Thế nhưng, tôi cũng cảm thấy đã lạc vào cõi siêu linh, huyền bí, hư hư thực thực, một vũ trụ mênh mông, một hồn thơ siêu thoát đã bay thật, và bay thật xa, thi nhân bay đến với Nguồn Trăng, *Nguồn thơm*, Nguồn Thơ, sống và hợp lấy nguồn *Thượng thanh khí* ngập tràn trong ánh sáng nguyện cầu mà chính tác giả đã thảng thốt:

*“Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu
Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu
Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang”*
(Hàn Mạc Tử, Thánh Nữ Đồng Trinh)

Ước gì những trang viết này cùng thắp lên, đồng rung cảm với bao nhiêu người ái mộ thi nhân trong dịp Kỷ niệm 100 năm ngày sinh (22-9-1912 – 2012), hầu vinh danh nhà thơ Nguyễn Trọng Trí - Hàn Mạc Tử trên thi đàn văn học Việt Nam, dòng thơ văn Kitô giáo và dòng thơ ấy đã trở nên bất diệt, toả sáng, mà thi nhân đã sáng tạo từ hơi thở, huyết mạch, trong hành trình cuộc sống, trong sự nghiệp đời và thơ.

I. CUỘC ĐỜI NHÀ THƠ

1. Thời niên thiếu

Hàn Mạc Tử sinh ra trong một gia đình Công giáo xứ Lệ Mỹ, Quảng Bình vào ngày 22-9-1912. Thân sinh là ông Vinh Sơn Nguyễn Văn Toàn và bà Maria Nguyễn Thị Duy vui mừng nghe tiếng khóc chào đời của người con thứ tư (Nhân - Nghĩa - Lễ - Trí, sau này có thêm Tín và Hiếu). Ba hôm sau, ngày 25-9-1912 tiếng chuông

nhà thờ họ đạo Tam Tòa ngân vang hoà với tiếng sóng biển Đồng Hới chào mừng em bé Phanxicô chịu phép Thanh Tẩy¹. Người đỡ đầu là thầy Phanxicô Thông Hải, thuộc Giáo xứ Tam Tòa, giáo xứ này được thành lập do Linh mục Thừa sai Bonin (MEP), từ năm 1886.²

Thân phụ của Nguyễn Trọng Trí thuộc dòng họ Phạm, ông cố là Phạm Nhường, ông nội là Phạm Bồi, có liên quan quốc sự, chạy trốn vào Thừa Thiên, trú tại làng Thanh Tân, đổi thành họ Nguyễn. Thân mẫu thuộc dòng dõi nổi tiếng, bà là con thứ chín của cụ Ngự y Nguyễn Long dưới triều Vua Tự Đức³. Dòng họ hai bên là những người tốt, ngoan đạo đã thể hiện khả năng phục vụ đất nước trong vai trò của những người công dân hữu ích cho gia đình, xã hội và giáo hội. Trong di sản chung của dòng họ, cậu bé Trí được giáo dục bởi cha mẹ theo niềm tin Kitô giáo, môi trường xứ đạo nề nếp, có tổ chức; Nguyễn Trọng Trí ngoan, sốt sắng, thông minh. Tuổi nhỏ em theo gia đình trên bước đường công vụ của thân phụ, hầu như đó là những vùng đất thiên nhiên chan hoà sóng biển, Sa Kỳ (1920), Quy Nhơn (1922), Bồng Sơn (1922-1923)... Anh chị em trong gia đình có thói quen đi lễ từ sáng sớm. Chiều tối, màn đêm bao phủ không gian, gia đình quây quần đọc kinh, lần chuỗi Mân Côi, trò chuyện. Đây là một điểm son trong các gia đình Công giáo quan tâm đến đời sống đạo, nhờ đó các thành viên trong gia đình gắn bó, yêu thương gần gũi nhau và lớn lên trong đức tin. Tại Quy Nhơn, Cha Thiềng

¹ Sổ Rửa tội tại Giáo xứ Tam Tòa, còn lưu tại Giáo xứ Tam Tòa, giáo phận Đà Nẵng, cuốn số 2 từ số 1905- đến 1914, bằng tiếng Latinh.

² Giáo xứ Mỹ Hương, thuộc giáo phận Bắc Đàng Trong, được dời về Tam Tòa, lập thành giáo xứ Tam Tòa, sau biến cố 1885-1886, bây giờ thuộc giáo phận Vinh từ năm 2000.

³ Nguyễn Bá Tín, *Hàn Mạc Tử, anh tôi*, trang 12-14, in tại xí nghiệp Tân Thành, quận 5, Tp HCM 1992.

thấy cậu bé đĩnh ngộ, tinh khôi, chăm học giáo lý, Ngài muốn đỡ đầu để Nguyễn Trọng Trí đi tu... Nhưng thơ văn mới chính là nghiệp của Trí. Tuy nhiên, đức thanh khiết Công giáo là đóa hoa quý được chú bé Trọng Trí nâng niu, trân trọng, giữ gìn từ niên thiếu cho đến cuối đời, tư tưởng, lời nói luôn ánh lên sự chân thành, đơn sơ. Có thể ví Nguyễn Trọng Trí như đóa hoa kín đáo, từ tốn, sâu lắng và khiêm nhường. Sau này, trong sự nghiệp thi ca, Hàn Mạc Tử đã để lại rất nhiều bài thơ thơm nức mùi đạo hạnh thoát ra từ nội tâm sâu xa và cũng rất đơn thành trong dòng thơ của mình¹

Tháng 7-1926, bệnh viện Huế lặng lẽ mang đi vĩnh viễn người thân phụ quý mến. Biến cố đau buồn đó đã phong kín đời hoa niên của Nguyễn Trọng Trí. Trên đôi vai gầy yếu của mẹ, với trái tim yêu thương, thân mẫu anh can đảm gánh lấy trách nhiệm gia đình, bà giáo dục con cái lưu tâm đến việc học và tương lai của các con.

Niên khoá 1928-1930, bà gửi Nguyễn Trọng Trí ra Huế học trường Pellerin, một trường thuộc dòng Lasan có uy tín ở kinh đô Huế. Các sư huynh Thiện giáo là những bậc thầy có kỹ năng và kinh nghiệm trong việc giáo dục, đào tạo. Môn học giáo lý Công giáo là giờ bắt buộc hàng tuần theo nội quy trường. Cậu không thích học toán, mà chỉ thích môn văn. Nhưng chỉ được hơn một năm sau, cậu thiếu niên Nguyễn Trọng Trí phải trở lại Quy Nhơn với mẹ. Thời gian này, một biến cố in đậm nét suốt đời anh, trong một lần đi tắm biển Quy Nhơn anh suýt chết đuối, sau sự việc ấy, anh Trí thay đổi nhiều. Theo Nguyễn Bá Tín, người em thuật lại: Đức Mẹ Maria đã ra tay nhân từ cứu vớt anh chẳng! Biến cố ghi đậm nét suốt đời anh, và biến đổi anh: “Anh Trí đuối sức bị ngất đi phải nằm ngửa cho sóng đẩy vào bờ. Trông anh sợ hãi khác thường, thần sắc ngơ ngác

¹ Nguyễn Bá Tín, *Hàn Mạc Tử, anh tôi*, sđd, trang 17-19.

như không trông thấy gì nữa. Anh lảm bảm nghe như Đức Mẹ, Đức Mẹ... Tôi tưởng anh cầu nguyện. Trông anh khác lạ đi, nhìn anh tôi càng hoảng sợ... Từ ngày đó, anh không tắm biển nữa, sợ nước, ít hoạt động, nói năng nhỏ nhẹ như có ai nghe. Anh thu mình lại, sống nội tâm, trầm mặc xa vắng”... Anh đã ghi lại những kỷ niệm này bằng những dòng thơ bất hủ, sừng sốt, và cũng rất nồng nàn tha thiết¹.

*“Maria! linh hồn tôi ôn lạnh
Run như run thần tử thấy long nhan
Run như run hơi thở chạm tơ vàng...
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn trời mến”*
(Hàn Mạc Tử, Thánh nữ Đồng Trinh)

Phải chăng Nguyễn Trọng Trí đã thoát hồn ngoài xác? Linh mục Trần Cao Tường qua trang Dũng Lạc, xem: *“Những huyền bí bên kia cõi chết qua hiện tượng Hàn Mạc Tử”* tác giả tìm hiểu và đưa ra trường hợp của Jim:

“Hàn Mạc Tử đã thấy gì hôm đó? Trong “Ánh Sáng Biến Đổi” bác sĩ Morse thuật lại một truyện xảy ra của Jim cũng suýt chết đuối ở bờ biển California y như trường hợp Hàn Mạc Tử, mà ông gọi là “fear death” (chết vì quá sợ):

*“Khi thấy càng bị đẩy xa bờ hơn, tôi quá sợ hãi, và càng đập mạnh hơn. Bỗng tôi thấy mình bay lên trên không khí nhìn xuống tôi đang bơi, giống như có hai cặp mắt cùng nối vào một ốc... Rồi tôi được tràn ngập bởi một nguồn sáng, như mây bao phủ quanh tôi. Tôi thấy thích thú... Bỗng tôi trở lại thân xác tôi. Tôi nghĩ rằng tất cả cảm nghiệm này kéo dài khoảng một phút”.*²

¹ Nguyễn Bá Tín, *Hàn Mạc Tử, anh tôi*, sdd, trang 103.

² LM Nguyễn Cao Tường, trang internet Dũng Lạc.

Ánh sáng trong trường hợp Hàn Mạc Tử ở bờ biển Quy Nhơn được biểu hiện là chính Đức Maria, mà sau này được người em là Nguyễn Bá Tín đã ghi lại như trình bày ở trên, trong bài: *Ave Maria, Thánh Nữ Đồng Trinh Maria*.¹

2. Thành nhân

2.1. Nguyễn Trọng Trí thời niên thiếu theo Nguyễn Bá Tín ghi nhận về người anh của mình: có nhiều đam mê như bắn ná, quyền Anh, bơi lội, đọc sách... Nhưng rồi anh đã già từ chúng rất sớm và vĩnh viễn dừng lại nơi thi văn cho đến lúc người thơ anh hao tàn. Tài năng thơ của Nguyễn Trọng Trí được người anh cả Nguyễn Bá Nhân (hiệu là Mộng Châu) phát hiện từ rất sớm, hai anh em có dịp đối thơ với nhau rất tâm đắc. Khoảng 14-15 tuổi anh đã viết *Chơi giữa mùa trăng* đó là một tác phẩm văn xuôi về thiên nhiên tuyệt vời, hứa hẹn một tài năng đầy triển vọng.

Những năm cả nước hướng về cụ Phan Bội Châu, nhà chí sĩ yêu tự do dân tộc, đang bị Pháp cho lưu trú ở Bến Ngự (Huế). Với *Mộng Du thi xã*, cụ tổ chức những cuộc thi họa thơ trên báo, và bài thơ *Thức khuya* của Phong Trần (bút hiệu của Nguyễn Trọng Trí) đã được cụ khen ngợi, cũng như ước ao “*Hồng Nam Nhạn Bắc*” có ngày gặp nhau, bắt tay cười lớn một tiếng cho hả lòng mong ước... Nguyễn Trọng Trí nổi tiếng vào thời kỳ đó (1930...). Thế nhưng, anh bị gạch tên khỏi danh sách những người đi Pháp du học, do anh đã có những cuộc giao tiếp với nhà chí sĩ họ Phan tại Huế².

Năm 1932, Nguyễn Trọng Trí làm thơ ký tại sở Đạc điền Quy Nhơn, anh thường lui tới hội quán và đọc rất nhiều sách. Anh thân

¹ Nguyễn Bá Tín, *Hàn Mạc Tử, anh tôi*, sđd, trang 103.

² Nguyễn Bá Tín, *Hàn Mạc Tử, anh tôi*, sđd, trang 24-26.

quen và trở nên tâm giao với nhà thơ Quách Tấn, anh lên Đà Lạt văn cảnh với bạn. Thi phẩm “Đà Lạt trắng mờ - Huyền ảo” được sáng tác hứng khởi từ thành phố thơ mộng này. Bài thơ đã được dệt thành nhạc nổi tiếng bởi nhiều nghệ sĩ tài danh. Vào thời gian này, anh cũng được mời làm giám khảo trong một cuộc thi thơ tại trường Quốc Học Quy Nhơn.

Năm 1934-1936, anh vào Sài Gòn làm báo, làm thơ, cuộc đời đem đến cho anh nhiều thành công, tình yêu, bè bạn; nhưng đời không mỉm cười với anh bao nhiêu, cuộc sống của anh đơn nghèo và đơn giản trong thời gian phiêu bạt làm báo tại Sài Gòn.

2.2 Tình yêu: Khi anh nổi tiếng, có nhiều người yêu anh và ái mộ thơ của anh. Thơ phong phú, tình đào hoa, cả hai đều đến với anh một lượt. Anh có nhiều người tình, mỗi tình nào cũng tha thiết diết da, nhưng hình như tình là để trao đổi thơ văn, chứ không đi đến cùng, khi anh bị bệnh anh đau khổ vì bệnh phong nan y, bệnh này trước đây làm cho nhiều người hãi sợ, bị xã hội xa lánh... Người tình Mộng Cầm, người đã từng gắn bó với anh, sang ngang:

*Nhớ thôi lòng những sâu bi
Lệ rơi vào rượu hàng mi lơ đã.*

rồi anh cũng dần dần xa các mối tình khác vì nhiều lý do... như Hoàng Cúc, Mai Đình, Thương Thương, ... Anh ước mơ người đẹp kín đáo, cổ điển: “*kính nhi viễn chi*” hay “*thư trung hữu mỹ nữ*”. Mối tình đầu của anh với Hoàng Hoa, rất đẹp, rất nên thơ, nhưng đã không vượt qua được vì vấn đề “*lễ giáo*” ...

*Mà anh hay em trong tim đều rạn
Dầu chôn sâu hình ảnh một người mơ.*
(Hàn Mạc Tử, Đời ta)

*Khăn áo hôm nay tề chỉnh quá.
Muốn ôm hôn cúc ở trong sương.*
(Hàn Mạc Tử, Hồn Cúc)

Những năm làm báo tại Sài Gòn, sống tự do phóng khoáng, xa gia đình; bè bạn muốn lôi kéo anh vào lối sống dễ dãi ăn chơi nơi đô thị phồn hoa. Trong thời gian này không ít câu thơ của anh mang tính nghệ thuật tả chân, thật tài tình:

*Vô tình để gió hôn lên má
Bẽn lẽn làm sao lúc nửa đêm
Em sợ lang quân em biết được
Nghĩ ngờ đến cái tiết trinh em*
(Hàn Mạc Tử, Bẽn lẽn)

Những dòng thơ dè dặt, giữ khoảng cách với những gì trải ra trước mắt, nhiều câu thơ diễn tả sự giằng co nội tâm với những mối tình:

*Vườn chới lọi thì tình yêu phải ngợp
Tiết trinh còn, em phúc hậu hơn thơ
Tôi nín lặng âu là tôi mắc cỡ. . .*
(Hàn Mạc Tử, Dấu tích)

Những người yêu đến với anh, với hương nồng tình yêu mời gọi... Thế nhưng anh “không” vào được, nhà thơ thật thà viết:

*Hồn tôi mắc cỡ là vì
Không quen thưởng thức cái gì ngất ngây.*
(Hàn Mạc Tử, Say nắng)

hay: *Tôi không muốn gặp người tôi yêu,
Có lẽ vì tôi mắc cỡ nhiều...*
(Hàn Mạc Tử, Tôi không muốn gặp)

Anh không theo kịp mối tình Mộng Cầm, người con gái mới, một phần khác vì anh “sợ phạm tội”, bởi con người anh, tư tưởng anh rất miễn cảm trước các ân huệ của Chúa và sợ làm mất lòng Chúa... Trước đây 50 hay 60 năm, Việt Nam ta ở trong nền văn hoá Đông Phương, lễ giáo nghiêm khắc, kín đáo, e dè, vấn đề tính dục và phái tính ít được bàn đến, ngay đến các nhà giáo dục, bậc phụ huynh cũng tìm cách tránh né, nam nữ giao thiệp với nhau vẫn giữ khoảng cách tế nhị “*nam nữ thụ thụ bất thân*”, kính trọng, thuần phong mỹ tục luôn được đề cao. Tuổi thanh niên lao vào hoạt động, Hàn Mạc Tử sống xa gia đình, lại nhiều bè bạn, môi trường sống tự do rộng rãi, nếu anh không có một căn bản giáo dục vững chắc từ đời sống gia đình Kitô giáo lúc tuổi còn thơ, thì những chao đảo có thể khiến anh “trở thành kẻ đói khát tình dục mà hậu quả khó có thể đo lường được”¹. Mối tình của anh với Mộng Cầm say đắm thiết tha, khi đã chia tay nhau thì thật khổ lụy, anh Trí thất vọng, mặc cảm, cô đơn và tràn xót xa: Thương nhớ về một tình yêu đổ vỡ, lời thơ đau khổ rơi nước mắt:

*Trời ơi, bao giờ tôi chết đi?
Bao giờ tôi hết được yêu vì,
Bao giờ mặt nhật tan thành máu
Và khối lòng tôi cứng tựa si.*
(Hàn Mạc Tử, Những giọt lệ)

*Ta lau nước mắt, mắt không ráo
Ta lấy tình nương rửa biệt ly.*
(Hàn Mạc Tử, Tinh Thu)

Mặc dầu giữa anh và Mộng Cầm có tình yêu tha thiết, đã có những buổi hò hẹn khá lãng mạn, anh đi khứ hồi từ Sài Gòn ra

¹ Nguyễn Bá Tín, *Hàn Mạc Tử, anh tôi*, sdd, trang 103.

Phan Thiết để gặp Mộng Cầm... rồi cũng không đi đến đâu, mà trái lại đã làm anh thêm đau khổ sâu buồn và đắng cay, anh ghi lại:

*Hỡi Phan Thiết, Phan Thiết,
Mi là nơi ta chôn hận nghìn thu
Mi là nơi ta sầu muộn ngất ngư...*
(Hàn Mạc Tử, Phan Thiết)

Mối tình đẹp, nhiều kỷ niệm nên thơ, say đắm, nhưng sau này Mộng Cầm cũng xác nhận: “*Chúng tôi rất mến nhau. Nhưng đó là mối tình thơ văn, còn xác thật thì hoàn toàn không nghĩ tới, cha mẹ đã cho giao thiệp tự do, chúng tôi phải giữ gìn cho xứng đáng*”.¹

Một trang thanh niên tài hoa, thơ văn dào dạt, tình yêu nồng thắm, cuộc sống phóng khoáng tự do, nhưng một đường ranh vô hình nào đó, một động lực vô hình nào đó đã giữ gìn áp yêu vây bọc anh, để anh không rơi vào tình trạng sa đoạ hoặc buông thả. Phải chăng, anh xứng đáng với cái tên rất đẹp, rất thơ mà Nguyễn Thụy Kha viết về anh qua một tác phẩm với tựa đề: “Hàn Mạc Tử, Thi sĩ Đồng Trinh”²

2.3. Những người bạn: Với bạn bè anh cởi mở, thân mật, chan hoà chia sẻ những gì anh có, vật chất lẫn tinh thần. Anh nhận mình là nhà thơ nghèo, thanh bạch, đồ đệ Mặc Dịch³. Hàn Mạc Tử là người có sức quy tụ, liên kết và thắt chặt tình bằng hữu giữa các bạn thơ, bạn đồng liêu; anh sống chân thành, tuy anh đã sớm già từ thể trần này nhưng vị trí anh không mờ nhạt trong tâm hồn các bạn. Có chút gì hoặc tiền lương ít ỏi hằng tháng anh chia sẻ với bạn bè cách chan hoà, vô vị lợi. Nhóm bạn anh đã sống tình bạn đậm đà

¹ Châu Hải Kỳ, *Xin tỏ chút lòng để tạ lỗi xưa*. Văn 1967, tập II, trang 77.

² Nguyễn Thụy Kha, *Thi sĩ Đồng Trinh*, Nxb Đà Nẵng 1993.

³ Mặc Dịch (khoảng năm 450-400): Đại triết gia Trung Hoa, lập Mặc Giáo kiêm ái: tất cả thiên hạ đều yêu thương nhau như anh em.

theo tinh thần Khổng Tử; “người quân tử nhờ văn chương học vấn mà hội họp bạn bè và nhờ bạn bè mà tiến lên đức nhân - *Quân tử dĩ văn hội hữu, dĩ hữu phụ nhân*”. Những tâm hồn thiện chí. những tài năng sáng tạo, bạn bè cảm thông nhau “tri âm - tri kỷ”, trung thành hoà nhập, thuỷ chung liên kết, giúp nhau tiến lên trên đường thi văn, sự nghiệp. Bây giờ, nhóm thơ Bình Định hay nhóm “Tứ Linh” trong họ đã lần lượt ra đi hết: (Hàn Mạc Tử-1940, Chế Lan Viên-1989, Quách Tấn-1992, Yến Lan-1998)..., nhưng hương thơm bè bạn giữa họ vẫn vẫn vây bọc lấy nhau, đến nỗi khi nhắc đến một người trong họ, ta lại liên tưởng đến mối tình quý hiếm bất diệt của nhóm thơ đó. Thế nhưng, khi anh biết mình phát bệnh, anh đau khổ lẩn tránh bạn bè, sợ làm phiền, và mặc cảm... chính vì vậy mà anh rất cô đơn. Anh cô đơn không chỉ vì bệnh và vì thiếu bạn (thơ), xa người thân, trong thời gian phải trốn lánh chỗ này sang chỗ kia.

Sao triu mến thân yêu dẫu vắng cả

Trơ vơ buồn và không biết kêu ai?

(Hàn Mạc Tử, Biệt ly)

Về sau, qua trao đổi thư từ, khi nhận được thư hay sự giúp đỡ của bạn thì anh rất vui, cái vui hồn nhiên, bộc lộ cách đơn sơ, chia sẻ buồn vui chân tình. Như khi phải nhận sự giúp đỡ của Quách Tấn, anh thấy khó xử, viết thư hỏi ý bạn là Trần Thanh Địch. Khi Quách Tấn gửi tiền để làm thuốc tể, anh cũng vui mừng tin cho bạn hay ¹.

Bạn bè chiếm một chỗ đứng rất quan trọng trong cuộc đời của anh. Anh cần bạn để tri kỷ và để trao gửi niềm bí ẩn. Anh sống không thể không có bạn! Thật vậy, tình bạn của anh được đáp trả... Sau khi anh qua đời, những số báo **Người Mới** cuối năm 1940, bạn bè anh đã viết những vãn thơ, những tâm tình ca ngợi và mến tiếc

¹ Trần Thanh Mại, *Hàn Mạc Tử*, Tân Việt xb, Nha Thông Tin Nam phần VN, in lần 3, 1957.

anh, những cảm xúc, những lời khen tặng chân thành, khóc người bạn quý thương. TRÍ, Hàn Mạc Tử vẫn xưng hô cách thân mật với bạn bè như thế. Hàn Mạc Tử chính là kho báu của mối tình bạn đậm đà keo sơn trong nhóm họ.

3. Bệnh và qua đời

3.1. Hàn Mạc Tử bị bệnh vào năm 1936, lúc còn quá trẻ, mới 24 xuân. Thời gian đầu chưa phát hiện là bệnh gì, gia đình, nhất là người mẹ đã hết sức tận tình chăm chút con, nghe đâu có thầy hay thuốc tốt, bà đều đem con đến, nhưng chỉ gặp tia hy vọng rất mỏng manh, anh buồn phiền, hoảng hốt, tinh thần chao đảo, tiêu tụy, đau nhức, anh rên siết:

Tôi đã cấu đã cào nhai ngấu nghiến!

Thịt da tôi sượng sần và tê điếng

Tôi đau vì rừng rợn đến vô biên ...

(Hàn Mạc Tử, Hồn là ai)

Do việc chạy chữa, anh phải di chuyển, lánh đi từ chỗ này sang chỗ khác (1937-1939). Tâm trạng anh biến đổi qua thơ văn, nửa mơ nửa thực, khi đau đớn, lúc như xuất thần, làm thơ hay đọc kinh, cô liêu trên bãi vắng, đơn độc trong thôn xóm quạnh hiu, hay tủi thảm trong canh khuya lúc cả nhà đã yên giấc, anh đã hoảng sợ, như có hình ảnh ma quái chết chóc bám sát anh:

Chao ôi! ghê quá! ôi ghê quá!

Cảm thấy, hồn tôi ớn lạnh rồi!

Càng về sau, mặc dầu đang ở trong biển sầu đắng đó, nhưng anh đã gặp lại được chiếc phao niềm tin, ánh sáng của vàng trắng dịu dàng anh vẫn say mê đang dìu anh êm êm lướt sóng, bình an và thanh thản, những cơn đau đã làm anh có cơ hội tiến sâu vào lãnh vực siêu thực mà chỉ mình anh mới cảm nhận được... Bài *Chơi giữa*

mùa trăng là con đường được mở ra từ “trong ánh sương mờ” anh chệnh choáng đi tìm “Con trăng lạc”. Hạnh phúc, sức khỏe, sự nghiệp không còn ở trong tầm tay với, nhưng thật sự anh đã bước một bước mạo hiểm... vào xứ tràn ngập gió mây mà “không trào nước mắt, không thấm thê buồn” vì anh “đã nhập hồn mình trong khúc hát để nhờ không khí đẩy lên trăng”.

3.2. Yêu mến Đức Maria - Mẹ đồng trinh: Bài *Ave Maria* – hay *Thánh Nữ Đồng Trinh Maria*, bài tụng thi dài nhất trong dòng thơ của anh. Đức Maria đã vào đời anh như một vầng trăng tuyệt vời, là Nguồn trăng dịu dàng đã dìu anh đi trên giông bão cuộc đời anh. Chính anh muốn “Cho tình tôi nguyên vẹn tợ trăng rằm” để thơ anh tinh tuyền dâng Mẹ đồng trinh. Những người bạn nghe Hàn Mạc Tử ngâm lên bài *Ave Maria* thì hầu như thấy anh, ở một trạng thái mê, xuất thần.

Những năm cuối đời, nhất là lúc đã phát bệnh, đau đớn tột cùng, nhưng dần dần anh đón nhận bệnh hoạn, kiên trì chạy chữa, hy vọng rồi thất vọng, lành bệnh chỉ là mong manh... Anh đón nhận ý Chúa, lãnh lấy thập giá, cơn đau bệnh hoạn, thông phần vào ơn cứu rỗi đời mình trong kiên vững của niềm tin. “*Thấy anh thích nguyện ngắm, tôi trao cho anh tập sách nhỏ tựa đề: “Imitation de Jésus Christ” của Linh mục Lamennais, anh vui mừng như bắt được của, nhất là khi đọc câu: “Dieu seul sait le temps et la manière de vous délivrer”, anh hớn hỡ lạ thường. Anh nói: Đúng rồi, chỉ có Chúa mới biết được lúc nào và bằng cách nào để giải thoát cho con. Từ đó, anh gia tâm cầu nguyện gắn bó tha thiết hơn*”.¹

Tràng chuỗi Mân Côi luôn có bên mình, anh kín đáo để tay

¹ Nguyễn Bá Tín, *Hàn Mạc Tử trong riêng tư*, trang 91, Nhà in Tuần báo Văn nghệ Tp HCM, xb năm 1994.

trong túi áo mà lần hạt, đọc kinh hay ngâm thơ, lần hạt mỗi ngày nhiều lần. Phải chăng, niềm hy vọng, nguồn trợ lực của anh chính là Đức Trinh Nữ Maria, tràng hạt Mân Côi trong túi áo, mân mê nơi bàn tay co quắp, nhắc nhở người bệnh là con của Mẹ Maria, dâng “chuỗi ngọc” để yêu mến Người, cảm tạ Người... bàn tay khô khăng đau đớn ấy có nhiều lúc cũng đã không giữ được tràng chuỗi!

Bài *Ave Maria* là bài thơ ưng ý nhất của anh, lời kinh *Ave Maria* chào kính Mẹ Việt Nam, do anh sáng tác để tỏ lòng ngưỡng mộ mến yêu Mẹ với chuỗi hạt kinh lần, là chuỗi ngọc vàng kinh, bằng Sao Mai chói rạng... Bài thơ dài nhất trong thi phẩm thơ của anh mở đầu: “*Như Song lộc triều nguyên ơn phước*”, rất trang trọng, uy nghi, cho đến Mầu nhiệm trọng đại trong cuộc đời Mẹ: biến cố Nhập Thể - Ra đời rất trọng vọng và kết thúc bằng: “*Nguồn thiêng liêng yêu chuộng Mẹ Sầu Bi*”. Khi nói đến Mẹ Sầu Bi thì người Kitô giáo nghĩ ngay đến giờ phút Mẹ lặng đứng dưới chân Thánh Giá dâng Chúa Giêsu Con Mẹ làm của lễ chuộc tội thế nhân. Anh đã suy niệm cách sâu sắc trong thâm lặng yêu mến về cuộc đời của Mẹ Maria để có thể viết lên những tâm tình trong trắng, sáng láng “*Bằng Tràng hạt bằng Sao Mai chiếu rạng*” như thế!

Năm 1940. Ngày 29-9-1940, anh vào trại phong Quy Hoà (Quy Nhơn, Bình Định), anh thâm tín cách sâu xa: “*đều là vâng theo thánh ý cả*”. Anh sống ở đây chỉ hơn hai tháng. Anh rất bình an, hạnh phúc, cảnh trời biển bao la tĩnh lặng, hợp với người thơ của anh. Mỗi ngày đọc kinh và cầu Minh Thánh Chúa vào buổi chiều, hạnh phúc lãnh nhận Bí tích Thánh Thể mỗi tuần vài lần, tâm hồn anh lâng lâng cảm động, anh đã viết những vần thơ sốt sắng:

*Đây tất cả, hồi ôi, Minh Thánh Chúa,
Của tế lễ là nguồn thương chan chứa
Đáng trọng thiêng và rất đáng mong ơn.*

*Lý tao rằng đàn ngọc cũng theo đờn
Bồi đạo hạnh rung muôn dây tình cảm.*
(Hàn Mạc Tử, Say thơ)

Bình an trong ân sủng và niềm tin, anh vui vẻ sống chan hoà với những người đồng bệnh, biết ơn đối với những nữ tu săn sóc anh. Anh nhớ bạn bè và nhất là người mẹ đang đau khổ cùng đứa con yếu đuối bệnh hoạn này... Anh an tĩnh chuẩn bị hành trình về “*Nước Cha cả có vô vàn châu báu*”, anh gieo vào bạn bè ý tưởng siêu thoát rất thơ và cũng là chân lý, chết: “*đó là ngưỡng cửa phải bước qua để đi vào cõi vĩnh hằng*”. Như linh cảm mình không còn sống được bao lâu trong thung lũng sầu đau này nữa, trước khi chết anh đã viết cho mẹ dòng thư dứt ruột qua (Thủ bút):

*“A maman de Quy Nhơn.
Viết mấy hàng chữ này để lay từ tạ mẹ. Con bất hiếu. Trí”*

Anh tin rằng anh sẽ về neo Bến Hằng Sống, cuộc hành trình tuy gần mà xa, xa mà gần, anh xin những người xung quanh cầu nguyện; lạc quan tin tưởng phó dâng vào tình yêu Thiên Chúa. Bài “*La Pureté de l’âme*”, ca tụng những thiên thần trần thế, những nữ tu Dòng Phanxicô đang phục vụ trong bệnh viện phong, bài thơ ngập trong điệu nhạc và hương hoa, anh viết những tâm tình chân thành tự đáy lòng, tràn ngập sự biết ơn và nhận ra được những ân huệ mà anh và những người đồng bệnh đón nhận mỗi ngày qua các “*thiên thần hữu hình*” thánh thiện đó. Niềm tri ân được bộc lộ, tràn lên trang giấy đã úa màu trong thể trạng bệnh tật, nơi ở là chốn cách ly với thế giới “*người lành*”...¹ Lời tri ân trong bài viết ấy, anh

¹ “*người lành*”: Bên ngoài khu điều trị bệnh phong Quy Hòa, phía Tây- Nam, có một ngôi làng nhỏ, dành cho những người không nhiễm bệnh, gọi là người lành (tác giả)

biểu tỏ một nhân cách trưởng thành phong phú; đón nhận ơn trời, cuộc sống; nhìn thẳng đau khổ và chấp nhận cái chết với ánh sáng niềm tin Kitô giáo soi. Chết chưa là tận cùng mà là khởi đầu vinh quang là cánh cửa mở vào sự sống thiên thu, vĩnh hằng.

Đời, Đạo và Niềm tin trong người thơ Hàn Mạc Tử là một, hoà nhập thành thân thể máu huyết... Hơi thở của anh cũng là thơ văn, là lời cầu nguyện, là đức tin. Đức tin đã ướp vào trang thơ, chấp cánh cho nghệ thuật, tạo nên vẻ đẹp trong thơ anh. Anh lặn chìm vào Đạo như cá nhorrn nhorr trong nước, tan biến như hạt muối hoà vào đại dương. Những ngày cuối đời anh, anh phải bị kiết lỵ, thân thể tiêu tụy, kiệt sức cho đến khi “hồn lìa xác”. Ngày nay, các bác sĩ đưa ra nhận xét, bệnh nhân Nguyễn Trọng Trí có thể đã không chết vì bệnh phong (!). “Anh ấy bị nội tạng hư hỏng. Các “độc tố” mạnh... do các thầy lang bảmm đã giết anh”(Ces charlatans l’ont tué)¹. Sau này, có dịp đi thực tế tại khu điều trị bệnh phong Quy Hoà (1993), bác sĩ Phan Cao Toại, đang làm việc tại đó, cũng có nêu ý kiến như trên: “Hàn Mạc Tử không chết vì bệnh phong!”²

3.3 Qua đời: Ngày 11-11-1940 chuông nguyện thánh đường của khu điều trị bệnh phong Quy Hoà rơi từng giọt buồn đưa tiễn linh hồn anh. Anh được chôn cất giữa những người đồng bệnh. Cây thánh giá gỗ khiêm tốn phủ bóng lên ngôi mộ anh. Anh nằm đó như hạt lúa gieo vào lòng đất đợi ngày trở sinh bông hạt. Thế là Phượng Hoàng - Hàn Mạc Tử đã bay, bay vào Mùa Xuân bất tận mà anh đã từng chiêm ngưỡng trong những phút xuất thần.

Năm 1959, gia đình anh đã đến nghĩa trang bệnh viện phong Quy Hoà, lấy hài cốt, đưa anh lên Ghềnh Ráng, đặt mộ thi nhân

¹ Nguyễn Bá Tín, *Hàn Mạc Tử anh tôi*, Sđd, trang 134.

² Ý kiến này thuộc lãnh vực y khoa, không dám lạm bàn (Tác giả).

trên cao đó, nhìn ra biển đông... trên mộ thi nhân, hình ảnh Đức Mẹ ban ơn đưa tay che chở anh, ảnh thánh Maria mà anh ước ao lúc còn sống¹.

II. SỰ NGHIỆP THƠ CỦA HÀN MẠC TỬ

Nhiều tên hiệu, bút danh: Minh Duệ Thị, Lệ Thanh, Phong Trần, cuối cùng là Hàn Mạc Tử.

- Nhiều bài Thơ Đường luật
- *Lệ Thanh thi tập*
- *Chơi giữa mùa trăng*
- 1930: Xuất bản tập thơ đầu tiên: *Gái quê*
- 1937: *Thơ điên*
- 1939: *Xuân như ý*
- 1940: *Thượng thanh khí*
- *Cảm châu duyên*, hai kịch thơ *Duyên kỳ ngộ* và *Quần tiên hội* (sau này *Đơn Phương*- cũng là một bệnh nhân phong đã viết tiếp và hoàn tất hai tác phẩm đó rất thành công)
- Viết trên các báo: Phụ nữ Tân văn -Thực nghiệp Dân báo - Sài Gòn - Công luận văn chương - Người Mới - Tân thời- Trong khuê phòng, với nhiều đề tài khác nhau...
- Nhiều bài giới thiệu thơ bằng văn xuôi của các bạn trong Nhóm Thơ Bình Định.

Thơ và các bài viết của Hàn Mạc Tử luôn là những nguồn thơ sâu sắc, thấm đẫm tình quê, tình yêu, tình bạn, thơ đời, thơ đạo...

¹ Nguyễn Bá Tín, *Hàn Mạc Tử, anh tôi*, sdd, trang 135.

được sáng tạo, bằng Máu và Hồn, Đời và Đạo, Đau khổ và Hạnh Phúc, Gian nan và Siêu thoát, Hữu hạn và Vô biên....

Hàn Mạc Tử luôn là vấn đề được đặt ra cho những người muốn tìm hiểu, nghiên cứu về một dòng thơ lạ lấp lánh cái Đẹp như trăng sao tinh tú, cái Đẹp của Chân -Thiện - Mỹ đáng tìm kiếm và ước mơ.

Theo Linh mục thi sĩ Trăng Thập Tự, tôi viết tặng thi nhân vãn thơ mọn khi thi nhân đã được tôn vinh trong dòng thơ dân tộc, dịp Kỷ niệm 100 năm ngày Phanxicô Nguyễn Trọng Trí - Hàn Mạc Tử để thi nhân có thể mỉm cười tươi thắm khi thi nhân đã đi vào quê hương Bình An, có vô vàn châu báu mà thi nhân đã bao lần ngưỡng vọng.

*Hàn Mạc Tử “con trăng nằm yên nghỉ,
Vàng dương lên trắng theo gió hiển linh”
Phượng Trì dài lung linh hình dáng Mẹ
Hồn thơ say nếp áo Mẹ Đồng Trinh.*

KINH NGHIỆM THƠ VÀ HÀNH TRÌNH TINH THẦN CỦA HÀN MẠC TỬ¹

VÕ LONG TÊ

Nghệ thuật và đức tin

Nhìn qua sự nghiệp hùng hậu vì đa dạng và phong phú của Hàn Mạc Tử, chúng ta đã thoáng thấy nhiều phương diện đáng chú ý của một hoạt động sáng tạo tràn trề. Nó thể hiện trong một vận động biện chứng qua đó thiên tài Hàn Mạc Tử tự khẳng định bằng cách tự vượt, lúc trải qua những chặng đường khổ nạn của đời mình.

Chúng ta nên nhấn mạnh sự phân thân bi đát giữa một bên là những cảm dỗ của nghệ thuật tự phong là thần linh sáng tạo² khiến Hàn Mạc Tử sống như một nhà thơ và một bên là những yêu cầu cơ bản của đức tin đòi Hàn Mạc Tử sống như là tín hữu Công giáo.

Bước đầu của một thi học mới

Phong trào “thơ mới” biểu thị chân tương thi ca Việt Nam hiện đại tự xác định bằng cách bỏ thi pháp truyền thống và tìm kiếm những hình thức vận-luật-học mới xét là thích nghi hơn với đà tiến của thơ, lôi cuốn thế hệ trẻ đến những chân trời mới. Bài thơ

¹ Đây là phần II và III của thiên khảo luận bằng tiếng Pháp *L'Expérience poétique et l'itinéraire spirituel de Hàn Mạc Tử*, đăng trong tập san Bulletin de la Société des Études Indochinoises (Sài Gòn, loại mới bộ XLVII, số 4, quý 4 năm 1972, trang 567-632) và đồng thời in riêng thành sách (Nxb La Voie Nouvelle, Paris tái bản, 1985).

² Dịch từ ngữ *art démiurgique*: tính từ này gốc danh từ *démiurge* (Hy Lạp: *démiourgos*) tên thần linh sáng tạo trong triết học Platon.

Tình già của Phan Khôi, công bố năm 1932, được kể là đại công trình đầu tiên của cuộc cách mạng văn học ấy.

Hàn Mạc Tử chính thức gia nhập phong trào “thơ mới” năm 1936 với tập *Gái quê*. Nhưng trong những bài thơ thể cách cổ điển mà Hàn Mạc Tử đã sáng tác thuở thiếu niên và trong số có những bài làm trước bài *Tình già*, chúng ta cảm nghiệm đã có mối rung động mới biểu thị chân tướng của những nhà canh tân thi học Việt Nam. Nhà thơ Quách Tấn tán thưởng nỗ lực đổi mới thi pháp truyền thống ấy và trở nên bạn thân của Hàn Mạc Tử. Chí sĩ Phan Bội Châu cũng tán thưởng, xem ba bài thơ cổ điển *Thức khuya*, *Chùa hoang* và *Gái ở chùa* của nhà văn trẻ tuổi ấy như là những tác phẩm thành công rực rỡ. Bài bát cú *Thức khuya* có song cú viện dẫn sau đây, vang vọng âm hưởng nhục – cảm đập ý xiêu lòng:

*“Bóng nguyệt leo song rờ rẫm gối,
Gió thu lọt cửa cọ mài chăn”*

Giọng điệu cổ tình táo bạo của phép nhân hóa càng nhấn mạnh thêm trong tập *Gái quê*, như đoạn thơ sau đây của bài *Bên lễn* chứng tỏ:

*“Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả lơi.
Hoa lá ngây tình không muốn động,
Lòng em hồi hộp, chị Hằng ơi!”*
(Câu 1-4)

Đấy là một lối giải tỏa ẩn ức bằng ngôn từ, chứ không phải là văn chương kích dục. Được giáo dục từ thời thơ ấu theo những yêu cầu đạo đức học Công giáo, Hàn Mạc Tử sống khiết tịnh và giữ mình không sa ngã vào cảnh trụy lạc xác thân. Về vấn đề này, chúng ta có chứng từ của nhà văn Hoàng Trọng Miên từng sống

chung với Hàn Mạc Tử thuở lưu ngụ Sài Gòn trong một thứ nhà trọ thiết trí ở tầng lầu căn nhà số 107 đường Espagne, nay là đường Lê Thánh Tôn. Trong bài *Những ngày sống chung với Hàn Mạc Tử ở Sài Gòn*¹, Hoàng Trọng Miên thuật rằng nhà thơ từ chối không hề tới lui các nhà gái điếm và cây liễu miêu tả trong bài thơ *Bên lên* chỉ là sự chuyển hóa nên thơ của cây me nhìn từ cửa sổ nhà trọ.

Gái quê là một đóng góp thiết yếu vào thi học mới mà vẫn còn trung thành với phần sống động trong vận luật học cổ điển. Cái mới trong *Gái quê* là ở một thị hiếu nào đó nhuộm màu huyền nhiệm và hướng tâm vào những thực tại buồn thảm của đời sống. Về điểm này, xin viện dẫn bài thơ *Tình quê* mà thể cách cổ điển thích nghi cách tài tình với nỗi buồn nhớ quê hương và hoài niệm đau thương một mối tình thơ mộng dở dang (...).

Khảo sát thơ trong tập *Gái quê* vốn có quan hệ thân tộc với thơ cổ điển mà Hàn Mạc Tử sáng tác thuở mới bước vào đời thơ, chúng ta thấy toát ra một quan niệm thơ mà đặc trưng là lựa chọn những ảnh tượng gợi cảm và phối trí những yếu tố âm nhạc của ngôn ngữ không phải tuân theo quy tắc nghiêm ngặt của thi pháp cũ nhưng phải tùy thuộc cảm hứng đòi phải sản sinh ra một hình thức riêng biệt cho mỗi sáng tác.

Với *Gái quê*, nhà thơ còn ở giai đoạn mà Kierkegaard gọi là “giai đoạn thẩm mỹ”, nghĩa là giai đoạn cảm giác thuần túy. Một thứ thỏa thích xu hướng lãng mạn không che dấu và xét ra cũng là

¹ Hoàng Trọng Miên: *Những ngày sống chung với Hàn Mạc Tử ở Sài Gòn*, đăng tạp chí *Văn* (Sài Gòn) số 73-74, ngày 7-11-1967, tr. 13-20. Về số nhà trọ, tác giả nhớ là 162, nếu vậy thì không thể nhìn qua cửa sổ mà thấy “Những cành me xanh mượt lá ngọn... kế cận Khám lớn Sài Gòn”. Chúng tôi điều chỉnh là số 107 theo Trần Thanh Mại, *Hàn Mạc Tử*, NXB Huế, 1941, tr. 44).

thỏa thích chung cho các nhà thơ thế hệ Hàn Mạc Tử, đã không làm cho vũ trụ *Gái quê* linh hoạt theo đà hứng cảm huyền bí. Người tín hữu Công giáo sống đạo ấy mãi về sau mới trở nên nhà thơ Công giáo, sau khi đi trọn một đoạn đường đau thương và có một nhận thức do ân sủng thúc đẩy.

Trong đêm tối đức tin

Nhiều biến cố bi đát thử thách đức tin của nhà thơ. Một chứng bệnh nan y, một tuổi thanh xuân bị tước đoạt hết mọi hy vọng tươi đẹp nhất, viễn tưởng một cái chết gần kề, đó là những yếu tố của một thực tại nghiệt ngã cấu thành một chất liệu dồi dào cho trí tưởng tượng sáng tạo của nhà thơ. Ngổ lời cùng nữ sĩ Mai Đình, một người trong đông đảo nữ nhân ái mộ mình, Hàn Mạc Tử đã thú nhận cơn điên đại và mối thất vọng của mình trong bài thơ *Lưu luyến*:

*Tôi điên tôi nói như người đại,
Van lạy không gian xóa những ngày...
(câu 19-20 trong tập Đau thương)*

Lời thú nhận này là lời nhà thơ tự nhận định về thi học của tập *Đau thương*, một thi học đã trình bày trong bài thơ *Rướm máu*:

*Tôi muốn hồn trào ra đầu ngọn bút
Mỗi lời thơ đều dính não cân ta.
Bao nét chữ quay cuồng trong máu vọt
Cho mê man chết điếng cả làn da.
Cứ để ta ngất ngư trong vũng huyết,
Trái niềm đau trên mảnh giấy mong manh.
Đừng nắm lại nguồn thơ ta đang siết
Cả lòng ai trong mớ chữ rung rinh.
Ta đã ngâm hương trắng đầy lỗ miệng
Cho ngậy người tê dại đến tâm can,*

*Thét chòm sao hoảng rơi vào đáy giếng
Và muôn năm rướm máu trong không gian.¹*

Xúc động biết bao khi nghĩ đến những cơn khủng hoảng đau thương trong đó nhà thơ chỉ có cái chết là niềm an ủi tối thượng. Bài thơ *Những giọt lệ* có một đoạn báng bổ lộng ngôn, xin viện dẫn ra đây:

*“Trời hỡi! Bao giờ tôi chết đi?
Bao giờ tôi hết được yêu vì?
Bao giờ mặt nhật tan thành máu
Và khối lòng tôi cứng tợ si?
(câu 1-4)*

Muốn biết rõ tình thế bi đát trong đó nhà thơ đã nhận diện cái chết của chính mình, không phải với đức cậy của một người mang dấu ấn đức tin nhưng với những tiếng kêu than đoạn trường của một kẻ phản kháng và những lời chiêm niệm ghê rợn của một bệnh nhân ảo giác, chúng ta hãy khảo sát bài thơ *Trường tương tư*. Nhan đề này là nhan đề một ca khúc Việt Nam truyền thống, nghe nào nuột vì tiết điệu ai oán và nhắc nhở mối tuyệt vọng của thi hào Trung Quốc Bạch Cư Dị qua bài *Trường hận ca*. Đây Hàn Mạc Tử trong thị kiến về cái chết của chính mình:

*Một khối tình nức nở giữa âm u,
Một hồn đau rã lần theo hương khói,
Một bài thơ cháy tan trong nắng rọi,
Một lời run hơi hóp giữa không trung,
Cả niềm yêu ỷ nhớ, cả một vùng
Hóa thành vũng máu đào trong ác lặn.
Đấy là tất cả người anh tiêu tán,*

¹ Trong bài in năm 1972, thiếu các câu 9-12 của bài *Rướm máu*.

*Cùng trăng sao bàng bạc xứ Say Mơ.
Cùng tình em tha thiết như vần thơ
Ràng rịt mãi cho đến ngày tận thế.*
(Câu 36-46 trong tập Đau thương: Mặt đấng)

Bài thơ *Trường tương tư* là chứng từ mỗi cảm dỗ muốn xây dựng một vũ trụ thơ nhờ phép màu nhiệm của những mối giao ứng theo Baudelaire, nhờ ngôn-hóa-thuật của Rimbaud¹ và nhất là nhờ ma thuật siêu thực của hoạt động sáng tạo. Hàn Mạc Tử dường như buông thả mình trong một thứ xuất thần tự nhiên, trạng thái thành tựu của sáng tạo nghệ thuật. Trong chùng mực nhà thơ thỏa thích chiều theo cơn cảm dỗ muôn đời của người nghệ sĩ muốn tôn mình vào địa vị biện minh cho chính mình, nhiều bài thơ của Hàn Mạc Tử trở nên bí hiểm kín mít, thậm chí báng bổ lộng ngôn.

Trong khoái lạc của hôn đau

Những đau khổ mệnh mông của nhà thơ nhập vào khuôn khổ nhiệm cục Thiên Chúa², đôi lúc ánh sáng của nhiệm cục lóe sáng dưới sức thúc đẩy của ân sủng và gọi hứng cho nhà thơ sáng tác nhiều thi phẩm đậm chất huyền bí học tạo nên niềm xúc động.

Ngay trong thời kỳ *Thơ điên*, nhà thơ đã có cơ hội tìm lại trọn vẹn trí sáng suốt và suy niệm màu nhiệm Hiện diện khôn tả nên lời của Thiên Chúa. Trong bài thơ *Đà Lạt trắng mờ* có một đoạn thấm nhuần tâm tình tín mộ tôn giáo, xin viện dẫn ra đây:

*Ai hãy làm thỉnh chớ nói nhiều,
Để nghe dưới đáy nước hồ reo,
Để nghe tơ liễu run trong gió*

¹ Trong nguyên bản tiếng Pháp: l'alchimie rimbaldienne du verbe (chú thích của Phan Cự Đệ)

² Nguyên bản: l'économie divine.

Và để nghe Trời giải nghĩa yêu.

(Câu 5-8 trong tập Đau thương: Hương thơm)

Người ta có thể tin rằng ân sủng đã can thiệp lúc nhà thơ tự mình viết bài tựa toàn bộ tập *Thơ điên*. Trong bài tựa ấy nhà thơ ám chỉ Thiên Chúa trong lúc nói về *Nguồn trong trẻo* và triều sóng hứng cảm cao dâng:

“Ai nói vườn trắng là nói vườn mơ. Ai nói bến mộng là nói bến tình. Người thơ là khách lạ đi giữa Nguồn Trong trẻo.

Trên đầu người là cao cả, vô biên và vô lượng; chung quanh người là môn trốn với yêu đương vây phủ bởi trăm dây quyến luyến – làm bằng êm dịu, làm bằng thanh bai... Gió phương mô đẩy đưa người đến bờ xa lạ, đầy trinh khiết và thình thịch. Người dừng lại để hái những lá tinh hoa. Người nín lặng để mà nghe những tiếng trắng reo vang vang như tiếng châu báu vỡ lở. À ra Người cũng đại đột hốt vàng rơi trong vạt áo.

Trí Người đã dâng cao và thơ Người dâng cao hơn nữa. Thì ra Người đang say sưa đi trong mơ ước, trong huyền diệu, trong sáng láng và vượt hẳn ra ngoài hư linh...”

(Tựa Đau thương phần đầu)

Đoạn trích dẫn trên đây chứa đựng những yếu tố thiết yếu của một thi học mới mà Hàn Mạc Tử có dịp bàn bạc đông dài hơn và giải bày tinh bạch hơn, chẳng hạn trong bài tựa tập *Xuân như ý*, bức thư gửi Hoàng Trọng Miên năm 1939 và những lời tâm sự ngộ cùng Bùi Tuân là thân hữu.

Đó là một quan niệm thơ tôn giáo đánh dấu sự hòa giải nghệ thuật với đức tin và, thông qua quan niệm ấy, nhà thơ gặp lại luận đề nổi tiếng của linh mục Bremond về mối tương đồng giữa thơ và kinh cầu nguyện.

Trong thi học ấy của Hàn Mạc Tử, chúng ta có thể phát hiện những gì nhà thơ vay mượn của các tác giả hàng yêu thích trong số phải kể Verlaine, Rimbaud, Péguy và Claudel¹. Nhưng tưởng nên nói nhiều về trận chiến tinh thần mà một khi kết thúc, Hàn Mạc Tử tiến vững hơn trong đức tin.

Bài thơ *Đêm xuân cầu nguyện* diễn tả cách nên thơ sự hòa nhập huyền bí học của linh hồn nhà thơ trong Chúa. Chính là “trong khoái lạc của hôn đầu” mà nhà thơ ăn năn thống hối, thành thực hối tiếc đã làm mất lòng Chúa vì đã từng nghi ngờ, phản kháng và mê sảng trong cái mà chính nhà thơ gọi là *Thơ điên*:

*“Tôi van lơn, thềm nguyện Chúa Giêsu
Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phối
Xin thứ tha những câu thơ tội lỗi
Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng
Trong bao đêm xao xuyến vũng sông Hằng”*
(Câu 27-31 trong tập *Xuân như ý*)

Tuy nhiên chúng tôi muốn nêu rõ trong bản tuyên tín rực sáng ấy có một bóng mờ:

*“Ta chấp hai tay, lạy quỳ hoan hảo,
Ngửa trông cao, cầu nguyện trắng không gian
Để vừa dâng vừa hiệp bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế”*
(Câu 13-16 Đêm xuân cầu nguyện trong tập thơ *Xuân như ý*)

Sự cạnh tranh giữa “bốn mùa xuân” và Thượng Đế, dù là khả nghi, có vẻ vượt ra ngoài khung cảnh một từ hoa vô tội và trái lại chứng tỏ chiều hướng của Hàn Mạc Tử tự phụ về thiên chức thi

¹ Trong bài in năm 1972, in thiếu tên Rimbaud.

nhân của mình.

Chính chiều hướng này xui khiến nhà thơ ứng xử như người ảo thị huyền tưởng trong những bài thơ kết thành tập *Thượng thanh khí*. Một số bài thơ trong tập *Xuân như ý* có quan hệ thân tộc với tập *Thượng thanh khí*. Chiều hướng này càng rõ nét thêm trong hai kịch phẩm *Duyên kỳ ngộ* và *Quần tiên hội*. Các nhân vật và tác giả vận động trong một vũ trụ xem là bản chuyển tả Thiên đường Kitô giáo theo cấu trúc ngoại giáo. Chúng tôi xin thưa không có kỳ vọng đưa ra lời phê phán nào về đức tin Hàn Mạc Tử. Đứng trên bình diện khu biệt của văn chương, chúng tôi chỉ ghi nhận giản đơn những trường hợp lo nghĩ muốn cho lối diễn tả nên thơ thêm đa dạng dường như có ưu thế hơn những yêu cầu cơ bản của đức tin.

Với những điều cần lưu ý như thế, chúng ta có thể khẳng định rằng trận chiến tinh thần thử thách đức tin sống động của nhà thơ thoát ra những yếu tố thiết yếu của một thi học được minh họa bằng những tác phẩm sáng tác theo nguồn cảm hứng Công giáo.

Nhà thơ Công giáo

Chúng ta đã thử chứng minh rằng thiên chức huyền bí học của Hàn Mạc Tử được khẳng định trong cuộc đời và thi nghiệp dù nhà thơ chịu nhiều ảnh hưởng khác nhau. Vấn đề còn lại là trình bày những phương diện chủ yếu của cái đã buộc chặt Hàn Mạc Tử với thiên chức của mình và xác định Hàn Mạc Tử có uy thế nhà thơ Công giáo.

Nhà mỹ học

Thơ Hàn Mạc Tử đòi hỏi một nền mỹ học siêu thoát. Có lúc nhà thơ cảm thấy ghê tởm những bài thơ điên của mình và hứa sẽ không bao giờ công bố. Xin viện dẫn sau đây một đoạn trong bài thơ

Cuối thu thuộc thành phần tập *Thơ Diên* nhưng lại đòi hỏi cần có thơ chân thực:

“Thu héo nức thành những tiếng khô.

Một vì sao lạ mọc phương mô?

Sao Thơ chưa thấy ra đời nhỉ?

Trình bạch ai chôn tận đáy mồ”

(Câu 13-16 trong tập *Đau thương*: Mật đắng)

Trong bài tựa *Xuân như ý* nhà thơ định giới thuyết cho quan niệm thơ của mình từ nay bành trướng theo chiều kích vũ trụ và sinh động bởi ân sủng bởi Thiên Chúa. Bài tựa kết thúc với lời mời gọi nguyện cầu:

“Hãy cầu nguyện bằng trăm kinh mây gió,

Hãy dâng cho một tràng chuỗi trắng sao”.

Về thi học này, nhà thơ đã đưa ra lời bình luận có tính chất học thuyết trong một bức thư dài gửi năm 1939 cho Hoàng Trọng Miên, bạn thân của nhà thơ. Văn bản quan trọng này được công bố với nhiều bài văn xuôi khác của nhà thơ di cảo *Chơi giữa mùa trăng*. Đây là phần kết:

“Cho nên tất cả thi sĩ ở trong đời phải quy tụ, phải khơi mạch thơ ở Đức Chúa Trời. Thi sĩ không phải là một người thường. Với một sứ mệnh của Trời, thi sĩ phải biết đem cái tài năng ra ca ngợi Đấng Chí Tôn và làm cho người đời thấy rõ vẻ đẹp của thơ để đưa nhau nhìn nhận và tận hưởng. Những thi sĩ nào không biết đem tài ứng dụng vào chỗ tốt đẹp thì sẽ bị Đức Chúa Trời lấy lại một cách nhân tiền!

Miên ơi, như thế thì Miên đã hiểu thế nào là quan niệm của Trí về thơ. Thơ là sự ham muốn vô biên những nguồn khoái lạc trong trắng của một cõi trời cách biệt. Câu này ăn ý với câu: Thơ là

tiếng kêu rên thảm thiết của một linh hồn thương nhớ cảnh chiêm bao, giải thích bằng hai mặt: lạc quan và bi quan.

Trí đã tóm tắt những điều đã nói. Có điều này nữa, Trí khác với Baudelaire. Baudelaire nói: Thơ văn không thể dung hòa với khoa học hay luân lý và thơ văn không thể lấy chân lý làm chủ đích được, thơ chỉ là thơ (La poésie ne peut sous peine de mort ou de déchéance s'assimiler à la science ou à la morale. Elle n'a pas la Vérité pour objet, elle n'a qu'elle-même)¹. Baudelaire nói trái nghịch với lẽ tự nhiên. Sở dĩ thơ văn được phong phú dồi dào, phát triển hết cả anh hoa huyền bí, và vượt lên những tầng biên giới tân kỳ, mới lạ cũng là nhờ khoa học điếm xuyết cả. Còn luân lý là tiêu chuẩn cho văn thơ, không có nó thì thơ văn chẳng còn ra cái mùi mẫn gì nữa. Nếu để trợ trợ một mình, thơ sẽ lạt lẽo, vô duyên, không còn phong vị gì nữa. Baudelaire thuộc phái vô thần, nên không tin có Chân lý, không nhìn nhận Chân lý làm tiêu chuẩn cho văn thơ. Còn Trí phải lấy Đức Chúa Trời làm Chân lý, làm tiêu chuẩn cho văn thơ. Văn thơ không phải bởi không mà có”.

Chúng ta hãy bỏ sung phần trình bày này bằng những lời nhà thơ tâm sự cùng bạn thân Bùi Tuân. Trong bài của Bùi Tuân đã nêu trên, chúng ta hãy trích dẫn sau đây lời nhà thơ:

“Tôi dự định (lời Hàn Mặc Tử) viết ra nhiều tập thơ về tôn giáo. Trong thi giới nước ta chưa ai nghĩ đến việc đem truyện Sinh nhựt, truyện Phục sinh để làm thi đề. Đó là những tài liệu không

¹ Hàn Mặc Tử dẫn theo trí nhớ nên nguyên văn là *défaillance* mà viết là *déchéance*. Xin xem nguyên văn trong *Notices Sur Edgar Poe* của Baudelaire, dẫn trong *L'An Poétique* do Jacques Charpier và Pierre Seghers biên soạn, NXB Seghers, Paris, 1956, tr. 321-323. *Hàn Mặc Tử* không dịch về *sous peine de mort ou de défaillance*, và dịch *s'assimiler* là *dung hòa*, sát nghĩa hơn là *đồng hóa*.

còn gì thú vị bằng.

... Bao giờ tôi cảm thấy mình đau đớn, trong xác thịt và trong tâm hồn, và nhất là tôi thấy mình bình tĩnh trong sạch thì mới làm ra được những bài thơ đạo hạnh. Không phải lúc nào mình cũng làm được lối thơ ấy”¹.

Người tín hữu

Những nhận định có tính chất lý thuyết trên đây, phát biểu trong các thời kỳ khác nhau, đặt cho Hàn Mạc Tử một vấn đề nan giải, đó là dung hòa trong một tổng hợp để hòa điệu những yêu cầu của đời sống tôn giáo với những đòi hỏi của công trình sáng tạo nghệ thuật. Vốn xem thường những dễ dãi của lối thơ khuyến thiện, nhà thơ luôn luôn là nghệ sĩ tinh tế đồng thời vẫn là tín hữu lo lắng phát huy đức tin.

Màu nhiệm Tình yêu Thiên Chúa mời gọi nhà thơ tĩnh tâm và cầu nguyện. Trong bài thơ *Say thơ*, đặc sắc vì đã hứng cảm huyền bí, có mấy câu diễn tả trung thực những rung động của linh hồn nhà thơ tiếp xúc với màu nhiệm Thánh Thể, xin viện dẫn sau đây:

*“Đây là tất cả, hỡi ôi, Minh Thánh Chúa,
Của tế lễ là nguồn thương chan chứa
Đáng trọng thiên và rất đáng mong ơn.
Lạy tao rằng đàn ngọc cũng đeo đờn
Bỏ đạo hạnh rung muôn dây tình cảm”*
(Câu 40-44 trong tập *Xuân như ý*)

¹ Bùi Tuân, *Nửa đêm đi tìm Hàn Mạc Tử*, đăng nguyệt san *Vinh sơn* (Huế) số 22, ngày 1-2-1951, tr. 7.

Thi học Hàn Mạc Tử có chiều hướng cấu thành huyền bí học. Sinh động bởi Tình yêu Thiên Chúa, sốt sắng bởi đức cậy trông, nhà thơ triển nở theo đà tiến của đức tin và xác định những viễn tượng tốt đẹp của hoạt động sáng tạo mà nhà thơ quan niệm như một sứ vụ tông đồ trong đoạn cuối bài thơ *Nguồn thơm*:

*“Đây thi sĩ của đạo quân Thánh giá
Nửa đêm nay vùng dậy để tung hô,
Để sốt cho cả xuân xuân thiên hạ
Hương mến yêu là lộc của lời thơ”*
(Câu 29-32 trong tập *Xuân như ý*)

Nhà thơ tô đậm nét mùa xuân, mùa nhấc nhở cho nhà thơ nhớ đã đổi mới thi học lấy đức tin làm trung tâm điểm. Nhà thơ ca ngợi sự hiện diện sáng tạo của Thần Ngôn Thiên Chúa¹ trong bài thơ *Ra đời* trong đó gởi tả màu nhiệm sáng thế và sự sinh thành thơ mình:

*“Cả trời bỗng nổi lên muôn điệu nhạc
Rất trọng vọng, rất thơm tho man mác,
Rất phương phi trên hết cả anh hoa.
Xuân ra đời...
Điềm ngọc ấm như ngà,
Thơ có tuổi và chiêm bao có tích”*
(Câu 16-20 trong tập *Xuân như ý*)

Những âm hưởng huyền bí học của bài thơ *Ra đời* phát sinh từ một lối chú giải nên thơ – chứ không phải lối chú giải chính thống của Giáo hội – về những dữ kiện Thánh kinh học. Đừng nên trách cứ nhà thơ phạm tội lầm lạc, nếu quả có lầm lạc. Nhà chú giải thận trọng nhường bước cho nghệ sĩ thị kiến dấu sao vẫn đồng thời

¹ Nguyên văn tiếng Pháp: *la présence créatrice du Verbe* (chú thích của Phan Cự Đệ).

là một tín hữu nhiệt thành. Hàn Mạc Tử đặc biệt thích diễn tả nhiệt tín tôn giáo bằng những ảnh tượng khêu gợi có tầm cỡ linh đạo vượt qua ý nghĩa trực tiếp gần kề.

Cá nhân của lòng sùng kính Đức Maria

Trong viễn tượng ấy cũng nên khảo sát những bài thơ Hàn Mạc Tử sáng tác theo hứng cảm về Đức Maria. Những tước hiệu khác nhau tôn vinh Thánh nữ Đồng trinh được đề cập trong nhiều cơ hội. Những câu thơ sau đây, trích từ bài *Nguồn thom*, là lời tạ ơn Đức Mẹ hằng Cứu giúp:

*Toan ngất đi trong cơn mê khoái lạc,
Mẹ dẫu yêu liền vội đến tay nâng...*

(Câu 26-27)

Về phần bài thơ *Say thơ* thì nêu vị thế Đức Mân Côi¹ trong nhiệm cục Thiên Chúa:

*“Trăng tờ mờ một trời thơ sớm nở
Bao Hoa hồng màu nhiệm Nữ vương xưa”*

(Câu 21-22)

Nhưng chính trong bài thơ *Ave Maria*, Hàn Mạc Tử mới tiết lộ tầm cỡ huyền bí học của tư tưởng và của tính tượng trưng phong phú của nghệ thuật. Bài thơ trường thiên này chứng tỏ Hàn Mạc Tử có hơi thơ đạt dào phong phú. Được nhiều nhà phê bình văn học thuộc nhiều gia đình Công giáo hay tinh thần khác nhau xem là một kiệt tác, bài *Ave Maria* đánh dấu một chặng quan trọng trong hành trình tinh thần của tác giả. Bài thơ này bắt đầu với một thị kiến Thánh kinh học về Ân sủng, tiến về phía trước theo đường lối sùng

¹ Nguyên văn tiếng Pháp: “*Notre-Dame du Rosaire dans l'économie divine*” (chú thích của Phan Cự Đệ).

kính Đức Maria và kết thúc với một bản tuyên xưng đức tin và đức cậy:

*“Như song lộc triều nguyên: ơn phước cả
Dâng cao dâng thần nhạc sáng hơn trăng.
Thơm tho bay cho đến cõi Thiên đàng
Huyền diệu biến thành muôn kinh trọng thể.
Và Tổng lãnh Thiên thần quỳ lạy mẹ,
Tung hô cầu đường hạ ngợp châu sa.
Hương xông lên lời ca ngợi sum hòa
Trí miêu duệ của muôn vì rất thánh.
Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh,
Run như run thần tử thấy long nhan,
Run như run hơi thở chạm tơ vàng
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn triu mến”*
(Câu 1-12 trong tập *Xuân như ý*)

Chúng ta đứng trước sự mạc khải khôn tả nên lời về cái mà nhà thơ cảm nghiệm toàn vẹn, trên ngưỡng cửa tình yêu muôn đời mời gọi nhà thơ phó thác trong hiệp – thông huyền nhiệm.¹

Nhà cách tân ngôn ngữ thơ

Chúng từ cao đẹp tuyệt vời ấy là bí mật bất khả xâm phạm của một linh hồn. Sự tiếp cận văn học, dẫu là thấu tình đạt lý, cũng không thể khám phá nhiều hơn nữa nội dung tinh thần. Tuy nhiên chúng ta vẫn còn có thể nghiên cứu lối diễn tả nên thơ của nội dung ấy, chiếu theo “lệ luật thâm sâu và màu nhiệm của ngôn ngữ vốn thiết lập mối liên hệ giữa điều thuộc về tinh thần đã trực tiếp cảm nghiệm và hình thức mà chúng ta phủ lên điều ấy” theo một nhận xét chí lý của Daniel Rops viết trong sách *Où passent les*

¹ Nguyên văn tiếng Pháp: *la communion mystique* (chú thích của Phan Cự Đệ).

Anges¹.

Ngôn ngữ thơ do Hàn Mạc Tử đào luyện có vẻ đặc sắc vì sự lựa chọn tài tình các từ ngữ hòa điệu và thú vị, vì ma thuật gợi tả những ảnh tượng dẫn khởi, vì tính đa dạng của những hình thức vận-luật-học thích ứng với đà nhiệt tình cảm hứng, vì tài chế ngự thể thơ tám chữ vốn là sự đóng góp thiết yếu của phong trào “thơ mới”, nói tắt lại, vì những phương thể vận dụng cách thiên tài của một nghệ thuật phong phú.

Trong khuôn khổ công trình nghiên cứu này chúng tôi chỉ muốn làm nổi bật phần đóng góp của Hàn Mạc Tử vào việc chế định một ngôn ngữ thơ thích nghi với cảm hứng Công giáo.

Tôn trọng toàn vẹn các chân lý mặc khải của đạo Công giáo, tìm cách diễn tả các chân lý ấy theo tinh thần của tư tưởng và ngôn ngữ Việt Nam, đó là một công việc bao la phát sinh nhiều tổng-hợp-đề lạ lùng, xét ra đã được Giáo hội Công giáo khuyến khích vì lẽ cần phải hội nhập các giá trị Kitô giáo trong bối cảnh văn hóa của mỗi dân tộc.

Hàn Mạc Tử không chối bỏ những phương thể truyền thống của tiếng Việt, trái lại đổi mới những phương thể ấy theo yêu cầu của đức tin. Trong bài thơ *Ave Maria*, câu đầu tiên ám chỉ thánh vịnh số 42-43, câu số 2:

Như song lộc triều nguyên: ơn phước cả
(Hàn Mạc Tử)

Như một con nai khát khao nguồn suối,
Hồn con khao khát tìm Chúa, Chúa ơi!

¹ “La profonde et mystérieuse loi du langage qui établit un lien entre le don spirituel et la forme dont nous le revêtons” trong Daniel Rops, *Où passent les Anges*, NXB Plon, Paris, 1947.

(Thánh Vịnh)¹

Trong lúc lấy cảm hứng từ một biểu tượng Thánh kinh học, nhà thơ sáng chế một từ ngữ vô cùng gọn ghẽ: *Song lộc triều nguyên* (Hai con nai châu ngọc suối). Xin lưu ý rằng nhà thơ nói đến hai con nai, có lẽ vì thị hiếu đối xứng, xét ra rất được hoan nghênh trong văn học truyền thống. Đó là một từ ngữ đồng cấu trúc với từ ngữ *lưỡng long triều nguyệt* (Hai con rồng châu mặt trăng), tả một kiểu thức trang trí theo cảm hứng thần thoại, kiểu thức đặt trưng mái chùa, miếu Lão giáo và đình làng. Xin mách trong hai dấu ngoặc đơn rằng nhà thơ Quách Tấn tưởng có thể xác định nguồn suối và hai con nai mà Hàn Mạc Tử đề cập tương ứng với Tam Vị Nhất Thể?²

Hàn Mạc Tử vui lòng sử dụng một số từ ngữ của Kinh điển Phật giáo đã đi vào ngôn ngữ thông dụng. Từ ngữ *ba ngàn thế giới* dùng trong bài *Ave Maria* và nhiều từ ngữ khác gốc Phật giáo được dùng theo mục đích thuần túy văn chương, không hề mâu thuẫn với văn mạch Công giáo.

Từ ngữ *Phượng Trì* lặp lại bốn lần trong bài *Ave Maria* là một sáng chế thật tài tình, đáng bàn luận nhiều hơn. Theo nghĩa mặt chữ, *Phượng* là chim phượng, còn *Trì* có nghĩa tương đương như ao hồ (...).

¹ Việt dịch của Võ Long Tê.

² Trường Xuyên (Quách Tấn). *Bàn qua đôi điểm về bài Thánh nữ đồng trinh Maria* (Nhân đề đúng là *Ave Maria* nghĩa là *Kính mừng Maria*) của Hàn Mạc Tử (Trường Xuyên viết *Mặc* thay vì *Mạc*), đăng nguyệt san *Lành mạnh* (Huế) số 38, ngày 1-11-1959, tr. 13: “Như song lộc triều nguyên: ơn phước cả” là ý Tử nói: “Ôn Đức Thánh nữ đồng trinh ban xuống cho Tử cũng cao cả, như ơn phước cả Ba Ngôi ban xuống cho thế gian”.

Xin nhắc lại rằng trong vạn-thần-miếu Lão giáo¹ có nữ thần Tây Vương Mẫu có lần hiện ra ở Dao trì (*Dao* là ngọc bích, *trì* là ao hồ). Đường như *Dao Trì* là nguồn gốc từ *Phượng Trì*. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn có ghi nhận hồ Phượng Trì ở Hà Nội về phía hữu Quốc Tử Giám thời xưa². Nhưng Hàn Mạc Tử không uyên bác về địa danh học như giáo sư Hoàng Xuân Hãn, chúng ta có thể nghĩ rằng nhà thơ chấp nhận từ *Phượng Trì* vì những lý do ngữ âm học và ngữ nghĩa học.

Quả vậy, với thanh dấu nặng trong Phượng và thanh dấu huyền trong Trì, Phượng Trì cấu thành hai nốt nhạc trầm có một sức thần chú mạnh hơn Dao trì. Từ ngữ này chỉ có một nốt nhạc trầm do thanh dấu huyền trong trì, còn Dao là tiếng không có dấu giọng như chúng ta biết.

Đàng khác, nhà thơ không muốn dừng lại lâu hơn nữa trong vạn-thần-miếu Lão giáo. Hình ảnh nữ thần Tây Vương Mẫu phải nhường chỗ cho sự hiện diện quang vinh của Thánh nữ đồng trinh. Sắc màu lạnh lẽo của ngọc dao không thích hợp với vẻ kiều lệ của Đức Maria, gọi tả đầy đủ hơn bởi vẻ huy hoàng rực rỡ của chim phượng. Nên lưu ý rằng cảnh tung cánh uy nghi của linh diệu huyền thoại này khiến nghĩ đến cảnh thơ vươn lên cách điệu kỳ đề cập trong câu thơ tiếp theo câu cấu tạo bằng từ ngữ Phượng Trì lặp lại bốn lần. Thêm vào cách chú giải này mà một số chi tiết vay mượn của nhà thơ Quách Tấn³, có một luận cứ quyết liệt về thần học. Bộ

¹ Nguyên văn: Panthéon taoïste (Phan Cự Đệ).

² Hoàng Xuân Hãn (hiệu đính và chú giải). *Bích câu kỳ ngộ*, Huế, Nxb Đại học, 1964. Hoàng Xuân Hãn có phiên dịch nguyên tác Hán văn *Bích câu kỳ ngộ ký* của Đặng Trần Côn. Chính Đặng Trần Côn đã có một chú giải mà Hoàng Xuân Hãn dịch như sau: “Ở mé hữu Quốc tử giám có một ao, hình cánh phượng; người ta gọi là Phượng Trì. Nay gọi là hồ Tú Uyên” (sdd, tr. 91).

³ Xem chú số 2 trên đây (Trường Xuyên – Quách Tấn. *Bàn qua đôi điểm...*).

lông vàng ánh của chim gợi nhớ áo choàng kim tuyến của vị công chúa trong Thánh vịnh số 44, câu 14, qua đó Thánh nữ Đồng trinh được tôn vinh:

*Trong trang phục toàn thân đầy vinh hiển
Công chúa đến, phủ áo choàng kim tuyến.¹*

Ông Phan Xuân Sanh² đã ghi nhận có nhiều từ gốc Phật giáo trong nhiều bài thơ của Hàn Mạc Tử và tưởng là có thể kết luận rằng nhà thơ chịu ảnh hưởng sâu xa của Phật giáo. Chống lại kết luận ấy, một kết luận dường như nghi ngờ đức tin của Hàn Mạc Tử, chúng tôi, trái lại, xác tín rằng nhà thơ chỉ muốn làm cho ngôn ngữ thơ mình phong phú thêm bằng những vay mượn nhiều nguồn khác nhau đồng thời thận trọng trong đối mới những vay mượn ấy theo yêu cầu của đức tin. Làm như vậy, nhà thơ vẫn trung thành với những phương pháp chế định danh từ và văn học Công giáo ở Việt Nam, đó là những phương pháp làm giàu kho tàng văn hóa của Giáo hội Công giáo bằng những đóng góp riêng biệt của Việt Nam. Những phương pháp ấy đã đem lại kết quả tốt trong đó nên kể rằng tư tưởng và ngôn ngữ Việt Nam đã trở nên phong phú và có khả năng, kể từ Hàn Mạc Tử, đảm trách việc truyền đạt tính cao trọng và chất thơ của sứ điệp Phúc Âm.

Kết luận

Nói về “quyền hành của nhà thơ trên ngôn ngữ, Valéry nhấn mạnh nhận xét này: “Muốn tác động bằng ngôn ngữ, nhà thơ tác

¹ Việt dịch của Võ Long Tê. Sdd.

² Phan Xuân Sanh, *Ảnh hưởng Phật giáo trong thi ca Việt Nam*, đăng tạp chí *Đại học* số 9, năm 1959.

động trên ngôn ngữ”¹. Ứng dụng công thức của Valéry, chúng ta có thể nói Hàn Mạc Tử đã thành công trong việc thích nghi những khả năng của tiếng Việt với những yêu cầu của cảm hứng Công giáo và việc sáng chế một ngôn ngữ thơ mang dấu ấn bất hủ của một nhà thơ thiên tài.

Hàn Mạc Tử đã biết ứng đáp tiếng gọi không cản trở và không gì lay chuyển của Thiên Chúa, ấy là tiếng luôn luôn mời gọi chúng ta vượt lên cao:

*Thượng thanh khí tiết ra nguồn tinh khí
Xa xôi đời, trắng mọc nước Huyền vi.
Đây Miên trường, đây Vĩnh cửu, Tề phi.*

(Câu 1-3 bài Sao, Vàng Sao² trong tập Thượng thanh khí)

Quả thật vậy trong suốt hành trình khổ nạn đau thương của Hàn Mạc Tử, thi học của nhà thơ dao động giữa trọng lực và Ân sủng. Nhưng thoát khỏi tâm tình phản kháng sinh ra vì đau khổ, Hàn Mạc Tử đã vươn lên cao ngang tầm Ân sủng: Ân sủng định hướng cho hoạt động sáng tạo của nhà thơ trên đường tìm cái đẹp và lạc phúc hằng hữu.

(Tự dịch nguyên tác bằng tiếng Pháp, sdd, từ trang 576 đến trang 593)

¹ Paul Valéry, *Pièces sur l'art*, Paris, Nxb Gallimard, Paris, tr. 49; “Pour agir par le langage, il (le poète) agit sur le langage”.

² Nhan đề theo đúng thủ cáo của Hàn Mạc Tử tặng cô Hoàng Thị Kim Cúc (1913-1988), mà chúng tôi đã trực tiếp tham khảo. Bài này được phổ biến dưới nhan đề “Đừng cho lòng bay xa” trong nhiều sách trước đây và bản in 1972 của chúng tôi. Nay xin đính chính.

VỀ BÚT HIỆU CỦA NHÀ THƠ

PHAN CỰ ĐỆ

Cuốn sách này là tiếng nói của nhiều người xung quanh một vấn đề: Hàn Mạc Tử. Chúng tôi dành những trang cuối cùng này để giới thiệu những ý kiến khác nhau về bút hiệu của Hàn Mạc Tử.

Theo những tài liệu của ông Phạm Đán Bình ở Paris, thì Nguyễn Trọng Trí đã ký những bút hiệu sau đây: Minh Duệ Thị, Phong Trần, Lệ Thanh, Hàn Mạc Tử, Hàn Mạc Tử, Mộng Cầm, Lệ Thanh nữ sĩ, Lệ Giang, Sông Lệ, Trật Sên, Cụt Húng, Foong Tchan¹.

1. *Minh Duệ Thị*: thường ký dưới những bài thơ Đường luật, còn thấy xuất hiện trên báo *Sài Gòn* cuối năm 1935, đầu năm 1936.

2. *Phong Trần*: Ngoài thơ ra, còn ký 22 bài văn xuôi trong *Tân Tiến* (1936 –1938) và 16 bài văn xuôi trong *Tiến bộ* (1938-1939), trong đó có phóng sự *Đời tài tử* (số 11-6-1938), truyện dài *Tài hoa* (số 27-5-1939), *Làm chông đĩ* (số 4-6-1938), bình luận văn học *Một cuộc cách mạng trong văn giới Việt Nam* (số 3-6-1939), *Chế Lan Viên, một thi sĩ điên* (số 20-8-1938).

3. *Lệ Thanh*: ký song song với Hàn Mạc Tử trong *Công luận* (1934-1935), *Tân thời* (1935), *Sài Gòn văn chương* (1935-1936) và còn ký ở *Trong khuê phòng* (1939) đồng thời với Hàn Mạc Tử.

4. *Hàn Mạc Tử*: theo tài liệu của Phạm Đán Bình thì xuất hiện từ ngày 29-3-1934 trên phụ trương phụ nữ của tờ *Công luận*, dưới hai bài thơ Đường luật *Gái chửa hoang* và *Vô đề*. Ký thường xuyên trên các báo vừa dẫn, trừ *Trong khuê phòng*.

¹ Phạm Đán Bình. *Gọi tên Người – Tin Nhà*, số 3, mùa xuân 1992.

5. *Hàn Mạc Tử*: theo tài liệu của Võ Long Tê thì xuất hiện vào cuối 1937. Chẳng hạn bài *Khói hương tan* đăng trên *Sài Gòn tiểu thuyết* số 4, bộ mới, ngày 21-9-1939, trang 9; bài *Tựa "Tình huyết"* của Bích Khê, Nhà xuất bản Đông Phương, Sài Gòn, in xong ngày 30-12-1939, lời bạt "*Một tấm lòng*" của Quách Tấn, in xong ngày 30-7-1939. Và sau đó xuất hiện trong *Thi nhân Việt Nam* của Hoài Thanh và Hoài Chân (1942) và cuốn *Hàn Mạc Tử* của Trần Thanh Mại (1941). Kết luận của Võ Long Tê: bút hiệu cuối cùng của Nguyễn Trọng Trí là Hàn Mạc Tử¹.

Phạm Đán Bình cũng có một kết luận như trên. Bút hiệu Hàn Mạc Tử theo ông, được ký thường xuyên ở *Trong khuê phòng* (1939), *Người mới* (1940), *Tin tức Chúa Nhứt* (1940). Các bài viết của Chế Lan Viên, Trần Thanh Địch, Trần Tái Phùng, Hoàng Trọng Miên, Bích Khê, Quách Tấn trên *Người mới* từ số 4 (16-11-1940) đến số 7 (7-12-1940) đều ghi là Hàn Mạc Tử. Đây là chủ trương của toà soạn báo *Người mới* hay ý kiến thống nhất của các tác giả nói trên? Vì sau khi thi sĩ mất ở Quy Hòa, Quách Tấn và Chế Lan Viên tuyển chọn một số bài tiêu biểu giao cho Hoàng Trọng Miên xuất bản ở Sài Gòn thì tuyển tập đó lấy tên là *Thơ Hàn Mạc Tử* (Nhà xuất bản Đông Phương – 1942). Sau đó năm 1944 tập *Chơi giữa mùa trăng* được Nhà xuất bản Ngày mới in ở Hà Nội cũng ghi bút hiệu là Hàn Mạc Tử. *Tờ Tuần báo Nghệ thuật* số ra ngày 12-3-1941 đăng bài *Hàn Mạc Tử, một thi sĩ hoàn toàn cả về sự nghiệp văn chương, cả về thân thế* của Thiết Luận (trong đó tác giả có nhắc đến *Người mới* số 6 và bài của Quách Tấn). Như vậy cả bộ ba Quách Tấn, Chế Lan Viên, Hoàng Trọng Miên, trong khoảng thời gian từ cuối 1940 đến 1942, đều sử dụng hai bút hiệu Hàn Mạc Tử và Hàn Mạc

¹ Võ Long Tê. L'expérience poétique et l'itinéraire spirituel de Hàn Mạc Tử - Sài Gòn, 1972, p.574 – 575

Tử! Sau này, lúc làm *Tuyển tập Hàn Mạc Tử* (1987), Chế Lan Viên viết: “Chúng tôi không cần cứ tên viết các bìa sách lúc ấy, mà cần cứ vào cách xưng hô, gọi nhau lúc ấy giữa chúng tôi với Tử, nên tuy thuyết ông Võ rất có cơ sở, chúng tôi xin cứ để Hàn Mạc Tử, ở đây” (tr. 11). Ngay trong tạp chí *Văn*, số 179 in ở Sài Gòn ngày 1-6-1971, thì tất cả các bài viết của Phạm Đán Bình, Đặng Tiến, Thi Vũ, Phạm Công Thiện, Châu Hải Kỳ, Đào Trường Phúc, Trương Văn Ngọc đều ghi bút hiệu Nguyễn Trọng Trí là Hàn Mạc Tử. Và cuốn sách của Nguyễn Bá Tín do Nhà xuất bản Tin phát hành ở Paris năm 1990 cũng lấy tên là *Hàn Mạc Tử anh tôi*. Vấn đề thực là nan giải. Vì Hàn Mạc Tử mất từ 1940 và ngay lúc còn sống, trong những năm cuối đời, sống xa lánh mọi người, chắc gì thi sĩ đã được đọc tất cả những tác phẩm mang bút hiệu của mình trên các báo! Ông Nguyễn Bá Tín lại viết: “Ông Trần Thanh Mại, trong cuốn sách của ông vẫn gọi anh là Hàn Mạc Tử, chỉ vì thấy có những bức thư anh Trí viết cho Trần Thanh Địch, thường hay ký tên nguyên cả chữ mà không chấm dấu gì hết. Bởi thế cũng có một dạo, tranh luận ít nhiều. Nhưng ông Quách Tấn đã kể rõ lai lịch bút hiệu Hàn Mạc Tử rồi” (*Hàn Mạc Tử anh tôi*, trang 49).

Ông Quách Tấn giải thích như thế nào?

“Được ít lâu lại lấy hiệu là Hàn Mạc Tử. Hàn Mạc là bức *Rèm lạnh*. Tử cho là độc đáo, khoe cùng Trường Xuyên.

Trường Xuyên cười:

- Kể cũng ngộ thật! Tránh kiếp Phong Trần lại đi làm khách hồng nhan. Sợ kiếp hồng nhan đa truân lại đi làm kiếp Rèm lạnh!

Tử đâm khùng:

- Anh này thật đa sự! Không biết đặt “cái đếch” gì cho vừa lòng anh?

Trường Xuyên đáp:

- Đã có *Rèm* thì thêm *Bóng trắng* vào. Hỏi còn cảnh nào nên thơ bằng?

Tử hội ý, cầm bút vạch “vành trăng non” trên đầu chữ A trong từ *Mạc*, thành ra *Hàn Mạc Tử*.. Chữ *Hàn* trước kia là *Lạnh*, song đi kèm với chữ *Mạc* là *Mực* thì trở thành *Hàn* là *Bút*. Hàn Mạc Tử là anh chàng *Bút Mực*¹.

Ông Nguyễn Bá Tín giải thích thêm:

“Theo chỗ tôi biết, thì bút hiệu của anh vẫn là Hàn Mạc Tử, không thay đổi. Trước hết, anh tự nhận là nhà thơ nghèo nàn: chữ *Hàn* của anh là *Nghèo*, không phải là lạnh; chữ *Mạc* là *thoi mực*, ngụ ý “tao nhân mạc khách” (Con người của bút mực, văn chương thi phú). Anh Trí vốn rất ngưỡng mộ triết gia Mạc Địch thời Chiến quốc, nổi tiếng chủ trương thuyết Kiêm Ái, nên anh cũng tự nhận thuộc môn phái Mạc Địch, thương yêu hết mọi người. Chữ Mạc Tử khi ghép đôi mới có ý nghĩa là môn đồ Mạc Địch, Chữ Mạc Tử thì không có nghĩa gì. Chữ *Hàn Mạc Tử* nói luôn ý nghĩa là một thi sĩ nghèo nàn, nhưng tình thương rộng rãi bao la” (*Hàn Mạc Tử anh tôi*, trang 49).

Nhưng Đào Thái Tôn trong bài *Hàn Mạc Tử, anh là ai?* Phản đối cách giải thích của Nguyễn Bá Tín và có phần tán đồng cách giải thích chữ *Hàn Mạc* của Quách Tấn:

“*Hàn* ở đây là gì? Nó là một giống chim, thuộc loại chim trĩ. Thuở xưa người ta lấy lông nó làm bút. Vì thế “hàn” chuyển nghĩa thành *cái bút lông*, rồi thành việc *ghi chép* (như thư hàn, văn hàn)... Vậy thì “Hàn Mạc” là *bút mực*, chuyển nghĩa thành *văn*

¹ Theo tài liệu *Hàn Mạc Tử* – Quách Tấn gửi cho chúng tôi (P. C. Đ).

chương... tôi là cái kẻ (tử) làm nghề văn chương (hàn mặc). Tôi là người đam mê văn chương”¹

Chúng tôi chưa thể kết luận được như Quách Tấn cho rằng bút hiệu cuối cùng là Hàn Mặc Tử hay như Võ Long Tế, Phạm Đán Bình, khẳng định Hàn Mặc Tử là “tên hiệu sau cùng theo người vào cõi thiên thu”. Điều duy nhất có thể kết luận được là Nguyễn Trọng Trí đã sử dụng cả hai bút hiệu đó và Hàn Mặc Tử hay Hàn Mặc Tử đều có ý nghĩa riêng của nó.

Cuộc tranh luận về Hàn Mặc Tử có thể vẫn còn tiếp tục nhưng điều chúng tôi kỳ vọng là có một Tuyển tập hoàn chỉnh bao gồm đầy đủ những tác phẩm của Minh Huệ Thị, Phong Trần, Lệ Thanh, Hàn Mặc Tử và Hàn Mặc Tử. Chúng tôi chờ đợi những ý kiến chỉ giáo và sự giúp đỡ về tài liệu của các nhà nghiên cứu, của bạn đọc rộng rãi trong và ngoài nước để cuốn sách *Thơ văn Hàn Mặc Tử (Phê bình và Tưởng niệm)* được hoàn chỉnh hơn trong lần tái bản.

PHAN CỰ ĐỆ

(Lời Bạt cuối tập Hàn Mặc Tử, Tác Phẩm, Phê Bình Và Tưởng Niệm, PCD-1, trang 514-518)

2.

Trích tuyển
tác phẩm HÀN MẠC TỬ

Theo ông Nguyễn Bá Tín cho biết, số bản thảo Hàn Mạc Tử lúc giao cho Quách Tấn chứa đầy một va li. Không may, hầu hết đã bị mất. Suu tập đầy đủ nhất hiện nay được giới thiệu trong quyển sách của giáo sư Phan Cự Đệ: Hàn Mạc Tử, Tác phẩm, Phê bình và Tưởng niệm – nxb Văn Học 2002, chỉ vồn vẹn 224 trang (các trang 111-334).

Hẳn có người đặt vấn đề tại sao nhà thơ Quách Tấn có thể giữ được tất cả các tác phẩm của mình mà lại để mất gia sản tinh thần người bạn chí thân đã ký thác. Theo tôi, có lẽ cần nghĩ đến một sự can thiệp từ trên, ngoài ý muốn người trong cuộc. Có lẽ nhà thơ Quách Tấn đã gặp một tình cảnh trở trêu nào đó rất khó giải bày. Nếu không phải từ trên thì tại sao những bài thơ đạo gia đình cất giữ tại Gò Bồi cũng bị mối ăn vào năm 1951? (Xem bài *Nửa đêm đi tìm Hàn Mạc Tử* của Bùi Tuân ở phần 7 của tập này).

Phải chăng sự đáng trách lại rơi về các chức sắc của Giáo hội Công giáo lúc ấy? Điều gì xảy ra nếu có một ai đó từ phía Giáo hội ngỏ lời với nhà thơ Quách Tấn hay gia đình Hàn Mạc Tử? Thế nhưng điều này cũng không đơn giản. Cụ thể như bản thân tôi, dù rất quan tâm, khi những tác giả Công giáo gần đây qua đi, như Đỗ Thảo Anh (2011) hay Hải Quỳ (2012), tôi chưa làm gì để xin gia đình họ bảo tồn những gì họ đã viết. Người nhà Phạm Xuân Tuyến

cho biết anh đã dặn họ giao toàn bộ bản thảo cho tôi nhưng đã ba năm rồi tôi không đặt vấn đề, hay đúng hơn, tôi chưa dám nhận, vì lẽ nếu nhận về, tôi sẽ không biết phải gửi di sản ấy vào đâu để khỏi phụ lòng tác giả và gia đình anh, đang khi tôi đã về hưu, đã cầm sẵn thẻ lên tàu và đang đợi chuyến bay. Đúng như cái nhìn của Đức Giáo hoàng Bênêđictô 16, tình yêu thương cũng cần phải được tổ chức. Hiện chưa có một bộ phận chịu trách nhiệm hữu hiệu trong việc giữ gìn và phát huy những di sản loại này...

Phản Hàn Mạc Tử, hẳn anh sẽ không nói gì khác ông Gióp: “Thân trần trường sinh từ lòng mẹ, tôi sẽ trở về đó cũng trần trường. Đức Chúa đã ban cho, Đức Chúa lại lấy đi: xin chúc tụng danh Đức Chúa!” (Gióp 1,21). Vâng, trên tôi và trên chúng ta còn có Thiên Chúa. Chính Thiên Chúa biết tại sao Ngài trao ban và tại sao Ngài lấy lại.

Kết thúc bài *Nửa đêm đi tìm Hàn Mạc Tử*, Bùi Tuân viết: “Trong cuộc tiếp xúc cuối cùng với Hàn Mạc Tử, cái nguyện vọng cuối cùng mà tôi ghi nhận trong lời nói thiết tha của chàng là được ca tụng những màu nhiệm lớn lao của đạo Công Giáo trong thi ca của mình. Bệnh tình của Hàn Mạc Tử có để cho chàng đủ thời gian đạt được cái nguyện vọng ấy không?” Chẳng những bệnh tình không cho chàng đủ thời gian để viết thêm những bài mới, cả đến phần lớn những gì chàng đã viết được, không bao lâu sau đã trở về hư không. Như đã nói, hình như mọi sự phải như thế để cho lời Chúa đã nói, một lần nữa được trở thành sự thật: “Thầy bảo thật anh em, nếu hạt lúa gieo vào lòng đất mà không chết đi, thì nó vẫn trơ trọi một mình; còn nếu chết đi, nó mới sinh được nhiều hạt khác” (Ga 12, 24). Hơn bảy mươi năm sau, người ta thấy rõ hạt giống Hàn Mạc Tử bị vùi xuống đất và rữa thối đi đã sớm nảy nở gấp trăm. Nhiều người đang tiếp nối nguyện vọng của anh, trau dồi tài

năng để viết lên những lời thơ ca tụng Thiên Chúa... Thiên Chúa đã ban tặng thì vẫn không ngừng ban tặng.

Trong phần thứ hai này của tập sách, chúng tôi xin giới thiệu những bài văn xuôi và thơ có nội dung tôn giáo, cộng thêm một số bài thơ tình nổi tiếng. Các bài thơ được đánh số câu để tiện đối chiếu.

Lm TRĂNG THẬP TỰ

Phần này gồm có:

- TRÍCH TUYỂN THƠ HÀN MẠC TỬ
- TRÍCH TUYỂN VĂN HÀN MẠC TỬ

TRÍCH TUYỂN THƠ HÀN MẠC TỬ¹

THÁNH NỮ ĐÔNG TRINH MARIA²

*Như song lộc triều nguyên ơn phước cả
Dâng cao dâng thân nhạc sáng hơn trăng
Thơm tho bay cho đến cõi Thiên Đàng
Huyền diệu biến thành muôn kinh trọng thể.
Và Tổng lãnh Thiên thần quỳ lạy Mẹ 05
Tung hô cầu đường hạ ngợp châu sa
Hương xông lên lời ca ngợi sum hoà
Trí miêu duệ của muôn vì rất thánh³.*

¹ Những bài thơ chọn in ở đây được đánh số câu để tiện đối chiếu theo phần cước chú. Chúng tôi chỉ ghi cước chú Kinh Thánh tương đối đầy đủ cho hai bài *Cô liêu* và *Cuối thu*, còn mấy bài khác chỉ mới chấm phá, như một gợi hứng để các bạn trẻ Công giáo tiếp tục công việc. Chúng tôi mong rằng qua việc này, bạn trẻ sẽ nghiệm ra rằng làm thơ đạo không phải là diễn ca từng câu Lời Chúa nhưng là ghi lại cảm nghiệm tâm linh với những hình ảnh thắm đậm Lời Chúa đã ăn sâu trong tim óc nhờ suy niệm và chiêm niệm.

² Toàn bài: xin xem Lc 1,26-38.

Câu 1a (Như song lộc triều nguyên): xin xem Tv 42,2 (Như nai rừng mong mỗi tìm về suối nước trong).

Câu 1b-2a (Ồn phước cả dâng cao dâng): xin xem Ezêkiel 47,1-11; Kh 22,1-2

Câu 9-10: xem câu cuối của kinh Kính Mừng.

Câu 37: xin xem Khải Huyền 22,16.

³ Trí miêu duệ: Trí là Nguyễn Trọng Trí, miêu duệ là con cháu. Ý nói Hàn Mạc Tử nhận mình là con cháu của các thánh.

Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh!
Run như run thân tử thấy long nhan. 10
Run như run hơi thở chạm tơ vàng...
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn triu mến.
Lạy Bà là Đấng tinh tuyền thánh vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi.
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy 15
Cơn lâm lụy vừa trải qua dưới thế.
Tôi cảm động rưng rưng hai dòng lệ
Giọng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ.
Bút tôi reo như châu ngọc đềm vua
Trí tôi hóp bao nhiêu là khí vị... 20
Và trong miệng ngâm câu ca huyền bí,
Và trong tay nắm một nạm hào quang...
Tôi no rồi ơn võ lộ hoà chan.
Tấu lạy Bà, Bà rất nhiều phép lạ
Ngọc Như Ý vô tri còn biết cả 25
Hướng chi tôi là Thánh thể kết tinh
Tôi ưa nhìn Bắc Đẩu rạng bình minh
Chiếu cùng hết khắp ba ngàn thế giới...
Sáng nhiều quá cho thanh âm vời vợi
Thơm đường bao cho miệng lưỡi không khen 30
Hỡi Sứ Thần Thiên Chúa Gabriel,
Khi người xuống truyền tin cho Thánh Nữ,
Người có nghe xôn xao muôn tinh tú?
Người có nghe náo động cả muôn trời?
Người có nghe thơ mầu nhiệm ra đời 35
Để ca tụng – bằng hoa hương sáng láng
Bằng tràng hạt, bằng Sao Mai chiếu rạng
Một đêm xuân là rất đổi anh linh?
Đây rồi! Đây rồi! Chuỗi ngọc vàng kinh,

Thơ cầu nguyện là thơ quân tử ý, 40
 Trương phu lời và tông đồ triết lý.
 Là nguồn trăng yêu mến Nữ Đồng Trinh,
 Là nguồn đau châu lụy Nữ Đồng Trinh.
 Cho tôi thấp hai hàng cây bạch lạp
 Khói nghiêm trang sẽ dâng lên trần ngập 45
 Cả Hàn Giang, cả màu sắc thiên không
 Lút trí khôn và ám ảnh hương lòng
 Cho sốt sáng, cho mê mê nguyện ước...
 Tấu lạy Bà, lạy Bà đầy ơn phước,
 Cho tình tôi nguyện vẹn tơ trắng rằm, 50
 Thơ trong trắng như một khối băng tâm
 Luôn luôn reo trong hồn, trong mạch máu!
 Cho võ lỗ cả muôn ngàn tinh đấu,
 Cho mê mê âm nhạc và thanh hương.
 Chim hay tên ngọc, đá biết tuổi vàng. 55
 Lòng vua chúa cũng như lòng lê thứ
 Sẽ ngáy ngất bởi chưng thơ đầy ứ
 Nguồn thiêng liêng yêu chuộng Mẹ Sầu Bi.
 Phượng Trì! Phượng Trì! Phượng Trì! Phượng Trì!¹
 Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu, 60
 Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu
 Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang?

¹ Phượng Trì: cung Dao Trì là nơi ở của Tây Vương Mẫu theo điển tích Trung Quốc, Hàn Mạc Tử dựa vào đó mà đặt tên cho thánh cung của Đức Maria là Phượng Trì. Nguyễn Bá Tín cho rằng hai chữ Phượng Trì bắt đầu từ nhân vật Cam Phượng Trì trong cuốn phim *Hỏa thiêu Hồng Liên tự*. Xin xem chú thích 2 của Võ Long Tê ở trang 67.

ĐÂY THÔN VĨ DẠ

Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên.
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.

Gió theo lối gió, mây đường mây, 05
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay...
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó,
Có chở trăng về kịp tối nay?

Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra... 10
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?

TRĂNG VÀNG TRĂNG NGỌC¹

Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng, Trăng! Trăng!
Ai mua trăng tôi bán trăng cho
Không bán đoàn viên, ước hẹn hò...
Bao giờ đậu trạng vinh qui đã
Anh lại đây tôi thối chữ thơ. 05

Không, không, không! Tôi chẳng bán hòn rặng.
Tôi giả đồ chơi, anh tưởng rằng
Tôi nói thiệt, là anh đại quá:
Trăng Vàng Trăng Ngọc bán sao đang.

¹ Xin xem Mt 13,45-46.

Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng, Trăng, Trăng! 10
Trăng sáng trắng sáng khắp mọi nơi
Tôi đang cầu nguyện cho trăng tôi
Tôi lân cho trăng một tràng chuỗi
Trăng mới là Trăng của Rạng Ngời.

Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng, Trăng, Trăng! 15

PHAN THIẾT! PHAN THIẾT!

Nhớ khi xưa ta là chim Phượng Hoàng
Vỗ cánh bay chín tầng trời cao ngất
Bay từ Đao Ly đến trời Đâu Suất;
Và lùa theo không biết mấy là hương
Lúc dằng vân gặp ánh sáng chặn đường 05
Chạm tiếng nhạc, va nhằm thơ thiên cổ
Ta lôi đình thấy trăng sao liền mở
Sao tan tành rơi xuống vũng chiêm bao
Trăng tan tành rơi xuống một cù lao
Hóa đài điện đã rất nên tráng lệ 10
Ở ngôi cao, ngược mắt ra ngoài bể
Phong lưu ghê, sang trọng chẳng vừa chi
Ta mê man như tới chốn Phượng Trì
Ở mãi đấy không về Thiên cung nữa.

Nhưng phép lạ có một vì tiên nữ 15
Hao hao như nường nguyệt cõi Đào Nguyên
Ta đắm mê trong ánh sáng trần duyên
Và van lạy xin cô nường kết ngãi
Mĩa mai thay cho phượng hoàng si dại
Là ta đây đương ở kiếp muôn chim 20

Trở lại trời tu luyện với muôn đêm
 Hóp tinh khí lâu năm thành chánh quả
 Ta trở nên như ngọc đằng kim mã
 Rất hào hoa, rất phong vận: Người Thơ
 Ta là trai khí huyết ước ao mơ 25
 Người thực nữ sanh giữa trời vô thượng
 Rồi ngày đại nhờ thất tinh chỉ hướng
 Ta lang thang tìm tới chốn Lâu Trăng
 Lâu Ông Hoàng, người thiên hạ đồn vang
 Nơi đã khóc, đã yêu thương da diết 30
 Ôi trời ôi! là Phan Thiết! Phan Thiết!
 Mà tang thương còn lại mảnh trăng rơi
 Ta đến nơi Nường ấy vắng lâu rồi
 Nghĩa là chết từ muôn trăng thế kỷ
 Trăng vàng ngọc, trăng ân tình, chửa phi! 35
 Ta nhìn trăng, khôn xiết ngậm ngùi trăng!
 Ta vãi tung thơ lên tận sông Hằng,
 Thơ phép tắc bỗng kêu rên thống thiết
 Hỡi Phan Thiết! Phan Thiết!
 Mi là nơi ta chôn hận nghìn thu 40
 Mi là nơi ta sâu muộn ngất ngư.

ĐÀ LẶT TRĂNG MỜ¹

Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu
 Trời mơ trong cảnh thực huyền mơ!
 Trăng sao đắm đuối trong sương nhạt
 Như đón từ xa một ý thơ.

¹ Câu 5, xin xem Hô-sê 2,16; Tv 18/19,2-5.

*Ai hãy làm thính chó nói nhiều,
Để nghe dưới đáy nước hồ reo,
Để nghe tơ liễu run trong gió,
Và để xem trời giải nghĩa yêu.* 05

*Hàng thông lấp lánh đứng trong im
Cành lá in như đã lặng chìm. 10
Hư thực làm sao phân biệt được!
Sông Ngân hà nổi giữa màn đêm.*

*Cả trời say nhuộm một màu trắng,
Và cả lòng tôi chẳng nói rằng.
Không một tiếng gì nghe động chạm, 15
Dấu là tiếng vỡ của sao băng...*

ĐÊM XUÂN CẦU NGUYỆN ¹

Tặng cả thiên hạ

*Trời hôm nay bình an như nguyệt bạch,
Đường trăng xa, ánh sáng tuyệt vời bay...
Đây là hương quý trọng thấm trong mây
Ngời phép lạ của đức tin kiêu diễm,
Câu tán tạ, không khen long cả phẩm: 05
Bút xuân thu mùa nhạc đến vừa khi
Khắp mười phương diễm lạ trở hoài nghi:
Cây bằng gấm, và lòng sông toàn ngọc!
Và đầu hôm một vì sao liền mọc
Ở phương Nam mầu nhiệm biết ngân mô! 10
Vì muôn kinh dồn dập cõi thom tho
Thêm nghĩa lý sáng trưng như thất bảo*

¹ Câu 7-8, xin xem Khải Huyền 22,1-2.

Ta chấp hai tay lạy quỳ hoan hảo
 Ngửa trông cao, cầu nguyện trắng không gian
 Để vừa dâng vừa hiệp bốn mùa xuân 15
 Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế.
 Đã no nê, đã bưa rồi, thế hệ
 Cửa phượng trai mê mẩn khí thanh cao;
 Phượng hoàng bay trong một tối trắng sao
 Mà ánh sáng không còn khiêm nhượng nữa. 20
 Đương cầu xin đọc thơ ra đường sữa
 Ta ngắt đi trong khoái lạc của hôn đau...
 Trên chín tầng, diêu động cả trần châu
 Đường sống lại muôn ngàn hoa phẩm tiết.
 Nhịp song đôi: này đây, cung cầm nguyệt 25
 Ưóp lời thơ thành phúc lộc đường tu.
 Tôi van lơn, thâm nguyện Chúa Giêsu
 Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phối,
 Xin tha thứ những câu thơ tội lỗi
 Cửa bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng 30
 Trong bao đêm sao xuyên vũng sông Hằng.

ĐIỀM LẠ

Đức tin thơm hơn ngọc
 Thơ bay rồi thơ bay...
 Mau gò giai âm lại
 Sốt bớt nghĩa đương say.

Có tin thôn xa đến 05
 Có điềm lạ đêm nay:
 Đóng cửa mười phương lại
 Dồn ánh sáng vào đây.

*Ngoài không gian rất mát
Chim thanh tước ra đời 10
Nêu cao hơn tiếng nhạc
Mùa hát sẽ xanh tươi.*

*Năm nay tôi thương tuổi,
Sai hẹn với người xa
Năm nay xuân nhắc mãi 15
Nước mắt liền ứa ra.*

NHỮNG GIỌT LỆ

*Trời hỡi, bao giờ tôi chết đi?
Bao giờ tôi hết được yêu vì,
Bao giờ mặt nhật tan thành máu
Và khối lòng tôi cứng tợ si?*

*Họ đã xa rồi khôn níu lại, 05
Lòng thương chưa đã, mền chưa bưa...
Người đi, một nửa hồn tôi mất,
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ.*

*Tôi vẫn còn đây hay ở đâu?
Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu? 10
Sao bông phượng nở trong màu huyết,
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu?*

NGUỒN THƠM

*Trí đương no và khí xuân đương khỏe,
Nhạc đương say và rượu vẫn còn thơm.
Nên muôn cánh thủy tiên chưa dám hé
Trong phút giây trân trọng của linh hồn.*

*Tiếng pháo đi: bao nhiêu kinh cầu nguyện 05
Đều dâng lên cho đến chín tầng mây
Hơi xuân ấm mĩ vì hơn dạ yến,
Ta đem ước trong ý vị đêm nay.*

*Ta cho ra một dòng thơ rất mát,
Mới tinh khôi và thanh sạch bằng hương. 10
Trời như hộp phải hơi men ngan ngát,
Đắm muôn ngói tinh lạc xuống mười phương.*

*Cả trời bỗng diều diều như báu võ:
Nên tiếng vang thâm dội đến thâm tâm,
Mà ta ngỡ đáng Tiên Tri muôn thưở 15
Giữa đêm nay còn đứng giăng Phúc Âm.*

*Tứ thời xuân! Tứ thời xuân non nước!
Phút thiêng liêng nhuần gội ánh thiêu quang,
Thiên hạ bình, và trời tuôn ơn phước.
Như triều thiên vờn lượn khắp không gian. 20*

*Ta há miệng cho nguồn thơm trào vọt:
Đường thơ bay sáng lóng lánh như sao sa...
Trên lụa trắng mười hai hàng chữ ngọc
Thêu như thêu rồng phượng kết tinh hoa.*

*Ta cao ngâm giọng vô cùng thanh thoát 25
Khiến châu thân rung động thể tơ trắng.*

*Toan ngất đi trong cơn mê khoái lạc,
Mẹ dẫu yêu liền vội đến tay nâng...*

*“- Đây thi sĩ của đạo quân Thánh giá,
Nửa đêm nay vùng dậy để tung hô, 30
Để sót cho cả xuân xuân thiên hạ
Hương mến yêu là lộc của lời thơ”.*

RA ĐỜI ¹

*Một chiều xanh, một chiều xanh huyền hoặc,
Sáng bao la vẫy lút cõi thiên không.
Xuất thế gian chưa có tại trong lòng,
Muôn ý tứ say chìm nơi bất giác.
Hương cảm dỗ mê người trong khoái lạc. 05
A! A! A!*

*Thiên địa đấm hoang mang...
Là đương khi thờ lạy cả thiên đàng
Bay những tiếng tung hô thánh đức,
Muôn thân phẩm trong láng láng châu chực,
Ánh hào quang chan chói ngất lưu ly. 10
Ôi cao sang khôn ví, trọng ai bì...
Trên nước cả có vô vàn châu báu,
Trí rất ngóp, bởi chưng xuân hôn hậu
Đã ra đời theo lệnh của Ngôi Hai...
Ôi! Thánh tai, thánh tai và thánh tai² 15
Cả trời bỗng nổi lên muôn điệu nhạc*

¹ Câu 6-15, xin xem Isaia 6,1-3.

² Thánh tai, từ cổ, có nghĩa là “thánh thay!”, “rất thánh”.

<i>Rất trọng vọng, rất thơm tho man mác, Rất phương phi, trên hết cả anh hoa. Xuân ra đời, Điêm ngọc ấm như gà, Thơ có tuổi và chiêm bao có tích, Và tâm tư có một điều rất thích, Không nói ra vì sợ bớt say sưa! “Chàng ơi! Chàng ơi, sự lạ đêm qua! Mùa xuân tới mà không ai biết cả...”</i>	20 24
---	--

SAY THƠ ¹

<i>Bốn mùa thơ xanh xanh như cảm thạch, Chim ngàn trắng đem tiếng lạ về ca. Ca, cảm ca, tơ đồng vọng dang ra Cho thêm ý, nguồn hương thêm đầy dẫy. Màu như ru, sóng âm thanh xô đẩy. Bao hương thơm trong lời nguyện chiều nay, Lên bốc lên và ân huệ dường bay. Ôi! khí hậu lọc bao nguồn ánh sáng. Chưa no sao? Nhân từ êm vô hạn Do bàn tay Thiên Chúa chảy tuôn ra.</i>	05 10
---	--

¹ Câu 5-6, xin xem Tv 140/141,2.

Câu 22, xin xem ý nghĩa chuỗi Mân Côi.

Câu 23-24, xin xem Khải Huyền 5,1-5.

Câu 29-30, xin xem Khải Huyền 22,2.

Câu 33-34, xin xem Khải Huyền 5,1-10.

Câu 51-52, xin xem Mt 5,8; Khải Huyền 14,4.

Câu 65, xin xem Isaia 25,7-8.

Câu 68, xin xem Isai 25,6.

*Ca, cầm ca, tơ đồng vọng dang ra.
Đức ân ái đồn lên muôn trượng cả.
Hãy quỳ lạy nhìn xem cho sướng đã,
Cả lòng thơ say tới khí linh thiêng.
Nhạc nông say mà tình tự còn nguyên. 15
Cơn sốt sáng xinh hơn cầu vàng diệp,
Ngửa tay thôi, ơn trời đã xuống hiệp.
Trắng và trắng cho thấm hết mọi nơi.
Người thế gian, ôi miệng lưỡi đâu rồi?
Và tán tạ và không khen nước nở. 20
Trăng tờ mờ một trời mơ sớm nở
Bao hoa hồng màu nhiệm Nữ Vương xưa.
Ôi! đây là đền cao ngự nhà vua
Dòng Đa vít thuở xưa trời sáng cả.
Hãy quỳ lạy nhìn xem cho sướng đã, 25
Quê hương thơ đắm thấm biết đường nào.
Đây là vườn nên hoa lá xông xao.
Gió đổi mới thêm hương cho ánh sáng.
Mùa rộng rãi, trái trăng chao vô hạn,
Ngon thơm hơn thái tử bữa hôm nay. 30
Điệu đàn xưa không sánh kịp bùng dây
Bởi huyền diệu in như màu nguyệt bạch,
Bởi ước ao tuôn tràn vô pho sách,
Bởi Thánh kinh no chán nghĩa sâu xa
Ca, cầm ca, tơ đồng vọng dang ra. 35
Lần hít trí khôn ngoan người thế.
Người đã khẩn say sưa vô cùng để
Hiệp hòa thơ cho yêu mến băng khuâng,
Bao nhiêu lòng ai trút sạch láng láng.
Đây tất cả, hỡi ôi! Minh Thánh Chúa, 40
Của tế lễ là nguồn ơn chan chứa,*

Đáng trọng thiên và rất đáng mong ơn.
 Ly Tao rằng đàn ngọc cũng theo đờn
 Bởi đạo hạnh rung muôn dây tình cảm.
 Không mê chi kỳ trân người vàng chạm, 45
 Trời cỏ bông bay thú vị tiêu dao,
 Rượu nồng thơm say hoa nguyệt hồng đào.
 Đây chỉ mới xe vắn vương lòng dạ.
 Hãy quỳ lạy nhìn xem cho sướng đã,
 Không gì tiên cho sánh kịp bường thơ. 50
 Tính chất thanh mà phẩm vật không ngờ,
 Rất yêu chuộng màu nhơn đức sạch sẽ.
 Hồn vốn ưa phiêu diêu trong gió nhẹ,
 Bay giang hồ không sót một phương nào.
 Càng lên cao dây đồng vọng càng cao, 55
 Quyến rũ biết bao kinh cầu nguyện
 Và kết tinh thành hào quang kim tuyến
 Theo tràn về cho đến cõi vô biên.
 Hân hoan thôi! Thơ dường gặp hương nguyên
 Làm sum hiệp với muôn vì cả Thánh. 60
 Tôi là kẻ đi đường đêm gió lạnh,
 Không mong gì hơn kêu gọi tấm lòng thơ.
 Bởi chưng đây là xuân trước đợi chờ,
 Hơi ấm áp như một nguồn an ủi.
 Trời mở rộng và không ai hờn tủi, 65
 Lượng bao dong tha thiết cánh tay êm.
 Chao! Tràn trề là phúc hạnh ban đêm,
 Và đây chính là cao lương mỹ vị
 Của nguồn đạo mà ngày xưa Thánh khi
 Thơ với lòng ai phối hiệp nên duyên. 70
 Mà ai đâu cảm được nỗi niềm riêng.

*Ai đi lẳng lẳng trên làn nước,
Vội lại ai ngồi khít cạnh tôi? 10
Mà sao ngậm kín thơ đầy miệng
Không nói không rằng nín cả hơi?*

*Chao ôi! Ghê quá trong tư tưởng,
Một vũng cô liêu cũ vạn đời!
Chao ôi ghê quá! Chao ghê quá! 15
Cảm thấy hồn tôi ớn lạnh rồi!*

CUỐI THU ¹

*Lựa trời ai dệt với ai căng,
Ai thả chim bay đến Quảng Hàn,*

¹ Toàn cảnh bài thơ này diễn tả Mùa Vọng, với sự xuất hiện của Gioan Tẩy Giả trong hoang địa.

Câu 1-2: niềm hy vọng (lựa trời) với Thánh Thần Thiên Chúa (chim câu).

Câu 3, xin xem: Gioan 1,29 – câu này ở thời Hàn Mạc Tử được dịch là: “Đây là Chiên Thiên Chúa, đây Đấng gánh tội trần gian” – Đấng Cứu Thế là Con Chiên tinh sạch, đổ máu cứu đời.

Câu 4, xin xem: Bản văn Kinh Thánh nói áo lông lạc đà (Mt 3,4; Mc 1,6) nhưng trong tâm thức người Công giáo Việt Nam thường nghĩ là áo lông cừu. Ở Dacarica 13,4 chỉ nói là áo lông thú, không định rõ loại thú nào.

Câu 5, xin xem điệp khúc bài thánh ca Mùa Vọng: “Trời cao hãy đổ sương xuống, và ngàn mây hãy mưa Đấng Cứu Đời”.

Câu 9-10, Gioan Tẩy Giả xuất hiện trong hoang địa (x. Mt 3,1-12; Mc 1,2-6; Lc 3,1-5; Ga 1,19-28).

Câu 11-12, cây mảnh khảnh này là cây sậy (x. Mt 11,7-10; Lc 7,24-30).

Câu 13: tiếng khóc kêu than mong đợi của Dân Chúa trong Mùa Vọng.

Câu 14: Vì sao lạ chỉ Đấng Cứu Thế, xin xem Dân Số 24,17.

Câu 15: Người thơ ở đây là Đấng Cứu Thế - ss. Trong bài Ave Maria câu 35, Đấng Cứu Thế được gọi là “Thơ mẫu nhiệm”.

Câu 16: tình cảnh tội lỗi của nhân loại.

- Và ai gánh máu đi trên tuyết,
Mảnh áo da cừu ngấm nở nang.
- Mây vẽ hằng hà sa số lệ, 05
Là nguồn ly biệt giữa cô đơn.
Sao không tô điểm nên sương khói,
Trong cõi lòng tôi buổi chập chờn.
- Đáy bãi cô liêu lạnh hững hờ,
Vời buồn phơn phớt, vắng trơ vơ. 10
Cây gì mảnh khảnh run cầm cập,
Điềm báo thu vàng gầy xác xơ.
- Thu héo nức thành những tiếng khô.
Một vì sao lạ mọc phương mô?
Người thơ chưa thấy ra đời nhỉ? 15
Trinh bạch ai chôn tận đáy mô?

BIỂN HỒN TA

- Máu tim ta tuôn ra làm bể cả
Mà sóng lòng rần rật như mây trôi
Sóng lòng ta tràn lan ngoài xứ lạ
Dâng cao lên, cao tột tới trên trời.
- Ôi ta đã mửa ra từng búng huyết 05
Khi say sưa với lượn sóng triền miên
Khi nhận lấy trong thâm tâm cay nghiệt
Giọng hờn đau trăm vạn nỗi niềm riêng.
- Ta muốn níu hồn ai đương hiển hiện
Trong lòng và đang tắm máu sông ta 10
Ta muốn vớt ai ngoài sóng điện

Để nhìn xem sắc mặt với làn da.

*Ôi nông công! Ôi rô đại rô đại!
Ta đi thuyền trên mặt nước lòng ta*

Ôi nông công, ôi rô đại, rô đại 15
Ta cắm thuyền chính giữa vũng hồn ta.

XUÂN ĐẦU TIÊN

*Mai sáng mai, trời cao rộng quá
Gió căng hơi và nhạc lên mây
Đôi lòng cũng ấm như xuân ấm
Chỉ có áo xuân trắng trẻo thay!*

Mai này thiên địa mới tinh khôi 05
*Gió căng hơi và nhạc lên trời
Chim khuyên hát tiếng đầu tiên hết
Hoa lá hồ nghi sự lạ đời*

Trái cây bằng ngọc vỏ bằng gấm
Còn mặt trời kia tựa khối vàng 10
*Có người trai mới in như nguyệt
Gió căng hơi và nhạc lên ngàn*

*Thuở ấy càn khôn mới dựng nên
Mùa thơ chưa gặt tốt tươi lên
Người thơ phong vận như thơ ấy* 15
Nào đã ra đời ngọc biết tên

*Xuân gấm đầu tiên giữa cõi đời
Mùi thơm ngậy đại sóng con người
Hãy hoan hô, lời cao như sấm*
- Vạn tuế, bay ơi! Năng rợp trời! 20

SÂU VẠN CỔ

Lòng ta sâu thăm hơn mùa lạnh,
Hơn hết u buồn của nước mây,
Của những tình duyên thương lỡ dở,
Của lời rên siết gió heo may.

Cho ta nhận lấy không đền đáp, 05
Ôn trọng thiêng liêng xuống bởi trời,
Bằng tiếng kêu gào say chính choáng,
Bằng tim, bằng phổi nóng như sôi.

Và sóng buồn dâng ngập cả hồn,
Lan tràn đến bến mộng tân hôn. 10
Khóc cười nức nở nơi đầu miệng,
Là nghĩa, trời ơi, nghĩa héo hơn.

HỒN LÀ AI

Hồn là ai? Là ai? Tôi chẳng biết
Hồn theo tôi như muốn cợt tôi chơi
Môi đầy hương tôi không dám ngậm cười
Hồn vội mớm cho tôi bao ánh sáng
Tôi chết giả và no nê vô hạn 05
Cười như điên, sặc sụa cả mùi trắng
Áo tôi là một thứ ngọc hơn vàng
Hồn đã cấu, đã cào, nhai ngấu nghiền
Thịt da tôi sượng sần và tê điếng
Tôi đau vì rùng rợn đến vô biên 10
Tôi chìm hồn xuống một vũng trắng êm
Cho trắng ngập trắng đồn lên tới ngực
Hai chúng tôi lặng yên trong thổn thức

Rồi bay lên cho tới một hành tinh
 Cùng ngả nghiêng lẫn lộn giữa muôn hình 15
 Để gào thét một hơi cho rớt ốc
 Cả thiên đường trần gian và địa ngục.

Hồn là ai? Là ai? Tôi không hay
 Dẫn hồn đi rờng rã một đêm nay
 Hồn mệt lả mà tôi thì chết giấc. 20

TRƯỜNG THỌ

Ta sống mãi với trăng sao gấm vóc
 Trong nắng thom, trong tiếng nhạc thần bay
 Bút đề lên nền sáng báu năm mây
 Thơ chen lẫn vô trong nguồn cảm giác 05
 Ta uống hết nhũ hương và mộc dục
 Ổn làm sao – đây một miệng hào quang
 Đưa tay vơ cung cầm nguyệt mênh mang
 Chan chứa ý ly tao giây sáng sót
 Chế Lan Viên quì dâng tràng chuỗi hạt 10
 Cầu Khúc tình bằng chiếu mạng người thơ
 Nên đường trắng sáng láng tự bao giờ
 Lạy chín phẩm thiên thân xin chứng giám
 Ta sống mãi với muôn xuân đầm ấm
 Trong mây kinh và trong gió nguyện cầu 15
 Nào trần châu, nào thanh sắc cho mau
 Dâng hết cả! Thanh âm dường tú khí
 Hồn ta đây bắt diệt với Hà Sa
 Trí ta sẽ cuồng lên trong khoái trá
 Cho đóp mắt, cho mê tình bản ngã
 Hoan hô cao trường thọ đến vô biên 20
 Hoan hô cao vàng ngọc sẽ đoàn viên.

SIÊU THOÁT

*Mới hay cỡi siêu hình cao tốt bực,
Giữa hư vô xây dựng bởi trăng sao.*

*Xa lắm rồi, xa lắm, hãi đường bao!...
Ai tới đó chẳng mê man thân trí,
Toà châu báu kết bằng hương kỳ dị 05
Của tình yêu rung động lớp hào quang.*

*Những cù lao trôi nổi xứ mênh mang,
Sẽ qui tụ, thâu về trong một mối,
Và tư tưởng không bao giờ chấp nối
Là vì sao? Vì sợ kém thiêng liêng. 10
Trí vô cùng lan nghĩ rộng vô biên
Cắt nghĩa hết những anh hoa huyền bí.
Trời bát ngát không cần phô triết lý
Thơ lảng lai chấp choá những hàng châu
Ta hiểu chi trong áng gió nhiệm mầu? 15
Những hạt lệ của trích tiên đầy đọa.*

*A ha ha! Say sưa chề chán đã
Ta là ta hay không phải là ta?
Có gì đâu, cả thể với cao xa,
Như cõi rẽ của trăm nguồn đạo hạnh 20*

*Hớp rượu mạnh, máu càng hăng sức mạnh
Ôi điên rồ! Khoái lạc đến ngát ngư
Thương là thương lòng mình giận chưa nư
Hồn vội thoát ra khỏi bờ trí tuệ.*

NGOÀI VŨ TRỤ

*Lụt Hồng Thuỷ trời không cho tái lại,
 Khiến bồ câu bay bổng quá không gian.*

*Ra không gian là vượt hẳn thượng tầng.
 Tấp tới đến ở ngoài kia vũ trụ,
 Nơi khí vượng bốc ngàn muôn tinh tú, 05
 Nơi không cho hồn lai vãng quan chiêm.*

*Sách vô cùng, sáng láng cả mọi miền,
 Không u ám như cõi lòng ma quỷ.
 Vì có Đấng Hằng Sống, Hằng Ngự Trị,
 Nhạc thiêng liêng đồn trôi khắp hư linh. 10*

*Ôi say sưa trên hết các tục tình,
 Ô thú lạ, những phút giây thanh thoát
 Hương cho thơm ứ đầy hơi khoái lạc,
 Máu cho cuồng run giật đến miên man.*

*Hồn hỡi hồn, lên nữa, quá thịnh gian. 15
 Tìm tới chốn chiêm bao ngoài sự thực.
 Mộng là mộng tràn trề muôn vạn ức.
 Tình thơm tho như gấn lệ còn nguyên.*

*Ta ước ao đầu đội mào triều thiên,
 Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng. 20
 Ca những điệu ngọc vàng cao sang sáng,
 Lời vang xa truyền nhiễm đến vô song.*

*Bầu hạo nhiên lỏng lộng một màu trong,
 Không rung động bởi tơ huyền nao nức.
 Hồn hỡi hồn, bay ra ngoài kia mức, 25
 Nơi thiên sâu địa thẳm giới Lâm Bô*

Say máu ngà, say nữa tới chùng mô
Cả vũ trụ ta theo ngày phán xét
Là khủng khiếp: cả Trời Đất tiêu diệt...

TRÚT LINH HỒN

Máu đã khô rồi, thơ cũng khô
Tình ta chết yếu tự bao giờ
Từ nay trong gió – trong mưa gió
Lời thăm thương rên khắp nẻo mơ

Ta còn triu mển biết bao người 05
Vẻ đẹp xa hoa của một thời
Đầy lệ, đầy thương, đầy tuyệt vọng
Ôi! Giờ hấp hối sắp chia phôi.

Ta trút linh hồn giữa lúc đây 10
Gió sầu vô hạn thổi trong cây
Còn em sao chẳng hay gì cả?
Xin để tang anh đến vạn ngày.

VĂNG TRĂNG

Hãy nâng lên và nâng lên chút nữa
Sáng thom tho như ánh ngọc hừng đông.
Nhưng cao quá và căng lên dữ quá,
Dồn qua mau cho lút mức hư không.

Đã trong rồi và thanh tao đến tót 05
Bao nhiêu tơ chuyển được tiếng thơ bay.
Êm êm hơn đừng cho xanh lờn lợt,
E so le ý nguyện giữa đêm nay.

*Lạy Chúa tôi! vầng trăng cao giá lắm
Xin ban ơn bằng cách ánh thêm lên 10
Ánh thêm lên cho không gian rất ấm
Linh hồn thơ mát rợn với hương nguyệt.*

XUÂN NHƯ Ý

*Thần trí cao dâng đến chín trời
Cung cầm rất lạ nổi chơi vui
E khi mùi đạo là hương đức
Đớp mắt lên cho chí rưng rời*

*Hào quang vây riết điềm chiêm bao 05
Chúa hiện ra trong điệu nhạc nào
Đây đây no nê nguồn sáng láng
Rất nên trăng ngọc với vàng sao*

*Phút giây hoan lạc ngợp vô song
Bờ bến thơ đây rộn gió lòng 10
Ý đã nên sang, tình phải trọng
Cho mau, lời nguyện nóng lên không.*

*Chúa tôi, trên hết báu thanh xuân
Rất đã, rất no, ón bội phần
Lời đẹp cao rao muôn trượng cả: 15
Đây, xuân như ý, nguyện như rằm.*

NƯỚC MÂY

*Nắng nhạt, rừng tùng lách tiếng ca
Bên đèo em ngắm chân trời xa
Dưới đèo bóng mát lan bờ ruộng
Em cười niềm ra, trái ý ra.*

Hơi thở em nồng trộn với hương 05
*Với làn gió nhẹ với tình thương
Bao la như cảnh trong mơ ước
Tôi chỉ yêu em ở dọc đường.*

Vì chúng tâm trí chỉ bán khoăn
Đến sắc yêu kiều của mỹ nhân 10
*Ở chỗ sông hồ hay quyến luyến
Ở nơi tình tự của hoa trắng.*

Vì chúng u uẩn của lòng tôi
Chỉ biết khơi ra tản giữa trời
Vào lúc nắng chiều thôi rỡ lá 15
Vào hồi buổi lặng gió chơi vơi

Vì chúng ý nghĩa của tình yêu
Chỉ giải ra khi nhạt bóng chiều
Và chỉ phô trương màu nghệ thuật
Trên làn sóng áo lúc điều hiu. 20

Vì chúng tất cả vẻ ngây thơ
Quyến rũ mê hồn của gái tơ
Chỉ lộ nên tình trong sạch được
Là nhờ đứng lặng cảnh trong mơ.

<i>Tôi chỉ yêu em như thế này</i>	25
<i>Luôn bây giờ với mãi sau đây</i>	
<i>Lòng tôi áy náy trong khi gió</i>	
<i>Rủ rỉ bên tai chuyện nước mây...</i>	28

MÙA XUÂN CHÍN

<i>Trong làn nắng ửng: khói mơ tan,</i>	
<i>Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng.</i>	
<i>Sột soạt gió trêu tà áo biếc</i>	
<i>Trên giàn thiên lý... bóng xuân sang</i>	
<i>Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời</i>	05
<i>Bao cô thôn nữ hát trên đồi</i>	
<i>Ngày mai trong đám xuân xanh ấy</i>	
<i>Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...</i>	
<i>Tiếng ca vắt vẻo lưng chừng núi</i>	
<i>Hồn hển như lời của nước mây</i>	10
<i>Thâm thĩ với ai ngồi dưới trúc</i>	
<i>Nghe ra ý vị và thơ ngây...</i>	
<i>Khách xa gặp lúc mùa xuân chín</i>	
<i>Lòng trí bàng khuâng sực nhớ làng</i>	
<i>Chị ấy năm nay còn gánh thóc</i>	15
<i>Độc bờ sông trắng nắng chang chang?</i>	

HỒN LÀ KHỎI XÁC

Há miệng cho hồn văng lên muôn trượng,
Chơi vui trong khí hậu chín từng mây.
Ánh sáng lạ sẽ tan vào hư lãng,
Trời linh thiêng; cao cả gọi nồng say...

Vì không giới, nơi trầm hương vắng lặng, 05
Nên hồn bay vùn vụt tới trăng sao,
Sóng gió nổi rùng rùng như địa chấn,
Và muôn vàn thân phách ngã lao đao.

Cả hơi hám muôn xưa theo ám ảnh,
Hồn trơ vơ không biết lạc về đâu? 10
Và vương phải muôn vàn tinh khí lạnh,
Hồn mê man bất tỉnh một hồi lâu.

Rồi sáng sớm bay tìm muôn tử khí,
Mà muôn sao xa cách cõi hoang sơ.
Hồn cảm thấy bụi ngùi như róm lệ, 15
Thôi hồn ơi, phiêu dạt đến bao giờ!

Hồn hãy thoát ly ra ngoài tâm tưởng
Là hồn đừng nghĩ ngợi đến hồn trong,
Cứ để mặc hồn ngoài bay lửng vờng,
Ngao du cùng khắp cõi trí mênh mông. 20

Xác ta sẽ hút bao nguồn trắng loạn,
Ngắm vào trong cơ thể những hoa hương,
Và sẽ thở ra toàn hơi thở sáng,
Để trên cao, hồn khỏi lộn màu sương.

Rồi hồn ngắm tử thi hồn tan rã, 25
Bóc thành âm khí loãng nguyệt cầu xa.

*Hôn mát xác, hôn sẽ cười nghiêng ngả,
Và kêu rêu thảm thiết khắp bao la...*

*Ôi! Hôn thiêng liêng khôn bề chết đặng,
Làm sao hôn chẳng hiểu nghĩa vô biên. 30
Ngày tận thế là ngày tán loạn,
Xác của hôn, hôn của xác y nguyên.*

*Đêm nay ta khắc hôn ra khỏi miệng,
Để cho hôn đỡ bớt nỗi bi thương. 35
Nhưng khốn nỗi xác ta đành câm tiếng,
Hôn đi rồi, không nhập xác thê lương.*

MỘT NỬA TRĂNG

*Hôm nay có một nửa trăng thoi,
Một nửa trăng ai cắn vỡ rồi!
Ta nhớ mình xa thương đứt ruột!
Gió làm nên tội buổi chia phôi!*

SAO, VÀNG, SAO

*Thượng thanh khí tiết ra nguồn tinh khí
Xa xôi đời trắng mọc nước Huyền Vi
Đáy Miên trường, đáy Vĩnh Cửu, Tê Phi!
Cao cao vượt với hai hàng bóng vía
Trời nhật nguyệt cầu vòng bắt tứ phía, 05
Ôi Hoàng Hoa, hồn phách đến nơi đây?
Hương ân tình cho kết lại thành dây,
Mong manh như lời nhớ thương hàng triệu
Đàn cung bậc gió dồn lên âm điệu
Sững lòng chưa? Say chấp cả thanh bai 10
Sang chơi thôi, sang chơi thôi! Mà ai,
Thu đây rồi, bước lên cầu Ô Thước,
Sao! Vàng sao rơi đầy trên sóng nước
Đừng ngả tay mà hứng máu trời sa
Thôi kéo về đừng cho lòng bay xa... 15
Thu vươn ra, thu vươn ra như ý...
Mau rất mau trong muôn hoa kiều mỹ
Mùa rất trai và ánh sáng rất cao
Đừng nói buồn mà không khí nao nao
Để chơi vui này bông trắng lá gió 20
Để phiêu phiêu này tờ thơ vàng vọ
Để dầm dề hạt lệ ta đôi ta
Tầng thượng tầng lâu đài ngọc đơm ra
Khói nhạt nhạt xen vô màu xanh biếc.
Tiếng huyền địch gò theo tia yến nguyệt 25
Đẩy đưa dài hơi ngào ngạt trầm mơ.
Thình không tan như bào ảnh hư vô
Giải Ngân hà biến theo cầu Ô Thước.
Và ước ao và nhớ nhung lần lượt
Đắm im lìm trong mường tượng buồn thiu.*

TRÍCH TUYỂN VĂN HÀN MẠC TỬ

LỜI TỰA ĐAU THƯƠNG

Ai nói vườn trăng là nói vườn mơ. Ai nói đến mộng là nói bến tình. Người thơ là khách lạ đi giữa nguồn trong trẻo. Trên đầu Người là cao cả, vô biên và vô lượng; xung quanh Người là cơn trớn với yêu đương vây phủ bởi trăm dây quyến luyến - làm bằng êm dịu, làm bằng thanh bai... Gió phương mô đẩy đưa Người đến bờ xa lạ, đầy trinh tiết và đầy thanh sắc. Người dừng lại để hái những lá tinh hoa. Người nín lặng để mà nghe tiếng trăng reo vang vang như tiếng châu báu vỡ lở. À ra Người cũng đại dột, hốt vàng rơi bọc trong vạt áo. Trí Người đã dâng cao và thơ Người dâng cao hơn nữa. Thì ra Người đang say sưa đi trong Mơ Ước, trong Huyền Diệu, trong Sáng Láng và vượt hẳn ngoài Hư Linh....

Tôi làm thơ?

- Nghĩa là tôi nhấn một cung đàn, bấm một đường tơ, rung rinh một làn ánh sáng...

Anh sẽ thấy hơi đàn lả lướt theo hơi thở của hồn tôi, và chiều theo những sóng điện nóng ran trút xuống bởi năm đầu ngón tay uyển chuyển.

Anh sẽ run theo khúc ngân nga của tơ đồng, sẽ để mặc cho giai âm rền rĩ nuôi không ngưng.

Và anh sẽ cảm giác lạ, nhìn không chớp mắt khi một tia sáng xôn xao tại có vì sao vỡ. Những thứ ấy là âm điệu của thơ tôi, âm điệu thiêng liêng tạo ra trong khi máu cuồn rền vang dưới ngòi bút.

Tôi làm thơ?

- Nghĩa là tôi yếu đuối quá. Tôi bị cảm dỗ. Tôi phản lại tất cả những gì mà lòng tôi, máu tôi, hồn tôi đều hết sức giữ bí mật. Và cũng có nghĩa là tôi đã mất trí, tôi phát điên. Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú... Có ai ngăn cản được tiếng lòng tôi?

+

Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn. Tôi đã phát triển hết cả cảm giác của Tình yêu. Tôi đã vui, buồn, giận, hờn đến gần đứt sự sống.

+

- Thôi, mời cô cứ vào....

Ánh sáng lạ trong thơ tôi sẽ làm cho gò má cô đỏ gấc. Và một khi cô đã vào là cô sẽ lạc, vì vườn thơ rộng rinh không bờ bến. Càng đi xa càng ớn lạnh.....

(1938)

LỜI TỰA "XUÂN NHƯ Ý"

Cho mau lên! Dồn ánh nguyệt vào đây... Lời thơ ta sẽ sáng trưng như thất bảo. Tình cảm ta sẽ nóng ran như mặt trời. Ý ta sẽ cao cường như ngọn núi. Lạy Chúa Trời tôi! Hãy ban cho tôi hằng hà sa số là ơn lành, ơn cả... Thơ tôi sẽ rất no, rất ớn, rất nư, trọng vọng như tài hoa, cao sang như nhân đức, chói chang vô vàn phước lộc...

Ôi! Trời hạo nhiên đây không phải là công trình châu báu của Người sao? Lòng vô lượng đây không phải do phép tắc màu nhiệm của Đấng Vô thử Vô chung?

Đưa ra nào là nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc và hoa
trinh bạch, đàn ly tao, tranh tuyệt phẩm...

Đưa ra nào là gió chia biệt, trăng đoàn viên, chim tứ chiếng, mây
giang hồ, và nào là trời thanh sắc, lòng nhũ hương, niềm mịch được.

Vẫn chưa bưa, chưa đã, chưa nguôi được chí muôn sao...!

Phải mời cho được Xuân thiêng ra đời...

Bình an cả và thiên hạ...

Vì chưng muôn xuân là lương thực ngon ngọt, mỹ vị, ánh
xuân là nguồn tư tưởng thơm tho, tinh khiết, khí xuân là mạch
trường sinh bất tử, tình xuân là cung cầm nguyệt mê ly, tuổi xuân là
Ngọc Như Ý, tên xuân là Dạ Lan Hương.

Và xuân là phong thái hòa của năm muôn năm, trời muôn
trời, châu lưu trên thượng tầng không khí, bàn bạc dải cát Hà sa,
chen lấn vô tận hồn tạo vật...

Loài người hãy tận hưởng một hơi cho đã ngán và cao rao
danh Cha cả sáng. Và loài người hãy cảm ơn Thi nhân đã đổ ra biết
bao nhiêu nguồn máu lệ, đã từng uống mật đắng cay trong khi
miệng vẫn tươi cười sốt sáng...

Hãy cầu nguyện bằng trăm kính mây gió,

Hãy dâng cho một tràng chuỗi trắng sao...

Thi nhân sẽ vừa say sưa, vừa điên cuồng, ọc ra từng búng thơ
sáng láng, phương phi như một mùa XUÂN NHƯ Ý.

Sau Thiên Chúa giáng sinh năm 1939

*Viết tại Quy Nhơn trong một ngày rất say, rất dại và rất nhớ,
rất thương.*

CHƠI GIỮA MÙA TRĂNG

Trăng là ánh sáng? Nhất là trăng giữa mùa thu, ánh sáng càng thêm kỳ ảo, thơm thơm, và nếu người thơ lắng nghe một cách ung dung, sẽ nhận thấy có nhiều miếng nhạc say say gió xé rách lá tả... Và rơi đến đâu, chạm vào thứ gì là chỗ ấy, thứ ấy vang lên tuy chẳng một ai thấy rõ sức rung động. Nghĩa là trăng rằm trung thu: một đêm siêu hình, vô lượng, tượng trưng của một mùa ao ước, xây bằng châu lệ, làm bằng chia ly, và hơn nữa, hiện hình của một nguồn khoái lạc chề chán... Phải không hở chàng Ngưu và ả Chức?

Sông? Là một dải lụa bạch, không, là một đường trăng trải chiếu vàng, hai bên bờ là động cát và rừng xanh và hoang vu và thanh tịnh. Chị tôi và tôi đồng cầm một mái chèo con, nhẹ nhàng lùa những dòng vàng trôi trên mặt nước.

Chị tôi cười nả nót, tiếng cười trong như thủy tinh và thanh khiết lạ thường, luôn luôn cứ hỏi tôi và đố tôi cho kỳ được: “Này chị đố em nhé, trăng mọc dưới nước hay mọc trên trời, và chúng mình đi thuyền trên trời hay dưới nước?”. Tôi ngược mắt ngó lên trời rồi ngó xuống nước và cũng cười đáp lại” “Cả và hai chị ạ”. Sướng quá, chao ôi, hai chị em lại thỉnh thoảng rú lên cười làm náo động luồng tinh khí của hạ thiên.

Vậy chúng tôi bằng ánh sáng, bằng huyền diệu chưa đủ, Ngưu lang và Chức nữ, chúa của đêm trung thu còn sai gió mang lại gần chúng tôi một thứ mùi băng phiến: trong ấy biết đâu lại không phảng phất những tiếng kêu rên của thương nhớ xa xưa... Thuyền đi êm ái quá, chúng tôi cứ ngỡ là đi trong vũng chiêm bao, và say sưa ngây ngất vì ánh sáng, hai chị em như đê mê, không còn biết có mình và nhận mình là ai nữa. Huyền ảo khởi sự. Mỗi phút trăng lên mỗi cao, khí hậu cũng tăng sức ôn hòa lên mấy độ, và trí tuệ, và

mộng, và thơ, và nước, và thuyền dâng lên, đồng dâng lên như khói... Ở thượng tầng không khí, sông Ngân Hà trình bạch đường đẫm chìm các ngôi sao đi lạc đường. Chị tôi bỗng reo to: “Đã gần tới sông Ngân rồi! Chèo mau lên em! Ta cho thuyền đậu ở bến Hàn Giang!”.

Đi trong thuyền chúng tôi có cái cảm tưởng lý thú là đương chở một thuyền hào quang, một thuyền châu ngọc, vì luôn luôn có những vì tinh tú hình như rơi rụng xuống thuyền...

Trên kia, phải rồi, in hình có một vì tiên nữ đang kêu thuyền để qua giang.

Thình lình vùng mộng của chúng tôi bốt vể sáng lạn. Chị tôi liền chỉ tay về phía bến đò thôn Chùa Mo¹ và bảo tôi rằng: “Thôi rồi! Trí ơi! Con trăng nó bị vướng trên cành trúc kia kia, thấy không? Nó gỡ mãi mà không sao thoát ra được, biết làm thế nào, hử Trí”. Tôi cười: “Hay là chị em ta cho thuyền đỗ vào bến này, rồi ta trèo lên động cát với tay gỡ hộ cho trăng thoát nạn”. Hai chị em liền giấu thuyền trong một bụi hoa lau bông vàng phơi phới, rồi cùng lạc vào một đường lối rất lạ, chân dẫm lên cát mà cứ ngỡ là bước trên phiến lụa. Nước suối chảy ở hang đá trắng, tinh khiết như mạch nước ngọc tuyền, chòm lên những vừng lá, hể trông đến là kinh hãi vì nó giống con bạch hoa xà như tạc...

Sao đêm nay kiêu diễm như bức tranh linh động thế này? Tôi muốn hỏi xem chị tôi có thấy ngọt ngào trong cổ họng như vừa uống xong một ngụm nước lạnh, mát đến tê hết cả lưỡi và hàm răng? Chị tôi làm thình – mà từng lá trăng rơi lên xiêm áo như những mảnh nhạc vàng. Động là một thứ hòn non bằng cát trắng quá, trắng hơn da thịt của người tiên, của lụa bạch, hơn phẩm giá của tiết trinh – một màu trắng mà tôi cứ muốn lăn lộn điên cuồng,

¹ Một làng ở cửa biển Quảng Ngãi.

muốn kè môi hôn, hay áp má lên để hưởng sức mát rượi dịu dàng của cát...

Hai chị em đồng dang tay níu áo gượng vào nhau dần bước lên cao... Thỉnh thoảng mỗi hai đầu gối quá, cả chị liền em đồng ngã lăn ra. Lại một dịp cho tiếng cười của chị tôi được nở ra giòn tan trong không khí. Lên tới đỉnh là hao mòn đi một ít. Nhưng mà ngợp quá sáng quá, hứng trí làm sao? Đây có phải là nước Nhược non Bồng, động phủ thần tiên ngàn xưa còn sót lại? Nhìn xuống cát cố tìm dấu tích gì lưu lại một vết chân của Đào Nguyên Tiên nữ, nhưng tấm cát phẳng lờ của lụa căng, trinh bạch làm sao.

Bất tri thử địa quy hà xứ

Tu tuyện Đào Nguyên vấn chủ nhân?

Bây giờ chúng tôi đương ở giữa mùa trăng, mở mắt cũng không thấy rõ đâu là chín phương trời, mười phương Phật nữa. Cả không gian đều chập chờn những màu sắc phiêu diêu đến nỗi đôi đồng tử của chị tôi và tôi lơ đi vì chói lói... ở chỗ nào cũng có trăng, có ánh sáng cả, tưởng chừng như cả bầu thế giới chở chúng tôi đây cũng đang ngập lụt trong trăng và đang trôi nổi bình bồng đến một địa cầu nào khác.

Ánh sáng tràn trề, ánh sáng tràn lan, chị tôi và tôi đều ngả vạt áo ra bọc lấy, như bọc lấy đồ châu báu... Tôi bỗng thấy chị tôi có vẻ thanh thoát quá, tinh khôi, tươi tốt và oai nghi như pho tượng Đức Bà Maria là đức tinh tuyền chí thánh. Tôi muốn sốt sáng quỳ lạy mong ơn bào chữa. Nhưng trời ơi, sao đêm nay chị tôi đẹp đẽ đến thế này. Nước da của chị tôi đã trắng, mà vận áo quần bằng hàng trắng nữa, trông thanh bạch quá đi.

Tôi nắm tay chị tôi giật lia lịa và hỏi một câu hỏi tức cười làm sao: “Có phải chị không hở chị?”. Tôi run run khi tôi có cái ý nghĩ:

chị tôi là một nàng Ngọc nữ, một hồn ma, hay một yêu tinh. Nhưng tôi lại phì cười và vội reo lên: “A ha, chị Lễ ơi, chị là trăng mà em đây cũng là trăng nữa!”.

Ngó lại chị tôi và tôi, thì quả nhiên là trăng thiết. Chị tôi hí hửng như xuân, chạy nhảy xênh xang cơ hồ được dịp phát triển hết cả ngây thơ của người con gái mười lăm tuổi, tôi ngắm mãi chị tôi, và tự vui sướng trong lòng vô hạn. Có lúc tôi đã kiêu ngạo thay cho sắc đẹp như mì ấy, mà chỉ dưới trời thu đêm nay tôi mới biết thương thức. Những phút sáng láng như hôm nay, soi sáng linh hồn tôi, và giải thoát cái “ta” của tôi ra khỏi nơi giam cầm của xác thịt... Tôi bỗng rú lên một cách điên cuồng, và chực ngửa tay hứng một vì sao đang rụng. Chị tôi đằng xa chạy lại bảo tôi:

- Em la to quá, chị sợ âm thanh rung động đến khí trời, rồi những ánh trăng sẽ tan ra bọt mát...

- Không, không, chị ơi! Rồi ánh sáng đêm nay sẽ tan đi, ta sẽ buồn thương và nhớ tiếc. Em muốn bay thẳng lên trời để tìm ánh sáng muôn năm thôi...

QUAN NIỆM THƠ

Gửi Trọng Miên

Miên có hỏi Trí về quan niệm thơ. Đối với Trí, quan niệm rất khác thường, không giống Baudelaire lắm. Theo Baudelaire thì va lấy passion làm hứng vị cho thơ. Trước kia nếu Miên lấy tập *Thơ Diên* của Trí ra, Miên sẽ thấy nhiều bài thấm thía những tình cảm rất nồng và rất say sưa... Trí đã phát tiết hết tinh lực của hồn, của máu, bằng những câu thơ ngắt đi vì khoái lạc. Chỗ ấy hơi đồng một quan niệm với Baudelaire. Trí nói hơi đồng thôi, vì trong khi làm

thơ, Trí đã tận hưởng những phong vị của nhạc, của hoa, của trăng, của gái một cách vô tội. Chứ đối với Baudelaire, va đã nói “la passion est chose naturelle” ... nghĩa là va đã hiểu lắm chữ passion rồi vậy.

Tình cảm – hay cảm hứng (enthousiasme) – với dục tình (passion) khác nhau nhiều. Tình cảm là sự thanh bạch hồn nhiên, không một chút gì bợn nhơ, tội lỗi, còn dục tình là cả một sự ham muốn phi thường, ngoài điều răn của Đức Chúa Trời ... Đức Chúa Trời đã tạo ra trăng, hoa, nhạc, hương là để cho người đời hưởng thụ (éléments de la poésie) nhưng người đời u mê phần nhiều không biết tận hưởng một cách say sưa, và nhân đấy chiêm nghiệm lẽ màu nhiệm, phép tắc của Đấng chí tôn. Vì thế trừ hai loài trọng vọng là thiên thần và loài người ta, Đức Chúa Trời phải cho ra đời một loài thứ ba nữa: Loài thi sĩ. Loại này là những bông hoa quý và rất hiếm, sinh ra đời với một sứ mệnh rất thiêng liêng: Phải biết tận hưởng những công trình châu báu của Đức Chúa Trời đã gây nên, ca ngợi những quyền phép của Người và trút vào linh hồn người ta những nguồn khoái lạc mê mê, nhưng rất thơm tho, rất tinh sạch (but de poésie). Bởi muốn cho loài thi sĩ làm trọn nhiệm vụ ở thế gian này, nghĩa là tạo ra những tác phẩm tuyệt diệu, lưu danh lại muôn đời, Người bắt chúng mua bằng giá máu, luôn có một định mệnh tàn khốc theo riết bên mình:

Không rên siết là thơ vô nghĩa lý.

Hay:

Ta hiểu chi trong ánh gió nhiệm màu

Những hạt lệ của trích tiên dày đọa.

Cho nên thơ là một tiếng kêu rên thảm thiết của một linh hồn thương nhớ, ước ao trở lại trời, là nơi đã sống ngàn kiếp vô thủy vô chung, với những hạnh phúc bất tuyệt. Thi sĩ rơi xuống cõi đời, bơ vơ, ngỡ ngàng và lạ lẫm. Không có lấy một người hiểu mình. Thi sĩ

đã ngất ngư trong khi nuốt hết khí vị thanh tao của mùa xuân ấm, của tất cả những lương thực ngọt ngào mỹ vị làm bằng hương báu, làm bằng nhạc thiêng, làm bằng rượu say, làm bằng châu lệ (genèse d'un poème). Song le miệng lưỡi của thi sĩ ra vẫn còn nóng ran, vẫn còn khát khao thềm thường những vật lạ muôn đời (génie créateur, aimant toujours le nouveau). Của thế gian nếm mãi chưa bưa, chưa ớn, chưa hả hê chút nào. Thi sĩ vẫn đi tìm mãi, vẫn còn kêu rên thảm thiết, để đi đến cõi ước mơ hoàn toàn. Trong đời thi sĩ, thi sĩ đã sống cô độc, những người con gái rất xinh đẹp cũng không làm cho thi sĩ vui đặng, vì thi sĩ nhận thấy ở người con trai cũng như người con gái, đều có một tâm thuật nhỏ nhoi, tâm thường không hợp với tính tình thanh cao của thi sĩ. Vì thế thi sĩ cứ kêu rên thảm thiết là để tìm một người tri kỷ. Mà than ôi, không bao giờ thi sĩ tìm đặng. Người tri kỷ của thi sĩ phải là một bậc cao quý, toàn tài, toàn năng, một đấng mà thi sĩ nhận lấy như là hết mọi sự - Đấng ấy là Đức Chúa Trời. Thi sĩ có thể trút hết hận tình với Đức Chúa Trời, kể lể hết niềm đau thương với Người, dâng cho Người những bài thơ sáng láng, anh hoa, thế mới là mãn nguyện. Vì Đức Chúa Trời đã tạo ra thơ ở thế gian này, nhưng thi sĩ là người khao khát vô tận, cứ nhất định muốn hưởng cái thơ trên cái thơ khác nữa. Chỉ có Đức Chúa Trời mới làm vừa lòng thi sĩ. Cho nên tất cả thi sĩ ở trong đời phải quy tụ, phải đi khơi mạch thơ ở Đức Chúa Trời. Thi sĩ không phải là một người thường. Với một sứ mệnh của Trời, thi sĩ phải biết đem tài năng ra ca ngợi Đấng Chí Tôn và làm cho người đời thấy rõ vẻ đẹp của thơ, để đưa nhau nhìn nhận và tận hưởng. Những thi sĩ nào không biết đem tài ứng dụng vào chỗ tốt đẹp thì sẽ bị Đức Chúa Trời lấy tài lại một cách nhân tiền!

Miên ơi, như thế là Miên đã hiểu thế nào là quan niệm của Trí về thơ. Thơ là sự ham muốn vô biên những nguồn khoái lạc trong

trắng của một cõi trời cách biệt. Câu này ăn ý với câu: thơ là những tiếng kêu rên thảm thiết của một linh hồn thương nhớ cảnh chiêm bao, giải thích bằng hai mặt lạc quan và bi quan.

Trí đã tóm tắt những ý đã nói. Có điều này nữa, Trí khác hẳn với Baudelaire. Baudelaire nói: thơ văn không thể dung hòa với khoa học hay luân lý (hoặc tôn giáo cũng thế) và thơ văn không thể lấy chân lý làm chủ đích được, thơ chỉ là thơ (*La poésie ne peut pas sous peine de mort ou de déchéance, s'assimiler à la science ou à la morale. Elle n'a pas la vérité pour objet, elle n'a qu'elle même*). Baudelaire nói trái nghịch với lẽ tự nhiên. Sở dĩ thơ văn được phong phú, dồi dào, phát triển hết cả anh hoa, huyền bí và vượt lên những tầng biên giới tân kỳ, mới lạ, cũng nhờ khoa học điểm xuyết cả. Còn luân lý là tiêu chuẩn cho văn thơ, không có nó thì thơ văn chẳng còn ra cái mùi mẫn gì nữa. Nếu để thơ trở lại một mình, thơ sẽ lạt lẽo vô duyên, không có phong vị gì nữa. Baudelaire thuộc về phái vô thần, nên không tin Chân lý, không nhận Chân lý làm tiêu chuẩn cho thơ văn. Còn Trí phải lấy Đức Chúa Trời làm chân lý, làm tiêu chuẩn cho văn thơ. Văn thơ không phải bởi không mà có.

Quy Nhơn, Juin, 1939

HỒN THANH KHIẾT

¹ Hỡi các thiên thần trên trời, thiên thần của Chúa, thiên thần bình an hoan lạc, xin mang xuống cho tôi một triều thiên.

² Tôi những muốn tắm gội trong Đại dương ánh sáng và tình yêu Thiên Chúa.

³ Vì nơi dương thế đã thể hiện những phép lạ khiến con người ngất ngây thán phục công trình huyền nhiệm của Đấng Tối Cao.

⁴ Hỡi các thiên thần trên trời, thiên thần của Chúa, thiên thần bình an hoan lạc, kìa các vị thấy chẳng, hào quang đang rạng tỏ... màu tuyết trắng tinh..., hình hài trinh nguyên vô nhiễm..., hồn thiêng hiển hiện chốn dương trần... Thoạt nhìn, tưởng là hồn các thánh, là chất thơ, là tinh hoa kinh nguyện, đáng lẽ tỏa thành thanh hương, thanh khí, nhưng lại khiêm tốn nhận thân phận làm người!

⁵ Hỡi các thiên thần trên trời, thiên thần của Chúa, thiên thần bình an hoan lạc, xin vỗ tay mừng: Vì đây là các Mẹ và các Chị dòng Phan Sinh, vào đời để thoa dịu những đau thương sâu khổ của người trần yếu đuối, người bệnh hoạn và cả những người phong cùi như chúng tôi.

⁶ Tôi muốn ca lên bài ca tán tụng, muốn uống thỏa thích những lời ngọt ngào khi các bà hát: Hosanna! Hosanna! (Hoan hô Chúa! Hoan hô Chúa!)

⁷ Tôi muốn đời đời cảm mộ vẻ trong trắng tinh tuyền và tươi mát ấy, hào quang ấy, chất thơ ấy, vì tất cả đây là biểu hiệu của HỒN THANH KHIẾT.

⁸ Hỡi các thiên thần trên trời, thiên thần của Chúa, thiên thần bình an hoan lạc, xin cùng nhau tung lên những hoa hồng, hoa súng, cất lên những khúc hát du dương, tấu lên những điệu nhạc thơm, và hãy tuôn đổ chan hòa các nhân đức, lòng dững cảm và nguồn hạnh phúc giữa các nữ tì của Chúa”¹.

Phanxicô Trí

Deo gratias! (Tạ ơn Chúa!)

Đêm thứ tư, 24 tháng Mười 1940

(*Bản Việt ngữ của Phạm Đình Khiêm*)

¹ Dục Đức Phạm Đình Khiêm, *Hàn Mạc Tử La pureté de l'âme*, 1974.

3.

Đóng góp của
Giáo sư PHAN CỰ ĐỆ



1. Tưởng niệm giáo sư viện sĩ Phan Cự Đệ

Giáo sư Phan Cự Đệ (1933-2007) luôn là người thầy tâm huyết, uyên bác và là chỗ dựa tinh thần của nhiều thế hệ học trò. Ông là một trí thức lớn của đất nước, là một trong những nhà phê bình, lý luận văn học hàng đầu tại Việt Nam.

Sinh ngày 20-7-1933 trong một gia đình nhà nho ở xã Quỳnh Đôi, huyện Quỳnh Lưu (Nghệ An) - Phan Cự Đệ được thừa hưởng truyền thống hiếu học và văn hoá của dòng họ.

Sau khi tốt nghiệp đại học, ông được giữ lại giảng dạy bộ môn Văn học Việt Nam tại Đại học Sư phạm Hà Nội (1957-1959), tại

khoa Ngữ văn, Đại học Tổng hợp Hà Nội (sau này là Đại Học Khoa học Xã hội & Nhân văn, thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội - một cơ sở đầu ngành đại học của cả nước (1959-2003) – nơi giảng dạy, nghiên cứu về văn học Việt Nam, văn học nước ngoài, Hán Nôm, ngôn ngữ, lý luận văn học với một hệ thống giáo trình, sách chuyên đề, chuyên luận có quy mô, chất lượng, uy tín khoa học.

Ngoài 30 tuổi, Phan Cự Đệ đã có giáo trình viết về “Phong trào thơ mới” và đã hướng dẫn luận văn tốt nghiệp cho nhiều sinh viên. Ông được phong Phó giáo sư (1984) rồi Giáo sư (1991) và Nhà giáo Nhân dân (2002).

Song song với công tác giảng dạy, ông còn là người say mê nghiên cứu lý luận, đặc biệt là thể loại tiểu thuyết. Hơn 50 năm lao động miệt mài, ông đã xuất bản hơn 30 đầu sách thuộc các thể loại lý luận, phê bình, nghiên cứu văn học. Phan Cự Đệ là một nhà lý luận văn học có tầm cỡ, người thầy hết lòng tận tụy.

Trong những năm gần đây, Giáo sư Phan Cự Đệ còn được biết đến với tư cách là Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu văn hoá quốc tế; Chủ tịch Câu lạc bộ Giao lưu văn hoá - kinh tế quốc tế. Trung tâm này đã thu hút nhiều sứ quán, các tổ chức nước ngoài tại Hà Nội, đã tổ chức nhiều hội thảo quốc tế, góp phần nâng cao kiến thức văn hoá cho nhiều người Việt Nam và giúp bạn bè quốc tế hiểu biết hơn về đất nước, con người và văn hóa Việt Nam. Năm 2000, ông được Viện Hàn lâm Thông tin Quốc tế Liên bang Nga phong danh hiệu Viện sĩ.

Có thể nói, Phan Cự Đệ là một trong những “cầu nối” giữa văn hoá Việt Nam và văn hoá thế giới. Những chức danh như: Giáo sư, Nhà giáo Nhân dân và Viện sĩ chính là sự ghi nhận những đóng góp xuất sắc của ông cho nền văn hoá, văn học đất nước và quốc tế.

Ông đột ngột qua đời do nhồi máu cơ tim ngày 05-9-2007, là một mất mát lớn cho văn học Việt Nam, cách riêng là cho mảng nghiên cứu về Hàn Mạc Tử.

Ở đây, một lần nữa, chúng tôi chân thành tưởng nhớ và tri ân Giáo sư Phan Cự Đệ, vì một lượng nội dung rất lớn trong tập này được lấy lại từ nguồn tài liệu trong hai quyển sách của ông.

(Phần tiểu sử được viết theo báo Lao Động 05-9-2007, Wikipedia và Sách “Bút danh người còn mãi với thời gian”, Nxb Văn học 2009, tr. 178-180).

2. Tác phẩm về Hàn Mạc Tử

Năm 1987, nhà thơ Chế Lan Viên đã ấn hành *Tuyển tập Hàn Mạc Tử* (nxb Văn Học). Theo Giáo sư Phan Cự Đệ, để tránh ngộ nhận, Chế Lan Viên đành phải cắt bỏ một số câu thơ đạo, cụ thể như trong hai bài *Sao, vàng, sao* và *Ave Maria*; và “Có khi cắt bỏ hàng loạt bài thơ như *Nguồn thơm, Say thơ, Đêm xuân cầu nguyện* trong tập *Xuân như ý*” (x. PCĐ-1, tr. 28-29). Một số trang mạng giới thiệu thơ Hàn Mạc Tử có lẽ đã lấy theo ấn bản 1987 ấy nên đều thiếu những phần đã bị cắt bỏ. Tới năm 2002, Phan Cự Đệ ấn hành *Hàn Mạc Tử, Tác Phẩm, Phê Bình và Tưởng Niệm* (Nxb Văn Học). Lúc này những nguy cơ ngộ nhận kể như không còn, người biên soạn đã giới thiệu tất cả mọi bài thơ và cả văn xuôi của Hàn Mạc Tử mà ông tìm được, không lược bỏ câu nào. Lần đầu tiên, độc giả yêu văn thơ Hàn Mạc Tử có được một sưu tập phong phú của di sản Hàn Mạc Tử. Đi xa hơn nữa, cũng năm 2002, quyển *Hàn Mạc Tử - về Tác Giả và Tác Phẩm* được Nxb Giáo dục đưa vào bộ sách tư liệu tham khảo. “Cuốn sách tập hợp nhiều bài viết của nhiều tác giả khác nhau nhằm giúp cho độc giả có một cái nhìn toàn diện và chính xác hơn về Hàn Mạc Tử - một thi sĩ nổi tiếng độc đáo trong

nền thi ca Việt Nam hiện đại mà tác phẩm đã được đưa vào chương trình giảng dạy ở Phổ thông và Đại học” (*Lời nói đầu của Nxb, sđd, trang 6*).

3. Những nhận định về Hàn Mạc Tử

Giáo sư Phan Cự Đệ không những tập hợp các tác phẩm Hàn Mạc Tử và những bài nhiều người khác viết về Hàn Mạc Tử, từ những góc độ khác nhau, mà còn đích thân tham gia với những bài viết nêu rõ nhận định của bản thân ông. Từ các bài viết ấy, chúng tôi xin được trích lại ở đây phần nội dung liên hệ đến thơ đạo của Hàn Mạc Tử.

Lm TRĂNG THẬP TỰ

4. Những bài trong phần này:

- THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT ĐỘC ĐÁO CỦA HÀN MẠC TỬ - *PHAN CỰ ĐỆ*
- CHẤT ĐẠO VÀ CHẤT ĐỜI TRONG THƠ HÀN MẠC TỬ - *PHAN CỰ ĐỆ*
- HÀN MẠC TỬ VÀ TÔN GIÁO – *PHAN CỰ ĐỆ*

THẾ GIỚI NGHỆ THUẬT ĐỘC ĐÁO CỦA HÀN MẠC TỬ

PHAN CỰ ĐỆ

(Trích đoạn)

Võ Long Tê cho rằng bài *Tựa tập Đau thương* đã chứa đựng những yếu tố thiết yếu cho một thi học mới mà Hàn Mạc Tử có dịp giải bày rõ ràng hơn trong bài *Tựa Xuân như ý*, trong *Quan niệm thơ* (Gửi Trọng Miên). Đó là một quan niệm thơ tôn giáo đánh dấu sự hòa giải nghệ thuật với đức tin và thông qua quan niệm ấy, nhà thơ gặp lại luận đề nổi tiếng của linh mục Brémond về mối tương đồng giữa thơ và kinh cầu nguyện.

Trong thi học ấy của Hàn Mạc Tử, chúng ta có thể phát hiện những gì nhà thơ vay mượn của các tác giả hàng yêu thích trong đó phải kể Verlaine, Rimbaud, Péguy và Claudel (*Kinh nghiệm thơ và hành trình tinh thần của Hàn Mạc Tử*).

Trong thư trả lời chúng tôi ngày 3-12-1990, nhà nghiên cứu Võ Long Tê nói rõ hơn ảnh hưởng Paul Claudel đối với Hàn Mạc Tử: “Lẽ dĩ nhiên là có, song Hàn Mạc Tử đã tiếp thu với tinh thần sáng tạo. Trong sách *Paul Claudel et la spiritualité théosienne*” (đã xuất bản) và riêng về bài *Say thơ* của Hàn Mạc Tử, tôi có đề cập đến chủ thuyết “Vibration” trong “Les cinq grandes Odes” mà chúng ta có thể thấy trong câu “Ca cầm ca, tơ đồng vọng dang ra” của Hàn Mạc Tử. Còn về cái “điên’ của nhà thơ, chúng ta đã gặp trong bài Hymne de la Pentecôte (1909) của Claudel: “O Dieu, j’entends mon âme folle en moi qui pleure et qui chante” mà tôi đã dịch:

*Chúa ơi, hồn con cuồng điên lãng đãng
Con nghe bật ra tiếng khóc tiếng ca.*

Tôi đã có một dịch phẩm nguyên tác chiếu với Việt dịch bằng thơ “*Paul Claudel, Tuyển tập Việt dịch bằng thơ*” gồm dẫn nhập về thân thế, sự nghiệp Claudel: “Chant de marche de Noel, Hymne de la Pentecôte, La Vierge à midi, Saint Joseph, Sainte Thérèse de Lisieux, v.v...” nghĩa là những bài đã góp nhiều vào thi hứng của Hàn Mạc Tử.

Trên kia đã nói, quan niệm thơ của Hàn Mạc Tử có chịu ảnh hưởng những lời giải thích thi ca mang đầy tính chất Thiên Chúa giáo của các nhà lãng mạn và tượng trưng ở phương Tây. Trong thư gửi Hoàng Trọng Miên, Hàn Mạc Tử viết: “Tất cả thi sĩ ở trong đời phải quy tụ, phải đi khơi mạch thơ ở Đức Chúa Trời. Thi sĩ không phải là một người thường (...). Loài này là những bông hoa rất quý và rất hiếm, sinh ra đời với một sứ mạng rất thiêng liêng: phải biết tận hưởng những công trình châu báu của Đức Chúa Trời đã gây nên, ca ngợi quyền phép của Người và trút vào linh hồn người ta những nguồn khoái lạc đê mê, nhưng rất thơm tho, rất tinh sạch (but de la poésie)” (*Quan niệm thơ*).

Thi sĩ rơi xuống cõi đời như một “trích tiên bị đầy đọa”, sống cô đơn lạc lõng. Và muốn cho thi sĩ có những tác phẩm tuyệt diệu sống mãi với thời gian. Thượng Đế bắt họ “phải mua bằng giá máu, luôn luôn có một định mệnh tàn khốc theo riết bên mình: ‘Không rên siết là thơ vô nghĩa lý’.

Về điểm này Hàn Mạc Tử lại gặp Baudelaire trong *Cầu phúc*: “Lạy Chúa, xin cảm tạ Ngài vì Ngài đã ban sự đau khổ cho chúng tôi để dùng làm liều thuốc thần diệu chữa lành mọi sự xấu xa như nhức. Đó là chất tinh túy tốt đẹp, trong sạch nhất sửa soạn cho

chúng tôi đủ mạnh mẽ mà hưởng sự khoái lạc lành thánh. Tôi biết ngài đã dành cho Thi sĩ một chỗ ngồi giữa hàng các bậc thánh thiện đầy ơn phước trên thiên cung”.

Đức Chúa Trời tạo ra “trăng, hoa, nhạc, hương” trên cõi đời này để cho người đời hưởng thụ. Thi sĩ đã ngất ngư trong khi thưởng thức tất cả những lương thực ngọt ngào mỹ vị làm bằng hương báu, nhạc thiêng, rượu say, châu lệ của những mùa xuân ấm. Song le thi sĩ vẫn còn khát khao, thèm thuồng những vật lạ muôn đời. Thi sĩ muốn “siêu thăng”, bay lên thượng tầng không khí, đến những vùng không gian sâu thẳm bao la, “ở bên kia mặt trời... ở bên kia biên thùy các vì tinh tú”. Thi sĩ ham muốn vô biên những nguồn khoái lạc trong trắng ở một cõi trời cách biệt, xa với thế gian này. Baudelaire viết:

*Diễm phúc thay kẻ có thể giương đôi cánh dững mãi
Bay vút lên những không gian ngập ánh sáng tinh mịch
(Siêu thăng)*

Thì Hàn Mạc Tử cũng nói: “Chị ơi! Rồi ánh sáng đêm nay sẽ tàn đi, ta sẽ buồn thương và nhớ tiếc. Em muốn bay thẳng lên trời để tìm ánh sáng muôn năm thôi” (*Chơi giữa mùa trăng*).

Đức Chúa Trời đã tạo ra thơ trên thế gian này nhưng thi sĩ là người khao khát vô biên và tuyệt đích, “cứ nhất định muốn hưởng cái *thơ* trên cái *thơ* khác nữa. Chỉ có Đức Chúa Trời mới vừa lòng thi sĩ”, mới là người tri kỷ ước mơ của thi sĩ. Cho nên Hàn Mạc Tử định nghĩa: “Thơ là một tiếng kêu rên thảm thiết của một linh hồn thương nhớ, ước ao trở lại trời, là nơi đã sống ngàn kiếp vô thủy vô chung, với những hạnh phúc bất tuyệt” (*Quan niệm thơ*). Chỉ với Đức Chúa Trời, thi sĩ mới có thể dốc hết tâm sự, kể lể mọi niềm đau thương nơi trần thế và dâng cho Người những bài thơ sáng láng,

anh hoa. Thơ ca, đối với Hàn Mạc Tử, đã trở thành một tiếng kêu của nghệ sĩ hướng đến vô cùng, vĩnh viễn, Thượng Đế:

Phượng Trì! Phượng Trì! Phượng Trì! Phượng Trì!

Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu

Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu

Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang?

(Ave Maria)

Bùi Xuân Bào phát hiện ra trong thơ Hàn Mạc Tử một động lực hai chiều: nhận tinh hoa của ngoại giới (trăng, hoa, nhạc, hương) vào thể xác và tâm hồn mình rồi sau đó biến luồng cảm hứng thành thơ, tận hưởng những công trình châu báu của Đức Chúa Trời trên thế gian này rồi trút vào linh hồn người ta những nguồn khoái lạc mê mẩn nhưng rất thơm tho, trong sạch. Quan niệm này Bùi Xuân Bào cho rằng gần giống quan niệm thi hứng của nhà thơ Công giáo Paul Claudel (Thi ảnh khẩu cảm trong thơ Hàn Mạc Tử). Thi sĩ như ngắt ngư khi tận hưởng khí vị thanh tao của trời đất như nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc, hoa trinh bạch, đàn ly tao, gió ly biệt, trăng đoàn viên, chim tứ chiếng, mây giang hồ, trời thanh sắc, bông nhũ hương, niềm mộc dục... Nhưng thi sĩ “vẫn chưa bưa, chưa đã, chưa nguôi”... rồi để đáp lại ơn phước cả của Đức Chúa Trời, thi sĩ dâng lên một mùa thơ “sáng láng như sao sa”:

Hơi xuân ấm mỹ vì hơn dạ yến

Ta đem uơm trong ý vị đêm nay

Ta cho ra một dòng thơ rất mát

Mới tình khôi và thanh sạch bằng hương

Trời như hộp phải hơi men ngan ngát

Đắm muốn ngời tình lạc xuống mười phương.

(Nguồn thơm)

Đề tài quan trọng nhất trong thơ Hàn Mạc Tử không phải là Thượng Đế linh diệu, cũng không phải là ánh trăng huyền ảo, không phải là hương thơm ngan ngát của ái tình hay mùi vị tê tái của đau khổ mà chính là thơ. Thượng Đế đối với Hàn Mạc Tử chỉ là nguồn thơ thuần túy và cao thượng nhất. “Những gì tươi đẹp nhất trong vũ trụ, quý hóa nhất trong tâm linh, huyền bí nhất trong tôn giáo, Hàn Mạc Tử đều đồng hóa với thơ. Trăng sao vắng vặc, mùa xuân mát dịu và tươi sáng, lòng thương yêu của Chúa Trời và Mẹ Đồng Trinh đều là biến thể của chất thơ man mác” (*Bùi Xuân Bào-Thi ảnh khẫu cảm trong thơ Hàn Mạc Tử*).

Thơ là lẽ sống cao nhất của Hàn Mạc Tử, nhất là lúc anh đã nhuốm bệnh và biết mình sắp chết. Lúc đó anh không có điều kiện tiếp xúc với cuộc sống như trước nên nguồn thơ chỉ là những mối tình tuyệt vọng. Thượng Đế, trăng sao, vũ trụ huyền diệu, điều đó cũng là lẽ dĩ nhiên. Thơ là niềm vui, là lẽ sống, là lý do tồn tại của Hàn Mạc Tử trên cõi đời này và mai sau, cho nên anh dồn cả cuộc sống còn lại cho thơ, tâm huyết với thơ, đau khổ da diết trong thơ và ước mơ, cầu nguyện cũng thơ:

*Ta chấp hai tay lạy quỳ hoan hảo
Ngửa trông cao cầu nguyện trăng không gian
Để vừa dâng, vừa hiệp bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế*
(Đêm xuân cầu nguyện)

Hàn Mạc Tử tự hào về thiên chức thi nhân của mình. Tạo ra được một “non nước”, “tứ thời xuân”, rõ ràng là thi nhân đang cạnh tranh với Thượng Đế về vai trò Sáng thế.

(*Trích Thơ văn Hàn Mạc Tử – Phê bình và tưởng niệm. Sđd*)

CHẤT ĐẠO VÀ CHẤT ĐỜI TRONG THƠ HÀN MẠC TỬ

PHAN CỰ ĐỆ

Viết *Lời giới thiệu* cho cuốn *Hàn Mạc Tử anh tôi* của Nguyễn Bá Tín (Nhà xuất bản Tin, Paris, 1990), Đỗ Mạnh Tri đặt vấn đề: “Phàm tục hay thoát tục? Khổng hay Lão? Phật giáo như Quách Tấn hay Công giáo như Võ Long Tê? Con chiên ngoan đạo của cố Đồng, cố Mỹ hay chiến sỹ Cần Vương của nội tổ Phạm Bôi?... Cõi trời của Mai Đình nữ sĩ hay cõi Đời của thi sĩ Chế Lan Viên?”. Và ông đã trả lời: “Những yếu tố giàu có, đa dạng hoặc đối nghịch trên lý thuyết đã cụ thể hài hòa trong nếp sống gia đình, dòng tộc. Tới Hàn Mạc Tử thì tất cả đã biến thành thơ. *Hàn Mạc Tử là của tất cả*. Vì thi nhân đã đón nhận tất cả để trả lời và dâng lên cho tất cả”.

Người khẳng định một cách mạnh mẽ nhất “*Đức tin trong hồn thơ Hàn Mạc Tử*” là Đặng Tiến. Ông viết: “Kiến trúc toàn bộ của thơ Hàn Mạc Tử đều vang dội lời truyền giảng của Phúc Âm”. “Toàn tập thi phẩm Hàn Mạc Tử là một tiếng vọng của Thánh Tự” trong đó người đọc gặp lại những chủ đề cương lĩnh của Kinh thánh: một vũ trụ ngậy thơ đở võ vì nguyên tội, những khổ hạnh của thân xác như một kinh nghiệm của *Mơ ước* và *Huyền diệu* để vươn tới một thế giới khác *Sáng láng* ngoài *Hư linh*, thế giới của Phục sinh, của *Khải huyền*. Ba giai đoạn đó là cơ cấu của đời thơ Hàn Mạc Tử. Vũ trụ *Gái quê* đã sụp đổ trong *Đau thương* mà nhà thơ đã chịu đựng để đời sống lại một mùa *Xuân như ý*”.

Đặng Tiến xếp ba bài thơ cuối của Hàn Mạc Tử (*Xuân như ý*, *Thượng thanh khí*, *Cảm châu duyên*) và những bài thơ cuối tập *Đau*

thương chung vào chủ đề Xuân như ý, như một giai đoạn thơ trong cuộc đời Hàn Mạc Tử nói lên niềm mơ ước, chờ đợi Xuân Thiêng ra đời¹. Đây là niềm mơ ước ở sự tồn sinh sau cõi chết, sẽ được hồi phục trong cảnh trời mới, đất mới, rạng ngời trong danh Cha cả sáng.

Dè dặt hơn Đặng Tiến, Võ Long Tê cho rằng “người tín hữu Công giáo ấy mãi về sau mới trở nên nhà thơ Công giáo sau khi đã đi trọn một đoạn đường đau thương và có một nhận thức do ân sủng thúc đẩy” (Kinh nghiệm thơ và hành trình tinh thần của Hàn Mạc Tử). Ân sủng đã can thiệp lúc nhà thơ viết Lời tựa cho tập *Thơ điên* (Người thơ là khách lạ đi giữa Nguồn Trong Trẻo), quan niệm thơ và tôn giáo hòa hợp sau này được giải bày rõ hơn trong bài Tựa cho tập Xuân như ý. Thôi thúc bởi tình yêu và niềm tin vào Đức Chúa Trời, Hàn Mạc Tử đã có lúc viết thư cho Bùi Tuân: “Tôi dự định viết ra nhiều tập thơ về tôn giáo. Trong thi giới nước ta chưa ai nghĩ đến việc đem truyện Sinh nhật, chuyện Phục sinh làm thi đề. Đó là những tài liệu không còn gì thú vị bằng... Bao giờ tôi cảm thấy mình đau đớn trong xác thịt và trong tâm hồn và nhất là tôi thấy mình bình tĩnh trong sạch thì mới làm ra được những bài thơ đạo hạnh. Không phải lúc nào mình cũng làm được lối thơ ấy” (Bùi Tuân – Nửa đêm đi tìm Hàn Mạc Tử – Nguyệt san Vinh Sơn (Huế), số 1-2-1951). Hoạt động sáng tạo nghệ thuật theo chiều hướng nói trên dễ thống nhất với hoạt động truyền giáo của một tông đồ. Những lúc ấy thơ Hàn Mạc Tử có khả năng rơi vào lối thơ khuyến thiện hoặc minh họa một cách dễ dãi cho nên trong Tuyển tập Hàn Mạc Tử (nhà xuất bản Văn học 1987) Chế Lan Viên đành phải cắt bỏ những câu thơ:

¹ Võ Long Tê gọi là *Xuân Thiêng* (printemps sacré) theo nguyên bản chữ không phải là *Xuân Thiên* (ciel printainier).

“Thượng thanh khí tiết ra nguồn tinh khí
 Xa xôi đời trắng mọc nước huyền vi
 Đây Miên Trường, đây Vĩnh Cửu, Tề Phi!”
 (Sao, vàng, sao)¹

Hoặc

Như song lộc triều nguyên ơn phúc cả
 Dâng cao dâng thần nhạc sáng hơn trăng
 Thơm tho bay cho đến cõi Thiên Đàng
 Huyền diệu biến thành muôn kinh trọng thể.
 (Ave Maria)

Có khi cất bỏ hàng loạt bài thơ như *Nguồn thơm*, *Say thơ*, *Đêm xuân cầu nguyện* trong tập *Xuân như ý*.

Võ Long Tê cho rằng vấn đề nan giải ở Hàn Mặc Tử là tìm một sự tổng hợp hài hòa giữa những yêu cầu của đức tin tôn giáo với những đòi hỏi phóng túng của sự sáng tạo nghệ thuật. Có lẽ chính Hàn Mặc Tử cũng không thích lối thơ cảm hóa khuyến thiện cho nên trong nhiều trường hợp không tự giác, Hàn Mặc Tử đã để cho sự sáng tạo của nghệ sĩ vượt quá đức tin của một tín đồ. Cho nên “những âm hưởng huyền bí học của bài thơ *Ra đời* phát sinh từ một lối chú giải nên thơ – chứ không phải là một lối chú giải chính thống của Giáo hội – về những dữ kiện Thánh kinh học. Đừng nên trách cứ nhà thơ phạm tội lầm lạc, nếu quả có lầm lạc” (Võ Long Tê). Mặt khác, nếu sự lầm lạc đó có lợi cho thi ca, có lợi cho sự sáng tạo nghệ thuật thì chúng ta càng hoan nghênh chứ sao. Hàn Mặc Tử nghệ sĩ bao giờ chả phóng túng hơn Nguyễn Trọng Trí tín đồ. Cũng như Khái Hưng, tuy đã có lúc vào chùa niệm Phật tụng kinh cứu

¹ Võ Long Tê đã trực tiếp tham khảo bài thơ Hàn Mặc Tử tặng Hoàng Thị Kim Cúc – nhan đề là *Sao, vàng, sao* chứ không phải là *Đừng cho lòng bay xa*.

khổ hoặc có khi ở nhà, trong mấy đêm liền thức khuya tụng từng pho kinh *A Di Đà* hay *Địa Tạng* nhưng chưa chắc Khái Hưng đã có dụng ý mượn cuốn *Hồn bướm mơ tiên* để tuyên truyền cho giáo lý nhà Phật. Cho nên mới xảy ra tình trạng mà Tam Ích phê bình: “Nguy nhất là Khái Hưng đem hoang sử, huyền sử vào cửa thiền: muốn thăng hoa thái độ và nếp tu hành của Văn Khôi công chúa đời Lý Nhân Tông, người viết truyện đã đem cả Ngọc Hoàng Thượng Đế và Tiên nga giáng thế vào chùa ..., thêm vào đó một con rồng vàng và phép màu nhiệm của Thích Ca Mâu Ni Phật... Mô Phật!” (*Ý Văn I*, Lá bối xuất bản, 1967). Có lẽ Hàn Mạc Tử cũng như Khái Hưng dường như cũng không quan tâm lắm đến việc nói cho thật đúng giáo lý Cơ Đốc hay giáo lý nhà Phật. Chính vì thế mà có lúc Hàn Mạc Tử phải “van lơn, thềm nguyện Chúa Giêsu”:

Xin thứ tha những câu thơ tội lỗi
Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng
Trong bao đêm xao xuyên vũng sông Hằng “
 (Đêm xuân cầu nguyện)

Nhưng Võ Long Tê lại nhận xét ngay trong bản tuyên tín rực sáng này vẫn có một bóng mờ:

Ta chấp hai tay lạy quỳ hoan hảo
Ngửa trông cao cầu nguyện trắng không gian
Để vừa dâng, vừa hiệp bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế.

Như trên đã nói, sáng tạo nên một trời, mây, sông, nước bốn mùa xuân, thi sĩ dường như muốn cạnh tranh với Thượng Đế và tự hào về thiên chức thi nhân của mình.

Chi tiết này làm ta nhớ đến câu chuyện Michel Ange thể hiện câu chuyện truyền thuyết sáng chế trong Thánh kinh trên vòm trần

tiểu giáo đường Xichxtin ở La Mã. Người nghệ sĩ thiên tài này trong gần suốt bốn năm trời đã treo mình lên một giàn giáo ở độ cao hai mươi mét để vẽ một loạt tranh theo câu chuyện truyền thuyết về những ngày sáng tạo thế giới. Michel Ange nhiều lúc cảm thấy lưng thông xuống, mắt hoa lên nhức nhối như sắp mù. Đó là chưa kể có lúc chịu ăn đói hàng tuần lễ, thậm chí bị Giáo Hoàng Julie II lăng nhục và đánh bằng gậy như đánh một kẻ nô lệ. Nhưng dường như có một sức mạnh kỳ diệu đã giúp cho Michel Ange vượt qua mọi thử thách. Mỗi khi bước vào tiểu giáo đường, chiêm ngưỡng cái thế giới hình tượng tràn đầy sức sống và sự hài hòa của những màu sắc thiên nhiên rực rỡ, Michel Ange không cảm thấy cô đơn, mệt mỏi mà chỉ thấy lâng lâng một niềm vui kỳ lạ. Nghệ sĩ dường như thấy mình đã trở thành Đức Chúa Trời thiêng liêng đang sáng tạo thế giới.

Theo Võ Long Tê, chính sự cảm dỗ muôn đời của thiên chức nghệ sĩ này đã khiến cho Hàn Mạc Tử ứng xử như một người ảo thị, huyền tưởng trong *Thượng thanh khí*, *Duyên kỳ ngộ*, *Quần tiên hội*. “Các nhân vật và tác giả vận động trong một vũ trụ xem là bản chuyển tả Thiên đường Kitô giáo theo cấu trúc ngoại giáo”¹.

Ý kiến của Đặng Tiến có hơi khác: “Nếu *Xuân như ý* còn nhiều hình ảnh dựa theo tín lý Thiên Chúa, thì *Cảm châu duyên* lại gần với huyền tượng của dân gian, phẳng phất không khí thần tiên của Đạo giáo- một thứ đạo giáo bình dân, không ăn thua gì đến cái “đạo khả đạo” của Lão Tử” (*Đức tin trong hồn thơ Hàn Mạc Tử*).

Đời nhà Lý, người ta chủ trương tam giáo đồng nguyên (đạo Phật, đạo Khổng, đạo Lão) cùng chung một nguồn gốc. Hàn Mạc Tử thì lại cho rằng “Đạo vốn có một – Người đời hiểu sai lạc rồi phân

¹ Nguyên bản tiếng Pháp: “un univers qui est la version paienne du Paradis chrétien”

chia ra đạo này đạo nọ” Khi Quách Tấn hỏi tại sao Hàn Mạc Tử lại dùng chữ *Phượng Trì* để đặt tên cho Thánh thất của Thánh nữ Đồng Trinh Maria, thì Trí trả lời:

“Tôi nghiệm Đức Mẹ chỉ có một, nhưng vì óc phân rẽ kia nên bên Đạo Phật gọi là Quan Âm Bồ Tát, bên Đạo Tiên gọi là Tây Vương Mẫu, bên đạo Thiên Chúa gọi là *Thánh Nữ Đồng Trinh Maria*. Tên tuy khác, nhưng theo tôi chỉ là một đấng mà thôi. Mà Tây Vương Mẫu ở Phượng Trì để chỉ nơi Thánh Nữ ngự” (*Đôi nét về Hàn Mạc Tử*).

Chế Lan Viên nhắc lại câu nói của Hàn Mạc Tử “Đức Mẹ chỉ có một” và bình luận:

“Cái câu này mà Giáo hội biết thì Tử chết, Tử sẽ bị kết tội là tà giáo hay đạo Cao Đài”... Tử có biết vì sao Tử đưa Tây Vương Mẫu vào không? Có đưa thì Tử mới tả cả cô Tiên “ấm như da thịt nàng dâu” mà còn lại tấm trường nữa! Giáo hội biết là Tử chết”¹.

Các nhà thơ lãng mạn và tượng trưng của miền Trung dường như đã chịu ảnh hưởng phức tạp của nhiều tôn giáo. Năm 1936, Bích Khê đi tu tại chùa Ông Rau trên núi Tà Cú, năm 1937 lại ngụ tại một ngôi chùa ở Phú Thọ để nghiên cứu triết lý nhà Phật. “*Chế Lan Viên quỳ dâng tràng chuỗi hạt*” (*Trường Thọ*) nhưng Chế Lan Viên đã có lần cầu nguyện: “Thích Ca! Giêsu! Khổng Khâu! Lão Tử! Tôi đều thành tâm trước uy linh huyền diệu của các ngài” (*Vàng sao*). Hàn Mạc Tử “thuộc một gia đình Công giáo lâu đời, tên thánh rửa tội là Phanxicô, nhưng Hàn Mạc Tử cũng chịu ảnh hưởng của đạo Phật. Từ 1930, Hàn Mạc Tử đã nhiều lần “ngoạn cảnh chùa”, đã say đắm “phong cảnh rừng thiền” và “lòng thấm thía mùi thiền như thoát tục” (Đề tại chùa Ông Núi, mùa hè 1930). Quách Tấn cho rằng

¹ *Tuyển tập Hàn Mạc Tử*, NXB Văn học 1987, tr. 26.

“trong thơ Hàn Mạc Tử có nhiều bài ảnh hưởng cả hình thức lẫn tinh thần Phật giáo. Ví dụ bài *Phan Thiết! Phan Thiết!*

*Nhớ khi xưa ta là chim Phượng Hoàng
Vỗ cánh bay chín tầng trời cao ngất
Bay từ Đào Ly đến trời Đâu Suất!*”

Ngoài những ngôn ngữ phổ thông của nhà Phật như “thành chánh quả”, “Sông Hằng” ngoài những hình ảnh tươi đẹp của trời “Đào Ly”, trời “Đâu Suất” – những cõi Phật xa xăm đầy nhạc, đầy hương, đầy ánh sáng – “chúng ta nhận thấy trong bài *Phan Thiết*, thuyết nghiệp báo và thuyết luân hồi được thi vị hóa một cách tài tình”¹.

Phan Xuân Sanh dường như cũng cùng một quan điểm với Quách Tấn khi nhận xét bài *Phan Thiết! Phan Thiết!*: “Thế giới cực lạc của Phật A Di Đà là một nơi chim cùng với người tấp nập trong chánh quả. Không gian và thời gian tính của thế giới thi văn, nhất là khung cảnh thơ của Hàn Mạc Tử”².

Có một sự tranh chấp Hàn Mạc Tử giữa những tín đồ đạo Thiên Chúa và đạo Phật. Cũng một bài *Tựa Xuân như ý* cùng một số bài thơ như *Ra đời*, *Điềm lạ*, *Xuân đầu tiên* mà mỗi người giải thích một cách. Đặng Tiến viết: “Xuân Thiêng đây là niềm mơ ước ở sự tồn sinh sau cõi chết, sẽ được hồi phục trong cảnh trời mới đất mới, rạng ngời trong *danh Cha cả sáng*”... “Những hình ảnh tráng lệ như *gấm, ngọc, trân châu, thất bảo, nhũ hương, mộc dục* đều muốn gọi lên một vinh hiển như khi sứ đồ tả thành Giêrusalem mới

¹ Quách Tấn, *Ảnh hưởng đạo Phật trong thơ Hàn Mạc Tử*. Tập san *Niềm thương* (Nhà Trang), bộ mới, số 13-14, trang 23-32, năm 1969.

² Phan Xuân Sanh, *Ảnh hưởng Phật giáo trong thi ca Việt Nam*. *Tạp chí Đại Học* (Huế, số 9, tháng 5 năm 1959).

trong *Khải huyền*: “Thành ấy chói sáng như một viên bửu thạch, như bích ngọc rạng ngời... Tường thì xây bằng bích ngọc, thành thì xây bằng vàng ròng, tợ như thủy tinh trong vắt. Mười hai cửa thì làm bằng mười hai hột châu” (Kh 21,11.18 và 21). Dựa theo *Khải huyền*, tôi cho rằng những đền đài dự tưởng trong Hàn Mạc Tử là một phóng thể của đức tin Thiên Chúa, vì cảnh Bồng Lai của Á Đông, cảnh thần tiên của đạo gia không có cái huy hoàng rực rỡ đó” (*Đức tin trong hồn thơ Hàn Mạc Tử*).

Cũng những hình ảnh tráng lệ nói trên, nhưng Quách Tấn lại giải thích theo tinh thần Phật giáo: “Tử đi tìm nơi giải thoát và đã tìm thấy Cực Lạc Quốc Độ của Phật A Di Đà... Những ánh sáng vô cùng, những “tiếng nhạc thiêng liêng đồn trời khắp hư linh”, những “điệu nhạc rất trọng vọng, rất thơm tho, man mác”, “cây bằng gấm và lòng sông bằng ngọc” ở trong thơ Tử là vang bóng của vô lượng quang trên Thế Giới Cực Lạc mà Tử đã nhìn qua Kinh A Di Đà” (*Ảnh hưởng của đạo Phật trong thơ Hàn Mạc Tử*). Trong bài báo vừa dẫn ở trên, Phan Xuân Sanh cũng đi đến kết luận tương tự: “Chim thanh tước, thế giới mười phương, ấy là hình ảnh tượng trưng cho cõi đời thanh thang và giải thoát của thời gian vô tận và không gian mênh mông đã được trình bày một cách hết sức kiêu diễm và phong phú trong Kinh A Di Đà. Hàn Mạc Tử từ niềm tin thơ đi rộng ra đã bắt gặp niềm tin đạo; qua những dòng thơ lung linh, huyền nhiệm của Hàn Mạc Tử, chúng ta có nhiều dịp thấy ẩn hiện một dòng linh hồn nối từ lòng người đến trăng sao, từ Hàn Mạc Tử đến ba ngàn thế giới”.

Nhưng có lẽ chúng ta cũng không cần tranh luận đến cùng xem Xuân như ý, Xuân Thiêng, Thế giới mới của Hàn Mạc Tử là thế giới Phục Sinh, thế giới *Khải huyền* của đạo Thiên Chúa hay Cực Lạc Quốc Độ của Phật A Di Đà hay thế giới thần tiên của Đạo giáo,

vì Hàn Mạc Tử không phải là nhà thơ tôn giáo hiểu theo nghĩa là chuyên dùng thơ để truyền bá tôn giáo của mình. Quách Tấn viết:

“Tuy là một tín đồ Thiên Chúa giáo rất nhiệt thành, Tử vẫn thường xem kinh điển nhà Phật. Tử thường nói cùng bạn rằng: “Tôi dung lượng văn chương và triết lý nhà Phật để làm thơ thôi. Tôi dung hòa cả hai thể văn chương tôn giáo: Thiên Chúa và nhà Phật. Đó chỉ là muốn làm giàu cho nền văn chương chung”. Vì vậy thơ Đạo của Tử chịu ảnh hưởng cả hai nền tôn giáo. Nhưng tôi nhận thấy vang bóng của đạo Phật có phần đậm hơn đạo Thiên Chúa. Bây giờ tôi xin thưa rằng Tử là một nhà thơ đi vào vườn hoa tôn giáo chỉ để tìm hương phấn về ướp cùng hương thơ đó thôi. Bởi vậy không thể gọi Hàn Mạc Tử là một nhà thơ tôn giáo. Tử là một nhà thơ thuần túy” (*Đôi nét về Hàn Mạc Tử*). Đối với một thi sĩ mà cuộc đời gặp nhiều bất hạnh như Hàn Mạc Tử thì thơ là lẽ sống cao nhất:

Tôi là kẻ đi đường đêm gió lạnh

Không mong gì hơn kêu gọi tấm lòng thơ.

(Say thơ)

Về cơ bản chúng ta có thể đồng tình với Phan Xuân Sanh khi ông cho rằng Hàn Mạc Tử “Trong khi ôm một lý tưởng thơ đi tìm cảm hứng đã gặp đạo và tìm được trong đạo nhiều đề tài, nhiều thanh sắc, tư tưởng để làm giàu cho thơ mình? Theo thiển ý, Hàn Mạc Tử là một thi sĩ có nhiều lý tưởng thơ và lý tưởng thơ này đã bao trùm cả niềm tin của ông về tôn giáo. Ngay trong những bài ca ngợi đức tin, ca ngợi những hình ảnh thiêng liêng: Thánh Nữ Đồng Trinh, Chúa Hải Đồng... Như ở các bài *Ave Maria*, *Đêm xuân cầu nguyện*, *Ra đời*... Tôn giáo và các hình ảnh tùy thuộc đã được thi vị hóa và mất dần tính cách trang nghiêm, tuyệt đối của tín điều, kinh điển (...) Cái thói ngang tàng bữa bãi xưa nay vẫn là thói chung của các nhà thơ. Hàn Mạc Tử quỳ trước thánh Maria, chúng ta có cảm

tưởng như ông đã quỳ trước nàng thơ và hình ảnh nàng thơ với hình ảnh *Ave Maria* đôi khi chỉ là một, rồi thi sĩ nghiêm nhiên biến thành vai trò “Giáo chủ” giữa một lúc cầu nguyện trong đêm xuân (...) Nghĩ đến một cái gì “giàu sang hơn Thượng Đế” hẳn thi sĩ Hàn Mạc Tử đã muốn bước qua biên giới của tín ngưỡng mình” (*Ảnh hưởng Phật giáo trong thi ca Việt Nam*).

Thế giới mới của Hàn Mạc Tử, đúng như Phạm Đán Bình đã nhận xét, đó là “thế giới lý tưởng hóa, đền bù cho thực tế phũ phàng. Một thế giới không còn những mâu thuẫn và thỏa mãn mọi ước vọng” (*Tan loãng trong Hàn Mạc Tử*). Nếu như trước kia, trong thơ Hàn Mạc Tử là tình yêu tuyệt vọng, là trăng sao đổ vỡ tan tành hoặc tan ra “Thành vũng đọng vàng khô”, hoặc “rã lần như hương khói giấc chiêm bao” thì “nay mặt nhật tròn vo đường sáng láng”, “tao phùng duyên đến bao giờ lại thấy” “cho tình tôi nguyên vẹn tựa trăng rằm”... Đó là một mùa xuân như ý, “bốn mùa xuân cả bốn”, ở đây có “suối đoàn viên”, có “cây phối hợp” và “rất nhiều hoa bướm”. Phạm Đán Bình đi đến một kết luận thú vị: “thế giới mới của Hàn Mạc Tử là thế giới *cô đọng lại những gì đã tan loãng*”. Thế giới mới của Hàn Mạc Tử rất có thể “lung linh như kim cương, như ngọc thạch”, như vàng ròng, như thủy tinh trong vắt mà sách *Khải huyền* đã loan báo cũng có thể là thế giới cực lạc của Phật A Di Đà, thế giới của mười phương, của hào quang vô lượng mà cũng có thể là thế giới thần tiên của đạo giáo. Một khi đã rơi vào số phận bất hạnh phải sống cô đơn xa cách với mọi người và cái chết đang từng ngày, từng giờ đe dọa, thì việc Hàn Mạc Tử thu hết tất cả những gì là trong sáng, cao cả, là lung linh, huyền diệu vào một thế giới ước mơ, vào vương quốc lý tưởng của mình là một điều dễ hiểu. Thế giới đó cũng giống như cái vương quốc “tự do” của các nhà lãng mạn trường phái Lénin ở Đức, Novalis “Hoàng đế của những nhà lãng

mạn chủ nghĩa” đã kêu gọi hãy thoát ly vào thế giới lý tưởng của nghệ thuật: “Ai bất hạnh ở trần thế này, ai không đạt tới những gì mà mình tìm kiếm thì hãy thoát vào thế giới của những pho sách và nghệ thuật, vào thế giới của thiên nhiên – đây là sự thống nhất vĩnh cửu giữa cổ đại và hiện đại – hãy sống trong giáo đường đang bị giày vò này, tiêu biểu cho một thế giới tốt đẹp hơn, sẽ tìm thấy được trong đó người yêu và người bạn, tổ quốc và Chúa Trời.¹“

Bàn về chất đạo, chất đời trong thơ Hàn Mặc Tử, Yến Lan viết: “Có một nguồn thơ đặc biệt nữa dự phần đáng kể trong thi ca của Hàn Mặc Tử là thơ về Đạo. Anh là một con chiên ngoan đạo. Tuy nhiên, chất đạo (thanh khiết, thiêng liêng) trong thơ anh đã bị chất đời (đau đớn, bệnh tật) lấn áp... Tôi mong bạn đọc thấy rõ chất đời trong thơ anh vừa riêng biệt tưởng không hình dung nổi lại vừa rất chung, rất thực, có thể sờ mó lên nó. Mà thôi, đạo với đời trong thơ anh vẫn là những mặt nhỏ trên một viên kim cương, mặt này ánh xanh, mặt kia ánh vàng, đều làm viên kim cương có sức ngời chói lóng lánh” (*Tôi nhớ Hàn Mặc Tử*).

Cùng một quan điểm như vậy, Chế Lan Viên viết: “Bài *Ave Maria* viết cho Đức Mẹ trên trời, có thể viết hay như thế không, nếu không có bà mẹ ở dưới đất? Và chị Lẽ, chị đã mất, nhưng đây là câu Tử viết trong *Chơi giữa mùa trăng*, một bài văn xuôi như thủy tinh, như suối, như đêm trăng và tâm hồn của Tử: “Chị Lẽ ơi, chị là trăng mà em đây cũng là trăng nữa. Tôi bỗng thấy chị tôi có vẻ thanh thoát quá, tinh khôi, tươi tốt và uy nghi như pho tượng Đức Bà Mari là bực tinh tuyền chí thánh”. Chất đốt đẩy tên lửa của Tử lên thượng thanh khí, lên phượng trì, lên sát những mũ triều thiên, té ra là tình cảm là ân nghĩa từ mặt đất” (*Tuyển tập Hàn Mặc Tử*, Tr. 22). Lịch

¹ *Nguyên lý mỹ học Mác – Lênin*, NXB Sự thật, Hà Nội, 1961, phần I, tr. 220.

sử văn học nghệ thuật Việt Nam và thế giới đã có những trường hợp tương tự. Mười tám pho tượng La Hán đặt trong hành lang của chùa Tây Phương là những tác phẩm đẹp bậc nhất của nghệ thuật điêu khắc cuối thế kỷ XVIII. Các nghệ sĩ chẳng qua mượn đề tài chuyện Phật để miêu tả một xã hội quần quai bế tắc và những nỗi “đau đời” của các cha ông ta trong cảnh hoàng hôn của thế kỷ trước (Huy Cận – *Các vị La Hán chùa Tây Phương*). Nhưng tác phẩm của Michel Ange (*Thánh Mẫu bên cầu thang* và đặc biệt là *Gia đình thánh*) tuy phảng phất chút ít màu sắc thiên giới nhưng vẫn tràn đầy không khí trần gian. Điều đó không có gì lạ. Trong quá trình sáng tạo, Michel Ange đã đến những khu nghèo khổ nhất của Florence, nơi những bà mẹ vừa làm việc vừa giữ con trên đầu gối hoặc đi lang thang trên các con đường vùng Toxcan vẽ những em bé má hồng, những cô gái tràn trề sức sống, những nông dân đang làm việc ngoài đồng... Chính hàng trăm bức ký họa nông dân vùng quê hương đã giúp cho nghệ sĩ thiên tài khắc họa chân dung các vị thánh trong tác phẩm của mình. Từ trước đến nay, con người vẫn xây dựng chân dung các vị thánh trên thiên đình bằng những nguyên mẫu dưới trần thế.

Làm sao có thể chứng minh được “toàn tập thi phẩm Hàn Mạc Tử là một tiếng vọng của Thánh Tự”?

Nhận định cục đoạn này sẽ không thuyết phục khi ta dẫn ra những bài thơ có màu sắc dân gian trong sáng như ca dao, những bài thơ ưu thời mẫn thế (như *Đêm khuya tự tình với sông Hương*) hầu hết các bài thơ trong *Gái quê*, *Đau thương*, *Duyên Kì Ngộ*, *Quần tiên hội* kể lại một số bài trong *Xuân như ý*, *Thượng thanh khí*...

Dường như ta quên mất một Hàn Mạc Tử đã có lúc “dấn thân” vào các vấn đề thời cuộc, nhất là Hàn Mạc Tử gặp nhà báo.

Trên *Thực Nghiệp Dân Báo*, số 3195 ngày 26-07-1931 Phan

Bội Châu đã nêu lý do “mở một cửa hàng dạy thơ gọi là “Mộng Du thi xã”. Tất nhiên, đối với một chí sĩ đã từng phát động phong trào Đông Du thì “Mộng du” đâu phải là mộng寐, mộng mơ mà là mộng lớn, mộng độc lập, tự do. Cự đã nêu một bài thất ngôn làm mẫu, trong đó tràn đầy tâm sự và chí khí của người yêu nước:

*Vàng khè trắng toát khác đôi bên
Thầy kệ ai chê mặc kẻ khen
Sông núi lở làng màu lịch sử
Gió trắng chờn chợ mối nhân duyên.
Chẳng long lay đến lòng son sắt
Há hỏ người vì miếng bạc đen
Ba chén xong rồi ai ấy bạn?
Một pho kinh Phật một cây đèn.*

Rồi tiếp theo, trên tờ *Thực Nghiệp Dân Báo*, số 3214, ngày 2-9-1932 Phan Bội Châu lại tìm dịp bộc bạch rõ hơn tâm sự yêu nước của mình trong “năm bài thơ tự trào”, coi như một tiếng chim gọi đàn:

*“Chân gười góc bể hai mươi năm
Nay còn trào thơ, có gì tốt?”
... “Nhưng vì khối huyết uất trong lòng
Dầu có bán rẻ, hơn ngồi không!”
... “Những điều trông thấy, dứt hết ruột
Núi đứng dậy khóc, sông nằm rên”.*

Trong số khách hưởng ứng bốn phương, “Ông già bến Ngự” đặc biệt lưu ý đến ba bài thơ *Chùa hoang*, *Gái ở chùa* và *Thức khuya* của P.T. (Quy Nhơn) đăng trên *Thực Nghiệp Dân Báo*, số 3248, ngày 11-10-1931. Đọc bài *Thức khuya* của Hàn Mạc Tử:

*“Non sông bốn mặt ngủ mơ màng
Thức chỉ mình ta dạ chẳng an”...*

Chắc hẳn Phan Bội Châu vô cùng sung sướng khi thấy Mộng Du thi xã đã góp phần đánh thức dậy lòng yêu nước vẫn tiềm tàng trong tâm hồn của thế hệ trẻ. Phan Bội Châu đã họa lại cả ba bài thơ của Phong Trần kèm theo một lời cổ vũ chân tình và nồng nhiệt:

“Thưa tác giả P.T. tiên sinh

Tác giả cho tôi được đọc ba bài thơ, tôi lấy làm hân hạnh cho Mộng Du thi xã lắm. Xem trong thơ, u oán cao tình, thâm tâm nhã điệu, đủ cả mấy phương diện. Tôi chỉ phàn nàn rằng: “Người xướng quá cao, tất nhiên người họa phải ít” nên tôi xin tặc điều ba bài, khỏi để tác giả buồn sự cô điệu độc đàn mà thôi.

Còn như nói rằng: Tôi là người nối thơ được với tác giả, thì tôi không dám.

Ồi! Hồn giao nghìn dặm, biết làm sao được bắt tay nhau cười lớn một tiếng mới là thỏa hồn thơ đó!”

(*Thực Nghiệp dân báo*, số 3256, ngày 21-10-1931)¹.

Mối tình gắn bó giữa Hàn Mạc Tử với Phan Bội Châu bắt đầu từ đó. Sự cảm thông và ngưỡng mộ nhà chí sĩ, theo chúng tôi, không phải là ngẫu nhiên. Nhiều nhà thơ lãng mạn đã tìm đến với Phan Bội Châu, một biểu tượng cao đẹp của lòng yêu nước. Lưu Trọng Lư, sau những ngày chán nản ở Quốc học Huế, đã bỏ trường đến nhà Phan Bội Châu và “Ông già Bến Ngự” đã tặng cho “con nai vàng ngơ ngác” cái biệt hiệu Hy Ký. Con voi già của Huy Thông là một trường ca viết về người chí sĩ cách mạng Phan Bội Châu, lời thơ đầy âm hưởng bi tráng. Còn Hàn Mạc Tử từ Quy Nhơn ra Huế thăm

¹ Đây là nguyên văn thư của Phan Bội Châu, đầy đủ hơn và chính xác hơn so với tường thuật của Quách Tấn trong “*Hàn Mạc Tử với thơ Đường luật*” (*Người mới*, ngày 30-11-1940) hoặc so với trích bản trên báo *Tin tức*, số 24-11-1940 mà chúng tôi đã giới thiệu trên *Nhân dân chủ nhật*, số 24-3-1991.

Phan Bội Châu đứng sáng mừng một Tết năm Ất Hợi (1935). Trong chuyến đi đó, ngoài hai bài thất ngôn bát cú đã đăng trên *Công Luận*, số 9-3-1935 (*Xuân chơi thân kinh, Sáng mừng một Tết đi xe lửa ra Huế*), Hàn Mạc Tử đã dành riêng một bài “Kính tặng cụ Phan Sào Nam” làm theo thể song thất lục bát: *Đêm khuya tự tình với sông Hương* (*Công luận*, số 2-3-1935)

Hàn Mạc Tử thủ thủ tâm tình sông Hương, cũng là với “Ông già Bến Ngự”:

*Bây giờ chỉ có đôi ta
Bao nhiêu tâm sự Hằng Nga biết rồi
Thuở non nước đền bồi non nước
Sông Hương đành xuôi ngược đông tây
Soi lòng chỉ có đám mây
Đám mây phú quý những ngày lao đao
Sao mặt sông xanh xao ra dáng
Sao tình sông lai láng khôn ngẩn?
Vĩ ai lăm nổi chúa chan!
Hay còn đợi khách quá giang một lần...*

Thơ Hàn Mạc Tử đã có lúc bộc lộ một nỗi đau trước thời cuộc, trước tình trạng đói khổ của dân chúng trong cảnh nô lệ:

*Sao tôi thấy cuộc đời máu me lênh láng
Như bãi sa trường trong lúc hỗn loạn
Sao tôi thấy dân chúng bị lâm than
Dưới bóng mặt trời đầy dẫy hào quang
Ngán thay! Cuộc đời sống khổ
Nào non sông mưa mưa gió gió
Nào trời đất lơ lảo lảo lơ
Phủ màn mây ảm đạm mịt mờ...*

(“Sống khổ và phấn đấu”, *Công luận* số 6-4-1935)

Tấm lòng ưu ái với vận mệnh của nhân dân, của đất nước trong bài thơ xuân tặng Phan Sào Nam đã biến thành những câu hỏi, những bản khoả da diết:

*Này thử hỏi, thuyền nan thả lá
Thuyền ai đây nấn ná bấy lâu
Mặc cho khanh tướng công hầu
Không thèm chung đỉnh lưng bầu gió trắng
Sao trời đất dãi dằng ra thế
Sao mưa nguồn chớp bể luôn đêm
Trong thành yên ấm vui thêm
Tiếng ca lạnh lạnh, lọt rèm, rèm thưa
(...) Sao trai gái đi về trong mộng
Mà Sông Hương chẳng động niềm riêng
Trong thành để lạnh hương nguyệt
Tiếng gà gáy nguyệt lảng giềng còn say...*

Cuối bài thơ Hàn Mạc Tử ghi rõ: “Trên bờ Sông Hương mùng hai tết năm Ất hợi”. Về chuyến đi Huế năm đó, Nguyễn Bá Tín ghi lại: “Sau khi anh Trí ở Huế thăm cụ Sào Nam ở Bến Ngự trở về bị mật thám Pháp xóa tên trong danh sách du học Pháp do Hội Như Tây bảo trợ, tôi mới biết là anh Mộng Châu đã sai anh Trí đi xin địa chỉ một đồng chí của Đông Kinh Nghĩa Thục ở Thái Lan”¹.

Bài thơ trên là một bằng chứng hùng hồn về thái độ “nhập cuộc” của Hàn Mạc Tử. Và tất nhiên, không chỉ có thể Hàn Mạc Tử còn ca ngợi “Karl Marx thi sĩ” (*Công luận* số 4-5-1935), ca ngợi những “văn sĩ cách mạng” như Maxime Gorki, Romain Rolland, Henri Barbusse và trong nước thì khen Hải Triều, Hải Thanh, Trần Huy Liệu: “Các văn sĩ ấy hoàn toàn thoát khỏi các bụi bặm của

¹ Nguyễn Bá Tín, *Hàn Mạc Tử anh tôi*, NXB Tin, Paris, 1990, tr. 25.

luồng gió quốc gia, trái lại cho quần chúng cần lao những bài toán chính trị cần giải quyết, biết đem cái tinh thần quốc tế để truyền bá lại những bước đường mới mẻ của thời cuộc cần phải đi. Nên chi trên các báo, những vấn đề rắc rối, những học thuyết cao sâu, lần lần bày giải ra bằng ngòi bút rành rẽ, chu đáo, cốt đưa cho tinh thần quần chúng cần lao một phận sự tối cần làm dân trong nước (*Một cuộc cách mạng trong văn giới Việt Nam – Tiến bộ*, số 3-6-1939)

Hàn Mạc Tử còn cộng tác với Tôn Thất Vỹ (tức Nguyễn Minh Vỹ) một đảng viên Cộng sản vừa ra tù, một cây bút trong nhóm Thái Dương văn đoàn ở Quy Nhơn, để xuất bản tập *Nắng Xuân* (sách chơi xuân năm Đinh Sửu, 1937), trong đó thi sĩ cho đăng phóng sự *Quan Nghị ...Gật* (Bút hiệu Trật Sên) đánh thẳng vào đám “nghị gạt”, trò hề của “Trung kỳ nhân dân đại biểu viện”! Đời các ông nghị ở đây “ly kỳ hơn Hitler địa vị thợ săn nhảy lên chính quyền nước Đức và Hoover từ địa vị bán báo tới lúc ngồi ghế tổng thống”. Các ngài vốn làm nghề “quét chợ ở tỉnh” hoặc “thăng bồi xuất thân” nhưng nhờ “khôn khéo”, “biết cách làm đầy tớ các nhà tư bản, biết chiều chuộng các “quan thầy” nên chẳng bao lâu đã nghiễm nhiên là một viên thầu khoán giàu nhất tỉnh, có vô số tòa ngang dãy dọc và cứ như thế cái chức nghị viện thành phố còn lọt vào tay ai nữa chứ!” Ngồi họp ở viện dân biểu các ngài hoặc “ngủ gật trên bàn” hoặc “yêu cầu tăng thuế thân, thuế sanh ý và triệu tập một cuộc hội nghị bất thường để quan sát, không để khảo cứu những câu ca dao lẳng lơ ở miền thôn dã!”.

Bài thơ xuân biểu hiện tập trung lòng yêu nước của Hàn Mạc Tử (*Đêm khuya tự tình với sông Hương*) rất tiếc lại không được đưa vào hai tuyển tập thơ Hàn Mạc Tử, một in ở Hà Nội năm 1987 (do Chế Lan Viên tuyển chọn và giới thiệu) một in ở Nghĩa Bình (do Hà Giao, Quách Giao, Trần Thị Huyền Trang biên soạn, Chế Lan Viên,

Quách Tấn giới thiệu). Có lẽ những người làm tuyển tập chưa sưu tầm được những bài này trên báo năm 1935. Nhưng cả hai Tuyển tập lại đưa vào bài *Lòng quê* với một chú thích hết sức hấp dẫn: “Một nhà cách mạng bị thất bại bị tống giam, đêm ấy giữa mùa đông lạnh giá, bỗng có tên ngục tốt đưa vào cho nhà cách mạng phong thơ của một người tình ở nhà quê. Xem xong, nhà cách mạng lấy bút làm bài này”. Đã có một nhà phê bình và ngay cả ông Nguyễn Bá Tín đã trích bài này để chứng minh “tinh thần dân tộc”¹ và thái độ nhập cuộc của Hàn Mạc Tử! Thế nhưng bài thơ đó lại là của Ông Tinh Vệ² (do Hàn Mạc Tử dịch), đăng liền hai số Sài Gòn, ngày 18-11-1935 và 25-11-1935 người viết tên Lê Thanh. Tuy nhiên, qua bài thơ này ta có thể thấy rõ ý thức trách nhiệm của nhà báo yêu nước Hàn Mạc Tử đứng trước thời cuộc. Bình luận hai bài thơ *Ngồi trong khám thấy người ta phá bánh xe để lấy gỗ* và *Vịnh Tuyết*, Hàn Mạc Tử viết: “Cái bánh xe gỗ nó cháy rụi cho đến phút cuối cùng cũng chẳng qua là để giúp ích cho nước nhà, những cục tuyết trắng muốt nằm ở trên mặt đất vướng phải cát bụi mà không than vãn, đó chẳng phải là cái biểu hiện cho một thứ tình ái quốc nồng nàn mà Ông Tinh Vệ đã mượn để giải bày tâm sự ư?” Bài báo kết thúc bằng những câu đầy khí phách và tâm huyết: “Ông Tinh Vệ ung ngàng tàng bốn cõi kia”.

Cái tâm hồn của Ông Tinh Vệ cũng giống như bà Sarojini Naidu người Ấn Độ đã từ bỏ cái ống sáo của nhà thi sĩ mà cầm lấy cái chiêng để kêu gọi dân chúng vào trường chiến đấu.

Cái địa vị của nhà thi sĩ đâu phải ở trong thơ phòng mà chính là ở giữa dân chúng ... Dem gan óc để đền nợ nước chưa đủ, tiên sinh còn muốn đem máu mình mà rải khắp chân Vạn Lý Trường Thành”.

¹ Hàn Mạc Tử, *anh tôi*, tr. 35, 36

² Xem chú thích tr. 97.

Lòng yêu nước cũng như thái độ dấn thân của Hàn Mạc Tử có nguồn gốc từ truyền thống Cần Vương của nội tổ Phạm Bồi. Khi vua Hàm Nghi dời đô, hạ chiếu Cần Vương lập chiến khu chống Pháp, “nội tổ Phạm Bồi, bấy giờ là võ quan tại Thanh Hóa, hưởng ứng Cần vương đem binh vào Huế cứu giá, đồng thời đa số dòng họ Phạm cũng tham gia các phong trào khởi nghĩa”¹ vì có lệnh truy nã nên thân sinh Hàn Mạc Tử phải đổi họ tên là Nguyễn Văn Toàn để vào học ở tiểu chủng viện. Lớn lên trong một gia đình có truyền thống yêu nước nên việc Hàn Mạc Tử tìm đến Phan Bội Châu và có chịu ảnh hưởng ít nhiều phong trào Mặt trận Dân chủ sôi động ở Huế và Sài Gòn cũng là điều tất nhiên, Thơ ca lãng mạn của Thế Lữ (*Nhớ rừng*), Huy Thông (*Con voi già*), Huy Cận (*Tràng giang*), Hàn Mạc Tử (*Đêm khuya tự tình với sông Hương, Mùa xuân chín, Đây thôn Vĩ Dạ...*) ấp ủ một lòng yêu nước thầm kín. Lòng yêu nước đó được thể hiện trong tình yêu thiên nhiên, yêu non sông đất nước, yêu ngôn ngữ tiếng Việt. Tiếng nói trong thơ mới là tiếng mẹ đẻ yêu thương, phong cảnh thơ mới chính là đất nước Việt Nam thống nhất và mỹ lệ.

Hàn Mạc Tử mơ ước có một “*Xuân thiêng*”, “*Xuân như ý*” ra đời:

Tứ thời xuân! Tứ thời xuân non nước
Phút thiêng liêng nhuần gội ánh chiều quang
Liên hồ đây bốn mùa xuân cả bốn
Ngát hương đưa trong gió sớm chơi vui
 (Quần tiên hội)

Đặng Tiến giải thích đó là thế giới mới, thế giới của phục sinh, *Khải huyền*. Nhưng không phải mùa xuân nào trong thơ Hàn Mạc Tử cũng là mùa xuân tôn giáo, mùa xuân lý tưởng.

¹ Nguyễn Bá Tín, *Hàn Mạc Tử, anh tôi*, tr. 14.

Chúng ta bắt gặp trong *Mùa xuân chín* một mùa xuân thuần lương một mùa xuân ngoại đạo đủ cả đường nét, ánh sáng, màu sắc, âm thanh một mùa xuân tung bùng với các lễ hội dân gian Việt Nam. Mùa xuân đến trong cảnh bình minh, sương mờ đang tan dần ánh nắng ban mai phủ một màu vàng dịu lên những mái nhà tranh một màu vàng sáng lên khắp nơi, những tiếng hát vui tươi của các cô thôn nữ khi làng quê trở hội vào xuân:

*Trong làn nắng ửng khói mơ tan
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng
Sột soạt gió trêu tà áo biếc
Trên giàn thiên lý bóng xuân sang.
Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời
Bao cô thôn nữ hát trên đồi...*

Mùa xuân cũng là mùa của hạnh phúc, mùa cheo cưới, tiếng pháo tung bùng rộn rã:

*Pháo nhân duyên nổ đã hơi nhiều
Trầu lịch sự tèm mời hai họ
Đường trai thẹn nên không dám ngó
Nói chi Nường là gái đông lân
Buồng không ra xiêm áo sượng sần
Ông mai mới cười như ngô nổ
Người ta cưới cả xuân cả vợ
Nên ân tình nổi máu trên môi.*

(Cưới xuân, cưới vợ)

Câu thơ của Hàn Mặc Tử có lúc yêu đời một cách lạ thường. Ai dám nói đây là thi sĩ của buồn chán, của Hư vô và cái chết? Nhưng cuộc đời bất hạnh đã ập ngang vào giữa tuổi thanh xuân, khiến cho niềm vui chẳng bao giờ trọn vẹn. Câu thơ trong *Mùa xuân chín*

đang tung bùng, rạng rỡ bỗng lảng xuống trong một niềm ngậm ngùi, thương xót:

*Ngày mai trong đám xuân xanh ấy
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi...*

Những thôn nữ vui tươi trong hội hè kia rồi sẽ có lúc phải từ già tuổi xuân, từ già những ngày đẹp đẽ và hạnh phúc nhất của đời mình để bước chân về nhà chồng, lo toan gánh vác công việc ma chay, đình đám, giỗ chạp, cưới xin cho cả bên nội và bên ngoại. Cuộc đời của họ chỉ còn là một tấm vải thô dệt bởi những ngày tối tăm, vất vả. Tương lai của họ không phải tìm đâu xa, tương lai đã hiện hình từ trong quá khứ:

*Chị ấy năm nay còn gánh thóc
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang?*

Hình ảnh người đàn bà gánh thóc dọc bờ sông giữa nắng trưa hè hun hút đã tiếp nối hình ảnh những người “quanh năm buôn bán ở mom sông”, những “thân cò lặn lội bờ sông”... của văn học truyền thống. Thương người vợ nhưng cũng là thương mình. Vô tình thi sĩ đã cảm nhận một điềm báo định mệnh cho tương lai của mình; người đọc chợt bàng hoàng thương cảm khi nhận ra rằng rồi đây chính thi sĩ sẽ phải từ bỏ “đám xuân xanh”, từ bỏ “cuộc chơi” đang tung bùng, rộn rã để sống cách ly với mọi người trong nỗi cô đơn, bệnh tật:

*“Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu?
Sao bông phượng nở trong màu tuyết
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu?”
(Những giọt lệ)*

Như trên đã nói, *Mùa xuân chín* là một mùa xuân ngoại đạo, một mùa xuân rất đời, gắn với những lễ hội dân gian, chẳng có

gì có thể gọi là “tinh thần tôn giáo – vũ trụ” cả!¹

Một số bài thơ viết về thiên nhiên đất nước của Hàn Mạc Tử còn gắn liền với những miền quê hương, với những kỷ niệm vui buồn trong cuộc đời tình ái của thi sĩ (*Đà Lạt trắng mờ, Phan Thiết, Phan Thiết! Đây thôn Vĩ Dạ*). Hàn Mạc Tử lên thăm Đà Lạt lần đầu năm 1933, lúc ấy thi sĩ chưa làm “thơ mới”. Bài *Đà Lạt trắng mờ* là hình ảnh những đêm trăng, Tử ngồi cùng Quách Tấn trên bờ hồ Than Thở, dưới hàng thông lấp lánh, lặng chìm trong sương khuya:

*“Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu
Trời mơ trong cảnh thực huyền mơ!
Trăng sao đắm đuối trong sương nhạt
Như đón từ xa một ý thơ.*

*(...) Hàng thông lấp lánh đứng trong im
Cành lá in như đã lặng chìm
Hư thực làm sao phân biệt được!
Sông Ngân Hà nổi giữa màn đêm”.*

Theo quan niệm lãng mạn của Hàn Mạc Tử thì khi “huyền ảo khởi sự”, đó là giây “phút thiêng liêng” tạo nguồn cảm hứng cho thơ. Cảnh “hư thực”, huyền ảo của Đà Lạt đêm trăng mơ màng đây tính chất thú vị... Không thể nói là bài thơ đã ít nhiều “thấm nhuần tâm tình tín mộ tôn giáo” và Trời trong câu *“Và để xem Trời giải nghĩa yêu...”* không phải là một Thượng Đế chung của các nhà thơ lãng mạn là Thiên Chúa Ba Ngôi của Đức tin như có người đã giải thích!

Phan Thiết với Lâu Ông Hoàng, Mũi Né cũng để lại nhiều kỷ niệm vui buồn trong thơ Hàn Mạc Tử. Gần hai năm trời (1935 -

¹ Đỗ Lai Thúy, Hàn Mạc Tử: một hiện tượng độc đáo trong tư duy thơ Việt Nam (Hợp lưu, số 5).

1936), chiều thứ bảy nào Hàn Mặc Tử cũng từ Sài Gòn ra Phan Thiết tìm gặp Mộng Cầm và cậu ruột của nàng là thi sĩ Bích Khê dạy ở trường Hồng Đức. Cặp tình nhân thường đến chơi Lầu Ông Hoàng (tức lầu của bá tước Đờ Môngbăngkê), một phong cảnh rất đẹp. Mối tình ngọt ngào đó sau này trở thành một vết thương đau đớn trong cuộc đời thi sĩ:

*Ta lang thang tìm đến chốn Lầu Trăng
Lầu Ông Hoàng, người thiên hạ đồn vang
Nơi đã khóc, đã yêu thương da diết
Ôi trời ơi! Là Phan Thiết! Phan Thiết!
Mà tang thương còn lại mảnh trăng rơi...
(Phan Thiết! Phan Thiết!)*

Huế đẹp và thơ mộng với sông Hương, cầu Tràng Tiền, những “cô áo tím nước da trắng nõn nà”, những thôn xóm ven bờ sông như thôn Vĩ Dạ, nổi tiếng bởi những cây trái xanh tươi bốn mùa, những ngôi nhà duyên dáng, vườn tược, sông nước mây trời:

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền...*

Câu thơ không phải là một lời trách cứ mà như lời của người thương mời chào người thương về thăm cảnh đẹp của quê hương. Bình minh lên ở Vĩ Dạ với nắng sáng long lanh trên những hàng cau còn đắm sương đêm. Ở tầng dưới của những hàng cau thẳng tắp vươn lên đón nắng mai là một không gian mướt mà xanh tươi với những cành lá mơn mớn, xanh mướt như ngọc. Và thấp thoáng sau những lá trúc mảnh mai lay động là khuôn “mặt chữ điền” hiền lành, trung hậu... Thiên nhiên và con người hài hoà trong một vẻ

đẹp dịu dàng, kín đáo của xứ Huế. Năm 1936 Hàn Mạc Tử đã có lần tìm đến nhà Hoàng Cúc ở Vĩ Dạ, nhưng do bản tính “kín đáo và bên lên như con gái” nên chàng chỉ đứng lâu ngoài ngõ nhìn vào rồi lặng lẽ ra về. Bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* đến tay Hoàng Cúc khoảng tháng 11-1939, lúc ấy thôn Vĩ Dạ chỉ còn là hoài niệm, là nhớ thương da diết của Hàn Mạc Tử.

Mối tình giữa Hàn Mạc Tử và Hoàng Thị Kim Cúc là mối tình đầu lãng mạn mới chớm nở. “Mối tình ấy bằng bạc trong tập *Gái quê* và phảng phất trong nhiều bài thơ kế tiếp. Tập *Gái quê* trong bản thảo Tử đề tặng Cúc, nhưng nghĩ không tiện, nên khi in, Tử xoá mấy hàng đề tặng”¹. Nhận định trên của thi sĩ Quách Tấn về cơ bản là đúng, nhưng không nên dựa vào đó để cho rằng bài *Tình quê* là nhằm thi vị hoá mối tình đầu với Hoàng Cúc. Bài đó đã được đăng trên *Công luận*, số 30-3-1935 với cái tên là *Tương tư* (Gửi khách sông Lam), sau đó lại đăng *Sài Gòn văn chương*, số 25-11-1935 với cái tên Mong đợi (Gửi khách sông Lam)². Trên tờ *Công Luận*, số 6-4-1935 lại đăng *Yêu để sống* (Tặng em Hải Đường sông Lam). Một bài thơ khác như bài *Bên lên* được đăng trên báo *Sài Gòn* ngày 7-12-1935 với cái tên *Vô tình* và ký Mộng Cầm. Như thế trong tập *Gái quê* không phải chỉ có hình ảnh Hoàng Cúc mà còn có bóng dáng Mộng Cầm và một vài người khác nữa (trong các bài *Nhớ chẳng* và *Nhớ nhung*).

Bài *Tình quê* là nỗi nhớ nhưng đối với một người tình lý tưởng lẫn với tình nhớ quê hương.

¹ Quách Tấn, *Đôi điều sai lầm về Hàn Mạc Tử*. Trả lời bài “Cuộc đời và thi nghiệp Hàn Mạc Tử của Đường Bá Bổng”, *Văn hóa Á châu*, số 20-21, năm 1960.

² Theo Võ Long Tê, “Khách sông Lam” là Mộng Cầm vì bố Mộng Cầm làm việc ở Vinh (Nghệ An).

Thơ viết về thiên nhiên đất nước của Hàn Mạc Tử mang một sắc thái riêng. Xuân Diệu thường mượn thiên nhiên để nói tới cái “tôi” của cá thể trước cái mênh mông, lạnh lẽo của không gian:

*Em sợ lắm giá băng tràn mọi nẻo
Trời đầy trăng lạnh lẽo suốt xương da.*
(Lời ký nữ)

Hàn Mạc Tử thể hiện thiên nhiên như một sự hoà điệu của tâm hồn. Thơ trữ tình của Hàn Mạc Tử là thơ hướng nội. Cảnh và người hòa lẫn vào nhau, đường ranh giới rất mong manh và nhiều khi, người thơ lẫn át cảnh thơ. Ngày 23-1-1940, Hàn Mạc Tử viết cho Thương Thương: “Thương Thương, cái tên thi vị quá chừng. Thương Thương là một bài thơ hơn nữa, một nguồn thơ bất tuyệt. Em chúc cho anh “khi nào cũng phải rào rạt bởi muôn ngàn cảnh vật xung quanh để viết ra những bài thơ huyền diệu”. Thế là em lầm rồi. Thơ bao giờ cũng tại tâm chứ không tại cảnh. Cảnh là điều giả dối, phù vân, mà tâm mới chân thành, trường cửu. Ở lòng anh có Thương Thương, nghĩa là có thơ, có nguồn thơ vĩnh viễn đấy” (*Hàn Mạc Tử - thân thế và thi văn*).

Trong thơ Hàn Mạc Tử, thiên nhiên như hoà lẫn vào những trạng thái cảm xúc khác nhau của tâm hồn thi sĩ. Cảm xúc đó bàng bạc trong mỗi câu thơ và người đọc như bị lạc vào một thế giới mơ hồ, huyền ảo của cảm xúc, hương thơm, màu sắc và ánh sáng. Khi chìm vào dòng cảm xúc ấy, người ta như quên đi những phiền muộn hàng ngày của cõi đời, quên cả chính bản thân mình, chỉ còn lại một cảm giác lâng lâng, bay bổng ở một khoảng trời trong sáng, con người như muốn hoà nhập vào cảnh sắc lâng quê.

*Trước sân anh thơ thẩn
Đăm đăm trông nhận về
Mây chiều còn phiêu bạt*

*Lang thang trên đời quê
 Gió chiều quên ngừng lại
 Dòng nước luôn trôi đi
 Ngàn lau không tiếng nói
 Lòng anh dường đê mê.*

Cảnh sắc thiên nhiên như buông xuôi theo dòng cảm xúc của thi sĩ. Không gian tĩnh lặng nhưng dưới bề sâu là những chuyển động thầm kín, những âm thanh mơ hồ thầm kín của tạo vật mà chỉ riêng thi sĩ mới cảm nhận được:

*Cách nhau ngàn vạn dặm
 Nhớ chỉ đến trăng thề
 Dầu ai không mong đợi
 Dầu ai không lắng nghe
 Tiếng buồn trong sương đục
 Dưới trời thu man mác
 Bàn bạc khắp sơn Khê...*

Thơ Hàn Mạc Tử làm ta rung cảm trước khi tìm hiểu. *Tình quê* thu hút chúng ta bằng những hình ảnh gợi cảm và ngôn ngữ giàu nhạc điệu. *Tình quê* trôi theo một âm điệu buồn man mác, một nỗi buồn vương vấn khắp không gian. Lời thơ mang đầy nhạc điệu và những cảm xúc “đê mê” lòng người đã gợi ý cho Phạm Duy phổ bài thơ thành nhạc (in trên bìa tuần báo *Sinh lực* số 1, ra ngày 30-1-1958).

Tình quê khi in vào tập *Gái quê* không đề tặng Hoàng Cúc hoặc “Khách sông Lam” (Túc Mộng Cầm). Ở đây nếu có, chỉ là một người tình lý tưởng. Tình yêu đối với Hàn Mạc Tử chỉ là một nguồn cảm hứng của thi ca. “Tôi say tình cũng như tôi say trăng, say người thực nữ, say kinh cầu nguyện, say trời tương tư” (*Tình – Chơi giữa mùa trăng*).

Trong bài *Quan niệm thơ* (Gửi Trọng Miên), Hàn Mạc Tử nói rõ hơn: “Trong khi làm thơ, Trí đã tận hưởng những phong vị của nhạc, của hoa, của trăng, của gái một cách vô tội”. Người tình lý tưởng theo quan niệm “cổ điển” của Hàn Mạc Tử phải là một người đẹp bước ra từ trong trang giấy (“Thư trung hữu mỹ nữ”). Vì thế mà suốt đời thi sĩ chẳng bao giờ gặp được người yêu mơ ước:

*Đời không có ngọc trong pho sách
E hết khôi nguyên ở Phụng Trì*

Nếu như thi sĩ là chim Phụng hoàng (tất nhiên là một loại “Phụng hoàng si đại”) thì người lý tưởng phải là một “trang thực nữ tương thân nhi tương kính”¹.

*Ta trở nên như ngọc đang kim mã
Rất hào hoa rất phong vận: Người Thơ
Ta là trai khí huyết ước ao mơ
Người thực nữ sanh giữa thời vô thượng.
(Phan Thiết! Phan Thiết)*

Người yêu lý tưởng đó, ở thời kỳ đầu lãng mạn (*Gái quê*) phải chăng là “một thiếu nữ khuê các, tài hoa, người Huế, biết đàn, biết thơ mà anh ngưỡng mộ. Đó là Hoàng Hoa nữ sĩ”². Trong thơ tình của Hàn Mạc Tử, hình ảnh người yêu không hiện lên đường nét như trong thơ Xuân Diệu:

*Anh nhớ tiếng. Anh nhớ hình. Anh nhớ ảnh
Anh nhớ em, anh nhớ lắm! em ơi!
Nhớ đôi môi đang cười ở phương trời
Nhớ đôi mắt đang nhìn anh đắm đắm...
(Tương tư chiều)*

¹ Nguyễn Bá Tín, *Hàn Mạc Tử, anh tôi*, tr. 75, tr. 25.

² Nguyễn Bá Tín, *Hàn Mạc Tử, anh tôi*, tr. 75, tr. 25.

Người yêu hiện lên như một ánh trăng huyền diệu hoặc một mùi hương hư ảo. Hương thơm là vẻ đẹp đặc trưng của người tình lý tưởng:

*“Ái tình bắt đầu căng
 Hoa thơm thì nín lặng
 Hương thơm thì bay lan
 Em tôi thì hôn hển
 Áo xiêm lấm tẩm vàng”*
 (Sáng trăng)

*“Còn đâu trắng lệ những thời xanh
 Mùi vị thơm tho một ái tình”*
 (Thời gian)

Ở Quy Nhơn nhà Hàn Mạc Tử ở gần nhà Hoàng Cúc nhưng hai người vẫn cách xa nhau như hai thế giới. Hoàng Cúc kể: “Tử thì kín đáo và bên lên như con gái, còn tôi thì bí mật và xa lạ như cung trăng”¹. Hàn Mạc Tử say đắm trong mối tình đầu nhưng chỉ dám đứng từ xa chiêm ngưỡng nàng như chiêm ngưỡng một nhan sắc. Đó là tình yêu “âm thầm”, lặng lẽ, dường như đơn phương:

*“Em có ngờ đâu trong những đêm
 Trăng ngà giải bóng mặt hồ êm
 Anh đi thơ thẩn như ngây dại
 Hứng lấy hương nồng trong áo em”*

Mối tình vô vọng có thể là một trong những nguyên nhân khiến Hàn Mạc Tử bỏ Sở Đặc điền Quy Nhơn vào Sài Gòn làm báo. Sau gần một năm, chàng trở lại Quy Nhơn, mối tình với Hoàng Cúc lại nồng nàn hơn, có phần bạo dạn hơn:

*“Bấy lâu sát ngõ, chẳng ngăn tường
 Không dám sờ tay sợ lấm hương”*

¹ Thư của Hoàng Cúc gửi cho Quách Tấn, ngày 15-4-1941.

*Xiêm áo hôm nay tề chỉnh quá
Dám ôm hôn cúc ở trong sương*
(Hôn cúc)

Câu thơ tưởng như có vẻ suồng sã nhưng vẫn chỉ là “ôm hôn cúc”, “ngắm ngằm trao đổi những ân tình” với “hôn hoa” (*Huyền ảo*). Thế rồi Hoàng Cúc theo cha về Vĩ Dạ. Hàn Mạc Tử coi như nàng đi lấy chồng, thi sĩ đau khổ vì mối tình tuyệt vọng: “Con sông này đã đi qua. Suốt đời ta thề không trở lại. Vì cô lái đã lên bờ...Không có ái tình tuyệt đối”. Nhưng vẫn hy vọng có ngày gặp lại Hoàng Cúc ở Huế: “Nhất nhật bất kiến như tam thu” - Nếu phải quỳ lạy dâng tất cả những ngày sung sướng đã qua và sẽ tới cho người để đổi lấy một phút gặp gỡ...” (Mùa thu đã tới). Chàng và nàng tình cờ đã gặp nhau ở Hội chợ Huế. Nhưng Hàn Mạc Tử vẫn không dám tặng *Gái quê* cho Hoàng Cúc. Sau này Hoàng Cúc kể lại và ân hận về thái độ rụt rè đó của chàng: “Càng tội nghiệp hơn là hôm sau anh xuống Vĩ Dạ đứng trước cổng hồi lâu rồi lặng lẽ bỏ đi”¹.

Mùa hè năm 1939, Hoàng Tùng Ngâm viết thư về Huế cho Hoàng Cúc biết Tử mắc bệnh nan y, khuyên Cúc viết thư thăm Tử để an ủi một tâm hồn trong trắng, bất hạnh. “Thay vì viết thư thăm, tôi gửi bức ảnh phong cảnh vừa bằng cái carte visite. Trong ảnh có mây, có nước, có chiếc đò ngang với cô gái chèo đò, có mấy khóm tre, có cả ánh trăng hay ánh mặt trời chiếu xuống nước. Tôi viết sau tấm ảnh mấy lời hỏi thăm sức khỏe Tử rồi nhờ Ngâm trao lại. Sau đó một thời gian, tôi nhận được bài thơ *Đây Thôn Vĩ Dạ* và một bài khác nữa do Ngâm gửi về...”².

¹ Nguyễn Bá Tín, *Hàn Mạc Tử, anh tôi*, tr. 50.

² Thư của Hoàng Cúc gửi cho Quách Tấn, ngày 15-4-1941 (Trích *Đôi nét về Hàn Mạc Tử*).

Xuất xứ bài thơ là như vậy. Nhưng không nên hiểu là bài thơ minh họa tấm bưu ảnh. Dù ông Nguyễn Bá Tín có nói rõ: “Chị rất cảm động khi biết anh vẫn không quên vườn rau tươi mát, vẫn nhớ đám bắp bên đò Cồn nhìn sang Vĩ Dạ mà dòng nước buồn thiu lặng lẽ trôi...”. Ông Nguyễn Bá Tín còn đưa thêm một chi tiết mà cả Hoàng Kim Cúc, cả Quách Tấn không thấy nói đến: “Cho đến khi anh đau nặng hồi 1939, chị Cúc còn gửi cho anh một phiến ảnh cỡ 6x9. Chị mặc áo dài lụa trắng như những cô gái Huế thời bấy giờ đứng trong vòm cây xanh mát”¹.

Bài thơ rõ ràng là được cấu tứ trên một số chi tiết của cuộc đời thực. Nhưng thơ Hàn Mạc Tử là một sự hài hoà giữa mộng và thực, giữa đường nét cụ thể và sương khói huyền ảo. Kết cấu của bài thơ không phải là cái lôgic của hiện thực khách quan: “Khổ 1: Thôn Vĩ Dạ. Khổ 2: Dòng sông Hương êm đềm thơ mộng. Khổ 3: Người đất Huế, những cô gái Huế” (Soạn Văn, Lớp 12, Tập I, trường Đại học Sư phạm I, Hà Nội, 1989, tr.41) mà chủ yếu là cái lôgic bên trong tâm hồn thi sĩ, cái lôgic của một mối tình đẹp nhưng tuyệt vọng. Mà vì tuyệt vọng nên:

*Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay...*

Khổ thứ hai diễn tả nỗi lòng của Hàn Mạc Tử chứ không nhằm “diễn tả cái nhịp điệu nhẹ nhàng, chậm rãi của Huế” (Soạn Văn, tr. 42). Tất nhiên, “Sông Trăng” có thể là sông Hương, nhưng hai câu:

*Thuyền ai đậu bến Sông Trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?*

¹ Võ Long Tê có lẽ cũng tin là có một tấm ảnh như thế khi dịch câu: “Áo em trắng quá nhìn không ra” thành “Ta robe trop blanche ne se révèle pas avec netteté sur cette photo” (*L’expérience poétique et l’itinéraire spirituel de Hàn Mạc Tử*, p. 611).

thì đã là cảnh mộng hư ảo rồi. Chở “trăng” nào về vậy? Khó mà biết được bởi vì:

*Không gian đầy đặc toàn trăng cả!
Tôi cũng trắng mà nàng cũng trắng
Mỗi ảnh mỗi hình thêm phiêu diểu
Nàng xa tôi quá nói nghe chẳng?
(Huyền ảo)*

Hai câu nói trên chỉ có thể là một mơ ước về hạnh phúc. Ước mơ này còn được tiếp theo ở khổ ba:

*Mơ khách đường xa khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra...
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh
Ai biết tình ai có đậm đà?*

Áo em thì trắng mà xứ Huế lại nhiều sương khói mông lung nên chỉ thấy “mờ nhân ảnh”. Nhưng ở đây không phải là chuyện ảnh là mà chuyện “tình ai có đậm đà” bền chặt hay không, hay cũng chỉ mờ ảo sương khói như trời đất xứ Huế?

Lần đầu tiên Hàn Mạc Tử được trực tiếp thổ lộ mối tình với Hoàng Cúc. Những tình cảm đẹp và trong sáng nhưng buồn và thoáng qua một chút hoài nghi. Có lẽ Hàn Mạc Tử cũng cảm thấy không đành lòng, nên sau đó, chàng lại gửi tặng Hoàng Cúc bài *Sao, vàng, sao* (tức là bài *Đừng cho lòng bay xa*). Ở đây hai linh hồn gặp nhau trong thế giới Vinh Cửu mà bốn phía cầu vồng đẹp năm sắc mây:

*Đây Miên Trường, đây Vinh Cửu, Tề Phi?¹
Cao cao vượt tới hai hàng bóng vía.
Trời nhật nguyệt cầu vồng bất tứ phía*

¹ Võ Long Tê dịch: Voici l'Infini, voici l'Éternel, volons-y ensemble! (Sách đã dẫn, tr. 645).

*Ôi Hoàng Hoa, hồn phách đến nơi đây
Hương ân tình cho kết lại thành dây,
Mong manh như lời nhớ thương hàng triệu...*

Trong cuộc đời tình ái của Hàn Mạc Tử thì mối tình đối với Mộng Cầm là da diết nhất và do đó sau này đã để lại một nỗi đau đớn khôn nguôi trong tâm hồn thi sĩ. Năm mười bảy tuổi, học lớp Nhất trường Nam Phan Thiết, Mộng Cầm đã có thơ Đường luật đăng trên báo *Công luận*. Hai người đã có thư từ trao đổi cho nhau chuyện văn thơ suốt năm sáu tháng, khi Hàn Mạc Tử đang làm ở Sở Đạc điền Quy Nhơn. Sau đó Hàn Mạc Tử vào Sài Gòn làm báo. Ngày 12-10-1935 trên *Sài Gòn văn chương* có mục nhắn tin: “Anh Bích Khê – Tôi muốn biết địa chỉ của chị Nghệ, vậy phiền anh chút” (Hàn Mạc Tử - Journal Sài Gòn).

Hàn Mạc Tử đã đi xe lửa vào Phan Thiết tìm gặp Mộng Cầm và thế là bắt đầu mối tình đẹp đẽ gần hai năm trời, lúc thì ở cù lao Mũi Né, nơi Mộng Cầm đang học nghề thuốc (*Say nắng*), lúc thì ở Lầu Ông Hoàng những đêm trăng huyền ảo (*Phan Thiết! Phan Thiết!*). Những kỷ niệm ngọt ngào giữa chàng thi sĩ và “Nàng tiên” đã được Hàn Mạc Tử ghi lại trong các bài *Say Nắng*, *Sáng Trăng*, *Bất chúc*, *Dấu tích*. Và chính Mộng Cầm cũng nhắc với người tình:

*“Rồi có khi nào trong phút giây
Trăng lên khỏi núi gió đùa mây
Thì anh nên nhớ người năm nọ
Đã được cùng anh sống những ngày”¹*

Nhưng rồi chính Mộng Cầm đã quên lời thề dưới trăng. Mộng Cầm sang ngang khi Hàn Mạc Tử lâm bệnh chưa đầy một năm! Việc

¹ Trần Thanh Mai, *Hàn Mạc Tử, Thân thể và thi văn*, in lần thứ ba, Tân Việt, 1957, tr. 119.

nàng đi lấy chồng không có gì đáng trách, điều đáng trách là nàng đã “từ chối một sự thật của lòng mình”¹ và tuyệt hẳn với Hàn Mạc Tử, khi chàng lâm vào cảnh bất hạnh. Cái tin Mộng Cầm đột ngột vu quy đã làm cho Hàn Mạc Tử đau đớn, tê dại. Kẻ dút áo ra đi không biết có đau khổ nhưng chàng thi sĩ “khờ dại” thì như đã chết nửa con người. Ai đã từng yêu và đã tuyệt vọng mới thấy hết nỗi đau mất mát không gì bù đắp nổi của chàng:

*“Họ đã xa rồi khôn níu lại
Lòng thương chưa đã, mến chưa bùa
Người đi một nửa hồn tôi mất,
Một nửa hồn tôi bỗng dại khờ”*
(Những giọt lệ)

Những ngày đầu rơi vào cảnh cô đơn của kẻ bị tình phụ, thi sĩ nhớ như điên như dại, lúc nào cũng cảm thấy hình bóng của nàng như ở đâu đây:

*Nghe hơi gió ôm ngang lấy gió
Tưởng chừng như trong đó có hương
Của người mình nhớ mình thương
Nào hay gió tạt chẳng vương vấn gì...*
(Muôn năm sâu thẳm)

Nhớ từ những hình bóng mơ hồ, hư ảo cho đến “đôi mắt mùa thu trong leo lẻo, ở xa xôi lặng nhìn anh khô héo”, “nhớ hàm răng, nhớ hàm răng, mà ngày nào đó vẫn khăng khít nhiều”. Thi sĩ viết hẳn một Khúc ly tao để thổ lộ tình yêu chung thủy: “Nếu em không yêu anh thì anh van, em ơi! Cầu với Hoàng Thiên cho anh mùa đông hóa thành đóm lửa để hơi lấy tay em cho ấm áp hay là anh trở nên sỏi ngọc tuyên để được vờn cái nước da trắng nuốt của mình

¹ Châu Hải Kỳ, *Xin tỏ chút lòng để tạ lỗi xưa*. Văn, số 179 (1-6-1971).

em, không thì biến ra dải đất để cọ mãi cái vết chân em; hay là hóa ra gió dịu dàng để mơn trớn má đào em và để em hít vô tận đáy lòng...”

Không còn nữa cái không khí lãng mạn mơ màng trong *Gái quê*. Thi sĩ đưa ta trở về với những yêu thương buồn giận của trần thế, bộc lộ hết nỗi niềm sâu kín của một kẻ bị tình phụ. Bây giờ thì nàng đã vu quy, những kỷ niệm đẹp đã lùi xa vào quá khứ, thi sĩ ngày càng cảm nhận xót xa nỗi cô đơn hiu quạnh của mình giữa thế gian này. Hàn Mặc Tử như rơi vào tâm trạng cô đơn của Lamartine trong bài thơ nổi tiếng *Le Lac (Hồ)*: “Chỉ thiếu một mình em là cả thế gian hiu quạnh” (Un seul etre vous manque tout est dépeuplé). Nỗi đau đớn tuyệt vọng có lúc như phẫn uất, điên cuồng “*làm sao giết được người trong mộng*”, “*để trả thù duyên kiếp phũ phàng*” có lúc chợt vỡ òa ra thành tiếng khóc náo nùng, thê thiết:

Ôi trời ôi! Là Phan Thiệt! Phan Thiệt!
Mà tang thương còn lại mảnh trăng rơi
Ta đến nơi nương ấy vắng lâu rồi
Nghĩa là chết từ muôn trăng thế kỷ
Trăng vàng ngọc, trăng ân tình, chưa phi!
Ta nhìn trăng, khôn xiết ngậm ngùi trăng...
 (Phan Thiệt! Phan Thiệt!)

Đau khổ vì một tình yêu tuyệt vọng, vì bệnh tật hành hạ, thi sĩ như nhận diện được cái chết đang đến dần từng ngày. Trong cảnh sống lẻ loi, cô đơn, xa cách với mọi người, có lúc thi sĩ gọi tên người yêu và vẽ ra trước mắt những hình ảnh của ngày vĩnh biệt:

“Một khối tình nức nở giữa âm u
Một hồn đau rã lần theo hương khói
Một bài thơ cháy tan trong nắng rọi
Một lời run hơi hóp giữa không trung
Cả niềm yêu, ý nhớ, cả một vùng

*Hóa thành vũng máu đào trong ác lặn.
Đấy là tất cả người anh tiêu tán
Cùng trăng sao bàng bạc xứ say mơ
Cùng tình em tha thiết như văn thơ
Ràng rịt mãi cho đến ngày tận thế”
(Trường tương tư)*

Chế Lan Viên cho rằng Hàn Mạc Tử có những câu thơ tình hay vào bậc nhất trong thi ca Việt Nam hiện đại. Những câu thơ như tiếng kêu thương tự đáy lòng, lời thơ như có dính máu, dính hồn và nước mắt của thi sĩ.

Những câu thơ tình như thế sao có thể gọi là tiếng vọng của Thánh Tự? Và tiếng kêu thương càng thống thiết càng chứng tỏ tâm hồn cô đơn đó “triu mến biết bao người”, gắn bó thiết tha với cuộc sống là đường nào. “Thơ Tử là thơ của một người yêu nước, yêu con người, yêu sự sống”¹.

Trong những ngày đau khổ, thi sĩ không chỉ sống bằng tình yêu mà còn sống vì tình bạn. Tất nhiên, không phải chỉ có mối tình với Hoàng Cúc, Mộng Cầm. Có những mối tình như ngọn gió mát thổi qua cuộc đời Hàn Mạc Tử (Mai Đình, Ngọc Sương). Còn câu chuyện say đắm Thương Thương chỉ là giấc mộng tình, tuy nhiên nó đã để lại cho chúng ta những vở kịch thơ ngọt ngào, trong sáng (*Duyên kỳ ngộ, Quần tiên hội*). Về những mối tình của Hàn Mạc Tử, các tác giả Trần Thanh Mại, Trần Quách Tấn, Hoàng Diệp, Châu Hải Kỳ, Nguyễn Bá Tín, Trần Thị Huyền Trang đã nói nhiều, chúng tôi xin phép không nhắc lại nữa. Về tình bạn thì chúng ta phải tìm hiểu thêm vì ít có một người nào giữ được tình bạn lâu dài, trong

¹ Tuyển tập *Hàn Mạc Tử*. Lời giới thiệu của Chế Lan Viên, NXB Văn học 1987, tr. 17.

sáng và chung thủy như Hàn Mạc Tử. Sự có mặt đông đủ bạn thân của Hàn Mạc Tử thời ấy trong tập sách này (Chế Lan Viên, Quách Tấn, Bích Khê, Trần Thanh Địch, Yến Lan, Nguyễn Việt Lâm, Nguyễn Minh Vỹ, Hoàng Diệp, Hoàng Trọng Miên, Trần Tái Phùng, Trần Thanh Mại, Nguyễn Văn Xê...) đã chứng minh tình bạn cao quý đó. Trong số bạn bè lui tới số nhà 20 đường Khải Định, Quy Nhơn hoặc thường xuyên trao đổi thư từ với Hàn Mạc Tử còn có Bùi Tuân, Hoàng Tùng Ngâm, Hoàng Trọng Quy, Bửu Đáo, Trần Kiên Mỹ, Quỳnh Dao, Thúc Tề, Nguyễn Đình Thuý, Lê Đình Ngân... Hơn nửa thế kỷ đã đi qua, bạn bè của Hàn Mạc Tử kẻ còn người mất, nhưng dường như không ai quên được cái không khí thương yêu đùm bọc của tình bạn văn chương thời đó và những kỷ niệm không thể phai mờ về vùng biển, vùng trời tuyệt đẹp của cái thành phố nhỏ bé mang tên Quy Nhơn. “Những đêm trăng sáng, màu trăng hoang dại, huyền hoặc, thường xuyên quyến rũ chúng tôi đi ngủ biển. Chế Lan Viên, Yến Lan và tôi...hội họp tại nhà Hàn Mạc Tử, rồi đem ra (drap), mền đi ngủ biển chỉ cách nhà chừng độ 200 thước. Những đêm ấy là những đêm mưa tầm tã, lụt ngập trời. Nhưng mưa ở đây là mưa sao, lụt ở đây là lụt trăng. Chúng tôi bị trăng vây phủ tứ bề, ngăn hết nẻo đường và bị muôn sao đứng sững dòm ngó chúng tôi (...)

Gió lùa ánh sáng vô trong bãi

Trăng ngậm đầy sông, chảy lóng lai...

.... Sau một thời gian (trên một năm) nằm chung, ngủ chung, ôm chàng lấy nhau trên bãi cát vàng, dưới bóng trăng sao, cảnh thông và trăng đã gợi cảm hứng rất nhiều cho Hàn Mạc Tử thì tôi được tin chàng mắc bệnh phong...” (Hoàng Diệp). Nhưng khi Hàn Mạc Tử phải cách ly gia đình đi chữa bệnh ở xóm Động, Gò Bồi, xóm Tấn, Gành Ráng... thì Quách Tấn, Chế Lan Viên, Yến Lan vẫn thỉnh thoảng đến thăm. Tình bạn của Hàn Mạc Tử với Quách Tấn,

Chế Lan Viên, Trần Thanh Địch, Bích Khê, ... xứng đáng được ghi chép vào tập Giai thoại văn học của thời kỳ hiện đại. Hàn Mạc Tử có những câu thơ về tình bạn vào loại hay nhất gửi Quách Tấn:

*Trường Xuyên ơi! Trường Xuyên ơi!
Viết chẳng nên câu nói nghẹn lời
Mây nước bao la tình lẳng lặng
Gió sương mờ mịt nhớ chơi vơi
Tương tư mộng thấy năm canh mộng
Luyến ái trời vương bốn phía trời...
(Nhớ Trường Xuyên)*

Và gửi Trần Thanh Địch:

*Hôm nay có một nửa trăng thoi
Một nửa trăng ai cắn vỡ rồi...
Ta nhớ mình xa thương đứt ruột
Gió làm nên tội buổi chia phôi!
(Một nửa trăng)*

Hàn Mạc Tử gắn bó một cách triu mến, thiết tha như thế với thiên nhiên đất nước, với cuộc đời, với người yêu, bạn bè và gia đình, sao có thể gọi là một nhà thơ của Hư vô và cái chết? Chế Lan Viên đã bác bỏ hoàn toàn cái quan niệm gắn Hàn Mạc Tử với nhà triết học Đan Mạch Soren Kierkegaard, ông tổ của chủ nghĩa hiện sinh sau này ở phương Tây. Là một người bạn thơ đã cũng với Hàn Mạc Tử đề xướng lên “Trường thơ Loạn”, Chế Lan Viên đã bệnh vực và khẳng định mạnh mẽ “thiên tài” của Hàn Mạc Tử trong suốt nửa thế kỷ vừa qua. Lúc Hàn Mạc Tử vừa mới mất ở bệnh viện Quy Hòa, Chế Lan Viên viết: “Mai sau, những cái tâm thường mực thước kia sẽ biến tan đi, và còn lại ở cái thời kỳ này chút gì đáng kể, đó là Hàn Mạc Tử”¹.

¹ *Những kỷ niệm về Hàn Mạc Tử - Người Mới*, số 23-11-1940.

Sau này, đọc Hoàng Trọng Miên, ta mới biết được Chế Lan Viên viết câu đó trong một tình trạng bị xúc động mạnh: “Tôi không quên được một buổi trưa, Chế Lan Viên ghé lại căn gác tôi ở Sài Gòn nghe tôi báo tin vừa được điện tín sáng nay từ Quy Nhơn cho hay là Hàn Mạc Tử mất rồi, anh ngồi xuống bàn tôi khóc như một đứa trẻ. Đến khi tôi nói là tờ Người Mới ra một số đặc biệt về Hàn Mạc Tử, Chế Lan Viên gạt nước mắt ngồi viết bài luôn... Chiều hôm ấy, Chế và tôi ra bờ sông Sài Gòn uống rượu. Chế tửu lượng yếu nhưng bữa đó lại uống rất hăng trong khi hai đứa cùng nhắc đến câu chuyện về Hàn Mạc Tử và ngâm thơ Tử. Tới hai giờ sáng thì Chế đã say oạt người, tôi phải dìu ra xe kéo đưa về”¹.

Bốn mươi bảy năm sau, trong không khí khoáng đạt của thời kỳ đổi mới tư duy, Chế Lan Viên lại một lần nữa khẳng định thiên tài Hàn Mạc Tử như một đỉnh cao chói lòa trong văn học thế kỷ XX: “Cho dù Hàn Mạc Tử có cuộc đời bệnh tật, cuộc đời tình duyên, cuộc đời cách mạng ly kỳ, dữ dội gấp trăm lần, nhưng ba hòn núi ấy chum lại không để ra được một cái cây, một bóng mát thơ nào, ba hòn núi ấy không để ra được con chuột nhất thơ nào thì việc gì ta phải dông dài. May thay Tử là một đỉnh cao, chói lòa trong văn học thế kỷ, thậm chí qua các thế kỷ”².

* * *

Chế Lan Viên có một lối nói thông minh, độc đáo vừa hấp dẫn vừa gây ấn tượng mạnh, nhưng cho đến những bài viết cuối cùng của anh về Hàn Mạc Tử ta vẫn nhận ta dấu vết của lối nói khoa trương, phóng đại - vốn là đặc trưng của chủ nghĩa lãng mạn - trong bài *Tựa* của tập thơ *Điều tàn* năm xưa: “Trước không có ai,

¹ Hoàng Trọng Miên, *Con người Chế Lan Viên, Văn học, Sài Gòn*, số 1-8-1974.

² *Thơ Hàn Mạc Tử*, Sở Văn hóa Thông tin Nghĩa Bình, 1988, tr. 10.

sau không có ai, Hàn Mạc Tử như một ngôi sao chói xoẹt qua bầu trời Việt Nam với cái đuôi loà chói rực rỡ của mình”¹. Tuy nhiên, về cơ bản, anh hoàn toàn có lý và có tình khi bênh vực Hàn Mạc Tử. Anh viết: “Ở miền Nam trước đây người ta đọc Tử hoặc thấp xuống với Freud, với tình dục bản năng, hoặc cao lên Thượng thanh khí với Chúa Trời hoặc tít tắp ra xa trong thời gian, trong con đường về cái chết với Heidegger và nhiều nhà triết học khác”².

Ở thời Hàn Mạc Tử dường như chưa mấy ai biết nhà triết học Đan Mạch Soren Kierkegaard. Kierkegaard được nhắc đến nhiều ở Sài Gòn những năm sáu mươi, khi văn học hiện sinh chủ nghĩa phát triển ở miền Nam, trong các đô thị. Mặt khác, cần phải thấy rằng những tiền đề của chủ nghĩa hiện sinh cũng đã có trong tác phẩm của Thánh Augustin hay cả trong Thánh kinh Kitô giáo. Kinh Cựu Ước nói rõ về sự đam mê đuổi theo gió của con người, nói về sự hư phù của tất cả: “Hư phù của hư phù và tất cả là hư phù”.

Về việc hạ thấp thơ Hàn Mạc Tử xuống với Freud, với tình dục bản năng cũng có nhiều ý kiến khác nhau. Hoài Thanh chỉ nhận xét riêng tập *Gái quê* lại có “một thứ tình nồng nàn, lối lả, rạo rục, đầy hình ảnh khêu gợi. Ông Phạm Văn Ký đề tựa tập thơ ấy là phải lắm: *Gái quê và Une voix sur la voie* đều bắt nguồn trong tình dục” (*Thi nhân Việt Nam*). Đặng Tiến cãi lại: “Một người chỉ xin hoa đèn ngự và lòng ni cô thì dục tình đi tới đâu? Đây chỉ là một thứ tình hàm thụ, một lối ái ân không tưởng... nó không thể tự mãn trong một thế giới không tự mãn” (*Đức tin trong hồn thơ Hàn Mạc Tử*). Và Đặng Tiến có một nhận xét thú vị: Cái không khí lối lả, rạo rục trong bài *Bến lữ* chủ yếu là trong cách chọn những chữ gợi tình

¹ Thơ Hàn Mạc Tử, sdd, tr. 10.

² Thơ Hàn Mạc Tử, sdd, tr. 35. Ở đây Chế Lan Viên muốn phê phán bài “*Nỗi khắc khoải siêu hình trong thơ Hàn Mạc Tử*” của Nguyễn Xuân Hoàng.

khi chúng đi đôi với nhau như trăng và gió, trăng và hoa, liễu và hoa, trong các thành ngữ quen thuộc như “gió trăng”, “gheo nguyệt trên hoa”, “liễu ngô hoa tường”. Gợi tình thì táo bạo nhưng vẫn tinh tế, ý nhị theo kiểu phương Đông.

Chúng tôi cũng có một nhận xét giống Võ Long Tê khi ông cho bài *Bên lèn* có một cái gì đó giống như “một lối giải tỏa ẩn ức bằng ngôn từ”.

Cái không khí lơ lả, rạo rức trong Gái quê không có gì là khó hiểu. Khi ở đường Espagne Sài Gòn, có lúc đám bạn bè nhà báo, nhà văn đã định lôi kéo Hàn Mạc Tử vào lối sống buông thả, trụy lạc, “nhưng tâm hồn anh trinh trắng quá ngay cả cái Sài Gòn ăn chơi tội lỗi này cũng không cảm dỗ anh sa ngã được”¹.

Mặt khác, những người bạn thơ Hàn Mạc Tử cũng viết nhiều về những đề tài trụy lạc như Bích Khê trong Tinh huyết (*Xác thịt, Người say rượu, Ăn mày*), Hoàng Diệp trong các bài *Người say, Phút trụy lạc*, Thúc Tề trong *Phù Dung nương*:

“Đốt nữa đi, em ơi, đốt nữa đi
Cho tìm anh tan ra thành khói cả
Cho đêm nay suốt đời anh sẽ ngã
Gục bên đèn chết lặng trong mê ly”².

Hàn Mạc Tử đã có một cuộc đấu tranh để không bị cám dỗ, để tạo một khoảng cách với luồng thơ đồi trụy của thời đại. Trong thư gửi Trọng Miên, thi sĩ viết: “Trong khi làm thơ, Tử đã tận hưởng những phong vị của nhạc, của hoa, của trăng, của gái một cách vô tội. Chứ đối với Baudelaire, va đã nói “la passion est naturelle” nghĩa

¹ Hoàng Trọng Miên. *Những ngày sống chung với Hàn Mạc Tử ở Sài Gòn*, Văn, số 73-74 (7-1-1967).

² *Đông Dương*, số 20-10-1938.

là va đã hiểu lầm chữ passion rồi vậy. Tình cảm hay cảm hứng (enthousiasme) với dục tình (passion) khác nhau nhiều lắm. Tình cảm là sự thanh bạch hồn nhiên, không có một chút gì bợn nhơ, tội lỗi, còn dục tình là cả một sự ham muốn phi thường, ngoài điều răn của Đức Chúa Trời” (*Quan niệm thơ*). Chúng ta có thể đồng ý với Nguyễn Bá Tín khi ông cho rằng thơ Hàn Mạc Tử là “sự chế ngự tài tình những dồn ép để rồi phát tiết ra những bài thơ cao đẹp”.

Thơ Hàn Mạc Tử là sự siêu thăng hoá nhưng ước mơ không được thỏa mãn. “Con người siêu thăng ấy là hành trình thơ anh từ *Gái quê* qua *Đau thương*, đến *Xuân như ý*, *Thượng thanh khí* và *Cẩm châu duyên*”¹.

Đặng Tiến cũng có một nhận xét tương tự: “Theo Hoài Thanh - người may mắn hơn chúng ta, được đọc toàn bộ thi phẩm – thì *Cẩm châu duyên*, thi phẩm cuối cùng là “trong trẻo hơn cả”. Âu cũng là chuyện lạ. *Gái quê*, từ ban sơ, đã là một dòng suối rừng vẫn đục, rồi chảy qua một cuộc đời khổ ải, chuyên chở không biết bao nhiêu trần lụy, ấy mà dần dà lại gạn lọc hết phù trầm, để đổ ra đại dương bằng một dải *Cẩm châu* trong vắt. Thật là một đặc điểm trong thẩm mỹ thi ca” (*Đức tin trong hồn thơ Hàn Mạc Tử*). Có người cho rằng Hàn Mạc Tử là một “thi sĩ không có đến hai lần trong rừng thơ Việt Nam, trong rừng thơ quốc tế”².

Nhận xét này chỉ có thể đúng nếu xét ở góc độ Hàn Mạc Tử là một phong cách thơ đa dạng là hết sức độc đáo. Hàn Mạc Tử đã đi một con đường dài từ thơ Đường cổ điển chuyển nhanh sang lãng mạn, tượng trưng và đã chớm đến bờ siêu thực. Hàn Mạc Tử đã cố gắng tổng hợp vào bản thân mình những truyền thống văn học xưa

¹ *Hàn Mạc Tử, anh tôi*, tr. 76-77.

² Đinh Hùng, Tựa “*Mê hồn ca*” Hà Nội, 1954.

và nay, dân gian và hiện đại, phương Đông và phương Tây, Thiên Chúa giáo, Phật giáo và cả Khổng giáo, Lão giáo. Người ta cũng nói nhiều đến một thứ ngôn ngữ có tính cách trưởng giả (noble), giàu âm nhạc, giàu hình ảnh trong thơ Hàn Mạc Tử, trong đó phải tính đến những ảnh hưởng của các điệu Nam Bằng, Nam Ai, kể cả nhạc điệu cung văn, đồng bóng. Người ta cũng tranh luận xung quanh nhiều “tổng hợp đề (synthèses) kỳ lạ và thú vị” về ngôn ngữ như các chữ “Phượng Trì”, “song lộc triều nguyên” trong bài thơ *Ave Maria*. Có thể có nhiều cách đánh giá khác nhau nhưng chắc chúng ta dễ dàng thống nhất khi khẳng định Hàn Mạc Tử là con chim đầu đàn của nhóm thơ Quy Nhơn, là một trong những ngọn cờ tiêu biểu của trào lưu văn học lãng mạn và tượng trưng thời kỳ 1930-1945. Không thể tách Hàn Mạc Tử còn có các nhà thơ lớn của trào lưu đó như Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Chế Lan Viên v.v...

Thơ Hàn Mạc Tử có những bài vào loại tuyệt tác, nhưng cũng có những bài bình thường. Có một số bài Hàn Mạc Tử không muốn công bố rộng rãi. Chúng ta nên quan tâm đến lời Hàn Mạc Tử dặn Quách Tấn trước khi vào nhà thương Quy Hòa: “Tôi có lời nguyện rằng vào Quy Hòa, nếu Chúa ban phước cho tôi lành mạnh, tôi sẽ đốt tập *Thơ Diên*. Nhưng nghĩ lại thơ đã lỡ làm ra rồi, dù có đốt đi cũng không xóa được tội lỗi, nên tôi không còn giữ ý định đó nữa. Tuy vậy cũng không nên để cho người đời thấy những bí ẩn của lòng mình. Tôi sợ gia đình tôi không theo được ý muốn của tôi, nên tôi nhờ anh thâu hết các bản thảo của tôi đem vào Nha Trang cất giùm...”

Tôi vào Quy Hòa, nhờ ơn Chúa, tôi mạnh được thì chẳng nói chi, bằng tôi có chết đi, thì tôi giao cho anh toàn quyền sử dụng. Bài nào nên cho hành thế, bài nào không, anh đã biết rõ”. Ta không thể biết được Hàn Mạc Tử định xóa bỏ những bài nào nhưng sự dè dặt, thận trọng của thi sĩ là cần thiết. Điều đáng nói không phải chỉ là

những bài thơ nào bí hiểm, những bài thơ nào gắn với hiện tượng mê sảng và bệnh lý, gắn với chiêm bao và cái chết. Điều đáng nói là chúng ta “cảm ơn thi nhân đã đổ hết bao nhiêu nguồn máu lệ, đã từng uống mật đắng cay trong khi miệng vẫn tươi cười sốt sắng” gửi đến cho chúng ta những bài “thơ sáng láng phương phi như một mùa Xuân như ý”.

Và chúng ta tin rằng hôm nay cũng như mai sau:

Thơ anh sẽ như trầm hương ngào ngạt

Tỏa lên cao lồng lộng giữa trời xanh.

(Duyên kỳ ngộ)

Hà Nội, 20-7-1993

Sửa chữa 1997

PHAN CỰ ĐỆ

(Trích theo PCD-1, TT. 27-71)

HÀN MẠC TỬ VÀ TÔN GIÁO

PHAN CỰ ĐỆ

Chúng tôi đã viết về vấn đề này trong bài *Hàn Mạc Tử sống mãi với thời gian*, mở đầu cuốn *Thơ văn Hàn Mạc Tử - Phê bình và tưởng niệm* (1993). Sau đây là những ý kiến dường như đã thống nhất trong các nhà phê bình và nghiên cứu văn học.

Trong bài *Nguồn thom*, Hàn Mạc Tử tự xưng mình là “thi sĩ của đạo quân Thánh giá” nhưng trong thực tế, Tử là một nhà thơ thuần túy, không phải là nhà thơ của bất kỳ tôn giáo nào. “Tử là một nhà thơ đi vào vườn hoa tôn giáo chỉ để tìm hương phấn về ướp cùng hương thơ đó thôi” (Quách Tấn). Chính Hàn Mạc Tử đã có lần tâm sự với Quách Tấn: “Tôi lợi dụng văn chương và triết lý nhà Phật – đó chỉ muốn làm giàu cho nền văn chương chung” (Ảnh hưởng của đạo Phật trong thơ Hàn Mạc Tử).

Nhiều tác phẩm văn học nghệ thuật của Việt Nam và thế giới (những pho tượng La Hán chùa Tây Phương, bài thơ *Ave Maria* của Hàn Mạc Tử, những tác phẩm của Michel Ange...) tuy viết về đề tài Phật giáo và Thiên Chúa giáo nhưng vẫn mang tính nhân dân, mang nội dung hiện thực. Bởi vì từ trước tới nay, con người vẫn xây dựng chân dung các vị thánh trên Thiên đình bằng những nguyên mẫu dưới trần thế. “Chất đốt đẩy tên lửa của Tử lên Thượng thanh khí, lên Phụng Trì, lên sát những mũ triều thiên, té ra là tình cảm, là ân nghĩa từ mặt đất” (Chế Lan Viên).

Hàn Mạc Tử nghệ sĩ bao giờ cũng phóng túng hơn, hào hoa hơn Nguyễn Trọng Trí tín đồ. Các hình ảnh và sự tích của Phật Giáo, Thiên Chúa giáo (như trong các bài *Ave Maria*, *Đêm xuân cầu*

nguyện, Nguồn thơm, Ra đời....) một khi vào thơ Tử đều được thi vị hóa, lãng mạn hóa, mất dần tính cách trang nghiêm, tuyệt đối của tín điều kinh điển.

Chúng ta đồng tình với Phan Xuân Sanh khi ông viết: “cái thói ngang tàng, bừa bãi xưa nay vẫn là thói chung của các nhà thơ. Hàn Mạc Tử quỳ trước Thánh Maria, chúng ta có cảm tưởng như ông đã quỳ trước nàng thơ và hình ảnh nàng thơ với hình ảnh *Ave Maria* đôi khi chỉ là một, rồi thi sĩ nghiêm nhiên biến thành vai trò “Giáo chủ” giữa một lúc cầu nguyện trong đêm xuân” (*Ảnh hưởng Phật giáo trong thi ca Việt Nam*). Cũng như các nhà văn lãng mạn Thiên Chúa giáo, Hàn Mạc Tử xem thi sĩ là một loại người đặc biệt trên cõi đời này, là kẻ môi giới giữa Chúa và loài người. Hàn luôn luôn ý thức được vị trí cao trọng của Thi sĩ trong mọi hoàn cảnh:

Nhớ khi xưa ta là chim Phượng Hoàng

Vỗ cánh bay chín tầng trời cao ngất

Ta trở nên như ngọc đàn Kim mã

Rất hào hoa rất phong vận: Người Thơ

(Phan Thiết! Phan Thiết)

Hàn Mạc Tử đi trốn ở một túp lều tranh dột nát, “một lều trắng gió ngó loi thôi” nhưng Hàn Mạc Tử vẫn gọi là “Lều tranh ông Hoàng”. Có lúc Hàn tự mỉa mai mình là tên hành khất:

Lãng tử ơi! Mi là tên hành khất

May không chết lạnh trước lầu mỹ nhân

Ta đi tìm mộng tầm xuân

Gặp vua nhà Nguyễn bay trên mây

(Lang thang)

“Vua nhà Nguyễn” nào vậy? Có người cho rằng trong bài Lang thang, Hàn Mạc Tử đã tiên tri sẽ gặp Bảo Đại, vị hoàng đế cuối

cùng của triều Nguyễn, vì thế bây giờ mộ Hàn Mạc Tử ở Gành Ráng nằm sát “lâu ông Hoàng” của Bảo Đại. Chế Lan Viên giải thích hợp lý hơn: “Sau này có lúc Tử xem mình là *“vua nhà Nguyễn (Nguyễn Trọng Trí là tên anh) bay trên mây”*, cái mầm mống phạm thượng biết đâu không bắt đầu từ lúc làm thơ thuận nghịch độc ấy” (*Hàn Mạc Tử, anh là ai?*).

Nghệ sĩ luôn luôn phóng túng, ngang tàng, vượt ra ngoài những quy phạm của tôn giáo, vì thế mà phạm thượng. Quách Tấn, Võ Long Tê, Chế Lan Viên, Phan Xuân Sanh đều nói thế. Phan Cự Đệ cũng nói thế khi viết về Hàn Mạc Tử, Michel Ange. Đôi khi, bị cảm hứng lôi cuốn, bị thăng hoa xuất thần, Tử đã viết ra những lời có thể nói là phạm thượng đối với những Đấng thiêng liêng mà Tử phụng thờ:

*Ta chấp hai tay, lạy quỳ hoan hảo
Ngửa trông cao cầu nguyện trắng không gian
Để vừa dâng vừa hiệp bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế.
(Đêm xuân cầu nguyện)*

*Có lúc Hàn Mạc Tử viết:
Ta khắc hồn ra ngoài cửa miệng
Cho bay lên hí hửng với ngàn khơi
(Say trắng)*

Chế Lan Viên bình: “Hồn, đó là sản phẩm của anh tạo ra, lại còn dặt nó đi chơi nữa: “Dặt hồn đi rông rã một đêm nay” – Anh có bạn. Hàn Mạc Tử không còn thụ động là sản phẩm trong bàn tay Thượng Đế, tự anh, anh đã chủ động đóng vai trò Thượng Đế, hơi phạm thượng đấy, nhưng vui chứ, đỡ cô đơn chứ” (*Hàn Mạc Tử, anh là ai?*).

Thư thứ bảy gửi giáo hội Laodixêa (Kinh thánh) có chép chuyện Chúa khạc ra người: “Ta biết các công việc của con, con không lạnh cũng không nóng, ước chi con lạnh hẳn hay nóng hẳn thì hơn. Bởi con chỉ âm ẩm, không lạnh cũng không nóng, nên Ta sẽ mưa con ra khỏi miệng Ta” (*Kh 3, 15-16*)¹.

Chúa “khạc” ra người được thì chàng thi sĩ phạm thượng cũng “khạc” ra người được chứ sao:

*Cả miệng ta trắng là trắng
Cả lòng ta vô số gái hồng nhan
Ta nhả ra đây một nàng
Cho mây lặng lờ cho nước ngắt ngây*
(Một miệng trắng)

Gần đây có người muốn dùng thơ Hàn Mạc Tử để chứng minh Đức Tin Thiên Chúa giáo, chúng tôi đặc biệt chú ý đến bài *Thấy được những huyền bí bên kia cõi chết qua hiện tượng Hàn Mạc Tử* của linh mục Dũng Lạc Trần Cao Tường. Bài viết đã mở ra một hướng nghiên cứu mới về thơ Hàn Mạc Tử. Tác giả muốn giải thích những bí ẩn đằng sau “những ý tưởng và hình ảnh lạ lùng vượt qua ngôn ngữ loài người” và vì sao thơ Hàn Mạc Tử lại có chuyển biến “từ những vật vờ cô đơn cùng độ đến những cảm nghiệm hút hồn đầy hoan lạc”. Linh mục Dũng Lạc Trần Cao Tường căn cứ vào cuốn *Life after Life* (Đời sau - 1975) của bác sĩ Raymond Moody và nhất là cuốn *Transformed by the Light* (Được ánh sáng biến đổi - 1992 của bác sĩ Melvin Morse), trong đó tác giả “muốn chứng minh một cách khoa học những điều mà những người nghiên cứu khác chỉ phỏng đoán, xem những người chết sống lại được thay đổi như thế nào...” (trang 29). Quá trình chết đi sống lại diễn ra qua bốn hiện tượng:

¹ Hồng y Giuse Maria Trịnh Văn Căn, *Kinh Thánh*, Tòa Tổng Giám mục Hà Nội 1985, trang 2297.

1. Hồn lia khỏi xác bay lơ lửng trên không nhìn xuống xác mình thấy những người thân yêu đang khóc.
2. Hồn bay trong ống dài tối đen với một tốc độ nhanh kinh khủng. Betty Eadie kể lại kinh nghiệm của chính mình trong cuốn *Embraced by The Light* (Được Ánh sáng ấp ủ - 1992): Đây đúng là thung lũng bóng tối sự chết như *Kinh thánh* đã từng nói tới.
3. Hồn bỗng thấy một nguồn sáng xuất hiện đầy yêu thương và an bình. Có người cảm nghiệm thấy Chúa, có người thấy Thánh nữ Đồng trinh Maria. Lúc đó hồn được soi sáng nhìn lại và thấy tất cả cuộc đời của mình hiện lên trong một nháy mắt... Rồi hồn sung sướng sửa soạn bước vào vùng ánh sáng thì lại nghe rõ lệnh: chưa phải lúc, hãy trở về. Thế là sống lại.
4. Tất cả mọi trường hợp đều được biến đổi sau khi đã gặp ánh sáng này. Họ trở nên thông minh hơn, có sức cảm thụ lạ về những vùng tâm linh trước kia không hề biết trước chuyện sẽ xảy ra trong tương lai...

Lelvin Morse chứng nghiệm tất cả những điều thấy trên đây là có thật, chứ không phải do phản ứng của thuốc, do ảo giác vì thiếu dưỡng khí, do thần kinh óc bị hủy hoại.

Linh mục Dũng Lạc Cao Tường đã dựa vào lời ông Nguyễn Bá Tín kể lại trong cuốn *Hàn Mạc Tử anh tôi* (Tin- Paris 1990): Trí suýt chết đuối ở biển Quy Nhơn, phải nằm ngửa (làm planche) cho sóng đẩy vào bờ. Trí sợ hãi, thần sắc ngơ ngác, miệng lẩm bẩm nghe như: Đức Mẹ... Đức Mẹ. Từ đó Trí ít hoạt động, nói năng nhỏ nhẹ, nhiều lúc như xuất thần.

Trần Thanh Mại trong cuốn *Hàn Mạc Tử – Thân thế và thi văn* cũng nói là Hàn Mạc Tử đã chết đi sống lại ba bốn lần trong

thời gian lâm bệnh. Vậy thì một số ý tưởng và hình ảnh lạ lùng trong một số bài thơ, có thể là Hàn Mạc Tử đã ghi lại sau khi từ cõi chết về cõi sống.

Cũng có cảnh hồn lìa khỏi xác, từ trên cao nhìn xuống dương gian:

*Anh đã thoát hồn anh ngoài xác thịt
Để chấp chờn trong ánh sáng mờng lung*
(Sáng láng)

*Rời hồn ngấm tử thi hồn tan rã
Bốc thành âm khí loăng nguyệt cầu xa
Hồn mất xác hồn sẽ cười nghiêng ngả
Và kêu rên thảm thiết suốt bao la*
(Hồn lìa khỏi xác)

Cũng có cảnh hồn bay vùn vụt trong không gian, không biết trôi dạt về phương nào:

*Vì không giới nơi trầm hương vắng lặng
Nên hồn bay vùn vụt tới trắng sao
Sóng gió nổi rừng rừng như địa chấn
Và muôn ngàn thần phách ngã lao đao
Cả hơi hám muôn xưa về ám ảnh
Hồn trợ vợ không biết lạc về đâu
Và vướng phải vô vàn tinh khí lạnh
Hồn mê man bất tỉnh một hồi lâu*
(Hồn lìa khỏi xác)

Và hồn được tắm gội trong nguồn Ánh sáng:

- Ta ước ao đầu đội mào triều thiên
Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng...

- Sáng vô cùng, sáng láng cả mọi miền
Không u ám như cõi lòng ma quỷ

*Vì có Đấng Hằng Sống Hằng Ngự Trị
Nhạc thiêng liêng đồn trời khắp hư linh
(Ngoài vũ trụ)*

Ánh sáng trong trường hợp Hàn Mạc Tử được thị kiến ở bờ biển Quy Nhơn chính là Đức Bà Maria mà sau này Hàn tỏ lòng biết ơn trong bài *Ave Maria*:

*Lạy Bà là đấng tinh tuyền thánh ven
Giàu nhân đức, giàu muôn học tử bi
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lâm lụy vừa trải qua dưới thế*

Hàn Mạc Tử cũng được *biến đổi lạ lùng* sau lần suýt chết đuối ở bờ biển Quy Nhơn. Ông Nguyễn Bá Tín kể lại: “Mỗi lần nhớ lại, tôi vẫn còn sợ hãi vì thấy anh không còn giống anh nữa, anh khác lạ hẳn đi với đôi mắt lạc thần. Cảnh tượng đó ám ảnh tôi mãi. Tôi tin anh đã được ơn cứu trợ lạ lùng của Đức Mẹ và biến cố trên đã ảnh hưởng sâu đậm đến đường hướng sáng tác của anh. Khả năng cảm thụ tế nhị trong văn chương âm nhạc đều bắt đầu từ lúc đó, từ lúc anh sống thu mình lại cả tâm hồn lẫn thể xác, ngược với những ham muốn dồi dào đã có sẵn từ bẩm sinh. Đang bồng bột nông nổi đầy sức sống, đi từ ham mê này đến ham mê khác, bỗng đột nhiên dừng lại, rồi chìm vào một trạng thái đắm chiêu đến xuất thần. Hiện tượng đó đã đến với anh một cách thình lình, như chớp loà sáng chói, khiến anh ngất đi, ngơ ngác mù mịt, để rồi biến cải anh hoàn toàn”¹.

Người viết bài này cũng cảm thấy một số bài thơ của Hàn Mạc Tử trong phần *Máu cuồng và hồn điên (Đau thương)* và trong *Xuân như ý* tương tự với một số hiện tượng mà Melvin Morse đã miêu tả trong cuốn *Transformed by the Light*. Bài viết của linh mục Dũng

¹ *Hàn Mạc Tử, anh tôi*, Nxb Tin, Paris, 1990, tr. 113-114.

Lạc Cao Tường đã mở ra một hướng tiếp cận mới đối với một số hiện tượng tâm linh. Nhưng kết luận của chúng tôi lại khác với những kết luận của vị linh mục Thiên Chúa giáo. Sau khi khảo sát hiện tượng Hàn Mạc Tử theo sách của bác sĩ Melvin Morse, linh mục Dũng Lạc Cao Tường kết luận: “Nguồn ánh sáng mà Hàn Mạc Tử thấy là một ngôi vị Thiên Chúa tình yêu... là chính Chúa Giêsu. Tất cả những cái thấy trên đúng là như vẽ ra cảnh thiên đàng trong hình ảnh *Kinh thánh* qua các thị kiến của các tiên tri và *Khải huyền*, thật lạ lùng vượt qua các thị kiến của các tiên tri và *Khải huyền*, thật lạ lùng vượt qua sức hiểu biết của con người, nhưng có thực... Hàn Mạc Tử đã làm chứng Đức Tin bằng thơ văn về những gì huyền bí đã thấy bằng thực chứng qua những lần chết đi sống lại”.

Theo thiên ý của chúng tôi, có lẽ chúng ta phải nói ngược lại. Không phải những giấc mơ, những phút xuất thần trong thơ Hàn Mạc Tử đã chứng minh có Thiên Chúa, có thế giới *Khải huyền*, có thung lũng “ngục tổ tông” bóng tối sự chết. Mà chính nhờ niềm tin vào *Kinh thánh* và hàng ngày cầu nguyện, nên lúc mê sảng, xuất thần, lúc chết đi sống lại, Hàn Mạc Tử mới có “cứ liệu” mà tưởng tượng ra được như thế. Đúng là trong thơ văn, Hàn Mạc Tử đã đặt niềm tin vào một thế giới *Khải huyền* (*Tựa Xuân như ý, Ra đời, Diễm lạ, Xuân đầu tiên...*), *Xuân như ý, Xuân thiêng* là “công trình châu báu của Người”, là “phép tắc màu nhiệm của Đấng Vô thủy Vô chung”. Đó là “bốn mùa xuân cả bốn” có “nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc, hoa trinh bạch, đàn ly tao, tranh tuyết phẩm”. Ánh xuân là nguồn tư tưởng thơm tho, tinh khiết, khí xuân là mạch trường sinh bất tử, tình xuân là cung cầm nguyệt mê ly, tuổi xuân là Ngọc như ý, tên xuân là Dạ lan hương...”.

Hàn Mạc Tử vui mừng chờ đón *điềm lạ đêm nay* ra đời một mùa *Xuân đầu tiên*:

*Mai này thiên địa mới tinh khôi
 Gió căng hơi và nhạc lên trời
 Chim khuyên hát tiếng đầu tiên hết
 Hoa lá hồ nghi sự lạ đời
 Trái cây bằng ngọc vỏ bằng gấm
 Còn mặt trời kia tợ khối vàng*

Cái mùa *Xuân như ý, Xuân thiêng, Xuân đầu tiên* bắt nguồn từ cảnh Trời mới, Đất mới, Jerusalem mới sau ngày Phán xét. Ta hãy nghe Thánh Gioan kể: “Rồi tôi thấy trời và đất mới, vì trời thứ nhất và đất thứ nhất đã biến đi, biển cũng không còn nữa... Rồi thiên thần đem tâm trí tôi lên một ngọn núi cao, chỉ cho tôi xem thành Thánh Jerusalem¹, tự nơi Thiên Chúa trên trời mà xuống, huy hoàng trong vinh quang Thiên Chúa, và rực rỡ như một viên đá quý, khác nào một viên đá ngọc trong sáng.... Tường xây bằng đá ngọc và thành bằng vàng ròng trong sáng như thủy tinh; nền tường thành được xây bằng mọi thứ đá quý... Mười hai cổng là mười hai phiến trân châu, mỗi cửa là một phiến nguyên. Các đường phố trong thành thì bằng vàng ròng trong suốt như thủy tinh... Thành không cần mặt trời, mặt trăng soi sáng, vì vinh quang Thiên Chúa chiếu tỏa khắp nơi và Chiên Con là ngọn đèn rực rỡ của thành”².

Thế giới *Khải huyền* trong thơ Hàn Mạc Tử theo Quách Tấn là vang bóng của vô lượng quang trên Thế giới Cực lạc mà Tử đã đọc qua kinh A Di Đà. Phật Thích Ca giới thiệu Tây Phương Cực Lạc (hay Tịnh độ), thế giới của Phật A Di Đà như sau: “Cảnh giới ở nước thanh tịnh ấy vô cùng đẹp đẽ, sáng lạn, vui tươi. Phong cảnh cả toàn cõi là một vườn hoa vĩ đại... Đường xá, cầu cống, đền đài, điện

¹ Tức Giáo hội, bạn trăm năm của Chúa.

² Hồng y Giuse Maria Trịnh Văn Căn, *Kinh Thánh*, Tòa Tổng Giám mục Hà Nội 1985, (Khải Huyền 21,1-4.10-11.18-22).

các cõi Tịnh độ đều làm bằng ngọc vàng, châu báu như bạch hạc, khổng tước, anh vũ, xá lợi, ca lừng tăng già...những thứ chim này, ngày đêm sáu thời, hót ra những thứ tiếng pháp vi-diệu, hoà lẫn trong những điệu nhạc thiêng, làm cho ai nghe đến, cũng đều phát tâm hoan hỉ niệm Phật...Ở đây không bao giờ có bóng tối, vì nhờ hào quang của Phật giáo phát ra, sáng chói luôn luôn”¹. Chúng tôi cho rằng có thể Hàn Mạc Tử đã chịu ảnh hưởng *Kinh thánh* lẫn *Kinh Phật*, đó là chưa kể những ảnh hưởng của các tín ngưỡng dân gian khác, vùng ảnh hưởng văn hoá Chăm. Quách Tấn cho rằng Hàn Mạc Tử đi vào các tôn giáo “như một lãng nhân vào vườn hoa nghìn hương muôn sắc... Rồi những gì đã thấm sâu vào tâm khảm thỉnh thoảng tràn ra ngọn bút những lúc Thơ về, khi thì đượm đà, khi thì phảng phất, khi thì hiển diện, khi thì ẩn tàng... và tràn ra một cách tự nhiên, *khiến lắm lúc nhà thơ tưởng rằng đó là do mình sáng tạo ra chớ không ngờ rằng mình đã chịu ảnh hưởng*” (*Ảnh hưởng đạo Phật trong thơ Hàn Mạc Tử*).

Có những hiện tượng trong thơ Hàn Mạc Tử vừa có nguyên nhân từ bệnh lý, từ hoàn cảnh cô đơn, vừa có nguyên nhân từ những ảnh hưởng của tôn giáo. Hàn Mạc Tử đã có lúc muốn đốt tập *Thơ Điên*. Vì sao vậy? Có lẽ Hàn Mạc Tử hối hận về “những câu thơ tội lỗi” phạm thượng, cũng có thể Hàn Mạc Tử không muốn đời sau biết “những bí ẩn của lòng mình” lúc rơi vào những hiện tượng bệnh lý, mê sảng như trong các bài *Một miệng trắng*, *Cuối thu*, *Cô liêu*:

Và ai gánh máu trên tuyết
Mảnh áo da cừu ngấm nở nang
 (Cuối thu)

¹ *Phật học phổ thông*, Ban Hoằng Pháp Phật giáo Việt Nam biên soạn, Hưng Đạo xuất bản, in lần thứ hai 1964, tr. 108-109.

*Ai đi lẳng lẳng trên làn nước
 Với lại ai ngồi khít cạnh tôi
 Mà sao ngậm cứng thơ đầy miệng
 Không nói không rằng nín cả hơi
 (Cô liêu)*

Quách Tấn đã ghi lại những lời Hàn Mạc Tử kể: “Một đêm khuya vắng một mình, Tử ngồi ngắm trăng trên bể. Bỗng anh thấy có ai có ngồi khít rịt bên anh. Rồi từ người đó lại hiện ra người nữa. Rồi biến đi. Rồi thấy mặt bể đông lại như tuyết. Trên bể có một người vạm vỡ mặc áo lông gánh hai thùng thiếc chạy băng băng. Từ hai thùng tung tóe ra những máu là máu. Tử hoảng sợ chạy về nhà”. Đây là hiện tượng ít nhiều có gắn với bệnh lý nên đâm ra mê sảng, huyền tưởng. Cũng giống như:

*Ta nằm trong vũng trăng đêm ấy
 Sáng dậy điên cuồng mưa máu ra*

Với tấm lòng yêu thương bạn. Chế Lan Viên luôn luôn bên vực Hàn Mạc Tử: “Bệnh tâm thần, ta vội kết luận. Và đưa nó cho các nhà y học, phân tâm học. Hãy dừng lại đã... Nó là gì? Vì Tử đau yếu chẳng? Không, theo tôi chính là anh rất khoẻ, cái hồn thơ anh rất khoẻ. Chả là cô đơn, chả là hư vô, chả là cái chết dập dờn ở trong phòng bệnh và ở giữa đêm trăng này, nó muốn thủ tiêu anh mà không được. Anh là một. Nó muốn *zéro hoá* anh, hư vô hoá anh cho không còn dấu vết. Nhưng anh đâu có chịu. Anh hóa *hai*, hóa *ba*, mình ngồi cạnh mình hơn thế mình lại vạm vỡ ra, nở nang lên, gánh chạy, gánh cái gánh máu đời mình, chạy trên cái bể thâm kịch của đời mình. Cũng là *một cách đối chọi!*”.

Giải thích như thế e có phần suy diễn. Tất nhiên, ta chấp nhận ý Chế Lan Viên: Hàn Mạc Tử khắc ra trăng, khắc ra cái gái hồng nhan, khắc ra hồn cho văng lên muôn trượng, thì hồn đó gái

đó, trắng đó cũng là Hàn Mạc Tử mà thôi. Đây là một hiện tượng *phân thân* thường thấy trong thơ văn: nói chuyện với em, với trăng, với bóng với một người vô hình... Trong *Anh em Karamazov*, Ivan còn tranh luận với con quỷ mặc áo đen xem ai là thủ phạm đã giết cha mình, con quỷ màu đen đó là phần vô thức của Ivan.

Sống chui nhủi trong những thôn xóm bơ vơ, hoặc lang thang một mình trên bờ biển hiu quạnh những đêm khuya, Hàn Mạc Tử dường như bị ám ảnh bởi cái không gian xa lạ, cái không gian vây bủa, “nhiều ảo giác được nhà thơ ghi lại chính là nói lên cái cách hoảng loạn của thần hồn, thần tính con người, gây nên bởi cái xã hội vô nghĩa, quái gở, ngột ngạt lúc bấy giờ.. Không phải vô cớ mà bài thơ lấy tên *Cô liêu*. Bài thơ là tiếng kêu, tiếng rú trong nỗi cô đơn rùng rợn, con người như lạc vào thế giới xa lạ, tách biệt hẳn với đồng loại” (Lê Đình Kỵ). Nhiều người khác cũng có cách giải thích giống Lê Đình Kỵ khi cho rằng “thơ anh có nhiều câu hốt hoảng lạ lùng, như bị một “ám ảnh nào đó phá phách xô đẩy anh khủng khiếp” éo le và bi thảm, ám ảnh do phải nếm trải những cảnh ngộ nhân sinh nhiều đau thương, lấm tai ương và đầy bất hạnh này” (Cao Xuân Thử).

Tất nhiên, trong những cơn mê sảng, hoảng loạn đó cũng có những hình ảnh bắt nguồn từ tôn giáo. Ở trên đã nói, trong *Kinh thánh* có chép chuyện Chúa “mưa” ra người thì vị “giáo chủ” phạm thượng Hàn Mạc Tử cũng có lúc “khạc” ra trăng, “khạc” ra hồn, “nhả ra đây một nàng”! Trong thơ Tử có hiện tượng người đi trên biển, gánh hai thùng thiếc chạy băng băng trên biển thì *Phúc Âm theo Thánh Máttêu* cũng chép chuyện *Chúa đi trên mặt biển*: “Bấy giờ thuyền đã ra giữa biển, bị sóng đánh mạnh, vì ngược gió. Đến canh tư đêm ấy, Chúa Giêsu đi bộ trên mặt biển đến cùng các môn đệ. Thấy Người đi bộ trên mặt biển họ sợ hãi nói rằng: “ma

đấy”. Rồi họ hốt hoảng la lên. Chúa Giêsu liền bảo các môn đệ rằng: “Hãy an tâm, Thầy đây đừng sợ”. Ông Phêrô lên tiếng: “Thưa Thầy, nếu thật là Thầy, xin cho tôi đi trên mặt nước mà đến với Thầy”. Chúa bảo “Lại đây”. Ông Phêrô liền từ thuyền bước xuống đi trên nước để đến cùng Chúa Giêsu (Mt 14, 22-30). Hiện tượng “điên cuồng mưa máu ra” gắn với bệnh lý của Hàn. Nhưng hình ảnh *máu trên biển* cũng có thể bắt nguồn từ một số chuyện trong *Kinh thánh*.

Trong sách *Khải huyền* có chép chuyện *Bảy thiên thần mang bảy tai hoạ* - “hãy đổ chén thịnh nộ của Chúa xuống trái đất”:

Thiên thần thứ hai đổ chén của mình xuống biển, tức thì *biển hoá thành máu* và tất cả các sinh vật dưới biển đều chết.

Thiên thần thứ ba đổ chén của mình xuống sông suối thì *sông suối biến thành máu* (Kh 16, 3-4)¹.

Như thế, những câu thơ mà ta gọi là huyền bí, kinh dị của Hàn Mạc Tử cũng có thể cất nghĩa phần nào bằng hoàn cảnh sống cô đơn trong các xóm vắng, trên bãi biển, bằng những hiện tượng bệnh lý, bằng những câu chuyện và hình ảnh mà Hàn Mạc Tử đã đọc được trong *Kinh thánh*, *Kinh Phật*. Đó là chúng ta chưa kể đến những tín ngưỡng dân gian của một vùng ảnh hưởng văn hoá Chăm (trong thơ Chế Lan Viên, Hàn Mạc Tử ta thấy có hiện tượng hồn lìa khỏi xác, trong đêm kéo nhau đi lang thang).

PHAN CỰ ĐỆ

(Trích bài *Hàn Mạc Tử, những vấn đề đang tranh luận*)

¹ *Kinh Thánh*, sách đã dẫn, trang 2311. Chúng tôi gạch dưới.

4.

Trong ký ức bạn bè

1. Tình bạn

Giáo sư Phan Cự Đệ viết: “Về tình bạn thì chúng ta phải tìm hiểu thêm vì ít có một người nào giữ được tình bạn lâu dài, trong sáng và chung thủy như Hàn Mạc Tử. Sự có mặt đông đủ bạn thân của Hàn Mạc Tử thời ấy trong tập sách này (Chế Lan Viên, Quách Tấn, Bích Khê, Trần Thanh Địch, Yến Lan, Nguyễn Viết Lãm, Nguyễn Minh Vỹ, Hoàng Diệp, Hoàng Trọng Miên, Trần Tái Phùng, Trần Thanh Mại, Nguyễn Văn Xê...) đã chứng minh tình bạn cao quý đó” (PCĐ-1, tr. 63-64).

Tuyển tập *Thi Sĩ của Thánh Giá* này tập trung vào mảng thơ đạo của Hàn Mạc Tử. Do đó, từ những ký ức của bạn bè anh, tập này chỉ chọn trích lại những phần liên quan đến lãnh vực này. Mối chân tình giữa Hàn Mạc Tử và các bạn anh thì đã rõ, tuy vậy, từ tình bạn tới chỗ đồng cảm về kinh nghiệm đức tin có một khoảng cách rất lớn. Qua chiêm niệm trong tĩnh nguyện hay giữa cuộc sống, nhiều lúc Hàn Mạc Tử thấy trong “*tâm tư có một điều rất thích, không nói ra vì sợ bớt say sưa*” (*Ra đời*, c. 20). Anh “đã phát tiết hết tinh lực của hồn, của máu, bằng những câu thơ ngắt đi vì khoái lạc” (Quan niệm thơ, PCĐ-1, t. 178) mà liệu chừng được mấy ai đồng cảm? Phản xạ bình thường là thích giữ lấy niềm riêng giữa mình với Chúa (x. *Biển Hồn Ta*, c. 9; *Say Thơ*, c. 69), không thích diễn thành thơ¹ vì ngôn từ thật giới hạn².

¹ Tôi làm thơ? - Nghĩa là tôi yếu đuối quá. Tôi bị cám dỗ. Tôi phản lại tất cả những gì của lòng tôi, máu tôi, hồn tôi đều hết sức giữ bí mật. (Hàn Mạc Tử, Lời tựa của tập *Đau thương*).

² Ý còn ở trong lòng thì rạo rức xoắn xang, khi phô phang lên giấy thì tê dại, ngắt ngư, như không có chút gì là rung động nữa (Hàn Mạc Tử, *Kêu gọi*).

Là một tín hữu ngoan đạo, hẳn Hàn Mạc Tử luôn để cho đức tin dẫn dắt những cảm xúc và cách diễn tả của anh. Dù vậy, lắm lúc anh diễn tả rất tự do, dùng đủ mọi thứ để lột được điều anh cảm nhận, và như thế cũng là chấp nhận bị hiểu lầm, mặc cho người đọc đoán mò về điều anh đã cảm nhận thâm sâu.

Vâng, có lẽ nhiều bài thơ đạo của Hàn Mạc Tử chưa được đánh giá đúng lắm. Khi tác giả đưa thơ cho bạn bè, họ rất thích nhưng tác giả “không có lấy được một người hiểu mình” (Quan niệm thơ). Do đó, khi họ hỏi thì anh rất khó diễn giải; anh phải tìm cách này cách kia để giúp họ hiểu được phần nào¹, và vì thế vô tình để lại những chứng từ gây ngộ nhận như trường hợp lời kể của Quách Tấn trong PCĐ-1, t. 95 về hai bài *Cuối thu* và *Cô liêu*. Xin thử đối chiếu với những cước chú của chúng tôi nơi hai bài này cũng như nơi bài *Ave Maria*, ở phần Tuyển Thơ.

Lm TRĂNG THẬP TỰ

2. Những bài trong phần này:

- HÀN MẠC TỬ HỒI ẤY – *YẾN LAN*
- HÀN MẠC TỬ – *TRẦN THANH MAI*
- THƠ HÀN MẠC TỬ – *TRỌNG MIÊN*
- CHUYỆN DƯỚI ĐẤT VÀ CHUYỆN TRÊN TRỜI – *CHẾ LAN VIÊN*

¹ Không, không, không! Tôi chẳng bán hồn Trăng
 Tôi giả đồ chơi, anh tưởng rằng
 Tôi nói thiệt, là anh đại quá:
 Trăng Vàng Trăng Ngọc bán sao đang.
 (Trăng Vàng Trăng Ngọc, 5-8).

- CON NGƯỜI HÀN MẠC TỬ QUA THƠ ANH – *NGUYỄN MINH VỸ*
- HÀN MẠC TỬ - *TRẦN TÁI PHÙNG*
- NHÀ MẠNH THƯỜNG QUÂN NGHÈO - *HOÀNG DIỆP*
- NHỮNG KỶ NIỆM VỀ HÀN MẠC TỬ - *TRẦN THANH DỊCH*
- HÀN MẠC TỬ - *BÍCH KHÊ*
- TRĂNG CŨ - *MAI ĐÌNH*
- NHỚ HÀN MẠC TỬ - *NGUYỄN VIỆT LÂM*

HÀN MẠC TỬ HỒI ẤY

YẾN LAN

Từ đó cứ mỗi bận có dịp đi Quy Nhơn thì tôi kết hợp đi thăm anh. Có khi kèm với Chế Lan Viên, có khi đi một mình, nhất là giai đoạn anh lâm bệnh... Bị bệnh tật hành hạ đau quá, anh tìm đến tình yêu. Tình yêu trắc trở, anh dựa vào tình bè bạn. Cô đơn, tù túng quá, anh dựa vào cái mà thiên nhiên đã cho anh nhiều nhất, dễ dàng tiếp cận nhất, là trăng. Có lẽ trăng đóng vai trò chủ thể trong hơi thơ và tứ thơ của Tử.

Có một nguồn thơ đặc biệt nữa dự phần đáng kể trong thi ca của Hàn Mạc Tử là thơ về Đạo. Anh là một con chiên ngoan đạo. Tuy nhiên, chất Đạo (thanh khiết, thiêng liêng) trong thơ anh đã bị chất Đời (đau yếu, bệnh tật) lấn áp. Suy cho cùng, thơ về Chúa, về Đức Mẹ Đồng Trinh của Hàn Mạc Tử nếu không có những yếu tố khác nữa, cũng khó mà thâm nhập vào tâm hồn người đọc có tín ngưỡng hay không có tín ngưỡng. Cho nên, theo tôi, khi nói đến Hàn Mạc Tử tôi không lướt qua việc giới thiệu anh là một người ngoan đạo làm thơ, nhưng đồng thời tôi mong bạn đọc thấy rõ chất đời trong thơ anh vừa riêng biệt tưởng không hình dung nổi, lại vừa rất chung, rất thực, có thể sờ mó lên được. Mà thôi, Đạo với Đời trong thơ anh vẫn là những mặt nhỏ trên một viên kim cương, mặt này ánh xanh, mặt kia ánh vàng, đều làm viên kim cương có sức ngời chói lóng lánh.

Anh thường tiếp chúng tôi ở số nhà 20 Khải Định. Tôi còn nhớ đây là một ngôi nhà xây để ở chứ không phải theo quy cách nhà có thể mở ra làm cửa hàng buôn bán. Nó dựng trên một khoảng đất

chéo, nên hàng ba bước vào phòng chính không quay mặt ra đường. Có cổng và tường ngăn. Phòng khách bày biện ít đồ đạc. Cái tôi nhớ nhất là cái đồng hồ treo với tiếng gõ kỳ cách suốt năm tháng của nó, giữa cơn đau óm, như người lễ sinh đứng đó không xuống lên lễ thức mà chỉ đếm thời gian, từng giọt, từng giọt, nhắc với Tử, bằng cách gây nên những xáo trộn tâm tư, có khi thăm thì báo hiệu cái cô đơn đang vây phủ xung quanh anh. Cái thứ hai là bộ ghế bành lùn, rộng và khoẻ bằng ruột mây đan. Mỗi lần chúng tôi đến, ở phòng trong ra, anh đến bắt tay từng người. Đó là lúc bệnh anh mới sơ phát, còn ở dạng nghi ngờ. Về sau thì anh chỉ chấp tay chào và khẽ khàng ngồi xuống chiếc ghế kê sát vách cửa vào phòng. Lòng ghế lót bằng một tấm vải cũ gấp lại.

Anh đọc thơ cho chúng tôi nghe, không giải thích, rồi anh ngâm. Nếu ai đó có lần nghe anh ngâm thơ thì mới cảm thấy hết cái cảm giác kỳ lạ lần đầu tiên bắt gặp: nôn nao, nôn nao... và cộng với lời thơ gây nên một không khí mông lung. Chúng tôi như bị dòn vào thế giới nào có suối, có đồi, có bóng dáng những cuộc hành hương, và nhạc điệu cung văn, đồng bóng. Trông anh như cành liễu mùa đông đang bị cơn gió lạnh tuôn về day trở. Giọng nói của anh thì ngọt và mát như dòng sông Nhật Lệ quê anh từ thuở thơ ấu; nó đã được tiếng khen là nuôi dài tất cả những mái tóc để tăng thêm vẻ yêu kiều của lớp người sông Lũy Thầy, Trường Dục nhưng trong giọng ngâm, anh đã biến thành những chuỗi dài đau khổ, cao thấp chen nhau như từng tia lửa bùng lên, như mảnh lụa tươi vàng bị xé vụn. Anh đã lấy xác thịt mình họa cho lời thơ. Có khi chúng tôi chảy nước mắt. Còn anh, anh đã thành một người say. Các lần ngâm thơ của anh đều diễn ra như thế vì những bài thơ ấy đều là những bài xót xa nhất. Đặc biệt là hôm anh ngâm bài Thánh nữ Đồng trinh Maria. Xáo trộn trong đau thương, còn có nỗi triu mến hân hoan kỳ

lạ. Chúng tôi có cảm giác như anh bay lên với đôi cánh hải rộng ra, khi vút lẩn vào mây, khi là sông bể. Có lúc tưởng như đang ngồi trên lưng con tuấn mã phi nhanh trở về sau một chiến công, thỉnh thoảng dừng lại ngược nhìn xuôi thẳm, khe sâu vừa mới vượt qua.

Số là, theo anh kể lại, bạn ấy người bạn thân thiết nhất là Quách Tấn ở Nha Trang ra giới thiệu với gia đình, ông cậu của Tấn là một võ sư lừng danh tên là Đoàn Phong. Ông này có môn thuốc gia truyền chữa lành nhiều người mắc bệnh phong hủi, và Tử đã được tiếp cận, được cho đơn. Thang đầu hiệu quả chưa rõ rệt, đến thang thứ hai thì có biến chuyển bất ngờ. Tử ăn, ngủ thấy ngon, tâm tư thư thái, hết ngứa ngứa, tê buốt. Anh vui mừng quá, gọi mẹ, gọi chị, em, nói cười rối rít và anh bảo rằng: đó là do có Đức Mẹ Đồng Trinh, đã xui khiến anh được như vậy. Bạn ấy anh tưởng anh được thoát nạn:

*Lạy Bà là đáng tinh tuyền thánh vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơ lâm lụy vừa trải qua dưới thế...*

(Trích bài Tôi nhớ Hàn Mạc Tử - PCĐ 2, 78-80)

HÀN MẠC TỬ

TRẦN THANH MẠI

Qua một năm điên cuồng, trong thời kỳ ấy mạch thơ của Hàn Mạc Tử luôn luôn được khơi động; nghệ thuật của thi sĩ đã tiến lên nhiều. Hồn thơ của thi sĩ ngày càng xa cõi thế gian và mọi thứ tình tứ của người thường, như một làn trầm hương bốc tỏa lên cao, cao mãi, khí thơ của thi sĩ cũng vượt ra ngoài cả bầu không khí trần gian mà dâng lên tận những tầng khinh khí thiên không, những vùng trời cao khiết đến không hề nhuộm lấy một hạt bụi nhỏ, thanh tịnh đến không hề rợn lấy một tiếng động chạm. Cũng như con tằm tự xây cho mình một cái nhà vàng, thi sĩ tự tạo ra một cõi thiên đàng diễm lệ (hơn cả thiên đàng của Cơ đốc giáo), một cực lạc quốc mà A Di Đà có thể thêm thường, một thế giới làm bằng màu sắc và hương hoa, ở đấy tụ tập tất cả bao nhiêu say sưa đắm đuối, bao nhiêu ước hẹn chờ mong, nghĩa là bao nhiêu tình cảm, bao nhiêu ý thơ, những thứ ấy đều ngả ngớn múa mém trong hăng hà sa số là hào quang, là âm nhạc.

Ấy là tính chất cốt yếu của hai tác phẩm thơ kế tiếp sau Đau thương, một là Xuân như ý gom góp xong vào đầu năm 1939, một nữa là Thượng thanh khí, hạp thành tập vào cuối năm 1940...

Một nửa phần Xuân như ý và hầu hết Thượng thanh khí đều làm bằng một lối thơ bí hiểm khó mà suy nghiệm cho ra nghĩa. Thuở sinh thời Hàn Mạc Tử, đã có người nêu lên cái vấn đề không hiểu thơ và mượn chính tác giả cắt nghĩa giùm, Hàn Mạc Tử trả lời: “Giải nghĩa văn thơ thật là một vấn đề to lớn và phức tạp quá, và cứ theo như lối thơ tôi làm đó, thì phải giảng giải đến bao nhiêu trang

giấy mà rớt cuộc chưa chắc người ta đã hiểu được tý gì! Nói như anh, thấy một cành hoa mà mừng tượng ra một mùi hương, thấy một làn tinh trắng mà hình dung được cái gì thanh sạch ở thế giới khác, thế là đầy đủ rồi. Vì tất cả thi vị đều là ở đây... Và như thế, sự cắt nghĩa đối với thơ là vô ích. Người ta cảm biết một cách tự nhiên”.

(Trích lại theo PCD-1, tr. 368-369)

THƠ HÀN MẠC TỬ

TRỌNG MIÊN

Một thiên tài đã chết: Hàn Mạc Tử! Một nguồn thơ tân kỳ, làm bằng máu, bằng lệ, bằng hồn với tất cả say sưa, rung động của một người hoàn toàn đau khổ.

Thi sĩ đưa ta vào một thế giới hão huyền đầy trắng, đầy mộng – chốn “vườn mơ, bến tình” mà người “say sưa đi trong Mơ ước, trong Huyền diệu, trong Sáng láng và vượt hẳn ra ngoài Hư linh...”.

Và, “một khi đã vào là sẽ lạc, vì vườn thơ rộng rinh không bờ bến, càng đi xa càng ớn lạnh...”.

Thơ, đối với Hàn Mạc Tử là tiếng kêu rên thảm thiết của một linh hồn thương nhớ cảnh chiêm bao, ước ao trở lại cõi trời là nơi đã sống ngàn kiếp vô thủy vô chung với những hạnh phúc bất tuyệt, là sự ham muốn vô biên những nguồn khoái lạc trong trắng của cõi trời cách biệt.

Thi sĩ là một loài khác thường, sanh ra đời với một sứ mạng thiêng liêng, mà muốn tạo ra những tác phẩm lưu danh lại muôn đời, người phải mua bằng một giá máu, luôn luôn có một định mệnh tàn khốc theo riết bên mình. Cuộc đời của Hàn Mạc Tử là cả một bài thơ ghê gớm rùng rợn, có một không hai trong những thi sĩ đông tây. Thần tai họa đã gieo vào chàng một chứng bệnh tàn ác trong lúc thi sĩ rơi xuống cõi đời bơ vơ, bơ ngỡ và lạ lùng.

Cho nên có lúc ta cảm thấy thơ chàng là một tiếng thở dài thê thảm, nghẹn ngào, đau đớn của một biển hồn nồng nàn, tin tưởng quặn quại trong sự đau thương vô tận, rùng rợn ngất ngư. Và thiên tài tử vì đạo ấy đã truyền sang cho ta những rung động mê mị, những thanh thoát vô cùng, những say sưa điên dại.

Sự điên cuồng là một dấu hiệu mãnh liệt của thi sĩ vì Hàn Mạc Tử nói làm thơ tức là điên. Cái điên của thi sĩ là sự say sưa vô cùng cái Đẹp mà người thường chẳng bao giờ hiểu biết nổi.

Ở chốn phàm trần tầm thường này, không hợp với tâm hồn thanh cao của thi sĩ, vì thế thi sĩ cứ đi tìm mãi, khát khao vô tận, kêu rên thảm thiết để đi đến cõi ước mơ hoàn toàn, tức là cái đẹp cao cả mà thi nhân cảm hứng đến trong khi sôi nổi, siêu thoát linh hồn.

Cái Đẹp đối với Hàn Mạc Tử là người tri kỷ mà thi sĩ tìm kiếm, một bậc cao quý, toàn trí toàn năng, một đấng mà thi sĩ thấy như là tất cả, trên tất cả mọi sự. Đấng ấy là Trời, vì Người đã tạo thơ ra ở thế gian. Cho nên chỉ với Trời thi sĩ mới có thể trút hết hận tình, kể lể hết niềm đau thương. Với đức tin ấy, Hàn Mạc Tử đã quy tụ, khơi mạch thơ ở Trời và lời vang động của nguồn máu huyết đạo hạnh ấy chẳng những chỉ sự thương tiếc u hoài mà là cả sự trở về với nước Thiên đàng.

Thi sĩ có những liên lạc thanh khiết với nhạc, hoa, trăng, gái, với một thế giới mộng ảo, huyền diệu. Tinh lực của hồn, của máu, Hàn Mạc Tử phát triển mãnh liệt trong thơ nên cảm kích ta một cách dị thường. Đó là một thi sĩ mà ta phải rung cảm trước khi tìm hiểu.

Những vần thơ nhịp nhàng *Hương thơm, Mật đắng... Máu cuồng, Hồn điên, Xuân như ý*, những lời châu ngọc say sưa trong đau thương của Hàn Mạc Tử đã làm cho tôi khoải trá ngây ngất vì ý tứ say điên, rung động bồi hồi vì nhạc điệu đê mê, run rẩy, chói ngọc vì màu sắc sáng ngời, huyền diệu, rú lên vì kinh dị lạ lùng.

Hàn Mạc Tử đã sáng tạo ra một sự rung động mới lạ và thế lực của chàng truyền mạnh sâu sắc trong những thời sau.

(Người Mới, số 23-11-1940, trích lại theo PCD-2, tt 236-237)

CHUYỆN DƯỚI ĐẤT VÀ CHUYỆN TRÊN TRỜI ¹

CHẾ LAN VIÊN

Có nhiều ngộ nhận cho đến nay về Tử. Rằng anh là tiếng nói của tôn giáo, của Thiên Chúa giáo. Có thì cũng chẳng sao! Các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu, đứng đầu là Liên Xô, khi tiếp thu di sản của quá khứ thì ba phần tư các tác phẩm xưa là của những nhà văn hay nói đến Thượng Đế. Và ta chẳng tiếp thu thơ các nhà sư, sư tổ nữa, đời Lý, Trần đó sao? Cố nhiên là Hàn Mặc Tử yêu Chúa, nguồn động viên lớn, vô cùng lớn với anh trong bước ngặt nghèo. Nhưng khi anh viết bài *Thánh nữ Đồng trinh Maria*:

*Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lâm lụy vừa trải qua dưới thế*

là anh vừa viết cho Mẹ trên trời vừa viết cho Mẹ anh dưới đất: “Mẹ ơi con sắp chết nay mai. Con không sợ chết mẹ ạ. Nhưng nghĩ rằng con phải rời bỏ mẹ, con đau lòng quá”. Tôi nhớ cái lời thư ấy. Tử là người con rất có hiếu, Tử cũng từng ví chị Lễ trong bài văn xuôi tuyệt vời như thủy tinh *Chơi giữa mùa trăng*: chị “thanh thoát tinh khôi, uy nghi và tươi tốt như pho tượng Đức Bà Maria”. Chuyện dưới đất thành ra chuyện trên trời. Một người Công giáo chính tông không thể viết: “Ở đời chỉ có một hạnh phúc, làm chi có hai cảnh Tịnh độ và Niết bàn”. Lên cao trên Thượng thanh khí, Tử ít gặp thiên thần mà hay gặp các Nàng tiên đang tắm “Và đôi môi biểu lộ hết xuân tình”. Đừng đưa anh *lên cao*, nhưng cũng xin đừng lợi dụng Freud lợi dụng phân tâm học, hạ anh *xuống* một nhà thơ xác

¹ Tựa đề do người sưu tập đặt (TTT).

thịt. Chính *thế tục* trong anh, cái sức nặng của sự sống có hồn và có thân thể ấy đã níu anh lại, không cho anh đứt dây bay vút vào cõi Siêu hình. Vả chẳng anh *thế* chứ đâu *tục*! Khi ta thích “Dày dày sần đúc một tòa thiên nhiên” của Nguyễn Du, ta phải thích “Ồ kia bóng nguyệt trần trường tắm” của anh. Chẳng lẽ cô Hồ Xuân Hương có quyền mà bóng trăng anh thì bị cấm!

(Trích từ bài Hàn Mạc Tử, anh là ai?, PCD-2, trang 238-251)

CON NGƯỜI HÀN MẠC TỬ QUA THƠ ANH

NGUYỄN MINH VỸ

Tóm lại, người Hàn Mạc Tử khác mọi con người khác, nhà thơ Hàn Mạc Tử có tâm hồn khác, có hồn thơ khác... Anh là người gốc đạo Thiên Chúa cho nên không lạ gì trong cái tình và cái cảnh của “nhà thương Quy Hòa” anh viết *Đêm xuân cầu nguyện*:

*Để vừa dâng vừa hiệp bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế.*

Anh kêu lên “Thánh nữ Đồng trinh Maria” bằng:

Giọng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ

Và “cầu nguyện”:

*Cho tình tôi nguyện vẹn tợ trăng rằm
Thơ trong trắng như một khối băng tâm
Luôn luôn reo trong hồn trong mạch máu
Cho vỡ lở cả muôn ngàn tình đầu
Cho đê mê âm nhạc và thanh hương.*

Ta thông cảm với tâm hồn anh, với giấc mơ anh, với lòng tin của anh, rất là con người: được sống, sống để làm thơ ngợi ca cuộc sống dù có đau thương lâm ly, dù có sắp trút linh hồn, thậm chí khi anh tưởng tượng đã thoát khỏi thể xác, chỉ còn sống với linh hồn, để làm thơ...

*(Trích từ Con người Hàn Mạc Tử qua thơ anh,
PCĐ-2, trang 439-451)*

HÀN MẠC TỬ

TRẦN TÁI PHÙNG

Hàn Mạc Tử tạ thế!

Lại một hình ảnh thân yêu thoáng qua rồi mất!

Trong hiu quạnh, một lời ca thanh cao siêu thoát bỗng nghẹn thở!

Một lần nữa, chúng ta nhận thấy rằng lòng đờn đau, thương mến, day dứt, tiếc nuối của chúng ta là nghĩa tột, cũng như tình máu mủ thiêng liêng khăng khít của thân tộc chàng, dù bao la rộng rãi đến đâu, dù xây bồi vững chãi như thành mây, như núi xanh, cũng không giành giật chàng lại được với sự phá hoại thần nhiên và cay nghiệt của số mệnh!

Trời xanh quá chúng ta không thể tìm thấy và đoán trước được một sự tàn sát sắp thiệt hành, cũng như thơ chàng, quá trong trẻo, quá băng trinh, chúng ta không thể đoán trước được một trang đời thảm khốc mà ngăn ngui lăm thay! Một trang đời, than ôi! Đã dồn ép lại, bên cạnh một tật bệnh khổng lồ, một sự nghiệp đại quy mô về văn thơ.

* * *

Sự nghèo khổ túng thiếu về vật chất, góp sức với sự đau thương quần quai về tinh thần, đã nâng cao thiên tài và nghệ thuật chàng ngang một địa vị bất hủ.

Chúng ta không cần phải nhắc lại tình bạn của chàng, mà ai cũng phải công nhận là tuyệt nhiên thanh cao, và điểm toàn những màu tươi vui mát mẻ. Ngay đến phút cuối cùng, chàng đã không

muốn phiên bạn đến một người quen biết nào, bằng ít lời than hay một hơi thở.

Thế mà, than ôi! Chúng ta chỉ biết lâu lâu lại cảm động bất được một bài thơ chàng, thường thấy đăng ở các báo miền Nam và là mỗi lượt chúng ta nghiền ngẫm lời thơ chàng với tất cả sự khao khát thèm muốn.

Đó là một mùi vị thơm tho bồi bổ cho tinh thần, khơi nguồn từ trên suối tiên của lời ca thượng cổ, trong Kinh Thi, trong Dịch Kinh của Á Đông, hay là trong Thánh kinh Cựu Ước và Tân Ước của phương Tây.

Chàng đã trả lại – và chao ôi! hùng hồn bao nhiêu – cho Thơ Nhạc sự “rung cảm thần tiên” với tất cả sự say ngộp, chơi vơi, mê man, đắm đuối, vang dội trong linh hồn tinh khiết và hoang dại của một người rất mực tân kỳ. Chàng đã rung cảm trước sự huyền diệu của tạo vật một cách thành thật và đầy đủ quá, khác nào một chiếc máy tự ký rất tinh mật. Vì thế, chàng đã nâng cao toàn giá trị của sự rung cảm trong văn thơ ta, bằng cách rửa sạch những mảy sai lạc mà một số thi sĩ khác đã thêm bồi vào một cách vô ý thức!

Nói tóm lại, chàng đã tìm lại giá trị của sự “rung cảm thần tiên và đầu tiên”, hơn nữa chàng loại nó lại, cũng như lúc ban sơ vua Hạ tìm ra nguyên tố của ngũ hành. [...]

* * *

Hàn Mạc Tử thường nói đến, trong thơ chàng, một sự khoái lạc tuyệt đích cao quý, một cuộc viễn du ngang qua bên cạnh các vì hành tinh trên thượng tầng không khí, và một mối hân hoan vô lượng khi được sum vầy cùng muôn vì á thánh. Khoái lạc ấy nhịp nhàng với thơ nhạc muôn đời của những thiên tài ly tao bất tử trên thế giới, rút nguyên chất của mọi hạnh phúc cao trọng trên thế

gian, làm chúng ta quên hết của mọi sự phiền lụy nhỏ nhất của đời người, dồn say mê ước muốn lại với một chủ đích độc nhất, và gần giống sự khoái lạc làm chúng ta hình như đờ mắt, say ngộp cả linh hồn mỗi khi lặng ngắm một cảnh trời bừng sáng ban mai, hay một vùng ô về chiều trên bể cả. Sự hoan hoan vô lượng ấy phải chăng ngày nay chàng đã đạt được rồi!

(Người Mới, số 7-12-1940)

Trích lại theo PCD-1, 345-356

NHÀ MẠNH THƯỜNG QUÂN NGHÈO

HOÀNG DIỆP

[...] Qua một thời gian khá lâu ở Sài Gòn, một đêm xuân, vào khoảng mười giờ tối, Hàn Mạc Tử hiện ra ở trong gian nhà lá thân yêu ở Quy Nhơn.

Cũng mẹ hiền ấy, cũng các chị và các em ngày xưa ấy, nhưng Hàn Mạc Tử đã khác xưa rất nhiều. Chàng về hai bàn tay không, đầu không mũ và chỉ mang trên người một bộ y phục nhàu nát. Cả nhà trở mắt nhìn và hỏi chàng cái va li áo quần, mũ và chiếc mền len đâu? Hàn Mạc Tử vẫn cười và nói: “Dạ có, có cả, đồ ba-ga sẽ đến sau”. Đêm ấy qua, ngày mai lại đến, nhưng chiếc xe chở đồ ba-ga của nhà thơ lại không thấy đến. Mẹ và các chị của Hàn Mạc Tử hỏi mãi thì chàng chỉ biết trả lời bằng nụ cười trên môi. Cho tới khi nản quá, mẹ chàng bảo: “Hay là đồ ba-ga của con bị kẻ cắp trên tàu lấy hết?” Hàn Mạc Tử vẫn ngồi cười lạc quan và thành thật. Đến đây, vụ tra hỏi kết thúc với kết quả: lúc ra đi đầy đủ, khi trở về mình không.

Ngao ngán về chiếc va li áo quần, các chị của Hàn Mạc Tử mới hỏi tới số tiền chàng làm ra được, vì hồi đó báo *Sài Gòn* trả cho chàng mỗi tháng 35 đồng cộng với số tiền 15 đồng của các báo khác mà chàng đã viết giúp. Với 50 đồng lúc bấy giờ, kể ra cũng là một số tiền lớn. Hỏi đến đây, Hàn Mạc Tử vẫn cười nụ cười hồn nhiên của một chàng trai bị lạc lõng giữa buổi chợ quá đông đảo. Hồi ấy Hàn Mạc Tử mới 24 tuổi. Hỏi mãi, chàng mới cho biết rằng các bạn thân, các bạn văn nghệ luôn rình mò, lục soạn cái học bàn của chàng, ngày nào, giờ nào chàng lãnh lương, các bạn điều tra thấu đáo, mà cái học bàn đựng tiền vừa nóng hổi buổi sáng, buổi trưa lại trở nên

vắng lạnh như mọi đêm. Cả nhà đều lắc đầu, mãi đến đây, chàng mới thốt ra một câu mà chúng tôi xin phép chép lại nguyên văn: “Tụi hấn chết đói dẫn¹ rãng ra cả ở trong ấy, mà mình để tiền làm chi?”.

Có gì cao quý bằng và có gì đau xót bằng!

Trích lại theo PCD-1, 372-373

¹ Dẫn rãng: tức là nhẩn rãng – cách phát âm của người Huế biến “nh” thành “d”.

NHỮNG KỶ NIỆM VỀ HÀN MẠC TỬ

TRẦN THANH ĐỊCH

Trời về chiều thêm lên. Tôi đến thăm Hàn Mạc Tử, bảo là *tìm nhà để thăm* thì đúng hơn. Ở đây, rất nhiều người biết tiếng. Nhưng thực là một sự mỉa mai nguyên vẹn cho văn chương, người ta để ý tới Hàn Mạc Tử vì người anh chứ không phải thơ anh. Tôi bước vào nhà, lưỡng lự một hồi rồi gõ cửa. Một bà cụ hé cánh cửa nhìn ra ngoài, ngó tôi từ đầu xuống chân: cử chỉ và nét mặt lúc bấy giờ là cả một sự ngạc nhiên làm cho tôi đoán ngay là mẹ chàng.

- Bẩm bà, cháu là Trần Thanh Địch, bạn của Trí¹, ở Huế vào, xin đến thăm...

Rồi bà vào trước, đổi giọng hiền hiền:

- Trí ơi! Có anh Địch ở Huế vào đấy!

(...) Thấy tôi Hàn Mạc Tử gọi tên lên một tiếng nhỏ mừng rỡ rất cảm động. Tôi định đưa tay ra bắt nhưng anh đã quen lệ: chào người đến thăm chỉ bằng hai tay chấp lại với nhau như vái.

Trông chàng, tôi thấy cũng không khác trước gì nhiều. Chỉ có bộ đi không được mạnh. Chúng tôi nói chuyện rất nhiều, lẽ cố nhiên về văn thơ. Nhắc đến Huế, chỗ đất mà chàng đã sống qua trong những năm trẻ dại, Hàn Mạc Tử hỏi:

- Có gì thay đổi không?

Tôi chưa trả lời thì chàng đã nói luôn:

- Chắc là con gái đẹp lắm?

¹ Tên thật của Hàn Mạc Tử.

Liền đó, Hàn Mạc Tử ngâm cho tôi nghe bài *Đây thôn Vĩ Dạ...* mà chàng vừa làm xong, sau khi nhận được bức ảnh chụp cảnh Vĩ Dạ của một người bạn gửi vào tặng...

Sao anh không về chơi thôn Vĩ...

Giọng ngâm đều đều, xa xôi, có một vẻ quê mùa thế nào của bao nhiêu say sưa mê man. Và trong ấy phủ qua một lớp buồn ghê gớm. Chàng còn ngâm nhiều lần nữa và nói và bàn luận.

– Đau rứa mà không lo, cả ngày cứ sa đà theo... rứa đó!

Bà mẹ ở bên kia đang tèm trầu nói qua như thế....

(*Người Mới*, số 23-11-1940)

Trích lại theo PCD-1, 362-363

HÀN MẠC TỬ

BÍCH KHÊ

I.

*Bóng nào nhợt như ma
Khấp châu thân hỗn hển
Huyền hồ nhìn không ra
Lưu luyến nhường thiết tha
Chờm chờm trên giường bệnh?
Bóng nào nhợt như ma
Khấp châu thân thóp thển
Huyền hồ nhìn không ra!*

*Hay là tôi hóa hai
Đã chết đi một nửa?
Hay là trời ban mai
Bị mù sương vây bủa
Làm buồn ngập hoàng hôn
Ảnh hưởng tới linh hồn
Tiêu tụy:
Hiện ra hình ủy mị?*

II.

*Bóng nào trắng dần ra
Trên đầu đóm vòng hoa
Khấp thân in màu tuyết
Trong trẻo mà diễm tuyết
Tơ tơ gân như nguyệt
Biếc biếc gân như thu*

*Đều quy trên nét mặt!
Hoàng hôn mai mờ sắc!
Buồn ban mai trắng ra.
Ôi! Ôi! Không là ma,
Đừng nhìn trong ý tứ
Mát mẻ nhận cho ra
Gần rồi, không còn xa:
Hàn Mạc Tử!*

III.

*Châu lệ thấm tình say
Gặp gỡ có hôm nay
Chiêm bao ngày liền ngày
Ngoài mình ai mà hay
“Anh ơi từ đâu đến?
Em buồn, em đang bệnh!
Anh ơi, sao ra hai
Huyền hồ trong phôi thai?
Hóa thân trong phương phi
Buồn hôm rày bệnh quá
Mà anh đã quy y
Hai tay đây rả rả!
Diu lấy, cùng nhau đi!”
Lời tỏa ra hơi hương
Ứng ứng khắp trong buồng:
“Anh ơi, tôi mới đến
Huyền hồ dường như ma
Là hiện thân của bệnh
Quần quai đau xót xa
Máu mủ nhìn không ra!
Gìu phương phi! Phương phi!*

Là hình thơ tinh vi
 Là hình thơ quy y
 Mướt trong màu tuyết vẽ.
 Hai ta đều quanh quẽ!
 Đứt ruột nhớ thương nhau
 Nấn ná sẽ lìa nhau
 Chiêm bao còn thấy nhau!".

IV.

Bóng nào gần mà xa
 Phơi phới màu tuyết pha
 Rùng mình nhìn cho ra:
 Huyền hồ đà như ma!

Anh không phải là ma
 Gần sao mà còn xa?
 Lại đâu là quê nhà?
 Hàn Mạc Tử!
 Hàn Mạc Tử!
 - "Quy Hòa!
 Quy Hòa!"

(Người mới, số 23 – 11 -1940)

Trích lại theo PCD-1, 363-366

TRĂNG CŨ

MAI ĐÌNH

*Trăng cũ giờ đây vẫn sáng trong,
Người mùa xuân cũ cách muôn trùng!
Ai về thăm thăm trời tinh tú,
Để lại trên gian bóng lạnh lòng!*

*Từng tập thơ xưa! Từng tập thơ!
Từng trang huyết lệ ngán trăng mờ
Hồn ai siêu thoát ngoài nhân thế
Có biết rằng em vẫn đợi chờ?*

*Trên cõi thiên đàng ngắt ánh sao
Tình anh tỏa rộng bốn trời cao.
Phiêu diêu anh sống bên mình Chúa,
Dựng một đài thơ ở chốn nào?*

*Em mãi phiêu linh với bụi đời,
Ngại ngừng mưa gió lúc buồn vui
Từng đêm trăng sáng, đêm trăng sáng
Biết mấy đau thương, mấy ngậm ngùi.*

*Cũng muốn theo anh dứt nợ trần
Đập tan lưu luyến, thoát phàm thân
Bay qua muôn vạn tầng thanh khí,
Hồn quyết tìm cho thấy cố nhân.*

*Chút nợ ân tình giả chữa xong,
Đành mang tâm sự mãi bên lòng,
Sắt son đã chẳng cùng nhau vẹn,
Em phải đem mình gởi núi sông.*

*Em đã là dân của nước nhà,
Khi quân thù địch dấy can qua.
Máu hồng đương nhuộm trang hùng sử
Em nhẽ nào quên nghĩa quốc gia.*

*Hăng hái xông pha giữa cuộc đời
Chút lòng tranh đấu phút nào nguôi,
Bao giờ Tổ quốc ca toàn thắng,
Là lúc tìm anh giữa cõi trời.*

*Em chỉ cầu xin một buổi chiều,
Dưới bàn tay Chúa, cạnh người yêu,
Ta tung thơ khắp cho trần thế...
Lạy Chúa đời con khổ đã nhiều.*

Trích lại theo PCD-1, 366-368

NHỚ HÀN MẠC TỬ

NGUYỄN VIỆT LÂM

Năm 1942, tôi đang ở Sông Cầu, được tin có vụ kiện do anh Quách Tấn nguyên đơn khiếu nại anh Trần Thanh Mại, với lý do anh Trần Thanh Mại đã sử dụng những bài thơ của Hàn Mạc Tử vào cuốn nghiên cứu của mình: *Hàn Mạc Tử - Thân thế và sự nghiệp*, nhưng không xin phép Quách Tấn là người được Hàn Mạc Tử di chúc giao quyền quản lý. Vụ kiện trở thành vụ án văn học đầu tiên ở nước ta, báo chí từ Nam chí Bắc đều đăng tin và mọi người, ai cũng chờ đợi kết quả. Tin ấy đã làm phiền lòng những người bạn thân tình của Hàn Mạc Tử. Từ Sông Cầu, tôi viết thư vào Nha Trang cho Quách Tấn và viết ra Huế cho Trần Thanh Mại, đề nghị hai anh đừng kiện nhau nữa, vì tôi không muốn tên Hàn Mạc Tử được nhắc đến trong một phiên tòa của chế độ thời ấy. Mấy hôm sau anh Quách Tấn viết trả lời tôi: “... Nguyễn Hạnh Đan hãy yên tâm, tôi tin rằng dưới tuổi vàng, Tử sẽ vui lòng về việc này...” (Trước Cách mạng, tôi đăng thơ trên báo chí với tên Nguyễn Hạnh Đan). Anh Trần Thanh Mại cũng viết gửi tôi, đại ý nói rằng việc kiện này là do Quách Tấn đưa ra chứ không phải anh, đồng thời anh Mại gửi tặng tôi tập sách. Tòa án Nam triều đã mở phiên tòa tại Thừa phủ ở Huế xét xử. Báo chí khắp nước đổ xô săn tin. Nguyên và bị cáo là hai nhà văn, kiện nhau về tác phẩm của một nhà thơ quá cố. Chánh án giữ quyền xét xử cũng là một nhà văn, đó là Nguyễn Tiến Lãng, nhà văn viết bằng tiếng Pháp khá nổi tiếng và là em vợ của thi sĩ Tản Đà. Kết quả, Quách Tấn thua kiện (chứ không phải xử hòa như tạp chí *Văn* của Sài Gòn cũ viết).

Từ ngày Hàn Mạc Tử mất đến nay, tròn nửa thế kỷ. Phải chờ đến năm mươi năm sau, thiên tài trác tuyệt ấy mới được công nhận trong cả nước. Chúng ta vui mừng với sự đổi mới trong quan điểm đánh giá văn học của chúng ta, đồng thời cũng tiếc cho bao thế hệ phải chậm tiếp cận với một tài thơ hiếm có. Hôm nay, Hàn Mạc Tử, Chế Lan Viên, những ngọn cờ của Nhóm Quy Nhơn ngày cũ đã vắng bóng, nhưng tác phẩm của các anh đã trở thành di sản quý giá của dân tộc. Năm kia, khi Chế Lan Viên báo cho tôi biết *Tuyển tập thơ Hàn Mạc Tử* sắp ra đời có bài tựa của Chế, tôi vui mừng, nhân dịp ấy, tôi cho Chế Lan Viên bài thơ tôi viết về người bạn lớn của chúng tôi, đoạn kết như sau:

*... Phải một nửa đường thế kỷ
Ánh sáng thơ anh mới về được với đời sau
Tử thân yêu, hồn thơ anh chỉ một
Hành tinh chật ròi, không chứa nổi hai đầu!*

(Trích trong Hàn Mạc Tử - Phê bình và tưởng niệm NXB giáo dục, Hà Nội)

Trích lại theo PCD-2, 75-76

5.

Lãng kính riêng của
nhà thơ QUÁCH TẤN



1. Về tác giả Quách Tấn

Quách Tấn (1910-1992), tự là Đăng Đạo, hiệu Trường Xuyên, các tiểu hiệu là Định Phong, Cổ Bàn Nhân, Thi Nại Thi, Lão giữ vườn; là một nhà thơ Việt Nam. Ông cùng với Hàn Mặc Tử, Yến Lan, Chế Lan Viên được người đương thời ở Bình Định gọi là Bàn thành tứ hữu, nghĩa là Bốn người bạn ở thành Đồ Bàn.

Ông có những tập thơ nổi tiếng: Một tấm lòng (1939), Mùa cổ điển (1941); 5 tập thơ khác đã in và 13 tập thơ chưa xuất bản.

Văn xuôi: Non nước Bình Định (1968), Xứ Trầm hương (1970); 6 tập văn khác đã in và 20 tập văn chưa xuất bản.

2. Về những kỷ niệm của Quách Tấn với Hàn Mặc Tử

Nói về Hàn Mặc Tử, nhà thơ Quách Tấn (1910-1992) được coi là có một thế giá riêng, vì là người bạn rất thân đã được Hàn Mặc Tử ký thác di sản thơ văn. Từ vị thế ấy, ông đã kể lại những kỷ niệm với

Hàn Mạc Tử, về bút danh, về hoàn cảnh sáng tác và ý nghĩa một số bài thơ mang nội dung tôn giáo và nhất là về ảnh hưởng Đạo Phật trên thơ Hàn Mạc Tử. Độc giả thường đón nhận những kỷ niệm ấy cách hồn nhiên và theo đó để hiểu thơ Hàn Mạc Tử. Tuy nhiên có một sự kiện khiến chúng tôi nghĩ rằng nên đề cập về tính khách quan của những kỷ niệm.

Sự kiện nói đây là cước chú ở cuối trang 41 quyển *Hàn Mạc Tử, Tác Phẩm, Phê Bình và Tưởng Niệm, của Phan Cự Đệ, Nxb Văn Học 2002*: “Đây là nguyên văn thư của Phan Bội Châu, đầy đủ hơn và chính xác hơn so với tường thuật của Quách Tấn trong *“Hàn Mạc Tử với thơ Đường luật” (Người Mới, ngày 30-11-1940)*.

Nguyên văn thư của cụ Phan như sau:

“Thư tác giả P.T. tiên sinh

Tác giả cho tôi được đọc ba bài thơ, tôi lấy làm hân hạnh cho Mộng Du thi xã lắm. Xem trong thơ, u oán cao tình, thâm tâm nhã điệu, đủ cả mấy phương diện. Tôi chỉ phàn nàn rằng: “Người xứng quá cao, tất nhiên người họa phải ít” nên tôi xin tục điều ba bài, khỏi để tác giả buồn sự cô điệu độc đàn mà thôi.

Còn như nói rằng: Tôi là người nối thơ được với tác giả, thì tôi không dám.

Ôi! Hồn giao nghìn dặm, biết làm sao được bắt tay nhau cười lớn một tiếng mới là thỏa hồn thơ đó!”

(*Thực Nghiệp dân báo*, số 3256, ngày 21-10-1931 –
Trích lại theo PCD-1, 41).

Trong bài “Hàn Mạc Tử với thơ Đường luật”, Quách Tấn viết: “Cụ họa vận cả ba và *viết bài* đăng trên một tờ báo quốc văn (báo *Trung lập* thì phải) hết lời khen ngợi. Về đoạn kết *bài ấy* tôi nhớ mày mạy như thế này: “Từ về nước đến nay, tôi được xem thơ quốc

âm cũng khá nhiều song chưa gặp được bài báo nào hay đến thế... Ôi hồng Nam nhận Bắc, ước ao có ngày gặp gỡ, để bắt tay nhau cười lên một tiếng lớn ấy là thỏa hồn thơ đó". (Người Mới, số 30, 11-1940 - Trích lại theo PCĐ-2, 374).

Ông Quách Tấn đã đọc điều cụ Phan viết. Ông nhớ chính xác được 13 từ cuối của cụ Phan, còn tất cả những dòng phía trên ông tự dàn dựng thành bối cảnh dẫn vào câu nói. Thêm vào đó, một *lá thư* đã biến thành một *bài báo*. Đó là vào năm ông 30 tuổi. Có thể trí nhớ của ông lúc ấy không tốt lắm hoặc ông không bận tâm lắm tới sự thật khách quan. Vấn đề là, lá thư trên giấy trắng mực đen còn được ông dàn dựng lại như thế, thì tính khách quan của những câu đối thoại đã bay theo gió thật khó kiểm chứng. Những người nghiên cứu về Hàn Mạc Tử cũng như độc giả đều trân trọng những kỷ niệm do ông Quách Tấn kể lại. Tuy nhiên, theo tôi, kỷ niệm là có thật nhưng liệu kỷ niệm có bị vận dụng để hỗ trợ cho điều mình muốn chứng minh chăng? Một khi đã bị vận dụng, sự thật khách quan của kỷ niệm dễ biến thiên theo câu chuyện.

Như thế, phải chăng vì đã xác tín sẵn "*Tôi nhận thấy vang bóng của đạo Phật có phần tô đậm hơn đạo Thiên Chúa*" (Trích lại theo PCĐ-1, tr. 36) cho nên Quách Tấn có khuynh hướng giảm thiểu chiều sâu Kitô giáo nơi một số bài thơ đạo đặc biệt của Hàn Mạc Tử và khi kể lại kỷ niệm đã mặc quan điểm của mình cho người đã khuất để chứng minh điều mình muốn khẳng định? (Xem bài *Đôi nét về Hàn Mạc Tử*, trong PCĐ-2, tr, 180-207). Trong phần trích tuyển thơ Hàn Mạc Tử, chúng tôi cước chú nhiều số tham chiếu Kinh thánh cho các bài *Ave Maria*, *Cô liêu* và *Cuối thu*, chính là để giúp độc giả có thêm một hướng khi muốn tìm ý nghĩa thật của những bài ấy.

Từ khi còn là học sinh trung học tôi đã yêu thích Quách Tấn. Tôi không nghiêng về thơ Đường luật nhưng tôi yêu thích Quách Tấn vì ông là bạn thân của Hàn Mặc Tử, là tác giả *Nước non Bình Định* và *Xứ Trầm Hương*, đặc biệt là vì chữ Quách trong tên ông (lúc ấy tôi không biết đó là tên họ). Khi chia sẻ những điều nói trên, về kinh nghiệm bình thường của nhân sinh, trong đó có cả bản thân mình, tôi chỉ mong đóng góp một hướng tìm kiếm sự thật, chứ không hề muốn giảm niềm kính trọng đối với một tiền bối trong văn giới.

Nếu một đảng tôi dè dặt với tính khách quan nơi những kỷ niệm của Quách Tấn thì đảng khác, tôi rất thích bài *Ảnh hưởng Đạo Phật trong thơ Hàn Mặc Tử* dưới đây của ông. Tôi cho rằng đây là một hướng nghiên cứu đáng trân trọng và cần được tiếp tục.

Lm TRĂNG THẬP TỰ

3. Bài trong phần này

- ẢNH HƯỞNG ĐẠO PHẬT TRONG THƠ HÀN MẶC TỬ - QUÁCH TẤN

ẢNH HƯỞNG ĐẠO PHẬT TRONG THƠ HÀN MẠC TỬ

QUÁCH TẤN

Hàn Mạc Tử rất chú trọng về âm nhạc và màu sắc. Đó chính vì tâm hồn Tử có nhiều trạng thái cá biệt, nhiều khi rất bí ẩn u huyền; để diễn tả, phải dùng màu sắc, hình ảnh và âm nhạc – nhất là âm nhạc, vì chỉ có âm nhạc mới diễn tả nổi những cái sâu xa, thâm kín, những cái tế nhị, u ẩn của một tâm hồn.

Nhiều khi Tử phải bỏ nghĩa thông thường của chữ, bỏ cả văn phạm của câu, để cho thanh âm tiết tấu phù hợp với những biến chuyển, những rung động, những xao xuyến của tâm hồn – một tâm hồn mênh mông và đối với chúng ta có phần xa lạ – mà văn tự chính xác nhiều khi không diễn tả được thấu đáo, không diễn đạt đúng ý muốn của người thơ. Cho nên xem thơ Hàn Mạc Tử, nhiều khi không nên chấp ở chữ mà hại lời, không nên chấp ở lời mà hại ý. Và muốn nhận thức tình ý trong thơ được đầy đủ, thì phải thưởng thức nhạc thơ trước nhất, vì trong thơ Tử, nhạc đi trước mà ý theo sau, và có khi ý không ở trong lời mà ở trong nhạc.

Trong tâm hồn Tử, không có những bức thành kiên cố ngăn cách tôn giáo của mình và tôn giáo của người, nhất là đối với Phật giáo. Vì không có những bức thành kiên cố ngăn cách giữa tôn giáo mình và tôn giáo người, nên Tử đã đi tìm nguồn cảm hứng trong Đạo Bồ Đề. Và mặc dù tự xưng mình là “Thi sĩ của đạo quân Thánh Giá”, Tử vẫn không ngần ngại đem những từ ngữ, những hình ảnh của Phật giáo và dùng trong văn thơ mình, dùng cả vào trong

những bài có tinh thần Thiên Chúa giáo nhiều nhất. Như bài Thánh Nữ Đồng Trinh là một.

Bài này là những lời Tử dâng lên Đức Maria để ca ngợi “ơn phước cả”, mà Thánh Nữ đã ban cho Tử trong “cơn lâm lụy”. Trong bài có những chữ “Từ Bi”, “ba ngàn thế giới”, là chữ của nhà Phật, dùng một cách sống khoái:

*Lạy Bà là Đấng tinh tuyền thánh vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi
Tôi ưa nhìn Bắc đẩu rạng bình minh
Chiếu cùng hết khắp ba ngàn thế giới*

Hai chữ “từ bi”, còn thấy dùng trong nhiều bài khác:

*Thơ tôi thương huyền diệu
Mọc lên đạo từ bi
(Cao Húng)*

*Trời từ bi cảm động ứa sương mờ
Sai gió lại lay hồn trong kẽ lá
(Hây Nhập Hồn Em)*

Nhiều từ ngữ khác của Phật giáo, như “hằng hà sa số”, “mười phương” cũng thường gặp trong thơ Tử:

*Mây vẽ hằng hà sa số lệ
Là nguồn ly biệt giữa cô đơn
(Cuối Thu)*

*Đóng cửa mười phương lại
Dồn ánh sáng vào đây
(Điềm lạ)*

*Trời như hóp phải hơi men ngan ngát
Đắm muôn nghìn tinh lạc xuống mười phương*
(Nguồn thơ)

Nhưng đó chỉ là những dấu tích bên ngoài. Trong thơ Hàn Mạc Tử có nhiều bài chịu ảnh hưởng cả hình thức lẫn tinh thần Phật giáo:

*Bay từ Đào Ly đến trời Đâu Suất,
Và lùa theo không biết mấy là hương.*
(Phan Thiết)

*Trở lại trời tu luyện với muôn đêm,
Hóp tinh khí lâu năm thành chánh quả.*
(Phan Thiết)

Ngoài những ngôn ngữ phổ thông của nhà Phật, như “thành chánh quả”, “sông Hằng”, Tử vĩ tung thơ lên tận sông Hằng (Phan Thiết). Ngoài những hình ảnh đẹp đẽ của trời “Đào Ly”, trời “Đâu Suất” – những cõi Phật xa xăm, đây nhạc, đây hương, đây ánh trăng – chúng ta nhận thấy trong bài Phan Thiết, thuyết nghiệp báo và thuyết luân hồi được thi vị hóa một cách tài tình: con chim Phụng Hoàng vì Sân Si mà phải đoạ, và khi trở lại trời tu luyện thành chánh quả rồi, mà vì tập khí chưa tiêu trừ trọn vẹn, nên phải trở xuống trần gian, “nơi đã khóc đã yêu đương da diết” để mà “chôn hận nghìn thu” và “sâu muôn ngát ngư”.

Trong bài Phan Thiết, chúng ta còn nhận thấy rằng Hàn Mạc Tử đã nhìn đời bằng con mắt giác ngộ: những hiện tượng trong cõi đời này đều là những tường ảo hóa:

*Sao tan tành rơi xuống vũng chiêm bao,
Trắng tan tành rơi xuống một cù lao
Hoá đại điện đã rất nên tráng lệ*
(Phan Thiết)

Và cõi đời này – mà Phan Thiết là tượng trưng—là nơi đau khổ, là nơi “chôn hận nghìn thu”, là nơi “sâu muợn ngất ngư”. Vì nhận biết cõi đời là giả tạo, là nơi khổ lụy, Tử đi tìm nơi giải thoát và đã tìm thấy Cực Lạc Quốc Độ của Phật A Di Đà.

Sáng vô cùng, sáng láng cả mọi miền
(Ngoài vũ trụ)

Cả trời bổng nổi lên muôn điệu nhạc
Rất trọng vọng, rất thơm tho, man mác
Rất phương phi trên hết cả anh hoa
(Ra đời)

Vì muôn kinh đồn dập cõi thơm tho,
Thêm nghĩa lý sáng trưng như thất bảo
(Đêm xuân cầu nguyện)

Những “ánh sáng vô cùng” “sáng láng cả mọi miền”, những tiếng “nhạc thiêng liêng đồn trời khắp hư linh”, những điệu nhạc “rất trọng vọng, rất thơm tho, man mác” những “cây bằng gấm và lòng sông bằng ngọc”, ở trong Tử là vang bóng của “vô lượng quang” của “thiên nhạc”, của “hoa sen đủ màu sắc và đủ hào quang mọc trong ao Thất bảo” trên thế giới Cực Lạc mà Tử đã nhìn qua kinh A Di Đà.

Tinh thần Phật giáo còn ảnh hưởng trong nhiều văn thơ của Tử, nhưng nhiều khi hoặc quá tiềm tàng, hoặc bị hình ảnh thơ lấn đi, nên chúng ta không thấy nếu chúng ta không chú ý, không lưu tâm. “Ôi trời hạo nhiên đây không phải là công trình châu báu của Người sao? Lòng vô lượng đây không phải do phép màu nhiệm của Đấng Vô Thi Vô Chung?” (bài tựa *Xuân như ý*). Đó chẳng phải là chữ Tâm được thi vị hóa bằng những hình ảnh tượng trưng? Hàn Mạc Tử đã xác nhận tính chất vô thi vô chung của Tâm (lòng vô

lượng), mà biểu hiện màu nhiệm là Mùa xuân thơm tho, trong đẹp, tràn lan khắp không gian (trời muôn trời) chen lấn vô tận hồn tạo vật, và tồn tại cùng thời gian (năm muôn năm). Nhưng vì là một tín đồ Thiên Chúa giáo, Tử đã quan niệm cái Tâm bất sanh bất diệt là Đấng Vô Thủ Vô Chung, và coi những hiện tượng do “lòng vô lượng” đã “đưa ra” kia là “công trình châu báu” của Đức Chúa Trời, nên Tử “cao rao danh Cha cả sáng”. Như thế Hàn Mạc Tử có phải là một nhà thơ của đạo Thiên Chúa? Nghĩa là Tử phải có một tín đồ dùng thơ để phụng sự tôn giáo mình? Thưa không phải. Tử tìm vào Đạo – Đạo Thiên Chúa cũng như Đạo Phật chỉ để tìm nguồn cảm hứng, để tìm nguồn an ủi khi bị tình đời phụ rẫy hoặc thể xác dày vò. Lý tưởng chính của Tử là Thơ. Tôn giáo chỉ là những yếu tố phụ vào để làm cho thơ thêm giàu sang và trọng vọng. Do đó nhiều khi bị hứng thơ lôi cuốn, Tử đã thốt ra những lời có thể gọi là “phạm thượng” đối với những Đấng Thiêng Liêng mà Tử phụng thờ. Ví dụ đương quỳ trước Thánh Nữ Maria để ca ngợi ơn cứu nạn, mà Tử dám nói:

*Tôi cảm động rung rung hai hàng lệ;
Giọng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ
Bút tôi reo như châu ngọc đèn vua*

Thật chẳng khác nào đứng nói cùng một người ngang hàng ngang lứa hoặc Nàng Thơ! Thậm chí trong khi cầu nguyện lúc đêm xuân, mà chàng vẫn để tứ thơ ngang tàng theo hứng:

*Ta chấp hai tay, lạy quỳ hoan hảo,
Ngửa trông cao cầu nguyện trắng không gian,
Để vừa dâng vừa hiệp bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế.
(Đêm xuân cầu nguyện).*

Nghĩ đến những gì “giàu sang hơn Thượng Đế”, Tử biết là một tội lỗi lớn, nên tiếp đó chàng van lơn thầm nguyện:

*Tôi van lơn, thầm nguyện Chúa Giêsu
Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phối
Xin tha thứ những câu thơ tội lỗi.*

Lời xưng tội vẫn không thật nghiêm trang thành kính! Trong khi viết những lời tạ tội, Tử đã nghĩ đến thơ nhiều hơn nghĩ đến Chúa, mặc dù Tử luôn luôn thờ Chúa trên thơ.

Còn đối với Đạo Phật? Hàn Mạc Tử đi vào Đạo Từ Bi không phải để tu, mà cũng không phải để tìm hiểu những gì cao siêu huyền diệu. Tử vào Đạo Từ Bi cũng như một lãng nhân vào vườn hoa nghìn hương muôn sắc. Vào không phải với mục đích của nhà vật học hay nhà làm vườn, mà vào với tấm lòng con nhà nghệ sĩ khoáng đạt phong lưu. Vào để thưởng thức những cái Đẹp khác thường vừa giàu sang vừa thanh thoát. Hoa có bao nhiêu hương giống, cũng không cần biết. Vườn hoa có tự bao giờ và rộng đến đâu, cũng không cần biết nốt. Mà chỉ biết rằng có nhiều hương lạ, nhiều sắc lạ, và chỉ biết trải lòng mê mông. Rồi những gì đã thấm vào tâm khảm thỉnh thoảng trào ra ngọn bút những lúc Thơ về, khi thì đượm đà, khi thì phảng phất, khi thì hiển hiện, khi thì ẩn tàng và tràn ra một cách tự nhiên, khiến lắm lúc nhà thơ tưởng rằng đó là do mình sáng tạo ra chớ không ngờ rằng mình đã chịu ảnh hưởng,

Và tất cả những gì đã thấm nhập được trong tôn giáo, trong Phật giáo, cũng như trong Thiên Chúa giáo – một khi đã vào thơ Tử thì không còn giữ nguyên chất, vì đã bị tâm hồn Tử biến thể, pha trộn theo quan niệm và sở thích của mình. Tử thường nói cùng bạn rằng: “Tôi lợi dụng văn chương và triết lý nhà Phật để làm thơ mà

thôi. Tôi dung hòa cả hai thể văn và tôn giáo: Thiên Chúa và nhà Phật. Đó chính là muốn làm giàu cho nền văn chương chung”.

Bởi vậy, khi đọc Hàn Mạc Tử, chúng ta nên mở tấm lòng cho rộng rãi, đừng chấp về mặt tư tưởng cũng như về mặt ngôn từ, thì mới dễ cảm động cùng con người thơ phức tạp, mới tận hưởng được tất cả những gì sâu kín ẩn khuất dưới những hàng mây ráng lung linh.

(Nha Trang, mùa xuân Tân Sửu, 1961)

Trích trong cuốn Nguồn Đạo Trong Thơ Văn của Quách Tấn do nhà xuất bản Phương Đông ấn hành năm 2007.

6.

Trong mắt
các nhà phê bình văn học

Trong *Thi Nhân Việt Nam*, Hoài Thanh viết: “Với Hàn Mạc Tử thơ có một sự quan hệ phi thường. Thơ chẳng những để ca tụng Thượng Đế mà cũng để nối người ta với Thượng Đế, để ban ơn phước cho cả thiên hạ... Hình như trong các thi phẩm xưa nay có tính cách tôn giáo, không có gì giống như vậy. Hàn Mạc Tử đã dựng riêng một ngôi đền để thờ Chúa”.

Nhận định của Hoài Thanh ngắn gọn mà rất chính xác. Thơ đạo vừa là kết quả kinh nghiệm của nhà thơ vừa phô diễn cho người đọc điều nhà thơ đã chiêm niệm. Thơ không những nối kết tác giả mà còn nối kết cả người đọc với Thiên Chúa.

Tuy nhiên, không phải mọi độc giả và nhà phê bình đều có cùng một kinh nghiệm huyền học (cũng gọi là kinh nghiệm thần bí, hoặc giản dị hơn, kinh nghiệm gặp Chúa, kinh nghiệm được biến đổi nhờ ơn Chúa) như nhà thơ. Với những kinh nghiệm riêng, mỗi người có thể đọc và cảm nghiệm thơ đạo của Hàn Mạc Tử một cách khác. Mỗi góc nhìn đều đáng trân trọng và đều đóng góp một phần giúp người đọc tiếp cận được với toàn bộ kinh nghiệm tâm linh sâu thẳm và phong phú của nhà thơ.

Nhân đây tôi cũng xin được phép giúp Hàn Mạc Tử đính chính một ngộ nhận về câu thơ “*Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế*”.

Cả đến các độc giả Công giáo cũng khó biết được rằng trong cuộc tranh cãi về nghi thức thờ cúng tổ tiên, năm 1715 Tòa Thánh Rôma đã gởi cho các giáo đoàn Viễn Đông những chỉ dẫn cụ thể mang tên *Huấn thị Ex illa die*, trong đó có nói rõ: để chỉ danh thánh Đức Chúa Trời, có thể dùng chữ Thiên Chúa nhưng không được dùng *Thiên*, *Hoàng Thiên* hay Thượng Đế. Mãi cho đến nay chưa có văn kiện nào vô hiệu hóa lệnh cấm dùng các từ ấy. Vào những năm 1955-1980 (sau cái chết của Hàn Mạc Tử hơn 15 năm), một số tác

giả Công giáo người Việt có vẻ muốn dùng từ Thượng Đế cho gần gũi với cách nói của các giới ngoài Kitô giáo. Cả nơi những bài viết trong tập này, một số tác giả cũng dùng thuật ngữ Thượng Đế theo nghĩa Thiên Chúa Tạo Hóa Tối Cao. Thế nhưng có lẽ giờ đây trào lưu đang lùi dần vào quá khứ. Kinh *Te Deum* năm 1971 được dịch thử là *Tâu Thượng Đế* nhưng rồi đã được sửa lại là *Lạy Thiên Chúa*. Lý do của sự đảo thải là vì thuật ngữ ấy chịu ảnh hưởng đậm của Lão giáo dân gian, mô tả một *Ngọc Hoàng Thượng Đế* theo kiểu nhân hình, với đủ thứ thất tình lục dục như người phàm, cai trị thiên cung và trần thế với một đội ngũ thiên lôi, hà bá, thổ công, tảo quân đủ loại, bị sân khấu hài điệu cợt... Như vậy, với tâm thức người Công giáo cả trước 1940 lẫn ngày nay, câu thơ trên có thể mang ý nghĩa là tác giả chạy đua với *Ngọc Hoàng Thượng Đế* của sân khấu cải lương chứ không đụng chạm gì tới Thiên Chúa của đức tin Kitô giáo.

Lm TRĂNG THẬP TỰ

Những bài trong phần này

- XUÂN NHƯ Ý – HOÀI THANH - HOÀI CHÂN
- MỘT NGUỒN HÚNG MỚI – VŨ NGỌC PHAN
- THỜI KỲ XOA DỊU – NGUYỄN TẤN LONG
- HỒN THƠ SIÊU THOÁT – VƯƠNG TRÍ NHÀN
- TƯ DUY TÔN GIÁO CỦA HÀN MẠC TỬ – ĐỖ LAI THÚY
- NGUỒN THƠ ĐẠO CỦA HÀN MẠC TỬ – BÍCH THU
- LINH HỒN THANH KHIẾT – LÊ HUY OANH

XUÂN NHƯ Ý

HOÀI THANH - HOÀI CHÂN

Mùa xuân Hàn Mạc Tử nói đây có khi ở đâu hồi trời đất mới dựng lên, có khi ra đời một lần với Chúa Giêsu, có khi hình như chỉ là mùa xuân đầu năm. Nhưng đầu sao cũng không phải là một mùa xuân thường với những màu sắc, những hình dáng ta vẫn quen biết. Đây là một mùa xuân trong tưởng tượng, một mùa xuân theo ý muốn của thi nhân, đầy rẫy những lời kinh cầu nguyện, những hương đức hạnh, hoa phẩm tiết, nhạc thiêng liêng, cùng ánh trăng, ánh thơ. Nhất là ánh thơ. Với Hàn Mạc Tử thơ có một sự quan hệ phi thường. Thơ chẳng những để ca tụng Thượng Đế mà cũng để nối người ta với Thượng Đế, để ban ơn phước cho cả thiên hạ. Cho nên mỗi lần thi sĩ há miệng – sao lại há miệng? – Cho thơ trào ra, là chín từng mây nào động, muôn vì tính tú xôn xao. Người ta sẽ thấy:

*Đường thơ bay sáng láng như sao sa
Trên lụa trắng mười hai hàng chữ ngọc
Thêu như thêu rồng phượng kết tinh hoa.*

Hình như trong các thi phẩm xưa nay có tính cách tôn giáo, không có gì giống như vậy. Hàn Mạc Tử đã dựng riêng một ngôi đền để thờ Chúa. Thiếu lòng tin, tôi chỉ là một du khách bơ ngỡ không thể cùng quỳ lạy với thi nhân. Nhưng lòng tôi nào có dửng dưng, trí tôi làm sao không ngỡ vì cái vẻ huy hoàng, trang trọng, lung linh, huyền ảo của lâu đài kia? Có những câu thơ đẹp một cách lạ lùng, đọc lên như rưới vào hồn một nguồn sáng láng. *Xuân như ý* rõ ràng là tập hợp hay nhất của Hàn Mạc Tử.

Với Hàn Mạc Tử, Chúa gần lắm. Người đã tìm lại những rung cảm mạnh mẽ của các tín đồ đời Thượng cổ. Ta thấy phảng phất cái không khí Athalic. Cho nên mặc dầu thỉnh thoảng còn sót lại một hai dấu tích Phật giáo, chắc những người đồng đạo chẳng vì thế mà làm khó dễ chi với di thảo của thi nhân.

Hướng chi thơ Hàn Mạc Tử ra đời, điều ấy chứng tỏ rằng, đạo Thiên Chúa ở xứ này đã tạo ra một cái không khí có thể kết tinh lại thành thơ. Tôi tin rằng chỉ những tình cảm có thể diễn ra thơ mới thiệt là những tình cảm đã thấm tận đáy hồn đoàn thể.

(Trích từ bài Hàn Mạc Tử, PCD-2, trang 166-172)

MỘT NGUỒN HỨNG MỚI ¹

VŨ NGỌC PHAN

Sự tín ngưỡng đã giúp sức cho Hàn Mạc Tử rất nhiều. Có lẽ ông là người Việt Nam ca ngợi Thánh nữ Đồng trinh Maria và Chúa Giêsu bằng thơ trước nhất. Ông ca tụng đạo Gia Tô với một giọng rất chân thành, chẳng khác nào một thi sĩ Âu Tây. Lần này cũng là lần đầu, thi ca Việt Nam thấy được một nguồn hứng mới:

*Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh!
Run như run thần tử thấy long nhan
Run như run hơi thở chạm tơ vàng...
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn trù mến.*

....

*Tấu lạy Bà, Bà rất nhiều phép lạ
Ngọc như ý vô tri còn biết cả
Hướng chi tôi là Thánh Thể kết tinh
Tôi ưa nhìn Bắc Đẩu rạng bình minh
Chiếu cùng hết khắp ba ngàn thế giới...
Sáng nhiều quá cho thanh âm vời vợi
Thơm đường bao cho miệng lưỡi không khen
Hỡi sứ thần Thiên Chúa Gabriel
Khi người xuống truyền tin cho Thánh Nữ
Người có nghe xôo xao muôn tinh tú!
Người có nghe náo động cả muôn trời
Người có nghe thơ màu nhiệm ra đời*

¹ Tựa đề do người sùng tập đặt (TTT).

*Để ca tụng bằng hoa hương sáng láng
Bằng tràng hạt, bằng Sao Mai chiếu rạng
Một đêm xuân là rất đổi anh linh?*

(“Thánh nữ Đồng trinh Maria” – Xuân như ý – Thơ Hàn Mạc Tử)

Thơ tôn giáo đã ra đời với Hàn Mạc Tử. Tôi dám chắc rồi đây còn nhiều thi sĩ Việt Nam sẽ tìm nguồn hứng trong Đạo giáo và đưa thi ca vào con đường triết học, con đường rất mới, rất xa xăm mà đến nay chưa mấy nhà thơ dám bước tới.

(Trích từ bài Hàn Mạc Tử, PCD-2, trang 173-179)

THỜI KỲ XOA DỊU

NGUYỄN TẤN LONG

Tập thơ *Xuân như ý* là cánh cửa mở rộng để thi nhân đưa tâm hồn mình vào địa hạt siêu tưởng, một cõi nhiệm màu bao trùm một thứ ánh sáng siêu thoát:

*Một chiều xanh, một chiều xanh huyền hoặc
Sáng bao la vây lút cõi thiên không
(Ra đời)*

Một buổi chiều của cuộc đời, nhưng chính là một bình minh của tâm thức đi tìm ý nghĩa của hiện hữu:

*Xuất thế gian chưa có tại trong lòng
Muôn ý tứ say chìm nơi bất giác
Hương cảm dỗ mê người trong khoái lạc
A! A! A!
Thiên địa đắm hoang mang....*

Một nguồn lạc thú tự nhiên đến với thi nhân khi nỗi lòng không còn đắm đuối trần tục nữa. Không có một nguồn vui nào so sánh nổi, thi sĩ vừa nghe, vừa thấy, vừa nghĩ và cũng vừa va chạm. Tất cả tri giác thi nhân đi vào con đường sáng tạo – sáng tạo ý thức nhân sinh:

*Cả trời bổng nổi lên muôn điệu nhạc
Rất trọng vọng, rất thơm tho, man mác
Rất phương phi, trên hết cả anh hoa
Xuân ra đời...
(Ra đời)*

Tiếng kêu thất thanh của Hàn Mạc Tử như tiếng kêu sung sướng. Mà không sung sướng sao được khi tìm thấy một vùng ánh sáng huyền diệu có thể rọi tan được nỗi đau khổ của mình.

Trong lời tựa Xuân như ý thi nhân cho đó là cõi sống “bình an cả và thiên hạ”. Thi nhân thấy từ đó phát ra hơi ấm của cuộc đời, và là điểm khởi đầu của “cứu rỗi”.

Để ý thức mình đặt lên một căn bản chân lý, thi nhân chỉ cho loài người cùng đi vào nguồn ánh sáng đó:

*Tứ thời xuân! Tứ thời xuân non nước!
Phút thiêng liêng nhuần gội áng thiêu quang
Thiên hạ bình, và trời tuôn ơn phước
Như triều thiên vờn lượn khắp không gian*
(Nguồn thơ)

Và ta hãy xem thi nhân vẽ trong tưởng tượng cái mùa xuân đầu tiên của vạn vật đang vươn mầm sống trên quả địa cầu mới lạ:

*Mai này thiên địa mới tỉnh khô
Gió căng hơi và nhạc lên trời
Chim khuyên hót tiếng đầu tiên hết
Hoa lá hồ nghi sự lạ đời.*

*Trái cây bằng ngọc vỏ bằng gấm
Còn mặt trời kia tợ khối vàng
Có người trai mới in như nguyệt
Gió căng hơi và nhạc lên ngàn.*

*Thuở ấy còn khôn mới dựng nên
Mùa thơ chưa gặt tốt tươi lên
Người thơ phong vận như thơ ấy
Nào đã ra đời ngọc biết tên.*

Những tư tưởng cao siêu, thanh khiết đã tạo ra những lời thơ cao siêu thanh khiết ấy phần nhiều do ảnh hưởng ở Đạo giáo.

Trong khổ đau, thác loạn tâm hồn, thi nhân đã tìm về cõi đạo và kêu gọi phép tắc màu nhiệm của giáo lý để cứu rỗi:

*Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh!
Run như run thần tử thấy long nhan
Run như run hơi thở chạm tơ vàng...
Nhưng lòng vẫn thắm nhuần ơn trời mến.*

....

*Cho tôi thấp hai hàng cây bạch lạp
Khói nghiêm trang sẽ dâng lên trần ngập
Cả hàn giang cả màu sắc thiên không
Lút trí khôn và ám ảnh hương lòng.
("Thánh nữ Đồng trinh Maria")*

Ở địa hạt huyền diệu của tôn giáo này, thực tế thi nhân đã được giải thoát. Điều chắc chắn là thi nhân đã quên hết đau khổ trên thế xác, và cảm thấy tâm hồn tràn đầy an ủi:

*Đã no nê, đã bưa rồi thế hệ
Của phường trai mê mẩn khí thanh cao
Phượng hoàng bay trong một tối trăng sao
Mà ánh sáng không còn khiêm nhượng nữa
Đường cầu xin ọc thơ ra đường sữa
Ta ngất đi trong khoái lạc của hồn đau...
Trên chín tầng, diêu động cả trần châu...
(Đêm xuân cầu nguyện)*

Nhận xét Hàn Mạc Tử về phần ánh sáng lạ của "Đạo Mẫu", ông Trần Thanh Mại có ghi ở quyển *Thân thế và thi văn Hàn Mạc*

Tử như sau:

“Thi sĩ quá say sưa trong bầu không khí lạ của cõi trời mới chiếm, nên quên mất lối đi về, con đường nó còn dính líu với người thế gian. Thi sĩ đã lạc đường ra ngoài mức, ngoài trình độ lĩnh hội của người thế gian, nghĩa là ngoài cả lĩnh hội của chính thi sĩ nữa. Như viên phi công trẻ tuổi kia, say sưa vì cái hơi rượu vinh quang, sau khi đã thành công trong một cuộc phi thường mạo hiểm, cứ muốn đi xa hơn nữa, lên cao hơn nữa cứ muốn chinh phục thêm những trời mới, đến nỗi một ngày kia lỡ trốn mãi không về, mà rồi không ai biết con người tài hoa ấy ra làm sao nữa”.

(Trích theo PCD-2, 286-288)

HỒN THƠ SIÊU THOÁT

VƯƠNG TRÍ NHÀN

Qua *Lửa thiêng* và qua các tập thơ in sau năm 1945, Huy Cận thường được coi là người có hồn thơ mở ra đến vũ trụ. Giới thiệu thơ ra nước ngoài, Chế Lan Viên bảo Huy Cận vốn “thích các thế kỷ, thích các vòm trời”, còn Xuân Diệu từ 1940 đã cho là ở người bạn mình có cái “nghiêng tai kỳ diệu”.

Nhưng xem ra, thơ Huy Cận vẫn quá lành, con người trong thơ Huy Cận ở ngoài mà chưa đạt tới sự hòa nhập với vũ trụ, chưa bao giờ cả gan lang thang đi tìm bí mật của cái vũ trụ hoang đường như trong thơ Hàn Mạc Tử.

Huy Cận dễ dàng bắt gặp ở thiên nhiên một sự thông cảm. Vũ trụ trong thơ Huy Cận khô ráo, trong sáng, thanh sạch, và thật dễ dàng chấp nhận con người. Đây là một bài thơ tiêu biểu:

*Trời xanh ran lá biếc
Biển chóa ngợp buồm vàng
Gió thổi miền bất diệt
Mây tạnh đất hồng hoang.*

Về phần mình, Hàn Mạc Tử không có điều kiện mà cũng không tính chuyện lấy thơ mình ra đối diện với cả không gian, thời gian cao rộng. Hàn Mạc Tử chỉ lạ hóa ngay cái thiên nhiên sát kề bên mình. Nhưng, đó là cái thiên nhiên ma quái, bí mật, thiên nhiên ướt át nhầy nhụa lại nhiều bóng tối và những khoảng trống kỳ lạ, khiến người ta sống trong đó không bao giờ cảm thấy yên ổn. Cảm giác về sự hài hòa, rất quen thuộc trong thơ Huy Cận. Bao gồm ở *Lửa thiêng* là cái tự bằng lòng, cái thanh thản thoải mái khi tiếp

xúc với vũ trụ. Cảm giác ấy hết sức xa lạ với Hàn Mạc Tử. Luôn luôn ở Hàn Mạc Tử chỉ là xao xuyến bồn chồn, tưởng là mất mà lại thấy, tưởng là cầm nắm được mà lại trôi đi bay biến.

Thỉnh thoảng, có nói đến Thượng Đế thì Huy Cận đã biết ngay rằng Thượng Đế sẽ an ủi, vỗ về tâm hồn mình.

Hàn Mạc Tử không tính chuyện kéo Thượng Đế về với cuộc sống phàm trần mà chơi vui đuổi theo Thượng Đế và trong cuộc truy đuổi đó, sẵn sàng thánh hóa.

(Trích từ bài Hồn Thơ Siêu Thoát, trong PCD-2, trang 485-493)

TƯ DUY TÔN GIÁO CỦA HÀN MẠC TỬ

ĐỖ LAI THUY

Đọc Hàn Mạc Tử, người ta vấp ngay phải vấn đề: *Hàn Mạc Tử, anh là ai?* Hoặc hẹp và ít trừu tượng hơn: *Hàn Mạc Tử có phải là nhà - thơ - tôn - giáo không?* Câu hỏi này có nhiều câu trả lời. Để khỏi vướng vào những tranh luận không lối thoát, tôi giải đáp vấn đề theo cách riêng của mình. Nếu Nguyễn Trọng Trí là một tín đồ Thiên Chúa giáo thì Hàn Mạc Tử lại là một nhà thơ. Với nhà thơ thì nghệ thuật là tối thượng, là đạo. Nhưng nhà thơ ấy lại không thể không liên quan đến vị tín đồ kia, nhất là trên phương diện hình thành một *nhân cách* và *kiểu tư duy*. Hơn nữa, Hàn Mạc Tử với tư cách là một nhà thơ coi tôn giáo với tất cả tinh thần của chữ ấy là một cái gì đó đời đời vĩnh hằng và tuyệt đỉnh của nghệ thuật (*Tựa tập thơ Tinh huyết* của Bích Khê). Với một quan điểm tôn giáo như vậy, những Chúa, những Phật, những Tây Vương Mẫu.. chỉ là những biểu tượng cụ thể của cái Duy nhất, cái Vĩnh hằng... Đến với Hàn Mạc Tử, từ khía cạnh tư duy, tư duy tôn giáo, là hợp lý hơn cả. Điều đó chẳng những khắc phục sự tranh chấp bất phân thắng phụ về vấn đề “Hàn Mạc Tử có phải là nhà thơ tôn giáo không?”, mà còn cho phép thâm nhập vào bản chất nghệ thuật của thi nhân. Dĩ nhiên, tôn giáo là một hiện tượng đa tạp, có khoảng sáng và vùng tối, có thoát tục và có trần tục, nhất là với tư cách là một thiết chế xã hội. Ở đây chúng tôi chỉ xét tôn giáo trên phương diện thuần túy là một *kiểu tư duy*.

Tư duy ma thuật, mà chừng nào đó là tư duy huyền thoại, do tính chất đa thần, đã xé vụn thế giới ra thành những mảnh riêng rẽ (tục ngữ: “Đất có Thổ công, sông có Hà bá”). Còn với tư duy tôn

giáo, do tính chất độc thần, thế giới võ vụn đã được thống nhất trở lại. Nhờ đó, con người mới có điều kiện để nhận thức bản chất thế giới, trả lời những câu hỏi bản thể luận như nguồn gốc của vũ trụ và con người, ý nghĩa của cuộc sống và cái chết... Tôn giáo, do đó, đóng vai trò *cơ chế tư tưởng* chuyển thành những giá trị riêng tư, cá nhân, dân tộc, khu vực thành những giá trị chung, thế giới, nhân loại. Phật giáo coi mọi người đều có chung một thân phận mà ai nấy đều phải gánh chịu là tứ khổ: *sinh, lão, bệnh, tử*. Do đó, ước mong được vượt khỏi bể khổ không là của riêng ai. Coi mọi người bất kể sang hèn, giàu nghèo đều có Phật tính, nghĩa là có khả năng trở thành Phật, là một tư tưởng bình đẳng, nhân đạo. Thiên Chúa giáo cũng thừa nhận mọi người đều bình đẳng trước Chúa, vì giá trị của mỗi người là ở bản thân hành động của anh ta, chứ không phải ở tài sản, địa vị...

Như vậy, xét trên khía cạnh tư duy tôn giáo, các nhà thơ - thiên sư Lý - Trần (Phật giáo) và Hàn Mạc Tử (Thiên Chúa giáo) đều có trong tay một công cụ như nhau (cơ chế tư tưởng) để nhân loại hóa thơ mình. Đó là sự *giống nhau* ở họ. Còn sự khác nhau, trước hết và chủ yếu, là ở sự khác nhau giữa Phật giáo và Thiên Chúa giáo. *Một là*, con người trong mắt các nhà thơ thiên là con người siêu cá thể, trừu tượng. Con người trong thơ Hàn Mạc Tử là một con người cá nhân, cụ thể. Thiên Chúa giáo coi trọng cá nhân, nhìn con người như một cá nhân là do việc xưng tội buộc nó phải đánh giá, phán xét tâm hồn, hành vi con người một cách riêng tư. Tín đồ Thiên Chúa giáo tự chịu trách nhiệm trước Chúa về bản thân mình, với tư cách cá thể. *Hai là*, các nhà thơ Lý - Trần coi *Hữu, Vô* như nhau, sự sống, cái chết như nhau (Vạn Hạnh: “Thân như điện ảnh hữu hoàn vô”). Bởi vậy, họ rất coi thường *thân*, thân là không, cái thân hiện ra, tức sắc thân, chỉ là ảo. Hàn Mạc Tử, ngược lại, rất coi

trọng cuộc sống và cái chết, coi trọng thân xác. Tóm lại, nguyên cơ căn bản khiến Hàn Mạc Tử *khác* và cũng là *mới* hơn các nhà thơ Lý - Trần là ở *tính chất cá nhân* đến với ông bằng hai nẻo: Thiên Chúa giáo và nền văn minh phương Tây được xây dựng trên cơ sở Thiên Chúa giáo.

Chính tư duy Thiên Chúa giáo đã làm cho sáng tác của Hàn Mạc Tử có cấu trúc nội tại, không những ở cấp vi mô (từng bài thơ) mà cả ở cấp vĩ mô (toàn bộ các tác phẩm), tạo nên một vũ trụ thống nhất, hoàn chỉnh. Theo nhà nghiên cứu Đặng Tiến thì *Gái quê* là thế giới đợi chờ *Điềm lạ*, đợi chờ Chúa ra đời, *Đau thương* là tâm hồn mong mỏi Chúa trở lại. Trong *Đau thương*, Hàn Mạc Tử chấp nhận bệnh tật như là nguyên tội, là “phương tiện thân xác” mà Chúa đã dùng để cứu thế. Bệnh tật là tham gia vào công đức cứu rỗi, làm nối liền người bệnh với bản thân Chúa-hiện-làm-người. Còn *Xuân như ý* là thế giới *Khải huyền*; con người rũ sạch được tội lỗi *Đau thương* (tạp chí *Văn*, số 179, năm 1971). Như vậy, trên bình diện cấu trúc tác phẩm, sáng tác của Hàn Mạc Tử, một cách vô thức, đã “minh họa” cho con đường cứu rỗi của Thiên Chúa giáo. Hành trình tác phẩm của Hàn Mạc Tử là hành trình đi tìm giải pháp cho *Đau thương*. Với ý nghĩa này, ta còn có một lý giải khác từ góc độ tôn giáo - nghệ thuật là chia toàn bộ sáng tạo của nhà thơ thành ba thời kỳ, *Một là* giai đoạn Cổ điển với *Lệ Thanh thi tập*. Đây là sự hài hòa của Hàn Mạc Tử với chính mình và với xung quanh, tương ứng với thời thơ ấu của con người hay “thuở thiên đường” của nhân loại. *Hai là* giai đoạn Lãng mạn, Tượng trưng và Siêu thực với *Gái quê*, *Đau thương* và một phần của *Xuân như ý*... Hài hòa bị phá vỡ. Con người bất ổn với chính mình và hoàn cảnh: đau khổ, mơ ước, điên dại... Nó tương ứng với thời kỳ trưởng thành, vấp vấp, bệnh tật của con người và của nhân loại “mất thiên đường”. *Ba là*, giai đoạn

tân cổ điển với một phần của *Thượng thanh khí* và toàn bộ *Cảm châu duyên*. Sự hài hòa lại được tái lập, dĩ nhiên là trong mơ ước, trong giấc mơ tôn giáo, *Đau thương* rũ bỏ. Con người được trở lại “thiên đường” của mình. Các tôn giáo Đông phương cũng đi tìm giải pháp cho *Đau thương*. Phật giáo coi cuộc đời là bể khổ, mà nguồn gốc của đau thương là dục vọng. Cho nên diệt dục là con đường cứu khổ cứu nạn. Lão Tử thì đưa ra thuyết vô vi, sống theo tự nhiên thì sẽ chữa được những lầm lạc của người đời. Chỗ gặp nhau của những tôn giáo lớn – những tư tưởng lớn là ở đây. Hạt nhân triết học của những tôn giáo lớn cũng là ở đây.

Tư duy tôn giáo còn là một công cụ hữu hiệu để nâng cánh cho trực giác nghệ thuật tuyệt vời của thi nhân bay cao, bay xa vào cõi siêu hình. Nhà thơ có một cái nhìn vũ trụ trong tính toàn thể, tính siêu việt của nó với một cảm xúc tràn đầy:

*Mới hay cõi siêu hình cao tột bực
Giữa hư vô xây dựng bởi trăng sao
Xa lắm rồi, xa lắm, hỡi nương bao!...
Ai tới đó chẳng mê man thần trí
Tòa châu báu kết bằng hương kỳ dị
Của tình yêu rung động bởi hào quang
Những cù lao trôi nổi xứ mệnh mang
Sẽ quy tụ thâu về trong một mối
Và tư tưởng chẳng bao giờ chấp nối...*

Bức tranh vũ trụ được thi sĩ dùng trực giác để vẽ ra tưởng như đã gặp đâu đó trong một cuốn thiên văn học hiện đại nào. Con người bay vào vũ trụ (*cõi siêu hình cao tột bực*), thoát tiên còn có cảm giác cô đơn, nhỏ bé trước sự bao la (*hỡi nương bao!*), nhưng rồi thần trí mê man trước vẻ châu báu của vũ trụ, vũ trụ là thống nhất (“Những cù lao trôi nổi xứ mệnh mang - Sẽ quy tụ thâu về

trong một mối”), nên tư duy của con người, cái phản ánh của vũ trụ cũng mang tính thống nhất (“Và tư tưởng chẳng bao giờ chấp nối”). Bài thơ cho thấy Hàn Mạc Tử đã đạt đến một *tinh thần tôn giáo-vũ trụ* (khái niệm của A. Einstein): đó là tính toàn thể của thế giới và tính nhất thể giữa con người và thế giới.

Hàn Mạc Tử thường hay quay trở về cội nguồn, với mùa *xuân đầu tiên* của trời đất và con người. Đường như ông tìm thấy ở đây sự nhất thể tính nguyên sơ của con người và vũ trụ - căn nguyên của mọi nghệ thuật, châu báu và con người đời sau đã đánh mất trong biển thời gian, và chỉ còn giống thi sĩ là cố công ngụp lặn, mò tìm:

*Thuở ấy còn khôn mới dựng nên
Mùa thơ chưa gặt tốt tươi lên
Người thơ phong vận như thơ ấy
Nào đã ra đời ngọc biết tên.*
(Xuân đầu tiên)

Nhờ tinh thần tôn giáo- vũ trụ đó, các bài thơ xuân của Hàn Mạc Tử (*Mùa xuân chín, Xuân đầu tiên, Đêm xuân cầu nguyện*) chẳng những giữ được vẻ trinh nguyên của đất trời, mà còn đem một cảm giác huyền bí thiêng liêng của cuộc đời. Đó là ánh thiêu quang khác lạ của thơ xuân Hàn Mạc Tử so với thơ xuân của các thi sĩ cùng thời.

(Trích từ bài *Hàn Mạc Tử, một tư duy thơ độc đáo*, PCĐ-2, trang 494-506)

NGUỒN THƠ ĐẠO CỦA HÀN MẠC TỬ¹

BÍCH THU

Một nét đặc biệt làm nên sự đa dạng trong thi hứng Hàn Mạc Tử là nguồn thơ của đạo, về tôn giáo. Nếu Nguyễn Trọng Trí là một tín đồ Thiên Chúa, thì Hàn Mạc Tử là một thi nhân. Vị tín đồ, con chiên ngoan đạo và chàng thi sĩ họ Hàn lại là một. Với nhà thơ thì sáng tạo nghệ thuật, thiên chức nghệ sĩ là tối cao, duy nhất. Hàn Mạc Tử không thể không kết hợp giữa yêu cầu về đức tin, tín ngưỡng của tôn giáo với những đòi hỏi không thể cưỡng lại của sự sáng tạo. Trong một chừng mực nào đó, sự cảm dỗ của một Hàn Mạc Tử nhà thơ đã lấn át một Nguyễn Trọng Trí tín đồ. Thơ tôn giáo ra đời với Hàn Mạc Tử, như quan niệm của thi sĩ: “Tôi dung hòa cả hai thể văn chương tôn giáo: Thiên Chúa và nhà Phật. Đó chỉ là muốn làm giàu cho nền văn chương chung”².

Trong ý thức về con người cá nhân, coi trọng sự sống và cái chết, trong sự bủa vây, đe dọa của tử thần, trong sự truy đuổi gấp gáp của thời gian, đâu là cơ hội sau cùng của nhà thơ, đâu là sự cứu rỗi cho số kiếp hữu hạn, phải chăng đó là niềm tin vào một Đấng:

*Tôi van lơn thăm nguyện Chúa Giêsu
Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phối
Xin tha thứ những câu thơ tội lỗi
Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng
Trong bao đêm xao xuyến vũng sông Hằng
(Đêm xuân cầu nguyện)*

¹ Tựa đề do người sưu tập đặt (TTT).

² Quách Tấn, *Đôi nét về Hàn Mạc Tử*, in trong *Hàn Mạc Tử hôm qua và hôm nay*. NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1995.

Nhưng với tư cách là một nghệ sĩ, Hàn Mạc Tử không giới hạn đề tài trong một phạm vi sáng tạo, kể cả khi nói về Đạo. Hàn Mạc Tử “trong khi ôm một lý tưởng thơ, đi tìm cảm hứng đã gặp đạo và tìm được đạo trong nhiều đề tài, nhiều thanh sắc, tư tưởng để làm giàu cho thơ mình”¹. Tôn giáo trong thơ Hàn Mạc Tử là những gì thanh khiết, thiêng liêng đã được lãng mạn, thi vị hóa mất dần đi về trang nghiêm tuyệt đối của tín điều, kinh điển:

*Tấu lạy Bà, lạy Bà đây ơn phước
Cho tình tôi nguyên vẹn tợ trắng rằm
Thơ trong trắng như một khối băng tâm
Luôn reo trong hồn trong mạch máu!
Cho vỡ lở cả muôn ngàn tình dẫu
Cho mê mê âm nhạc và thanh hương
Chim hay tên ngọc, đá biết tuổi vàng
Lòng vua chúa cũng như lòng lê thứ
Sẽ ngậy ngất bởi chưng thơ đầy ứ
Nguồn thiêng liêng yêu chuộng mẹ sầu bi.*
(Thánh nữ Đồng trinh Maria)

Hàn Mạc Tử sống trong nguồn đạo cũng là sống trong nguồn thơ. Lúc này nổi đau trong tâm hồn nhà thơ được băng bó, xoa dịu. Nhiều bài thơ với ý tưởng thanh khiết, thánh thiện ra đời: *Điềm lạ*, *Nguồn thơm*, *Xuân đầu tiên*, *Đêm xuân cầu nguyện*, tập hợp trong hai tập *Xuân như ý* và *Thượng thanh khí*:

*Cả trời bổng diêu diêu như bấu võ
Nên tiếng vang thâm dội đến thâm tâm
Mà ta ngỡ đáng tiên tri muôn thuở
Giữa đêm nay còn đứng giáng phúc âm*

¹ Phan Xuân Sanh, dẫn theo *Hàn Mạc Tử- Phê bình và tưởng niệm*. Sđd.

*Tứ thời xuân! Tứ thời xuân non nước!
 Phút thiêng liêng nhuần gội ánh chiều quang
 Thiên hạ bình, và trời tuôn ơn phước
 Như triều thiên vờn lượn khắp không gian.*
 (Nguồn thơ)

Những bài thơ xuân của Hàn Mạc Tử như bay cao siêu thoát nhờ tư duy tôn giáo của nhà thơ, đưa thơ ông vào một cõi riêng, khác lạ với thơ xuân của các thi sĩ cùng thời. Trong khi thơ xuân của Nguyễn Bính rất người, gắn với cuộc trần thế, thường nhật thì thơ xuân Hàn Mạc Tử như có cánh, lúc nào cũng ở tư thế bay lên, vượt thoát (*Bay* giang hồ, thơ *bay*, hồn tôi *bay*, lòng *bay xa*, vĩ cánh *bay*) đến với vũ trụ trình nguyên tự thuở ban đầu:

*Thuở ấy còn khôn mới dựng nên
 Mùa thơ chưa gặt tốt tươi lên
 Người thơ phong vận như thơ ấy
 Nào đã ra đời ngọc biết tên*
 (Xuân đầu tiên)

Dù thơ Hàn Mạc Tử có tỏ lòng mộ đạo, sùng kính với Chúa, với Thánh nữ Maria, cũng không thể gọi ông là nhà thơ tôn giáo. Theo Quách Tấn:

“Tử là một nhà thơ đi vào vườn hoa tôn giáo chỉ để tìm hương phấn về ướp cùng hương thơ đó mà thôi. Bởi vậy không thể gọi Hàn Mạc Tử là nhà thơ tôn giáo. Tử là một nhà thơ thuần túy”¹. Đối với một con người mà cuộc đời là một chuỗi những đau thương bất hạnh như Hàn Mạc Tử thì thơ bao giờ cũng là cứu cánh:

¹ In trong *Hàn Mạc Tử hôm qua và hôm nay*. Sdd.

*Tôi là kẻ đi đường gió lạnh
Không mong gì hơn kêu gọi tấm lòng thơ.
(Say thơ)*

*(Trích từ bài Hàn Mạc Tử, một hiện tượng độc đáo của thi ca
Việt Nam thế kỷ XX, PCD-2, trang 528-542)*

LINH HỒN THANH KHIẾT

LÊ HUY OANH

Bài thơ văn xuôi này là một thứ kinh cầu nguyện đã được Hàn Mạc Tử sáng tác bằng Pháp ngữ vào thời gian ông nằm trên giường bệnh và sắp chết tại nhà thương Quy Hòa. Như mọi người đều biết, thi sĩ Hàn Mạc Tử vốn là một tín đồ Thiên Chúa giáo (tên thánh của ông là Phanxicô) rất ngoan đạo. Những khi quá đau khổ, ông thường tìm sự an ủi của Chúa Giêsu và Đức Mẹ Đồng Trinh Maria. Những bài thơ có nhiều màu sắc tôn giáo của ông như *Đêm xuân cầu nguyện* hoặc *Thánh Nữ Đồng Trinh Maria* (bài này còn có tên là *Ave Maria – Kính mừng Maria*) đều là những bài thơ đạo tuyệt hay của nhân loại.

Khi biết mình sắp chết, lòng sốt mến của ông đối với Chúa càng mãnh liệt hơn bao giờ hết. Sự sốt mến đó đã khiến ông, trên giường bệnh, viết bài *La Pureté de l'âme* (Linh hồn thanh khiết). Trong bài thơ này, tác giả có ba điều chính yếu để ca ngợi: trước hết là ca ngợi công trình thần bí tuyệt diệu của Đấng Tối Cao, thứ đến ca ngợi các bà sơ dòng thánh Phanxicô, là những người đã hy sinh thân mình để săn sóc cho các bệnh nhân cùi ở bệnh viện Quy Hòa, và cuối cùng ca ngợi sự thanh khiết trong linh hồn.

Điểm thứ ba có một phần liên quan mật thiết đến điểm thứ nhì, bởi ngoài nỗi ước ao (một cách mặc nhiên) cho chính mình có được một tâm hồn thanh khiết, ông còn đã ca ngợi sự thanh khiết tuyệt vời của tâm hồn các bà sơ. Ông viết:

“Tôi muốn trọn đời ngưỡng mộ vẻ trắng trong nguyên vẹn, nguồn tươi, ánh sáng, thơ vì tất cả đấy là hình tượng của *Linh hồn thanh khiết*”.

Bài *Linh hồn thanh khiết* là một bài thơ xuôi tuyệt đẹp, rất nồng thắm, rất thiết tha, và chính cái giọng say mê nồng nàn đó đã chứng tỏ Hàn Mạc Tử đã viết bài ấy trong một lúc xuất thần, cái lúc mà ông chiêm nghiệm thấy rõ rằng sự đẹp đẽ nhất của trần thế này chính là sự thanh khiết của linh hồn con người, sự thanh khiết được hun đúc bằng tinh thần Thiên Chúa giáo.

Trích lại theo PCD-2, tr. 365-366

7.

Trong mỗi đồng cảm
của những người đồng đạo

7. TRONG MỐI ĐỒNG CẢM CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐỒNG ĐẠO

Theo thầy Thế Tâm Nguyễn Khắc Dương, những thiên tài về thi ca nghệ thuật là những người chỉ xây một nửa cây cầu và tạo dịp giúp cho những kẻ hâm mộ họ xây tiếp nối nửa cây cầu còn lại, mỗi người mỗi vẻ khác nhau mà ai cũng có thể “mười phân vẹn mười”. Thiên tài ở đây là Hàn Mạc Tử. Có người đã tiếp nối bằng nửa cây cầu mang dấu ấn của phân tâm học, có người tiếp một nửa cây cầu mang dấu ấn của Các Mác hay của Nietzsche, còn Thầy Thế Tâm, khi chia sẻ về nét đau và bế khổ, là tiếp nối nửa cây cầu của Hàn Mạc Tử với những suy niệm của sách Gióp. Hiểu như thế thì bất cứ ai hâm mộ thơ Hàn Mạc Tử đến độ sâu sắc nào đó đều có thể tiếp nối nửa cây cầu riêng, mang một dấu ấn riêng rất phong phú.

Ở phần *Trong ký ức bạn bè*, ta đã nghe những người bạn của Hàn Mạc Tử kể lại kỷ niệm về một người trẻ tài hoa, tốt lành và dễ mến. Ở phần các nhà phê bình văn học, ta được nghe những nhận định về mặt văn chương. Còn phần này là một số chia sẻ của những người đồng đạo. Một phần các bài của chủ đề này đã được tách ra thành phần 1 của tập sách.

Những người chia sẻ cùng một đức tin với Hàn Mạc Tử dễ dàng đồng cảm với anh và có thể hiểu tại sao giữa bao thử thách nhà thơ trẻ vẫn không hề thất vọng, vẫn không mệt mỏi trên đường rao giảng Tin mừng Tình thương. Ý nghĩa cụm từ *thi sĩ của thánh giá* không chỉ là *nhà thơ rao giảng màu nhiệm cứu rỗi* mà còn là *nhà thơ đã chia sẻ đau thương và khổ nhục với Chúa Kitô*.

Người ta cũng thường nói đến đức tin trong hồn thơ Hàn Mạc Tử, nói đến Đạo là nguồn cảm hứng dạt dào. Thế nhưng điều đầu tiên khiến ông Nguyễn Văn Xê suy nghĩ sau khi Hàn Mạc Tử qua đời không gì khác hơn là sự khiêm nhường của anh. Đó là 50% của đức yêu thương Kitô giáo (x. Mt 11, 29). Còn 50% kia là sự hiền lành thì sau đó Trần Thanh Mại cũng như các bạn bè khác của nhà thơ đã

nêu rõ. Giữa những bài dài ngắn thấp cao của một số người Công giáo, cuối năm 2010, dịp kỷ niệm 70 năm qua đời của Hàn Mạc Tử, hai tác giả lão thành Võ Long Tê và Phạm Đình Khiêm đã đưa ra ánh sáng một điều vô cùng đáng quý: Sự thánh thiện của người Kitô hữu giáo dân trẻ tuổi, qua bài nghiên cứu: Linh hồn Hàn Mạc Tử.

Lm TRĂNG THẬP TỰ

Những bài trong phần này

- NHỚ HÀN MẠC TỬ – NGUYỄN VĂN XÊ
- HÀN MẠC TỬ VÀ CHÚA – Bs LÊ VĂN LÂN
- HÀN MẠC TỬ NHÀ THƠ CÔNG GIÁO – THÁI VĂN KIỂM
- THẾ GIỚI MỚI – PHẠM ĐÁN BÌNH
- ÂN HUỆ CỦA THIÊN CHÚA – BÙI TUÂN
- CHỈ MỘT NIỀM TIN – NGUYỄN BÁ TÍN
- TÔN GIÁO TRONG THƠ HÀN MẠC TỬ – NGUYỄN THỊ TUYẾT
- ĐỨC TIN TRONG HỒN THƠ HÀN MẠC TỬ – ĐẶNG TIẾN
- NỬA ĐÊM ĐI TÌM HÀN MẠC TỬ – BÙI TUÂN
- HÀN MẠC TỬ: THƠ VÀ KINH – PHẠM ĐÁN BÌNH
- GIỚI THIỆU TIỂU LUẬN: “LINH HỒN HÀN MẠC TỬ” – VÕ LONG TÊ
- LINH HỒN HÀN MẠC TỬ – PHẠM ĐÌNH KHIÊM

NHỚ HÀN MẠC TỬ

NGUYỄN VĂN XÊ

(Trích hồi ký)

Buổi sáng mùa thu, ngày 20-9-1940. Nơi nhà thương Nam ở Quy Hòa những bệnh nhân già yếu đang run lên vì gió lạnh từ biển thổi vào. Mẹ Juetta người phụ trách nhà thương Nam đẩy chiếc xe đi băng bó vết thương của từng bệnh nhân với những thao tác nhẹ nhàng, và nụ cười tươi vui, lời thăm hỏi đầy thân ái. Bỗng có tiếng thảng xe ô tô trước cổng. Các bệnh nhân người nhìn ra cửa sổ, người nhanh chân chạy ra gần chiếc xe. Anh em còn trong nhà thì bàn tán: “Chà, ai vô đây? Già hay trẻ? Bệnh nặng hay nhẹ?”. Còn mẹ Juetta lệ làng chạy ra cửa tiếp hồ sơ nơi tay bác y tá đứng tuổi với nụ cười và lời cảm ơn. Ngoài sân, bác tài xế già cũng đã mở cửa, nhưng người bệnh đó như bị tê hai chân nên gắng gượng lắm mới đứng lên được, đầu gối run run bước từng bước một, tay bám vào xe cho khỏi ngã. Mẹ Juetta: “Mau đưa tay cho mẹ đỡ xuống con”. Mẹ nói và bước tới xốc đỡ người bệnh xuống đất một cách nhẹ nhàng. Theo bàn tay dìu đỡ của mẹ Juetta, người bệnh cố đi như lướt, đầu cúi xuống trước bao cặp mắt dán theo cái hình hài gầy gò, nhỏ thó: Kia là ai? Từ đâu tới? Đến giường số 3, mẹ dừng lại, nhìn hồ sơ và nói: “Trí, đây, đây là chỗ của con”. Tôi ôm mớ hành lý gói bằng giấy báo cũ của Trí để lên đầu chiếc tủ con rồi tiếp tay với anh lao công trải chiếu chắn cho Trí. Làm xong tôi nói với Trí – khi đó đang đứng vịn vào giường run run: “Anh Trí lên giường nằm cho khỏe”. Trí gật đầu rồi rút đôi chân sưng đen ra khỏi đôi ba ta trắng cũ rách đã ngả sang màu vàng xám có mùi hôi thối – đã bị đập nhẹ ở cuối gót để thành dép lê để xỏ chân.

Mẹ Juetta bung lên một tách lớn đầy sữa nóng, và múc từng muỗng cho Trí uống. Trí e ngại nói: “Xin mẹ để con tự bung uống được”. Mẹ lắc đầu nói: “Không được, để mẹ đút cho con uống vì sữa nóng sẽ làm con phỏng tay”. Rồi mẹ sung sướng mỉm cười thấy Trí cố gắng cạn ly sữa. Mẹ nói: “Con nằm nghỉ, chút nữa ăn cơm”. Trí lễ phép “Con cảm ơn mẹ”. Khi mẹ Juetta quay về phòng thuốc rồi, mọi người quan sát thấy Trí mặc đồ bà ba trắng, người khoác chiếc veston màu trắng bám đầy bụi đường, cổ choàng chiếc khăn lông trắng. Trí trang phục rườm rà thế, nhưng vẫn không sao che nổi tấm thân gầy còm, ốm yếu. Trí để nguyên quần áo nằm lên giường lim dim mắt.

Đến 11 giờ tiếng trống báo hiệu giờ cơm trưa, tôi đến bên giường Trí nói: “Anh Trí ra dùng cơm trưa”. Trí mệt nhọc gương ngời dậy nói: “Cám ơn anh, tôi sẽ ra” rồi khập khiễng lê từng bước ra bàn ăn và cố gắng ăn nửa chén cơm chan canh rau. Tôi đã đoán ngay là Trí không đủ động đến món cá biển tuy hôm ấy cá rất tươi ngon. Mẹ Juetta thấy Trí ăn quá ít nên đến ép Trí cố gắng ăn thêm, nhưng Trí vẫn một mực từ chối: “Thưa mẹ, cảm ơn mẹ, con đã no lắm rồi”. Sau bữa ăn, tôi đem đến cho Trí một chén trà nguội, và đưa Trí về giường, rồi tôi mới về.

15 giờ hôm ấy, tôi trở lại và trò chuyện với Trí, để tìm hiểu: “Tôi là Nguyễn Văn Xê, người Huế, vào trại đã hai năm, hiện đang giúp việc cho các mẹ”. Trí cười: “Tôi là Trí, Nguyễn Trọng Trí, chắc anh Xê nghe giọng nói cũng biết là người ở gần Huế”. Tôi cười vui: “Vậy thì anh Trí ở Quảng Bình hay Quảng Trị phải không?”. Trí gật đầu cùng với tiếng cười, tôi lại nói: “Tôi còn nhỏ lắm, mới 21 tuổi thôi, xin anh Trí hãy gọi bằng em cho thân mật”. Trí lại lắc đầu nói: “Anh Xê đừng quan tâm chuyện tuổi tác, tôi cũng còn nhỏ mà”. Tôi lại tò mò: “Vậy anh Trí năm nay bao nhiêu tuổi”. Trí nói nhỏ vừa đủ

tôi nghe: “Hai mươi tám”. Tôi cười vui nói: “Vậ làm anh đúng rồi”. Trí không chấp hay phủ nhận, mà lại hỏi tôi: “Nhà anh Xê ở mô?”. Tôi trả lời ngay: “Ở bên Lào, tận Savanakhet, còn anh?”. Trí có vẻ hơi xúc động trong giọng nói: “Nhà tôi ở ngay Quy Nhơn”. Nghe vậy tôi không giấu được sự ngạc nhiên, liền hỏi: “Ở ngay Quy Nhơn mà anh không vào đây ngay chữa trị?”. Sau câu hỏi này của tôi, thì Trí lộ vẻ xúc động với đôi mắt long lanh buồn thảm: “Tôi nghĩ không bao giờ mình bị bệnh này anh Xê à”. Tôi buột miệng nói ngay: “Uổng quá”. Thấy mình lỡ lời nên tôi vội vàng nói thêm: “Nhưng cũng không muộn màng gì đâu anh Trí, anh yên tâm chữa trị vài tuần thì sẽ thấy khỏi ngay”. Trí lúc này thật buồn, nói như bị nấc cụt: “Tôi tuyệt vọng rồi hy vọng, hy vọng rồi tuyệt vọng đã mấy năm nay rồi”. Thấy thế tôi vội an ủi: “Bây giờ anh phải hy vọng vì chữa thầy đã đúng chỗ rồi”. Trí cũng rầu rầu nói với vẻ mặt không tin tưởng: “Khắp các tiệm thuốc Bắc và các ông bà thầy thuốc Nam ở Bình Định tôi đến chữa không sót một người, mà càng ngày thân thể ra thế này”. Thấy câu chuyện không ngờ làm Trí buồn lòng, tôi nói vài lời an ủi Trí rồi tạm biệt Trí đi về cho Trí được thanh thoi nghỉ ngơi, tránh xúc cảm.

Thấm thoát thời gian trôi mau, Trí vào Quy Hòa đã được ba tuần lễ. Nhờ sự chăm sóc chu đáo, tận tụy của các nữ tu dòng thánh Francois d’Assise mà đặc biệt là mẹ Juetta phụ trách nhà thương Nam là người lo lắng cho Trí nhất, nên bệnh tật Trí thuyên giảm rõ rệt.

Trí và tôi thường nói chuyện với nhau và có lần Trí thổ lộ tâm tư đôi chút: “Tôi đến Quy Hòa này là nơi có bãi biển, rừng dừa xanh, núi non hùng vĩ, cù lao xanh huyền ảo, đặc biệt là tình người nên tôi được hưởng cái bình an của nội tâm, cái thanh thản của nguồn vui tưởng như đã chết trong tôi khi ở thôn Tấn đây đau khổ, nghèo túng”.

Cả buổi trưa cho đến tối ngày 30-10-1940 tôi bận việc, nên sáng hôm sau mới hay Trí đi kiết đến kiết sức nên không thể đi nhà thờ. Khi tôi đến thăm Trí thì thấy anh phờ phạc, xanh xao nhiều lắm, đề nghị xin mẹ Juetta cho anh vào trong phòng liệt cho tiện. Trí có nói với tôi là từ khi mắc bệnh cũng như khi vào Quy Hòa ngày ngày Trí ăn thịt heo nạc kho tiêu với cơm hoặc cháo. Tôi để ý điều này đúng y như vậy, cứ mỗi tuần lễ thì có anh Hành là người nhà mang từ Quy Nhơn vào thịt heo kho tiêu, thứ thịt heo nạc không mỡ được rang mặn đựng trong chiếc cà men nhôm. Rồi suốt hơn một tuần lễ từ 30-10-1940 đến 7-11-1940 bệnh kiết lị của Trí vẫn không giảm, mà có phần tăng thêm, nên trông Trí người khô đét, gầy guộc xanh xao đến thảm nã.

Đêm 8-11-1940 – phiên trực của tôi. Lúc 21 giờ, Trí đột nhiên ngồi dậy lấy từ trong áo gối ra hai tập giấy đánh máy đóng rất đẹp rồi hỏi tôi: “Anh Xê đã có tình yêu chưa?”. Câu hỏi bất ngờ quá, nhưng tôi vẫn trả lời: “Từ nhỏ tới giờ tôi chỉ có một tình yêu duy nhất đối với Thiên Chúa mà thôi”. Trí gạt đầu rồi lấy cây bút chì cùn trong túi áo veston ra ghi vài dòng chữ như sau: “*Thơ Cầu nguyện* để tặng anh Xê –François Trí”. Rồi anh ghi tiếp tập thơ *Đời* để tặng anh Phạm Văn Trung, và rồi đưa ra cả hai tập nói: “*Thơ Cầu nguyện* là tặng anh, còn *Thơ Đời* là tặng anh Trung, nhờ anh đưa giúp”. Thú thật, lúc ấy không hiểu sao tôi không thể nói một lời, dù là một lời cảm ơn thông thường nhất, tay cứ mân mê hai tập thơ mỏng độ ba bốn mươi trang.

Đêm ấy Trí đi tiêu rất nhiều lần, mỗi lần đi có một chút đờm và vài giọt máu. Trí mệt lả bước không nổi, tôi phải dìu đi rồi dìu về giường nằm. Đêm càng khuya thì sức tôi càng mệt, nên tôi đã ngủ quên chẵn cả lối đi, không ngờ trong lúc ấy Trí tuột xuống giường đi không nổi....

Sáng 9-11-1940, sau khi khám bệnh, mẹ Juetta bung chén thuốc cho Trí uống xong nói: “Chiều nay có xe đi mời cha tuyên úy vào xúc dầu cho con”. Trí gật đầu và dạ rất nhỏ.

Sáng 10-11-1940, lúc 6 giờ 45 phút, cha cho Trí chịu phép xúc dầu và rước lễ. Nguyên ngày hôm nấy Trí vẫn đi tiêu nhưng tôi thấy tinh thần trí tươi tỉnh khi nói chuyện với tôi. Tôi hỏi Trí có cần gì thì thành thật bảo tôi. Trí đọc cho tôi hai địa chỉ cần báo tin khi Trí đã chết.

Trần Thanh Mại – Trésor – Huế

Quách Tấn – Résident – Nha Trang

Tôi hỏi Trí có cho gia đình biết tin không, thì Trí nói: “Rồi anh Hành sẽ vào, và dĩ nhiên mẹ và gia đình tôi tất biết”.

Đêm ấy tôi trực với mẹ Juetta và vợ Julienne. Chúng tôi có đến thăm Trí ba lần, và lần thứ ba lúc khoảng 3 giờ thì vợ Julienne cho biết từ giờ đến sáng Trí sẽ chết. Ngày 11-11-1940 thì Trí đã tắt thở. Sau khi báo tin cho các mẹ, tôi và anh em cùng giúp thay áo quần cho Trí và khâm liệm. Xong xuôi dầu vào đó thì anh em bệnh nhân đến đọc kinh cầu nguyện. Khi ấy tôi thu gọn “tài sản” của Trí gồm một bộ bà ba trắng cũ, một veston cũ, một đôi ba ta sắp hư, một gối con con, một cuốn sách dày 200 trang của Rousseau và một bài văn tiếng Pháp viết bằng bút chì, mà lúc thay đồ cho Trí tôi lấy ở trong túi ra xem qua, đó là bài văn “*La Pureté de J’âme*” (Sự trong sạch tâm hồn). Và tuyệt nhiên không có một xu hào nào trong túi Trí từ khi vào cho đến chết.

Trên đường trở về nhà thương, vừa đi tôi vừa suy nghĩ về Trí, về sự khiêm nhường của Trí là từ ngày vô cho đến chết Trí chưa hề nói một tiếng Pháp với bất cứ mẹ nào. Lúc nào tôi cũng là người thông ngôn. Biết Trí làm thơ, viết văn thì tôi lại càng áy

náy hơn nhưng sự thật tôi vẫn chưa hề biết Trí là nhà thơ có tiếng tăm ngoài đời.

Sau khi Trí chết chôn ba ngày, thì anh Hành theo thường lệ hàng tuần đem thịt heo nạc kho tiêu vào cho Trí, mới được tin Trí qua đời. Qua ngày hôm sau, mẹ và chị Lễ của Trí tức tốc vào Quy Hòa. Tôi hướng dẫn gia đình Trí đi thăm mộ. Nơi đây tôi không thể cầm được giọt lệ trước một người mẹ khóc đứa con yêu, một người chị khóc em trong buổi chiều mùa đông se se lạnh. Mẹ Trí khóc thật nhiều rồi ôm tôi nói lời đầy uất nghẹn: “Xê ơi, bà đã già trước tuổi vì đời của bà đã mấy lần tang tóc, đã rơi không biết bao nhiêu là nước mắt”.

Giờ đây, ôn lại ngày mẹ và chị Lễ thăm mộ Trí, tôi chợt nhớ đến mấy câu thơ:

*Một mai kia ở bên khe nước ngọc
Vội sao sương anh nằm chết như trăng
Không tìm thấy nàng tiên mô đến khóc
Đến hôn anh và rửa vết thương tâm.*

Tôi đã chứng kiến có một mẹ tiên và một chị tiên đến khóc nức nở bên mộ Trí.

Trích lại theo PCD-1, 376-381

HÀN MẠC TỬ VÀ CHÚA

Bs LÊ VĂN LÂN

Hàn Mạc Tử: một kiếp khổ đau!

Vào buổi trưa ngày 11 tháng 11 năm 1940, một người nằm xuống sau nhiều năm tháng đau đớn, nứt nẻ thịt da. Ông là bệnh nhân của trại cùi Qui Hòa mang số hiệu 1314. Trên cây Thánh giá trồng trên mộ phần của ông, ghi hàng chữ Phêrô¹ Phanxicô Nguyễn Trọng Trí. Đây chính là nhà thơ Hàn Mạc Tử.

Ông vừa giống lại vừa khác thế nhân chúng ta. Giống ở chỗ cùng mang kiếp nhân sinh, với thịt xương và một cấu trúc thần kinh cao đẳng, biết ăn, biết ngủ, biết cảm xúc, biết tư duy. Nhưng khác ở chỗ: Thế nhân chết đi thì rơi vào quên lãng, tỉnh mịch, còn Hàn Mạc Tử chết rồi nhưng tiếng thơ còn mãi! Chúng ta chết rồi, linh hồn có thể còn khắc khoải chưa biết về đâu vì “không trang bị” một niềm tin tưởng siêu linh, còn Hàn Mạc Tử thuở sanh tiền đã đổi đầu và tôi luyện trong nỗi đau khổ cực điểm nên linh hồn đã được thăng hoa trong một niềm tin vào Chúa!

Hàn Mạc Tử: Một linh hồn vượt hẳn cõi nhân gian!

Nhìn lại phong trào thơ mới ở Việt Nam khoảng 1932-1945, sự xuất hiện của tiếng thơ dồi dào và sâu đậm nhất trong khuynh hướng nói về cõi Chết, về siêu hình, nhất là về Chúa thì độc nhất có Hàn Mạc Tử.

¹ Chúng tôi có hỏi nữ tu Gemma Phương Khanh, Dòng Thánh Phaolô Đà Nẵng, cháu gọi nhà thơ Hàn Mạc Tử bằng cậu, về tên thánh Phêrô ghi trên mộ. Chị cho biết có lẽ do một lầm lẫn nào đó, còn tên thánh của nhà thơ là Phanxicô; trong gia đình khi cầu nguyện cho nhà thơ thì luôn đọc: “Cầu cho linh hồn Phanxicô” (TTT).

Tập *Thơ điên* của Hàn Mạc Tử khiến người đọc bỗng hoàn toàn rời khỏi cái thế giới thực tại của thế nhân, đến nỗi Hoài Thanh trong cuốn *Thi nhân Việt Nam* phải thảng thốt viết rằng:

“Một tác phẩm như thế, ta không thể nói hay hay dở, nó đã ra ngoài vòng nhân gian, nhân gian không có quyền phê phán. Ta chỉ biết trong văn thơ cổ kim không có gì kinh dị hơn... Ta chỉ biết ta đương đứng trước một người sượng sần vì bệnh hoạn, điên cuồng vì đã quá đau khổ trong tình yêu...”

Ông Hoài Thanh thú nhận rằng ông phải bỏ ra ròng rã “ngót một tháng trời” để đọc toàn bộ thơ của Hàn Mạc Tử và ông “*đã mệt lả*” (sic) (tr. 205). Kể ra thật đúng khi ta tìm gặp rất nhiều câu thơ như sau:

Hồn của Hàn Mạc Tử không những chỉ vợ vương trong cõi vô hình mà nhiều lúc đã:

*Cười như điên sắc súa cả mùi trắng... .
Gào thét một hồi cho rỏn ốc
Cả thiên đàng, trần gian và địa ngục
(Hồn là ai?)*

Hồn có lúc lạc vào nơi thiên sâu, địa thẳm giới Lâm bô, có lúc lại bay ra ngoài vũ trụ để:

*Tắm gội trong nguồn ánh sáng,
Ca những điệu ngọc vàng cao sang sáng.*

Hoặc có lúc tinh khiết, nhẹ nhàng ngoài mức ngôn ngữ phạm tục:

*Thượng thanh khí tiết ra nguồn tinh khí
Xa xôi đời trắng mọc nước Huyền vi
Đây miên trường, đây vĩnh cửu, tề phi
(Đừng cho lòng bay xa)*

Hàn Mạc Tử: một viên kim cương trong dòng thơ Kitô giáo ở Việt Nam!

Hàn Mạc Tử đã sống đạo, chết đạo và sáng tác thơ Đạo một cách tha thiết khiến nhiều người cho Tử là một “nhà thơ tôn giáo”, nhưng thực sự Tử đã vượt hẳn lên cái mục đích “truyền bá đức tin” của những thừa sai và giáo đồ trong giai đoạn tiên khởi ở Việt Nam. Thơ của Hàn Mạc Tử là một sự cảm nghiệm độc đáo! Đọc thơ Tử, người ta bèn thấy nguồn đạo trong thơ Tử không hạn hẹp với ý nghĩa một tôn giáo mà là một cái gì thuộc về hoàn vũ (universel).

Hoài Thanh trong cuốn Thi Nhân Việt Nam (1941) nhận định rất đúng rằng:

“Hàn Mạc Tử và Chế Lan Viên, cả hai đều chịu rất nặng ảnh hưởng Baudelaire và qua Baudelaire, ảnh hưởng nhà văn Mỹ Edgar Poe, tác giả tập Chuyện lạ. Có khác chăng là Chế Lan Viên đã đi từ Baudelaire, Edgar Poe đến thơ Đường, mà Hàn Mạc Tử đã đi ngược lại từ thơ Đường đến Baudelaire, Edgar Poe và đi thêm một đoạn nữa cho gặp Thánh kinh của đạo Thiên Chúa”.

Chính nhờ Thánh kinh và tinh thần Tin Mến Cậy sốt sắng vào Thiên Chúa, thơ Hàn Mạc Tử đưa người đọc gần Chúa vô cùng!

Hàn Mạc Tử vướng vào bệnh cùi lúc tuổi còn trẻ đang lúc yêu đời. Bệnh này như một định mệnh đã đọa đày Hàn Mạc Tử trong một vũng đau thương tuyệt vọng:

Tôi vẫn còn đây hay ở đâu?

Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu?

(Những giọt lệ)

Thân tàn ma dại đi rồi

Rầu rầu nước mắt bồi hồi ruột gan

(Muôn năm sâu thẳm)

Hàn Mạc Tử trong bài “Hồn là ai” đã tự mô tả cái hành hạ thể xác bằng giọng thống thiết sau:

*Áo tôi là một thứ ngọc hơn vàng
Hồn đã cấu, đã cào, nhai ngấu nghiền
Thịt da tôi sượng sần và tê điếng
Tôi đau vì rừng rợn đến vô biên*

Dựa vào sự phát triển của bệnh cùi trong đời ông, ta thấy ba giai đoạn tương ứng trong thi nghiệp của ông:

1) *Giai đoạn tiền bệnh*: trước năm 1936 (nghĩa là trước lúc vô bệnh viện Qui Hòa (1937), đánh dấu bằng những tập “Đường luật” và *Gái quê* với một giọng trong sáng, nồng thắm, yêu đời cuồng nhiệt, một khí lực phương cương dồi dào tính dục trong lứa tuổi đôi mươi.

2) *Giai đoạn bệnh phát lộ* đánh dấu bằng tập thơ *Đau thương*, *Thơ điên* nên tiếng thơ thống thiết, cực kỳ bi thảm như một con chim biết rằng mình sắp chết. Thiên kiến của người đời xa lánh mình cộng vào đó sự đau khổ vì tình duyên trắc trở đã làm Hàn Mạc Tử càng đau khổ:

*Lòng ta sầu thảm hơn mùa lạnh
Hơn hết u buồn của nước mây
Của những tình duyên thường lẽ dở
Của lời rên xiết gió heo may*

3) *Giai đoạn cuối cùng* của Hàn Mạc Tử được định mốt bằng tập thơ *Xuân như ý*. Khi ý thức rằng mình không còn hy vọng sống lâu Hàn Mạc Tử càng tìm nguồn giải thoát cho linh hồn khắc khoải qua tôn giáo và những khả thị siêu phàm. Giọng thơ không còn rên rỉ, mà thanh thoát, thẳng hoa.

Vào bệnh viện Qui Hòa, thi nhân đã tập được đức tính an vui trong nguồn đau khổ. Trong một lá thư gửi cho ông bạn thân là Trần Thanh Địch, Tử kể lại rằng mỗi ngày đều đều ông liên lí ít nhất năm sáu lần vừa đọc kinh vừa ngâm thơ.

Nhưng ba tháng sau, cơ thể quá suy kiệt và thêm bị chứng kiết lỵ nên vài ngày thì tạ thế (ngày 11 tháng 11 năm 1940, hưởng dương 29 tuổi).

Trên giường bệnh, biết mình sắp chết, tâm hồn thi nhân vẫn vô cùng sáng suốt và giữ một thái độ bình thản như sốt sắng viết một bản kinh nguyện bằng tiếng Pháp là *La Puret  de l' me* (Sự thanh khiết của linh hồn) để dọn mình về với Chúa.

Lý tưởng Thiên Chúa giáo trong thơ Hàn Mạc Tử

Trên chủ trương sáng tác thi văn của ông, Hàn Mạc Tử đã khẳng định lý tưởng Thiên Chúa giáo của mình:

“Đức Chúa Trời tạo ra trăng, hoa, nhạc, hương là để cho người đời hưởng thụ, nhưng người đời u mê phần nhiều không biết tận hưởng một cách say sưa, và nhân đấy chiêm nghiệm lẽ mầu nhiệm, phép tắc của Đấng Chí Tôn. Vì thế, trừ hai loài trọng vọng là “thiên thần” và “loài người”, Đức Chúa Trời phải cho ra đời một loài thứ ba nữa: “loài thi sĩ”! Loài này là những bông hoa rất quý và rất hiếm, sinh ra đời với một sứ mạng rất thiêng liêng: Phải biết tận hưởng những công trình châu báu của Đức Chúa Trời đã gây nên, ca ngợi quyền phép của Người, và trút vào linh hồn người ta những nguồn khoái lạc đẽ mê, nhưng rất thơm tho tinh sạch” (Thư gửi cho Trọng Miên: Quan niệm về Thơ).

Đọc thơ của Hàn Mạc Tử, người ta đã tìm thấy Thánh kinh, cho nên lời thư viết trên này chỉ là phô diễn cái ý cốt tủy cho rằng

thế gian này tạo ra do lòng yêu và vinh quang của Thiên Chúa. “Chính cái chìa khóa tình yêu đã mở tay Thiên Chúa tạo dựng các loài” (thánh Thomas d’Aquin). Sự sáng tạo là điều Chúa muốn như là một ân tứ dành cho con người, như là một tài sản chuyển đạt và giao phó cho con người thụ hưởng (Car la création est voulue par Dieu come un don adressé à l’homme, comme un héritage qui lui est destiné et confié.- Catéchisme de l’Église Catholique 1997).

Nhưng theo Tử, thì con người phạm tặc thế gian ít khi hiểu được và mang ơn “loài thi sĩ” nếu không nói là vô tình bạc đãi khinh khi.

Qua biểu tượng Máu và Hồn, Tử đã vô tình dự phóng bản ngã của mình trên hình ảnh của Chúa Giêsu nêu gương cứu chuộc trong buổi Tiệc Ly với lời nói cuối cùng với các môn đệ trên bánh thánh và rượu nho: *“Này đây là Mình Ta, hãy cất lấy mà ăn. Này đây là chén Máu Ta, hãy cất lấy mà uống”*.

Hàn Mạc Tử, khi viết tựa cho tập Tinh Huyết của Bích Khê đã viết rằng:

“Sáng tạo là điều kiện cần nhất, tối yếu của thơ, mà muốn tìm nguồn cảm xúc mới lạ, không chỉ bằng đọc sách về tôn giáo cho nhiều. Như thế, thơ vẫn mới trở nên trọng vọng, cao quý, có một ý nghĩa thần bí”.

Đọc nhiều thơ của Hàn Mạc Tử, người ta thấy tràn ngập nào là ánh sáng, nào là hương, nào là hoa, nào là châu báu, nào là tiếng nhạc, nào là lời kinh... ít ai ngờ đó là khung cảnh trang hoàng để phụng vụ trong những giáo đường Công giáo trong thực tế mà trí tưởng tượng phong phú của thi nhân đã chuyển hóa ra thành những lời thơ trọng vọng... Ngay cả những lời thơ trùng trùng điệp điệp về sự vãi máu, nôn khạc huyết ra từ cổ họng của Hàn Mạc Tử, biết đâu chẳng đã được gợi hứng từ hình ảnh con chim bồ nông mổ ngực để

máu vọt ra cho đàn chim con xúm lại mà uống – hình này thường được chạm trên cánh cửa của Nhà Tạm dựng Minh Thánh Chúa trên bàn thờ của giáo đường. Chim bồ nông – pélican – là loài thủy điểu, khi bắt được mồi thường nuốt tạm và chứa trong cái bìu da ở cổ họng để đem về cho bầy con mổ vào họng mình ra mà ăn. Do đó, có truyền thuyết là chim bồ nông tự mổ ngực mình ra để lấy máu nuôi con.

Thánh Thomas d'Acquin trong *Văn thơ Thánh vịnh* (Rhythmus Sancti) đã dùng hình ảnh chim này mà ca vịnh Thánh thể nơi Chúa Giêsu đổ huyết ra vì nhân loại. Còn Alfred de Musset, nhà thơ Pháp (1810-1857), đã thi vị hóa hình ảnh bồ nông như thân kiếp của thi nhân làm thơ bằng máu lệ của mình trong một bài thơ danh tiếng.

Hàn Mạc Tử lấy hứng về thi liệu từ Kinh thánh và những bài kinh nguyện của tín đồ Công giáo để xây dựng tứ thơ của mình.

Bài Thánh Nữ Đồng Trinh trứ danh của Hàn Mạc Tử đã diễn đạt lại ý tứ của kinh Kinh Mừng quen thuộc của người Công giáo với một giọng vô cùng thành khẩn:

*Lạy Bà là Đấng tình tuyền thánh vẹn,
Giàu nhân đức, giàu muôn học từ bi,
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lậm lụy vừa trải qua dưới thế
Tôi cảm động rung hai hàng lệ
Tấu lạy Bà, lạy Bà đầy ơn phước,
Cho tình tôi nguyện vẹn tựa trăng rằm*

Theo Linh mục Phan Phát Huồn, bài AVE MARIA của Hàn Mạc Tử mà trong đó có các đoạn thơ trên đây đã gây một xúc cảm sâu xa trong tâm hồn người đọc, Công giáo hay không Công giáo. Đọc bài thơ này người ta liên tưởng tới bài LA VIERGE À MIDI của

Paul Claudel, hai bài thơ đều nói về Trinh Nữ Maria nhưng hai giọng văn khác hẳn. Đọc lên bài thơ của Claudel ta chia sẻ những tâm tình của một người vô thần sau khi đã quay về với Chúa, tỏ tình rất mực đơn sơ với Trinh Nữ. Đọc lên bài *Ave Maria* của Hàn Mạc Tử, ta cảm được, ta sờ được, ta thấy được sự cao sang của Trinh Nữ.

Trong thi ca của Hàn Mạc Tử, người ta còn bắt gặp một ý thơ khác lấy từ Kinh Tin Kính như:

*Ngày tận thế là ngày tán loạn
Xác của Hồn, Hồn của Xác y nguyên.*

Hàn Mạc Tử lại mang cái thị kiến của thánh Gioan trong sách *Khải huyền* về thành thánh Giêrusalem: “*ánh quang của thành tỏa ra tựa hồ minh châu cực quý, như ngọc thạch bóng lộn ánh lưu ly...*” vào bài *Xuân đầu tiên* của mình qua câu:

*Trái cây bằng ngọc vỏ bằng gấm
Còn mặt trời kia tợ khối vàng
Trên chín tầng diều động cả trần châu
Đường sống lại muôn ngàn hoa phẩm tiết.*

Niềm khổ đau cứu độ

Khảo sát về thơ Hàn Mạc Tử, chúng ta nhìn thấy một thiên tài. Bệnh hoạn và nghịch cảnh chỉ là những tác nhân duyên khởi đã bức bách thiên tài này sáng tác ra nhiều bài thơ kỳ lạ như những hạt cát khiến những con trai dưới biển sanh ra những hạt trân châu.

Với Hàn Mạc Tử, sự đau đớn về thể xác, niềm tủi cực về tinh thần cũng gây ra một phản ứng điên đảo khiến ông cười, nói, gào, hét lung tung để giải thoát tâm tư. Nhưng ông không hề loạn trí, nghĩa là điên thực sự mà nói năng không mạch lạc theo luận lý. Tập *Thơ điên* là sự chuyển hoá sự đau khổ qua một “hiện tượng thoái

hồi” như là một phản ứng chống đỡ tự nhiên để giữ quân bình lành mạnh cho trí óc.

Hàn Mạc Tử, cũng như bao thi nhân vĩ đại có điểm độc đáo phi thường là đau khổ không chìm sâu họ xuống bùn đen mà đưa họ lên cao lên cao gần Thượng Đế

Ở Hàn Mạc Tử, thể xác đau đớn ê chề nhưng linh hồn thì thăng hoa trong sáng nhờ đôi cánh của tôn giáo được chấp vào trí tưởng của thi nhân.

Hàn Mạc Tử trong tận cùng đau khổ của thế gian đã tự ví mình: *“khi xưa ta là chim phượng hoàng, vỗ cánh bay chín tầng trời cao ngất”*; ý tứ mình “cao cường hơn ngọn núi”; hồn mình “chơi vui trong khí hậu chín tầng mây”

Trong bài viết Mùa Chay: Suy nghĩ về Đau Khổ trong Nguyệt san Đức Mẹ Hằng Cứu giúp số 223, tháng 03-2005, tác giả Thế Hùng đã viết:

“Chúa Giêsu là gương mẫu sống động cho những người đau khổ” Chúa Giêsu không cho chúng ta một câu trả lời trừu tượng về vấn nạn đau khổ. Hơn thế, Ngài cho chúng ta một câu trả lời sống động và một gương mẫu để đi theo. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã chỉ ra điều này một cách rõ nét trong Tông Thư năm 1984 “*Salvifici Doloris*” (Ý nghĩa về Đau khổ con người theo Kitô giáo). Ngài viết rằng khi có ai hỏi Chúa Kitô tại sao con người phải đau khổ, người đó *“không thể không chú ý đến Người đặt câu hỏi vì chính Người đó cũng đau khổ và ao ước trả lời câu hỏi đó từ chính thập giá, từ con tim đau khổ của Người”* Chúa Kitô không giải thích một cách trừu tượng lý do vì sao có đau khổ, nhưng trước hết, Ngài nói:

“Hãy theo Ta! Qua cuộc đau khổ của con, con hãy dự phần vào công cuộc cứu rỗi thế giới. Dần dần khi cá nhân đó vác lấy

thập giá mình, trong tình thân liên kết với thập giá Chúa Kitô, ý nghĩa cứu độ của đau khổ sẽ hiện ra trước mắt người đời”.

Hàn Mạc Tử lại dự phóng sự đau khổ của mình như hình ảnh cứu chuộc của Chúa Giêsu: qua một hiện tượng “tự đồng hoá” (identification) với Chúa Kitô về tuần đạo (Martyrdom). Hàn Mạc Tử đã tự gán cho mình vai trò làm Thi Nhân đã đổ hết bao nhiêu nguồn máu lệ, đã từng uống mật đắng cay trong khi miệng vẫn tươi cười sốt sáng. (Thay lời Tựa - *Xuân như ý*). Trong bài *Nguồn thơm*, Hàn Mạc Tử đã nhiệt tình tôn vinh những người đã vác Thập giá theo chân Chúa Giêsu:

*Đây, thi sĩ của đạo quân Thánh giá
Nửa đêm nay vùng dậy để tung hô
Để sót cho cả xuân, xuân thiên hạ
Hương mến yêu là lộc của lời thơ*

Hàn Mạc Tử lại còn tha hóa tình cảm của mình khi mơ đến một “mùa Xuân Thái Hòa” của “*năm muôn năm, trời muôn trời*” cho cả và thiên hạ.

Linh hồn của con người đau khổ thường hay lên gần Chúa. Đó là tâm trạng của Hàn Mạc Tử trong những ngày cuối cùng bệnh hoạn, khổ đau trong trại cùi Qui Hòa. Hàn Mạc Tử đã thị kiến đến một mùa *Xuân như ý*: “*Vinh quang Chúa cả trên trời, bình an dưới thế cho người thiện tâm*”. Câu thánh vịnh về mùa Giáng Sinh này đã khơi nguồn cho Hàn Mạc Tử khi viết như sau:

*Tứ thời xuân! Tứ thời xuân non nước!
Phút thiêng liêng nhuần gội ánh chiều quang
Thiên hạ bình, và trời tuôn ơn phước
Như triều thiên vờn lượn khắp không gian*
(Nguồn thơm)

Ý thơ của Hàn Mạc Tử trong tập *Xuân như ý* khai triển một cách kỳ diệu vô cùng. Tử cho rằng mình giống Khổng Tử khi chép kinh Xuân Thu với một cảm hứng dào dạt:

*Ngồi phép lạ của đức tin kiều diễm
 Câu tàn tạ không khen long cả phiếm
 Bút Xuân Thu mùa nhạc đến vừa khi
 (Đêm xuân cầu nguyện)*

Sự thăng hoa của Hàn Mạc Tử được kết tinh bằng hình ảnh của một thiên đường đầy vẻ đẹp tuyệt vời mà con người không còn than khóc, đau khổ nữa, một thiên đường đầy: “*Nhạc thơm, hương ấm, mộng ngọc, hoa trinh bạch, đàn ly tao, tranh tuyệt phẩm*”.

Câu nói của thi sĩ Pháp Alfred de Vigny: “*Những khúc hát tuyệt vọng nhất là những khúc hát đẹp vô vàn*” phải chăng rất đúng khi áp dụng vào trường hợp của nhà thơ vô cùng khổ đau Hàn Mạc Tử.

Như là một lời kết, chúng ta hãy nghe Linh mục Phan Phát Huồn nhận định rằng “*Hàn Mạc Tử bằng thi thơ của mình muốn nói lên điều mà ông TIN, điều mà các nhà thần học đã tốn biết bao nhiêu mực, bao nhiêu giấy từ thế kỷ này qua thế kỷ khác nói về sự kiện lịch sử Chúa xuống thế làm người, về màu nhiệm Ngôi Lời nhập thể trong cung lòng của Trinh Nữ Maria*” (Đức Tin trong thơ Hàn Mạc Tử - Tựa cho cuốn Hàn Mạc Tử: Đau Khổ và Thơ của Lê Văn Lân).

Với tâm tình của người yêu thơ Hàn Mạc Tử, bài viết này xin được xem như một nén tâm hương cho một thi hào đã dùng những đau khổ và máu lệ của mình mà nhào nặn ra biết bao lời thơ đẹp và sâu sắc tuyệt vời như những hạt kim cương.

(Trích lại theo www.Dunqlac.org)

HÀN MẠC TỬ, NHÀ THƠ CÔNG GIÁO

THÁI VĂN KIỂM

Là một người Công giáo nhiệt thành, lòng tín ngưỡng của Hàn Mạc Tử lại tăng thêm trong một tấm thân đau khổ. Bị xem là một vật ký sinh ở ngoài lề xã hội mà mọi người đều ghê tởm muốn tránh xa, Hàn Mạc Tử đã luôn tìm một nơi ẩn trú bên cạnh Thượng Đế. Những bài thơ đượm nhuần Công giáo của chàng được hợp lại thành hai tập mà tập thứ nhất là:

Xuân như ý, mùa xuân của Sáng thế kỷ, lúc mà “vũ trụ sơ khai, tinh khí của Thượng Đế chập chờn trên nước” – Theo quan niệm của chàng, mùa xuân vĩnh viễn đó đầy rẫy những lời nguyện cầu Thánh kinh, hương lạ mê ly, âm thanh màu nhiệm, tất cả chìm ngập trong bể hào quang và trong tinh hoa của thi vị¹. Theo Hàn Mạc Tử, thi ca là một sáng tạo thuần túy của Thượng Đế; với sự nghiệp thiêng liêng và vinh quang bất diệt của Người. Thi sĩ là kẻ môi giới khéo léo giữa Hóa công và nhân loại vậy.

Lòng tin tưởng ở Thượng Đế đã chứng giám, an ủi cho những nỗi thống khổ của Hàn Mạc Tử và giúp cho thi tài của chàng được hoàn toàn thành tựu. *Xuân như ý* được xem là tập thơ có giá trị hơn hết trong tất cả những thi phẩm của chàng...

(Trích từ bài *Một thi hào Việt Nam: Hàn Mạc Tử*, PCD-2, trang 291-306).

¹ Trong Correspondance của Baudelaire có câu: “Les parfums, les couleurs et les sons se repondent”.

THẾ GIỚI MỚI

PHẠM ĐÁN BÌNH

Cảnh vũ trụ sụp đổ nơi Hàn Mạc Tử có một màu sắc *Khải huyền* (apocalyptique). Khi nói đến “ngày phán xét”, đến “tận thế”, đến sao rơi trắng rụng, hẳn Hàn Mạc Tử đã chịu ảnh hưởng Thánh kinh Kitô giáo về quan niệm cảnh chung. Các *Phúc Âm* tả biến cố khánh tận như bao trùm cả vũ trụ: “Sau những ngày thảm khốc đó, mặt trời sẽ tối lại, mặt trăng sẽ mất sáng, sao sẽ rơi xuống và muôn vì tinh tú trên thượng tầng đều chấn động” (Matthêu 24, 29). Và sách *Khải huyền* loan báo một thế giới mới: “Rồi tôi thấy một trời mới, một đất mới – vì trời cũ và đất cũ đã biến tan và biển (trầm luân) cũng không còn nữa.. Thiên Chúa sẽ lau ngần lệ trên mắt họ: không còn chết chóc, khóc than, buồn phiền vì thế giới cũ đã qua đi” (Kh 21, 1-4).

Thế giới mới xuất hiện như cung điện nguy nga làm bằng Vinh Quang, bằng Ánh Sáng lung linh như kim cương, như ngọc thạch.. không.

Thế giới mới của Hàn Mạc Tử cùng lung linh bằng bạc, làm bằng những gì tinh anh cao quý nhất:

Trời trong đáy trời rất mực quỳnh dao
Duyên thanh tịnh trắng tứ bề vây kín.
(Theo Trần Thanh Mại)

Cõi thanh tao, “xứ say mơ” ở đây tượng trưng bằng ánh trắng diễm ảo:

Không gian dày đặc toàn trắng cả
Tôi cũng trắng mà nàng cũng trắng
(“Huyền ảo” – Thơ Hàn Mạc Tử. tr.30)

Cả bài *Chơi giữa mùa trăng* đưa ta vào thế giới trong sạch ấy: “Mỗi phút trăng lên mỗi cao, khí hậu cũng tăng sức ôn hòa lên mấy độ và trí tuệ và mộng và thơ, và nước và thuyền dâng lên, đồng dâng lên như khói. Ở thượng tầng không khí, sông Ngân Hà trinh bạch đương đắm chìm các ngôi sao đi lạc đường. Ở chỗ nào cũng có trăng, có ánh sáng cả, tưởng chừng như bầu thế giới chở chúng tôi đây cũng đang *ngập lụt trong trăng*, và đang trôi nổi bèn bồng đến một địa cầu nào khác”. (Theo Trần Thanh Mại)

Nhưng thế giới mới của Hàn Mặc Tử gần thế giới thần tiên (với *Cẩm châu duyên*, *Duyên kỳ ngộ* và *Quần tiên hội*) hơn là thế giới tôn giáo (*Xuân như ý* và *Thượng thanh khí*). Thi sĩ tưởng đến “nước Nhược non Bồng” và đi “tìm dấu tích của Đào nguyên tiên nữ” nhiều hơn là Thiên đàng siêu nhiên.

Dù sao, thần tiên hay tôn giáo, thế giới mới kia là thế giới lý tưởng hóa, đền bù cho thực tế phũ phàng. Một thế giới không còn những mâu thuẫn và thỏa mãn mọi ước vọng. Đưa ra nào là “nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc và hoa trinh bạch, đàn ly tao, tranh tụyet phẩm” để làm nên một mùa *Xuân như ý*:

Thiên hạ bình và trời tuôn ơn phước

(“Nguồn thơm” – Thơ Hàn Mặc Tử, tr. 71)

Vạn sự điều hòa tươi tốt như thuở “thiên địa mới tinh khôi” (*Xuân đầu tiên* – *Thơ Hàn Mặc Tử*, tr.70) và “vô cùng đến ngàn năm ơn phước” (*Quần tiên hội*).

Nếu xưa kia đói khát yêu đương, Hàn Mặc Tử đã hỏi: “Gió trăng có sẵn làm sao ăn”? Thì bây giờ:

Đã no nê, đã bưà rồi, thế hệ

Của phường trai mê mẩn khí thanh cao

(“Đêm xuân câu nguyện” – Thơ Hàn Mặc Tử, tr. 73)

Và thú với “Thánh Nữ Đồng trinh Maria”:

Tôi no rồi an vô lộ hòa chan

(Thơ Hàn Mạc Tử.tr.73)

Nếu xưa kia trăng vỡ tan tành thì bây giờ lại cầu nguyện:

Cho tình tôi nguyện vẹn tựa trăng trằm

Nếu xưa kia tiếng yêu lở đổ thì:

Tao phùng duyên đến bây giờ lại thấy

(Quần tiên hội)

Để cùng tiếng chim, tiếng sáo:

Dem ân tình trải khắp cả trời duyên

Thế giới mới của Hàn Mạc Tử là thế giới cô đọng lại những gì đã tan loãng.

(Trích đoạn của bài *Tan Loãng* trong *Hàn Mạc Tử, PCD-2, tr. 418-428*)

ÂN HUỆ CỦA THIÊN CHÚA

BÙI TUÂN

Nơi Hàn Mạc Tử rõ hơn hết là một Sứ Điệp *Đau thương* Cứu Rỗi. Trong tờ tuần báo *Nghệ Thuật*, Hàn Mạc Tử đã được giới thiệu một cách vừa trân trọng vừa huy hoàng. Bài báo số 7 được dành trọn cho chàng, và trong bài viết, Lê Huy Oanh đã thấy ở Hàn Mạc Tử một con chim phượng hoàng đẫm máu mà tiếng kêu vừa đờn đau giận dữ, nhưng lại vừa ngọt ngào, hoan hỉ. Hình ảnh ấy, ông viết, tiếng kêu ấy biểu dương một sức sống cao đẹp cả thể *Thế Chất* lẫn tinh thần. Cao đẹp vì nó đã đau đờn đến toát ra khoái lạc, đã tối tăm đến độ vọt thành ánh sáng trong suốt, rực rỡ¹.

Trong số những thanh niên tiếp nhận đau thương như một ân huệ, có lẽ Nguyễn Mộng Giác là người đã thấy được cuộc Cách mạng nội tâm của Hàn Mạc Tử và cái ý nghĩa của nó. Ông viết: “Sự Giáng Sinh của Giêsu trong bài *Ra đời* có một ý nghĩa song phương với sự có mặt của thi sĩ trong đau thương. Giêsu Christ đã chịu đau khổ, đã chịu chết để cứu chuộc tội lỗi của nhân loại. Hàn Mạc Tử đã chịu đau khổ để hiểu ý nghĩa của đau khổ, từ đó vươn lên cõi đạo. Thi sĩ đã tìm mãi hạnh phúc mà không tìm được. Thấp thỏm, rạo rức trước tình yêu người, chỉ nhận được đắng cay, vì cách biệt mãi mãi. Rồi bệnh hoạn cô độc... tất cả yếu tố đó như khiến cho thi sĩ nhận thức toàn vẹn được đau khổ cùng ý nghĩa của đau khổ. Người đã coi “kinh nghiệm sống” đó là khởi điểm để đi về mùa *Xuân như ý* của đạo.

¹ Lê Huy Oanh, *Con Phượng Hoàng Đẫm Máu* tuần báo *Nghệ Thuật* Số 7 (13-11-1965).

Sự xuất hiện của Đức Giêsu Kitô và cả mùa xuân chính là sự xuất hiện của khải ngộ trong Hàn Mạc Tử: Cùng với đấng Cứu Thế, Hàn Mạc Tử bắt đầu nhận giá trị của đau khổ, coi đau khổ như một ân huệ của Thiên Chúa¹. Điều mà ông Nguyễn Mộng Giác không nói rõ là nếu đau khổ là một ân huệ của Thiên Chúa thì đau khổ chấp nhận với Đức Kitô phải giải thoát Hàn Mạc Tử đúng theo ý nghĩa của đạo Công giáo.

Bàn về Hàn Mạc Tử trong loạt bài *“Thi ca cận đại và nỗi lòng thành thực”*, Ông Lê Tuyên – Giáo sư Trường Đại học Sư phạm Huế tự hỏi, nếu đau thương là hiện thực của cuộc đời, nếu đau thương gắn bó với chúng ta trong từng nhịp sống, lay động chúng ta trong những cơn thức tỉnh xót xa thì phải chăng đau thương đã hàm chứa một ý nghĩa huyền nhiệm². Ông cho rằng sở dĩ chúng ta chưa bao giờ lĩnh hội được ý nghĩa nhiệm huyền của đau thương là vì *“chúng ta chưa bao giờ hưởng thú đau thương mà trái lại chỉ là những kẻ chạy trốn đau thương. Vì chạy trốn cho nên mới bị vây, vì trốn đi đâu cho thoát cuộc đời đau khổ. Cho nên vấn đề của con người, không phải là trốn khổ mà phải tìm trong sự thống khổ ý nghĩa của đời mình. Thấy được đau thương và sống hạnh phúc trong đau thương, tôi nghĩ chỉ có Hàn Mạc Tử”*³

Trường hợp Lý Chân⁴ có thể nói là đặc biệt: Hàn Mạc Tử là

¹ Nguyễn Mộng Giác, *Tình và Đạo trong thơ Hàn Mạc Tử*. Luận văn tốt nghiệp đại học sư phạm Huế, 1963.

² Lê Tuyên, *Thi ca cận đại và nỗi lòng thành thực: Hàn Mạc Tử*. Đại học sư phạm Huế. Tập 2, niên khóa 1961-1962.

³ Lê Tuyên, Sđd.

⁴ Lý Chân, bút hiệu của ông Lý Chánh Trung, giáo sư triết học tại Đại học Văn Khoa Sài Gòn. Một ký giả, một cây bút bình luận sắc sảo của tuần báo Sống Đạo (ông làm chủ bút giai đoạn báo này mới ra mắt).

khởi điểm dẫn ông đi đến với Chúa. Ông viết: “Lúc ấy, tôi còn nhỏ, chưa theo đạo và rất mê thơ. Nhờ đó mà tôi biết được Hàn Mạc Tử. Và biết được Hàn Mạc Tử nhờ một người không Công giáo (Ông Trần Thanh Mại) đã lặn lội sưu tầm tài liệu để viết một cuốn sách về người thi sĩ cùi, sống trong đau thương, chết trong quên lãng. Thành ra, nhờ một người không Công giáo mà những tên cực thánh Giêsu, Maria đã trở thành quen thuộc với tôi, qua những bài thơ bất hủ của Hàn Mạc Tử.

Mầu nhiệm đau khổ và cứu rỗi của đạo Công giáo đã đến với tôi như vậy đó. Cuộc đời Hàn Mạc Tử không có gì là “Thánh Thiện” nhưng sự đau khổ và chịu đựng trong niềm đau đã thánh hóa tất cả. Giữa lòng quê hương Việt Nam, Hàn Mạc Tử là một chứng nhân chân thành của Đức Tin Công giáo¹ ...

Chúng ta hãy dừng lại. Chúng tôi chắc chắn còn thiếu sót. Biết đâu không có những tâm hồn đã tiếp nhận sứ điệp cứu rỗi của Hàn Mạc Tử mà giữ im lặng hay không có dịp nói lên ý nghĩ của mình. Nhưng ngay từ bây giờ, qua những hình thức ngưỡng mộ thi sĩ như kịch, nhạc, thơ, luận, chúng ta có thể cảm thấy Hàn Mạc Tử đã đến với thế hệ hiện đại với bản sứ điệp in rõ trên khuôn mặt đau thương và xán lạn của nhà thơ.

Trên bình diện nhân bản, Hàn Mạc Tử đã nói lên được cái thắc mắc muôn đời của con người là đau khổ và cái đau khổ ấy không thể tránh được, những người chạy trốn nó, lại là những kẻ đáng thương hơn cả. Nhưng đồng thời Hàn Mạc Tử cũng hiến cho chúng ta một kinh nghiệm giải quyết: Chấp nhận sự đau khổ với Đức Kitô để thoát ly và vươn mình lên một niềm vui tươi sáng ở đời này và để sống lại trong ánh vinh quang của một đời sau bất diệt.

¹ Lý Chân, *Người thi sĩ cùi*. Tuần báo *Sống Đạo* số 15. Chúa nhật 30-9-1962.

Trí óc tôi đang nghĩ tới cái ơn thiên triệu đau thương mà cao cả của Hàn Mạc Tử thì vừa đọc lại Hoài Thanh, tôi bắt gặp nhận xét này: *“Thơ Hàn Mạc Tử ra đời, điều ấy chứng tỏ rằng đạo Thiên Chúa ở xứ này đã tạo ra một không khí có thể kết tinh lại thành thơ. Tôi tin rằng chỉ có những tình cảm có thể diễn ra thơ mới thật là những tình cảm đã thấm tận đáy hồn đoàn thể”*¹.

(Bùi Tuân, đoạn kết tiểu luận “Hàn Mạc Tử và sứ điệp của nhà thơ”, trích theo Lê Đình Bảng, Ở Thượng Nguồn Thi Ca Công giáo Việt Nam – Miền Thơ Kinh Cầu Nguyện, nxb Phương Đông, 2009, trang 323-326)

¹ Hoài Thanh – Hoài Chân, *Thi Nhân Việt Nam*, nxb Văn Học, Hà Nội, 1988 tr. 187.

CHỈ MỘT NIỀM TIN

NGUYỄN BÁ TÍN

Năm 1937, trước khi đi Đà Lạt, tôi trông thấy anh buồn rầu ảm đạm như mất hết hy vọng được khỏi bệnh. Anh không muốn nói chuyện với ai, chỉ thích ngồi một mình, đọc kinh hay lần hạt chuỗi mân mê. Từ đầu năm bệnh anh phát mau như ngựa chạy. Bàn bè cũng thưa thớt đến chơi. Anh mong mỗi Đức Mẹ làm phép lạ cứu anh một lần nữa.

Mặc dầu cố Labiansse nói với anh Đức Mẹ không có quyền làm phép lạ như đã xảy ra ở bờ biển, nhưng anh tin điều ấy đã xảy ra. Anh lý luận phép lạ ở tiệc cưới Cana mà Kinh thánh kể lại Chúa làm cho nước trở thành rượu chỉ vì Đức Mẹ xin Chúa làm. Sự trông cậy của anh vì vậy rất có lý.

Thấy anh thích nguyện ngắm, tôi trao cho anh tập sách nhỏ *Imitation de Jésus Christ* của Lamennais, anh vui mừng như bắt được của. Nhất là khi đọc câu: “Dieu seul sait le temps et la manière de vous délivrer”, anh hớn hở lạ thường. Anh nói: Đúng rồi! Chỉ có Chúa mới biết được lúc nào và bằng cách nào để giải thoát cho con. Từ đó anh gia tâm cầu nguyện gắn bó thiết tha hơn.

Lời cầu nguyện của Thánh Phanxicô đã trở thành của chính anh: “Xin cho con ra khỏi cái thân xác nặng nề hôi hám đang giam hãm con”.

Trong bốn năm đau, những suy niệm về màu nhiệm giải thoát trở thành mơ ước và những mơ ước chân thành đó, có thể biến ra nhiều hình ảnh tuyệt vời nơi chân trời mới của anh, trong những giấc mơ xuất thần.

Đức Tin đã có dấu hiệu tốt, anh viết:

*Đức Tin thơm hơn ngọc
Thơ bay rồi thơ bay
Mau gò giai âm lại
Sốt bớt ngứa đêm nay
Có tin thôn xa đến
Có diềm lạ đêm nay
Đóng cửa mười phương lại
Dồn ánh sáng vào đây
Ngoài không gian mát mát
Chim thanh tước ra đời
Nêu cao hơn tiếng nhạc
Nhà hát sẽ xanh tươi.*

Trong bài *Diềm lạ* trên đây vừa kể, anh đã nhận ra được Một Mùa Xuân mới anh mơ ước ra đời. Anh vội vã viết một loạt bài cho Mùa Xuân như ý.

Trong lời tựa Hàn viết:

Cho mau lên! Dồn ánh nguyệt vào đây... Lời thơ ta sẽ sáng trưng như thất bảo. Tình cảm ta sẽ nóng ran như mặt trời. Ý tứ ta sẽ cao cường hơn ngọn núi.

Ôi! Trời hạo nhiên đây không phải là công trình châu báu của Người sao!

Lòng vô lượng đây không do phép tác màu nhiệm của Đấng Vô thí Vô chung?

Đưa ra, nào là nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc và hoa trinh bạch, đàn ly tao, tranh tuyệt phẩm...

Đưa ra, nào là gió chia biệt, trăng đoàn viên, chim tứ chiếng, mây giang hồ, và nào là trời thanh sắc, lòng nhũ hương, niềm mịch được.

... Và loài người hãy cảm ơn Thi nhân đã đổ hết bao nhiêu nguồn máu lệ, đã từng uống mật đắng cay trong khi miệng vẫn tươi cười sốt sáng...

Hãy cầu nguyện bằng trăm kinh mây gió.

Hãy dâng cho một tràng chuỗi trắng sao...

Thi nhân sẽ vừa say sưa, vừa điên cuồng, ọc ra từng búng thơ sáng láng, phương phi như một mùa *Xuân như ý*.

RA ĐỜI

A! A! A!

Thiên địa đắm hoang mang

Là đương khi thờ lạy cả Thiên đàng

Bay xa những tiếng tung hô Thánh Đức

Muôn thần phẩm trong lằng lằng châu chực

Ánh hào quang chan chói ngất lưu ly

Ôi cao sang khôn ví trọng ai bì

Trên nước cả có muôn vàn châu báu

Trí rất ngợp bởi chung Xuân hồn hậu

Đã ra đời theo lệnh cả Ngôi Hai

Ôi! Thánh tai, Thánh tai và Thánh tai

Cả trời bổng nổi lên muôn điệu nhạc

Rất trọng vọng rất thơm tho man mác

Rất phương phi trên hết cả anh hoa

Xuân ra đời...

Điềm ngọc ám như ngà...

Mùa xuân mới đến với anh thành linh, cũng làm cho anh hoảng sợ:

Xuân thế gian chưa có tại trong lòng

Muôn ý tứ say chìm nơi bất giác

Hương cảm dỗ mê người trong khoái lạc

Và anh hân hoan tận hưởng nguồn thơm từ bốn mùa xuân anh chưa hề được hưởng. Trong bài *Nguồn thơm*, anh viết:

*Trí đương no và khí xuân đương khoe
Nhạc đương say và rượu vẫn còn thơm
Nên muôn cánh thủy tiên chưa dám hé
Trong phút giây trang trọng của linh hồn...*

*... Tứ thời xuân, tứ thời xuân non nước
Phút thiêng liêng nhuần gội ánh thiều quang
Thiên hạ bình và trời tuôn ơn phước
Như triều thiên vờn lượn khắp không gian...*

*... Ta cao ngâm giọng vô cùng thanh thoát
Khiến châu thân rung động thể tơ trắng
Toan ngắt đi trong cơn mê khoái lạc
Mẹ dẫu yêu liền vội đến tay nàng...*

Anh đang đứng trước ngưỡng cửa một cuộc đời mới, có một mùa xuân gấm vóc như ước mơ mà từ bốn năm Thương Khó, anh mới được Thiên Chúa hé mở cho trông thấy. Anh vừa nghi ngờ vừa tin tưởng cái ngày mai đó. Anh viết:

*Mai này thiên địa mới tinh khôi
Gió căng hơi và nhạc lên trời
Chim khuyên hót tiếng đầu tiên hết
Hoa lá hò nghi sự ra đời*

*Trái cây bằng ngọc vỏ bằng gấm
Còn mặt trời kia tơ khối vàng
Có người trai mới im như nguyệt
Gió căng hơi và nhạc lên ngàn
Người thơ phong vận như thơ ấy
Nào đã ra đời ngọc biết tên.*

(Xuân đầu tiên)

Vì vậy đêm nay, dưới bầu trời bình yên như nguyệt bạch, anh sửa soạn một tâm hồn thật trong trắng như một người ngoan đạo dọn mình sám hối, tỉnh thức và cầu nguyện trắng đêm để dâng lên muôn kính thơm tho ca ngợi Thiên Chúa.

*Trời hôm nay bình an như nguyệt bạch
Đường trăng xa, ánh sáng tuyệt vời bay
Đây là hương quý trọng thấm trong mây
Ngồi phép lạ của đức tin kiều diễm
Câu tán tụng không khen lòng cả phiếm
Bút Xuân thu mùa nhận đến vừa khi
Khắp mười phương diễm lạ trở hoài nghi
Cây bằng gấm và lòng sông bằng ngọc
Và đầu hôm một vì sao mới mọc
Ở phương Nam màu nhiệm biết ngàn mô
Vì muôn kính dôn dập cõi thơm tho
Thêm nghĩa lý ánh sáng trong như thất bảo
Ta chấp hai tay, lạy quì hoan hảo
Ngửa trông cao cầu nguyện trắng không gian
Để vừa dâng vừa hiệp bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế
Đã no nê, đã bưa rồi, thế hệ
Của phường trai mê mẩn khí thanh cao
Phượng hoàng bay trong một tối trắng sao
Mà ánh sáng không còn khiêm nhượng nữa
Đương cầu xin, ọc thơ ra đường sữ
Ta ngất đi trong khoái lạc hồn đau
Nhịp song đôi này đây cung cầm nguyệt
Uớp lời thơ thành phước lộc đường tu
Tôi van lơn thăm nguyện Chúa Giêsu
Ban ơn xuống cho mùa Xuân hôn phối*

*Xin thứ tha những câu thơ tội lỗi
 Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng
 Trong bao đêm xao xuyến vũng sông Hằng
 (Đêm Xuân cầu nguyện)*

Mùa Phục Sinh, tôi về Quy Nhơn nghỉ lễ trông thấy anh tuy gầy hơn nhưng đôi mắt linh hoạt khác thường như có vẻ hân hoan, tôi hỏi có gì vui không. Anh đọc hai câu:

*Đã no nê, đã bùa rồi, thế hệ
 Của phường trai mê mẩn khí thanh cao*

Sau khi đọc bài *Đêm xuân cầu nguyện*, tôi hiểu anh xem như đã hoàn tất một mùa Thương Khó 4 năm của anh, Mùa của người Công giáo đền tội, để cùng sống lại trong ân nghĩa Chúa. Anh cũng dang bốn năm hoạn nạn:

*Để vừa dưng vừa hiệp bốn mùa xuân
 Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế*

Bây giờ thì bốn năm hoạn nạn đã đơm bông kết trái, anh chỉ còn chờ được giải thoát thôi.

Giải thoát, hai chữ đó, đối với anh rất mơ hồ. Anh tin mạnh mẽ sẽ được giải thoát nhưng bằng cách nào đây, anh không hiểu. Ước mơ lạ lùng đó đã thành một thói quen, hơn nữa, một cố tật.

Anh lại mò mẫm, lại tìm kiếm, lại xuất thần trong những cơn mê mà anh từng lý luận:

Hẽ hơi khói càng cao, hơi trắng càng trong thì hơi thở của tôi càng thơm. Hơi thở ấy góp cùng muôn hơi đằm thắm sẽ châu lưu khắp bầu thế giới và chung quanh tôi, dầu gần gũi hay bao la đều nhận một màu sắc phiêu diêu. Tôi rất ngạc. Tôi hứng lấy và nhận lấy ở trong hồn muôn ý tứ và muôn thanh sắc của trời mộng xa xưa.

Tôi đi từ thực tới ảo ảnh, từ ảo ảnh đi tới huyền diệu, và từ huyền diệu đi tới chiêm bao. Mông lung đã trùm lên sự vật và cõi thực, bị ánh sáng của chiêm bao vây riết.

Mộng tàn rồi, nghĩa là mộng biến đi. Những điều tôi vừa thấy toàn là huyền hoặc cả sao? Có lẽ nào!

Đại để những điều anh giải thích về những việc lạ lùng trong thơ anh đã gặp giữa hai cõi Mộng và Thực mà anh nói phải mất bao nhiêu trang giấy mực để nói ra và chưa chắc người đời đã hiểu. Đúng là chẳng hiểu được gì để biết thơ anh với những giải thích sơ sài chùng ấy.

Anh viết trong bài Siêu Thoát:

*Hồn vốn ưa phiêu lưu trong gió nhẹ
Bay giang hồ không sót một phương nào
Càng lên cao giây đồng vọng càng cao
Hồn hỡi hồn lên nữa quá thình gian...*

Anh bị cảm dỗ lên cao hơn khỏi vùng trời Xuân như ý mà anh vừa đi qua để vào một vùng khác, vùng Thượng thanh khí. Chữ Thượng thanh khí anh dùng đây, để chỉ một vùng trời ngoài bầu khí quyển, cao hơn, trong thanh hơn, tinh sạch hơn. Nơi đây, có lẽ anh thường trông thấy một màu xanh anh đã kể lại trong nhiều bài thơ:

*Một chiều xanh, một chiều xanh lờn lợt
Sóng bao la vây lút cả không gian...*

Ở một chỗ khác anh viết:

*Đã trong rồi và thanh tao đến tới
Bao nhiêu tơ chuyển được tiếng thơ bay
Êm êm hơn đừng cho xanh lờn lợt
(Vắng trắng)*

Trong bài Tình Hoa anh viết:

*Mình gom hết thành bại và thân thức
Mình giải quyết tiêu tao và nô nức
Tứ rung rung cho quá trí dật dờ
Rồi bay từ điệu vợi đến xanh mơ
Từ bên ngọc đời sang châu Dử Lý
Từ Minh Triết lần lần theo ý chí...*

Hình như anh có khả năng kỳ dị lại vùn vụt trong bầu khí quyển xanh xanh đỏ, màu xanh mà ngày nay các phi hành gia vũ trụ đã trông thấy khi vượt khỏi tốc độ âm thanh. Hàn cũng đã cho thấy anh đi trong cõi bao la miên trường cho đến tột cùng vĩnh cửu như chính anh là một hành tinh vậy. Hoặc là có được khả năng như chiếc máy ảnh tinh vi hiện đại, rượt theo tốc độ ánh sáng để qua lại những hình ảnh đã qua đi từ nhiều thế kỷ trước.

Anh viết trong bài *Đường cho lòng bay xa*:

*Thượng thanh khí, tiết ra nguồn tinh khí
Xa xôi đời trắng mọc nước huyền vi
Đây miên trường, đây vĩnh cửu đề phi
Cao cao vượt với hai hàng bóng vía
Trời nhật nguyệt cầu vòng bắt tứ phía
Ôi! Hoàng Hoa, hồn phách đến nơi đây.
Hương ân tình cho kết lại thành dây
Mong manh như lời nhớ thương hàng triệu
Đàn cung bậc gió đồn lên âm điệu
Sững lòng chưa say chấp cả thanh bai
Sang chơi thôi, sang chơi thôi, mà ai?
Thu đây rồi bước lên cầu ô thước
Sao? Vàng sao, rơi đây trên sông nước
Đừng nửa tay mà hứng máu trời sa*

*Thôi! kéo về đừng cho lòng bay xa.
Thu vườn này, thu vườn ra như ý
Mau rất mau trong muôn hoa kiêu mị
Mùa rất trai mà ánh sáng rất cao
Đừng nói buồn, mà không khí nao nao
Để chơi vui này bông trắng là gió
Để phiêu phiêu này tờ thơ vàng vọ
Để dầm dề hạt lệ ta đôi ta
Tầng thượng tầng, lâu đài ngọc đơm ra
Khói nhạt nhạt xen vô màu xanh biếc
Tiếng huyền dịch gò theo tia yếm nguyệt
Đầy đưa dài, hơi ngào ngọt trầm mơ
Thình không tan như bào ảnh hư vô
Giải ngân hà biến theo cầu Ô thước
Và ước ao và nhớ nhung lần lượt
Đắm im lìm trong mộng tượng buồn thiêu*

Vì vậy, đọc tập Thượng thanh khí, tôi chỉ hiểu lơ mơ anh đang say sưa với một thế giới không tưởng. Có thể là anh đã bị ảnh hưởng nặng của nhà văn giả tưởng Pháp Jules Verne, tác giả những tập sách Từ địa cầu đến mặt trăng hay Hai mươi ngàn dặm dưới đáy biển.

Nếu quả anh đang ở trong tình trạng mất trọng lượng của con tim hay trí óc thì chắc là anh dám nói tiên tri như Jules Verne về tương lai của vũ trụ ngày nay.

Chính trong giai đoạn này, người bạn thân của anh, giới thiệu cho anh Nàng tiên nhỏ Thương Thương, để kéo lui anh về thực tại của trần thế. Quả thật anh đang mơ vào một cảnh Bồng Lai, và Thương Thương lại có cơ hội được đặt vào khung cảnh tuyệt đẹp đó. Anh bắt đầu tả những cảnh anh đang lạc lõng ở Bồng Lai mà tiếng tiêu sào rất khêu gọi, hòa với tiếng suối reo lên như tiếng lòng anh.

... Ồ! Tiếng tiêu đầu bay ra man mác
 Khiến nao nao nguồn thanh tịnh quanh mình

... Ta là khúc phượng cầu hoàng năm trước
 Dem ân tình trái khắp cõi trần duyên

Chàng:

Phải quê nàng ở Đào Nguyên
 Bởi chung sắc đẹp lại thêm đa tình
 Xuống đây tìm nợ ba sinh
 Không hay trời khiến ta mình gặp nhau.

Nàng:

Em là Trần Thương Thương
 Ngụ ở bến Tầm Dương
 Đi tìm chàng thi sĩ
 Trong pho sách kim cương

(Tập kịch Duyên Kỳ ngộ này thuộc tập thơ *Cảm châu duyên* đã từng được phổ biến nhiều. Ở đây, tôi chỉ xin ghi lại những nét riêng tư của Hàn)

Mối tình duyên kỳ ngộ tuyệt đẹp này đáng lẽ còn đưa anh đi xa hơn trong cõi mộng Bồng Lai mơ ước với hoa lá suối chim rất thần tiên trong đó, và anh còn đang viết thêm một cảnh Quần tiên nội nữa. Nhưng, vì một lẽ riêng nào đó anh đành phải dẹp bỏ.

Anh viết:

Gặp em đây, khác gì trong giấc mộng
 Biết làm sao cho thỏa hết tình thương
 Tiếng lòng anh vẫn luôn luôn đồng vọng
 Luôn luôn reo kêu gọi đến tình nương

Nàng:

*Tình quân hỡi, muôn năm em chỉ muốn
Sống bên anh cho thấm đượm tình yêu*

Chàng:

*Than ôi! Hỡi lời biệt ly chan chứa
Tưởng cùng em vui hưởng thú tiêu dao
Anh sắp đi rồi hai hàng lệ ứa
Cả đau thương dồn dập xót tâm bào...*

Duyên Kỳ ngộ và Quân tiên hội là những hình ảnh cuối cùng càng được nói đến trong cuộc đời thơ của anh cho đến khi anh vào Quy Hòa.

Những gì còn ghi đậm trong mối tình đó là bài thơ dễ thương nhất: Nỗi buồn vô duyên. Có hai câu làm tôi cảm động:

*Đừng ai nói để thương cho
Lỡ ra lạnh nhạt đến bù sao cam.*

Nghe như có tiếng ai dỗ ngọt: Thôi mà nín đi! Tôi thương mà! Đừng khóc nữa. Nghe sao tội nghiệp quá!

Vì vậy mà tiếng tiêu sào còn đuổi theo cảm dỗ:

*Nghê thường lên, nàng Hằng ra
... Âm thanh lên cao nhạc lòng ran
Tôi lại gần bên. Ô! Lạ thường
Nường trắng Ô! Chính là Thương Thương
Hoảng hốt tôi ôm chầm lấy Nường
Thương ôi Nường đã biến ra sương.*

Từ đó không còn ai nghe được thơ anh nữa nhưng khi anh vào Quy Hòa, anh lại viết, đoạn thơ bỏ dở: Quân tiên hội (lâu nay tôi vẫn tin thế) mà anh chưa hoàn tất.

Bây giờ là những Nàng tiên tu hội Phanxicô. Những Nàng tiên đang sẵn sóc anh, đang an ủi anh. Những Nàng tiên này đã để lại trong con tim anh, trong đầu óc anh những hình ảnh tuyệt vời mà thường mang theo trong giấc ngủ vĩnh viễn trên chiếc giường bệnh cô đơn lạnh lẽ không ai hay biết.

Phải gọi là bài thơ “tiếp điệu” Quần tiên hội, anh viết bằng tiếng Pháp:

La Pureté de l'âme

*Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaieté,
apportez-moi une couronne.*

*Je veux (me) baigner dans l'Océan de lumière et d'amour divin.
Car ici-bas s'accomplissent des miracles qui tiennent les
hommes muets d'admiration en contemplant l'oeuvre mystique
du Très-Haut.*

*Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaieté,
voyez-vous cette lueur diaphane qui se précise, cette blancheur
de neige, cette forme immaculée, cette âme apparue au
monde?... Je crois dès le premier abord que c'est l'esprit des
saints, la poésie, la quintessence de la prière, qui au lieu
s'exhaler en parfum et en éther, prend la modeste résolution de
se faire créature!*

*Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaieté,
applaudissez: car ce sont Mères les Soeurs de Saint François
d'Assise qui descendent au monde pour calmer les douleurs et
les peines des faibles mortels, des malades et des lépreux tels
que nous sommes.*

*Je veux chanter des louanges, me désaltérer de leurs douces
paroles quand elles chantent: Hosanna! Hosanna!*

Je veux toujours admirer cette blancheur immaculée, cette fraîcheur cette lumière, cette poésie, car tout cels est l'emblème de la PURETÉ DE L'ÂME!

Anges du ciel, anges de Dieu, anges de paix et de gaieté, lansez-vous des roses et des nénuphards, des chants mélodieux et des notes embaumées et versez avec effusion les vertus le courage et le bonheur parmi les servantes de Dieu.

François Tré

Dée gratias

Nui de Mercredi

24 Octobre 1940

(Dịch: theo ông Trần Thanh Mại)

Hỡi các vị thiên thần của trời, thiên thần của Chúa, thiên thần Hòa bình và hoan lạc, xin hãy mang lại cho tôi một vòng hoa.

Tôi muốn tắm trong bể ánh sáng và lòng yêu kính thiêng liêng. Bởi vì dưới cõi trần gian, đã thành tựu nhiều phép lạ nó làm cho người ta phải ghen ngào vì khâm phục khi ngưỡng vọng cái sự nghiệp thần bí của Đấng Tối Cao.

Hỡi các vị thiên thần của trời, thiên thần của Chúa, thiên thần Hòa bình và hoan lạc, các người có thấy cái ánh sáng trong mờ càng ngày càng rõ rệt, cái màu sắc trắng tuyết kia, cái hình hài không vết bợn kia, cái linh hồn hiện lên nơi cõi thế kia, ngay khi mới thấy, tôi đã chắc đó là cái hồn phách của các vị thánh, các thi tứ, cai tinh hoa của sự cầu nguyện đáng lẽ thì bốc lên hương thơm và tinh khí, nhưng đây chỉ khiêm tốn quyết định hóa ra Người.

Hỡi các vị thiên thần của trời, thiên thần của Chúa, thiên thần Hòa bình và hoan lạc, xin hãy vỗ tay lên: Bởi vì đó là các Mẹ và các Chị dòng Saint François d'Assise, xuống cõi trần gian để an

ủi những đau khổ, lo âu của loài người yếu đuối, của các bệnh nhân tàn tật, của những người phong hủi là chúng tôi đây.

Tôi muốn ca lên những bài khen ngợi, hứng uống cho thật đã những lời êm dịu của các bà, khi các bà đồng hát bài Thánh Ca: Hosanna! Hosanna! (Xin cứu với, xin cứu với!)

Tôi muốn bao giờ cũng thán thưởng cái hình thể trắng tinh không vết ố sục tươi mát, nguồn ánh sáng, bày thơ ấy, vì tất cả đó là biểu tượng của TÁM LINH HỒN THANH KHIẾT

Hỡi các vị thiên thần của trời, thiên thần của Chúa, thiên thần Hòa bình và hoan lạc, xin hãy ném cho nhau những đóa hoa hồng, hoa súng, những điệu hát réo vất và những hơi nhạc thơm tho, và xin hãy rưới trúc cho tràn trề nào là đức hạnh, can đảm và hạnh phúc cho những vị nữ tỳ của Đức Chúa.

Đêm thứ 24 tháng mười 1940

François Tré

Cảm tạ Thượng Đế.

Nguyễn Bá Tín

(Hàn Mạc Tử trong riêng tư)

TÔN GIÁO TRONG THƠ HÀN MẠC TỬ

NGUYỄN THỊ TUYỆT

*Phượng Hoàng bay trong một tối trăng sao
Mà ánh sáng không còn khiêm nhượng nữa...*
(Hàn Mạc Tử, Đêm Xuân cầu nguyện)

1. TÊN PHƯỢNG HOÀNG

Cái tên đẹp của Hàn Mạc Tử có gốc từ Kinh thánh. Phượng Hoàng, con chim thần có tầm phóng trỗi vượt các loài chim, hình ảnh biểu tượng của Thánh sử Gioan Tông đồ, “người môn đệ được Chúa yêu”, vị thánh được Giáo hội Công giáo xem là bay cao nhất khi người viết Phúc âm thứ tư và sách *Khải huyền* trong bộ Kinh thánh Tân ước.

Mở đầu Tin mừng thứ tư, Thánh sử đã khai bút bằng thi khúc trang trọng, vượt mọi tầng không chạm đến cung lòng *Thiên Chúa* “*Lúc khởi đầu đã có Ngôi Lời. Ngôi Lời vẫn hướng về Thiên Chúa, và Ngôi Lời là Thiên Chúa*”¹. Tín điều đó là bản tuyên ngôn về “Lời” tạo thành, cũng là Ngôi Lời - Ngôi Hai Thiên Chúa - chính “Lời” hoàn tất công cuộc cứu thế, cứu chuộc nhân loại... Phượng Hoàng - Thánh Gioan đã khám phá những bí nhiệm nơi Thiên Chúa, từ Thiên Chúa, trong lúc các Thánh sử khác phải bắt đầu từ con người nhập thể của Lời trong thế gian... Không gian vô tận và nguồn suối Thánh kinh, nguồn mạch khai bắt đầu từ đó, ta có thể hiểu rằng, trang Thánh kinh đã làm cho nhà thơ bao lần say sưa...

*Bởi ao ước tuôn tràn vô pho sách
Bởi Thánh kinh no chán nghĩa sâu xa.*
(Hàn Mạc Tử, Say thơ)

¹ Kinh Thánh Tân ước, Tin mừng theo thánh Gioan 1,1.

2. TÔN GIÁO VÀ THIÊN NHIÊN

Thơ tôn giáo của Hàn Mặc Tử - không ai phủ nhận thi nhân đã mở rộng biên giới thơ nhờ sáng tạo độc đáo, và nhất là đời sống tôn giáo mà Hàn Mặc Tử đã lặn chìm vào đó trong những ngày cầu nguyện như một vị tu sĩ, đặc biệt là những năm cuối đời - thi nhân nghe, biết, cảm nhận cái tinh hoa của đất trời, tạo vật chung quanh mình... Chúa luôn luôn có trong những bài thơ hay của thi sĩ:

*Ai hãy làm thỉnh chớ nói nhiều
Để nghe dưới đáy nước hồ reo
Để nghe tơ liễu run trong gió
Và để xem trời giải nghĩa yêu.*
(Hàn Mặc Tử, Đà Lạt trắng mờ)

Lặn chìm vào sao, sương, trong một đêm êm ả, sông Ngân lặng lẽ, thỉnh không bằng bạc, gió hôn tơ liễu, thời gian đắm đuối không bút tả ấy “*để xem trời giải nghĩa yêu*”. Trời: theo quan niệm Kitô giáo, mà lại là người Á Đông thì đó là Ông Trời, là Chúa Trời, chính là Thiên Chúa, Đấng tạo dựng muôn loài và vũ trụ. Vì “*Thiên Chúa là Tình Yêu*”¹ nên Ngài đã trải rộng tình yêu Ngài trên muôn tạo vật... Thi sĩ thì thào bên tai ta “*chớ nói nhiều*”, để lặng nghe... Phải chăng giây phút thiêng liêng “*đã khởi đầu*”, khởi đầu cho sự đắm chìm miên man trong tình yêu qua kỳ công của Đấng Tạo Hóa.

*Cả trời say nhuộm một màu trắng
Và cả lòng tôi chẳng nói rằng
Không một tiếng gì nghe đùng chạm
Đấu là tiếng võ của sao băng.*
(Hàn Mặc Tử, Đà Lạt trắng mờ)

¹ Kinh Thánh Tân ước, 1Gioan 4,8, sdd.

Thiên nhiên là cả vũ trụ tạo thành, cả vận hành tinh tú không ngừng bên ta. Linh thiêng làm sao, mỹ miều làm sao một đêm đêm ảo! Trời-Trăng ở đây trở nên một thực thể, một hợp chất tinh khiết, lung linh, thi nhân ngập lặn và lặng chìm vào đó. Tĩnh. Lặng đọng vào không gian, thiên nhiên tươi đẹp phủ lấy ta, như nhắc nhở con người rằng: cuộc sống này tuyệt vời và đáng yêu biết bao!

Có rất nhiều đoạn thi sáng đẹp cao sang của Hàn Mạc Tử đượm tinh thần Kitô giáo. Vũ trụ, chẳng những giữ được vẻ trinh nguyên của trời đất, mà còn khoác lên vẻ huyền bí thiêng liêng, mà cho đến mãi mãi con người cũng chưa thể khám phá hết được! Thế nhưng Hàn Mạc Tử đã cảm nghiệm được hạnh phúc vì vai trò “đế vương” của người Kitô hữu, con người là vua vũ trụ, nên thi nhân đã tận hưởng hết mình khi đắm mình vào vũ trụ thiên nhiên, vốn là gia sản Thiên Chúa đã trao tặng cho con người.

Trăng, sao, hoa, hương, mây gió, cây cỏ, ngập tràn lai láng trong các vần thơ của Hàn Mạc Tử, nào có phải vì bệnh hoạn, tâm thần hay ám ảnh gì đâu; Trong “Đau thương” thi nhân lại còn nâng lên một bậc nữa, đó chính là hơi thở, là linh hồn, là sự sống thiên linh dẫn dắt người thơ trong hành trình dương thế. Thiên nhiên thơ và thi sĩ như là đôi bạn hiểu nhau hòa nhập thấm thấu vào nhau trong hơi thở.

*Lua là uớt đắm cả trăng thơm
Chúng tôi nói chuyện bằng hơi thở
Dần dần hoa cỏ biến ra thơ.*

Hay:

*Cỏ trắng nước đều lặng nhìn nhau...
Cho trăng ngập trăng dồn lên tới ngực
Hai chúng tôi lặng yên trong thốn thức,*

Rồi bay lên cho tôi một hành tinh.

(Hàn Mạc Tử, Hồn là ai?)

Trăng đối với Hàn Mạc Tử là đôi bạn thân từ hồi trẻ. Bãi trắng Sa Kỳ “trăng dày đặc, cử động hay di chuyển như kéo cả trăng theo”. Bài *Chơi giữa mùa trăng* đẹp quá, tuyệt vời quá, tinh tuyền quá! tôi chẳng phải biết trích ở đoạn nào, câu nào... Có lẽ ta nên đứng xa xa, lặng thinh dõi theo chiếc thuyền trăng đang nhẹ lướt, trong thuyền đang có hai người trăng. Hai chị em Như Lễ, Nguyễn Trọng Trí đã bơi lạc vào sông trăng rồi! Hãy để hai chị em hưởng những phút thần tiên của thế giới trăng sao giữa trời đêm ngọc ngà ấy! “*A ha, Chị Lễ ơi, chị là trăng và em đây cũng là trăng nữa*”. Rồi Hàn Mạc Tử khát khao “*em muốn bay thẳng lên trời để tìm ánh sáng muôn năm thôi...*”

Lạy Chúa tôi, vàng trăng cao giá lắm

Xin ban ơn bằng cách ánh thêm lên...

(Hàn Mạc Tử, Vàng trăng)

Lời thơ cầu nguyện bộc phát từ con tim ngây thơ trong sáng của anh, tự nhiên như làn hơi, như nhịp rung đập từ lồng ngực anh. Nơi khác, anh tha thiết:

Hãy cầu nguyện bằng trăm kinh mây gió

Hãy dâng cho một tràng chuỗi trăng sao...

(Tựa Xuân như ý)

3. NGUỒN THƠ

3.1. Nguyễn Trọng Trí xác tín “Đức Chúa Trời đã tạo ra trăng, hoa, nhạc, hương là để cho người đời hưởng thụ, nhưng người đời u mê phần nhiều không biết tận hưởng một cách say sưa, và nhân đấy, chiêm nghiệm lẽ màu nhiệm phép tắc của Đấng chí tôn...”.

Bởi thế “loài thi sĩ” được ra đời, là “bông hoa quý hiếm, phải làm tròn nhiệm vụ, là tạo ra những tác phẩm tuyệt diệu lưu danh muôn đời”¹. Luôn luôn, Hàn Mặc Tử muốn vươn cao lên, ước mơ xa hơn, toàn bích hơn trong sáng tạo để trút vào người khác nguồn khoái cảm thơm tho tinh sạch. Khát vọng ấy nung nấu anh, bỏng cháy nguồn thơ anh vì “người tri kỷ của thi sĩ phải là một bậc cao quý, toàn năng, một Đấng mà thi sĩ nhận lấy như là hết cả mọi sự - Đấng ấy là Đức Chúa Trời, kể lẽ hết niềm thương đau với Người, dâng cho Người những bài thơ sáng láng anh hoa, thế mới mãn nguyện”².

3. 2. Từ mùa *Xuân đầu tiên* đó là vẻ đẹp diệu huyền thơ mộng Hàn Mặc Tử rất hay tưởng đến,

*Khi còn khôn mới dựng nên,
Gió căng hơi và nhạc lên trời,
Trái cây bằng ngọc vỏ bằng gốm,
Còn mặt trời kia tựa khối vàng...*

Cái thời xa như huyền thoại, giữa vườn diệu quang tinh khôi thơ mộng ấy, chiều chiều gió hiu hiu thổi. Thượng Đế vẫn thường bách bộ đến trò chuyện với con người... Nhưng rồi mây mù bóng tối đã chụp xuống, trái cây “bằng ngọc” kia đã trở thành “trái cấm”, con người phá vỡ tình yêu Đất-Trời trinh nguyên vì “hương cám dỗ mê người trong khoái lạc”... Từ đó, cánh cửa địa đàng khép lại, dấu chân con người phải lang thang tìm kiếm trong nuối tiếc vô biên! Thi phẩm *Ra đời* được viết trong khát vọng tìm về miền địa đàng tuyệt vời mùa Xuân nguyên thủy ấy, hoàn hảo và chan chứa niềm vui thánh thiện. Từ trong “thiên địa đẫm hoang mang” niềm hy vọng đã bùng lên rộn rã mãnh liệt, vì từ thiên đàng bay những tiếng tung hô thánh đấng

¹ Hàn Mặc Tử, *Quan niệm thơ*, viết cho Hoàng Trọng Miên năm 1939.

² Hàn Mặc Tử, Sđd.

... Ánh hào quang chan chói lưu ly

Ôi Thánh, Thánh, Thánh!

Cả trời bỗng nổi lên muôn điệu nhạc

... Rất phương phi trên hết cả anh hoa.

(Ra đời)

Bài *Ra đời* kết tinh câu chuyện lịch sử Kinh thánh từ Cựu đến Tân ước... Trái táo Eva đã đi vào văn hóa thế giới bất phân tôn giáo. Trái táo hồng tươi mọng chín là hương cảm dỗ, là sự quyến rũ và đồng thời cũng là sự gây đổ do khoái lạc gây nên; nhưng chính nó cũng là căn nguyên của tình yêu cứu chuộc, tình yêu tái tạo. Vì thế, nghệ thuật trưng bày đêm Giáng sinh, người ta không ngần ngại đặt Ngôi Hai Thiên Chúa làm người, trong hình hài một thơ nhi mới sinh nằm đơn sơ trên trái táo, hoặc những hình thức nghệ thuật tương tự...

Chàng ơi! Chàng ơi, sự lạ đêm qua!

Mùa Xuân tới mà không ai biết cả...

Hẳn là thi nhân đã được xuất thần trong nhiều lần cầu nguyện!

Ta chấp hai tay, lạy quỳ hoan hảo

Ngửa trông cao, cầu nguyện trắng không gian

(Đêm Xuân cầu nguyện)

vì,

Phượng Hoàng bay trong một tối trắng sao

Đương cầu xin, ọc thơ ra đường sữa

Ta ngất đi trong khoái lạc của hồn đau...

(Đêm Xuân cầu nguyện)

Sự lạ đã chiêm ngắm, đã tận hưởng, vì Phượng Hoàng đã đáp xuống một miền xa lạ, diễm ảo, ngất ngây. Mùa Xuân đã vẫy bọc lấy

chàng, vớ về yêu thương chàng mà chẳng ai hay biết! Phải chăng mùa Xuân vĩnh cửu đã hé mở cho chàng cánh cửa nghìn thu, Mùa Xuân đợi chàng neo bến... nhưng mùa Đông se thắt bệnh hoạn, xác thân mỗi mòn vẫn đang giam giữ chàng một ít thời gian nữa!

Với tư cách là một nhà thơ tôn giáo, với tất cả tinh thần của chữ ấy, nghệ thuật trong thơ được Hàn Mạc Tử nâng lên đến tuyệt đỉnh. Thi nhân mách bảo với Bích Khê: “*Sáng tạo là điều cần thiết tối thiểu của thơ, mà muốn tìm cảm xúc mới lạ, không chỉ bằng đọc sách về tôn giáo cho nhiều, như thế thơ vẫn mới trở nên trọng vọng, cao quý, có một ý nghĩa thần bí*”¹.

Trong bài tựa *Xuân như ý* thi nhân viết: “Lạy Chúa Trời ôi! Hãy ban cho tôi hằng hà sa số là ơn lành, ơn cả. Thơ tôi sẽ rất no, rất ớn, rất nư, trọng vọng như tài hoa, cao sang như nhân đức, chói chang vô vàn phước lộc...”².

Cho vỡ lở cả muôn ngàn tình đầu

Cho mê mê âm nhạc và thanh hương

để:

Lòng vua chúa cũng như lòng lê thứ

Sẽ ngất ngây bởi chung thơ đầy ứ...

(Hàn Mạc Tử, Ave Maria)

1. Thơ thiên nhiên - nghệ thuật tôn giáo cách chung

Những văn thơ có màu sắc tôn giáo đậm nét đa phần đều hội tụ trong hai tập thơ “Xuân như ý” và “Thượng thanh khí”, nhiều bài đọc lên không hiểu hết được, chẳng những thế ta lại thấy mờng

¹ Trần Thanh Mại - *Hàn Mạc Tử viết cho Bích Khê*, Nhà in Tân Việt, xb năm 1957.

² Trần Thanh Mại, *Hàn Mạc Tử*, sdd, trang 130.

lung phiêu dạt vào một không gian xa lạ đâu đâu ngoài thời gian... “Thuở sinh thời Hàn Mạc Tử, đã có người không hiểu thơ và mượn chính tác giả cắt nghĩa. Hàn Mạc Tử trả lời: “giải nghĩa văn thơ thực là vấn đề to lớn phức tạp quá, và cứ như lời thơ tôi làm đó thì phải giải nghĩa bao nhiêu trang giấy!...” “Thấy một cành hoa mà mừng tượng ra mùi hương, thấy một làn tinh trắng mà hình dung được cái gì thanh sạch ở thế giới khác là đủ rồi. Vì tất cả thi vị là ở đấy... Người ta cảm biết một cách tự nhiên”¹.

Thật ra, quan niệm của Hàn Mạc Tử không tuyệt đối. Đành rằng thơ được thưởng thức cách tự nhiên, nhưng nếu thơ sử dụng nhiều điển tích, hay thơ thuộc lãnh vực tín ngưỡng, tôn giáo thì việc giải thích thơ là điều cần thiết để có thể cảm nhận sâu sắc thâm thúy tứ thơ và những rung cảm nghệ thuật thơ đem lại.

Thi nhân có hướng đi rõ rệt cho thơ là tìm nguồn thơ nơi Thánh kinh, và cả trong lời kinh cầu nguyện:

*Trăng tờ mờ một trời thơ sớm nở,
Bao Hoa Hồng màu nhiệm Nữ Vương xưa
Ôi đây là Đền cao ngự nhà vua
Dòng Đa-vít thuở xưa trời sáng cả...
Hãy quỳ lạy nhìn xem cho sướng đã
Quê hương thơ đầm thắm biết chừng nào...
Quyến rũ biết bao kinh cầu nguyện
Và kết tinh thành hào quang kim tuyến*
(Hàn Mạc Tử)

Những dòng thơ hầu như đã in vào tâm trí, kinh cầu Đức Bà mà người tín hữu Công giáo vẫn đọc sớm hôm trong gia đình: “Đức Bà như Hoa hồng màu nhiệm vậy. Đức Bà như lâu đài Đavít vậy.

¹ Trần Thanh Mai, sđd, trang 132.

Đức Bà như đèn vàng vậy. Đức Bà như tháp ngà báu vậy. Đức Bà là cửa Thiên đàng”... Cũng theo thi nhân “Đấy là vườn nên hoa lá xôn xao, gió đổi mới và thêm hương cho ánh sáng”...¹ lại một vườn Eden mùa rộng rãi trái trắng phong nhiều và thơm ngon. Trong kinh kệ Phật giáo nữa. Phương Hoàng - Hàn Mạc Tử vỗ cánh bay lên, bay từ phương trời này tới phương trời khác như cỡi bao la ngập hương. “Bay từ Đào Ly đến trời Đâu Suất: (Hai cõi trời hạnh phúc của Phật Giáo). Hàn Mạc Tử là người cởi mở, hòa đồng, hội nhập... Mở đầu bài “Huyền ảo” anh viết lời thơ trong sáng khi anh có dịp gặp gỡ một nữ chân tu trong thơm và rộng lớn²:

Mới lớn lên trăng đã thẹn thò

Thơm như tình ái của ni cô...

(Huyền ảo)

Hay:

Cho tôi hoa Đèn Ngự

Cho tôi lòng ni cô.

(Cao hứng)

Sự đơn sơ trong suốt của tâm hồn làm cho anh nhạy bén đọc được ngôn ngữ vạn vật, trăng sao và đồng loại. Được hỏi, thì thi sĩ trả lời: “Tôi lợi dụng văn chương và triết lý nhà Phật để mà làm thơ thôi, tôi dung hòa cả hai thể văn chương tôn giáo Thiên Chúa và nhà Phật. Đó là chỉ muốn làm giàu cho nền văn chương chung”³. Thi nhân nghe ngóng từng đụng chạm nhỏ, từng sự run rẩy của lá hoa, từng vi tế giao thoa của hai làn ánh sáng:

¹ Kinh cầu Đức Bà, Sách Nhật khóa Giáo phận -Huế, 1951.

² Vương Trí Nhàn, *Hàn Mạc Tử Hôm qua và Hôm nay*, Trích và tuyển chọn. (Quách Tấn, *Đôi nét về Hàn Mạc Tử*, 1964) trang 267-268.

³ Trần Thanh Mại, *Hàn Mạc Tử*, sdd, trang 168.

*Hãy quỳ nán lại tiếng sao rơi
 Khua ánh trăng xanh động khí trời
 Gió thổi hay là hoa thở nhĩ
 Ô hay người ngọc biến ra hơi*
 (Mơ hoa)

Sầu lắng qua:

*... Những nét buồn tơ liễu rũ
 Những lời nấn nỉ của hư vô*
 (Hàn Mạc Tử, Huyền ảo)

Hòa nhập vào:

*Bống đêm nay trước cửa bóng trăng quỳ
 Sấp mặt xuống uốn mình theo dáng liễu
 Lời nguyện gẫm xanh như màu huyền diệu
 Nào nề lòng viễn khách giữa cơn mơ*
 (Hàn Mạc Tử, Hảy nhập hồn em)

Cứ như thế, những dòng thơ tràn ngập cả vũ trụ, biến vào vũ trụ, là tiếng nói của vũ trụ... Hàn Mạc Tử đặt thiên nhiên vào thế giới nội tâm của thi nhân, và cả hai vũ trụ đó có một sự tương quan hòa điệu nhịp nhàng:

*Ta rình nghe niềm ý bâng khuâng trong gió lãng
 Với là hơi thở nồng nàn của tuổi thơ ngây.*
 (Hàn Mạc Tử)

Ngay cái ăn mặc của thi nhân chúng cũng giàu có sang trọng, làm cho ta cảm thấy có một chút gì thèm thường, hờn ghen... Vũ trụ là của con người, được ban tặng nhưng không, mà ta không sử dụng được như Hàn Mạc Tử, không ôm vào lòng một cách sung sướng, hả hê, “lang thang” mà cũng đầy tự tin:

*Áo ta rách rưới trời không vá
Mà bốn mùa trắng mặc vải trắng.*
(Hàn Mạc Tử)

Vì vậy quanh thi nhân” đầy mình lốm đốm những vì sao” rực rỡ như một ông hoàng mà không phải của phú quý vinh hoa trần thế này ban tặng đâu, nhưng là của trời, Xuân, Mùa Xuân chính nhà thơ tưởng tượng sáng tạo,

*Tứ thời xuân, tứ thời non nước
Phút thiêng liêng nhuần gội ánh chiều quang*
(Hàn Mạc Tử, Nguồn thơm)

Hay:

*Dồi dào đến toả ra trời phong phú
Không cầu xin ơn huệ của Hoàng gia.*

Khi cô đơn đau khổ, kiểu “tiêu sầu” của thi nhân cũng phi thường nét kiêu sa:

*Tôi phiêu diêu cùng ngàn sao băng
A ha! lòng tôi trắng là trắng
A ha! trắng tràn đầy châu thân*
(Hàn Mạc Tử, Tiêu sầu)

Và,

*Đừng nói buồn mà không khí nao nao
Để chơi vui này bông trắng là gió.*

Trong cô liêu thôn xóm nghèo nàn, cơm nước đạm bạc, trò chuyện rất ít với chú tiểu đồng đơn sơ¹... còn lại chỉ là im lặng. Im

¹ Vương Trí Nhàn, sdd, Tuyển chọn từ Quách Tấn 1964, tr. 261-262. Đó là Phạm Hành, chú ấy đã qua đời năm 2002 tại thôn Mỹ Chánh, Quảng Trị.

lặng xa, im lặng gần, im lặng với thình không bao la, im lặng với khoảng không nhỏ của túp lều tranh dột nát. Sự thình lặng đó để làm cho Hàn Mạc Tử khám phá ra chiều sâu của vô biên, chiến thắng sự sợ hãi, chấp nhận cô đơn, và thăng hoa..., tạo nên một bản đàn, một hợp khúc của nội tâm thi nhân và ngoại giới...¹

Trăng! Trăng! Trăng! là trăng! Trăng! Trăng
Ai mua trăng tôi bán trăng cho ...
Trăng! Trăng! Trăng! là trăng! Trăng! Trăng
Trăng sáng trăng sáng khắp mọi nơi.
Tôi đang cầu nguyện cho trăng tôi
Tôi lần cho trăng tôi một tràng chuỗi
Trăng mới là trăng của Rạng Ngời
Trăng! Trăng! Trăng! Là trăng! Trăng! Trăng
(Trăng vàng trăng ngọc)

Niềm tin ướt đẫm trang thơ, yêu đời, lạc quan, một điệu đàn vui đang nhảy múa trong thi nhân và trong ta. Thử hỏi ai trong chúng ta đem Vàng Dương - Ánh Nguyệt ra bán? Họa chăng là điên. Ta đón tiếp thi nhân, một tài năng, một siêu sao sáng tạo nghệ thuật vì “Hàn Mạc Tử đã phóng thoát cái bản năng loài người, cởi lột được bao nhiêu cốt cách của loài người để mà ăn nhập vào vũ trụ, biến thành một hiện tượng vũ trụ. Người xưa nhận xét: Đó là văn có tiên cốt “. Trần Thanh Mại còn đẩy xa hơn “còn thoát lên trên cái tiên cốt ấy nữa. Thi sĩ đã bọc trong vạt áo từng bọc vàng, đã hụp lặn trong những vũng vàng trắng như con thiên nga trong hồ sen, đã đắp trắng mà ngủ một giấc đây mộng. Thi sĩ đã từng chạy theo phương trời mà hứng những mảnh sao băng rụng...”²

¹ Vương Trí Nhàn, sdd trang 265.

² Trần Thanh Mại, *Hàn Mạc Tử*, sdd, trang 166-167.

2. Thơ tôn giáo - hương thơm của niềm tin

2.1. Nghệ thuật vẫn là nghệ thuật suông, vô hồn khi nó chỉ là tác phẩm không dọi soi vào khát vọng bên trong của con người. Còn nghệ thuật chân chính có khả năng cứu vớt, đi vào nội tâm làm bừng sáng khát vọng vươn lên cao. Tôn giáo không phải là nghệ thuật, nhưng nghệ thuật nhờ tôn giáo mà nâng cánh. Đường bay thi ca tôn giáo sẽ đưa nhà thơ từ hiện thực đến siêu hình, đến cứu cánh là Thượng Đế, là Chúa tể cần khôn, là tuyệt đích của nghệ thuật. Cái thiện mỹ tinh tuyền nơi Thượng Đế và con người nhân loại chỉ là một. Từ mùa *Xuân đầu tiên* Thượng Đế “dựng nên con người giống hình ảnh Ngài” và ta là con của Thượng Đế, Ngài dạy ta gọi Người là Cha. Chân-Thiện-Mỹ tuyệt đối là Thượng Đế, nơi Ngài là nguồn mạch sự trong lành, còn nơi con người, nơi thi nhân thì do nguồn mạch ấy chảy ra, chuyển đến ta, đem vào đời ta những ý niệm tốt đẹp và ta mãi tìm kiếm khát khao cái chân thiện nguyên sơ mỹ miều và tinh khôi đó. Hàn Mạc Tử thâm tín chân lý này khi viết: “Thơ là một tiếng kêu rên thảm thiết của một linh hồn thương nhớ, ước ao trở lại trời, là nơi đã sáng ngàn kiếp vô thủy vô chung với những hạnh phúc tuyệt vời... Thơ là sự ham muốn vô biên những nguồn khoái lạc trong trắng của một cõi trời cách biệt... . Phải đi khỏi mạch thơ ở Đức Chúa Trời, một Đấng mà thi sĩ nhận lấy như là hết cả mọi sự - Đấng ấy là Đức Chúa Trời. Thi sĩ chỉ có thể trút hết hận tình với Đức Chúa Trời, kể lể hết niềm đau thương với Người, dâng cho Người những bài thơ sáng láng anh hoa, thế mới là mãn nguyện”.¹ Nên ta thấy trong thơ Hàn Mạc Tử thường hay quay trở về với cội nguồn với mùa *Xuân đầu tiên*, với Thượng Đế, “là căn nguyên mọi nghệ thuật, châu báu mà con người đời sau đã đánh

¹ Hàn Mạc Tử viết cho Trọng Miên 1939. Người Mới số 23,11-1940. Nhà XB Giáo Dục, năm 2003, trang 237-237.

mất trong biển thời gian mà chỉ có giống thi sĩ là cố công ngụp lặn mà tìm”.¹

*Thuở ấy còn khôn mới dựng lên
Mùa thơ chưa gặt tốt tươi lên
Người thơ phong vận như thơ ấy
Nào đã ra đời ngọc biết tên.*
(Xuân đầu tiên)

“Chính tư duy tôn giáo đã làm cho sáng tác của Hàn Mạc Tử có một cấu trúc nội tại trong toàn tác phẩm... là công cụ hữu hiệu để nâng nghệ thuật tuyệt vời của thi nhân... Trong “đau thương” Hàn Mạc Tử chấp nhận bệnh tật như là hậu quả của nguyên tội, là phương tiện thân xác mà Chúa đã dùng để cứu thế. Bệnh tật là sự tham gia vào công đức cứu rỗi, mà nói liền người bệnh là bản thân Chúa “Nhập-thể-làm-người” giữa cộng đồng nhân loại... Khi đi tìm giải pháp của đau thương, Hàn Mạc Tử đã đến với Chúa, với Thượng Đế, đem cái ta của mình hòa lẫn với cái tôi bản thể - như vậy, từ góc độ nghệ thuật tôn giáo, sáng tác của Hàn Mạc Tử một cách vô thức, đã minh họa cho con đường cứu rỗi của Thiên Chúa giáo”.² Con người được cứu chuộc bằng giá máu Con Thiên Chúa trên đồi Canvê, để đem con người trở lại tình trạng nguyên tuyền khi xưa của buổi bình minh nhân loại, thì hôm nay Hàn Mạc Tử đặt nhiệm vụ cho mình, của loài thi sĩ “là tạo ra những tác phẩm tuyệt diệu, lưu danh muôn thuở. Người (Thiên Chúa) bắt chúng (thi sĩ) phải mua bằng giá máu”:

*Không rên xiết nghĩa là thơ vô nghĩa lý...
Hay: Ta hiểu chỉ trong áng gió nhiệm màu*

¹ Đỗ Lai Thúy, *Con mắt thơ*, Nhà XB Lao động 1992, trang 157.

² Đỗ Lai Thúy, *Con mắt thơ*, sđd, trang 157.

Những hạt lệ của trích tiên đầy đọa.

(Hàn Mạc Tử)

Con đường sáng tạo nghệ thuật của Hàn Mạc Tử trần ai và truân chuyên như chính cuộc đời thi nhân. Thành công trong sự nghiệp và tình yêu chẳng có gì rực rỡ! Rồi bệnh tật chập xuống, người thơ như bị muôn ngàn cơn sóng dồn dập nhận chìm “hồn mệt lả còn tôi thì chết giấc”, điên loạn, dấn vật, vật lộn với những nỗi thương đau... nhưng càng về sau nhờ niềm tin Kitô giáo, nhờ tín thác vào Thiên Chúa, thơ Hàn Mạc Tử đã vượt khỏi tầm suy tưởng của ta. Chấp nhận cái hữu hạn của thân phận, nhà thơ đã vươn đến vô biên. Cái vô biên, vô cùng mới có thể lấp đầy khát vọng thi nhân và sứ mệnh cao cả nhà thơ phải đảm nhận. Từ đó thơ Hàn Mạc Tử bay vào cõi siêu hình màu nhiệm với tinh thần Kitô giáo đúng nghĩa. Các nhà nghiên cứu đang trên đường khám phá cái tuyệt diệu của thi sĩ, còn chính Hàn Mạc Tử giữ lấy nét nghệ thuật của thi nhân là “cái tinh thần Việt Nam, cái tinh thần Đông phương rung cảm tâm hồn người ta ở cái đẹp kín đáo, cái tình sâu sắc, cái buồn thấm thía...”.¹ Và khi đi vào nghệ thuật:

*Đây là tất cả người anh tiêu tẩn**Cùng trăng sao bàng bạc xứ say mơ*

(Hàn Mạc Tử- Mặt đấng)

Hàn Mạc Tử viết: “Tôi làm thơ? Nghĩa là tôi yếu đuối quá. Tôi bị cảm dỗ. Tôi phản lại tất cả những gì mà lòng tôi, máu tôi, hồn tôi đều hết sức giữ bí mật. Và cũng nghĩa là tôi mất trí, tôi phát điên. Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú. Có ai ngăn cả được tiếng lòng tôi?”² Lúc đau khổ mệt mỏi “*Thần Khí*

¹ Trần Thanh Mại, sdd, trang 41-42.

² Trần Thanh Mại, sdd, trang 54 .

đỡ dần sự yếu đuối của ta “Vì cầu xin thế nào cho phải, ta nào có biết. Song, chính Thần Khí chuyển cầu cho ta, bằng những tiếng rên khôn tả xiết”¹ Thơ của Hàn Mạc Tử được đồng hóa với hơi thở, lời cầu nguyện: Cảm nghiệm được hồng ân tuôn trào qua những lúc tiếp xúc thân mật với Chúa, đó là những lời van lơn đầy nước mắt cầu xin cho khỏi bệnh, hay là tâm tình chấp nhận nỗi đau đầy tinh thần phó thác “xin vâng”, mà không khỏi gây cho thi nhân một sự giằng xé nội tâm mãnh liệt, điên cuồng, đau đớn đến rướm máu. Hàn Mạc Tử thành thật ghi:

*... Cứ để ta ngất ngư trong vũng huyết
 Trải niềm đau trên mảnh giấy mong manh:
 Đùng nắm lại nguồn thơ ta đang siết
 Cả lòng ta trong mớ chữ rung rinh.*
 (Hàn Mạc Tử, Rướm máu)

Bị chìm ngập vào biển thương đau như thế, tự thân tác giả phải ngoi lên, vươn lên để hợp lấy khí sống và hướng về sự sống vô biên, vĩnh hằng “... cho nên thơ là một tiếng kêu rên thảm thiết của một linh hồn thương nhớ, ước ao trở lại trời, là nơi đã sống ngàn kiếp vô thủy vô chung, với những hạnh phúc bất tuyệt”² Đời thi nhân có nhiều mây mờ thật, những đám mây đen che khuất vàng dương, làm cho Hàn Mạc Tử cực nhọc mò mẫm, chới với. Nhưng ánh sáng niềm tin chẳng hề phản bội thi nhân. Từ đau khổ vô tận của bệnh hoạn, Hàn Mạc Tử đã tìm, đã khám phá ra nguồn thi cảm mới - đó là nghệ thuật thơ đặc trưng của thi nhân: Từ vực sâu của nỗi đau lời cầu của anh thăng hoa, ném cảm hạnh phúc, đưa tư tưởng thơ ca của thi nhân đến những vùng trời huyền diệu. Hàn Mạc Tử viết: “Tôi làm thơ nghĩa là tôi nhấn một cung đàn, bấm một đường tơ,

¹ Lm Nguyễn Thế Thuấn, *Kinh Thánh*, thư gửi tín hữu Rôma 8,26, tr. 351.

² Lữ Huy Nguyên, *Hàn Mạc Tử*, sđd trang 154.

rung rinh một làn ánh sáng. Anh sẽ thấy hơi đàn lả lướt theo hơi thở của hồn tôi... Và anh sẽ cảm giác lạ nhìn không chớp mắt một tia sáng xôn xao tại có vì sao vỡ. Những thứ ấy là âm điệu thiêng liêng tạo ra trong khi máu cuồng rên vang dưới ngòi bút”¹

Phải chăng đau khổ thanh luyện tâm hồn, sự tinh tuyền từ Thượng Đế tràn qua nơi tâm hồn trong sạch, người thơ được dự vào sức sống của Chúa với nỗi lòng của một người con:

“Trí” miêu duệ của muôn vì rất thánh.

Hay: Ngọc như ý vô tri còn biết cả

Hướng chi tôi là Thánh Thể kết tinh.

(Hàn Mạc Tử, Thánh Nữ đồng trinh)

Hàn Mạc Tử đã sống thánh thiện hiệp nhất với Chúa Giêsu Thánh Thể, đã thật sự ở trong Ngài, ở với Ngài cách thâm sâu nên mới có thể trào ra vần thơ đầy xác tín chân lý này và để lại cho đời những vần thơ tôn giáo, những vần thơ của niềm tin, của thế giới nguyện cầu, cung chiêm, khám phá được nét trinh nguyên của “nàng” từ *Nguồn thơm* của đức tin và sáng tạo.

2.2. Bài *Ra đời* với muôn vần cảnh sắc thiên cung đang “bay những tiếng tung hô thánh đức”. Thi khúc chịu ảnh hưởng của thể văn khải huyền đậm nét. Tác giả được ơn khải thị những sự trên trời nơi ngai tòa vinh quang Thiên Chúa.

Muôn thần phẩm trong láng láng châu chực

Ánh hào quang chan chói ngất lưu ly!

Rồi tác giả sửng sốt:

Ôi, cao sang khôn ví trọng ai bì

Trên nước cả có muôn vàn châu báu.

¹ Trần Thanh Mại, *Hàn Mạc Tử*, sđd trang 55.

*Ôi! thánh thay, thánh thay và thánh thay
Cả trời bổng nổi lên muôn điệu nhạc.
(Hàn Mạc Tử, Ra đời)*

Điệu nhạc nào ở đây vậy? Có phải Hàn Mạc Tử cũng được xuất thần như Thánh Gioan Thánh sử?

Nhạc thần trôi râm ran rung động cả điện thờ, các thánh phụng phục trước linh ngai tung hô:

Ôi thánh thay, thánh thay, thánh thay

“Đàng trước ngai thì như một biển lưu ly tựa hồ thủy tinh... đêm ngày tiếng hô không ngớt: Thánh, Thánh, Chí Thánh...” (Kh 4,22). Đây là bài thánh ca chịu ảnh hưởng của tiên tri Isaia 6,3. Bài ca diễn ra trong khung cảnh uy linh và tráng lệ của một Trời Mới Đất Mới của thiên đàng vinh sang. Một trời lộng lẫy uy nghi với muôn tiếng tung hô vang dậy của muôn ngàn thần thánh trên trời.¹

Hàn Mạc Tử con người tài hoa và đạo đức đã chiêm ngưỡng sự lạ về những trang Thánh kinh trong Cựu và Tân ước, Lời chỉ có thể được ném cảm trong cầu nguyện, chiêm niệm, xuất thần đến thị kiến.

Nhạc sĩ Hải Linh đã dày công chọn bài *Ra đời* phổ nhạc và điều khiển, nâng thơ Hàn Mạc Tử vào lãnh vực nghệ thuật cao hơn, mà vốn thơ cũng đã là nhạc rồi! Với những nhạc cụ hiện đại, dàn hợp xướng đã khéo phối khí, phối âm, đưa dòng nhạc từ mơ hồ xa xôi của “một chiều xanh huyền hoặc” thuở Địa đàng cảm dỗ... vút bay đến Thiên cung tràn ngập ánh hào quang chói lói, tràn ngập tiếng đàn ca và tung hô... Thế mà, Ngôi Hai vì tình yêu con người đã bỏ ngai vàng vinh sang để “làm người” như chúng ta. Mẫu nhiệm

¹ Lm Nguyễn Thế Thuấn, *Kinh Thánh*, Khải Huyền trang 583-584.

Ra đời làm cho Trời trở thành:

Rất trọng vọng, rất thơm tho man mác,

Rất phượng phi trên hết cả anh hoa.

(Hàn Mạc Tử, Ra đời)

2.3. Thơ - hương kinh dâng Mẹ đồng trinh. Vẫn dòng thơ ấy, cảm hứng tôn giáo đã đẩy ngọn bút Hàn Mạc Tử lướt nhẹ trên đường bay, càng lúc càng mãnh liệt, *Ave Maria*, bài thánh thi dâng Mẹ Việt Nam.

Như song lộc triều nguyên ơn phước cả

Dâng cao dâng thần nhạc sáng hơn trăng.

Bao la quá! Hùng vĩ quá! Sang trọng quá! Trên trời sao quý châu ơn phước¹, dưới đất biển mênh mông *dâng thần nhạc*, vũ trụ tràn ngập trăng sao. Xem có người nữ nào được vinh danh như thế trên trần gian!

“Trí - miêu duệ của muôn vì rất thánh”, đau khổ nhiều, dòng châu lệ rưng rưng, nhưng sốt sáng say sưa:

Giọng thao thao bất tuyệt của nguồn thơ

Bút tôi reo như châu ngọc dền vua

Trí tôi hớp bao nhiêu là khí vị

Và trong miệng ngậm câu ca huyền bí

Và trong tay nắm một nạm hào quang.

(Hàn Mạc Tử, Thánh Nữ Đồng Trinh)

Dòng lệ cảm động đã biến thành suối thơ, miệng thao thao

¹ Ở đây tác giả Nguyễn Thị Tuyết hiểu “Song lộc” theo chú thích trong tập Thơ Hàn Mạc Tử của Nxb Nghĩa Bình, 1988, tr.13: theo sách tử vi, sao Hóa Lộc và sao Lộc Tôn đóng ở cung Chính diện, chiếu vào bổn mạng ai thì người ấy sẽ giàu sang. Khi hát thì lại nghe như *sóng* (dâng dâng) dồn dập thật là hay (Hợp xướng Ave Maria của Nhạc sĩ Hải Linh, 1963...).

Tác giả Võ Long Tê đề nghị hiểu là hai con hươu, theo ý Thánh vịnh 41.

không ngớt, bút reo lên nhảy múa, lời thơ dồn dập như bị ngợp, trong miệng ngâm câu ca huyền bí; chắc hẳn câu ca này chỉ có thi nhân mới “bật mí” cho chúng ta hiểu phần nào mà thôi. Và đôi tay không phải là dấu hiệu bệnh hoạn nhưng là đang “nắm một nắm hào quang”. Trong phút miên man say sưa ấy, Hàn Mạc Tử lần đến bên sứ thần kính cẩn thưa:

*Hỡi sứ thần Thiên Chúa Gabriel
Khi người xuống truyền tin cho Thánh nữ
Người có nghe xôn xao muôn tinh tú?
Người có nghe náo động cả muôn trời?*
(Hàn Mạc Tử, Thánh Nữ Đồng Trinh)

Giây phút trọng đại chờ đợi ý kiến người trinh nữ làng Nagiaret để Ngôi Hai Nhập thể¹ Giây phút linh thiêng nhiệm màu giữa Trời và Đất, thời gian như lắng đọng vì cả vũ trụ, nhân loại, thiên thần chờ mong, Thiên Chúa cũng chờ mong, nghĩa là cả thế giới chờ đợi câu trả lời của Đức Maria... Tất cả trầm lắng trong lặng im sâu thẳm. Thế nhưng, Hàn Mạc Tử thi sĩ của chúng ta nhận ra giây phút vô biên này đã làm “xôn xao muôn tinh tú” và “náo động cả muôn trời”. Cung bậc nghệ thuật tôn giáo ở đây đã lên đến đỉnh cao trong tác phẩm Truyền tin. Khi ta chiêm ngắm người trinh nữ khiêm tốn chấp tay cầu nguyện bên vị thiên sứ nghiêng mình cung kính chờ đợi câu trả lời... thì đồng thời ta cũng nghe luôn sự “xôn xao” của toàn vũ trụ và vẻ “náo động” thánh thiện của muôn thiên thần cánh khép quỳ rung rinh. Tài năng thơ đầy sáng tạo, tưởng tượng quả có một không hai nơi nhà thơ Công giáo Hàn Mạc Tử.

Thi phẩm *Ave Maria*, đoạn cuối có 4 chữ: Phượng Trì! Phượng

¹ Lm Nguyễn Thế Thuấn, *Kinh Thánh Tân ước*, Luca 1,26-38 trang 124.

Trì!, Phượng Trì! Phượng Trì! Nghe hay, trang trọng, nhưng xa cách khó hiểu, nếu không được giải thích ta sẽ không thưởng thức cho hết hương vị thi ảnh của bài thơ. Qua hồi ký “Hàn Mạc Tử, anh tôi”, Nguyễn Bá Tín viết: “Lòng anh luôn tràn đầy cảm nghĩ yêu đương, chỉ một biến cố nhỏ, nhạy bén cũng khơi động mạch thơ anh ào ạt tuôn ra như suối... thơ anh vì vậy mang nhiều cảm ứng, nhiều từ ngữ lạ lùng khó hiểu... Chữ Phượng Trì thỉnh thoảng thấy xuất hiện trong nhiều bài thơ của anh. Nhân đi coi phim Tàu “Hỏa thiêu Hồng liên tự”, trong phim có đoạn nhân vật anh hùng Cam Phượng Trì phi thân lên ngọn núi rồi lấy đà dùng thuật phi hành bay lên mất dạng trên trời cao. Người tình là Diệp Tiêu Thanh chạy đi tìm cất tiếng gọi: Phượng Trì! Phượng Trì! Phượng Trì! Hai chữ “Phượng Trì” ám ảnh anh một cách kỳ lạ say đắm... Hôm sau anh lại trốn đi xem phim. Anh nói: “Phượng Trì cái tên thật là tuyệt, nghe như bay lên. Bay lên cao hay quá!”. Hai tiếng ấy đã tạo cho anh một ý niệm bay về trời mà trong bài *Ave Maria* ở đoạn cuối anh lặp lại bốn lần một cách gắn bó thiết tha:

Phượng Trì, Phượng Trì, Phượng Trì, Phượng Trì¹

Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu

Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu

Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang

(Hàn Mạc Tử, Thánh Nữ Đồng Trinh)

Đoạn cuối này, anh phỏng theo bài hát rất quen thuộc hồi đó trong nhà thờ. Bài “Au ciel au ciel” (Cantiques de la jeunesse) mà cũng là bài hát trong gia đình, cha tôi dạy các con hát với cây đàn

¹ Trong câu chuyện, Phượng Trì là tên người, đã được Hàn Mạc Tử dùng để chỉ nơi chốn (dịch nghĩa “au ciel”), trở thành “ao của chim phượng” thay cho Dao Trì hay Diêu Trì của bà Tây Vương Mẫu (TTT chú thích theo Võ Long Tê).

harmonium nhỏ:

Bài: *J'irai la voir un jour*

*J'irai la voir un jour
 Au ciel dans ma patrie
 Oui j'irai voir Marie
 Ma joie et mon amour
 *Au ciel, au ciel, au ciel
 J'irai la voir un jour*

Tạm dịch:

*“ Ngày kia con sẽ gặp Người
 Trên trời nơi quê hương yêu dấu
 Mai kia con sẽ gặp Người, Maria
 Là hoan lạc và tình yêu của con
 Trời quê, trời quê thiên quốc
 Mai kia con sẽ gặp Người
 Mai kia con sẽ gặp Người... ”*

“Anh thích chí khi tìm được hai chữ Phụng Trì để thay thế “Au ciel, au ciel, au ciel” mà Phụng Trì lại rất gần gũi với biểu tượng Phụng Hoàng của anh”¹. Lĩnh vực tôn giáo trong thơ Hàn Mạc Tử thì bàn đến chừng nào là cho vừa! *Ave Maria* là tác phẩm để đời, bài thơ dài nhất, gợi hứng cho biết bao nhạc sĩ lên cung đàn, đã làm rung cảm bao tâm hồn trên thế giới...

Sự giao duyên tuyệt vời giữa thơ và nhạc, là sự đồng cảm sâu sắc giữa các tài danh. Trong đó phải trân trọng nhắc đến tài năng Hải Linh. Nhạc sĩ ưu tú này đã phổ nhạc từng đoạn trong bài *Ave Maria* từ năm 1956 tại Pháp và hoàn thành vào năm 1984 tại Thành

¹ Nguyễn Bá Tín, *Hàn Mạc Tử, anh tôi*. Xí nghiệp in Tân Thành Xb 1991, trang 110- 115.

phố Sài Gòn để trình diễn vào dịp bế mạc năm Thánh Mẫu thế giới năm 1988. Những bản hợp xướng khác nhau như *Ra đời*, *Đà Lạt trắng mờ* dòng nhạc độc đáo với phong cách riêng, Hải Linh trở vượt lên các nghệ sĩ đương thời...

Nhạc sĩ Phạm Duy cũng đã để công nghiên cứu thơ Hàn Mạc Tử trong suốt một năm, nhiều thi khúc trải dài trong cuộc đời Hàn Mạc Tử, đã được trình diễn tại Mỹ (1993). Phạm Duy không loại trừ bài *Ave Maria*, mặc dầu ông không đồng đạo với thi sĩ... Với nhạc cụ tối tân hiện đại, âm nhạc nghệ thuật được các tài danh Hải Linh, Phạm Duy sử dụng đã đưa thơ Hàn Mạc Tử vào không gian rất lạ và đi sâu vào lòng người mà tưởng như không có gì ngăn chặn được. Nghệ thuật âm nhạc trong thơ Hàn Mạc Tử là “trăng sao gấm vóc”, là huyền bí, anh linh, diệu kỳ... mà cũng có lúc rất điên, rất dại... rất phong phú giàu có tràn ngập khắp không gian, mà chỉ vừa khua nhẹ tay là đã vơ lấy “cung cầm nguyệt mệnh mang”

Chúa chan ly tao giây sừng sốt
... Nên đường trăng sáng láng tự bao giờ
... Nào trên châu, nào thanh sắc cho màu,
Dâng hết cả, thanh âm đường tự khí
Hồn ta đây bất diệt với Hà sa...
 (Trường Thọ)

Nguồn thơ văn trào dâng bất tận, ngắt ngảy, đầy ứ trong hồn thi nhân cũng như của “lòng vua chúa và lê thứ”... Niềm vui hay nỗi đau đến tột cùng vẫn có khả năng mở tung mọi biên cương. Ở đây tình yêu người Nữ Đồng Trinh với thi nhân luôn luôn reo trong hồn, trong mạch máu làm

... Vỡ lở cả muôn ngàn tình đầu,
Cho đê mê âm nhạc và thanh hương.

Thơ - nghệ thuật thơ Hàn Mạc Tử đã nhờ tôn giáo và niềm tin chấp cánh, khát vọng siêu thoát hòa nhập với Thượng Đế, với Chúa trong thế giới vĩnh hằng vượt qua khắc nghiệt của cuộc sống, nỗi đau bệnh hoạn, mà hướng đến cõi siêu linh thiên đàng vô tận... Hàn Mạc Tử “Thi sĩ Đồng Trinh”¹ tâm hồn thanh khiết, lời thơ trong sáng, yêu đời với nỗi đắng trần trở, khắc phục vượt qua, ... và khi gặp được nguồn thơ, ngọn bút thi nhân đã trở thành lời suối reo vui như thơ nhạc châu báu của cung điện đền vua, vương giả... Hồn thơ Hàn Mạc Tử chưa ai hiểu hết và chưa có ai bắt kịp người - Phượng Hoàng - Hàn Mạc Tử đang mãi tồn tại trong những vần thơ ngập hương thơm tôn giáo... Tôn giáo, vấn đề lớn của nhân loại hôm qua, hôm nay và mãi cho thế hệ tương lai!

Những cảm nhận trên khi đọc những bài thơ tâm linh tôn giáo mang tính nghệ thuật này, xin được lấy lại những dòng ca tụng Hàn Mạc Tử của nhà phê bình Trần Thanh Mại mà tôi nghĩ cũng không quá: “Hàn Mạc Tử đã phóng thoát cái bản năng loài người, cõi lột được bao nhiêu cốt cách loài người để mà ăn nhập vào với vũ trụ...”. “Được phú giữ một nghệ thuật hết sức tài tình, văn thơ Hàn Mạc Tử có thể ví như lời Tô Đông Pha đã tự ví văn mình: một nguồn nước chảy thao thao, quanh co uốn khúc, có khi lách nhẹ qua các bồn hoa luống cỏ, nhưng đến khi cần cũng đục xẻ nổi cả những tảng núi, sườn non, đánh đổ tất cả cái gì cản trở”. “Tài nghệ diễn tả ấy sở dĩ được thế là vì thi sĩ có một khoa dụng ngữ tuyệt phẩm dồi dào, nó dung hòa cả những danh từ xưa và nay, những ngôn pháp Á và Âu, lại ảnh hưởng cả hai nguồn văn hóa Phật giáo và Thiên Chúa giáo nữa...”².

¹ Nguyễn Thụy Kha, *Hàn Mạc Tử Thi sĩ đồng trinh*, Nhà Xb Đà Nẵng – 1993.

² Trần Thanh Mại, *Hàn Mạc Tử*, sđd, trang 168.

Nơi khác, Trần Thanh Mai viết: “Thánh Mẫu Maria là Đấng cho chàng (Hàn Mạc Tử) ca tụng: việc ấy chàng đã làm trong một bài thơ tuyệt diệu, mà tôi muốn làm sao cho thấu đến Tòa Khâm Mạng toàn cõi Đông Dương, đến cả Tòa Thánh Đức Giáo Hoàng La Mã. Những bài thơ của Hàn Mạc Tử về loại đạo hạnh như bài này có thể đặt ngang hàng với nhà đại thi hào Pháp Paul Claudel.”¹

THAY LỜI KẾT: Thư kính gửi thi sĩ Hàn Mạc Tử

Kính thưa Tiên sinh,

Tôi đã theo dấu Tiên sinh từ tiếng khóc chào đời bên mẹ cha với lời vỗ ru chan hòa của biển Đông Hối, đã đi với Tiên sinh qua nhiều bến trắng, hoan hỉ khi thành công, se thắt khi bệnh hoạn, chạy theo Tiên sinh tìm con trăng lạc, rồi ngập đầu chơi với trong trăng kinh hoàng nghe tiếng rú rợn rùng khi Tiên sinh bắt gặp “Trăng tự tử” ở lòng giếng...

Nhưng thưa Tiên sinh, Tiên sinh đã không để tôi thất vọng vì nhiều lần bên Tiên sinh tôi cũng đã trò chuyện, lần hạt, khoảng không bao phủ chúng ta là bình an thanh thoát, là tín thác mến yêu...

Tại Quy Hòa, sống bên Tiên sinh những ngày cuối đời; bệnh hoạn không còn là nỗi khiếp sợ, Tiên sinh thừa an tĩnh “để nghe tơ liễu run trong gió” xao xuyên đón lấy hương vị biển khơi, đêm đến “ngắm trăng qua kẽ lá dừa” trong khoảng không của trời đất mộng mênh.

Trong ngôi thánh đường trắng lệt, yên tĩnh, có lúc Tiên sinh lặng chìm đi trong suy tư nguyện cầu, hoặc lảng lảng thả hồn bay bổng khi nghe giọng ca thánh thót của các vị nữ tu trong khúc hát

¹ Trần Thanh Mai, *Hàn Mạc Tử*, sđd, trang 130.

trang trọng “Hosanna, Hosanna in excelsis Deo” (Hoan hô, hoan hô Thiên Chúa trên các tầng trời). Nhưng chẳng có gì trên trần thế này lưu giữ Tiên sinh được nữa. Tiên sinh muốn đi tìm ánh sáng muôn năm thôi. Và Tiên sinh ra đi...

Kính thưa Tiên sinh,

Như hạt giống được chôn vùi, mục nát, rồi nảy sinh nhiều hạt mới, giờ đây thơ của Tiên sinh đã toát ra những nét tài hoa độc đáo, được nhiều người say sưa đọc, nhiều cung nhạc rung ngân dật thành bài ca, những bản Hợp xướng tuyệt đẹp say mê lòng người...Nếu khi còn sống, Tiên sinh muốn về bên Mẹ La Vang mà chưa hành hương về đó được, thì hôm nay, một vinh dự lớn lao cho tiên sinh. Tôi đã gặp thấy Tiên sinh về bên Mẹ La Vang bằng cả *Nguồn Thơ*. Bản *Ave Maria* được các ca đoàn hợp xướng long trọng tại Thánh địa La Vang dịp Đại lễ kỷ niệm 200 năm Đức Mẹ La Vang hiện ra (1798-1998). Trong dịp hân hoan ấy, một đại vũ với 200 cánh hồng lung linh sắc, ba miền Trung-Nam-Bắc¹, các tiên nữ nhón nhơ uốn lượn trên nền nhạc hợp xướng *Ave Maria* tại Đất Mẹ La Vang trong ánh sáng rạng ngời của một buổi bình minh lênh láng và chan chứa niềm vui cảm tạ, với hàng Giáo phẩm và đông đúc tín hữu Việt Nam, reo vui ấm áp tâm tình của bài ca *Ơn Phước Cả* mà chính Tiên sinh đã ca tụng và tôn vinh Mẹ nhân lành “Đáng tinh tuyền Thánh vẹn” khi còn tại thế.

Hôm nay, để vinh danh Người Thơ, Tiên sinh chẳng còn phải lo “*không có nàng tiên mô đến khóc*”, vì đã có rất nhiều người ái mộ *đời và thơ* của Tiên sinh, càng khâm phục cuộc đời

¹ Đại vũ *Ave Maria* tại Lavang dịp 200 năm, các vũ sinh là các đệ tử của ba Dòng nữ tại Huế: Dòng Mến Thánh Giá Huế, Dòng Con Đức Mẹ Vô Nhiễm và Dòng Con Đức Mẹ Đi Viếng.

đạo hạnh tỏa hương nhân đức mà Tiên sinh đã sống trọn vẹn niềm tin chân thành.

Thành kính tôi thấp nén hương trên mộ phần, tôi nghe biển hát thơ Tiên sinh, tôi nhập vào làn mây trắng đọc vần thơ tưởng nhớ Tiên sinh. Còn Tiên sinh lặng lẽ ngủ yên dưới bàn tay Trinh Nữ, Đấng mà Tiên sinh hằng yêu mến.

Kính thưa thi nhân Tiên sinh,

Phải qua bao nhiêu năm, hôm nay Tiên sinh mới sống lại bằng hồn thơ và niềm tin bất diệt. Bây giờ, thế hệ sau nhìn về Tiên sinh như vì sao lấp lánh chân lý cuộc sống. Đời - Đạo - Định mệnh và Thượng Đế.

- Đời đạo hòa nhập trong một con người: Kitô hữu
- Tài năng phát triển trong một nhân cách: Thi nhân
- Định mệnh như là ơn gọi vào cuộc đời
- Thượng Đế: qua niềm tin đưa đến hạnh phúc vĩnh hằng.

Nhờ niềm tin Kitô giáo tiên sinh đã gặp được bình an trong chính niềm đau cuộc đời... Khát vọng Tiên sinh bao giờ cũng vô biên, vô biên... Linh hồn Tiên sinh vẫn hoài tìm kiếm cho đến lúc được yên nghỉ bên trong nguồn Bình an.

Hàn Mạc Tử tiên sinh quý mến,

Cuộc đời hữu hạn, những năm bệnh tật xót xa, giờ đây nhìn lại thật chẳng là gì so với thời gian vĩnh hằng Tiên sinh hằng mơ ước. Nhưng với thời gian khắc nghiệt đau thương này, Tiên sinh đã để lại cho đời một gia sản: Con người, Thi văn và Niềm tin Kitô giáo vẫn tinh khôi. Giờ đây hồn thơ Hàn Mạc Tử vẫn tồn tại, “ngát ngát bởi chung thơ đầy ứ”. Phải chăng vì nguồn thơ Tiên sinh đã neo Bến Hằng Sống?

Tôi kính cẩn nghiêng mình trước Tiên sinh với lòng biết ơn. Tôi cũng rất hãnh diện khi cao ngán những dòng thơ “*trong trắng như một khối băng tâm*” đã trở thành sóng nhạc. Tiên sinh đã đi vào “nền” nghệ thuật thi ca thế giới... Cho hay rằng những gì lên cao sẽ hội tụ. Nghệ thuật chân chính cứu thoát chúng ta. Hiệp thông trong cùng một niềm tin, một chân lý. Tin vào mình, tin vào cuộc đời, tin vào Thượng Đế. Đó là viên châu ngọc cuộc sống. Phải không thưa Tiên sinh?

Trân trọng kính chào,

Nguyễn Thị Tuyết

ĐỨC TIN TRONG HỒN THƠ HÀN MẠC TỬ

ĐẶNG TIẾN

Hàn Mạc Tử mất ngày 11 tháng 11 năm 1940. Từ 1942, Vũ Ngọc Phan đã nhận xét: “Từ ngày Hàn Mạc Tử từ trần đến nay, mới trong khoảng hai năm trời, mà người ta đã người ta đã nói rất nhiều, viết rất nhiều về Hàn Mạc Tử...”¹. Và đến nay, bao nhiêu giấy mực đã được dành cho nhà thơ tài hoa bạc mệnh. Có lẽ ở miền Nam, Hàn Mạc Tử là thi sĩ được nhắc đến nhiều nhất. Tôi chỉ e rằng dù vậy sự hiểu biết của chúng ta về thi tài đó vẫn không tiến bộ được bao nhiêu. Có lẽ lại lùi lại nữa là khác. Năm 1941, Hoài Thanh muốn nói đến Hàn Mạc Tử đã hỏi mượn thơ do Trần Thanh Địch giữ². Cùng năm đó, khi viết cuốn *Hàn Mạc Tử*, có lẽ Trần Thanh Mại cũng dùng nguồn tài liệu đó, tức là của em mình. Ngày nay, ngoài tập *Thơ Hàn Mạc Tử* mỏng manh của nhà xuất bản Tân Việt, chúng ta không còn thi liệu nào khác. Chính Quách Tấn, bạn thân, ân nhân, người đã được nhà thơ ký thác trọn vẹn tác phẩm, cũng tỏ vẻ không có nhiều tài liệu hơn chúng ta. Trong bài nói về nhà thơ quá cố đăng trên *Văn*³, Quách Tiên sinh, khi trích thơ Hàn Mạc Tử đã làm một việc mà ai cũng làm được, như Vũ Ngọc Phan đã làm, nghĩa là trích từ tập thơ thiếu sót kia, hay trích lại của Trần Thanh Mại và Hoài Thanh - trừ vài bài tứ tuyệt không mấy quan trọng. Lý do rất giản dị: chiến tranh đã làm thất lạc hết tài liệu, mặc dù

¹ Vũ Ngọc Phan. *Nhà văn hiện đại III*, 1942 – ấn bản 1951. NXB Vĩnh Thịnh, Hà Nội, tr. 326.

² Hoài Thanh và Hoài Chân. *Thi nhân Việt Nam*, Thiều Quang tái bản, Sài Gòn 1967, tr. 204.

³ *Văn*, số đặc biệt về Hàn Mạc Tử, 73-74, ngày 7-1-1967, tr. 139.

Quách Tấn giữ gìn cẩn thận, sao nhiều bản gửi Bộ Giáo dục Nam triều thời đó và tất cả bạn bè của Tử. Như vậy trong mọi hành trình vào tác phẩm Hàn Mạc Tử, chúng ta sẽ giẫm chân tại chỗ, đua nhau kể cuộc đời ái tình và sự nghiệp của nhà thơ – dĩ nhiên là éo le gay cấn, nhưng không giúp hiểu thêm nhà thơ bao nhiêu - trừ một vài bài quan trọng, như của Quách Tấn trên số *Văn* thượng dẫn; ngoài việc đưa ra một số sự kiện chung quanh việc sáng tạo của Hàn Mạc Tử còn bỏ chính nhiều điều do Trần Thanh Mại kể trong cuốn biên khảo về Hàn Mạc Tử¹ xưa nay vốn là tài liệu tham khảo căn bản cho mọi người về cuộc tranh tụng giữa hai họ Quách và Trần năm 1942, thì chúng tôi không có ý kiến gì. Nhưng xin tán đồng Quách Tấn về hai điểm: thứ nhất là Trần Thanh Mại ấu, thứ hai là ông không hiểu thơ, và cứ ưa phê bình thơ, và Vũ Ngọc Phan cũng đồng ý như vậy². Tuy nhiên, nếu không có cái ấu, cái trích dẫn bừa bãi của họ Trần, thì các nhà nghiên cứu - kể cả Quách Tấn - lấy đâu ra thơ Hàn Mạc Tử để tham khảo, sau khi người giữ bản quyền để thất lạc hết di thảo? Tưởng khi nhắc đến chuyện ba mươi năm về trước, Quách Tiên sinh không nên chua cay mới công bình³.

Chúng tôi trình bày những khó khăn về tài liệu đó là có ý rào đón những thiếu sót trong bài này, khi đề cập đến một đề tài hệ trọng và bao quát: đức tin Thiên Chúa giáo trong thơ Hàn Mạc Tử. Chúng tôi không khám phá ra điều gì mới mẻ, mà chỉ khai triển một nhận xét của ông Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh... cách đây mấy mươi năm. Chúng tôi chỉ đào sâu thêm tác phẩm để có một cái nhìn nhất quán trên toàn thể thi phẩm. Thay vì trích dẫn những câu có hình thức Thiên Chúa giáo như *Maria, linh hồn tôi...* thì tôi cố

¹ Trần Thanh Mại, *Hàn Mạc Tử*. Tân Việt tái bản, Sài Gòn, 1957.

² Vũ Ngọc Phan, sđd, tr. 63-83.

³ Quách Tấn, *Văn*. Sđd, tr. 141-148.

chúng minh là kiến trúc toàn bộ của thơ Hàn Mạc Tử đều vang dội lời truyền giảng của *Phúc Âm*. Bài báo chia làm năm phần:

- Nhận định tổng quát
- *Gái quê*: Thế giới đợi chờ
- *Đau thương*: con người chịu đựng
- *Đau thương*: con người sáng tạo và mơ ước
- *Xuân như ý*: Thế giới khái huyền.

* * *

“Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi, bằng máu, bằng lệ, bằng hồn... Thôi mời cô cứ vào... Ánh sáng lạ trong thơ tôi...”¹ (tr. 8).

Đối với Hàn Mạc Tử thơ và đời sống là một bất khả phân, nhất là khi lâm trọng bệnh. Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú (tr.8). Tác phẩm của Hàn mang tên *Đau thương* vì nó là Đau thương, nó là “kinh nghiệm trước hết của một con người, một thực tại con người ngay trong thân phận”². Vũ Ngọc Phan nhận xét: “Có lẽ ông là người Việt Nam ca ngợi Thánh Nữ Đồng Trinh Maria và Chúa Giêsu bằng thơ trước nhất. Ông ca tụng đạo Gia-tô rất chân thành. Lần này cũng là lần đầu, thi ca Việt Nam thấy được một nguồn hứng mới”³. Hoài Thanh nói rộng đến vấn đề tương quan giữa tôn giáo và dân tộc, “Thơ Hàn Mạc Tử ra đời, điều ấy chứng tỏ đạo Thiên Chúa ở xứ này đã tạo ra cái không khí có thể

¹ Thơ Hàn Mạc Tử đều trích từ ấn bản Tân Việt, Sài Gòn, 1959 – ấn bản này không đánh số trang, tôi dựa theo mục lục mà ghi số trang để bạn đọc dễ kiểm chứng.

² Huỳnh Phan Anh, *Văn*, số 73-74. Sdd.

³ Vũ Ngọc Phan, Sdd, tr. 322.

kết tinh lại thành thơ. Tôi tin rằng chỉ những tình cảm có thể diễn ra thơ mới thật là những tình cảm đã thấm tận đáy hồn đoàn thể”¹. Nhận xét này của một kẻ “thiếu lòng tin, du khách bỡ ngỡ”² là Hoài Thanh mang một ý nghĩa đặc biệt, trong Gia-tô giáo Việt Nam, niềm tin Thiên Chúa đã trở thành một niềm tin thuần túy Việt Nam. Thơ Hàn Mạc Tử đã chứng thực điều đó: một đức tin Việt Nam ở Thiên Chúa, diễn đạt bằng một ngôn ngữ Việt Nam – ngôn ngữ của thi ca. Đó là điều tôi muốn trình bày qua một dàn bài bình dị. Tôi chỉ khai triển thêm một câu của Hàn Mạc Tử trong lời Tựa: Người đang say sưa đi trong Mơ Ước, trong Huyền Diệu, trong Sáng Láng và vượt hẳn ra ngoài Hư Linh... (tr.7) trong đó người đọc gặp lại những chủ đề cương lĩnh của Kinh thánh: một vũ trụ ngậy thơ đở vỡ vì nguyên tội; những khổ hạnh của thân xác như một kinh nghiệm của Mơ Ước và Huyền Diệu; để vươn tới một thế giới khác sáng láng ngoài Hư linh, thế giới của Phục Sinh, của *Khải huyền*. Ba giai đoạn đó là cơ cấu của đời thơ Hàn Mạc Tử. Vũ trụ *Gái què* đã sụp đổ trong *Đau thương* mà nhà thơ đã chịu đựng để đợi sống lại một mùa *Xuân như ý*.

* * *

Ai nói vườn trăng là nói vườn mơ. Ai nói bến mộng là bến tình. Người thơ là khách lạ đi giữa nguồn trong trẻo. Trên đầu người là cao cả, vô biên và vô lượng; chung quanh người là môn trốn với yêu đương...

Những dòng mở tác phẩm không khỏi làm ta nhớ đến thiên “Sáng Thế Ký” mở đầu Cựu Ước. Nhưng vườn đây không nằm ở hướng đông như vườn Eđen (x. St 2,8), mà chỉ là một vườn mơ, bến mộng, niềm nhớ nhung đằng đẵng về một hạnh phúc nguyên thủy.

¹ Hoài Thanh và Hoài Chân, Sdd, tr. 212.

² Hoài Thanh và Hoài Chân, Sdd, tr. 212.

Hạnh phúc của nguồn trong trẻ mà loài người phải từ già ra đi, và bị cấm cản đường về (x. St 3, 24). Nguồn ở đây là dòng sông trước khi chia làm 4 nhánh, tưới vườn Eden bằng tình yêu cao cả, vô biên và vô lượng, chưa bị giới hạn vì nguyên tội, khi con người chưa khó nhọc, chưa đổ mồ hôi, chưa biết chông gai và mùi cát bụi (x. St 3,17-19). Bài tựa của Hàn Mạc Tử đã mơ ước khôi phục lại mùa xuân trinh nguyên của ngày sáng thế, đầy thanh sắc, tinh hoa và châu báu, như nhũ hương và bích ngọc bên bờ nhánh sông thứ nhất (x. St 2,12). Thơ Hàn, cũng như lòng lê thứ, nói như Pascal, là niềm hoài vọng bất lực về một hạnh phúc sơ khai, một tráng lệ đã phai pha:

*Còn đâu tráng lệ những thời xanh
Mùi vị thơm tho một ái tình
Đổ kiếm cho ra trong lớp bụi
Ít nhiều hơi hám của kiên trinh* (Tr. 32)

Sau khi phạm trái cấm, loài người không mang nguyên tội ra khỏi địa đàng rồi dựng lại một bình an khác. Với tội kiêu căng, loài người phải chịu bao nhiêu hưng phế: từ Hồng Thủy cho đến cơn thịnh nộ của Thiên Chúa hủy hoại tháp Babel, thành Sôđôma và Gômôra, bao nhiêu lớp bụi phế hưng đã lấp mất cánh đồng xanh lẫn hơi hám của kiên trinh:

*Hồn xưa tự ấy không về nữa
Ở cõi hư vô dấu đã chìm.* (tr. 32)

Dân Do Thái lưu linh còn hy vọng có ngày tìm về Đất Hứa, còn con người đã vĩnh viễn đánh mất tất cả tráng lệ của thời xanh. Nhưng thơ Hàn Mạc Tử vẫn là một mơ ước, một đón đợi, như Cự Uớc là sự chờ đón Đấng Cứu Thế. Trong *Gái quê* và những bài đầu *Đau thương*, thơ là niềm mong đợi:

*Trước sân anh thơ thần
Đăm đăm trông nhận về.* (tr. 21)

Ngày xuân mong đợi đó còn thuần lương, còn là một mùa xuân ngoại đạo - một thứ printemps païen - hồn nhiên và vô tư lự, như tất cả những hội hè của mùa xuân Việt Nam.

*Trong làn nắng ửng khói mơ tan
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng
Sột soạt gió trêu tà áo biếc
Trên giàn thiên lý – Bóng xuân sang
Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời
Bao cô thôn nữ hát trên đồi
Ngày mai trong đám xuân xanh ấy
Có kẻ theo chồng bỏ cuộc chơi.*

Cái hồn hậu đó, như Hoài Thanh đã nói “chỉ là một mùa xuân đầu năm”¹, tôi nói thêm là một u minh đợi chờ để nở lên một mùa xuân sáng thế “hồi trời đất mới dựng lên” hay mùa xuân tái tạo “ra đời một lần với Chúa Giêsu”².

Khác biệt đó không có gì mâu thuẫn và Hoài Thanh cũng không cần ngại người đồng đạo với nhà thơ sẽ “khó dễ vì một hai dấu tích Phật giáo còn sót lại”³. Quách Tấn còn cực đoan hơn: “Tôi nhận thấy vang bóng của đạo Phật có phần đậm hơn đạo Thiên Chúa”⁴. Sự phân lượng e rằng khó chính xác nhưng vết tích Phật giáo và ngay cả Lão giáo, Khổng giáo trong thơ Hàn Mặc Tử đậm đà, từ trong rung cảm đến ngôn ngữ. Điều đó không có gì là nghịch lý cả; hạt mầm Thiên Chúa, khi nảy nở trên đất Sài Gòn thì tự nhiên thích ứng với khí hậu, phong thổ. Gần đây, tôi có đọc tác phẩm của linh mục Jacques Dournes nói về việc truyền giáo tại bộ lạc Jorai,

¹ Hoài Thanh và Hoài Chân, Sdd, tr. 211.

² Hoài Thanh và Hoài Chân, Sdd, tr. 212.

³ Hoài Thanh và Hoài Chân, Sdd, tr. 212.

⁴ Văn, số đặc biệt về Hàn Mặc Tử, Sdd, tr. 120.

Cao nguyên Trung phần. Sách có nhiều điểm tế nhị và sâu sắc, nhắm bảo vệ truyền thống một chủng tộc: “Cơ quan hành chánh phát cho dân Jorai hạt giống bông vải gốc Phi châu, năng suất cao hơn giống địa phương; dân Jorai đã gieo hái, nhưng chỉ một lần thôi rồi không tiếp tục. Lý do là họ phải nhuộm chỉ trước khi dệt, và thuốc nhuộm làm bằng lá cây của họ không ăn vào chỉ bông nhập cảng. Họ lại trở lại với giống bông cũ. Từ đó tôi không quên bài học bông vải”¹. Và tôi lại càng không dám quên khi viết bài này. Theo Quách Tấn, gia đình Hàn Mạc Tử (duyệt như) theo Thiên Chúa từ đời nội tổ Tử, tên Phạm Bồi, vì liên can quốc sự nên đổi theo họ mẹ; rồi được một linh mục Pháp đỡ đầu, rồi lập nghiệp tại Thừa Thiên, thân sinh Hàn Mạc Tử là Nguyễn Văn Toàn học Đại Chung viện Huế, đến chức Thầy Tư rồi bỏ ra đời². Ông sinh hạ được năm người con và đặt tên là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín và Hiếu. Tôi dài dòng như vậy để trình bày không khí và giáo dục gia đình nhà thơ, một mảnh đất mới đang hấp thụ đức tin, đang dần dần thấm nhuần ơn trời mến:

*Tôi là trắng cổ độ
Lượng trời rộng bao la. (Tr. 34)*

Phải, lòng chàng là bến đợi. Trong những kích thước mộng mênh; có thể là một trời thu man mác; có thể là một hàng cau nắng mới lên; thường thường là một đêm trăng sao đắm đuối. Vàng, như đón từ xa. Như đợi từ xa:

*Cho ta nhận lấy không đèn đáp
Ôn trọng thiêng liêng xuống bởi trời. (Tr. 44)*

Nhưng chàng đã đèn đáp. Bằng tất cả. *Đau thương*: Tiếng thơ

¹ Jacques Dourne, *Dieu aime les Paiens*. Aubier, 1963, tr. 149.

² Văn. Sđd, tr. 47.

và cuộc sống. Chàng đã đem đến cuộc đời để trả lời ơn phước cả đang ngân vang trong màu nhiệm phủ ban đêm, một tiếng gọi của thượng tầng không khí. Từ lúc nhận điếm có tiên tri thì vũ trụ trong *Gái quê* và những bài *Đau thương* đầu tiên nhuốm cái ý thức nguyên tội, người lương sẽ gọi là mặc cảm tội lỗi. Những bài đó gợi cảm giác có tội trước khi phạm lỗi. Vũ Ngọc Phan và Hoài Thanh đồng ý rằng tập *Gái quê* thiên về dục tình; có lẽ ta cần minh định thêm về khuynh hướng ấy. Một người chỉ xin hoa đèn ngự và lòng ni cô thì dục tình... đi tới đâu? Tôi xin giải thích thêm về điểm này:

Mối lớn lên trăng đã thẹn thò

Thơm như tình ái của ni cô. (Tr. 29)

Tại sao trăng lại phải thẹn thò? Thẹn thò là cảm giác của Adam và vợ khi đóng khố che thân lánh mặt Đức Chúa Trời (“Gen III, 7-8”) sau khi ăn trái cấm. Adam thẹn thò vì đã phạm tội. Còn trăng việc gì mà phải thẹn thò nhất là khi mối lớn lên? Sự thẹn thò của thân thể đó, chúng ta đã thừa kế của Adam, cho nên tôi mới nói không khí rạo rức trong *Gái quê* là di sản của nguyên tội. Những câu thơ Vũ Ngọc Phan cho là “gợi tình, thiên về xác thịt”¹ là một dục vọng, nhưng đồng thời cũng là một cảm đoán, một ghẻ lạnh:

Da thịt trời oi trắng rợn mình.

Hàn Mạc Tử nhắc đến tình ái của ni cô, hay da thịt nàng dâu để gợi lên cái vô tội của mình trong một thế giới đã hư hỏng vì nguyên tội, mà mình phải gánh chịu. Ngay trong giáo lý, dục tình, tự nó, không phải là tội lỗi: “Đó là một căn bệnh, chứ không phải là tội lỗi. Tuy nhiên căn bệnh đó là hình phạt của một tội lỗi”² – tác giả muốn nói đó là nguyên tội; và “dục tình, bản năng sinh lý như ta

¹ Vũ Ngọc Phan, Sdd, tr. 326.

² J. E. Kerns SJ, *Les Chrétiens, le Mariage et la Sexualité*. Edit. Du Cerf, Paris, 1966, tr. 93.

thường thấy là tiếng gào phẫn kháng của một hình hài bị thương tổn”¹.

Nhà thơ dự phóng những rạo rức của bản năng ra ngoài vũ trụ; cái nhìn của chàng vượt ve, môn trốn với yêu đương, tất cả tạo vật. Từ ánh trăng, đến cành liễu, mặt hồ, cơn gió, cho đến bài thơ của người yêu, tất cả đều có nhiều độ nồng nàn của da thịt, tất cả đều tương giao trong nguồn ái ân bởi trăm giây quyến luyến:

*Trăng nằm sóng soãi trên cành liễu
Đợi gió đông về để lả lơi
Cây lá ngây tình không muốn động
Lòng em hồi hộp, chị Hằng ơi!* (Tr. 22)

Dục tình trong đoạn thơ nằm trước hết trong cách chọn chữ gợi tình, khi đi đôi với nhau như trăng và gió, trong thành ngữ phong nguyệt hay gió trăng. Hoặc trăng và hoa, hoặc liễu và hoa; trong những hình ảnh nguyệt hoa hay gheo nguyệt trên hoa, hay liễu ngõ hoa tường.

Đoạn thơ lại khêu gợi bằng những hình ảnh táo bạo đến suồng sã như nằm sóng soãi, lả lơi, ngây tình; cuối cùng cơn mê đắm còn biểu lộ trong những ý tưởng lộ liễu đến sỗ sàng. Tất cả những chữ, những hình ảnh, những ẩn dụ, những ý tưởng đó giao thoa thành một không khí lả, vừa cợt nhả vừa tinh tế, tuy có suồng sã nhưng không phải là không khéo léo. Thơ gợi tình của Hàn Mạc Tử có lẽ táo bạo vào bậc nhất trong thi ca mới; cái tài tình của ông là táo bạo đến đâu vẫn còn ý nhị. Một lối suồng sã mà không sống sượng, như ở Xuân Diệu chẳng hạn:

Hãy sát đôi đầu, hãy kề đôi ngực...

Một cử chỉ, câu nói sống sượng khi tự nó, nó nói hết những

¹ J. E. Kerns SJ, Sđd, tr. 94.

điều muốn nói, và đôi khi còn nói luôn những điều không muốn nói. Ở Hàn Mặc Tử - ít ra ở những bài còn lưu truyền đến ngày nay- dù hờ hảng đến đâu, vẫn còn cái úp mở của một ngôn ngữ ý nhị và tính từ. Chúng ta không còn những bài thơ như Hát Giã Gạo trong tập *Gái quê* đã làm cho Vũ Ngọc Phan “lợm giọng”, nhưng dù muốn dù không, ta phải công nhận nhà thơ có một quan niệm luyện ái thánh thiện, lành mạnh đến bệnh hoạn:

*Cho nên tôi tưởng tới tân hôn
Chưa tới, còn xa để được buồn
Để sống trong niềm thương nhớ đã
Để còn mừng tượng đến giai nhân.* (Tr. 28)

Đọc Hàn Mặc Tử ta có cảm giác một sự giằng co giữa con người phóng túng và con người khắc khổ? Cái giọng tình của ông, dù có cọt nhả đến đâu, cũng chỉ tả một thứ tình hàm thụ, một lối ái ân không tưởng, một môi giới giữa nhân sinh và tạo vật. Nói gọn hơn, nó không thể tự mãn, trong một thế giới không tự mãn.

Vì vẫn còn là một thế giới đợi chờ, trong im lặng linh thiêng, bằng tất cả trực giác của trăm sao đắm đuối:

*Không một tiếng gì nghe động chạm
Dấu là tiếng võ của sao băng.* (Tr. 27)

Một đêm thao thức đợi chờ *Điềm lạ*, trong lòng vũ trụ còn say chìm nơi bất giác, nhưng đã được các tiên tri chuẩn bị để đón mừng Ngôi Hai.

Hàn Mặc Tử mô tả thế giới đợi chờ trước hết bằng di sản hồn nhiên của một nền văn hoá ngoại đạo nhưng niềm nở và hướng thượng, thứ đến bằng đức tin nuôi dưỡng trong Phúc Âm; hai phụ lưu sung mãn đó đã đổ vào hồn thơ Hàn Mặc Tử, như một dòng sông vừa nhận được cơn nước nguồn thác lũ bỗng phải vượt qua

một địa thế hiểm nghèo: bệnh phong nan y đã biến hồn thơ hồn hậu đó thành một cuồng lưu khốc liệt, nếu không phải là một vũng nước xoáy.

* * *

Đau thương. Tên một tập thơ, và tên một định mệnh. Hay tiếng gầm của một cuồng lưu lâm vào tuyệt địa. Chúng ta nói qua sự đau thương trong cuộc đời. Rồi trong thơ.

Hàn Mạc Tử nhuộm bệnh từ năm 1936. Hăm bốn tuổi, tuổi anh hoa đang phát tiết. “Khi biết mình mang bệnh hiểm nghèo, Tử hết sức đau đớn, đau đớn đến phát điên. Thường ngày những cơn thác loạn nổi dậy, khi nhiều khi ít. Nhưng ngày rồi ngày, nỗi đau khổ hết phát hiện ra ngoài một cách bông bột, thì lại ăn sâu vào tâm hồn ngấm ngấm nung nấu nạn nhân, nung nấu đến tột độ”¹. Hàn Mạc Tử nhiều lần mô tả những đốn đau của thân xác:

Thịt da tôi sượng sần và tê điếng

Tôi đau vì rừng rợn đến vô biên. (Tr. 53)

Bên cạnh những hành hạ của bệnh trạng, Hàn Mạc Tử còn phải đương đầu với hai hậu quả khác của hoàn cảnh: nghèo túng và tuyệt vọng vì tình. “Hiện nay Trí về ở tạm nhà. Cái nguyên nhân là không tiền uống thuốc”... “Bữa nay Trí xuống nhà bà thầy thuốc rồi. Có một mái nắng dội nhiều quá. Cả chiều nếu ở trong nhà thì phải đội mũ”². Chúng ta còn có nhiều tài liệu khác về nỗi cùng khốn của nhà thơ, qua những bức thư gửi Trần Thanh Dịch. Về cuộc tình duyên đau khổ với Mộng Cầm, chúng ta cũng có nhiều tài liệu. Đại khái hai bên yêu nhau khăng khít, thề bồi dữ dội lắm, hẹn hò nhau

¹ Quách Tấn, *Văn*, Sđd, tr. 81

² Trần Thanh Mại, *Sđd*, tr. 73

từ Phan Thiết ra đến Quy Nhơn; khi Hàn Mạc Tử chịu tang cho anh, thì Mộng Cầm tự xin phép được “thành tâm cư tang cho ông anh một năm cũng như anh, nghe anh” vì “người cầm bút biên mấy hàng trên đây là người em dâu chắc chắn, nhất định của ông anh rồi. Vậy ông anh nên phù hộ cho chúng em thương nhau cho đến bạc đầu”¹. Khi biết chàng lâm trọng bệnh, thì nàng “thề bồi lại một lần nữa đậm đà hơn”².

Để rồi sáu tháng sau nàng đi lấy chồng. Trần Thanh Mại cho rằng nàng không đáng trách. “Duy có cái nàng lấy chồng hơi gấp đấy thôi”³. Quách Tấn cũng cho biết là thái độ của Mộng Cầm đã gây ra cho nhà thơ “một nỗi buồn thương vô hạn”, “một phản ứng mãnh liệt”, “những tiếng kêu rên thống thiết”⁴.

*Trời hỡi nhờ ai cho khỏi đói?
Gió trăng có sẵn làm sao ăn?
Làm sao giết được người trong mộng
Để trả thù duyên kiếp phũ phàng.*

(Trần Thanh Mại, tr. 95)

Tiếng kêu trầm thống đó chất chứa cả kiếp cùng khốn vật chất lẫn tinh thần, cho đến ngày bị con bệnh tàn phá đến thảm thê, theo thư một người bạn thân, cùng bị hủy, kể lại “hai mắt nằm lọt vào sâu hai lỗ hũm sâu hóm, đến không còn mở ra được. Thân hình chỉ còn có da bọc lấy xương, chân tay thì co rút lại, mà đầu tóc bù xù rối trết lại từng vè, trong ấy nhô nhúc những chỉ là chí” (thư của ông Nguyễn Văn Xê, đề tại Quy Hoà ngày 25-6-1941)⁵. Tôi tưởng

¹ Thư Mộng Cầm, do Trần Thanh Mại trích, Sdd, tr. 94.

² Thư Mộng Cầm, do Trần Thanh Mại trích, Sdd, tr. 94.

³ Trần Thanh Mại, Sdd, tr. 95.

⁴ Quách Tấn, *Văn*, Sdd, tr. 88.

⁵ Trần Thanh Mại, Sdd, tr. 193.

không có gì thê thảm hơn tình trạng băng hoại đó. Ấy thế mà Hàn Mạc Tử can đảm chịu đựng cái cảnh làm ta phải rùng mình, vui vẻ chịu đựng nữa là khác: Tuy cực khổ thế mà tôi vẫn an vui, ngày nào cũng có cười cả. Nếu không cười với ai, thì cười một mình, xem ra thú vị không biết mấy¹. Niềm an vui đó, Trần Thanh Mại, người biết cuộc đời thật của nhà thơ cho là “yêu quái” là “kinh dị”. Còn Vũ Ngọc Phan chỉ biết Hàn Mạc Tử qua một số thi phẩm cũng không khỏi ngạc nhiên: “một người mang bệnh rất đau đớn mà có một tâm thần thư thái, bình tĩnh như thế, thật cũng lạ”². An vui của Hàn Mạc Tử không phải là cay đắng, gượng gạo, có khi nổ tung ra trong những câu thơ hờn hờ:

*Hôm nay vui quá Anh Phùng ơi
Buồn xa không đến, lệ không rơi
Buồn không thất ruột, tình không lại
Cười nói làm sao cho hả hơi?*

(Trần Thanh Mại, tr. 122)

Họ Trần phê bình là: “Đau thương giam cầm không kỹ, thoát lọt ra trong một biến thể mới, dị kỳ, quái gở, thật đáng rùng mình”. Sở dĩ ông không hiểu can đảm của bệnh nhân, theo tôi, là vì ông không hiểu được sức mạnh của đức tin trong con người Hàn Mạc Tử. Khi đề cập đến vấn đề này, Hoài Thanh, cũng là người ngoại đạo, nhưng tinh tường hơn Trần Thanh Mại, thừa nhận ngay: “Thiếu lòng tin tôi chỉ là du khách bỡ ngỡ”³ còn họ Trần thì cứ phán đoán âm ỉ cả lên. Nhưng nhờ có ông mà chúng ta được một dữ kiện về đời sống tín ngưỡng của nhà thơ: “Trong khi sưu tầm tài liệu về nhà thi sĩ, tôi có tìm thấy trong một nhà trọ của chàng, một mẫu

¹ Trần Thanh Mại, Sdd, tr. 124.

² Vũ Ngọc Phan, Sdd, tr. 330.

³ Hoài Thanh và Hoài Chân, Sdd, tr. 212.

báo dán trên khung cửa sổ tre, đã nhàu nát vàng vọt, và nhìn lối in chữ và hình ảnh tôi biết ngay là báo Vì Chúa. Đoạn bài đăng trên mẩu báo ấy nói về nguồn an ủi trong bệnh tật cho rằng sự đau ốm là do Đức Chúa Trời ban xuống cho ta, để thử lòng ta, nên chẳng những là ta phải chịu một cách nhẫn nhịn mà còn nên vui vẻ bằng lòng nữa”¹. Căn cứ trên đoạn này tôi cho rằng tác giả không mấy thông thạo giáo lý Gia-tô giáo. Nếu bài báo ấy có thật – Vì họ Trần mãi cho đến ngày nay ở Hà Nội vẫn có cái cố tật rất bậy là ưa bịa đặt tài liệu.² – thì chúng ta rất tiếc rằng họ Trần không trích dẫn chính xác, cho biết rõ xuất xứ, tìm xem báo Vì Chúa số mấy, ngày mấy..., hoặc ít nhất cũng cho ta nguyên văn. Vì theo kiến thức thô thiển của tôi, thì không có kinh sách nào dạy rằng “sự đau ốm là do Đức Chúa Trời ban” và chúng ta phải “vui vẻ bằng lòng”. Nhưng vấn đề ở đây không phải là cãi nhau về giáo lý, vừa ngoài phạm vi bài viết và thẩm quyền của tôi. Vấn đề là, như Trần Thanh Mại đã nói, đức tin “đã có ảnh hưởng tốt đẹp đối với chàng”. Quách Tấn xác nhận điều này: “Từ tìm được nguồn an ủi lớn nhất trong nguồn Đạo. Khi đã sống cùng Đạo thì tâm hồn Từ hết bị ray rứt giày vò”³. Chính nhà thơ đã kể lại một ngày bệnh tật của mình: “Lại đọc kinh, lại ngâm thơ, lại làm thơ, lại nhớ, lại nằm. Buổi tối khi ăn xong, cũng vừa đi bách bộ vừa ngâm thơ một cách sung sướng nhất đời. Cả ngày chỉ ngâm thơ và đọc kinh là nhiều hơn cả. Ngày nào cũng như ngày ấy, không thấy buồn lắm, và ngày nào cũng mong mỗi một cái gì...”⁴. Đối với Hàn Mạc Tử, Thơ là Đạo và Đạo là Thơ, Thơ đã đạt tới Đạo và

¹ Trần Thanh Mại, Sđd, tr. 120.

² Nguyễn Công Hoan, *Tạp chí Văn nghệ Hà Nội*, số 67, tháng 12-1962 và số 68, tháng 1-1963 về Tú Xương. Tôi đã có đề cập tới trong *Văn*, số 163 ngày 1-10-1970.

³ Quách Tấn, *Văn*. Sđd, tr. 116.

⁴ Trần Thanh Mại, Sđd, tr. 120.

Đạo để đi tới Thơ, hoặc như Hoài Thanh đã nhận xét chí lí: “Thơ chẳng những để ca tụng Thượng Đế mà cũng để nối liền người ta với Thượng Đế”¹.

Thơ đưa về Đạo, là nẻo đường đưa đến Con Đường. Thơ là giải pháp tạm thời của *Đau thương*, trong khi chờ đợi Đạo và Cứu Rỗi miên viễn. Ngày nào cũng mong mỗi một cái gì. Nếu *Gái quê*, như tôi đã trình bày ở đoạn trên, là thế giới đợi chờ *Điềm lạ*, đợi chờ Chúa ra đời thì *Đau thương* làm một tâm hồn mong mỗi Ngày Chúa trở lại (x. Mt 24,42). Hàn Mạc Tử chấp nhận bệnh tật không phải là vì “do Đức Chúa Trời ban xuống” như Trần Thanh Mại đã nói nhưng trước hết vì nó là hậu quả tất nhiên của nguyên tội và thứ đến vì nó là phương tiện thân xác mà Chúa đã dùng để cứu thế. Linh mục Charles Journet, giáo sư Đại Chủng Viện Fribourg đã trình bày vấn đề một cách mạch lạc và nhất quán trong tác phẩm về thống khổ: “Chúng ta xem khổ ải của thân xác như một mãnh lực hợp-cứu-thế vì chúng ta tham dự vào đau đớn và huyết mạch của Chúa Kitô. Vậy không có vấn đề đau đớn mà chỉ có huyền nhiệm đau đớn của Chúa Kitô và trong sự tham dự của chúng ta. Như vậy không nên nói đến chấp nhận *Đau thương* mà chỉ nên nói đến gia nhập vào công đức cứu rỗi chúng ta không chấp nhận (accepter) vì nó là một định luật của thể xác; chúng ta thu nhận (adopter) vì nó nối liền bản thân Thiên-Chúa-hiện-làm-người”².

Đoạn trên rọi sáng lời truyền dạy của sứ đồ Phaolô trong thư gửi cho người Rôma: “Những đau khổ hiện tại không có nghĩa lý gì so với những vinh hiển phải được thể hiện trong mỗi chúng ta. Mỗi hình hài chờ đợi là một khát vọng sự thể hiện con cái Đức Chúa

¹ Hoài Thanh và Hoài Chân, Sdd, tr. 211.

² Charles Journet, *Le Mal, essai théologique*, tủ sách giáo lý. Desclée de Brouwer. Bruges, Bỉ, 1961, tr. 271.

Trời, với Mơ Ước được giải thoát ra khỏi hư nát, và đạt tới tự do vinh hiển của con cái Đức Chúa Trời. Vì chúng ta biết rằng hình hài, đến nay vẫn rên xiết trong công trình thai nghén” (Rm 8,18-32). *Đau thương* hôm nay là thai nghén cho ngày mai, thai nghén một mùa *Xuân như ý*, Người đi trong Mơ Ước... Người Kitô giáo quan niệm đau thương như một huyền nhiệm, nhưng hữu hạn, trước Thượng Đế là một huyền nhiệm, vô hạn. Tôi thành thật nghĩ rằng Hàn Mạc Tử đã an vui được trong *Đau thương* - một hoàn cảnh thể xác, vật chất và tinh thần làm chúng ta phải rùng mình - là nhờ huyền nhiệm đó, nhờ sức mạnh của xác tín. Có lẽ xác tín đó, cộng với bệnh trạng, đã tạo một linh thị cho nhà thơ. Trần Thanh Mại và Quách Tấn đồng ý “là mỗi lần chàng chết đi sống lại (trong mấy năm bệnh chàng bị chết đi sống lại đến bốn năm lần) là chàng đều cảm thấy có bà *Thánh Nữ Đồng Trinh Maria* đến cứu”¹. Theo Quách Tấn thì bài thơ trữ danh “Maria! Linh hồn tôi ớn lạnh” được viết khi Tử sống lại, trong cảnh đó².

Dù cho rằng mộng寐 chỉ là một biến thể của bệnh trạng, thì dưới ánh sáng của khoa phân tâm, ta có thể đi đến cội rễ của mộng寐, dù xa lạ đến đâu. Cội rễ ở đây, là xác tín trong tâm hồn Hàn Mạc Tử, người đã cam chịu hư nát để chuẩn bị một vinh hiển. Thật ra, niềm tin vào cuộc sinh tồn mai hậu, của linh hồn, ở một thế giới khác, không phải đặc biệt của Thiên Chúa giáo. Trong hầu hết các tín ngưỡng tự nhiên của dân gian, nước nào cũng vậy, đều có mầm hy vọng ở một đời sống khác. Chỉ nói đến vòng đai tôn giáo chung quanh Thiên Chúa, chúng ta đã có thể kể đến tư tưởng Assiri, Babilon và nhất là Ai-cập, đều có niềm tin đó, như muốn Ra không gian và vượt hẳn thượng tầng. Đức tin của Hàn Mạc Tử không phải

¹ Trần Thanh Mại, Sdd, tr. 130.

² Quách Tấn, *Văn*, Sdd, tr. 75.

ở chỗ mong hồn tới tập ở ngoài kia vũ trụ, mà ở chỗ tìm gặp Một Người ở cõi quá thanh gian; Hàn Mạc Tử tìm tới chốn chiêm bao ngoài sự thực không phải vì chiêm bao đẹp hơn sự thực vì ứ đầy hơi khoái lạc mà chỉ vì:

*Vì có Đấng Hằng Sống, Hằng Ngự Trị
Nhạc thiêng liêng đồn trời khắp hư linh. (Tr. 59)*

Bài *Ngoài vũ trụ*, mà tôi đã trích các câu trên, tiếp theo hai bài *Hồn lìa khỏi xác* và *Siêu thoát* soi sáng ý nghĩa của những bài *Đau thương* và báo hiệu cho *Quần tiên hội*, *Cảm châu duyên* và *Xuân như ý*. Vậy ta có thể đề cập đến một kiến trúc trong thi phẩm của Hàn Mạc Tử không? Đặt dấu hỏi vì tôi ngờ rằng sự sắp xếp thứ lớp trong tập thơ không phải do thi sĩ, mà những người phụ trách tái bản thơ ông, tức là Quách Tấn hay Hoàng Trọng Miên gì đó. Do đó, tôi không dám dựa trên trật tự cụ thể của tập thơ để nói đến kiến trúc, như Marcel Ruf đã nói về “Architecture Secrète” khi trình bày nhất quán thi phẩm *Les Fleurs du Mal* của Baudelaire. Tôi vẫn theo lối sắp xếp trong ấn bản Tân Việt, vì nó phản ảnh thứ tự biên niên trong quá trình sáng tác; tôi nghĩ ai bác bỏ thuyết cho rằng *Gái quê* sáng tác trước *Đau thương*; và *Cảm châu duyên*, *Duyên kỳ ngộ* sáng tác sau cùng thời kỳ nhà thơ biết Thương Thương. Nhưng dù sao tôi cũng dè dặt mong các nhà biên khảo sau này có nhiều sử liệu đích xác hơn tôi, sẽ đào sâu cơ cấu mạch lạc của vũ trụ Hàn Mạc Tử, trên bình diện này hay bình diện khác, hoặc trong nguồn sáng tạo toàn diện thì càng đẹp.

Khi đề cập đến kinh nghiệm đau thương của Hàn Mạc Tử tôi tiếc chưa được đọc bài của Võ Long Tê, một chuyên gia về văn chương Thiên Chúa giáo về vấn đề này; nghe nói bài sắp sửa đăng báo, tôi đợi hoài chưa thấy. Tôi cần nói thêm: Không riêng gì *Phúc*

Âm, những tín ngưỡng khác của người Á Đông cũng tìm một giải đáp cho đau thương; Phật giáo thì cho đó là những đợt sóng triều miền của Mê hà hay Khổ hải; Lão giáo thì cho đó là định luật của Vô Tri. Cái can trường của nhà thơ là do đức tin vững chắc ở Đấng Cứu Thế, và đức tin đó đã được bồi dưỡng trong cái Dững của triết lý Đông phương lẫn cái kiên trì trong lòng dân tộc. Nói đến xác tín của Hàn Mạc Tử không phải tôi không biết (hay tệ hơn nữa, tôi không nhớ) đến những giá trị bằng hữu kia. Khi suy nghĩ về khổ lụy của nhân sinh, tôi đọc lại kinh Coran của Hồi giáo thì có cảm giác như là họ không chấp nhận Khổ đau như người Ki-tô giáo hay người Á Đông, vì họ cho là do sự hành hạ của Thượng Đế. Vậy trong Hàn Mạc Tử có sự giao hoà giữa một đức tin sung mãn và một tâm hồn niềm nở, tạo ra một nguồn thơ hết sức sâu xa.

Trong tinh thần *Phúc Âm*, Hàn Mạc Tử đã sống trọn vẹn *Đau thương* của hiện thế, trước hết vì đó là phương tiện Chúa đã dùng để cứu thế, thứ đến để chuẩn bị cho vinh hiển mai sau, như lời giảng trên núi, sửa soạn cho Ngày sống lại với Đấng Hằng Sống, Hằng Ngự Trị. Nhưng trên bình diện sáng tạo, quan niệm *Đau thương* đó đã thể hiện ra sao? Tôi tiếc là không được đọc bài báo của Lê Tuyên về những chủ đề trong thơ Hàn Mạc Tử, đăng trên tạp chí *Đại học Sư phạm* cách đây bảy tám năm gì đó. Nay tôi lại đề cập vài hình tượng quen thuộc trong thơ Hàn Mạc Tử như Trăng, Máu, và Hồn.

* * *

Trăng! Trăng! Trăng! Là Trăng, Trăng, Trăng!

Đó là điệp khúc độc điệu của một ngư phủ, theo lời kể của Quách Tấn. Đó cũng là khúc nhạc lòng của nhà thơ. Trăng là một thứ ánh sáng vừa của nội tâm, vừa của ngoại giới. Ở đây chúng tôi chỉ đề cập tới tương quan giữa những hình ảnh thi ca và đức tin.

Ảnh hưởng của đêm trăng đối với bệnh phong đã được ông Trần Thanh Mại triển khai đầy đủ. Còn nét quyến rũ muôn đời của ánh trăng đối với thi nhân thì viết bao nhiêu pho sách cũng còn điều chưa nói. Nhưng không thể nói thơ Hàn Mạc Tử mà không đề cập tới trăng, vì theo Trần Thanh Mại thì hai phần ba của tập *Dau thương* nói về trăng, nửa phần còn lại nói về hồn¹. Trăng, trước hết là ánh sáng tràn ngập cả vũ trụ Hàn Mạc Tử:

Gió lùa ánh sáng vô trong bãi

Trăng ngậm đầy sông chảy láng lai (Tr. 54)

Trăng là thứ ánh sáng êm dịu, *màu nhiệm phủ ban đêm*, đối với ánh sáng chói chang bỏng rát của mặt trời nhiệt đới; Trăng tạo thi vị cho bóng tối tại những vùng nông nghiệp có sinh hoạt về đêm, và như Xuân Diệu kể, thì có “trăng của tình duyên, trăng của xa xôi, trăng của hão huyền” và trăng của “những đèn đài mỏng thoáng”. Văn học của chúng ta từ xưa đến nay, vẫn le lói những ánh trăng bất tận. Tôi không dài dòng về địa hạt *rộng rinh không bến* này, chỉ muốn đề cập đến khía cạnh tượng trưng của ánh trăng trong giáo lý.

Trăng trước hết là Ánh Sáng, một chủ đề rọi suốt mặc khải Kinh thánh, từ ngày thứ nhất của *Sáng thế*, khi Đức Chúa Trời phân định ánh sáng và bóng tối (x. St 1, 3-4), cho đến chương cuối cùng của *Khải huyền*, khi con người, trong trời đất mới, hưởng được một ánh sáng miên viễn (x. Kh 22,5). Như vậy thế giới di chuyển từ một vùng ánh sáng tương đối, ánh sáng vật chất đối với bóng tối ban đêm, đến một ánh sáng tuyệt đối, ánh sáng vĩnh cửu ngay trong châu thân Thiên Chúa, vì “Ngài là Sự Sống mà Sự Sống là Ánh Sáng” (Ga 1,4). Và quá trình từ tương

¹ Trần Thanh Mại, Sđd, tr. 62.

đối nọ đến tuyệt đối kia là sự phấn đấu không ngừng giữa ánh sáng và bóng tối, tựa hồ như một cuộc phấn đấu giữa nguồn sống và cõi chết. Ở Hàn Mạc Tử, ánh trăng là một thứ Ánh Sáng đang tương tranh cùng Bóng Tối, trong một tư thế bi thảm, khác với mặt trời là chiến thắng – dù là tạm thời - của Ánh Sáng:

*Ánh trăng mỏng quá không che nổi
Những vẻ xanh xao của mặt hồ
Những nét buồn buồn tơ liễu rủ
Những lời năn nỉ của hư vô. (Tr. 30)*

Mâu thuẫn tâm cảm của nhà thơ là vừa yêu bóng đêm - vũ trụ Hàn Mạc Tử là một vũ trụ về đêm - vừa yêu ánh sáng, và vươn tới một nguồn chói lọi:

*Ta ước ao đầu đội mũ triều thiên
Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng (Tr. 59)*

Sự thật mâu thuẫn đó nằm trong những hình ảnh đa nghĩa của *Kinh thánh*, vì bóng tối cũng là một sáng tạo của Đức Chúa Trời. (St 1, 1-2) Quyển *Điển ngữ Thần học Thánh kinh* khai triển điểm tế nhị đó như sau: “Bóng tối tượng trưng cho một kinh nghiệm kép: hoặc nó xác nhận không có ánh sáng, hoặc bao hàm sự hiện hữu của ánh sáng. Con người muốn có ánh sáng tràn đầy nhưng tìm đến bóng tối; Chúa là ánh sáng, là lửa bỏng, mà cũng là bóng mát. *Kinh thánh* lý theo sự đa nghĩa đó”¹.

Chúng tôi muốn đề nghị một ý nghĩa mới cho ánh trăng. Ở Hàn Mạc Tử trăng là một sự tương tranh đồng thời tương ứng giữa ánh sáng và bóng tối, vừa tương khắc vừa tương sinh. Trăng là Bóng Tối hết là Bóng Tối và Ánh Sáng chưa đủ là Ánh Sáng. Trong biện

¹ *Vocabulaire de la Théologie Biblique*. Edit. Du Cerf. Paris 1962, tr. 714.

chúng Sáng - Tối đó, tâm hồn Hàn Mạc Tử vẫn được xác định bằng Ánh Sáng, tức là “con của Ánh Sáng” khác với con của bóng tối hay “con của Hiện Thế” (Lc 16, 8). Vậy nhà thơ là Ánh Trăng, vì chàng là con của Ánh Sáng:

*Không gian đầy đặc toàn trắng cả
Tôi cũng trắng mà nàng cũng trắng. (Tr. 30)*

Vì, bên dưới bình diện siêu hình, về mặt đạo đức, vẫn phải có sự phân biệt giữa bóng tối và ánh sáng (x. 2Cr 6, 14) giữa ánh sáng chân chính và giả trá (x. 2Cr 11,14).

Và tình ta sáng láng như trăng thanh. (Tr. 55)

Thỉnh thoảng Hàn Mạc Tử không ngại mượn một vài hình ảnh của *Kinh thánh* để tả trăng, như:

*Người trắng ăn vận toàn trắng cả
Gò má riêng thôi lại đỏ hường*

(Trần Thanh Mai, tr. 55)

Chúng ta liên tưởng ngay đến một câu của thánh vịnh 104, 2: “Chúa bao phủ mình bằng ánh sáng như cái áo”.

Trăng trong Hàn Mạc Tử không những là một thứ ánh sáng ảo huyền và hiu hắt. Nó có hình có trạng, như một vật cụ thể khả xúc. Có khi là một món hàng – *ai mua trăng ta bán trăng cho* – có khi là châu báu, là hơi nước chảy, hay là một người đàn bà, mà tôi mừng tượng phải đẹp lắm trong nhan sắc làm bằng Ánh Sáng và Im Lặng:

*Tôi lần cho Trăng một tràng chuỗi
Trăng mới là Trăng của Rạng Ngời.*

(Trần Thanh Mai, tr. 64)

Và nói chung, trăng là hồn, là máu của bóng đêm. Tôi có nói

đến ba chủ đề, kỳ thật chỉ là ba tiết diện của một thể giới:

*Gió rút tầng cao trắng ngả ngửa
Vỡ tan thành vũng đọng vàng khô
Ta nằm trong vũng trắng đêm ấy
Sáng dậy điên cuồng máu ra.*

(Trần Thanh Mại, tr. 63)

Hình ảnh máu hoặc nhỏ từng *giọt*, hoặc ọc từng *búng*, hoặc đọng thành *vũng*, hoặc chảy thành *sông*, có lẽ là dấu hiệu của bệnh lý. Ý nghĩa của máu là cuộc sống vì máu mang sinh lực đến cho mỗi tế bào, mà đồng thời cũng là côi chết, khi đã khô, đã đọng *thành vũng máu đào trong ác lặn*.¹ Về hình ảnh máu vẫn thường gặp trong thơ Baudelaire, Jean-Piere Richard viết: “Sự xuất huyết thiêng liêng ở chỗ nó hội tụ cuộc sống hiển nhiên và cái chết tàn nhẫn”². Máu là cuộc sống đang chết, hay là cái chết tiềm ẩn trong cuộc sống. Máu là hồn của thể xác mà cũng là xác của linh hồn, nói khác đi máu là thơ:

*Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút
Mỗi lời thơ đều dính não cân ta
Bao nét chữ quay cuồng trong máu vọt
Cho mê man chết đuối cả làn da
Cứ để ta ngát ngư trong vũng huyết
Trải niềm đau trên mảnh giấy mong manh
Đừng nắm lại nguồn thơ ta đang siết
Cả lòng ai trong mớ chữ rung rinh.*

(Trần Thanh Mại, tr. 58)

¹ Jean Pierre Richard. *Poésie et Profondeur*. Seuil. Paris, 1955.

² P. Dhorme. *Revue Biblique*, số 4, tháng 10-1920, tr. 473-474. Loạt bài L’emploi métaphorique dans la Bible, chuyện về hình ảnh của thân xác rất cần cho việc tìm hiểu thơ Hàn Mạc Tử.

Máu, cũng như thế, vừa là một hành hạ, vừa là một giải thoát. Chúng ta vẫn thường gặp những hình ảnh máu trong *Kinh thánh*: Máu là nguyên lý sự sống, nhưng khác với linh hồn ở chỗ máu là thành phần hư nát của cơ thể, còn linh hồn vẫn tồn tại đợi ngày Phục Sinh ^[4]. Từ máu Cứu Thế trên Thánh Giá đến máu chiên con, hình ảnh của đau đớn, của hư nát lại là hình ảnh của Hy Vọng; máu của chúng sinh tuy không vào được nước Đức Chúa Trời (1Cr 15, 50) vẫn là một môi giới, một phương tiện, một ánh sáng, một thẩm mỹ:

*Và ai gánh máu đi trên tuyết
Mảnh áo da cừu ngấm nở nang. (Tr. 38)*

Trong bài “Biển hồn ta” (tr. 52) bắt đầu bằng câu *Máu tim ta tuôn ra làm biển cả...*, người đọc có cảm giác như máu và hồn là một, hay máu là hồn của xác thịt còn thể phách là hồn của toàn cơ thể, vì chính nhà thơ cũng phân biệt *hồn ngoài* và *hồn trong*:

*Hồn hãy thoát ly ra ngoài tâm tưởng
Là hồn đừng nghĩ ngợi đến hồn trong
Cứ để mặc hồn ngoài bay lượn vờn
Ngao du cùng khắp cõi trí mênh mông
... Rồi hồn ngấm tử thi hồn tan rã
Bốc thành âm khí loãng nguyệt cầu xa...*

Đã là hồn rồi mà còn có tử thi nữa sao? Lại còn ngấm được tử thi của mình nữa sao? Ở đây, ngoài sự phân biệt “hồn” và xác cố hữu trong tiềm thức người Sài Gòn, ta còn phải ghi nhận thêm ảnh hưởng phong thổ vùng từ Quy Nhơn đến Phan Thiết nơi Hàn Mạc Tử sống, vùng đất của người Chăm. Nhà thơ thế nào cũng nghe chuyện ma Hồi đêm đêm lia khỏi xác đi chơi hay ăn đêm, và đã nhớ đến những chuyện đó trong cơn mê sáng bệnh hoạn. Nhưng trong Thánh kinh, nhất là *Cựu Ước*, chúng ta còn bắt gặp dấu tích sự

phân biệt đó, bắt nguồn từ tư tưởng Do Thái giáo, Thân thể, tiếng Hébreu (Do Thái) gọi là *basar*, dịch ra Latinh là *caro*, thành tiếng Pháp là *chair*. Xác thịt, nếu không có sinh khí, chỉ là một “tử thi”. Hơi thở của Jahweh đã hà sinh khí vào xác thịt, nhưng chỉ tạo nên một quân bình mong manh: “thần khí của ta sẽ không lưu lại mãi trong loài người, vì loài người chỉ là thân xác” (St 6, 3); vậy trong tư tưởng Do Thái giáo, chẳng những hồn và xác khác biệt nhau, mà hồn là thần khí mà Đức Chúa Trời ký thác vào thân xác con người đó thôi, chứ không hẳn của con người. Do đó, trước khi chết, Chúa Giêsu đã nói “Thưa Cha, trong tay Cha con trả lại linh hồn” (x. Lc 23, 46) và Huy Cận đã nhắc lại trong câu *Lạy Thượng Đế tôi cúi đầu trả lại, Linh hồn tôi...* Linh hồn đó, là cái thần khí của Jahweh nay trở về với Jahweh, chứ không phải là cái *hồn là khỏi xác* của Hàn Mạc Tử. Hồn này lại là một chuyện khác, một biểu hiệu của sự sống; hồn này có thể chết, có thể hư nát như thịt xương (Tv 78, 50) lang thang xuống âm ty sống đời khổ ải, cho đến ngày Thượng Đế cho linh hồn sinh những đồng xương tản mát¹. Trong những lời truyền dạy của Thánh Tự, Hàn Mạc Tử đã nhớ những chi tiết phù hợp với tâm hồn hay bệnh trạng mình nhất, nghĩa là sự phân biệt giữa hồn và xác, trong khi giáo lý Thiên Chúa về vấn đề này, phức tạp hơn nhiều.

Vì nhà thơ, trong cơn hành hạ của bệnh lý dĩ nhiên là tìm cách giải thoát, dù chỉ bằng mê sảng:

*Thịt da tôi sượng sần và tê điếng
Tôi đau vì rừng rợn đến vô biên
Tôi chìm hồn xuống một vũng trắng êm
Cho trắng ngập dần lên tới ngực.* (Tr. 53)

Ở đây, ta bắt gặp hình tượng Trăng, Hồn và Máu dồn dập lại

¹ *Vocabulaire de la Théologie Biblique*, Sdd, tr. 31.

trong tương quan chặt chẽ: nhà thơ *khắc hồn ra khỏi miệng*, hay *điên cuồng mửa máu ra*, hay *ngâm cả miệng ta trắng là trắng*, cả ba hình ảnh đều oà vỡ từ thân xác, và từ thân xác *Đau thương*. Hàn Mạc Tử đã dùng thơ để sống trọn vẹn tín lý của mình. Chàng đã thấy hồn mình trong máu vọt, và hồn mình chính là máu đang tuôn trào lênh láng; chàng đã ghi lại những cảm giác rùng rợn đó, bằng những hình ảnh ta đã gặp trong *Cựu Ước*: hồn trong máu (Lv 17, 10) hồn là máu (Lv 17, 14), một thứ máu luôn luôn vươn đến ánh sáng, như hình ảnh Đức Chúa Trời chói chang trong tấm áo dệt bằng ánh sáng trong *Thánh vịnh* (Tv 104, 2) và *đắm máu chiên con* trong *Khải huyền* (Kh 19, 13). Máu chiên con trở thành Ánh Sáng, và chiên con là ngọn đèn bất diệt của Giêrusalem mới. Do đó, tôi nói Hồn, Máu và Trắng chỉ là ba màu sắc chiết quang của một Ánh Sáng Duy Nhất. *Người đi trong Mơ Ước*. Trong mơ ước, Hàn Mạc Tử đã gọi *Ánh Sáng Khải huyền* ấy là *Xuân như ý*.

* * *

Cho mau lên! đồn ánh nguyệt vào đây...

*Đưa ra, nào là nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc và hoa
trình bạch, đàn lý tao, tranh tuyết phẩm...*

Vẫn là chưa bưa, chưa đã, chưa người được chí muôn sao!...

Phải mời cho được Xuân Thiêng ra đời. (Tr. 65)

Như vậy *Xuân Thiêng* ở đây phải là một mùa xuân khác. Không còn là mùa xuân phẳng phất ngày xưa *trong làn nắng ửng
khói mơ tan*. Tuy là *trời hạo nhiên* trong thế giới đợi chờ của *Gái
quê* cũng là một *công trình châu báu*, do *phép tắc màu nhiệm của
đấng Vô thỉ Vô chung*, nhưng là một thế giới hư nát, sẽ vỡ lở, sẽ
chấm dứt. Vì *công trình châu báu* của Thượng Đế, sau khi con người
tự dấn thân vào tội ác, cũng đồng thời là một sự phản nộ của

Thượng Đế; mặt đất, nguyên là Quê Hương của loài người đã trở thành một Lưu Đày, không còn là vườn Địa Đàng long lanh như hương và bích ngọc, cũng không phải là Đất Hứa óng ánh sữa thơm và mật ngọt; trên mặt đất, lúa tốt còn mọc lẫn với cỏ hoang, trái lành ửng chín trong gai bụi, và lương thực loài người còn trộn lẫn cát bụi với mồ hôi; và con người không những *thịt da sượng sần và tê điếng* mà còn nứt nẻ như muốn tan rã ra cùng vũ trụ, làm cho mê lẫn máu và hồn *ta là ta hay không phải ta*. Thế giới hiện tại, tuy vẫn có *thanh sắc, nhu hương*, vẫn mang sẵn mục nát trong mầm sống. Và mầm sống đó, có sung mãn đến đâu, thì nhà thơ vẫn *lòng thương chưa đã mến chưa bưa*, nên phải mời cho được Xuân Thiêng.

Chúng ta chưa quên được *Người đang say sưa đi trong Mơ Ước* đã gặp ở trang đầu. Vậy Xuân Thiêng đây là niềm mơ ước ở sự tồn sinh sau cõi chết, sẽ được phục hồi trong cảnh trời mới đất mới, rạng ngời trong *đanh Cha cả sáng*. Những thi phẩm cuối cùng của Hàn Mạc Tử như *Xuân như ý* gom góp xong đầu năm 1939, *Thượng thanh khí* đầu năm 1940, gồm hai vở kịch thơ *Duyên kỳ ngộ* và *Quần tiên hội* viết dở dang, đều nói lên niềm Mơ Ước đó. Trong bài này, tôi tạm xếp ba tác phẩm trên cùng những bài cuối tập *Đau thương* vào chủ đề *Xuân như ý*, cho gọn, và như một giai đoạn trong thi trình Hàn Mạc Tử.

Mùa *Xuân Thượng Thanh*, đó ra sao? Về chủ đề mơ ước trong Thánh kinh, một chuyên gia về giáo lý Thiên Chúa nhận xét: “Cuộc sống vĩnh viễn được xác nhận rõ rệt bao nhiêu, thì những đường nét của nó lại mờ nhạt bấy nhiêu. Không những mờ nhạt, mà đôi khi còn thiếu sót. Sự tồn sinh không được mô tả, dù dưới những hình ảnh *Khải huyền*”¹.

¹ Jacques Quillet, từ sách giáo lý, *Thèmes Bibliques*, Aubier, 1950, tr. 175.

Lẩn trong mơ hồ đó, nhà thơ tha hồ mà tưởng tượng quang cảnh trời đất mới. Nếu *Xuân như ý* còn nhiều hình ảnh dựa theo tín lý Thiên Chúa, thì *Cắm châu duyên* lại gần với huyền tượng của dân gian phảng phất không khí thần tiên của Đạo giáo - một thứ Đạo giáo bình dân, không ăn thua gì đến cái “đạo khả đạo” của Lão Tử. Vì vậy Hoài Thanh cho rằng Hàn Mạc Tử “chốc chốc lạc vào thế giới đồng bóng”. Thật ra trong cái hoa hoè của dự tưởng, nội dung nòng cốt của *Xuân như ý* vẫn là một tín điều Thiên Chúa giáo.

Trước hết đó là một mùa Xuân. Nghĩa là một thế giới mới, một khung cảnh tái tạo, như cảnh thành Giêrusalem mới được thánh Jean rao truyền ở chương cuối *Phúc Âm*, Trời mới đất mới được dựng lên trên cảnh *trộn trạo, tán loạn* của ngày tận thế:

*Cả vũ trụ tàn theo ngày Phán xét
Là khủng khiếp cả Trời Đất tiêu diệt. (Tr. 60)*

Mùa Xuân đó ở xa. Ở thật xa nếu nhìn từ thế giới hồn nhiên của *Gái quê*:

*Cửu Trùng là chốn xa xôi ấy
Chim én làm sao bay đến nơi. (Tr. 37)*

Nhưng kinh nghiệm *Đau thương*, kinh nghiệm của xác tín trong khổ não, đã chấp lên thân xác nứt nẻ của nhà thơ đôi cánh phượng hoàng. Bằng những bất hạnh, Hàn Mạc Tử đã đến gần với Chúa và gần với mùa xuân Mơ Ước hơn là cánh én bơ vơ:

*Phượng trì! Phượng trì! Phượng trì! Phượng trì!
Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu
Hồn tôi bay đến bây giờ mới đậu
Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang. (Tr. 78)*

Trong bài “Thánh Nữ Đồng Trinh Maria” này, với nguồn rung cảm

mãnh liệt của đức tin, nhà thơ đã sống cả thế giới hiện tại lẫn mùa xuân dự tưởng, đã nói đến *con lâm lụy đã trải qua dưới thế* như là một quá khứ. Và trong đức tin đó, nhà thơ đã vẽ cho ta địa hình của Đất Mới, trong bài tựa tập *Xuân như ý*:

Vì chưng muôn xuân là lương thực ngon ngọt, mỹ vị, ánh xuân là nguồn tư tưởng thơm tho tinh khiết, khí xuân là mạch trường sinh bất tử, tình xuân là cung cầm nguyệt mê ly, tuổi xuân là *Ngọc Như Ý*, tên xuân là *Dạ Lan Hương*.

Và xuân là phong vị thái hoà của năm muôn năm, trời muôn trời, chân lưu trên thượng tầng không khí, bàng bạc cả dải Hà Sa, chen lấn vô tận hồn tạo vật...

Loài người hãy tận hưởng một hơi cho đã ngán và cao rao danh Cha cả sáng... (tr. 66)

Chúng ta thử khai triển vài nét chính của *Xuân như ý*. Chúng ta đã thấy đó là mùa xuân hồi sinh, sau khi “trời thứ nhất, đất thứ nhất tan biến” (Kh 21,2). Như đặc biệt mùa xuân này nảy lộc từ mùa đông, nhưng sẽ không bao giờ chuyển sang mùa hạ *Mai này thiên hạ mới tinh khô*... Và sẽ còn tinh khô mãi mãi, vì đã đi vào cõi *tứ thời xuân non nước*. Trong *Cảm Châu Duyên* nhà thơ gọi là *Xuân vô cùng đến ngàn năm ơn phúc* và mô tả như một tia sáng triền miên:

*Liên hồ đây bốn mùa xuân cả bốn
Ngát hương đưa trong gió sớm chơi vui
Làm nước mát và chưa bao giờ gợn
Vết phong trần đưa lại ở xa khơi*

(Trần Thanh Mại, tr. 147)

Đoạn cuối *Khải huyền* truyền giảng rõ ràng. Đất Mới đây, là châu thân Thiên Chúa; mùa xuân của Hàn Mạc Tử trường sinh bất tử,

năm của muôn năm, vì ở *Khải huyền*, Chúa đã kết luận: “Ta làm mới mọi vật. Ta là Alpha và Oméga, là nguyên lý và cực chung” (Kh 21, 5-6).

Xuân như ý tiếp đến là một vũ trụ *thơm tho* và *trinh khiết* vì là *cần khôn mới dựng lên*. Ở đây, nhà thơ như rợn ngợp trong trình nguyên của Đất Mới, mà tượng trưng là con chiên con vô tội và vô tội, làm ngọn đèn trình bạch rọi sáng cả hoàng thành. Thi sĩ vội nguyện cầu gọi rửa:

*Tôi van lơn thăm gọi Chúa Giêsu
Ban ơn xuống cho mùa Xuân hôn phớt
Xin tha thứ những câu thơ tội lỗi
Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng.* (Tr. 74)

Và để ngợi ca vinh hiển của *Nguồn thơm*, nhà thơ đã ca ngâm giọng long lanh, thanh thoát:

*Ta cho ra một dòng thơ rất mát
Mới tinh khôi và thanh sạch bằng hương.* (Tr. 70)

Theo Hoài Thanh - người may mắn hơn chúng ta, được đọc toàn bộ thi phẩm – thì *Cẩm châu duyên*, thi phẩm cuối cùng, là “trong trẻo hơn cả”¹. Âu cũng là chuyện lạ. *Gái quê*, từ ban sơ, đã là một dòng suối rừng vẫn đục, rồi chảy qua một cuộc đời khổ ải, chuyên chở không biết bao nhiêu trần lụy, ấy mà dần dà lại gạn lọc hết phù trầm, để đổ ra đại dương bằng một giải Cẩm Châu trong vắt. Thật là một đặc điểm trong phẩm thi ca.

Đất Mới còn là một xứ rực rỡ, cao sang, vì *xuân* mang tên một loài *Ngọc*:

Ánh hào quang chan chói ngắt lưu ly

¹ Hoài Thanh và Hoài Chân, Sđd, tr. 124.

*Ôi! Cao sang khôn ví, trọng ai bì
Trên nước cả có vô vàn châu báu. (Tr. 67)*

Những hình ảnh tráng lệ như *gấm, ngọc, trân, châu, thất bảo, nhũ hương, mộc dược* đều muốn gọi lên một vinh hiển, như khi sứ đồ tả thành Giêrusalem mới trong *Khải huyền*: “Thành ấy chói sáng như một viên bửu thạch, như bích ngọc rạng ngời... Tường thì xây bằng bích ngọc, thành thì xây bằng vàng ròng, tợ như thuỷ tinh trong vắt. Mười hai cửa thì làm bằng mười hai hột châu” (Kh 21,11.18.21). Dựa theo *Khải huyền*, tôi cho rằng những đền đài dự tưởng trong Hàn Mạc Tử là một phóng thể của đức tin Thiên Chúa, vì cảnh Bồng Lai của Á Đông, cảnh thần tiên của Đạo gia không có cái huy hoàng rực rỡ đó.

Cuối cùng *Xuân như ý* là một thái hoà tuyệt đối, trong không gian và thời gian, thái hoà của năm muôn năm, trời muôn trời. Ở đó, trời thì bình an như nguyệt bạch, còn người thì hoan hảo, no nê nhờ trái cây bằng ngọc, vỏ bằng gấm. Còn nói chung:

*Thiên hạ thái bình và trời tuôn ơn phước
Như triều thiên vờn lượn khắp không gian. (Tr. 71)*

Ở đây, sầu đau chìm trong quên lãng. Đất Mới không còn cảnh “chết chóc, than khóc, kêu ca hay đau đớn nữa” (Kh 21,4) vì những *lâm lụy dưới thế* đã qua. Ở đây tất cả đều là ánh sáng. Và ánh sáng là linh thị cuối cùng bao trùm trọn vẹn thi trình *Xuân như ý*, đồng thời rọi lại toàn bộ tác phẩm Hàn Mạc Tử như một *Thánh thể kết tinh* triền miên vươn tới Ánh Sáng, vươn tới *Ánh hào quang chan chói ngát lưu ly*. Hay trở về Ánh Sáng. Ở đây, chúng ta đi sâu vào ngõ ngách cuối cùng trong đức tin Hàn Mạc Tử:

*Ta ước ao đầu đội mũ triều thiên
Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng*

Tôi sẽ dừng lại ở đây, dừng lại ở hình ảnh *Nguồn Ánh Sáng*, vừa là một vươn tới, vừa là một trở về, Mùa *Xuân như ý* đẹp trước hết vì là *Xuân* thứ đến vì nó là *Như Ý*, nó đưa con người về với Chúa, về với *Nguồn*. Vậy *Nguồn Ánh Sáng* ở đây là Alpha và là Oméga, vừa là cội rễ vừa là cứu cánh con người. Và cơ cấu thơ Hàn Mạc Tử do đó gói ghém cả mặt khải Thánh Tự lẫn lịch trình Cứu Rỗi. Tôi có cảm giác đã làm xong một bài luận mạch lạc. Bây giờ là hết.

* * *

Tham vọng của tôi trong bài này là đề nghị một lối nhìn nhất quán vào tác phẩm Hàn Mạc Tử trong giới hạn những bài thơ còn lưu truyền, nghĩa là trên một sự nghiệp bị thời gian cắt xén. Khai quật cơ cấu nội tại của sự nghiệp đó, chúng tôi lại còn mong ước rọi sáng những bài, những câu thơ mà các nhà phê bình xưa nay, từ Trần Thanh Mại đến Vũ Ngọc Phan, cả thi sĩ Quách Tấn đều cho là khúc mắc. Theo chúng tôi, hiểu tất cả các câu thơ, các bài thơ trong một tập thơ, chưa hẳn đã là hiểu toàn bộ tập thơ, ít nhất cũng đối với người viết phê bình. Chúng ta còn phải hiểu liên hệ nội tại trong mỗi tập thơ để nắm vững cơ cấu sáng tạo của thi sĩ – ít ra cũng trong chủ quan người đọc.

Liên hệ nội tại đó, tôi đặt trên đức tin của Hàn Mạc Tử. Tôi cũng có thể đề nghị một nền tảng khác; tôi chọn chủ đề này với một dụng ý: giải thích những nhận xét cố hữu của các nhà phê bình tiền bối vẫn cho Hàn Mạc Tử là nhà thơ Thiên Chúa giáo, mà không nói rõ, nói đầy đủ, tại sao. Các vị đó thường trích dẫn những bài thơ hay câu thơ có âm vang tôn giáo, có hình thức tín ngưỡng như *Maria linh hồn tôi...* rồi kết luận; theo tôi, thì chưa đủ, vì một người không có đức tin cũng có thể kể rất nhiều tên Thánh, làm thơ ca tụng đáng Tối Linh, như ngày xưa các cụ Nguyễn Hữu Tiến hay Tản Đà nhắc đến Thượng Đế trong *Quả Dưa Đỏ* hay *Giấc Mộng Con*.

Theo tôi, chúng ta chỉ có thể nói đến tín lý trong một tác phẩm khi toàn bộ tác phẩm đó tiềm ẩn đức tin trong cơ cấu. Nói khác đi, một người Thiên Chúa giáo chưa hẳn là kẻ đọc kinh vanh vách, mà là người đem trọn cuộc đời mình đáp lại lời gọi của ơn Trên, và một thi sĩ Thiên Chúa giáo không hẳn là kẻ tự xưng là *thi sĩ của đạo quân Thánh giá* (tr. 71) như Hàn Mạc Tử đã tự nhận, mà là kẻ đem cả sự nghiệp thi ca của mình âm vọng lại tiếng gọi của Thượng Đế. Và dĩ nhiên không phải là kẻ “dùng thơ để truyền bá tôn giáo của mình” như Quách Tấn nhận định ở trang 118 số *Văn* thượng dẫn. Do đó mà tôi cố gắng chứng minh toàn tập thi phẩm Hàn Mạc Tử là một tiếng vọng của Thánh Tự.

Dĩ nhiên, trong tác phẩm Hàn Mạc Tử còn nhiều vết tích của một nhân bản Việt Nam. Tín ngưỡng Thiên Chúa đã nảy mầm trên một nhân bản phiếm thần và đa giáo, thì hồn thơ Hàn Mạc Tử không khỏi làm một lăng kính hội tụ rồi phát huy nhiều nguồn sáng khác nhau, và hỗ tương lẫn nhau, như Giáo hoàng Paul VI đã tuyên bố trên đài phát thanh *Véritas* chủ nhật 29-11 vừa qua, nhân chuyến công du sang Á Đông: “Chúng ta đang ở một vùng đất mà những tư trào cổ kính của Đông phương và những trào lưu mới mẻ hơn Tây phương đã kết hợp lại và làm giàu cho nhau”¹.

Và bạn đọc sẽ hoan hỉ nếu Quách Tiên sinh thủ lời hứa “nói về đạo Từ bi trong thơ Tử” vì sẽ hiểu thêm một khía cạnh của thi phẩm, qua kiến thức uyên bác của tiên sinh về phương diện Phật lý cũng như tác phẩm Hàn Mạc Tử.

Val de Loire, 12-1970

ĐẶNG TIẾN

¹ *Le Monde*, Số ngày 1-12-1970, tr. 8, cột 1.

(Đã đăng tạp chí Văn, Sài Gòn, số 179, ngày 1-6-1971 – Lấy lại theo PCĐ II, 393-417).

NỬA ĐÊM ĐI TÌM HÀN MẠC TỬ

Những nguyện vọng cuối cùng

BÙI TUÂN

Đêm đã khuya.

Thành phố Quy Nhơn bắt đầu ngái ngủ.

Con đường Gia Long là phố rộn rịp hơn hết đã thừa người đi. Ánh sáng đèn điện dần dần trở nên buồn bã. Các hiệu buôn lần lượt lên cửa, tiếng những tấm ván bị đẩy mạnh vào trong khung gỗ bắn ra chan chát. Lữ khách cảm thấy buồn buồn, tưởng nhớ đến cảnh đầm ấm của gia đình. Giữa cảnh tượng ấy, hình dung của Hàn Mạc Tử ám ảnh tôi.

Đã lâu lắm, tôi không gặp Hàn Mạc Tử.

Lần sau cùng tôi đến thăm chàng, tôi nhớ rõ là một buổi mai tung bừng nắng mới. Cùng đi với tôi hôm ấy có một nhạc sĩ, bạn của hai chúng tôi ở trong Nam mới về.

Hồi ấy, năm 1939 giới văn nghệ Việt Nam đã quen với tên Hàn Mạc Tử.

Và than ôi! Lúc tiếng tăm của thi sĩ tung ra như ánh mặt trời mai thì cũng là lúc bệnh phong đang hành hạ cái thân thể của chàng. Vì thế, lúc ấy, chàng đi ở riêng một mình trong một túp nhà tranh lẩn lút giữa những túp nhà tranh khác của đám dân chài rải rác trên bãi cát Xóm Động.

Chúng tôi bước trên cát lún quá mắt cá. Được một lát, chúng tôi đến trước túp nhà tranh tiều tụy của thi sĩ.

Hàn Mạc Tử đang nằm ở cái ghế dài đan bằng mặt mây, đặt sát bức vách phen, bên cạnh một cái bàn thờ Ông Bà đầy bụi bặm. Thấy có khách, chàng liền đứng dậy. Và sau khi nhận ra chúng tôi, chàng liền bước ra, thân mật bắt tay, rồi chỉ cái chõng tre đặt ngay bên cạnh cửa đi vào cho chúng tôi ngồi.

Bệnh phong đã thay đổi con người của anh một cách rõ rệt. Con người xưa đã biến mất rồi. Người bạn trẻ ít nói như gái nhà lành với giọng thơ hoang ngảm và phảng phất trào phúng của *Gái quê*, nay không còn nữa.

Tôi còn thấy rõ ràng một buổi chiều về cuối mùa thu năm 1936, Hàn Mạc Tử ra Huế đến tìm tôi tại báo quán *Vĩ Chúa* ở đường Khải Định. Chàng vừa cho xuất bản tập thơ đầu tay *Gái quê* mà làng văn đã chú ý đến. Chàng vẫn còn khỏe mạnh và vẫn mang theo nụ cười ranh mãnh ngày xưa.

Trông Hàn Mạc Tử ngày nay, ở trong một túp nhà tranh thuê chật hẹp, không giường nằm, không bàn viết, không ghế ngồi, tôi nhận ra rằng sự thật lại còn quá hơn tưởng tượng mà người ta thường phác họa ra trong trí về cảnh thiếu thốn của những thi sĩ nghèo nàn. Tuy bị bệnh hay có lẽ cũng vì bệnh, chàng nói chuyện rất nhiều, rất hoạt động. Hình như trí của chàng lại thêm phần sáng suốt. Chàng tin rằng bệnh của mình sẽ thuyên giảm. Chàng còn hy vọng sẽ lành hẳn nữa.

Chàng nói chuyện về thơ, về văn chương. Tôi sững sốt ngồi nghe nhưng trí não bận đến sự thay đổi mau chóng của thân thể chàng.

Hôm nay, ngồi trên chiếc xe tay qua phố Gia Long trong một giờ buồn buồn, những hình ảnh ấy lần lượt hiện ra trong trí tôi. Một ít bài thơ chưa in mà tôi được đọc và nhận thấy có khuynh hướng về Thiên Chúa giáo càng làm cho tôi càng muốn gặp Hàn Mạc Tử.

Lâu nay, tôi vẫn biết bạn tôi là người Công giáo, tính tình rất tốt. Nhưng tôi chưa thấy chàng viết gì có liên lạc về tôn giáo của chàng cả. Lúc thơ mới chưa ra mắt, vào khoảng năm 1930, tạp chí Công giáo **Lời Thăm** ở Quy Nhơn có đăng những bài thơ theo luật Đường – thất ngôn bát cú, tứ tuyệt – của chàng dưới bút tự Phong Trần. Phần nhiều các bản thơ ấy không có khuynh hướng về tôn giáo. Về sau, khi trợ bút cho trang văn chương của báo **Công Luận** cũng như vào lúc chàng vào Nam kỳ biên tập trang văn chương của báo Saigon, dưới tên ký Lê Thanh và Hàn Mạc Tử, những ý tưởng về tôn giáo vẫn chưa xuất hiện dưới ngòi bút của chàng. Rồi trên đường xuôi ngược, ở xa, tôi được nghe và thấy Hàn Mạc Tử bước lên đài danh vọng của làng thơ với những tập thơ không in, trong ấy có cả tập Xuân như ý mà chàng gọi là thơ cầu nguyện.

Và vì thế, tối hôm ấy, tôi càng nóng ruột muốn gặp người bạn cũ. Tôi bảo anh xe kéo đến nhà bà thân mẫu của Hàn ở đường ra Lò Bò, ở gần bãi biển, nơi mà chàng cùng tôi đã có lần chung mâm, chung chiếu. Tại đây, người ta cho tôi biết rằng bà thân mẫu của bạn tôi đã dời qua đường O'dhendal, trước Pháp Việt Học Xá. Tối nơi, người chị hai của chàng, Như Nghĩa bảo tôi rằng hiện nay chàng ở dưới Tấn, đầu cái mũi đất đâm ra giữa biển Quy Nhơn.

Xe chạy. Bầu trời tối đen. Gió biển thổi vù vù. Đường vắng người. Ánh sáng đèn điện lạnh lùng. Người ta chỉ cho tôi một cái nhà tranh thấp ở cạnh đường, nấp sau một bờ rào bông bụt kín.

Không bao giờ tôi quên được cái gương mặt phù lên mà tôi trông thấy thấp thoáng dưới ánh đèn Hoa Kỳ leo lét. Chàng chưa ngủ và có lẽ suốt đêm cũng không ngủ được mấy tiếng đồng hồ. Đương nằm trên chiếc ghế mây dài-cái ghế độ nọ mà lâu nay chàng vẫn dùng làm giường-bạn tôi đứng dậy. Chàng không đến bắt tay tôi như lần trước. Cái cảnh tịch mịch của đêm khuya trong cảnh nhà

vắng vẻ, sự thay đổi hoàn toàn trong con người chàng đem lại cho tôi một cảm giác rùng rợn, lạnh buốt thấu xương. Chàng không ra khỏi chỗ đứng, tuy rằng thấy tôi, chàng đã bắt đầu nói chuyện:

- Tôi còn hy vọng lành được. Có lần bệnh tôi như đã khỏi hẳn. Da thịt tôi trở nên hồng hào, tốt đẹp. Tôi đi dạo chơi suốt buổi chiều...

Rồi chàng cho tôi biết rằng chàng đến ở đây là vì người bà con với ông chủ cho chàng thuê nhà làm thầy thuốc chữa phung rất hay. Và nếu hôm ấy, tôi trông thấy bệnh của chàng có vẻ nặng là vì ông thầy thuốc ấy muốn làm cho phong bật cả ra ngoài da để chữa cho dễ.

Lần này, đến thăm thi sĩ Hàn Mạc Tử, tôi đã dự định một ít câu hỏi như đi phỏng vấn vậy. Chàng đã cho tôi biết ý kiến riêng về các nhà thơ có tiếng lúc bấy giờ, về hiện trạng của thi ca Việt Nam, về sứ mạng của thi nhân, về thơ của chàng và về dự định của chàng nữa...

Nói đến thơ có khuynh hướng về tôn giáo, về mặt của Hàn Mạc Tử hoạt động hẳn lên:

- Tôi dự định viết ra nhiều tập thơ về tôn giáo. Trong thi giới ta, chưa ai nghĩ đến việc đem truyện Sinh Nhật, truyện Phục Sinh... làm thi đề. Đó là những thi liệu không còn gì thi vị bằng.

Nhưng lần này, hình như tâm linh báo cho chàng biết trước rằng chàng không thể lành hẳn được nên trước khi tôi ra về thi sĩ bảo tôi:

- Anh ạ, nếu tôi lành được tôi sẽ thi hành những dự định ấy, tôi sẽ ở bên cạnh các anh, nhưng nếu Chúa gọi tôi về thì cũng phải vâng theo thánh ý Ngài.

Tôi từ già Hàn Mạc Tử, trí não vợ vẫn nghĩ đến một lời của nhà thi sĩ có lẽ là cao quý hơn hết trong thi giới hiện thời, một lời mà thi sĩ thốt ra trong khi nói chuyện với tôi về việc làm thơ đạo hạnh:

- Bao giờ tôi cảm thấy mình đau đớn trong xác thịt và trong tâm hồn, và nhưt là tôi thấy mình bình tĩnh, trong sạch thì mới làm ra được những bài thơ đạo hạnh. Không phải lúc nào mình cũng làm được lối thơ ấy.

Một lần nữa, chúng ta thấy rằng thơ là hình ảnh của thi sĩ, hay đúng hơn, thơ là tâm hồn của thi sĩ rải rác trong vầng điệu. Và vì thế, trước khi làm thơ thi sĩ còn phải làm “người”.

Mùa thu năm 1940, tôi ở trong một vùng quê thuộc miền Nam Trung kỳ. Một buổi sáng, tôi dỡ xem một tờ nhật báo ở Nam kỳ gửi lại. Trong mục chuyện vặt hằng ngày, tôi nhận được tin Hàn Mạc Tử từ trần tại nhà thương phung Qui Hòa.

Thì ra cuộc đến thăm lần ấy là lần thăm cuối cùng. Và cũng là cuộc tạm biệt giữa tôi và thi sĩ Hàn Mạc Tử ở dưới thế giới đau khổ này.

* * *

Theo Bà Bửu Giảng (tức là Như Lễ, chị ruột của Hàn Mạc Tử) thì trong thời kỳ ở xóm Tấn lúc sau, khi bệnh tình trở nên trầm trọng, Hàn Mạc Tử có làm thơ ca ngợi Chúa và Đức Mẹ. Theo bà thì những thơ này cất trong một rương với nhiều tài liệu khác về Hàn Mạc Tử để tại Gò Bồi trong những năm sau này. Năm 1951, mới đã ăn hết một phần các tài liệu quý hóa ấy.

Như Lễ nói có đọc những thơ sau này của Hàn Mạc Tử về Thiên Chúa và Đức Mẹ và bài thơ này không gởi cho ai cả, kể cả Quách Tấn là người mà trước kia, một ngày Hàn Mạc Tử viết một cái thư.

Trong cuộc tiếp xúc cuối cùng với Hàn Mạc Tử, cái nguyện vọng cuối cùng mà tôi ghi nhận trong lời nói thiết tha của chàng là được ca tụng những màu nhiệm lớn lao của đạo Công giáo trong thi ca của mình.

Bệnh tình của Hàn Mạc Tử có để cho chàng đủ thời gian đạt được cái nguyện vọng ấy không?

<http://www.aiki-viet.com.vn/van/mldocument.2009-01-03.9819681312> (Website Trung-tam Aikido Thien-Long)

HÀN MẠC TỬ: THƠ VÀ KINH

PHẠM ĐÁN BÌNH

*Một khối tình nức nở giữa âm u,
Một hồn đau rã lần theo hương khói,
Một bài thơ cháy tan trong nắng đợi,
Một lời ru hơi hóp giữa không trung,
Cả niềm yêu ý nhớ, cả một vùng
Hóa thành vũng máu đào trong ác lặn.*

(Trường Tương Tử)

Ngày 11, tháng 11, năm 1940, Hàn Mạc Tử trút hơi thở cuối cùng, tại bệnh viện Qui Hòa, sau 4 năm đau đớn vì phong hủy, và 28 tuổi đời giữa độ anh hoa.

Thân thế Hàn Mạc Tử? Chính tác giả vừa phác họa, qua những vần thơ trên, sáng tác trong giờ phút đau thương nhất của cuộc đời: nghèo khổ, bệnh tật, thất tình, cô đơn.... Bao nhiêu đổ vỡ thê thảm, từ tấm “thân tàn ma dại”, đến tương lai sự nghiệp, qua “tình duyên dở dang... uyên ương không đoàn tụ”. Thân phận bi đát ấy, chính người đã hình dung như một “vũng cô liêu”, như “một chiều vàng úa”, lênh láng máu đào của con tim tan vỡ.

Nhưng ý thức tiêu tán đây không dẫn đến hư vô, tận tuyệt. Thân thế Hàn Mạc Tử không phải thấp thoáng bóng quạ kêu, mà có dáng bề câu siêu thoát. Đôi cánh cứu độ đã giúp người vượt qua vực thẳm tuyệt vọng, vươn lên cõi trường sinh bất diệt, tìm được “phong vị thái hòa của năm muôn năm, trời muôn trời”, là THƠ và KINH.

Trước tàn nhẫn của cuộc đời, Thơ là nguồn an ủi dịu hiền:

*“Anh ngâm nga để mở rộng cửa lòng
Cho Trăng Xuân tràn trẻ say chơi với
Cho Nắng hường vấn vương muôn ngàn sợi”*
(Trường Tương Tư)

Trước cái mong manh của thể thái nhân tình, Thơ là niềm lưu
luyến bất diệt:

*Cùng trăng sao bàng bạc xứ Say Mơ
Cùng tình em tha thiết như Văn Thơ
Ràng rịt mãi cho đến ngày tận thế.*
(Trường Tương Tư)

Thơ Hàn Mạc Tử không còn là một món tiêu khiển – dù thanh
tao – bên chén rượu hay cuộc đời, mà là chính sự sống của người.

*“Tôi đã sống mãnh liệt và đầy đủ. Sống bằng tim, bằng phổi,
bằng máu, bằng lệ, bằng hồn... những thứ ấy là âm điệu của
thơ tôi, âm điệu thiêng liêng, tạo ra đang khi máu cuồn rên
vang dưới ngòi bút”.*
(Tựa Đau Thương)

Với Hàn Mạc Tử, Thơ đã trở thành KINH:

“Lạy Chúa Trời tôi! Hãy ban cho tôi hằng hà sa số là ơn lành,
ơn cả... Thơ tôi sẽ rất no, rất ớn, rất nư, trọng vọng như tài hoa, cao
sang như nhân đức, chói chan muôn vòm phúc lộc”.

Thi nhân trở thành vị tư tế nối liền vạn vật với Tạo Hóa:

*Hãy cầu nguyện bằng trăm kinh mây gió
Hãy dâng cho một tràng chuỗi trắng sao.*
(Tựa Xuân Như Ý)

Từ “áng gió bắn khoả”, nước mây “hỗn hển”, qua “những lời
năn nỉ của hư vô” đến “lời cảm” của “muôn vì sao ấy náy” và cảnh

tịch tịch của đêm khuya: cả vũ trụ đượm một màu huyền diệu như một buổi kinh lễ, trầm hương nghi ngút:

Khói nhạt nhạt xen vô màu xanh biếc...

(Đùng cho lòng bay xa)

Bỗng đêm nay trước cửa bóng trắng qui

Sấp mặt xuống uốn mình theo dáng liễu

Lời nguyện gấm xanh như màu huyền diệu

Nào nề lòng viễn khách giữa cơn mơ...

(Hãy Nhập hồn em)

Vì theo Hàn Mạc Tử, “Thơ là sự ham muốn vô biên những nguồn khoái lạc trong trắng của một cõi trời cách biệt”, nên trên đường lữ thứ tìm về Tuyệt đối, Thơ đã bắt gặp Kinh và kết duyên tao phùng:

Đây rồi, đây rồi, chuỗi ngọc vàng kinh

Thơ cầu nguyện là thơ quân tử ý...

(Ave Maria)

Trong thư viết cho Hoàng Trọng Miên, năm 1939, Hàn Mạc Tử đã nhận định sứ mệnh của thi sĩ:

“Thi sĩ không phải là một người thường. Với một sứ mệnh của Trời, thi sĩ phải biết đem tài năng ra ca ngợi Đấng Chí Tôn, và làm cho người đời thấy rõ vẻ đẹp của Thơ, để đưa nhau nhìn nhận và tận hưởng”. (“Quan niệm thơ” trong tập *Chơi giữa mùa Trăng*)

Hàn Mạc Tử cũng đã tâm sự với Bùi Tuân:

“Tôi dự định viết ra nhiều tập thơ về tôn giáo... bao giờ tôi cảm thấy mình đau đớn trong xác thịt và trong tâm hồn, và nhất là tôi thấy mình bình tĩnh trong sạch, thì mới làm ra được những bài thơ đạo hạnh”.

Có lẽ vì thế mà chuỗi ngày cuối cùng của Hàn Mạc Tử trong

bệnh viện Qui Hòa đã đan kết bằng Thơ và Kinh:

*“Lại đọc kinh, lại ngâm thơ, lại làm thơ, lại nhớ, lại nằm.
Buổi tối, khi ăn xong, cũng vừa đi bách bộ, vừa ngâm thơ
một cách sung sướng nhất đời. Cả ngày chỉ ngâm thơ và đọc
kinh là nhiều hơn cả...”*.

Đối với Hàn Mạc Tử, Thơ là Kinh, và Kinh là Thơ. Thơ đã đạt tới Kinh, và Kinh đã nhập vào Thơ, hoặc như Hoài Thanh đã nhận xét chí lý: “Thơ chẳng những để ca tụng Thượng Đế, mà cũng để nối liền người ta với Thượng Đế”.

Như Hàn Mạc Tử đã khắc khoải và tìm gặp được Niềm Tin, ta có thể theo dõi ba chặng đường của thi sĩ:

- I. Thơ và Kinh thao thức thuở Đợi Chờ
- II. Thơ và Kinh rên siết trong *Đau thương*
- III. Thơ và Kinh chan hòa niềm Hy Vọng.

Trước hết là Thế Giới Đợi Chờ trong Thơ Hàn Mạc Tử, qua buổi phỏng vấn nhà văn Đặng Tiến.

I. Thơ và Kinh thao thức thuở Đợi Chờ

1. Thưa Anh Đặng Tiến, Anh đã viết trong số Văn đặc biệt (số 179/1972) một thiên khảo sát rất tế nhị và đặc sắc về “Đức Tin trong hồn thơ Hàn Mạc Tử”, và lần đầu tiên đưa ra một cái nhìn nhất quán trên toàn thể thi phẩm, vì theo anh, kiến trúc toàn bộ của thơ Hàn Mạc Tử đều vang dội lời truyền giảng Tin Mừng cứu độ. Vậy xin anh cho biết, thơ Hàn Mạc Tử phản ánh lịch sử Cứu độ như thế nào?

– Nếu lịch sử Cứu độ chia làm 3 giai đoạn: giai đoạn hạnh phúc sơ khởi đổ vỡ vì nguyên tội, giai đoạn Cự ược mong đợi Đấng

Cứu Tinh, và giai đoạn Tân ước, từ Chúa ra đời đến ngày Khánh tận, Chúa tỏ hiện trong vinh quang, – thì 3 giai đoạn đó cũng là cơ cấu Thơ Hàn Mặc Tử: Vũ trụ *Gái quê* đã sụp đổ trong *Đau thương*, mà nhà thơ đã chịu đựng, để đợi sống lại một mùa *Xuân như ý*. *Gái quê*, *Đau thương*, *Xuân như ý*, ba tập thơ chính, ba đoạn đường trong hành trình của nhà thơ, họa lại hành trình của Đức Tin Thiên Chúa giáo.

2. *Khái niệm tổng quát anh vừa đưa ra, làm liên tưởng tới chuyên khảo của Võ Long Tê bằng tiếng Pháp: “Kinh nghiệm thi ca và Hành trình tinh thần của Hàn Mặc Tử”, hành trình theo âm ngôn của nhạc sĩ Beethoven: “Từ Đau Khổ đến Hoan Lạc”, hay như câu thơ của Phạm Đình Tân trong Tiếng Thầm: “Đau khổ là Đường lên Ánh Sáng”. Trước khi bước vào con đường đó, hành trang nhà thơ gồm những gì? Quan niệm của thi sĩ về Thơ ra sao?*

– Quan niệm Thơ của Hàn Mặc Tử đã diễn tả rõ ràng trong bài tựa: “Ai nói vườn trăng là nói vườn mơ. Ai nói bến mộng là nói bến tình. Người thơ là khách lạ đi giữa nguồn trong trẻo. Trên đầu người là cao cả, vô biên và vô lượng, chung quanh người là môn trớn với yêu đương”. Thi sĩ là lữ khách trên đường Tuyệt đối, là kẻ hành hương tìm về Vườn Mơ, Bến Mộng: “Người đang say sưa đi trong Mơ ước, trong Huyền diệu, trong sáng láng và vượt hẳn ra ngoài Hư linh”. Thơ Hàn Mặc Tử là niềm nhớ nhung đặng đặng về một hạnh phúc nguyên thủy, một “tráng lệ” đã phôi pha:

“Còn đâu tráng lệ những thời xanh

Mùi vị thơm tho một ái tình

Đó kiếm cho ra trong lớp bụi

Ít nhiều hơi hám của kiên trinh”.

(Thời gian)

Vì kiêu căng và bất tuân, con người đã vĩnh viễn đánh mất tất cả “tráng lệ của thời xanh”. Niềm nhớ nhung một cõi Trời cách biệt, một Địa đàng đã khuất nẻo, chuyển tiếp sang mơ ước khôi phục lại Mùa Xuân trinh nguyên của ngày sáng thế đầy tinh sắc, tinh hoa và châu báu!. Trong *Gái quê* và những bài đầu tập *Dau thương*, Thơ là niềm mong đợi, như Cự ước là sự chờ đón Đấng Cứu Thế.

*“Trong làn nắng ửng khói mơ tan
Đôi mái nhà tranh lấm tấm vàng
Sột soạt gió trêu tà áo biếc
Trên giàn thiên lý bóng xuân sang”.*
(Mùa Xuân Chín)

Ngày xuân mong đợi còn thuần lương, còn là một mùa xuân ngoại đạo, hồn nhiên và vô tư như tất cả những hội hè của mùa Xuân Việt Nam, nhưng đã chín thắm một u minh đợi chờ để nở lên một mùa Xuân sáng thế, “hồi trời đất mới dựng nên” hay một mùa Xuân tái tạo, một mùa Xuân ơn phúc, “ra đời một lần với Chúa Giêsu”.

3. Anh đã hướng tất cả hồn thơ Hàn Mạc Tử về Đức Tin, vậy anh nghĩ thế nào về nhận xét của Quách Tấn: “Tôi nhận thấy vang bóng của Đạo Phật có phần đậm hơn Đạo Thiên Chúa”?

Vết tích Phật giáo và ngay cả Lão giáo, Khổng giáo trong thơ Hàn Mạc Tử đậm đà, từ trong rung cảm đến ngôn ngữ, điều đó không có gì nghịch lý cả: Hạt mầm Thiên Chúa giáo khi nảy nở trên đất Việt Nam, thì tự nhiên thích ứng với khí hậu, phong thổ. Vũ Ngọc Phan nhận xét về Hàn Mạc Tử: “Ông ca tụng đạo Gia-tô với một giọng rất chân thành.... Lần này cũng là lần đầu, thi ca Việt Nam thấy được một nguồn hứng mới”.

Hoài Thanh nói rộng vấn đề tới tương quan giữa Tôn giáo và

Dân tộc: “Thơ Hàn Mạc Tử ra đời, điều ấy chứng tỏ rằng Đạo Thiên Chúa ở xứ này đã tạo ra một cái không khí có thể kết tinh lại thành thơ. Tôi tin rằng chỉ những tình cảm có thể diễn ra thơ mới thiệt là những tình cảm đã thấm tận đáy hồn đoàn thể”.

Thơ Hàn Mạc Tử đã chứng thực điều đó: niềm tin Thiên Chúa đã trở thành một niềm tin thuần túy Việt Nam. Diễn đạt bằng một ngôn ngữ Việt Nam, phản ánh nền văn hóa dân tộc.

4. Thơ Hàn Mạc Tử không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên, nhưng là điểm gặp gỡ giữa Đức Tin và Truyền thống Dân tộc, như anh vừa nói. Thế còn giáo dục gia đình Hàn Mạc Tử, có thể coi như mảnh đất thuận lợi vun bồi niềm tin và truyền thống đó không?

– Một sự kiện cho phép xác nhận tư tưởng đạo đức của gia đình Hàn Mạc Tử: Thân sinh Hàn Mạc Tử là Nguyễn Văn Toàn đã học Đại chủng viện Huế đến chức tư; sau ra lập gia đình, ông đã lấy những đức tin căn bản trong đạo lý cổ truyền để đặt tên cho sáu người con: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí (tức là Hàn Mạc Tử), Tín và Hiếu.

Hàn Mạc Tử nhìn nhận:

*“Tôi làm trăng cổ độ
Lượng trời rộng bao la
(Cao hứng)*

Lòng chàng là bến đợi. Trong những kích thước mộng mênh. Có thể là một “Trời thu man mác”, có thể là một “hàng cau nắng mới lên”, thường thường là một đêm:

*“Trăng sao dắm đuối trong sương nhạt
Như đón từ xa một ý thơ”
(Đà Lạt trăng mờ)*

Thơ Hàn Mạc Tử trước tiên là một thể giới đợi chờ, trong im lặng linh thiêng, trong tịch mịch vô cùng:

“Không một tiếng gì nghe động chạm

Dẫu là tiếng võ của sao băng”

(Đà Lạt trăng mờ)

Hàn Mạc Tử mô tả thế giới đợi chờ đó bằng di sản hồn nhiên của một nền văn hóa niềm nở và hương thượng, đồng thời bằng Đức Tin nuôi dưỡng trong Phúc âm.

Bài *Đà Lạt trăng mờ* có lẽ tiêu biểu được cho thế giới đợi chờ đó: ngoài sự hòa điệu thanh thoát giữa nội tâm và thiên nhiên, còn mang thêm ý thức vợi vợi trước cõi vô cùng.

II. Thơ và Kinh rên siết trong Đau Thương

Đợi chờ trước cuộc đời đầy hứa hẹn giữa 24 xuân xanh, Hàn Mạc Tử có ngờ đâu niềm mong đợi ấy bỗng tàn úa ngay trong nụ, không bao giờ sinh hoa đậu trái: Triệu chứng bệnh phong cuối năm 1936, như hồi chuông báo tử, gieo vào lòng người bao đen tối hãi hùng. Trong lá thư gửi ông bạn Trường Xuyên ở Nha Trang, Hàn Mạc Tử viết.

“Anh ơi, gần một năm nay, muốn giấu anh nên không viết thư cho anh, lòng tôi hết sức đau khổ. Song thà chịu đau khổ còn hơn cho anh biết, khiến anh phải đau khổ vì tôi”.

Đau thương, trước khi thành tập thơ, đã là kinh nghiệm thân phận thảm khốc của con người Hàn Mạc Tử.

Nhưng phải chăng rên siết khóc than là hèn nhát? Im lặng can trường chịu đựng, có phải cao quý hơn không? Hàn Mạc Tử trả lời trong bài tựa *Đau thương*:

“Nàng đánh tôi đau quá, tôi bật ra tiếng khóc, tiếng gào, tiếng rú... tôi phản lại tất cả những gì mà lòng tôi, máu tôi, hồn tôi, đều hết sức giữ bí mật”.

Thơ là tâm sự bi đát của người:

“Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút...

Trải niềm đau trên mảnh giấy mong manh”

(Ruộm máu)

Nhưng tâm sự ấy, nhiều người không biết, trước khi Hàn Mạc Tử qua đời. Thêm một thất vọng cho nhà thơ. Đang lúc Hàn Mạc Tử viết giới thiệu *Xác thu* của Hoàng Diệp năm 1937, ca tụng *Điều tàn* của Chế Lan Viên năm 1938, đề tựa *Tình huyết* của Bích Khê năm 1939, đề bạt *Một tấm lòng* của Quách Tấn cũng năm 1939, thì chính tập *Thơ điên* của mình lại chẳng ra đời được!

Thân thể, sự nghiệp đã phũ phàng, lại còn thêm cảnh nghèo túng, không tiền uống thuốc, không nơi trọ hẳn hoi. Hàn Mạc Tử viết cho Trần Thanh Địch:

“Trí yếu quá, từ hôm tết đến nay, Trí không uống đến thuốc ... Bây giờ chỉ xin ơn trên đưa sức mạnh thiêng liêng đến cho Trí thôi, chú làm gì có thuốc mà uống... Hiện nay Trí đã về tạm ở nhà: cái nguyên nhân là không tiền uống thuốc!”

(Trần Thanh Mại, tr.73)

Còn về nhà trọ trong khi chữa bệnh thì “có một mái nắng dọi nhiều quá! Từ trưa đến chiều, in cả lên mặt giường không sao nằm được. Tôi đã lấy nào là bì thư, nào là giấy nhật trình nhét khắp cả, thế mà chạy trời không khỏi nắng” (Trần Thanh Mại, tr. 82)

Nói gì đến tình duyên dang dở với Mộng Cầm?

Người đi một nửa hồn tôi mất

Một nửa hồn tôi bỗng đại khờ...

(Những giọt lệ)

Để chỉ còn sống trong “buổi chập chờn”, nghe “thu héo nấc thành những tiếng khô”, thấy “những mảnh nhạc vàng rơi lả tả” theo “trăng choáng váng với hoa tàn cùng ngã”, và ngậm ngùi vì “một làn hương mới nửa lừng sa ngã”.

“... Uyên ương khi trăng sao bàng bạc

Biến mất rồi, anh thấy khói hương tan”

(Khói hương tan)

Có lẽ văn học Việt Nam không có những vần thơ chua xót nào bằng:

“Ôi trời ôi! là Phan Thiết! Phan Thiết!

Mà tang thương còn lại mảnh trăng rơi!”

(Phan Thiết, Phan Thiết)

Kinh nghiệm *Đau thương* dồn dập trong thân xác và tâm hồn tuy đã làm nhà thơ kêu rên thảm thiết, nhưng vẫn không đẩy người vào vực thẳm tuyệt vọng. Trái lại, người nói:

“Tuy cực khổ thế mà tôi vẫn an vui. Ngày nào cũng có cười cả. Nếu không cười với ai, thì cười một mình, xem ra thú vị không biết mấy!” (Trần Thanh Mại, tr. 121)

Thái độ ấy đã làm những nhà phê bình kinh ngạc. Trần Thanh Mại cho là “Đau thương giam cầm không kỹ, thoát lọt ra trong một biến thể mới, dị kỳ, quái gở”. Vũ Ngọc Phan cũng đặt vấn đề: “Một người mang bệnh rất đau đớn mà có một tâm thần thư thái, bình tĩnh như thế, thật cũng lạ” (Vũ Ngọc Phan III, 33). Còn Hoài Thanh thì không dám phê phán: “Thiếu lòng tin, tôi chỉ là du khách bỡ ngỡ” (Hoài Thanh và Hoài Chân, Thi nhân Việt Nam, tr.212).

Chỉ có Lòng Tin mới cắt nghĩa được thái độ can đảm chịu đựng ấy. Đức Tin là nguồn an ủi trong đau thương, như Quách Tấn xác nhận: “Tử tìm được niềm an ủi lớn nhất trong nguồn Đạo. Khi đã sống cùng Đạo thì tâm hồn Tử hết bị ray rứt dày vò”.

(Quách Tấn, Văn số 73-74/ 7-1-67, tr. 116)

Quả thế, trong khi sưu tầm tài liệu về thi sĩ, Trần Thanh Mại “có tìm thấy trong một nhà trọ của chàng, một mẫu báo “Vi Chúa”... nói về nguồn an ủi trong bệnh tật” (Trần Thanh Mại, tr. 120).

Hàn Mạc Tử đã chấp nhận bệnh tật, nghèo túng, cô đơn, vì Đức Tin đã dạy rằng: “Những đau khổ hiện tại không có nghĩa lý gì, so với những vinh hiển rồi đây sẽ được thể hiện nơi mỗi chúng ta”, theo lời thư Thánh Phaolô gửi tín hữu Rôma. “Vạn vật ngưỡng vọng về ngày thể hiện vinh quang với ước mơ được giải thoát ra khỏi hư nát, để đạt tới tự do và vinh quang của con cái Thiên Chúa. Vì chúng ta biết rằng vạn vật đang còn rên siết trong kỳ mãn nguyệt khai hoa, và quần quai trong mùa sinh nở” (Rm 8, 18-22).

Đau thương hiện tại là thai nghén cho Vinh phúc ngày mai.

Niềm Tin ấy mang lại sức mạnh và an hòa trong đau thương, vì được thông dự vào Mầu nhiệm Đau khổ của Chúa Giêsu, được tham gia công đức tế độ, dùng đau thương làm phương tiện cứu thế, chuẩn bị cho Vinh hiển mai sau.

Niềm Tin tạo nên diệp cảm về sứ mệnh Thi Ca. Hàn Mạc Tử viết:

“Bởi muốn cho loài thi sĩ làm tròn nhiệm vụ ở thế gian này – nghĩa là tạo ra những tác phẩm tuyệt diệu, lưu danh lại muôn đời – Đức Chúa Trời bắt chúng phải mua bằng giá máu, luôn luôn có một định mệnh tàn khốc theo riết bên mình.

Không rên siết là thơ vô nghĩa lý.

hay:

Ta hiểu chi trong áng gió nhiệm màu

Những hạt lệ của trích tiên đầy đọa.

Cho nên thơ là một tiếng kêu rên thảm thiết của một linh hồn thương nhớ, ước ao trở lại Trời...”

(Quan niệm thơ gởi Hoàng Trọng Miên, Chơi giữa mùa trăng)

Ước mơ làm gió, làm trăng, làm thanh khí để “hòa hợp với tinh anh” qua những bài “sáng láng”, “hồn lìa khỏi xác”, “siêu thoát”, *Ngoài vũ trụ*, chính là ước mơ trở lại Trời. Và những tập thơ *Xuân như ý*, *Thượng thanh khí*, *Cắm châu duyên*, cũng như hai vở kịch thơ *Duyên kỳ ngộ* và *Quần tiên hội*, đã được sáng tác theo chiều hướng gió.

Tại sao Hàn Mạc Tử lại ước mơ “tìm tới chốn chiêm bao ngoài sự thật” như thế? Có lẽ vì chiêm bao ấy lại thực hơn sự thực, và thế giới thực ta đang sống, chỉ là chiêm bao, vì sẽ hư nát toàn diện:

Cả không gian, cả thời gian

Đều trộn trạo, điều hòa và xỉ xóa...

Cả vũ trụ tan theo ngày phán xét

Là khủng khiếp cả trời đất tiêu diệt.

(*Ngoài vũ trụ*)

Vì bên kia thế giới hư nát và đau thương này, đôi mắt thần diệu của nhà thơ *Minh Duệ Thị* hay *Phong Trần* – những bút hiệu đầu, trước bút hiệu *Hàn Mạc Tử* – cũng như đôi mắt Đức Tin của François Nguyễn Trọng Trí đã khám phá ra một thế giới mới, toàn vẹn, toàn bích, toàn thiện, vĩnh viễn trường tồn, không còn đau đớn chết chóc, không còn khóc lóc tang thương: “Vì thế giới cũ đã qua đi”, như lời sách *Khải huyền*, chỉ còn:

Ánh hào quang chan chói ngất lưu lý... (Ra đời)

... Vì có Đấng Hằng Sống Hằng Ngự Trị

(Ngoài vũ trụ)

Ánh sáng muôn đời chiếu dội lại quá khứ và hiện tại, giúp nhà thơ lượng giá cuộc đời và thi phẩm, để dâng lên lời kinh sám hối:

Tôi van lơn thềm nguyện Chúa Giêsu

Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phối

Xin thứ tha những câu thơ tội lỗi

Của bàn tay Thi sĩ kẻ lên Trăng

Trong bao đêm xao xuyến vũng sông Hằng.

(Đêm Xuân Cầu nguyện)

Nhất là trước nguồn “ơn vô lộ hòa chan”, nguồn sức mạnh nâng đỡ trong những “cơn lâm lụy vừa phải trải qua dưới thế”, Thi sĩ đã cảm động “rưng rưng hai hàng lệ” và tha thiết dâng lên lời cảm tạ phò nguy trong bài *Ave Maria*.

III. Thơ và Kinh chan hòa niềm hy vọng

Không phải vô tình mà Hàn Mạc Tử ca tụng Thánh Nữ Đồng Trinh Maria dưới danh hiệu “Mẹ Sầu Bi”. Người đã tìm được nguồn an ủi và tấm gương anh linh nơi “Đấng tinh tuyền thánh vẹn” mà đã sống trọn Đau thương hiện thế, dâng đời mình và mạng sống con mình để cứu chuộc thiên hạ, trước khi “tiến lên như rạng đông, đẹp như mặt trăng rực rỡ như mặt trời” bước vào vinh quang vô tận, hay nói như Hàn Mạc Tử, thành “người trắng ăn vận toàn trắng cả” và trở nên “Bắc đầu rạng bình minh, chiếu cùng hết khắp ba ngàn thế giới”.

Từ đây, Đấng “đầy ơn phước và rất nhiều phép lạ” sẽ biến đổi “Mặt Đấng” thành *Nguồn thơm*, “Máu cuồng và Hồn điên” thành “lòng

thấm nhuần ơn trời mến”, để Thơ và Kinh chan hòa niềm Hy vọng.

Nếu xưa kia, “có một nửa trăng thoi, một nửa trăng ai cắn vỡ rồi”, thì bây giờ lại nguyện xin:

*Cho tình tôi nguyện vẹn tỏ trăng rằm
Thơ trong trắng như một khối băng tâm.*

Nếu xưa kia, “sóng gió nổi ùng ùng như địa chấn”, thì...
“Trời hôm nay... bình an... như nguyệt bạch”.

Nếu xưa kia, “mê man như tới chốn phụng trì, ở mãi đấy không về Thiên cung nữa”, thì bây giờ lại chấp cánh, phụng phồng theo nhịp tim, bay lên cõi “ngàn năm ơn phúc”:

*Phượng trì! Phượng trì! Phượng trì! Phượng trì!
Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu
Hồn tôi bay biết bao giờ mới đậu
Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang.*

Hàn Mạc Tử đã vượt qua đêm tối, về “tắm gội trong nguồn ánh sáng”. Từ mùa đông khô héo tàn tạ của *Đau thương* đã nảy mầm một mùa *Xuân như ý*, tượng trưng cho niềm Hy vọng vào Đời Sống Mới, hạnh phúc trường cửu, vinh quang bất diệt.

Như Thành thánh Giêrusalem mới trong sách *Khải huyền* từ trời xuống, kiều diễm như Nàng Dâu, trang điểm đón Tân Lang và huy hoàng rực rỡ, giữa bảo ngọc, trân châu, vũ trụ *Xuân như ý* của Hàn Mạc Tử cũng tràn đầy vinh quang diễm lệ:

*Trái cây bằng ngọc, vỏ bằng gấm
Còn mặt trời kia tợ khối vàng.
(Xuân đầu tiên)*

Niềm chua xót khi xưa đã trót để cái “tráng lệ những thời xanh” vùi dập dưới cát bụi của thế giới đau thương, bây giờ đã biến

thành hân hoan tìm lại được trong thế giới hy vọng, “sáng trưng như thất bảo”:

Bốn mùa thơ xanh xanh như cảm thạch...

(Say thơ)

... Trên nước cả có vô vàn châu báu...

(Ra đời)

Xuân như ý là mùa xuân tái tạo, phục hồi mọi vẻ tươi sáng, tốt đẹp, lúc “thiên địa mới tinh khôi”, chưa vẩn bụi trần, chưa hoen máu lệ, chưa nhuốm tang thương:

Liên hồ đây bốn mùa xuân cả bốn

Ngát hương đưa trong gió sớm chơi vơi

Làn nước mát và chưa bao giờ gợn

Vết phong trần đưa lại ở xa khơi.

(Quần Tiên Hội)

Xuân thời gian, dù có triền miên vô tận với “nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc” và muôn vẻ tinh anh, cũng vẫn chưa thỏa được lòng ao ước, “chưa người được chí muôn sao”: vì còn thuộc giới tự nhiên và chỉ là công trình của Thiên Chúa, chứ chưa phải chính Thiên Chúa. Do đó, Thi nhân phải “mời cho được *Xuân thiêng* ra đời”, cho *Xuân như ý* thành mùa xuân ơn phước, hiện hình nơi bản thân Chúa Giêsu và nước vinh phúc, thái hòa, Ngài mang lại:

Thiên hạ bình và Trời tuôn ơn phước.

(Nguồn thơm)

“Vì chúng muôn xuân là lương thực ngon ngọt, mỹ vị: ánh xuân là nguồn tư tưởng thơm tho, tinh khiết; khí xuân là mạch trường sinh bất tử; tình xuân là cung cầm nguyệt mê ly: tuổi xuân là *Ngọc như ý*; tên xuân là *Dạ lan hương*.”

“Và xuân là phong vị thái hòa của năm muôn năm, trời muôn trời, châu lưu trên thượng tầng không khí, bâng bạc cả dải hà sa, chen lấn vô tận hồn tạo vật...”

*“Loài người hãy tận hưởng một hơi cho đã ngán và cao rao
Danh Cha cả sáng...”*

(Tựa “Xuân Như Ý”)

Xuân thốn thức rạo rức trong *Gái quê*, khắc khoải đến điên cuồng trong *Đau thương*, đã được tinh luyện trong *Xuân như ý* và trở nên thanh thoát dịu hiền:

*... Đây là xuân trước đợi chờ
Hơi ấm áp như một nguồn an ủi
Trời mở rộng và không ai hờn tủi
Lượng bao dong tha thiết cánh tay êm.*

(Say thơ)

Mùa xuân dịu hiền hàn gắn mọi vết thương thân xác và tâm hồn. Như hình ảnh các nữ tu săn sóc bệnh nhân trại cùi Qui Hòa, mà Hàn Mạc Tử đã ca tụng trong bài “Hồn Trinh Bạch” nguyên bằng tiếng Pháp, tìm được trong túi áo, sau khi ly trần:

“Hỡi các Thiên Thần của Chúa, Thiên Thần hòa bình và hoan lạc, có thấy chẳng bóng dáng trắng trong, tinh tuyết, xuất hiện giữa cõi đời? thoạt trông, tưởng là thần phách Thánh Hiền, hay cốt cách của Thơ, hay bài Kinh thuần túy: thay vì bốc thành áng hương hay thanh khí, đã hiện thân làm kiếp người!... Đó là các Nữ Tu Phanxicô, vào đời để xoa dịu đau khổ của những người tàn phế, phong hủy như chúng tôi. ... tôi muốn chiêm ngưỡng vẻ trong trắng tinh tuyền, nguồn thơ tươi sáng, biểu dương Hồn Trinh Bạch...” (Theo Trần Thanh Mai tr. 195).

Diễm lệ, tinh khôi, êm ấm, Mùa Xuân ơn phước nối lại mối Thần

Duyên, hòa hợp Trời Đất và Lòng người:

*Trời trong đáy, trời rất mực quỳnh dao
Duyên thanh tịnh trắng tứ bề vây kín.*

(Trần Thanh Mai, tr. 64)

Trăng đã ngàn ngập trong thơ Hàn Mạc Tử, hòa đồng với tâm hồn người, qua đêm tối thử thách của Lòng Tin. Giờ đây Trăng sáng láng đưa người vào cõi huyền diệu, diễn tả trong bài “Chơi giữa Mùa Trăng”:

“... Thuyền đi êm ái, chúng tôi cứ ngỡ là đi trong vũng chiêm bao, và say sưa, và ngây ngất vì ánh sáng, hai chị em như đê mê, không còn biết là có mình và nhận mình là ai nữa. Huyền ảo khởi sự. Mỗi phút trắng lên mỗi cao, khí hậu cũng tăng sức ôn hòa lên mấy độ, và trí tuệ, và mộng, và thơ, và nước, và thuyền, dâng lên, đồng dâng lên như khói... cả không gian đều chấp chờn những màu sắc phiêu diểu... ở chỗ nào cũng có trăng, có ánh sáng cả, tưởng chừng như bầu thế giới chở chúng tôi đây, cũng đang ngập lụt trong trăng và đang trôi nổi bèngh bồng đến một địa cầu nào khác...”

Hàn Mạc Tử đã tìm về Nguồn Ánh Sáng muôn đời, và nói như Hoàng Diệp, tiến về Ánh sáng tức là tiến về với con người, với cuộc đời, với thực tại vậy.

Được gặp Xuân Thiêng, người mong sao

*Để sót cho cả xuân xuân thiên hạ
Hương mến yêu là lộc của lời thơ.*
(Nguồn Thơ)

Được hưởng ân tình, người muốn:

*Dem ân tình rải khắp cả trời duyên,
(Quần Tiên Hội)*

Được sinh ra trong nguồn Ánh sáng, người mong loan báo Tin Mừng Cứu Độ:

Chàng ơi! Chàng ơi! Sự Lạ đêm qua

Mùa Xuân tới mà không ai biết cả!

(Ra đời)

Cảm hứng thần bí như bắt nguồn từ Phúc Âm theo Thánh Gioan:

“Ánh Sáng đã chiếu dội trong đêm thâu, mà đêm thâu không nhận biết!... còn ai đón nhận thì sẽ được sinh lại trong nguồn sáng ơn phước và chân thật”.

Nếu đoạn nhập đề Phúc Âm Thánh Gioan là một bài thơ ca tụng *Lời Nhập Thể* như *Ánh Sáng Cứu Độ*, thì bài *Ra đời* của Hàn Mạc Tử là một bản kinh đón mừng Mùa Xuân Ôn Phước hiện thân nơi Chúa Giáng Trần.

Thơ và Kinh Hàn Mạc Tử thấp sáng một Niềm Tin giữa lòng người cũng là đợi chờ, rên siết và hy vọng trước *Xuân như ý* phúc lộc Triều miên vô tận.

Bài này đã được phát hành qua băng nhựa “Văn Hóa và Tình Thần”, số 3, Paris Giáng sinh 1985.

LỜI GIỚI THIỆU TIỂU LUẬN "LINH HỒN HÀN MẠC TỬ"

VÕ LONG TÊ

Một người bị bệnh phong đến trước Đức Giêsu nài xin: “Nếu ngài muốn ngài có thể chữa tôi lành”. Và Đức Giêsu chạm tay vào anh ta và nói: “Tôi muốn, hãy lành bệnh”. Ngay sau đó người phong hủi đã rời bỏ Đức Kitô (x. Lc 5, 12-16; Mt 8, 2-4; Mc 1, 40-45). Về phần mười người phong hủi khác, họ đứng cách xa chỉ để Đức Giêsu nhìn thấy để không vi phạm luật của Môsê liên quan đến những người bị phong hủi. Thế nhưng họ nói to: “Lạy thầy Giêsu, xin thương xót chúng tôi”. Đức Giêsu truyền cho họ đi trình diện với các thầy tư tế và trong lúc đi đường, họ được chữa lành. Một người trong nhóm thấy mình được chữa lành, liền trở lại sấp mình dưới chân Đức Giêsu cảm ơn Ngài và lớn tiếng tôn vinh Thiên Chúa. Buồn phiền vì không thấy chín người khác quay trở lại để cảm ơn Thiên Chúa như người Samari này, Đức Giêsu nói người này: “Hãy đứng dậy mà đi, đức tin anh đã cứu anh” (cx Lc, 17, 17-19).

Mặc dù hai trường hợp chữa lành kỳ diệu ấy bao hàm giáo huấn riêng, đó là trong trường hợp đầu, lòng thương xót của Chúa mau mắn chữa lành và trong trường hợp sau bốn phận làm con tri ân và tôn vinh Thiên Chúa Cha chúng ta; nhưng cả hai đều xác nhận đức tin trọn vẹn và sống động trước mọi thử thách là điều kiện chủ yếu để được cứu độ. Hai nhân vật kịch của Paul Claudel về phương diện này là một minh họa thú vị: Pierre Craon, bị phong hủi từ lúc mới sinh là một Kitô hữu nhiệt thành đã xây cất các ngôi thánh đường và đã được giải thoát khỏi căn bệnh khủng khiếp sau

khi hành hương đến Mộ Thánh và Violaine người nữ bị mắc bệnh phong đã thánh hóa đời sống mình bằng vô vàn sự hy sinh tự nguyện và khi còn sống đã có được tinh thần trong sạch và tỏa sáng, trở thành công cụ mà Thiên Chúa dùng để làm phép lạ cho cháu gái của bà là Aubaine sống lại.

Về phần thi sĩ nổi tiếng Hàn Mạc Tử (1912-1940), đức tin của ông không kém nhiệt thành so với đức tin của mười hai người phong hủi được Chúa làm phép lạ chữa lành trong Tân Ước, và không kém sống động so với hai người phong hủi trong vũ trụ nghệ thuật của Claudel khiến chúng ta phải nghĩ rằng tâm hồn của thi sĩ chiếm một vị trí ưu ái trong kế hoạch cứu chuộc của Thiên Chúa. Nhưng những ý định của Đấng Quan Phòng thường không thể dò thấu. Thi sĩ Hàn Mạc Tử lia đời ngày 11 tháng 11 năm 1940, đúng năm giờ bốn mươi lăm* và căn bệnh ghê sợ, khủng khiếp không lìa bỏ ông. Sự chữa lành được mong mỏi rất nhiều khi ông còn sống đối với chúng ta dường như được nâng lên một bình diện khác. Nó trở thành sự giải thoát, thanh luyện, sự tiên báo của phúc đời đời nếu chúng ta tin vào lời bà Nguyễn Thị Như Lễ thuật lại về sự hiện ra của Hàn Mạc Tử hồi mười chín giờ mười lăm phút sau khi ông mất, nghĩa là lúc một giờ sáng ngày 12 tháng 11.

Đây là một điều bí mật mà từ lâu gia đình thi sĩ đã giữ kín và chị nhà thơ, bà Như Lễ lần đầu tiên tiết lộ với ông Nguyễn Đình Niên, giáo sư dạy văn; ông là người có công nhận biết ý nghĩa nghiêm túc và cao cả của nó và công bố năm 1973.

Chúng tôi đã thực hiện một dẫn nhập, có phân loại trong phần *Những lời được gán cho Hàn Mạc Tử*, trong tác phẩm *Thư mục phê bình về Hàn Mạc Tử*. Sau đây là đoạn đầu của bài dẫn nhập đó:

“Trong tiểu luận Cao học nhan đề *Kinh nghiệm về thân phận làm người trong thơ Hàn Mạc Tử*, được bảo vệ thành công ngày 31 tháng 7, 1973 ở Đại Học Văn Khoa Sài Gòn. Ông Nguyễn Đình Niên thuật lại lời bà Nguyễn Thị Như Lễ tiết lộ cho ông như sau:

“Một giờ khuya đêm Hàn Mạc Tử mất (rạng sáng ngày 12-11-1940) bà Như Lễ đương nằm ngủ ở Quy Nhơn thì thấy Hàn Mạc Tử ôm một bọc áo quần, mặt toàn trắng, đầu tỏa hào quang màu trắng bước vào, để bọc áo quần lên giường kêu:

– Chị ơi, em lành rồi này! Rồi chàng hơi cúi đầu xuống, đưa đầu cho chị:

– Chị ơi! Chị hôn em đi!

Bà bạn nằm ở giường bên cạnh, sực thức dậy, bảo bà Như Lễ:

– Cô ơi! Có ai vô nơi kia, để cái gì trên giường kia

Đến năm giờ sáng, ông Bữu Đông đi trực đêm ở Bệnh viện Quy Nhơn về, báo tin cho vợ biết Hàn Mạc Tử đã chết” (Nguyễn Đình Niên, Sđd, tr.75, s. 78)

Có những thông tin bổ túc do hai bà Tuấn Khanh và Vân Khanh, hai con gái của bà Như Lễ, đưa ra như sau:

– Mẹ chúng tôi giữ điều bí mật ấy cho riêng bà không cho chúng tôi biết mãi đến ngày bà tiết lộ với ông Nguyễn Đình Niên, bà Tuấn Khanh nói với chúng tôi khi được hỏi về việc này. Còn bà Vân Khanh thì xác nhận:

– Mẹ tôi đã kể lại cho chúng tôi, tôi nhớ rất rõ, rằng trong buổi sáng ngày 12 tháng 11, 1940 cha chúng tôi trở về nhà sau ca trực đêm ở bệnh viện Quy Nhơn đã nhận thấy niềm vui khác thường của mẹ chúng tôi. Mẹ nói cho cha biết lý do khi kể lại cậu chúng tôi hiện ra mà bà tin chắc rằng đã được lành bệnh. Cha chúng tôi phải

lựa lời để báo cho mẹ chúng tôi tin cậu chúng tôi đã mất, tin buồn này đã được trại phong Quy Hòa gọi điện thoại báo cho bệnh viện Quy Nhơn.

“Về vấn đề bà khách nằm cùng phòng với bà Như Lễ, bà Vân Khanh đáp:

– Đó là mẹ của anh Lê Văn An. Anh này đang trọ học nhà chúng tôi để dễ dàng đến bệnh viện Quy Nhơn nơi anh đang theo học nghề y tá. Hôm đó mẹ anh đến thăm anh và chúng tôi tiếp bà như một người khách trọ qua đêm.

“Về phần ông Nguyễn Bá Tín và Nguyễn Bá Hiếu, hai người em của Hàn Mạc Tử, cũng đã xác nhận với chúng tôi nội dung câu chuyện mà chị Như Lễ của họ kể lại.

Để bình luận câu chuyện ấy, chúng tôi đã nhờ người bạn văn và bạn tâm linh của chúng tôi là Phạm Đình Khiêm, một nhà văn có tiếng cả trong Pháp văn Việt văn. Từ năm 1940 ông là tác giả của những tác phẩm đáng chú ý về lịch sử và tâm linh.

Ông đã tế nhị giúp chúng ta rút ra lợi ích từ những suy tư sáng suốt và từ sự hiểu biết sâu xa của ông về nhà thi sĩ bị phong hủi khi ông viết ra một tiểu luận chính xác, một công trình hiếm hoi tóm tắt trong ít trang toàn bộ linh hồn Hàn Mạc Tử.

Tiểu luận này được soạn thảo với những luận cứ có cơ sở và những chứng từ được đối chiếu kỹ lưỡng nên nó buộc chúng ta phải chấp nhận phẩm chất văn chương và nội dung tâm linh cao độ của nó với cả tính chính xác khoa học. Đối với một hiện tượng vượt tự nhiên (ngoại nhiên), thần bí liên quan đến Hàn Mạc Tử thì điều quan trọng là có ba cách tiếp cận: lịch sử, văn chương và thần học, được tác giả tiến hành có phương pháp với sự thận trọng và tự tin. Trong những viễn cảnh được Ấn sủng và Đức tin củng cố, nó bao

gồm một thực tại kép vừa uyển chuyển vừa khó hiểu nhưng rất lôi cuốn và đầy ý nghĩa liên quan đến thi sĩ Hàn Mặc Tử, đó là: một đời sống mà số phận đã dồn vào những nỗi khổ đau đen tối nhất nhưng cũng được Đức Tin Kitô giáo biến đổi và chiếu giải hào quang, làm cho các sáng tác thi ca và văn chương của thi sĩ thành một bài ca bất tận của tình yêu, một thánh thi trường cửu dâng lên Đấng Tạo Thành và tạo vật.

Đề cập đến đời sống tâm linh của một giáo dân, ông Phạm Đình Khiêm thế là đã viết một tiểu luận thần học mà giá trị của tác phẩm, bậc sống giáo dân và những ý hướng cao cả của tác giả, làm cho tiểu luận này cũng là một chứng cứ của việc thăng tiến bậc sống giáo dân, một vinh dự dành cho sự thánh thiện của bậc sống đó; mà sự thăng tiến và thánh thiện của bậc sống này đã được Công Đồng Vaticanô II (1962-1965)¹ và những Hội nghị và Văn Kiện hậu Công Đồng khuyến khích mạnh mẽ.

Chúng tôi xin giới thiệu tiểu luận này để nhiều người được biết một công trình có thể hướng những người thân phục Hàn Mặc Tử về thế giới màu nhiệm của Đấng Khôn Dò Thấu. Có một màu

¹ Xem Hiến chế Tín Lý về Giáo hội “*Lumen Gentium*”, ch. IV-5; Hiến chế mục vụ về Giáo hội trong Thế giới của thời đại chúng ta “*Gaudium et Spes*”; Sắc lệnh về truyền giáo của giáo dân “*Apostolicam Actuositatem*”; Sắc lệnh về các phương tiện truyền thông xã hội “*Inter Mivifica*”; Tuyên ngôn về Giáo dục Kitô giáo “*Gravissimum educationis momentum*”. Các bản văn Latinh và tiếng Pháp trong *Concile Oecumenique Vatican II*, Paris, xb. Centurion 1967. Bản dịch tiếng Việt trong *Công Đồng Vatican II*, Sài Gòn, xb. Senatus 1969; *Thánh Công Đồng Vaticano II*, Đà Lạt, Giáo Hoàng Học Viện Thánh Piô X.

Chúng ta cũng lưu ý một trong những tác phẩm về thần học giáo dân: Phạm Đình Khiêm, *Giáo dân trong Giáo hội*, Sài Gòn, nhà in Hạnh Phúc, 1966, 116 trang.

nhiệm Hàn Mạc Tử mà chúng ta phải suy gẫm và giải thích vì Hàn Mạc Tử là một dấu ấn dễ nhìn thấy về màu nhiệm Thiên Chúa.

VÕ LONG TÊ

(Trích Như Hương Trầm Bay Lên, kỷ niệm 70 năm ngày mất của thi sĩ Hàn Mạc Tử, Nxb Tôn Giáo, 2010, tr. 79-84)

LINH HỒN HÀN MẠC TỬ

PHẠM ĐÌNH KHIÊM

Từ *Chơi Giữa Mùa Trăng* đến câu chuyện Bà Như Lễ, hay là ước mơ trong cõi thực và thực tại trong cõi mơ

Tiểu luận văn chương và thần học

I. Cuộc hiện ra của Hàn Mạc Tử hay giấc mơ của bà chị Như Lễ?

Một trong những sự lạ lùng nhất chưa biết đến về Hàn Mạc Tử (1912-1940) từ lúc thi sĩ thiên tài từ biệt chúng ta đi vào vĩnh cửu, ngày 11 tháng 11 năm 1940, sau một cuộc đời ngắn ngủi và vô cùng đau khổ, ấy là giai thoại cảm động xảy ra sau lúc thi sĩ tắt thở mười chín giờ mười lăm phút. Thế nhưng giai thoại này phải chờ ba mươi ba năm trước khi được tiết lộ cho công chúng, qua một tiểu luận Cao học văn chương mà ông Trần Đình Niên đã trình ở Đại học Văn khoa Sài Gòn năm 1973.

Về hình thức, người ta tự hỏi phải chăng đây là một giấc mơ của bà Như Lễ - chị Lễ mà trong thời niên thiếu được mô tả đã cùng đi chơi với Hàn Mạc Tử trong bài thơ ẩn dụ *Chơi giữa mùa trăng*¹ – hay đây là sự hiện ra của chính linh hồn Hàn Mạc Tử khi được giải thoát khỏi thân xác vật chất với chị Lễ ấy?

¹ Hàn Mạc Tử, *Chơi giữa mùa trăng*, Hà Nội, xb Ngày Mới 1944, 80 tr. Sài Gòn xb lần 2, An Tiêm, 1969, tr. 88.

Chúng tôi tham khảo bản văn mà ông Võ Long Tê đã ghi chú và dịch ra tiếng Pháp trong tác phẩm phê bình: *Hàn Mạc Tử: Somme de poésies et d'écrits en prose* (nhan đề ấn bản tiếng Việt: *Tổng tập thơ văn*).

Vì bà Như Lễ kể rằng “trong khi bà đang ngủ [ở nhà bà] tại Quy Nhơn, bà thấy Hàn Mạc Tử ôm một bọc áo quần v.v...”, từ đó người ta kết luận là một giấc mơ. Nhưng có một sự việc khác trong phần tiếp theo của câu chuyện. “Bà bạn nằm ở giường bên cạnh, sức thức dậy, bảo bà Như Lễ: Cô ơi! Có ai vô nơi kia, để cái gì trên giường kia!”. Lời chứng này khiến chúng ta phải tin vào việc người quá cố hiện ra hơn là một giấc mơ của bà chị, vì nói chung việc hai hay nhiều người cùng thấy một sự hiện ra thì dễ chấp nhận hơn việc hai hay nhiều người có cùng một giấc mơ. Nhân đây cũng nói thêm rằng tiếng Việt có một từ ngữ dung hòa hai khái niệm ấy là “báo mộng”.

Khỏi cần phải yêu cầu bà Như Lễ khẳng định đã nhìn thấy Hàn Mạc Tử trong thực tế hay trong giấc mộng. Tân Ước đã thuật lại Chúa sai Thiên sứ hiện ra để giải thoát thánh Phêrô khỏi ngục tối một cách kỳ diệu và dẫn thánh nhân theo Thiên sứ ra ngoài. Nhưng lúc đó vị Tông đồ của Đức Giêsu “không biết việc Thiên sứ làm đó có thật hay không, cứ tưởng mình thấy một thị kiến”, sách Công vụ nói (ch. 12, 5-9). Phêrô chỉ biết sự thật khi đã đi đến cuối con phố và Thiên sứ rời bỏ ông, lúc đó ông mới hoàn hồn.

Thật vậy, Kinh thánh thuật lại nhiều lần hiện ra hay báo mộng, chúng không phải đều từ Thiên Chúa hay các Thiên sứ theo lệnh của Thiên Chúa, nhưng cũng từ những người đã sống ở trần gian như ngôn sứ Samu-en đã hiện ra với vua Saolơ (1 Sm 28, 12-19), tổ phụ Mô-sê và ngôn sứ Ê-li-a cùng hiện ra với Đức Giêsu Chúa chúng ta để đàm đạo với Ngài trên núi Tabor (Mt 17, 3). Và theo Phúc Âm thánh Mát-thêu, những sự kiện sau đây trong số những sự kiện khác xảy ra vào lúc Đức Giêsu Chúa chúng ta chết trên thánh giá để chuộc tội cho nhân loại: “Mồ mả bật tung và xác của nhiều vị thánh được an nghỉ đã chỗi dậy, các ngài ra khỏi mồ vào thành thánh và hiện ra với nhiều người” (Mt 27, 52-53).

Theo định nghĩa của thần học, “hiện ra” là một biểu lộ của Thiên Chúa, của các Thiên Sứ hay của những người chết (thánh thiện hay không) tỏ bày dưới một hình thức tác động đến các giác quan của con người¹.

Ngày nay nhiều tác phẩm nghiêm túc cũng thuật lại các trường hợp những người chết hiện ra dưới nhiều hình thức. Về phương diện này, tiêu biểu là nhật ký của nữ tu Marie de la Croix (chết ngày 15 tháng 5 năm 1917) dưới nhan đề *Manuscrit du Purgatoire (Thủ bản Luyện ngục)*.

Ngày qua ngày tác giả đã ghi lại những lần trò chuyện với linh hồn của một nữ tu cùng dòng tên Marie Gabrielle (chết ngày 22 tháng 2, 1871). Nữ tu này lúc sinh thời, đã có một đời sống tôn giáo rất thông thường, có nhiều khuyết điểm và gương xấu, tự bản tính đã chống lại nữ tu Marie de la Croix trong con đường nên thánh. Nữ tu quá cố còn ở trong Luyện ngục để được thanh luyện đã được Thiên Chúa cho phép hiện ra không phải dưới hình thức thể chất, nhưng chỉ bởi âm thanh và một vài tiếng động báo sự hiện diện của chị để mời gọi và giúp đỡ nữ tu còn sống sửa mình và thánh hóa bản thân, để nhờ đó nữ tu quá cố được giải thoát. Trong sáu năm liên tiếp (1884-1890), xơ Marie de la Croix ghi lại trong nhật ký ngoài những lời khuyên bảo và dặn dò mà linh hồn ấy đã mang lại như một linh hướng với đầy sự khôn ngoan ... còn có nhiều tiết lộ về Luyện ngục và những cứu cánh sau cùng khác của con người (cái chết, phán xét, thiên đàng, địa ngục). Trong thời gian đó chị sửa mình và thánh hóa thật sự làm cho linh hồn của nữ tu quá cố sau cùng đến – luôn luôn dưới hình thức không có thể chất – cảm ơn và nói lời từ biệt để lên Thiên Đàng².

¹ L. Bruyer, *Dictionnaire Théologique*, mục từ: Hiện ra.

² *Manuscrit du Purgatoire*, Direction de l'Association de Notre Dame de la Bonne Mort, Sainte Marie, Tinchebray (Orne), France, xb lần 3.

Những kiểu mẫu khác là hai lần hiện ra dưới hình người sáng láng và điểm trang lộng lẫy mà tu viện trưởng Gilbert Combe, cha xứ của giáo xứ Dion (Callier, Pháp): đó là sự hiện ra của cha mẹ của ngài, sau thời gian thanh luyện (mẹ của ngài chịu ba tuần và cha chịu mười lăm tháng) và trước khi vào Thiên đàng, đã được phép lần lượt đến cảm ơn vị nữ ân nhân tại thế đã thực hiện những sự hy sinh cao cả khi sốt sắng cầu nguyện để họ được giải thoát. Vị nữ ân nhân của họ chính là Nữ Tu chân phước Marie de la Croix (cùng tên với nữ tu viết *Manuscrit du Purgatoire*) nổi tiếng hơn dưới cái tên thời thơ ấu Mélanie, cô bé chăn cừu ở La Salette, người cùng với Maximin nhỏ tuổi hơn cô đã nhìn thấy Đức Mẹ hiện ra năm 1846 và nữ tu này vào giai đoạn của đời sống ẩn dật (1899-1904), đã sống như một nữ tu đơn độc và kín đáo trong giáo xứ do tu viện trưởng Combe phụ trách¹.

Ở Việt Nam, trường hợp của nữ tu Maria Catarina Nguyễn Thị Diệm, chị được đặc sủng có những liên lạc khả giác với mẹ và người anh quá cố của chị liên tiếp đến báo cho chị biết họ đã được giải thoát khỏi Luyện ngục. Trường hợp của chị đã được một giám mục người Pháp, giám mục giáo phận cũng là cha linh hướng của chị, Đức Cha Louis de Cooman và những tài liệu đầu tay của ngài² đã giúp chúng tôi rất nhiều khi viết tác phẩm về chị nữ tu thần bí hiếm có ấy của Việt Nam³.

¹ Nhật ký của linh mục Combe, *Dernières années de Soeur Marie de la Croix, bergère de la Salette*. Hội con Đức Mẹ La Salette. Beaupréau, France, 1967.

² Gm. Louis de Cooman. *Le diable au couvents et Mère Catherine Diệm*. Paris, xb. Nouvelles Edition Latines.

³ Phạm Đình Khiêm, *Đóa hoa tu nữ* [Fine Fleur d' ascèse féminine] Sài Gòn, xb. Mẫu Tâm, 1970.

Như thế lời kể lại của bà Như Lễ về thị kiến Hàn Mạc Tử vốn không xa lạ với Kinh thánh, thần học và kinh nghiệm đời sống. Trong trường hợp này, nên lưu ý một chi tiết: bà Như Lễ đã có thị kiến ấy trước khi chồng bà trở về nhà báo cho bà biết cái chết của Hàn Mạc Tử, đã xảy ra mười chín giờ một khắc trước đó mà bà không hề biết. Nhân tố này có tính chất vô hiệu hóa những hoài nghi có thể có cho rằng lời kể lại của bà Như Lễ bị hoen ố bởi tính chủ quan, của ảo giác, của tự kỷ ám thị v.v... vì người ta có thể giả định như thế trong trường hợp thị kiến xảy ra sau khi bà đã biết cái chết của em trai bà.

II. Khởi bệnh thân xác hay giải thoát linh hồn?

Một nghiên cứu sâu hơn lời kể lại ấy mời chúng ta tìm hiểu kỹ ý nghĩa của lời Hàn Mạc Tử đã nói: “Chị ơi, em lành rồi này!”

Phải chăng sự lành bệnh của thể xác? Không. Thân xác của thi sĩ sẽ được mai táng cho đến lúc hư nát hoàn toàn, còn xấu xí và gớm ghiếc hơn cả bệnh phong hủi đã đục khoét ông khi còn sống – trong khi chờ đợi *sự sống lại*, bởi ân sủng của Thiên Chúa phục hồi thân xác ấy và kết hiệp nó lại với linh hồn ông trong thời sau rốt cho cuộc *phán xét vũ trụ* và *số phận vĩnh cửu*.

Trong lúc ấy, những lời “Em lành rồi này!” của Hàn Mạc Tử chỉ có thể được hiểu đối với linh hồn: Kết thúc cuộc lưu đày trần thế với mọi biến cố thăng trầm, nhọc nhằn, bệnh tật, đau khổ, buồn sầu ... Linh hồn trung tín với ân sủng của Thiên Chúa được giải thoát, để đến chiêm ngưỡng Ngài trong Vương quốc ánh sáng của Ngài như Đức tin Hàn Mạc Tử đã xác tín và lòng Cậy trông của ông đã lôi kéo ông khi không ngừng cảm hứng cho ông những bài ca bất tận.

Thật vậy, những linh hồn hoàn hảo được tình yêu Thiên Chúa

thiếu đốt, thanh luyện ngày càng nhiều trong lò lửa của tình yêu và của sự đau khổ – luyện ngục trần gian này như người ta thường nói – và nhờ đó xứng đáng được đón nhận ngay lập tức trong đôi tay của Chúa Cha hằng hữu khi ra khỏi thế giới này, những linh hồn vàng ròng ấy chỉ là một số rất nhỏ! Hầu như mọi người chết còn phải đi qua thử thách của luyện ngục trong một thời gian không xác định, có thể được giới hạn trong vài giờ, vài ngày, vài tháng hoặc vài năm hoặc kéo dài đến hàng chục năm, thậm chí nhiều thế kỷ... Nếu tin theo cuốn *Manuscrit du Purgatoire* đã dẫn ở trên và những tiết lộ khác của các nhà thần bí, thời gian thanh luyện sau cùng này, trong phần lớn các trường hợp là từ ba mươi đến bốn mươi năm.

Vậy, số phận nào được dành cho linh hồn của thi sĩ thân yêu và sùng đạo của chúng ta? Chúng ta sẽ tránh mọi suy đoán tự phụ. Chỉ có Tông tòa Rôma trong các vụ án phong chân phước và phong thánh, mới đòi hỏi các thủ tục tìm hiểu và điều tra mà người ta không thể thực hiện kỹ lưỡng và thấu đáo hơn. Những thủ tục ấy kéo dài hàng chục có khi hàng trăm năm – ngoài ra tòa phong thánh còn đòi hỏi tối thiểu phải có ba phép lạ được xác nhận – để công nhận sự thánh thiện của linh hồn được đề nghị. Chỉ có Quyền bính không sai lầm mới có thể công bố một linh hồn nào đó được phong chân phước hay phong thánh, điều này có nghĩa là linh hồn ấy đã mang lại những chứng cứ rõ ràng về sự cứu chuộc của họ và họ được đón nhận vào trong vinh quang các thánh và xứng đáng được nêu ra làm gương cho những người còn bước đi trong cuộc lữ hành trần thế.

Trong trường hợp của Hàn Mạc Tử, ý định của chúng tôi không ngoài việc bàn luận về những hiện tượng bên ngoài và một giả thuyết của việc suy lý. Vả lại giả thuyết mà các hiện tượng bên ngoài đã được xem xét phải gọi ra là đối với người Kitô hữu cao cả

ấy, tất cả là dấu chỉ của sự cứu độ và vinh quang. Các bạn hãy lưu ý rằng khi hiện ra với chị, Hàn Mạc Tử không hề xin sự trợ giúp của kinh nguyện và những hy sinh đền tội, như các linh hồn mà Thiên Chúa cho phép đặc biệt hiện về từ Luyện ngục thường làm. Và lại thi sĩ “mặt toàn trắng” và “đầu tỏa hào quang màu trắng” thì rõ ràng đó là dấu chỉ của sự thanh khiết, sự giải thoát, vinh quang... Thật vậy, con người trần tục không thể chịu được sự huy hoàng nguyên vẹn của ánh sáng một linh hồn ở tình trạng vinh quang trong Thiên Chúa. Điều này làm cho trong mỗi trường hợp đặc biệt sự tỏa sáng ấy được định mức theo khả năng tri giác của người tiếp nhận thị kiến, tùy theo những sự an bài của Thiên Chúa, Đấng đo lường mọi sự.

Chúng ta hãy trở lại một lần nữa từ khóa ấy: “Chị ơi! Em lành rồi!” Lời nói này đơn giản và khiêm nhường biết bao, nó hoàn toàn ăn khớp với khung cảnh hiện ra: vẻ mặt, áo quần, hết thảy ở đây đều đơn sơ, khiêm nhường, từ tốn để thể hiện đúng đắn tính cách của con người Hàn Mạc Tử, cả khi ở ngưỡng cửa vinh quang lúc bấy giờ.

Sau cùng, điều gì được gọi ra về khoảng thời gian từ lúc Hàn Mạc Tử tắt hơi ở trại phong (năm giờ bốn mươi lăm ngày 11 tháng 11, 1940) đến lúc thi sĩ khải hoàn hiện ra cho chị mình? (một giờ sáng ngày 12 tháng 11, 1940).

Tuy vẫn là giả thuyết nhưng cũng có thể rất thật, đó là thời gian vật chất của sự thanh luyện sau cùng trước cuộc Hội ngộ khôn tả với Thiên Chúa của sự Hoàn Thiện. Do đó, “em lành rồi” là lời loan báo không chỉ của việc thi sĩ ra khỏi chốn lưu đày trần thế như chúng ta đã nói mà còn là lời loan báo thi sĩ đã được giải thoát khỏi Luyện ngục. Tóm lại, đó là tiếng kêu vinh quang để về Thiên Đàng, trong một ngôn ngữ kín đáo phù hợp với một lòng khiêm nhường như thế.

Và lúc đó sự thần hóa đã khởi đầu ...

III. Bí mật về linh hồn Hàn Mạc Tử

Điều gì làm kinh ngạc và cũng mang lại hiệu quả khiến linh hồn Hàn Mạc Tử đã mau chóng bay lên khỏi những ngọn lửa của luyện ngục?

Được thanh tẩy khỏi tội nguyên tổ, được thêm sức mạnh với nước rửa tội ngay từ lúc mới sinh rồi nhận được sự giáo dục tốt nhất trong gia đình cũng như từ các sư huynh các trường học Công giáo, Hàn Mạc Tử đã sống đức Tin và nâng nó lên đến trình độ anh hùng. Hơn thế nữa ông đã làm chứng cho đức Tin qua những khổ đau bất tận, theo cách của vị Tử Đạo thách thức mọi sự bách hại và chấp nhận đổ máu mình ra vì đức Tin. Thật vậy còn hình ảnh nào gọi lại rõ ràng cái chết trên vĩ sắt nung đỏ của một thánh Laurent (tử đạo năm 258) như cái chết của Hàn Mạc Tử có thể nói cũng bị nung trên vĩ là cái giường của người phong hủi qua những năm tháng nhưng vẫn ca khen những điều kỳ diệu của Thiên Chúa?

Về vấn đề khổ chế, khi một nhân đức của một người đã đạt đến mức độ anh hùng, nó đương nhiên kéo theo các nhân đức khác đi lên. Như thế với đức Tin anh hùng, Hàn Mạc Tử đã có được đức Cây của một ông Gióp mà Kinh thánh đã chép lại lời này của ông: “Ngài [Thiên Chúa] có thể giết tôi: tôi không còn hy vọng nào khác phải biện hộ cách sống tôi trước nhan Ngài” (G 13, 15).

Về phần đức Mến làm cho người tín hữu thành người con yêu mến Chúa Cha và người anh em yêu thương hết thảy mọi người, Hàn Mạc Tử cũng đã có nhiều đức Mến và biểu lộ thành “người Kitô hữu tốt lành”, như người ta sẽ nói.

Cùng với ba nhân đức đối thần ấy, các nhân đức luân lý cũng là gương mẫu nơi vị anh hùng của chúng ta. “Anh em hãy học cùng tôi vì tôi hiền lành và khiêm nhường trong lòng” (Mt 11,29). Đức

khiêm nhường và hiền lành, hai nhân đức rất thân thiết với Ngài mà Ngài đã giáo huấn rõ ràng, Hàn Mạc Tử xem ra đã thể hiện chúng. Và vì khiêm nhường là nền tảng của mọi nhân đức luân lý khác, làm thế nào một linh hồn đã thấm nhuần nhân đức ấy lại không được những viên kim cương khác trang điểm? Ví dụ như đức khó nghèo, người bạn không thể tách rời của đức khiêm nhường, một trong ba lời khấn của bậc tu trì. Hẳn Hàn Mạc Tử có thể đòi cho mình tước hiệu “người nghèo của những người nghèo”, theo gương của thánh bổn mạng ngày thi sĩ nhận phép thêm sức, thánh Phanxicô Átsidi. Ông cũng có thể lấy lại cho mình lời Đức Giêsu đã nói về chính Ngài: “Con Người không có chỗ tựa đầu” (Lc 9, 58). Thế nhưng, ông ca tụng, ngợi khen suốt ngày, trong đời sống khó nghèo cùng cực như một nhân đức của Tin Mừng.

Phải nói gì về sự thanh khiết của linh hồn và của thân xác? Câu hỏi này có lẽ bị bóng đen che phủ đối với một số người, chúng tôi chưa lại để sau sẽ làm sáng tỏ.

Còn đức nhẫn nại, lòng can đảm, kiên trì và sùng tín ... ai sẽ chống lại Hàn Mạc Tử về những nhân đức ấy? Hay đúng hơn ai không thán phục tất cả các phẩm chất ấy của người anh hùng trẻ tuổi của chúng ta?

Trình bày những luận cứ khẳng định rút ra từ cuộc đời và tác phẩm của Hàn Mạc Tử là điều không khó. Tuy nhiên vì khuôn khổ hạn chế của tiểu luận này, chúng tôi phải bằng lòng với một vài chỉ dẫn và chứng cứ có sức thuyết phục nhất, và dành quyền tự do khai thác lãnh vực này cho người nào muốn có vinh dự vẽ ra một bức tranh hoàn hảo và đầy đủ về linh hồn Hàn Mạc Tử với những hành trình khổ chế và đi lên thần bí của ông còn hiếm thấy nơi các tín hữu giáo dân.

Trước tiên là sự đánh giá tự phát của một nữ tu có thẩm quyền biết rõ điều mình nói: Mẹ Marie de Saint Venant, của Dòng

Phanxicô Thừa Sai Đức Mẹ, phó giám đốc trại phong Qui Hòa, mẹ cùng các nữ tu khác đã hết lòng chăm sóc cho thi sĩ phong hủi: “*Ông ấy thật bé nhỏ, rất mực lễ phép và sống vẹn toàn đạo Kitô*”, mẹ đã thổ lộ như thế với nhà văn Trần Thanh Mại mà mẹ tiếp chuyện khi ông Mại đến thăm mộ thi sĩ vừa qua đời, chính xác là vào mùa thu 1941¹.

Chỉ một lời đã vẽ ra toàn bộ chân dung tinh thần và tâm linh của Hàn Mạc Tử! Đã hẳn Hàn Mạc Tử vóc người nhỏ bé, nhưng điều đó không phải là không tính đến trình độ cao hơn của câu nói ấy. “*Bé nhỏ*” ở đây chính là có “nhân đức nhỏ bé”, đi theo “con đường nhỏ của tuổi thơ ấu thiêng liêng” là học thuyết tinh túy của Tin Mừng – “Ai không đón nhận Nước Thiên Chúa như một trẻ em thì sẽ không vào được” (Mc 10, 15; Lc 18, 17) – và khi tuyên xưng học thuyết ấy, một nữ tu Cát Minh khiêm nhường thành Lisieux đã đạt đến vinh quang trong thời đại chúng ta, thánh nữ Têrêxa Hải Đồng Giêsu (1873-1897). “*Lễ phép*” chắc hẳn đã bao hàm trong nội tâm của thi sĩ một sự khiêm nhường chân thật cùng với sự tế nhị của tâm hồn và lòng nhân hậu của trái tim... Sau cùng, “một Kitô hữu tốt” chính là giữ mọi giới răn của Thiên Chúa, sửa đổi đời sống mình theo đời sống của Đức Giêsu, thực hành Hiến chương Nước Trời mà Ngài đã ban phát trong Bài giảng trên Núi, một bài giảng tuyệt hảo đã tạo nên biết bao vị thánh, cả những người không phải là Kitô hữu như Mahatma Gandhi. “*Thật bé nhỏ, rất mực lễ phép, và sống vẹn toàn đạo Kitô*”: tất cả đều ở thể trở vượt của tính từ

¹ Trần Thanh Mại, *Hàn Mạc Tử* [tiểu sử và phê bình văn học], Nxb Huế, 1941. Sài Gòn in lần 2 xb. Tân Việt, trong Thi Nhân Việt Nam.

Trong cuốn tiểu luận này chúng tôi dịch lại câu nói tiếng Pháp của Mẹ Marie de Saint Venant: “*Ông ấy thật bé nhỏ, rất mực lễ phép và sống vẹn toàn đạo Kitô*”.

(superlatif). Vậy đó chính là sự hoàn thiện, sự thánh thiện của người giáo dân. Mẹ phó giám đốc dưỡng như muốn nói tâm hồn cao thượng của Hàn Mạc Tử ở trình độ đó.

Về phần ông Nguyễn Văn Xê, một bệnh nhân được điều trị trong trại phong Qui Hòa và với tư cách một phụ y tá, người bạn trung tín của Hàn Mạc Tử, cũng đã làm chứng về sự khiêm nhường tinh tế và sự quên mình hoàn toàn của Hàn Mạc Tử. Suốt nhiều tháng tương giao thân thiết¹, không có gì được tiết lộ về hào quang văn chương của thiên tài Hàn Mạc Tử. Người bạn ấy cũng không biết rằng người bệnh được giao cho ông săn sóc là một thi sĩ. Ông cũng không ngờ ông có trong tay mình một tuyển tập thơ tôn giáo mà chính Hàn Mạc Tử đã tặng ông ba ngày trước khi qua đời. Tập sách nhỏ ấy không biết được đánh máy từ lúc nào mà trang đầu tiên đến lúc đó còn để trắng, bấy giờ mới được viết bằng bút chì nhan đề *Thơ Cầu Nguyện* và câu *để tặng anh Xê* cùng với chữ ký viết rõ *François Tr²*. Đó là vinh dự sau cùng của thi sĩ dành cho bạn ông

¹ Theo Trần Thanh Mại (sdd. Số 7) Hàn Mạc Tử được đưa vào bệnh viện Quy Nhơn ngày 8 tháng 9, 1940 (tr. 191) và chuyển vào trại phong Qui Hòa ngày 20 tháng 9, 1940 (tr. 191) ở đó ông được đăng ký dưới số thứ tự 1134 (tr. 204).

Trong loạt bài mà Ô. Nguyễn Văn Xê công bố năm 1972 trong tạp chí *Nguồn Thương* mà Ông Võ Long Tê đã kiểm chứng lại trong cuốn *Bibliographie critique sur Hàn Mạc Tử*, ông đã xác nhận rằng khi đến trại phong, thi sĩ được Mẹ Juetta tiếp nhận, lúc đó mẹ chịu trách nhiệm khu bệnh nhân đàn ông nơi mà ông Xê làm phụ y tá. Hàn Mạc Tử lúc đó nằm ở giường số ba.

² Trang nhan đề này được chụp lại và in ở trang 7 tác phẩm *Hàn Mạc Tử* của Trần Thanh Mại (sách đã dẫn, xb. lần 2) với một chú thích như sau:

“Bên trang 7 là hàng chữ cuối cùng của Hàn Mạc Tử, viết một ngày trước khi chết. Người ta đọc: ‘*Thơ cầu nguyện tặng anh Xê – François Tr*’”. Anh Xê, họ Nguyễn Văn là một thanh niên hủ bại đồng bệnh của Hàn Mạc Tử”.

Nguyễn Văn Xê, từ ngày 30 tháng mười 1940 khi thi sĩ được đưa vào phòng chờ chết vì bị bệnh lỵ rất nặng.

Hàn Mạc Tử còn hủy mình ra không đến mức giấu kín việc ông biết rành tiếng Pháp – và do đó giữ vai trò làm một người dốt nát hay gần như thế, trong thời kỳ chế độ bảo hộ Pháp. Trong việc liên hệ với các mẹ và các nữ tu nói tiếng Pháp thì chính người bạn đồng bệnh của thi sĩ đã phải đóng vai trò thông ngôn! Sau cùng ông Xê đã tìm thấy trên thi hài của thi sĩ tờ giấy nhàu nát với tác phẩm bất hủ của Hàn Mạc Tử viết bằng tiếng Pháp đề tặng cho các mẹ và các nữ tu. Đó là bài thơ văn xuôi nhan đề *La Pureté de l'Âme*. Ông Xê đã trao tận tay cho Mẹ Bề Trên, Mẹ Résurrection, ông hết sức kinh ngạc như Mẹ và trước mặt ông Mẹ đã kêu lên:

– Giỏi quá! Uống quá! Một con người tài năng, Xê ạ!¹

Có một sai lầm trong chú thích ấy: trang nhan đề này được viết bằng bút chì trong buổi tối ngày 8 tháng 11, 1940 trước mặt ông Xê, ông này đã nhắc lại điều ấy trong một bài báo mà Ông Võ Long Tê đã kiểm tra lại trong *Bibliographie critique sur Hàn Mạc Tử* của ông.

Và có một sự thiếu sót mà ông Bùi Tuân đã nêu lên một cách kín đáo khi xác nhận trong ghi chú ở trang 5 bài báo của ông *Nửa đêm đi tìm Hàn Mạc Tử* (tạp chí *Vinh Sơn*, số 22, ngày 1 tháng 2, 1952, tr 4-5, 7) ông Tuân nói rằng ông đã tặng tập sách ấy cho Ông Trần Thanh Mai.

Cũng theo ông Bùi Tuân, đây là một tuyển tập các bài thơ từ tập *Xuân như ý*, món quà mà ông đã nhận được từ cháu ông là Nguyễn Văn Xê trong cuộc hành hương mùa hè năm 1941 đến viếng mộ của Hàn Mạc Tử ở Quy Hòa.

Chúng tôi lấy những thông tin này trong tác phẩm *Bibliographie critique sur Hàn Mạc Tử* trong đó cũng xác nhận sự tương hợp giữa các bài báo của Ông Nguyễn Văn Xê và của Ông Bùi Tuân liên quan đến bản đánh máy *Thơ Cầu Nguyện*.

¹ Xin nhớ những lời này là do Ông Nguyễn Văn Xê dịch những lời mà Mẹ Résurrection nói bằng tiếng Pháp.

Còn một điểm này chúng tỏ Mẹ Bề Trên chú ý đến bài thơ chắc chắn là của Hàn Mạc Tử như thế nào:

– Nhưng Mẹ xin phép Trí đổi nénuphar (hoa súng) thay cho lotus (hoa sen) vì cuộc đời tu sĩ của chúng tôi ở đây chính là những hoa súng lên xuống như con nước và bập bênh trôi nổi như mọi vật trong hồ, chứ không dám tự hào như hoa sen gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn¹.

Một sự ganh đua của lòng khiêm nhường thật cảm động giữa những linh hồn ưu tuyển trong nếp sống tu trì và một linh hồn ưu tuyển của hàng giáo dân!

Chúng ta hãy trở lại chúng từ sau đây, nó xua tan mọi nghi ngờ về cái gọi là một đời sống tình cảm quá nồng nổi – để không còn nói như thế nữa – và người thi sĩ trẻ tuổi của chúng ta. Trái lại chúng từ ấy đã trả lại cho ông mọi hào quang của sự ngây thơ ban đầu và của sự thanh sạch anh hùng. Chính nhà văn Hoàng Trọng Miên, người bạn thân của thi sĩ, đã kể lại giai thoại này:

“Ngoài chuyện thơ văn ra, Tử không biết gì khác nữa. Sống chung với các bạn, đang độ trai trẻ, hăng say, lại ở trong không khí phóng túng của văn nghệ trẻ, nhưng Tử theo một nếp sống thật hiền lành, yên dị, ngoan ngoãn của một thư sinh chăm chỉ sách đèn.

“Đời sống xa hoa, ăn chơi đặc biệt của xã hội Sài Gòn trước chiến tranh thứ hai, cũng như những thú đam mê về nhan sắc, phù dung, rượu ... phổ biến trong giới cầm bút thời đó, không hề ảnh hưởng gì đến Hàn Mạc Tử. Tử sống nhút nhát, e thẹn đến độ mỗi khi các bạn trai nói chuyện dính líu đàn bà, con gái là Tử đỏ mặt lên và lạng lẽ tránh đi.

“... Tính nết hay thẹn thùng của Tử làm cho Việt Hồ càng trêu

¹ Những lời này cũng do ông Nguyễn Văn Xê dịch.

già. Một lần Việt Hồ bàn với Thúc Tề tổ chức đưa Tử vào lòng đàn bà để coi hấn ra sao?. Tử không dè các bạn tinh nghịch muốn phá mình nên theo Việt Hồ và Thúc Tề đến *Xóm đặc biệt*.

“Khuya lại tôi thấy Tử về im lặng, không nghe ngấm nga như thường ngày nữa, còn Việt Hồ và Thúc Tề thì nhìn nhau khúc khích. Sáng hôm sau, Tử nằm dài trên chiếu trải sàn gác, nói giọng mệt nhọc nhờ tôi đến tòa soạn báo *Sài Gòn* [của ông bà Bút Trà] nhắn giùm là anh đau không đi làm được.

“Hỏi ra mới biết là đêm qua lúc bị gạt đưa vào tay đệ tử thần Bạch Mi, Tử phải hết sức vùng vẫy mới thoát được vòng vây của các nàng. Tử hú vía về nhà, xúc động đến đổi phát đau, và mỗi lần nghe các bạn cười nhắc lại việc Tử bị các nàng kéo tay lột áo ... anh cười, nhắm đôi mắt nhỏ một mí lại mà la:

– Đờ quý! Thiệt mấy đứm bay là quý sứ!”¹

Câu chuyện này – phần nào đó thật khác thường – xảy ra vào cuối năm 1935 hoặc đầu năm 1936 – chưa đầy bốn năm trước cái chết của Hàn Mạc Tử, bốn năm đau đớn ghê gớm chỉ càng củng cố sự thanh khiết nơi linh hồn và thân xác của vị anh hùng của chúng ta.

Đã hấn thi sĩ có những tình yêu lớn – tất cả đều là tình lý tưởng – những người yêu mà thi sĩ gắn bó vẫn còn sống và sẵn sàng phủ nhận điều mà văn chương đã tưởng tượng thêu dệt, từ mấy thập kỷ nay, về những nữ lưu mà thi sĩ đã làm cho trở thành bất tử trong những bài thơ tình yêu bất hủ, đó là:

– Hoàng Thị Kim Cúc, cô láng giềng trên con phố Khải Định ở Quy Nhơn, ông đã yêu nàng trong bước đầu của nghề văn bằng

¹ Hoàng Trọng Miên [Trọng Miên, Hoàng Thu Đông], *Những ngày sống chung với Hàn Mạc Tử ở Sài Gòn* trong tạp chí *Văn* số 73-74, ngày 7 tháng 1, 1967, tr. 13-20. Bài viết đề ngày: Sài Gòn cuối năm 1966.

một tình yêu sâu xa và thắm kín – do đó không kết quả – và nàng đã có một trực giác về tình yêu ấy của ông nhưng không vì thế nàng từ bỏ sự giữ gìn ý tứ của một thiếu nữ quý phái mẫu mực gốc Huế.

– Mộng Cầm, tên thật là Lê Thị Nghê, nữ thi sĩ đã có lúc gửi thơ cho các nhật báo ở Sài Gòn mà ông đã cộng tác, nàng đã chấp thuận lời cầu hôn của ông như sự thành tựu của những mối đồng cảm về văn học, tuy nhiên thi sĩ đã trả lại tự do cho nàng với sự can đảm và sáng suốt nhưng không phải là không có những nỗi đau khôn tả, ngay khi ông có những triệu chứng của bệnh cùi.

– Mai Đình, tên thật là Lê Thị Mai, nữ sĩ tài năng và cao thượng, mà thi sĩ đã đánh giá cao lòng trắc ẩn, lòng thương cảm này đã mau chóng chuyển đổi thành tình yêu mà nàng đã quảng đại dành cho thi sĩ ngay từ lúc ban đầu, vì căn bệnh hiểm nghèo của ông trước khi ông được nàng đồng thuận và cùng nàng thặng hoa vào sự hiệp thông tinh thần không phải trong “tuần trăng mật” theo nghĩa tầm thường, mà trong viễn cảnh say sưa ở nơi thoát tục.

– Thương Thương, cháu gái của bạn ông Trần Thanh Địch, được ông này giới thiệu cho Hàn Mạc Tử như một người ái mộ thi sĩ, mà tên gọi có âm thanh ngân vang và những bức thư nồng nàn được nàng viết ra theo lệnh của Trần Thanh Địch đã gợi lên cảm hứng cho những tác phẩm đáng chú ý trong số đó có một vở kịch thơ mà ông cố tình bỏ lửng ngay khi biết được đó chỉ là sự tưởng tượng do người bạn quá tốt của ông dàn dựng, như dấu chỉ của sự từ bỏ điều thú vị của những hư cấu trong văn chương.¹

Đó là chưa nói đến những đóa hoa biết nói khác là nguồn gốc những mơ mộng khác của ông vốn thường gặp ở mọi nhà thơ. Dù

¹ Võ Long Tê. Introduction à la connaissance bio-bibliographique de Hàn Mạc Tử trong Hàn Mạc Tử: Somme de poésies et d'écrit en prose.

có bóng tối nào bay lượn trên mọi điều ấy, chỉ chúng từ trên kia đủ để xóa tan tất cả: cuộc chiến đấu vinh quang của một ngày tiết lộ về cả một đời. *Vậy cho đến lúc chết, chàng thanh niên ấy vẫn còn khiết tịnh như các trinh nữ đã được thánh hiến mà chàng sẽ đã từng ca ngợi. “Phúc cho ai có tâm hồn trong sạch vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa”* (Mt 5, 8).

Với tất cả những sự bảo đảm đạo đức ấy, còn có thêm một dấu chỉ rất rõ ràng trên trán của Hàn Mạc Tử: lòng sùng kính Đức Mẹ của ông. Không chỉ là một đứa con hiếu thảo của Mẹ, ông còn tỏ ra là một tông đồ nhiệt thành và một thiên thần thi nhân của Mẹ có lòng thương xót. Không gì bằng kiệt tác *Ave Maria*¹ say sưa tình yêu và hy vọng, và bởi âm điệu du dương lôi cuốn mọi tâm hồn hướng về Mẹ thiên quốc, và bởi ngôn ngữ như thêu hoa, dệt gấm nó sánh được với nhạc khúc của các Thiên Thần ... Vàng, không gì bằng hành động hiếu thảo cao cả ấy, kiệt tác ấy của lòng sùng kính

¹ Bài thơ gồm 62 câu thơ trong tập thơ chưa xuất bản *Xuân như ý*, bài thơ này được in trong tuyển tập *Thơ Hàn Mạc Tử*. [Hà Nội, nxb Đông Phương, 1942, tr. 83-84; Sài Gòn xb lần 2 Tân Việt, tr 76-78] dưới nhan đề *Thánh nữ đồng trinh Maria*.

Bản dịch tiếng Pháp một phần:

- Thái Văn Kiểm (các câu 9-12, 31-35, 60-62) trong *Un grand Poète vietnamien: Hàn Mạc Tử*. Tạp chí France-Asie, Sài Gòn, số 52, tr. 199 và tt.; xb. lần 2 song ngữ, France-Vietnam (khoảng năm 1951) tr. 23-24.
- Bùi Xuân Bào (các câu 13-18, 31-38) trong *Le Roman vietnamien contemporain*. Tiểu luận phụ đề lấy bằng tiến sĩ quốc gia về văn chương, trình tại Sorbonne năm 1961. Sài Gòn xb. Tủ sách Nhân văn Xã hội, 1972, tr. 325-326.

Bản dịch tiếng Pháp đầu tiên cả bài thơ của Võ Long Tê trong *Choix de poèmes de Hàn Mạc Tử avec traduction française et notes explicatives*, phụ lục của bài nghiên cứu: *L'Expérience poétique et l'itinéraire spirituel de Hàn Mạc Tử* BSEI, Sài Gòn, quý 4, 1972 (Bản in riêng).

Đức Mẹ đủ để mở rộng cho ông *Cửa Thiên Đàng* – Toàn thể Giáo hội đã đồng thanh dùng điển ngữ ấy để chỉ về Đức Trinh Nữ Maria, cho ta thấy sự trung gian của Mẹ mạnh mẽ dường nào: *Porta Caeli!*

Bài thơ ấy như một lời đối đáp đầy ấn tượng cho bài thơ *La Vierge à Midi* của Paul Claudel. Sáng tạo của Hàn Mạc Tử sẽ là một sự thăng tiến của văn chương Việt Nam như bản nhạc *Ave Maria* của Schubert đối với âm nhạc, hay bức tượng *Pietà* đối với điêu khắc. Trong thực tế, bài thơ ấy đã khơi dậy nhiệt tình các tâm hồn, lau khô những dòng lệ, xúc thuốc thơm vào những vết thương, đồng thời mở ra những đỉnh cao chiêm niệm, mang lại những từ ngữ thần diệu cho các nhà thuyết giảng, và một đề tài hàng đầu cho các nhà soạn nhạc¹.

Liên kết với kiệt tác ấy trong đời Hàn Mạc Tử là một ý tưởng nhỏ mà thi sĩ đã thổ lộ từ đáy sâu của tâm hồn ông, luôn luôn hướng về Mẹ Maria, như một khúc nhạc thầm – ông sẽ nói lại là “nhạc thơm” – kéo dài suốt thời gian ông bị bệnh trước khi tan biến vào hòa âm của các Thiên Thần ngày Hội Ngộ.

Ý tưởng đó là: chiều ngày 30 tháng 10 năm 1940, khi ra khỏi nhà nguyện của trại phong sau giờ đọc kinh chung, nghĩa là trước buổi tối ông bị cách ly và chuyển vào phòng dành cho những người sắp chết như đã nói ở trên, Hàn Mạc Tử kéo ông Xê ra một nơi và nói:

– “Từ ngày tôi bị bệnh phong, tôi đã mong ước hành hương một chuyến đến Đức Mẹ La Vang, nhưng ...”².

Mặt khác, ông Nguyễn Văn Xê, ngồi cạnh chùng liên tục bên cạnh thi sĩ đêm 10 tháng 11 năm 1940, kể lại rằng đêm đó “Trí đều

¹ Xin xem phần phụ thêm ở cuối bài này.

² Trần Thanh Mai đã có thông tin này từ Nguyễn Văn Xê thế nhưng ông đã tự ý đưa nó vào ngày 11-11-1940, ngày cuối cùng cuộc đời Hàn Mạc Tử, điều này không đúng. (xem tác phẩm của Trần Thanh Mai đã dẫn, tr. 204)

đọc kinh lần cuối cho đến ngày 11-11-1940 lúc 5 giờ 45 phút thì Trí nhẹ nhàng tắt thở một cách êm ái”.¹

Như thế ước muốn sau cùng và những kinh nguyện cuối cùng là những cử chỉ yêu thương chân thành và tín thác dành cho Đức Mẹ và cuộc hành hương không thực hiện được ở đời này đã được thực hiện tuyệt vời khi ông bay về trời.

Hãy nói về Nữ Vương Thiên Đàng, Mẹ rất ân cần đã nhanh chân đến tìm ông với vòng hoa chắc hẳn là rạng ngời nhất!

Chính lúc đó, trên thi hài còn nóng của ông mà của báu *La Pureté d'Âme* đã được tìm thấy như đã nói ở trên. Trước đó đã lâu, Hàn Mạc Tử đã nghĩ ra trong đầu, ấp ủ trong tim và giấu trong y phục của ông bài ca - di cáo này - y như Thánh nữ thành Lisieux đã làm với bản kinh nồng cháy dâng mình cho Tình Yêu Nhân Hậu của Ba Ngôi Chí Thánh.²

“Văn là người” (le style c'est l'homme) người Tây phương nói thế. Văn chương được đọc giữa những dòng chữ, người Đông phương đáp lại, qua những đường gân (filigrane) như trong giấy bạc. Vậy nên, hồn thanh khiết mà ông ca ngợi nơi các trinh nữ đã được thánh hiến, thực chất cũng là hồn thanh khiết của chính ông. Hồn linh hồn Hàn Mạc Tử, linh hồn đầy ân sủng, được tình yêu thiêu

¹ Lấy lại của Võ Long Tê trong cuốn *Bibliographie critique sur Hàn Mạc Tử*. Trần Thanh Mai (sdd tr. 204) kéo dài đời sống trần thế của Hàn Mạc Tử cho đến 11 giờ ngày 11-11-1940: chỉ là do nhầm lẫn hay cố ý gợi cho độc giả sự suy nghĩ về con số 11 được lặp lại ba lần trong ngày chết của Hàn Mạc Tử?

² Thánh nữ đã soạn bản kinh ấy ngày 9 tháng 6 năm 1895 và giữ bản kinh để cầu nguyện trong cuốn Kinh Thánh của riêng chị. Trong cùng tinh thần thánh hiến ấy, năm năm trước nhân dịp những năm đầu tiên vào dòng (8 tháng 9 năm 1890) chị đã soạn một bản kinh riêng cho mình và chị giữ trước ngực, dưới tu phục.

đốt, được lửa khổ đau thanh luyện, tinh khiết như nước đầu nguồn, sáng ngời như pha lê, nhẹ nhàng như thanh khí!... Hỡi linh hồn được chúc phúc mà ân sủng thánh hóa đã biến đổi nên giống với những linh hồn các “hôn thê Đức Kitô” từng làm ông thán phục và động viên những sức mạnh tâm linh của ông và cảm hứng ông đi lên những độ cao thần bí... cho đến khi đồng nhất với các hôn thê của Chúa! Và như ông đã bày tỏ trong bài ca vĩnh biệt, chính tại trần gian này đã hoàn thành các *phép lạ* khiến con người phải lặng thinh thán phục khi chiêm ngưỡng công trình thần bí của Đấng Tối Cao”.¹

Và đó là bí mật của linh hồn Hàn Mạc Tử. Bí mật của cả một đời người và nhất là của con đường ngắn ngủi – như người ta có thể nhận biết nếu không phải là thoáng thấy – từ nơi lưu đày trên trần thế đến nơi vĩnh phúc.

Hàn Mạc Tử chết trẻ: 28 tuổi đời. “Những người mà các thần linh yêu thích thường chết trẻ” (ceux que les dieux aiment, meurent jeunes), một tác giả cổ điển và ngoại giáo đã nói thế. Còn hơn thế nữa, làm thế nào Thiên Chúa của các Kitô hữu, Thiên Chúa của sự thật, xưng mình là *Tình Yêu* lại không sớm lôi kéo về với Ngài đứa con rất dễ thương, rất ngoan ngoãn, rất mộ đạo ngay khi nó đã hoàn thành tốt cuộc lữ hành trần thế?

¹ Câu thơ thứ ba của bài thơ *La pureté d'âme* mà chúng tôi có nói dưới đây. Bản dịch tiếng Việt có chú thích *Hồn Thanh Khiết* của Phạm Đình Khiêm. Văn bản phê bình, dẫn nhập và các phụ lục của Võ Long Tê. Sài Gòn, Tủ Sách Văn Sử, 1974, bản tiếng Pháp và bản tiếng Việt.

IV. Ba triều thiên

Cả cuộc đời của Hàn Mạc Tử, ông chỉ mơ đến *Xuân như ý*, theo đuổi *Thượng thanh khí*¹.

Chúng ta hãy nghe một vài tiếng thở dài của ông:

– Tôi mong ước đội vòng hoa vinh dự của Thiên Chúa

Và tắm mình trong suối nguồn ánh sáng.

(*Ngoài vũ trụ*, trong tập *Đau thương*)²

– Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu

Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu

Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang!

(*Ave Maria*, trong tập *Xuân như ý*)³

– Hỡi các thiên thần trên trời, thiên thần của Chúa, thiên thần bình an hoan lạc, xin mang xuống cho tôi một triều thiên.

(*Hồn Thanh Khiết*)⁴

Thiên Chúa vô cùng nhân hậu thường đáp lại những khát vọng tình yêu của con cái Ngài dưới trần gian với sự rộng rãi trên bình diện vũ trụ. Chính vì thế chúng ta phải nghĩ rằng Hàn Mạc Tử hẳn sẽ được ban thưởng không chỉ một triều thiên mà đến ba triều thiên:

¹ Tên hai tập thơ chưa xuất bản của Hàn Mạc Tử.

² Các câu 19-20 của bài thơ *Ngoài vũ trụ* trong tập thơ chưa in *Đau thương*. Chúng tôi trích dẫn làm đề từ cho tiểu luận này theo bản văn đã được Võ Long Tế hiệu đính và dịch ra tiếng Pháp trong tác phẩm của ông: *Hàn Mạc Tử, Somme de poésie et d'écrits en prose*.

³ Các câu thơ 60-62 của bài thơ *Ave Maria* của tập thơ chưa in *Xuân như ý*. Xem thêm chú thích 1 về bài *Ave Maria* ở trang 408 và phần phụ lục.

⁴ Câu thơ đầu tiên của bài thơ xuôi *Hồn Thanh Khiết*.

+ *Triều thiên Tông Đồ*: Vì tâm hồn thi ca của ông chủ yếu thấm nhuần sứ điệp Tin Mừng, và tất cả nghệ thuật, tất cả tài năng mà người ta ca ngợi nơi ông cũng chủ yếu nhắm vào việc truyền bá Tin Mừng Cứu Độ cho những người còn chìm đắm trong bể khổ để họ được cứu như ông và với ông, như Lời Chúa đã hứa: “Tất cả những ai đang vất vả và mang gánh nặng nề hãy đến cùng tôi sẽ cho nghỉ ngơi bồi dưỡng. Anh em hãy mang lấy ách của tôi và hãy học với tôi vì tôi có lòng hiền hòa và khiêm nhường. Tâm hồn anh em sẽ được nghỉ ngơi bồi dưỡng. Vì ách tôi êm ái, và gánh tôi nhẹ nhàng” (Mt 11,28-30).

+ *Triều thiên Ngôn sứ*: Vì ông thường xuyên làm sáng tỏ, ca ngợi, tôn vinh Chân, Thiện, Mỹ cho tới Chân, Thiện, Mỹ tuyệt đối là Thiên Chúa. Như vậy là ông đã đóng vai trò như một ngôn sứ của Thiên Chúa, và xứng đáng lời chúc phúc này của Chúa Giêsu: “Ai đón nhận một ngôn sứ như ngôn sứ sẽ được phần thưởng dành cho ngôn sứ”. (Mt 11, 41)

+ *Triều thiên Tử đạo*: “Thi sĩ của đạo binh thánh giá” như ông đã nói về mình¹, đời sống của ông là một sự tử đạo không ngừng, tử đạo không phải bởi một thanh gươm, nhưng bởi cả ngàn mũi kim đâm, theo cách của Thánh nữ Têrêxa Hải Đồng Giêsu ... Và

¹ “Đây thi sĩ của đạo quân Thánh Giá”, câu thơ 29 của bài thơ *Nguồn Thom* trong tập thơ chưa in *Xuân như ý*.

Cũng xem bài phê bình và bản dịch tiếng Pháp của Võ Long Tê, đã dẫn trong chú thích số 1 và số 13 ở trên. Xin cũng tham khảo thêm:

Võ Long Tê: *Hàn Mạc Tử, poète de l'Armée de la Sainte Croix* (Hàn Mạc Tử, thi sĩ của đạo quân Thánh Giá). Trao đổi thực hiện trong cuộc thảo luận tổ chức năm 1952 tại Huế bởi nhóm các giáo sư Công giáo ở Huế. Một phần của bản văn được in trong tạp chí *Vinh Sơn*, Huế, 1952, mở đầu có một ghi chú giới thiệu của giám đốc tạp chí nói trên. In lại trong nguyệt san *Xã Hội*, Sài Gòn, 1954, số Tết.

tại sao ở đây không thực tế để nói rằng: Hàn Mạc Tử đã Tử đạo với hàng ngàn vết thương và hàng ngàn điều sỉ nhục bởi chứng bệnh phong thời đó...: “Phúc thay ai sầu khổ vì sẽ được Thiên Chúa ủi an”, Đức Giêsu, Vua của các tử đạo, đã xác nhận (Mt 5, 5).

* * *

Câu chuyện ẩn dụ *Chơi giữa mùa trăng* – hay nói về một đêm tối siêu hình – của cậu bé Hàn Mạc Tử đi chơi cùng với chị Lễ lúc đó mới mười lăm tuổi, kết thúc bằng những lời Hàn Mạc Tử nói cùng chị mình như sau:

“Không, không chị ơi! Rồi ánh sáng đêm nay sẽ tan đi, ta sẽ buồn thương và nhớ tiếc. *Em muốn bay thẳng lên trời để tìm ánh sáng muôn năm thôi*”¹.

Nguyện vọng ấy của Hàn Mạc Tử giờ đây đã được nhận lời. Ông đã đi vào ánh sáng vĩnh cửu. Chính vì thế ông đã vội vã quay về chia sẻ với chị Như Lễ, bây giờ là bà Bữu Đông. Như thế câu chuyện ẩn dụ hôm qua đã có một kết luận có thật và đã xác nhận kết luận của ẩn dụ tức là mơ ước hôm qua.

Mơ ước ngày xưa của Hàn Mạc Tử như thế đã trở thành hiện thực. Giờ đây chính hiện thực ấy – (đã hẳn thuộc bình diện tâm linh) - đi vào giấc mơ của bà Như Lễ. Điều làm ngạc nhiên nhất là chính Hàn Mạc Tử đã thấy trước, loan báo và bình luận hết thấy điều đó như ông đã viết trong bài “*Chiêm bao và sự thật*”:

“Mộng tàn rồi, nghĩa là mộng biến đi, những điều tôi vừa thoáng thấy toàn là huyền hoặc cả? Có lẽ nào! Tôi đã thấy thực như đã thấy sự sống của tôi. Những phút giây trong sáng đây không phải

¹ Kết luận của bài thơ xuôi *Chơi giữa mùa trăng*.

Tác phẩm phê bình và bản dịch tiếng Pháp của Võ Long Tô trong tác phẩm đã dẫn, chú thích số 1 đầu bài.

là phút giây mê sảng nữa. Có ai nhận thấy hai hàng nước mắt của tôi không?”¹

– Có chứ, hồi nhà thơ yêu thương! Xin cho phép đưa em khiêm hạ trong lòng đời, trong văn chương và nhất là trong Thiên Chúa, được thừa với anh rằng em đã thấy hai hàng nước mắt nóng hổi của anh. Và đứa em này biết rằng đó là hai suối lệ tình yêu và hạnh phúc. Tình yêu khôn dò và hạnh phúc khôn tả mà anh đang tận hưởng hôm nay trong *Xuân như ý* của anh tức là trong Thiên Chúa, Chúa của chúng ta.

(Trích *Như Hương Trầm Bay Lên, kỷ niệm 70 năm ngày mất của thi sĩ Hàn Mạc Tử*, Nxb Tôn Giáo, 2010, tr. 85-110)

PHỤ THÊM:

NHỮNG NHẠC PHẨM CẢM HỨNG TỪ BÀI THƠ AVE MARIA

Trong tiết *Oeuvres de création en communion avec Hàn Mạc Tử* trong cuốn *Bibliographie critique sur Hàn Mạc Tử*, Võ Long Tê đã đề cập đến những tác phẩm âm nhạc đáng chú ý mà bài thơ *Ave Maria* của Hàn Mạc Tử đã tạo nên nguồn cảm hứng.

Chúng ta mang ơn Võ Long Tê những xác nhận về thư mục như sau:

- **Lê Thương [Ngô Đình Hộ]**

Kính Tung Sinh Nhựt, phổ thành nhạc các câu thơ: 1-4 (khổ thứ nhất), 9-12 (điệp khúc), 5-8 (khổ thứ hai), 13-16 (khổ thứ 3), 58-62 (khổ thứ tư), trong tuần báo *Thế giới* [Le Monde], Sài Gòn, số 10, từ 24 đến 30 tháng 12-1949 trang bìa 2 và 3. Người giới thiệu vô danh [theo Lê Thương là Dương Tử Giang, thư ký tòa soạn của tuần báo]

¹ Chúng tôi lấy lại bản dịch tiếng Pháp của Võ Long Tê. Xem tác phẩm đã dẫn, chú thích số 1 ở đầu bài.

Được trình diễn lần đầu tiên bởi ca sĩ Trần Văn Trạch trong khuôn khổ nhạc cảnh nhan đề *Phút sau cùng*, tác phẩm của Lê Thương, với dàn nhạc của Võ Đức Thu, ở nhà hát Nguyễn Văn Hảo, Sài Gòn, ngày 13 tháng 2-1949.

Được trình diễn, từ lần xuất bản đầu tiên, từng phần hay toàn bộ, trong nhiều nhạc cảnh hay nhạc kịch, bởi những nghệ sĩ danh tiếng của Sài Gòn, dưới nhan đề ban đầu hay dưới những nhan đề khác, nhan đề sau cùng là *Kính Dâng Lên* (trong một bản nhạc đã được chỉnh sửa mà tác giả có tặng cho Võ Long Tê).

Một trong những thành công của thập niên 50 và 60.

• Lê Quang Nhạc (1924-1968)

Ave Maria

Toàn thể bài thơ được phổ nhạc

Được trình diễn lần đầu tiên trong Dạ Hội Văn Hóa để kỷ niệm năm thứ 16 ngày mất của Hàn Mạc Tử, được tổ chức ngày 11-11-1956 ở Huế, bởi nữ ca sĩ Thái Xuân, với tác giả bản nhạc chơi đàn vĩ cầm và các nhạc công khác tạo thành một dàn nhạc nhỏ phụ họa trong hoàn cảnh đó.

Được in trong tập *Nhạc La Vang* mà phần lớn gồm những nhạc phẩm của Chương Thi, Sài Gòn. Nhà in Sài Gòn Ấn Quán, 1957.

• Hải Linh

Ave Maria

Toàn thể bài thơ được phổ nhạc dưới hình thức một bài ca bốn bè được chia làm sáu phần với những nhan đề tương ứng:

- Phần đầu tiên (các câu 1-12)

Ave Maria (Hợp ca mở đầu)

Đội hợp xướng Hồn Nước trình diễn lần đầu tiên ở Nhà hát Thống Nhất, Sài Gòn, Noel 1957, dưới sự chỉ huy của Hải Linh.

Phần này được in. Sài Gòn, xb. HL sđd. (1972, nếu chúng ta căn cứ vào giấy phép in mà Ban Kiểm duyệt cấp đề ngày 11-11-1972)

Xuất bản trên băng từ nhan đề *Một giờ hợp ca số 1*. Đội hợp xướng Hồn Nước trình diễn dưới sự chỉ huy của Hải Linh. Sài Gòn, xb. HL, sdd [1972]

Xuất bản trên đĩa 45 vòng. Sài Gòn số J.M.014, mặt 1. Đội hợp xướng Phanxicô trình diễn dưới sự chỉ huy của Duy Mai Ân, 8-12-1970.

- Phần thứ hai (các câu 13-22) nhan đề:

Ave Maria số 2: Dâng lời cảm tạ

Phần này được sao chép nhiều bản.

- Phần thứ sáu (câu 49-62) nhan đề

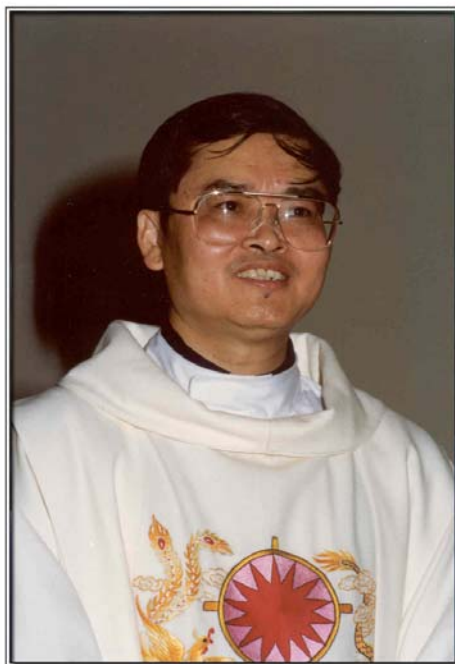
Ave Maria: Tấu Lạy Bà

Phần này được sao chép nhiều bản.

Các phần 3, 4, 5 được báo trước trong ấn bản của phần đầu (tr.3) và mặc nhiên không được công bố. Âm nhạc tuyệt vời của Hải Linh đã góp phần lớn vào sự thành công của bài thơ Ave Maria của Hàn Mạc Tử; nó được trình diễn nhiều lần trước những công chúng khác nhau, nhất là một tiết mục của Đại hội Âm nhạc Tôn giáo mà Hội Đồng Giám Mục Việt Nam tổ chức dành cho thánh nhạc tại Sài Gòn ngày 21 tháng 11 năm 1971; tác phẩm này đã tạo nên một liên kết hoàn hảo giữa thi ca và âm nhạc.

8.

Đóng góp của
Lm TRẦN CAO TƯỜNG



1. Tưởng niệm Linh mục Trần Cao Tường

Linh mục Trần Cao Tường sinh năm 1948 tại Chí Tĩnh, Ninh Bình. Năm 1959-1967: Tiểu chủng viện thánh Phaolô Phú Nhuận, Sài Gòn. Tốt nghiệp Triết học và Thần học tại đại chủng viện Urbano và Lateranense, Roma năm 1970 và 1973. Thụ phong linh mục ngày 6 tháng 4 năm 1975; nhập tổng giáo phận New Orleans, Louisiana. Phụ trách cộng đồng Versailles, New Orleans East (1975-1991) và giáo xứ Assumption of Mary, Louisiana (1991-2011); sáng lập Mạng Lưới Dũng Lạc (2005) chủ trương góp tài liệu và gầy dựng Tủ Sách Dũng Lạc xây nhà văn hóa và văn học Công giáo. Qua đời: vào lúc 11g56 sáng Chúa Nhật 21-11-2010.

Tác phẩm: Đi Tìm Nét Văn Hóa Việt, Đạo Sống Dũng Lạc, Vũ Khúc Thăng Ca, Nhịp Múa Sông Thanh, Khúc Sáo Ân Tình, Về Nguồn Việt Đạo, vv...

(Mời xem các bài viết này tại:

<http://www.dunglac.org/index.php?m=module2&id=61&page=1>)

Khi còn học trung học ở Tiểu chủng viện Phú Nhuận, Trần Cao Tường đã yêu thích văn chương và ước mơ dùng văn chương để giới thiệu Tin mừng cho đồng bào và đồng loại. Trong những năm học Đại chủng viện tại Rôma, ước mơ ấy được định hướng theo tinh thần Công đồng Vaticanô II và được gợi hứng nhiều từ triết lý an vi của Kim Định, rồi 30 năm sau khi làm linh mục, đã được thể hiện qua Mạng Lưới Dũng Lạc (www.dunglac.org). Tại mạng lưới này, ông theo đuổi việc góp tư liệu xây nhà văn hóa và niềm tin.

2. Đóng góp về Hàn Mạc Tử

Qua những bài viết về Hàn Mạc Tử, ông lý giải sự đột biến tài năng Hàn Mạc Tử bằng hai sự kiện:

- Sự biến đổi khác thường nơi những người “trở về từ cõi chết”, theo những quyển sách đúc kết từ lời chứng của những người trong cuộc

- Sự kiện em bé 10 tuổi, lớn lên trong một môi trường xa lạ với Kitô giáo và chưa bao giờ học vẽ, bỗng dưng được ơn soi sáng để vẽ nên những bức tranh thần kỳ. Hơn thế nữa, em còn kể lại những ơn lạ đã nhận được, trong đó có ơn được trực tiếp gặp gỡ Thiên Chúa và được đưa lên thiên đàng.

Thoạt nghe, ta dễ xếp ngay cả hai sự kiện ấy vào những chuyện nhảm nhí. Thế nhưng cả những điều xảy ra nơi một số lãnh vực khác dường như cho lại thấy cuộc sống nhân loại ngày nay đang

tiến tới những biên thùy giữa Vô Cùng và Hữu Hạn. Chẳng hạn, các phương tiện truyền thông đang giúp thực hiện điều xưa kia chỉ là ước mơ: chuyện vãn với người ở xa qua cả miệng nói, tai nghe và mắt thấy; việc phát huy nhân điện để sống khỏe và chữa bệnh; những phụ nữ kiên trì mang thai nhiều năm đã sinh những đứa con xinh đẹp và thông minh...

Đang khi Hữu Hạn vươn tới Vô Cùng thì Vô Cùng cũng đang ngổ lỏi với Hữu Hạn bằng những sự kiện lạ thường.

Khi viết về “Hàn Mạc Tử và Tôn Giáo” (PCĐ-1, 85-98), giáo sư Phan Cự Đệ đã đọc bài viết của Trần Cao Tường về sự kiện thứ nhất và ghi nhận: “Bài viết của linh mục Dũng Lạc Cao Tường đã mở ra một hướng tiếp cận mới đối với một số hiện tượng tâm linh. Nhưng kết luận của chúng tôi lại khác với những kết luận của vị linh mục Thiên Chúa giáo” (Sđd, tr. 92). Nếu đã đọc cả những bài viết về em bé Akiane, có lẽ vị giáo sư cũng có thêm những ghi nhận khác chẳng?

Lm TRĂNG THẬP TỰ

3. Những bài trong phần này

- NHỮNG HUYỀN BÍ BÊN KIA CÕI CHẾT QUA HIỆN TƯỢNG HÀN MẠC TỬ - *Lm DŨNG LẠC TRẦN CAO TƯỜNG*
- HIỆN TƯỢNG BÉ AKIANE VÀ HÀN MẠC TỬ ỚC RA THƠ - *Lm DŨNG LẠC TRẦN CAO TƯỜNG*
- DẤU CHỈ VĂN HÓA THỜI ĐẠI: CÔ BÉ AKIANE VẼ ĐƯỢC NHỮNG BỨC TRANH KỲ LẠ DO ÁNH SÁNG TỪ TRỜI - *Lm DŨNG LẠC TRẦN CAO TƯỜNG*
- PHƯỢNG TRÌ TRONG TRƯỜNG CA HÀN MẠC TỬ - *Lm DŨNG LẠC TRẦN CAO TƯỜNG*

NHỮNG HUYỀN BÍ BÊN KIA CÕI CHẾT QUA HIỆN TƯỢNG HÀN MẠC TỬ

Lm DŨNG LẠC TRẦN CAO TƯỜNG

Cả ngàn trường hợp những người đã được các bác sĩ chứng nhận là đã chết thực sự rồi vì một lí do huyền bí nào đó bỗng dung sống lại, đã được bác sĩ Raymond Moody thu góp trong cuốn “Đời Sau” (Life After Life) xuất hiện năm 1975. Tôi đã tìm đọc trước hết vì tò mò muốn biết những điều bí ẩn về hiện tượng này. Nhưng trong lòng thì vẫn hồ nghi, không biết những kết luận của bác sĩ Moody có thực không, hay cũng chỉ do phản ứng thuốc và cơ thể lúc hấp hối, vì óc cũng như các tế bào đang chết mà nảy sinh ảo giác và những hình ảnh như kiểu “nảy đom đóm mắt” vậy.

Nhưng rồi cái tò mò này dần tôi đi xa hơn. Về những thay đổi kì lạ và bất ngờ nơi những người như thế, mà cụ thể là Hàn Mạc Tử.

Hàn Mạc Tử là một nhà thơ thiên tài và thần bí. Thơ của ông chất chứa những ý tưởng và hình ảnh lạ lùng vượt qua ngôn ngữ loài người. Bí ẩn gì đằng sau hiện tượng này? Những vần thơ tuyệt tác của ông do tài năng riêng hay do một nguồn huyền bí nào khác? Đời sống của ông đã từ những vật vã cô đơn cùng độ đến những cảm nghiệm hút hồn đầy hoan lạc. Điều gì lạ vậy?

I. Được ánh sáng biến đổi

(Transformed by the Light)

Đó là tựa đề cuốn sách do cuộc nghiên cứu nhiều năm bằng phương pháp khoa học của bác sĩ Melvin Morse về hiện tượng

những người chết sống lại (Villard Books, 1992), sau sự thành công của chương trình nghiên cứu khác tại Seattle trong cuốn Gần Ánh Sáng Hơn (Closer to The Light, Ivy Books 1990). Thực ra thì bác sĩ Raymond Moody đã thu góp, phân tích và đưa tới những kết luận chung về những trường hợp trên từ lâu, nhưng chưa mang tính cách khoa học như của bác sĩ Melvin Morse xác nhận trong cuốn “Được Ánh Sáng Biến Đổi”: “Tôi muốn chứng minh một cách khoa học những điều mà những người nghiên cứu khác chỉ phỏng đoán, xem những người chết sống lại được thay đổi như thế nào...” (trang 29)

Đã chết thật khác với tình trạng hôn mê bất tỉnh. Tôi đã có dịp nói chuyện với một người quen, đã bị hôn mê cả tháng trời sau khi mổ, thì không thấy có hiện tượng như trường hợp chết đi sống lại, mà chỉ có những cơn mơ dài. Vì tình trạng hôn mê vẫn chưa phải là chết thật.

Những gì xảy ra trong thời gian một người đã thực sự chết rồi sống lại? Có người chết 5 phút, có người chết nửa giờ. Cả mấy trăm trường hợp như vậy được khảo sát bằng phương pháp khoa học đàng hoàng.

Tất cả mọi trường hợp trên đều có 4 điểm chính:

1. Hồn ra khỏi xác: bay lơ lửng trên không nhìn xuống xác của mình, thấy rõ mọi người và mọi sự đang xảy ra trong khung cảnh mình vừa tắt thở. Thấy các y tá và bác sĩ chạy hồi hả. Thấy những người thân yêu đang khóc...

2. Ống tối dài: sau đó hồn như bị hút vào một cái ống dài thật tối đen với một tốc độ nhanh kinh khủng. Betty Eadie kể lại kinh nghiệm của chính mình trong cuốn “Được Ánh Sáng Ấp Ủ” (Embraced by The Light, Gold Leaf Press 1992): Đây đúng là thung lũng bóng tối sự chết” (trang 39) như Kinh thánh đã từng nói tới.

3. Nguồn sáng: bỗng thấy một nguồn sáng xuất hiện đầy yêu thương và an bình. Ánh sáng này thật sáng nhưng không chói mắt. Có người cảm nghiệm thấy Chúa, có người thấy Đức Maria... . *“thấy tấm trong ánh sáng và thấy một bà màu nhiệm mặc áo trắng đến cầm tay nâng đỡ tôi” (trang 191)*. Lúc đó hồn được soi sáng nhìn lại và thấy tất cả cuộc đời của mình hiện lên trong một nháy mắt. Giáo lý vẫn gọi là phán xét. *“Tôi thấy tôi là chính những người tôi xúc phạm, và cũng là chính những người tôi giúp đỡ”*. Lời thuật này làm chứng lời Chúa trong Tin Mừng Thánh Gioan: Chúa không sai Con của Ngài xuống để luận phạt thế gian mà là để cứu rỗi; ai đi trong bóng tối thì đã tự luận phạt rồi.

Rồi hồn sung sướng sửa soạn bước vào vùng ánh sáng thì lại nghe rõ lệnh: chưa phải lúc, hãy trở về. Thế là sống lại. Tất cả đều không thích trở lại như vậy. Cũng có một số trường hợp, thay vì gặp vùng ánh sáng yêu thương, thì lại gặp vùng đen tối hiện hình như quỷ sứ trong biển lửa thật sợ hãi, như bác sĩ Raymond Moody thuật lại trong *“Ánh Sáng Muôn Năm” (Light Beyond, Bantam Books 1989, trang 26-27)*.

Betty Eadie tả kỹ về cảm nghiệm nguồn ánh sáng:

“Bây giờ thì tôi biết có Chúa thật. Không còn chỉ tin vào một lực vũ trụ, mà tin vào một Đấng đang sau sức mạnh đó. Tôi thấy Đấng đầy yêu thương đã dựng nên vũ trụ và đặt mọi khôn ngoan vào đó. Tôi thấy Ngài điều khiển trí khôn ngoan và sức mạnh này. Tôi thấy trực tiếp rằng Chúa muốn chúng ta trở nên giống như Ngài, và Ngài cho chúng ta những đặc tính giống như Chúa, như óc tưởng tượng và sáng tạo, ý chí tự do, trí thông minh, và nhất là khả năng yêu thương... “ (trang 61).
“Tôi cảm nhận tình yêu của Chúa vô điều kiện, vượt trên mọi

tình yêu tràn thế... Và tôi được áp ủ trong cánh tay của ánh sáng vĩnh cửu này” (trang 53).

4. Được biến đổi: bác sĩ Morse cho biết: “Tất cả mọi trường hợp đều được biến đổi sau khi đã gặp ánh sáng này... Họ trở nên đầy nhiệt lực và dễ thương hơn, đôi khi họ được sức cảm thụ lạ về những lãnh vực tâm linh trước kia không hề biết” (trang 6). Một số người biết trước truyện sẽ xảy ra trong tương lai hay ở xa “Họ ít sợ hoặc không sợ chết nữa, vì họ biết có một cuộc sống mới. Một số người tự nhiên thông minh hơn ra nhiều... biết nhiều nguyên lí toán học ngay cả về nguyên tử... thuyết tương đối của Einstein... phát triển nhiều khả năng tâm linh... “ (trang 9-10).

Tất cả những cái thấy trên đây đều được bác sĩ Melvin Morse chứng nghiệm là có thật, chứ không phải do phản ứng của thuốc hay cơ thể lúc chết do ảo giác vì thiếu dưỡng khí hay vì những thần kinh óc bị hủy hoại. (*xem Được Ánh Sáng Biến Đổi trang 194*).

“Cảm nghiệm ánh sáng không thể tự tạo ra được, mà chỉ có thể có được ở điểm chết hoặc nơi những thị kiến tâm linh rất đặc biệt... Sự thay đổi mạnh nhất và kéo dài lâu nhất được thấy nơi những người đã trông thấy ánh sáng này” (trang 197).

II. Hàn Mạc Tử đã chết mấy lần và đã thấy gì?

Trong thơ Hàn Mạc Tử, có nhiều ý tưởng và hình ảnh kì lạ khó hiểu. Một vài người vội nghĩ ngay đó chỉ là những tưởng tượng hay bám víu vào niềm tin cho khuây khỏa cơn bệnh, hay chỉ là những kiểu chơi chữ cho bay bướm cao siêu. Nhưng qua những khảo cứu và những khám phá khoa học trên thì chắc chắn ai cũng phải nhận rằng những ý tưởng và hình ảnh này đúng là của một người đã chết, đã thấy nhiều điều huyền bí từ “cõi chết” (phải nói là

cõi sống thật mới đúng), rồi sống lại trở về kể lại như một lời chứng.

Sự kiện đầu tiên được Nguyễn Bá Tín trong “Hàn Mạc Tử Anh Tôi” thuật lại. Hồi nhỏ Hàn Mạc Tử rất ham chơi. Hết thích bắn nả cao su thì sang bắn súng, rồi quyền Anh và tắm biển, nhất là thời gian gia đình ở Quy Nhơn. “Có lần cả hai anh em xuýt chết vì lội ra quá xa bờ, khi vào bị gió nồm quá mạnh, anh Trí đuối sức gần ngất đi, phải nằm giữa cho gió đẩy vào bờ. Trông anh sợ hãi khác thường, thần sắc ngơ ngác, như không còn trông thấy gì nữa. Anh thều thào: “Ở Huế, bơi qua cầu Bạch Hổ bị rong vắn chân kéo chìm không lội được, mà sao ít sợ hơn bữa nì”. Rồi anh lẩm bẩm nghe như: Đức Mẹ... Đức Mẹ... Tôi tưởng anh cầu nguyện. Trông anh khác lạ đi, tôi càng hoảng sợ: anh không còn giống anh nữa, với đôi mắt lạc thần. Từ đó, anh không tắm biển nữa, sợ nước, ít hoạt động, nói năng nhỏ nhẹ như sợ ai nghe. Thường ngồi khoanh tay nghe hơn là nói, thân thể gầy sút đi. Nhiều lúc như xuất thần, anh không hay biết gì chung quanh, nhất là lúc anh ngâm thơ, giọng như run run đau đớn” (trang 20-21).

Thật lạ lùng, các diễn tiến trong thơ Hàn Mạc Tử cũng giống hệt như 4 điểm chính trong khảo sát của bác sĩ Melvin Morse:

1. Đã thoát hồn ngoài xác

Hàn Mạc Tử đã thấy gì hôm đó? Trong “Ánh Sáng Biến Đổi” bác sĩ Morse thuật lại một chuyện xảy ra của Jim cũng suýt chết đuối ở bờ biển California y như trường hợp Hàn Mạc Tử, mà ông gọi là “fear death” (chết vì quá sợ):

“Khi thấy càng bị đẩy xa bờ hơn, tôi quá sợ hãi, và càng đập mạnh hơn. Bỗng tôi thấy mình bay lên trên không khí nhìn xuống tôi đang bơi, giống như có hai cặp mắt cùng nhìn vào một ốc... Rồi tôi được tràn ngập bởi một nguồn sáng, như mây bao phủ quanh tôi.

Tôi thấy thích thú... Bỗng tôi trở lại thân xác tôi. Tôi nghĩ rằng tất cả cảm nghiệm này kéo dài khoảng một phút” (trang 161-162).

Ánh sáng trong trường hợp Hàn Mạc Tử ở bờ biển Quy Nhơn được biểu hiện là chính Đức Maria, mà sau này được ghi lại trong bài *Thánh Nữ Đồng Trinh Maria*:

*Maria, linh hồn tôi ớn lạnh
Run như run thần tử thấy long nhan
Run như run hơi thở chạm tơ vàng
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn triu mến.*

Chính Nguyễn Bá Tín cũng xác nhận điều này: “Anh xúc động đến rơi lệ và thì thầm cảm tạ được ơn cứu thoát trong tai nạn đó” (Hàn Mạc Tử Anh Tôi, trang 82).

*Lạy Bà là Đấng tình tuyền thanh vẹn
Giàu nhân đức giàu muôn học từ bi
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lâm lụy vừa trải qua dưới thế.*

Và ít nhất ba chỗ trong cuốn “Hàn Mạc Tử”, Ông Trần Thanh Mại có nhắc tới việc Hàn Mạc Tử chết đi sống lại trong thời gian bệnh đã nặng: đôi ba lần (trang 55, 80) rồi bốn năm lần (trang 136).

*Chính Hàn Mạc Tử đã ghi lại:
Toan ngất đi trong cơn mê khoái lạc
Mẹ dẫu yêu liền vội đến tay nâng.
...
Anh đã thoát hồn anh ngoài xác thịt
Để chấp chờn trong ánh sáng mờng lung.
(Sáng láng)*

Trong Kinh thánh, Thánh Phaolô có lần kể lại chuyện về

chính mình bị ném đá chết ngất đi tại Lystra:

“Tôi sắp kể về các cuộc thị kiến và Khải minh Chúa ban cho tôi. Tôi biết có một người trong Đức Kitô, cách đây mười bốn năm (hồn còn ở trong xác hay đã ra ngoài xác tôi không biết, có Thiên Chúa biết) được bốc lên tầng trời thứ ba; và tôi biết người đó (hồn còn ở trong xác hay đã ra khỏi xác tôi không biết, có Thiên Chúa biết) đã được bốc lên Thiên Đàng và được nghe thấy những tiếng nói mà người thường không có thể cũng không được phép phát ra. Đó là người tôi muốn khoe chứ tôi đây thì khoe làm gì, vì chỉ thấy những điểm kém hèn. Giả tử tôi nhất định khoe thì cũng chớ ai cười tôi là khùng, vì tôi nói đúng sự thực; nhưng tôi sẽ không nói nữa, vì những vụ thị kiến kia quả là vĩ đại khác thường, tôi sợ vì đó mà có người đánh giá tôi cao hơn những tư cách họ mắt thấy tai nghe ở nơi tôi” (2Cr 12,1-6).

2. Hồn bay vùn vụt

Nhất là trong “Hồn Lìa Khỏi Xác”, Hàn Mạc Tử đã diễn lại y như bác sĩ Melvin Morse đã khảo sát trong giai đoạn sau khi chết bị hút vào ống tối dài, mà Betty Eadie tả là thung lũng bóng tối sự chết:

*Há miệng cho hồn văng lên muôn trượng
Chơi voi trong khí hậu chín tầng mây
Ánh sáng lạ sẽ tan vào hư lãng
Trời linh thiêng cao cả gọi nồng say.
Vì không giới nơi trầm hương vắng lặng
Nên hồn bay vùn vụt tới trắng sao
Sóng gió nổi rùng rùng như địa chấn
Và muôn vàn thần phách ngã lao đao...
Rời hồn ngắm tử thi hồn tan rã
Bốc thành âm khí loãng nguyệt cầu xa*

*Hồn mắt xác hồn sẽ cười nghiêng ngả
 Và kêu rêu thảm thiết khắp bao la...
 Đêm nay ta khắc hồn ra khỏi miệng
 Để cho hồn bớt nỗi bi thương
 Nhưng khốn nỗi xác ta đành câm tiếng
 Hồn đi rồi không nhập xác thê lương.*

3. Tắm gội ở trong nguồn ánh sáng

Thấy ánh sáng muôn năm là yếu tố then chốt trong thiên tài nghệ sĩ sáng tác của Hàn Mạc Tử. Ông thấy và diễn tả lại một cách trung thực. Không phải như một luận đề, suy diễn, hay kết luận của hệ thống giáo lí nào cả, mà là một thực chứng.

Nhiều khi ông điên cả lên vì cảm thấy như vậy mà không làm sao dùng ngôn ngữ loài người mà diễn đạt nổi. Cái điên trong tập *Thơ điên* không nhất thiết vì quá đau đớn, mà vì cái xốn xang như trong “Kêu Gọi”:

“Ý còn ở trong lòng thì rạo rục xốn xang, khi phô phang lên giấy thì tê dại, ngắt ngư, như không có chút gì là rung động nữa... Lòng ta hừng hực mỗi khi nắng hanh lên. Ấy là dấu hiệu mùa thơ đã chín. Gặt hái cho mau, kéo ngọn thơ càng cao, người thơ càng điên dại... “ (Chơi giữa mùa trăng, trang 27-28).

Nguồn ánh sáng mà Hàn Mạc Tử thấy là một ngôi vị Thiên Chúa tình yêu, chứ không phải là một lực vũ trụ vô vi, vô vị nhạt nhẽo. Là chính Chúa Giêsu trong cảm nghiệm của thánh Phaolô trên đường Đa-mát: “Đương khi còn đi đường, khúc đó đã gần tới Đa-mát ngay trước cổng mở vào thành, chợt ông trông thấy có ánh sáng từ trời bủa xuống bao kín chung quanh ông. Ông ngã xuống đất, và nghe thấy có tiếng bảo rằng: Saolô, Saolô, sao nhà người bách hại ta hoài? Ông hỏi: Ngài là ai? Tiếng nói trả lời: Ta là

Giêsu...” (Cv 9,3-5).

Cảm thông và kết hợp với Thiên Chúa là một tương giao rung động con tim chứ không phải như kiểu tượng muối trở về hòa tan trong biển cả là cõi nguồn mình. Đó là một tương giao thân tình kiểu “I - Thou” trong tâm tình của Buber.

Và như Betty Eadie, Hàn Mạc Tử thấy hồn sung sướng được ấp ủ trong Tình Yêu:

*Ai tới đó mà chẳng nao thần trí
Tòa châu báu kết bằng hương kì dị
Của Tình Yêu rung động lớp hào quang*

... .

*A ha hả, say sưa chê chán đã
Ta là ta hay không phải là ta?
Cò gì đâu cả thể với cao xa
Như cõi rẽ của trăm ngàn đạo hạnh.*
(Siêu Thoát)

Và trong bài *Ngoài vũ trụ*, hồn thơ còn thấy rõ hơn:

*Sáng vô cùng, sáng láng cả mọi miền
Không u tối như cõi lòng ma quỷ
Vì có Đấng Hằng Sống hằng ngự trị
Nhạc thiêng liêng đồn trời khắp u linh.*

... .

*Tình thom tho như gác lệ còn nguyên
Ta ước ao đâu đội mũ triều thiên
Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng.*

4. Được biến đổi: qui tụ thân về trong một môi

Nhiều người trong cuộc khảo cứu của bác sĩ Melvin Morse, sau khi chết đi sống lại, đã trở nên khác lạ với những khả năng cảm thụ

đặc biệt. Trường hợp Olaf trong “Được Ánh Sáng Biến Đổi” thì thấy: “đang trôi trong vũ trụ vô bờ bến... *Vũ trụ như những bọt xà bông đang qui về trọng tâm theo một hình thái phức tạp, nhưng tôi hiểu được trọn vẹn, thấy được mọi sự đều có nghĩa... cảm thụ được toàn thể vũ trụ...*” (trang 12-13). Hàn Mạc Tử cũng đã được khả năng lạ lùng này, là thấy mọi trắng đen đỏ vàng, buồn vui, trầm bổng cuộc đời không phải là những mảnh vỡ vô nghĩa hay những cù lao trôi nổi phi lý, mà đều qui tụ thâu về trong một mối, mang trọn ý nghĩa trong một chương trình mầu nhiệm như lời Kinh thánh: “*Chúng ta biết rằng Thiên Chúa làm cho mọi sự đều ăn khớp với nhau sinh ích cho những ai yêu mến Chúa, tức là cho những kẻ được Người kêu gọi theo như ý Người định*” (Roma 8,28).

Cái thấy này cũng đang phù hợp với những khám phá mới nhất về khoa học vật lý. Từ nhân quan vật lý cá biệt “những cù lao” của Newton đến thuyết tương đối của Albert Einstein, và bây giờ là “quantum physics” Chơi giữa mùa trăng dịch thoát là “vật lý vũ trụ nhất thể”, mọi sự xuất phát và “qui tụ thâu về trong một mối”, đều liên hệ tới nhau vì chia sẻ cùng một lực sống.

Hàn Mạc Tử đã tả lại cái thấy này trong bài Siêu Thoát:

*Những cù lao trôi nổi xứ mệnh mang
Sẽ qui tụ thâu về trong một mối.
Và tư tưởng không bao giờ chấp nối
Là vì sao? Vì sợ kém thiêng liêng
Trí vô cùng lan nghĩ rộng vô biên
Cất nghĩa hết những anh hoa huyền bí
Trời bát ngát không cần phô triết lý
Thơ lảng lai chấp chóa những hàng châu
Ta hiểu chi trong áng gió nhiệm mầu?
Những hạt lệ của trích tiên đầy đọa.*

Sứ điệp tin vui

Tất cả những cái thấy trên đúng là như vẽ ra cảnh thiên đàng trong hình ảnh Kinh thánh qua các thị kiến của các tiên tri và *Khải huyền*, thật lạ lùng vượt qua sức hiểu biết con người, nhưng có thực, giống như cái thấy của thánh Gioan:

“Tôi thấy một trời mới và một đất mới, cảnh trời thứ nhất và đất thứ nhất đã biến dạng, cả biển cũng không thấy đâu. Tôi thấy thành thánh, thành Giêrusalem mới, từ Thiên Chúa trên trời hạ xuống, xinh đẹp như một tân nương trang điểm chờ chồng. Rồi tôi nghe có tiếng lớn phán ra từ bảo tòa: Người có thấy đô thị này chăng? Tại đây Thiên Chúa sống giữa loài người. Người sẽ đặt trú sở của Người giữa chúng; và chúng sẽ là thần dân của Người, và chính Người sẽ là Thiên Chúa của họ, đúng như mấy chữ Thiên-Chúa-ở-cùng-họ. Người sẽ lau mắt họ cho ráo lệ sầu, sẽ không còn chết chóc, không còn tang chế hay là buồn rầu nữa. Thế giới cũ đã qua” (Kh 21,1-4).

Với cái thấy đã một lần cảm nghiệm, Hàn Mạc Tử đã diễn ra thành những vần thơ tuyệt tác có một không hai trong nền văn học Việt Nam, và của nền tu đức Công giáo. Ông nhìn cuộc sống và mọi sự, ngay cả con người cùi của mình, với một nhãn quan mới chan hòa ánh sáng chứ không u ám vật vờ như trước nữa.

Ông Thái Văn Kiểm trong bài nói chuyện tại giáo xứ Paris dịp giỗ 50 năm Thi Hào Hàn Mạc Tử ngày 11-11-1990 đã có những nhận xét: *“Nhà thơ của chúng ta bẩm thụ được cái thiên tư cao quý là nhìn thấy được cái hư ảo, cảm được cái vô lượng và nghe được sự yên lặng của vô thủy vô chung”... “Nơi đây vang dội những lời cầu nguyện, những hương lạ mê ly, những âm thanh kỳ diệu, tất cả chìm ngập trong bể hào quang và trong tinh hoa của thi vị”*. Vì

“theo Hàn Mạc Tử, thi ca là một sáng tạo thuần túy của Thượng Đế, và để báo đáp công ơn đó, thi sĩ phải là kẻ xướng thánh ca, cảm thông với Thượng Đế, ca ngợi chân thành sự nghiệp thiêng liêng và vinh quang bất diệt của Người. Thi sĩ là gạch nối, là trung gian ưu tú giữa Hóa Công và nhân loại”... “Đức Tin tuyệt đối nơi Thượng Đế đã giúp Hàn Mạc Tử trải qua những thống khổ nơi trần gian, đồng thời hoàn bị thi ca của chàng đến mức độ cao siêu và thành tựu”.

Hàn Mạc Tử đã làm chứng đức tin bằng thơ văn về những gì huyền bí đã thấy bằng thực chứng qua những lần chết đi sống lại. Đọc thơ Hàn Mạc Tử, thì một người ngoài Công giáo cũng nhận ra có linh hồn, có thung lũng “ngục tổ tông”, bóng tối sự chết, có phán xét, có thiên đàng, có hỏa ngục, có buồn có vui, mọi sự sẽ “qui tụ thâu về trong một mối”, và nhất là có Chúa là nguồn Ánh Sáng Tình Yêu.

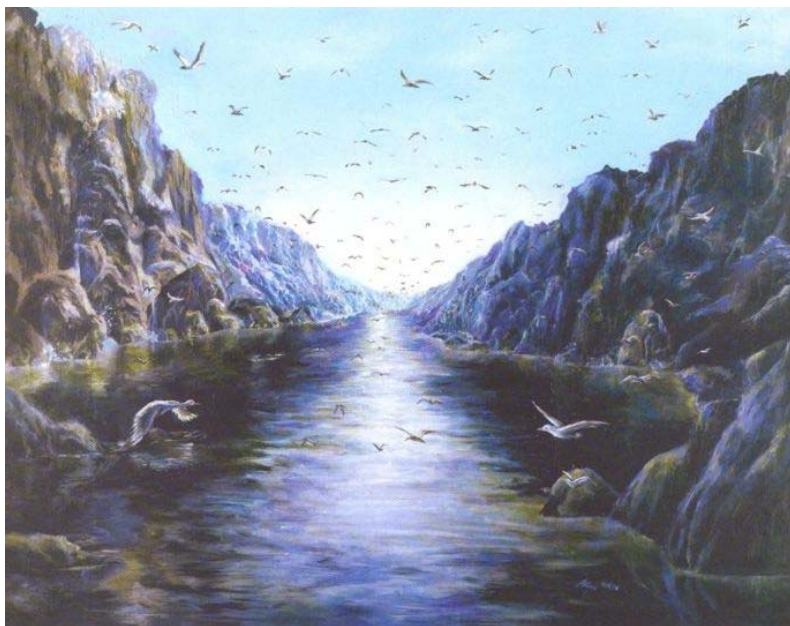
Có nhiều người Công giáo viết văn, làm thơ, nhưng chỉ khi nào chuyển được sứ điệp Chúa Kitô, của Thập Giá và Phục Sinh, thì mới có được những nhà văn, nhà thơ Công giáo như Hàn Mạc Tử. Đúng như lời Hoài Thanh đã nhận xét trong Thi Nhân Việt Nam:

“Thơ Hàn Mạc Tử ra đời, điều ấy chứng rằng đạo Thiên Chúa ở xứ này đã tạo ra một cái không khí có thể kết tinh lại thành thơ. Tôi tin rằng chỉ những tình cảm có thể diễn ra thơ mới thiệt là những tình cảm đã thấm tận đáy hồn đoàn thể” (trang 212).

<http://www.dunglac.org/index.php?m=home&v=detail&ia=6891>

HIỆN TƯỢNG BÉ AKIANE VÀ HÀN MẠC TỬ ĐỌC RA THƠ TỪ CÙNG MỘT NGUỒN ÁNH SÁNG

Lm DŨNG LẠC TRẦN CAO TƯỜNG



Đây là bức tranh *Tìm về Nguồn Sáng* của cô bé Akiane Kramarik vẽ lúc 10 tuổi. Nguồn sáng thổi hứng vào ngàn vạn con chim tung cánh bay lên, khơi nguồn muôn vàn ý tưởng sáng tác thơ văn nghệ thuật. Nguồn sáng đang chuyển lực làm tan băng giá tuyết lạnh cho thác nước tuôn trào, hóa giải mọi uẩn khúc ngáng trở cuộc sống. Nhìn kỹ bức tranh thì thấy càng gần nguồn ánh sáng thì băng tuyết càng tan biến và chim càng tung tăng bay bổng trong niềm an bình thanh thoi hoan lạc.

Những huyền bí bên kia cõi chết qua hiện tượng Hàn Mạc Tử

Trong bài viết “Những huyền bí bên kia cõi chết qua hiện tượng Hàn Mạc Tử” tôi đã có dịp đề cập tới Nguồn Ánh Sáng này nơi Hàn Mạc Tử qua hiện tượng chết đi và hồi sinh. Càng ngày càng có nhiều cuốn sách kể lại hay nghiên cứu về hiện tượng này. Sách lời chứng “90 Phút trên Thiên Đàng” (90 Minutes in Heaven) của Don Piper là bestseller của New York Times đã bán được trên 3 triệu cuốn. Sách “Thiên Đàng Quả Là Có Thật” (Heaven is so Real) của Choo Thomas, một người Mỹ gốc Nam Hàn, cũng rất thu hút, và cũng là sách bestseller. Cuốn “Được Ánh Sáng Ấp Ủ” (Embraced by The Light, Gold Leaf Press 1992) của Betty Eadie kể lại kinh nghiệm của chính mình rất chi tiết. Và cuốn sách nghiên cứu mang tính khoa học nhất về vấn đề này là “Được Ánh Sáng Biến Đổi” (Transformed by the Light) của Melvin Morse. Qua những khảo cứu tương tự, hầu như mấy ngàn trường hợp chết rồi được hồi sinh đều có những điểm giống nhau:

- Hồn ra khỏi xác nhìn lại xác của mình, thấy rõ mọi sự đang xảy ra quanh việc mình vừa chết.
- Hồn đi vào một ống tối dài với một tốc độ thật nhanh.
- Gặp được Ánh Sáng.
- Hồi sinh với một cuộc sống được biến đổi do những cảm thụ khi gặp được Ánh Sáng.

Như vậy, Hàn Mạc Tử đã thực sự chết mấy lần, đã trải qua những bước như trên được diễn tả qua chính thơ văn của mình như một thực chứng, chứ không phải văn chương hoa lá nào cả! Hàn Mạc Tử đã gặp được Nguồn Sáng:

*Ai tới đó mà chẳng nao thần trí
Tòa châu báu kết bằng hương kì dị
Của Tình Yêu rung động lớp hào quang*

... .

*A ha hả, say sưa chê chán đã
Ta là ta hay không phải là ta?
Cò gì đâu cả thể với cao xa
Như cội rễ của trăm ngàn đạo hạnh.*
(Siêu Thoát)

Và trong bài *Ngoài vũ trụ*, hồn thơ Hàn Mạc Tử còn thấy rõ hơn:

*Sáng vô cùng, sáng láng cả mọi miền
Không u tối như cõi lòng ma quỷ
Vì có Đấng Hằng Sống hằng ngự trị
Nhạc thiêng liêng đồn trời khắp u linh.*

... .

*Tình thơm tho như ngân lệ còn nguyên
Ta ước ao đầu đội mũ triều thiên
Và tắm gội ở trong nguồn ánh sáng.*

Đọc ra từng búng thơ sáng láng

Hàn Mạc Tử đã viết cho tập thơ *Xuân như ý* khi diễn tả xuân là chính lực Thần Khí của mùa xuân hằng thể: “Xuân là phong vị thái hòa của năm muôn năm, trời muôn trời, châu lưu trên thượng tầng không khí, bàng bạc cả giải Hà sa, chen lấn vô tận hồn tạo vật...”

Loài người hãy tận hưởng một hơi cho đã ngán và cao rao danh Cha cả sáng.

Và loài người hãy cảm ơn thi nhân đã đổ hết ra bao nhiêu nguồn máu lệ, đã từng uống mật đắng cay trong khi miệng vẫn tươi

cười sốt sắng...

*Hãy cầu nguyện bằng trăm kinh mây gió
Hãy dâng cho một tràng chuỗi trắng sao...*

Thi nhân sẽ vừa say sưa, vừa điên cuồng, ọc ra từng búng thơ sáng láng, phương phi như một mùa *Xuân như ý*".

Trường hợp của Akiane thì không phải là chết rồi mới gặp được Ánh Sáng, mà là được gặp ngay khi đang sống. Và sau đó thì tranh vẽ cũng như thơ cứ trào ra sáng láng và lai láng từ nguồn Mùa Xuân Hằng Hữu.



Quantum World - Thế Giới Lượng Tử

Bức tranh “Thế Giới Lượng Tử” (Quantum World) đã làm cho các khoa học gia sửng sốt, làm sao mà một cô bé 12 tuổi có thể diễn tả những gì mới lạ nhất của khoa học vật lý thời đại này. Quantum World dịch thoát là Vũ Trụ Nhất Thể, tất cả đều như những giọt nước trong biển tình mênh mông, hay mỗi người cũng chỉ là một tế bào trong một thân thể vũ trụ, liên hệ với nhau trong cùng một lực sống.

*Người với ta tuy hai mà một
Ta với người tuy một mà hai.*

Chính Akiane đã diễn tả lực sống này không phải là một lực vô vi, mà là một Đấng Ánh Sáng đang nhìn vũ trụ với bàn tay săn sóc yêu thương. Cái thấy này cũng đang phù hợp với những khám phá mới nhất về khoa học vật lý. Từ nhân quan vật lý cá biệt “những cù lao” của Newton đến thuyết tương đối của Albert Einstein, và bây giờ là “quantum physics”. Mọi sự xuất phát và “qui tụ thâu về trong một mối”, đều liên hệ tới nhau vì chia sẻ cùng một lực sống.

Hàn Mạc Tử đã tả lại cái thấy này trong bài Siêu Thoát:

*Những cù lao trôi nổi xứ mệnh mang
Sẽ qui tụ thâu về trong một mối.
Và tư tưởng không bao giờ chấp nối
Là vì sao? Vì sợ kém thiêng liêng
Trí vô cùng lan nghĩ rộng vô biên
Cắt nghĩa hết những anh hoa huyền bí
Trời bát ngát không cần phô triết lí
Thơ lảng lai chấp chóa những hàng châu
Ta hiểu chi trong áng gió nhiệm màu?
Những hạt lệ của trích tiên đầy đọa.*

Nhiều người trong cuộc khảo cứu của bác sĩ Melvin Morse, sau khi chết đi và được hồi sinh, đã trở nên khác lạ với những khả năng cảm thụ đặc biệt. Trường hợp Olaf trong “Được Ánh Sáng Biến Đổi” thì thấy: “đang trôi trong vũ trụ vô bờ bến... Vũ trụ như những bọt xà bông đang qui về trọng tâm theo một hình thái phức tạp, nhưng tôi hiểu được trọn vẹn, thấy được mọi sự đều có nghĩa... cảm thụ được toàn thể vũ trụ...” (trang 12-13). Hàn Mạc Tử cũng đã được

khả năng lạ lùng này, là thấy mọi trắng đen đỏ vàng, buồn vui, trầm bổng cuộc đời không phải là những mảnh vỡ vô nghĩa hay những cù lao trôi nổi phi lí, mà đều qui tụ thâu về trong một mối, mang trọn ý nghĩa trong một chương trình màu nhiệm như lời Kinh thánh:

“Chúng ta biết rằng Thiên Chúa làm cho mọi sự đều ăn khớp với nhau sinh ích cho những ai yêu mến Chúa, tức là cho những kẻ được Người kêu gọi theo như ý Người định” (Roma 8,28).

Tin vui gửi người mở cửa đón nhận ánh sáng (lễ lá)



Cây Sự Sống - The Tree of Life (Akian)

Người theo đạo Chúa có truyền thống cử hành một tuần lễ long trọng nhất trong năm gọi là Tuần Thánh, là tuần lễ Vượt Qua, một cuộc đổi đời của chính mình, như hình ảnh một con sâu chui vào tổ kén để lột xác mọc cánh thành bướm bay lên bắt đầu một đời sống mới. Nói theo ngôn ngữ của Melvin Morse là “được ánh sáng biến đổi”. Để được ánh sáng biến đổi và cảm nhận rất nhiều lạ lùng như Don Piper, Choo Thomas, Betty Eadie, Hàn Mạc Tử ... thì tôi

phải chết đi thật với con người cũ đầy ham hố của tôi để rồi mới được gặp ánh sáng, hoặc là tôi phải sinh lại bằng Thần Khí mang tâm hồn đơn sơ như Akiane. Chúa Giêsu là ánh sáng (Ga 8,12) đang đến tìm tôi trong một cung cách hiền từ và đơn thành quá sức tưởng tượng. Người cõi trên một con lừa mà đi vào tâm hồn tôi.

⁸ Nhiều người cũng lấy áo choàng trải xuống mặt đường, một số khác lại chặt nhánh chặt lá ngoài đồng mà rải. ⁹ Người đi trước, kẻ theo sau, reo hò vang dậy: “Hoan hô! Chúc tụng Đấng ngự đến nhân danh Đức Chúa!” ¹⁰ Chúc tụng triều đại đang tới, triều đại vua Đa-vít, tổ phụ chúng ta. Hoan hô trên các tầng trời!” (Mc 11,8-10)

Phút được ánh sáng biến đổi

Đây là lúc tôi bắt đầu biết mở cửa đón nhận ánh sáng, vì ánh sáng đang đến tìm gặp tôi. Chúa Giêsu đang sống hôm nay ở ngay đây. Chỉ cần tôi bằng lòng đón nhận ánh sáng là chính Chúa bước vào thì bóng tối tự nhiên tan biến, như băng giá tuyết lạnh tan đi trong tranh vẽ của Akiane. Tôi xin nhận Chúa làm chủ đời sống của tôi và là Đấng Cứu tôi từ đây.

“Hôm nay con cũng lấy áo choàng trải xuống mặt đường, con lại chặt nhánh chặt lá ngoài đồng mà rải, và reo hò vang dậy: “Hoan hô! Chúc tụng Đấng ngự đến nhân danh Đức Chúa!”¹⁰Chúc tụng triều đại đang tới, triều đại vua Đa-vít, tổ phụ chúng con. Hoan hô trên các tầng trời!”

Và con tạ ơn Chúa vì Chúa là ánh sáng đang ùa vào biến đổi trái tim con từ đây. Và con sẽ vẽ tranh, làm thơ, viết văn hay lên tiếng nói để làm chứng con cũng đã gặp được ánh sáng, và ánh sáng đã biến đổi đời con như đã biến đổi Akiane, Hàn Mạc Tử, Don Piper, Choo Thomas...

*Thơ trong trắng như một khối băng tâm
Luôn luôn reo trong hồn trong mạch máu;
Cho vỡ lở cả muôn vàn tình đầu
Cho đê mê âm nhạc và thanh hương.*

<http://www.dunglac.org/index.php?m=module2&v=detailarticle&id=126&ia=6892>

DẤU CHỈ VĂN HÓA THỜI ĐẠI: CÔ BÉ AKIANE VẼ ĐƯỢC NHỮNG BỨC TRANH KỶ LẠ DO ÁNH SÁNG TỪ TRỜI

Lm DŨNG LẠC TRẦN CAO TƯỜNG

Từ lúc 6 tuổi cô bé Akiane Kramarik đã làm cho nhiều người kinh ngạc với những bức tranh rất lạ. Người ta đã mua bức tranh đầu tiên của cô bé này với giá 10 ngàn Mỹ kim, rồi bức kế tiếp là 25 ngàn, 55 ngàn, và bây giờ thì ít nhất cũng từ 100 ngàn tới 1 triệu Mỹ kim. Tiền này dành hẳn cho việc giúp đỡ các trẻ em nghèo đói trên thế giới.

Bé Akiane đã đánh động nhiều người kéo theo sự chú ý từ nhiều phía. Lúc 10 tuổi, bé đã được mời lên chương trình Oprah, ABC, CBS, Fox, và 11 tuổi thì đài Tivi CNN phỏng vấn với một tiết mục đặc biệt. Cho đến hôm nay thì quả là bé Akiane đã trở thành một hiện tượng lạ, được biết bao báo chí và chương trình nói tới.

Được gặp ánh sáng và được soi sáng

Akiane Kramarik sinh ngày 9 tháng 7 năm 1994 tại bang Illinois nước Mỹ, nhưng đã từng theo gia đình di chuyển qua Missouri, Colorado, Idaho. Ba của bé là người gốc Nga, vốn là người Công giáo nhưng không bao giờ giữ đạo. Mẹ gốc người Lithuania, là một người vô thần đặc sệt, không tin có Thiên Chúa. Chính cô bé cho biết: “Gia đình con không có gì liên quan tới Thiên Chúa cả, không ai biết cầu nguyện hay đi nhà thờ bao giờ”.

Cái khác thường của gia đình này là không cho con cái đi đến trường, mà chỉ dạy tại gia, và cũng không chơi với ai. Trong nhà thì không có Tivi. Vì thế bé Akiane làm gì có cơ hội học vẽ.



Cảnh thiên đàng do Akiane vẽ

Lúc bé Akiane lên 4 tuổi thì một chuyện lạ xảy ra. Tự nhiên xuất hiện trong tâm trí bé chữ Thiên Chúa mà chưa bao giờ bé nghe biết bởi bất cứ nguồn nào. Bé kể lại: “Con bắt đầu tìm hiểu xem chữ đó có nghĩa gì hay là ai. Con thấy chữ đó thật kỳ diệu và quyền năng. Thì chính hôm sau con được gặp Chúa. Ngài chỉ cho con thấy thiên đàng. Thiên đàng đẹp lắm, và Chúa bắt đầu nói chuyện với con, về những chuyện tương lai đời con và gia đình con. Và con biết được rằng Đấng thần thiêng này thật vĩ đại nên con đã muốn nói cho người ta biết về việc này. Và Chúa bắt đầu dạy con vẽ. Chúa cho con ơn vẽ tranh nghệ thuật. Và với số tiền bán tranh do con vẽ, con sẽ giúp người nghèo đói cũng như các trẻ em trên thế giới”.

Trong thời gian gia đình chuyển tới bang Missouri thì một

hôm tự nhiên cả nhà náo loạn kinh hoàng vì bé Akiane bỗng dưng biến mất. Bà mẹ hốt hoảng đã gọi cảnh sát, FBI... và người ta đã huy động lính tráng đủ loại để đi tìm bé. Đây là lần bé được bàn tay Chúa nhắc lên đưa lên thiên đàng.

“Trên đó con thấy nhiều thứ lắm, như là đi vào thường hằng. Mà con chỉ tả được một phần triệu thôi. Cảnh trí, thác nước tuyệt vời không có trên trái đất. Có nhiều màu sắc chúng ta chưa biết đến. Chúng ta chỉ có màu xanh, màu hồng, màu đen... Các màu ở thiên đàng thì khác hoàn toàn, rất tươi sáng và tương phản. Hoa thì đẹp lắm, trong sáng như pha lê... Con được đưa lên trời chỉ có vài giờ thôi mà có cảm tưởng như cả đời ở đó rồi. Máy giờ đó con thực sự biến mất. Đang khi mọi người hốt hoảng tìm con thì một chỗ mở ra nơi cửa và con bước ra. Mẹ con không tin nổi là con đang bước tới. Mẹ nhìn con sững sốt và òa khóc: “Từ nãy đến giờ con đi đâu?” Con nói “Con ở một chỗ nào đó mà sao mẹ tìm con làm gì?” Con nhìn thấy toàn cảnh sát và binh lính không à. “Mẹ à, con chỉ đi có vài giờ thôi mà. Con ở với Chúa trên thiên đàng, có gì mà ghê gớm vậy!” Lúc đó mẹ con cũng chưa tin nổi. Bà chưa muốn tin. Nhưng rồi bà bắt đầu kể những chuyện này...

Cuộn sách bằng ánh sáng

“Có một thị kiến Chúa cho con thấy một cuộn sách bằng ánh sáng và trong đó đầy chim bay ra. Mỗi lần đọc thì có cả triệu ý nghĩa hiện ra. Cuộn sách trải ra vô tận, nhưng chỉ cần vài giây là con đọc hết. Con đã kể cho mẹ để mẹ ghi lại về cuộn sách ánh sáng này. Mẹ ghi ra độ lớn độ rộng cuộn sách. Con không nhớ nổi, nhưng thật kỳ diệu... con sẽ giữ mãi trong lòng”.

“Con chỉ vẽ những gì đã thấy trên thiên đàng. Chúa dạy con vẽ. Mỗi ngày con thức dậy lúc 4 giờ sáng, xuống lầu và sau đó bắt

đầu vẽ. Lúc đầu thường con không có ý tưởng gì về bức tranh sẽ vẽ ra sao, nhưng khi nặn màu sơn lên bảng pha màu rồi cầm cây cọ chấm vào sơn, và chính lúc con sửa soạn phết lên khung vải thì rất nhiều ý tưởng hiện ra trong tâm trí... Và Chúa như vẽ qua con. Con cảm thấy như vậy. Mỗi ngày con vẽ khoảng 5 tiếng, mỗi tuần 6 ngày”.

Khi bé lên 7 tuổi thì Chúa cho bé một tài năng khác nữa là làm thơ. Những ý tưởng cứ trào ra trong đầu bé viết ra không kịp. Bé phải nhờ anh và mẹ ghi viết ra giúp, vì họ viết nhanh. Có nhiều điều chính bé cũng chẳng hiểu. Cứ viết mà chẳng kịp suy nghĩ. Đây là hai món quà Chúa cho để bé có thể chia sẻ với người khác.

*Tôi dạy dỗ thì người ta chạy trốn
Tôi lắng nghe thì người ta đến gần.
Sức mạnh của tôi là sự tĩnh lặng.*

*I teach and they run away.
I listen and they come.
My strength is my silence.*



Akiane với bức tranh Thung Lũng Thiên Đàng

Tin vui ánh sáng gửi bóng tối (Chúa nhật 4b mùa Chay)

Bé Akiane kể tiếp: “Con đã gặp Chúa, và thấy Chúa là Ánh Sáng, thân tình và hiền hậu (God is Light, warm and good). Ngài biết mọi sự và nói chuyện với con như một người cha. Lần đầu tiên gặp, Ngài sáng như mặt trời, nhưng con nhìn mà không bị lóa mắt. Và sau này khi lớn hơn lên, hình thể Ngài cũng rõ dần, rõ dần. Khi con lớn hơn nữa, Ngài tỏ cho con thấy rõ hơn nữa. Mỗi lần nhìn Ngài, con lại được thêm thần hứng sáng tác. Đôi mắt Ngài chỉ dẫn con vẽ và luôn tạo cảm hứng. Hình dáng Chúa đầy ánh sáng. Con thấy mắt Ngài thật quyền năng. Tuyệt vời”.

Có người xin bé kể lại giấc mơ này. Bé trả lời: “Đó không phải là mơ, mà là thật” (It was not a dream, it was real).

Bây giờ thì cả gia đình của bé Akiane đã tìm được Chúa và yêu đạo Chúa lắm, và biết thế nào là cầu nguyện, là chuyện trò với Chúa, là được mở vào cõi sáng để được sáng lên trong tâm, trong trí. Họ nghỉ chơi với cái trò vô thần lắm cảm nhảm nhĩ!

Thiên Chúa không còn là một ý tưởng trừu tượng, một suy diễn triết học, một số giáo lý phải học, một số điều phải tin, một số luật lệ phải giữ, một số nghi thức phải theo, nhưng là một ngôi vị ánh sáng tình thương, sống động thân tình gần gũi, gây tác động cảm hứng tâm linh, thay đổi nhân quan cả một đời người. [...]

Thiên Chúa đã tỏ lộ trong Kinh thánh từ lâu điều mà bé Akiane mới được thấy. Chúa là Tình Thương, là Ánh Sáng.

“Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một, để ai tin vào Con của Người thì khỏi phải chết, nhưng được sống muôn đời... Ánh sáng đã đến thế gian, nhưng người ta đã chuộng bóng tối hơn ánh sáng, vì các việc họ làm đều xấu xa. Quả thật, ai làm điều ác, thì ghét ánh sáng và không đến cùng ánh sáng, để các việc họ làm khỏi

bị chê trách. Nhưng kẻ sống theo sự thật, thì đến cùng ánh sáng, để thiên hạ thấy rõ: các việc của người ấy đã được thực hiện trong Thiên Chúa” (Ga 3,16, 19-21).



The Light-Bearers (Những Người Mang Ánh Sáng)

Diễn tả 5 loại người nhận ánh sáng: một loại trốn chạy ngay dù với cả nguy hiểm; một loại chỉ biết tìm mồi trước mắt; một loại chỉ biết đánh nhau. Hai mẹ con cũng nhận ánh sáng nhưng còn để bóng tối bủa vây. Duy có một loại ngay trước thác nước đầy ánh sáng biết ngẩng đầu cao đón nhận với niềm sinh thú ngút ngàn.

Phút khai mở nhãn quan

Lúc này đời mình cũng nhiều bóng tối lắm. Tà lực lấn tới từ bên ngoài. Tà lực hoành hành từ bên trong. Nhiều lúc mình như bị lạc vào mê hồn trận bát quái đồ không sao tìm được lối thoát. Mình cũng đâu dễ dàng đẩy xa được bóng tối. Vậy giờ đây, mình cần để cho ánh sáng tràn vào thì bóng tối tức khắc bị đẩy lui.

Qua cảm nghiệm của bé Akiane thì Chúa chính là ánh sáng tình thương, có thực và sống động, chứ không phải là một hình ảnh lơ mờ hay một ý tưởng niềm tin mơ hồ nào! Lúc này với con mắt đức tin tôi cũng đang thấy Chúa hiện diện nơi đây, sáng lòa choáng ngợp như bé Akiane đã gặp. Chúa ở khắp mọi nơi mà. Chính lúc này con mắt thứ ba của tôi được mở ra. Vì Chúa nói rất rõ: “Thầy ở cùng các con mọi ngày cho đến tận thế” (Mt 28,20).

Bé Akiane đã từng nhận xét: “Ý nghĩa thực sự đằng sau những bức tranh vẽ là dù chúng ta là gì chẳng nữa, hay được cảm trong những bình mắc tiền, nhưng nếu không có ánh sáng thì chúng ta bị héo lìa”.

Vâng con tin chắc chắn đúng như lời Chúa xác định: “Tôi là ánh sáng thế gian. Ai theo tôi sẽ không phải đi trong bóng tối, nhưng sẽ nhận được sự sáng đem lại sự sống” (Ga 8,12).

Con tạ ơn Chúa, con chúc tụng Chúa, vì Chúa đang hiện diện với con lúc này, ánh sáng tình thương của Chúa đang bao phủ con, chiếu sáng trên con, và tâm trí con cũng đang được chữa lành sáng tươi rạng rỡ lên.

<http://www.dunlac.org/index.php?m=module2&v=detailarticle&id=61&ia=6758>

PHƯỢNG TRÌ TRONG TRƯỜNG CA HÀN MẠC TỬ

Lm DŨNG LẠC TRẦN CAO TƯỜNG

Trường ca Hàn Mạc Tử của Phạm Duy được kết bằng một ca khúc vút bay từ cảm hứng “thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu” trong bài *Thánh Nữ Đồng Trinh Maria*:

*Phượng Trì! Phượng Trì! Phượng Trì! Phượng Trì!
Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu
Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu
Trên triều thiên ngời chói vạn hào quang.*

1. Ta là chim phượng hoàng

Nguyễn Bá Tín trong “Hàn Mạc Tử Anh Tôi” đã cho biết xuất xứ và ý nghĩa của tiếng kêu Phượng Trì:

“Hôm ấy hai anh em chúng tôi đi xem một cuốn phim Tàu “Hỏa Thiêu Lầu Liên Tự. Nội dung là một câu chuyện kiếm hiệp được dựng nên trong bối cảnh vua Càn Long lợi dụng các môn phái võ hiệp để đánh phá ngôi chùa Hồng Liên, một cứ điểm quan trọng nhằm chống lại triều đình Mãn Thanh thời bấy giờ. Xong trận chiến, Cam Phượng Trì, người anh hùng lỗi lạc phái Nga Mi lên đỉnh núi cao, nhìn xuống chiêm ngưỡng chiến công đã đạt. Anh rùng mình khi thấy bao bạn bè anh bị tàn sát. Buồn rầu, anh quay gót phi thân lên ngọn núi, lấy đà, dùng thuật phi hành bay mãi lên cao cho đến khi mất dạng.

Một nữ hiệp là Diệp Tiểu Thanh, vốn yêu mến anh chạy theo tìm. Tiếng nàng gọi: Phượng Trì, Phượng Trì... Phượng Trì, Phượng Trì... vang dội khắp nơi mà con phượng hoàng vĩ đại đó không quay

trở lại. Hai tiếng “Phượng Trì” ám ảnh anh Trí một cách kì lạ say đắm đến nỗi đêm sau anh đi một mình xem chiếu lại, anh suýt soa khen ngợi liền mấy hôm. Anh nói: Phượng Trì, cái tên thật tuyệt, nghe như bay lên cao, bay lên cao, hay quá!” (trang 78-79).

“Anh có vẻ rất thích chí khi tìm được hai chữ “Phượng Trì”... lại rất gần gũi với biểu tượng phượng hoàng của anh” (trang 80):

*Nhớ khi xưa ta là chim phượng hoàng
Vỗ cánh bay chín tầng trời cao ngất.*

2. Khúc nhạc làm mọc cánh

Beethoven đã chữa bệnh bằng nhạc cho chính đời mình, biểu trưng qua bản hòa tấu số 6 với tựa đề là “Mục Đồng”. Đang gặp chuyện buồn mà nghe bản Mục Đồng là tự nhiên thấy lòng mình thanh thoi hẳn ra. Hãy nhập thân làm một mục đồng dẫn đàn chiên ra cánh đồng cỏ, có suối chảy róc rách, tâm hồn thanh thản đầy nhựa sống, bạn bè nhớn nhोर vui vẻ. Dòng nhạc đoạn này thật nhẹ, êm như mây trời, đẹp như bờ hoa dại bên đường.

Nhưng bỗng chốc cơn mây đen ủa tới phủ kín ngọt ngào. Sấm chớp hãi hùng. Tiếng nhạc giạt ùng ùng gây ấn tượng sợ hãi như đang bị vấp vào cơn giông bão khủng khiếp hết đường thoát.

Vậy mà ở đoạn cuối nhạc lại diễn lên một cảnh thật ngạc nhiên. Bão tự nhiên hết, người mục tử hoàn hồn reo vui ca khúc tạ ơn, như thấy lòng mình mọc cánh bay lên một khung trời mới rộng mở thênh thang.

Thì ra nghệ sĩ là người nhìn thấy diễn tiến ba nhịp trong một vũ khúc cuộc đời. Diễn tiến này khoa chữa bệnh tâm thần cũng đã khám phá ra. Bệnh nhân phải được hướng dẫn “nhớ” lại những lúc sung sướng được ấp ủ yêu thương trong đời mình. Rồi qua giai đoạn

hai khó khăn hơn, là phải nhận diện và vật lộn với điều khổ tâm vốn cố tìm cách quên đi. Và giai đoạn cuối cùng là có thể “làm hòa” lại với những đau khổ đó. Qui trình này nhà tâm lý có thể giá bậc nhất thời đại là Karl Jung gọi là “Individuation”, dịch thoát theo từ của Tagore là “thực hiện toàn mãn”.

Hàn Mạc Tử lại là chính hiện thân của diễn tiến cuộc vũ hóa xem ra rất mâu thuẫn này: từ những êm đềm thơ đẹp đến những vật vã cô đơn bệnh cùi, rồi được ơn tác động tìm lại niềm vui như mọc cánh thên thang, không gì cản trở mình được nữa. Đó là tiến trình mọc lông vũ, mọc cánh.

Vậy thì đây cũng là con đường Việt Nam. Bầm dập khổ lụy chẳng sao hiểu nổi. Nhưng chỉ biết chắc một điều: có một Việt Nam khổ nạn, thì sẽ có một Việt Nam phục sinh, trong một diễn trình lớn hơn. Có một người cùi Hàn Mạc Tử, thì cũng có một thiên tài Hàn Mạc Tử. Đó là mầu nhiệm cuộc sống: cơn khổ nạn sinh thành.

3. *Lực vũ hóa*

Trường ca Hàn Mạc Tử là một khúc vũ với tiến trình mọc cánh bay lên, hóa giải mọi oan khiên. Đứng là Đường Vượt. Việt có nghĩa là Vượt. Vậy thì trường ca này phải là một Việt Đạo Ca, khúc hát trên Đường Vượt, điệu hò vượt đời vượt nường những khổ lụy trong cuộc sống, mà cuối cùng là cái chết “đi vào ngàn mai” khi “nghe vang tiếng gọi càn khôn”. Vượt qua bờ hữu hạn sang bờ vô hạn, vượt bờ sinh tử, tử sinh, vượt qua cái tôi nhỏ bé mà vươn tới hòa nhập vào cái “ta” đại thể. Phương thức vượt cần đến cánh chim thiêng. Ngàn mai nào? Tiếng gọi càn khôn nào? Có phải chỉ là một lực hút vũ trụ để tan loãng vào cõi mộng lung mờ mịt đáng sợ đến lạnh người, hay là cảm nghiệm được chính Thiên Chúa “Tình Yêu rung động lớp hào quang” như Hàn Mạc Tử đã thấy?

Đau khổ vốn gắn liền với kiếp người như một định mệnh. Có những đau khổ giải quyết được, có những đau khổ không thể giải quyết được. Đau khổ là một phi lí đối với những ai chạy trốn nó. Đau khổ lại là một màu nhiệm mang ý nghĩa trong tiến trình chung đối với những người có con mắt để mà thấy như Hàn Mạc Tử. Mọi người cũng như Nguyễn Du với khúc Đoạn Trường, dù có “Tân Thanh” hay “Vô Thanh” đều phải nhận:

*Thảo nào khi mới chôn nhau
Đã mang tiếng khóc bùng đầu mà ra!*

Nơi Hàn Mạc Tử, việc hóa giải thật lạ lùng: được biến đổi do thần lực Tình Yêu mà cũng là cứu cánh cuộc đời. Một khi đã cảm nghiệm thấy Chúa Tình Yêu, thì lạ quá: “mọi cù lao trôi nổi xứ mêng mông, sẽ qui tụ thâu về trong một mối”. Thì ra tình yêu mới là lực vũ hóa, mới là yếu tố then chốt trong lộ trình hóa giải của Hàn Mạc Tử. Tình yêu là thuốc thần và là năng lực thật theo khoa học ngày nay, như Teilhard de Chardin, một nhà thần học mà cũng là một nhà khoa học, đã chứng nghiệm sức mạnh lạ lùng ấy:

“Một ngày kia, sau khi chúng ta đã làm chủ được gió, sóng biển, thủy triều, và trọng lực, chúng ta sẽ khai mở được năng lực của tình yêu; và khi đó, đúng là lần thứ hai con người khám phá ra lửa”.

Con đường vượt này không còn do sức riêng nhỏ bé của mình được nữa, cũng không do bất cứ suy tưởng của đạo này đạo kia do loài người tìm ra, mà phải do chính “nguồn thiêng liêng yêu chuộng”; sức mạnh tình yêu của Chúa “là đường, là sự thật và là sự sống” (Ga 14,6).

4. Cảm tạ phò nguy

Lửa tình yêu đã biến đổi Hàn Mạc Tử, đã làm cho Hàn Mạc Tử

mọc cánh là chim phượng hoàng theo đúng nghĩa. Đó là một thực chứng. Tình yêu đó được biểu hiện qua Đức Mẹ luôn sẵn sàng cứu giúp khi gặp nguy khó:

*Maria, linh hồn tôi ón lạnh
Run như run thần tử thấy long nhan
Run như run hơi thở chạm tơ vàng
Nhưng lòng vẫn thấm nhuần ơn triu mến.
Lạy Bà là Đấng tình tuyền thánh vẹn
Giàu nhân đức, giàu muôn học tử bi
Cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
Cơn lâm lụy vừa trải qua dưới thế
Tôi cảm động rưng rưng đôi dòng lệ.*

Trong “Hàn Mạc Tử Anh Tôi”, Nguyễn Bá Tín đã cho biết lý do những thay đổi lạ lùng chứa chất nhiều bí ẩn nơi Hàn Mạc Tử:

“Anh Trí là một người bình thường như mọi người, đôi khi còn tầm thường trong những cơn “hỉ, nộ, ái, ố, lạc” trong cuộc đời. Thế nhưng cái gì đã xảy đến, biến đổi anh trở thành khó hiểu như vậy?

Tôi đã từng theo dõi những ham mê, những diễn tiến tâm trạng, những thay đổi tính tình, trong những năm ở gần anh, nên không thể không xem đó là một điều lạ lùng. Theo tôi, biến cố anh suýt chết đuối ở bờ biển Quy Nhơn là yếu tố quyết định cuộc thay đổi ấy. Mỗi lần nhớ lại, tôi vẫn còn sợ hãi vì thấy anh không còn giống anh nữa, anh khác lạ đi với đôi mắt lạc thần. Cảnh tượng đó ám ảnh tôi mãi. Tôi tin anh đã được ơn cứu trợ lạ lùng của Đức Mẹ, và biến cố trên đã ảnh hưởng sâu đậm đến đường hướng sáng tác của anh”.

“Khả năng cảm thụ tế nhị trong văn chương, trong âm nhạc đều bắt đầu từ đó, từ lúc anh sống thu hình lại cả tâm hồn lẫn thể

xác ngược với những ham muốn đòi dào đã có sẵn từ bẩm sinh. Đang bông bột nông nổi đây sức sống, đi từ ham mê này đến ham mê kia, bỗng đột nhiên anh dừng lại, rồi chìm vào một trạng thái đắm chiều đến xuất thần. Hiện tượng đó đã đến với anh một cách thình lình, như chớp lòa sáng chói, khiến anh ngất đi, ngơ ngác mù mịt, để rồi biến cải anh hoàn toàn” (trang 113-114).

Phạm Duy hát thánh ca trên đường về

Tìm đường vượt, hóa giải oan khiên..., Phạm Duy đã từ đạo ca vượt tới thiên ca. Rồi từ thiên ca vượt tới Trường ca Hàn Mạc Tử, hát thánh ca trên đường về cõi ánh sáng muôn năm. Ông Trần Văn Ân đã nhận xét về tác phẩm này: “Phạm Duy đã vượt Phạm Duy về mọi mặt, nội dung, chủ đề, hình thức, nhạc thuật. Trường ca Hàn Mạc Tử là biểu kiến của Phạm Duy về cuộc đời, về đất nước, về tình yêu, về con người và về Thượng Đế. Nó là một lựa chọn phù hợp nhất, mãnh liệt nhất. Phạm Duy mượn Hàn Mạc Tử để nói lên cái đau khổ tột cùng của một kiếp người... mà chỉ có Đạo, chỉ có Thượng Đế mới cứu rỗi được thôi”. “Vào lúc xế chiều của cuộc đời, Phạm Duy mới dành cả một trường ca để xưng tụng một thi sĩ lỗi lạc, đồng thời cũng là để vinh danh Thiên Chúa. Như vậy là con người nghệ sĩ mà ai cũng tưởng là vô đạo, đã từng vào nhạc với tiếng chuông chùa, nay lại muốn đóng lại sự nghiệp của mình bằng tiếng chuông nhà thờ và bằng những lời ca vinh danh Đức Mẹ Maria” (Người Việt ngày 7 tháng 12-1993).

Đối với nhạc sĩ Phạm Duy, thì hình ảnh Đức Maria “Bà rất nhiều phép lạ” thật dễ cảm và thật gần gũi.

Người ngoại quốc thường nhận rằng người Việt mình có lòng sùng kính Đức Mẹ Maria một cách đặc biệt, có thể vì trong tiềm thức đã có sẵn hình ảnh chim Âu tổ mẫu bay suốt dọc dài lịch sử.

Đức Maria là biểu hiện của tình yêu Thiên Chúa, là hiện thân nguồn “ánh sáng muôn năm”, là chim tiên, chim “Phượng Trì” theo ngôn ngữ riêng của Hàn Mạc Tử trong hình ảnh Đức Mẹ Bay Lên Trời.

Ba bài cuối của Trường Ca Hàn Mạc Tử là những khúc “nhạc thiêng liêng” nâng hồn những đứa con được “no rồi ơn vũ lộ hòa chan”, thành “thánh thể kết tinh”, có thể vượt thoát vòng hệ lụy nghiệt ngã mà bay bổng vào cõi “ngời chói vạn hào quang”:

*Sáng vô cùng, sáng láng cả mọi miền
Không u tối như cõi lòng ma quỷ
Vì có Đấng Hằng Sống hằng ngự trị
Nhạc thiêng liêng đồn trời khắp u linh.*

Trong “Hàn Mạc Tử Anh Tôi”, Ông Nguyễn Bá Tín đã nhận ra nguồn cảm hứng của anh mình phát sinh từ lòng Đức Maria là chính Ngôi Hai Thiên Chúa ra đời:

*Hỡi sứ thần Thiên Chúa Gabriel
Khi Người xuống truyền tin cho Thánh Nữ
Người có nghe xôn xao muôn tinh tú?
Người có nghe náo động cả muôn trời?
Người có nghe thơ màu nhiệm ra đời
Để ca tụng bằng hương hoa sáng láng
Bằng tràng hạt bằng sao mai chiếu rạng
Một đêm xuân là rất đổi anh linh.*

“Anh nguyện được tâm tư trong sáng để lời thơ biến thành “muôn kinh trọng thể”:

*Đây rồi, đây rồi, chuỗi ngọc vàng kinh
Thơ cầu nguyện là thơ quân tử ý*

... .

*Tấu lạy Bà, lạy Bà đầy ơn phước
Cho tình tôi nguyên vẹn tựa trăng rằm
Thơ trong trắng như một khối băng tâm
Luôn luôn reo trong hồn, trong mạch máu.*

Ave Maria! Reo như châu ngọc, thơm tho như hoa hương, sáng láng như thất bảo, làm xôn xao tinh tú, náo động muôn trời và vạn vật. *Ave Maria!* Nguồn vô tận mà “Thơ tôi bay suốt một đời chưa thấu”. Chưa bao giờ anh biểu lộ được hết tiên phong đạo cốt như trong bài *Ave Maria*. Anh nói đó là bài thơ đặc ý nhất trong cuộc đời anh” (trang 83).

Chim phượng Maria và đàn chim Dũng Lạc

Ước vọng bay vượt thoát lên khỏi hiện trạng nghiệt ngã vốn nằm trong tiềm thức chung của nhân loại. Ai mà chẳng một lần mơ thấy mình đang bay. Đặc biệt hình ảnh này nằm trong máu người Việt với truyện thiêng chim Tiên đẻ ra một trăm trứng nở ra một đàn chim con. Mẹ là chim thì các con cũng là chim. Những đứa con này cũng tập bay theo mẹ lên núi, mà đứa con điển hình là chú bé làng Phù Đổng bay lên núi Sóc Sơn.

Tín điều Đức Mẹ hồn xác Lên Trời với lễ mừng ngày 15 tháng 8 là một tôn vinh cao độ đối với Đức Maria từ thân xác con người hữu hạn có thể vươn lên vô hạn. Đó cũng là lễ xác quyết phẩm giá con người vốn có thể bay lên như chim phượng là một biểu tượng, mà khoa uyên tâm học ngày nay đang tìm cách khai triển. Đây mới là nhân bản đúng nghĩa, chứ sao lại đi phân thân uống máu nhau để bắt cho bằng được nhận mình là con vật tranh mồi: “người là con vật kinh tế!”

Lòng sùng kính Đức Mẹ trong nghĩa này cũng chính là lòng xác quyết về chính mình (self-image). Lòng sùng kính Đức Mẹ là

một trong những nét nổi nhất của truyền thống Công giáo Việt Nam, qua chứng tích của Các Thánh Tử Đạo Việt Nam với thánh Dũng Lạc là con chim đầu đàn. Không vị nào mà không được nhắc đến việc cầm tròng chuỗi trong tay trong nhà tù cũng như khi ra pháp trường. Vì chắc chắn:

*Đây rồi, đây rồi, chuỗi ngọc vàng kính
Thơ cầu nguyện là thơ quân tử ý.*

như Hàn Mạc Tử cảm nghiệm, làm phương cách giúp mọc cánh bay lên được theo chim mẹ.

Thánh Lê Bảo Tịnh đã nói: “Đức Mẹ chẳng có thể chuộc tội cho ta được, song những ơn Chúa ban cho ta thì lại qua tay Đức Mẹ... Ai kính mến Đức Mẹ thật lòng thì Đức Mẹ sẽ mở lòng cho người ấy kính mến Đức Chúa Trời nữa”.

Phút thiêng liêng khởi đầu

Thi hào Eliot đã đề đời một lời thơ: “Ở cuối lộ trình, con người khám phá ra chỗ khởi đầu”.

Lộ trình vũ hóa của Trường Ca Hàn Mạc Tử không phải là một thứ thuốc mê an thần cho quên đi đau khổ của mình và trốn thoát trách nhiệm liên đới đồng loại, nhưng là mở ra một cuộc hành trình mới, bước vào cuộc sống với con mắt được khai mở: bỗng thấy Chúa hiện diện yêu thương qua mọi bước chân như hai môn đệ trên đường Emmaus. Ngài cũng đã và đang đi những bước như vậy trong cuộc sống mỗi người: “Đức Kitô đã chẳng phải trải qua như vậy rồi mới được vinh quang sao?” (Luca 24, 26). Mắt sáng lên hân hoan, trở lại báo tin mừng cho anh em mình: “Thầy đã sống lại và đang ở giữa chúng ta”. Bằng con mắt nghệ sĩ đích thực, bằng con mắt đức tin, bằng con mắt tình yêu được khai mở, Hàn Mạc Tử đã thấy Chúa

có mặt tỏ bày tình yêu và “giải nghĩa yêu” qua mọi sự, dưới đáy nước hồ reo, qua tơ liễu run trong gió...

Đây phút thiêng liêng đã khởi đầu...

Ai hãy làm thình chớ nói nhiều

Để nghe dưới đáy nước hồ reo

Để nghe tơ liễu run trong gió,

Và để xem Trời giải nghĩa yêu.

Hàn Mạc Tử đã thấy được mọi cảnh vật, dù rất tầm thường, đều mang hương vị kỳ diệu như những phép lạ: “*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên, Vườn ai mướt quá xanh như ngọc...*” Chính nhạc sĩ Phạm Duy cũng đã nhận ra: “Tất cả đều phải rất mướt mà, rất đậm đà, rất ngọc ngà... dù áo em chỉ là áo trắng, hoa đây chỉ là hoa bắp... Bởi vì thi sĩ Hàn Mạc Tử đã thấy Đạo ở tất cả, ở đáy nước hồ reo, và nhất là ở tình yêu...”

Đúng rồi, Trời đang giải nghĩa yêu qua mọi sự... dù là cùi, dù là mồ thối. Ngài đã sống lại và đang hiện ra: “Thầy đây, anh em đừng sợ... Bình an cho anh em... Các môn đệ vui mừng vì trông thấy Chúa”.

Phút thiêng liêng đã khởi đầu. Nào chúng ta cùng lên đường với trường ca vật lộn và phép vượt nhiệm mầu.

Trần Cao Tường

<http://www.dunglac.org/index.php?m=home&v=detail&ia=262>

9.

Từ góc nhìn
huyền học CÁT MINH



Thầy Nguyễn Khắc Dương dùng hình ảnh xây nốt nửa còn lại của cây cầu, mỗi người một vẻ. Phần tôi, được may mắn tiếp cận đôi chút với kinh nghiệm được biến đổi của các vị thánh Dòng Cát Minh, hình như đang tiếp nối rung động của nhà thơ bằng nửa cây cầu còn lại với dấu ấn quyển Lâu Đài Nội Tâm của Thánh nữ Têrêxa Avila. Tôi xin được chia sẻ đôi điều để mong đóng góp thêm chút gì cho việc tìm hiểu kinh nghiệm về màu nhiệm của nhà thơ. Kính

nghiệm về màu nhiệm, tiếng Anh là mystical, tiếng Pháp là mystique. Từ này thường được dịch là thần bí hay huyền học nhưng cả hai đều dễ gây ngộ nhận. Thần bí gây cảm tưởng một điều gì bí ẩn, còn huyền học có thể khiến hiểu lầm là một nỗ lực nghiên cứu, tìm kiếm hoặc tập luyện công phu. Kinh nghiệm Kitô hữu về màu nhiệm là kinh nghiệm về một ơn ban, một điều lành nhận, có tính thụ động chứ không phải một nỗ lực chủ động của con người. Vì thế, tôi sẽ dịch thoát đi là một kinh nghiệm được biến đổi.

Khi tham chiếu sự kiện em bé Akiane được biến đổi bất ngờ nhờ gặp gỡ Thiên Chúa cách vô tiền khoáng hậu, linh mục Dũng Lạc Trần Cao Tường muốn cho thấy sự biến đổi lạ thường nơi Hàn Mạc Tử cũng tương tự: một ơn lạ do tình thương của Thiên Chúa ban không. Khái niệm *ơn ban không* là một trong những điểm then chốt của huyền học Kitô giáo. Một trong ba em bé được tiếp xúc với Đức Mẹ Maria tại Fatima, nước Bồ Đào Nha, tên là Jacinta, chết lúc hơn mười tuổi, đã được ơn tự đồng hóa với Chúa Giêsu chịu thương khó qua những đau đớn bệnh tật cuối đời em¹. Một em bé khác, Antonio Meo, người Ý, chết mới hơn 6 tuổi và được Giáo hội phong chân phúc vì đã có những nhân đức anh hùng, kết quả từ ơn được hiệp nhất với Thiên Chúa². Chị thánh Têrêxa quê ở Lisieux, nước Pháp, nữ tu Cát Minh, chết lúc 24 tuổi, được tôn phong là bậc thầy trong Hội Thánh (một trong 34 Tiến sĩ Hội Thánh), còn được ơn ấy sớm hơn: “Từ ngày lên ba tuổi, con chưa từ chối Chúa một điều gì”.

Lão giáo và một số triết lý sống khác cũng đã khám phá ra sự kỳ diệu của con đường thụ động. Thế nhưng, cần hiểu rằng đó là một sự thụ động tích cực. Một khi Thiên Chúa đã dựng nên con

¹ Có thể tham khảo trên Google: Blessed Jacinta of Fatima.

² Có thể tham khảo trên Google: Blessed Antonio Meo.

người có tự do, thành tựu cuối cùng nơi mỗi người không còn là chuyện đơn phương của một bên nhưng phải có sự hợp tác. Sự đóng góp tích cực của bé Akiane lộ rõ khi em đào sâu câu hỏi về Thiên Chúa. Cũng thế, sự đóng góp của Jacinta làng Fatima, Antonio Meo hay Têrêxa Lisieux đến sau sự ban tặng của Thiên Chúa nhưng không thể thiếu. Mọi tác phẩm nhân linh rực rỡ trong cõi đời đời đều là kết quả của một sự cố gắng của bản thân được ân sủng bao bọc cả sau lẫn trước - mà xét cho cùng ra, chỉ cần một cố gắng hết sức giản đơn: sự từ bỏ ngay giữa cuộc sống hằng ngày. Nơi Hàn Mạc Tử, yếu tố chủ động có vẻ nổi rõ hơn nơi những chứng nhân nêu trên. Anh đã miệt mài đọc sách rèn luyện văn chương, đã luôn làm chủ giác quan và trí tưởng tượng. Kinh nghiệm chủ động của anh là điều ai cũng có thể tiến vào. Chúng ta đã lãnh nhận tất cả từ Thiên Chúa, hãy tích cực đóng góp phần bé nhỏ theo khả năng đã được ban tặng, rồi Thiên Chúa sẽ hoàn tất kiệt tác theo cách của Ngài.

Lm TRĂNG THẬP TỰ

THƠ ĐẠO CỦA HÀN MẠC TỬ VÀ MỘT KINH NGHIỆM ĐƯỢC BIẾN ĐỔI

Lm TRĂNG THẬP TỰ

Với 28 tuổi đời, sự nghiệp văn chương của Hàn Mạc Tử trải dài mười năm cuối, với hai giai đoạn trước và sau 1937, năm nhà thơ biết rõ mình mắc bệnh phong.

Trong bài viết tựa đề: “*Nửa đêm đi tìm Hàn Mạc Tử*”, một người bạn của nhà thơ là Bùi Tuân nhấn mạnh rằng ông ngạc nhiên khi được đọc những bài thơ có khuynh hướng về Kitô giáo xuất hiện trong vài năm cuối đời Hàn Mạc Tử, và ông nôn nóng tìm gặp nhà thơ để trao đổi về chuyện này. “Lâu nay, tôi vẫn biết bạn tôi là người Công giáo, tính tình rất tốt. Nhưng tôi chưa thấy chàng viết gì có liên lạc về tôn giáo của chàng cả... Khi trợ bút cho trang văn chương của báo *Công Luận* cũng như vào lúc chàng vào Nam kỳ biên tập trang văn chương của báo *Saigon*, dưới tên ký Lê Thanh và Hàn Mạc Tử, những ý tưởng về tôn giáo vẫn chưa xuất hiện dưới ngòi bút của chàng. Rồi trên đường xuôi ngược, ở xa, tôi được nghe và thấy Hàn Mạc Tử bước lên đài danh vọng của làng thơ với những tập thơ không in, trong ấy có cả tập *Xuân như ý* mà chàng gọi là thơ cầu nguyện”.

Câu hỏi nêu ra là tại sao có sự đột biến trong thơ Hàn Mạc Tử? Tại sao trước khi biết rõ mình bị bệnh phong (1937), Hàn Mạc Tử làm thơ rất hay, và sau khi biết điều ấy anh lại làm thơ cực hay? Tại sao trước đó anh chỉ làm thơ đời là chính còn sau đó anh lại nghiêng về thơ đạo? Sự đột biến là do bệnh phong hay cái gì khác?

Tiếp nối những câu trả lời khác nhau của nhiều người từ

nhiều phía, tôi xin được góp phần lý giải theo một kinh nghiệm huyền học¹ Kitô giáo, kinh nghiệm của các vị thánh dòng Cát Minh Têrêxa về sự *hiệp nhất tạo biến đổi*: Con người chúng ta càng hiệp nhất với Thiên Chúa càng được biến đổi nên Thiên Chúa.

1. KINH NGHIỆM HUYỀN HỌC TRONG TOÀN CẢNH MẠC KHẢI

a. Con người được dựng nên để hiệp nhất với Thiên Chúa

Ngay từ những trang đầu tiên, Kinh thánh Cựu Ước khẳng định rằng Thiên Chúa dựng nên con người giống hình ảnh Ngài. Thiên Chúa ban cho con người một mầm móng để có thể ngày càng trở nên giống Thiên Chúa. Mầm móng ấy là tự do, một sự tự do triệt để đến nỗi con người có khả năng tự nguyện đáp lại những gọi ý của Thiên Chúa lẫn khả năng không vâng phục, từ chối Thiên Chúa và chống lại Ngài. Hai chọn lựa đưa tới hai kết quả trái ngược:

- Nếu từ chối Thiên Chúa và theo đuổi ý riêng, người ta sẽ rơi vào ngõ cụt của đau thương khôn khổ và chết chóc, cả sự chết thể lý và cả sự chết tâm linh đời đời.
- Ngược lại, nếu từ chối ý riêng để đón nhận ý Thiên Chúa, người ta sẽ triển nở thành tuyệt tác theo ý định của Thiên Chúa.

Kinh thánh dùng hình ảnh nắm đất sét trong tay người thợ gốm. Nếu không chịu để cho người thợ gốm uốn nắn, đất sét sẽ mãi mãi là đất sét. Chỉ khi nào sẵn lòng để cho nghệ nhân tự do thao tác theo ý ông, từ uốn nắn, đẽo gọt, phơi nắng, nung trong lửa nòng cho đến sơn phết rồi đánh bóng, vv... thỏi đất sét kia mới trở thành một công trình tuyệt mỹ.

¹ Cũng gọi là kinh nghiệm thần bí hay kinh nghiệm hiệp nhất – và trong bài này, kinh nghiệm được biến đổi.

Cũng nơi những trang đầu tiên, Kinh thánh ghi lại kinh nghiệm bi đát: nguyên tổ loài người đã từ chối Thiên Chúa để gạt lấy đau khổ và trầm luân (tội nguyên tổ). Thế nhưng Thiên Chúa không bỏ mặc con người. Ngài hứa ban cho họ một Đấng Cứu Thế, chính là Con Một của Ngài, mặc xác phàm làm người như mọi người, trở nên người anh của mọi người và mở đường cho mọi người được làm con cái Thiên Chúa như Ngài. Với Tân Ước, ta không chỉ thành những bình gốm tuyệt phẩm mà còn trở nên giống Thiên Chúa, theo mẫu Người Con duy nhất của Ngài là Đức Giêsu Kitô. Nhờ có tự do, ta hưởng ứng sự sáng tạo của Thiên Chúa như đứa con đón nhận sự giáo dục đào tạo của cha mẹ (x. Dt 5, 7; 12, 5-7). Con cái càng gần gũi cha mẹ càng nhận được ảnh hưởng tốt của cha mẹ và việc giáo dục càng đạt hiệu quả cao.

Cũng thế, ta càng gần gũi Thiên Chúa càng nhận rõ ý Ngài và càng thuận theo ý Ngài lại càng gần gũi Ngài hơn và nên giống Ngài hơn. Nói cách khác, ta càng nên một lòng một ý với Thiên Chúa là Cha, càng được biến đổi nên giống Ngài. Sự hiệp nhất với Thiên Chúa trong một lòng muốn là sự hiệp nhất tạo biến đổi.

Tuy nhiên, được sinh ra dưới ảnh hưởng của tội nguyên tổ và giữa môi trường đáng thương của một nhân loại đang chối từ Thiên Chúa, ta thường kẹt vào chủ quan lầm lạc. Cả khi ta khao khát hướng thiện, cái nhìn của ta vẫn rất giới hạn. Vì thế, một đàn ông ta cần biết cương quyết vươn lên (chủ động) vừa cần biết ý thức rõ thân phận đáng thương của mình và để cho Thiên Chúa lôi ra khỏi cái chủ quan hạn hẹp của ta để đưa vào chương trình rộng lớn của Ngài (thụ động). Càng vâng phục Thiên Chúa, ta càng sớm thoát khỏi hình dạng xấu xí và thân phận nô lệ của con sâu để mặc lấy vẻ đẹp và sự tự do của cánh bướm.

Kinh nghiệm huyền học của các vị thánh Dòng Cát Minh Têrêxa là kinh nghiệm về cả hai mặt chủ động và thụ động ấy.

b. Từ luân lý đến huyền học

Con người chúng ta mang xác thịt nặng nề cho nên dễ bị giác quan đánh lừa, rơi vào lầm lạc. Bên cạnh đó, từ trước khi con người xuất hiện, đã có những thụ tạo vô hình của Thiên Chúa, tự cao tự đại chống lại Thiên Chúa Tạo Hóa nên không còn được hưởng hạnh phúc với Thiên Chúa và bị trầm luân đời đời. Đó là các thần dữ hay ma quỷ. Những thụ tạo hư đốn này ghen tức khi thấy con người được phúc làm con cái Thiên Chúa, cho nên tìm mọi cách đập đổ hạnh phúc ấy. Chúng kích thích trí tưởng tượng, phóng đại cái tôi của ta khiến ta tưởng mình là nhất. Thiên Chúa ban cho ta ba quan năng bên trong là trí năng (hiểu biết), ký ức (ghi nhớ và dự phóng) và ý chí (muốn) để ta hướng về Ngài. Thế nhưng thần dữ kích thích trí tưởng tượng và giác quan của ta để ta chạy theo các thụ tạo hữu hình và quên lãng Thiên Chúa. Ba quan năng bên trong bị lệch lạc, trở thành ba chướng ngại, ba xu hướng hủy diệt là tham, sân và si (tức ham hố, ghen ghét và ngu muội) kìm giữ ta trong cái chủ quan chật hẹp. Cái chủ quan không chỉ có tính cá nhân mà do ảnh hưởng của tội nguyên tổ và tội nhân loại, còn được dẹt thành cái chủ quan tập thể. Cả cái chủ quan cá nhân và chủ quan tập thể hợp lại thành một thách đố cố hữu rất khó vượt qua.

Với ánh sáng lương tâm còn sót lại trong cõi lòng, ai cũng có thể trực giác thấy cái hay cái dở, cái lành cái dữ và biết rõ phải lánh dữ làm lành. Thế nhưng đang khi theo đuổi đường lành, mỗi người lại bị não trạng chủ quan làm lệch hướng, rơi vào chỗ tìm mình thay vì thực sự kiếm tìm Thiên Chúa Tạo Hóa.

Lộ trình tiến về hiệp nhất với Thiên Chúa có hai đoạn đường: phần trước là phần *luân lý* có tính *chủ động*, và phần sau là phần *huyền học* có tính *thụ động*. Ở phần thứ nhất có rất nhiều người cố gắng tiến bước, thế nhưng đến cuối đoạn đường thứ nhất (sự hoàn

thiện luân lý), cái chủ quan sẽ khiến họ dừng lại, do tưởng mình đã đạt tới tốt đỉnh. Chỉ những ai biết hưởng ứng ơn Thiên Chúa soi sáng và trợ giúp mới có thể ra khỏi mình, được giải thoát khỏi mình và được dẫn lên đoạn đường thứ hai. Mấu chốt để tiến bước là sự buông bỏ ở cuối đoạn đường thứ nhất, buông bỏ sự chủ động của tài sức riêng để nhường chỗ cho sự thụ động chiều theo ân sủng, tức là ánh sáng và sức mạnh của Thiên Chúa.

2. THÁNH NỮ TÊRÊXA AVILA VÀ LÂU ĐÀI NỘI TÂM

Giáo huấn về ơn hiệp nhất với hai nhịp chủ động và thụ động ấy được vị sáng lập Dòng Cát Minh Cải Tổ, Thánh nữ Têrêxa Avila, trình bày trong quyển *Lâu Đài Nội Tâm*.

Thánh nữ Têrêxa Avila hay Têrêxa Chúa Giêsu (1515-1582), người Tây Ban Nha, là nữ tu Cát Minh. Khi 7 tuổi đã được ơn yêu mến Chúa đến độ rủ người anh trốn nhà tìm đường chịu tử vì đạo, bởi vì muốn “chết để được thấy Chúa”. Đến 14 tuổi, mồ cô mẹ, cô quên lãng tình Chúa, chạy theo tình đời phù phiếm. Ông bố buộc lòng phải gửi con vào nội trú trường các nữ tu. 17 tuổi, cô bị bệnh kỳ lạ. Cô được soi sáng nhờ vài quyển sách về tâm linh và có dịp đào sâu kinh nghiệm. Khỏi bệnh, trốn bố vào Dòng sống đời tu Cát Minh. Ít lâu sau, bệnh tái phát, ngày càng nặng, tưởng chết, sắp đưa vào quan tài thì tỉnh dậy. Chị nhiều lần được ơn xuất thần, nhìn thấy Chúa. Thế nhưng cuộc sống tu viện ở đó không đủ nghiêm túc, chị lại phai nhạt tình Chúa, chạy theo tình đời. Chúa Giêsu xuất hiện, đứng sau lưng người đàn ông, nghiêm khắc nhìn chị. Chị hoàn toàn được ơn đổi mới đời sống. Chị xin phép Bề Trên thực hiện cuộc cải cách đời tu và lập ra Dòng Cát Minh Têrêxa ngày nay. Tác phẩm: *Đời Tôi*¹,

¹ Đã được đan viện Cát Minh Sài Gòn phiên dịch và ấn hành dưới tựa đề “Tiểu sử tự thuật” – Đan viện này cũng đã in hai bản dịch Đường Hoàn

Đường Hoàn Thiện, Ký Sự Lập Các Đan Viện, Lâu Đài Nội Tâm (1577), những bài thơ và nhiều thư tín.

Lâu Đài Nội Tâm: Năm 62 tuổi, tác giả được yêu cầu viết thêm về việc cầu nguyện. Bà đã dựa theo một thị kiến để viết nên quyển này. Bà nhìn thấy các mức độ linh hồn tín hữu được ở với Thiên Chúa như những dây cư xá nhiều tầng nhiều lớp trong một lâu đài hình quả cầu. Bên ngoài quả cầu là tầng tối với đủ thứ rần rít và muông thú hung dữ. Bên trong là bình an. Tại tâm điểm, chính Thiên Chúa vinh quang cao cả và đầy yêu thương ngự trị. Càng vào sâu, ta càng được gần Thiên Chúa. Càng vào những dây bên trong, các phòng ốc càng được vinh quang Thiên Chúa từ tâm điểm tỏa ra chiếu sáng. Mỗi người đều được mời gọi tiến vào gặp gỡ và sống thân mật (hiệp nhất) với Thiên Chúa tại tâm điểm lòng mình. Trên mỗi thời điểm của hành trình cuộc sống, mỗi chúng ta ở tại một mức độ nào đó trong lâu đài hiệp nhất. Nếu chạy theo thụ tạo, không quan tâm tới Thiên Chúa, ta có thể lọt ra bên ngoài tòa lâu đài. Lúc ấy dù Thiên Chúa vẫn ở trong sâu thẳm lòng ta, ta không hưởng được sự thân mật với Ngài.

Tác phẩm Lâu Đài Nội Tâm là sách giáo khoa dạy đường tâm linh, cụ thể là đời sống cầu nguyện cao độ, viết cho các nữ đan sĩ chiêm niệm. Tác giả là một nữ đan sĩ đã miệt mài hoạt động lo thiết lập các đan viện Cát Minh cải tổ. Khi trình bày về những người bị dừng lại ở dây cư xá thứ ba, tác giả minh họa bằng hai nhân vật ngoài đời. Chi tiết ấy cho thấy, trong mắt tác giả, quyển sách không dành riêng cho các nữ đan sĩ nhưng chung cho mọi tín hữu muốn tiến bước trên đường tâm linh, không phân biệt nam nữ, già trẻ, chiêm niệm hay hoạt động.

Tình trạng hiệp nhất giữa Thiên Chúa và linh hồn được tác giả mô tả như một tòa lâu đài có bảy lớp cư xá¹ hay bảy mức độ ở lại. Để đọc giả dễ hình dung, tôi xin trình bày giản lược như sau: Cửa vào lâu đài là sự cầu nguyện, đem lại mức độ ở lại thứ nhất, mức độ này đòi phải vượt thắng các tội trọng; mức độ thứ hai đòi phải vượt thắng các tội nhẹ; mức độ thứ ba đòi phải bỏ mình và ra khỏi chính mình (thoát khỏi chủ quan, không tự hào về sự hoàn thiện luân lý). Mức độ thứ tư là đón nhận hiện tại, chu toàn bổn phận với lòng yêu mến. Mức độ thứ năm: Hiệp nhất cùng một lòng một ý với Chúa. Mức độ thứ sáu là nên giống Chúa Kitô trong thử thách đau thương và mức độ này trực tiếp dẫn vào đỉnh điểm (mức độ thứ bảy) là sự hiệp nhất trọn vẹn với Thiên Chúa.

Nếu hiểu là một lộ trình từ thấp lên cao, bảy mức độ của nó sẽ như sau (xin đọc từ dưới lên):

7 - Hiệp nhất trong tình yêu

6 - Đem tâm linh

5 - Hiệp nhất một lòng một ý với Chúa

4 - Ra khỏi mình - Vui nhận ý Chúa trong hiện tại

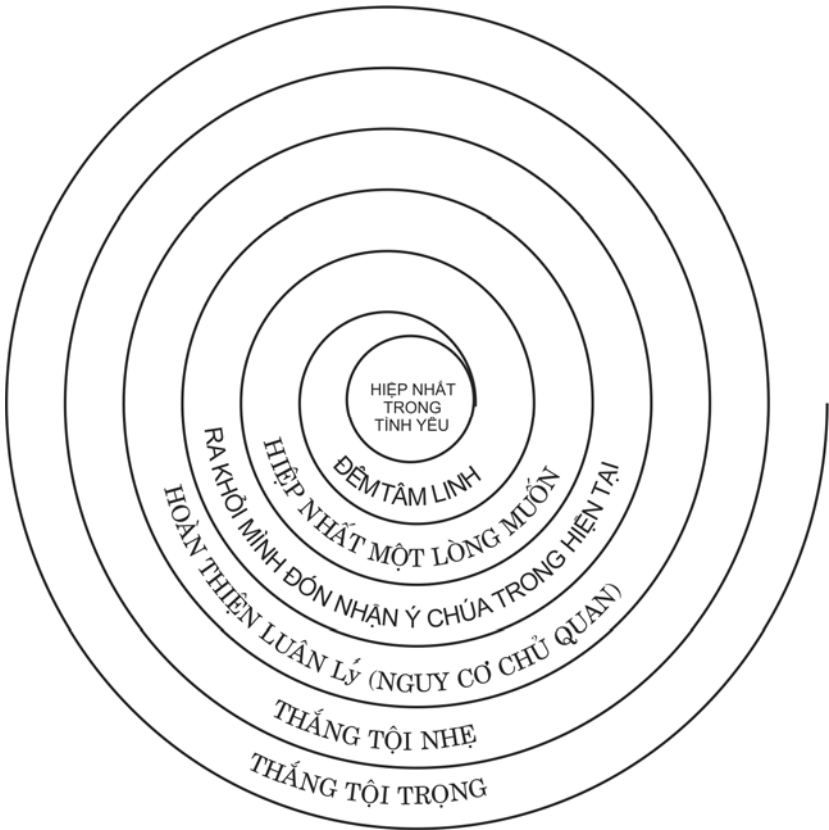
3 - Hoàn thiện luân lý (nguy cơ chủ quan)

2 - Thắng tội nhẹ

1 - Thắng tội trọng

Ta có thể hình dung lộ trình ấy như những vòng tròn đồng tâm có cửa từ ngoài vào trong, hoặc thành đường xoắn ốc của hoàng thành Cổ Loa có Đức Vua ngự ở chính giữa, như đồ hình dưới đây:

¹ Trong bài này khi nói về những bước tiến trên đường vào nội tâm, tôi sẽ dùng nhiều từ khác nhau: giai đoạn, bước, chặng, mức ở lại, vòng, cư xá, lớp cư xá... tất cả đều cùng một ý nghĩa, không có gì phân biệt.



Cựu Ước cho thấy Thiên Chúa muốn con người được sống hạnh phúc trong sự gần gũi hiệp nhất với Ngài. Con người vốn bất toàn bất xứng với hạnh phúc ấy nhưng Thiên Chúa ban ơn thanh tẩy để họ có thể đến với Ngài. Tân Ước cho thấy sự thanh tẩy trước hết phải là thanh tẩy tận cõi lòng. Trong dòng chảy Tân Ước, các vị thánh Dòng Cát Minh Têrêxa đã khám phá và nhấn mạnh sự thanh tẩy ý muốn. Nhờ đó, khoa sư phạm thần bí Kitô giáo đã xác định được một lộ trình tiến lên dần với 6 bước tiến về tâm điểm hiệp

nhất như đồ hình trên đây. Trước khi đạt được sự hiệp nhất trong tình yêu tại mức độ ở lại cuối cùng, linh hồn phải đi qua sự hiệp nhất một lòng muốn với Thiên Chúa tại mức ở lại thứ năm.

Sự hiệp nhất với Thiên Chúa nói đây không chỉ ở đời sau, trong cõi đời đời, mà đã khởi sự ngay ở đời này: “Hãy ở lại trong Thầy như Thầy ở lại trong anh em... Thầy là cây nho, anh em là cành. Ai ở lại trong Thầy và Thầy ở lại trong người ấy, thì người ấy sinh nhiều hoa trái” (Ga 15, 4-5). “Ai yêu mến Thầy, thì sẽ giữ lời Thầy. Cha Thầy sẽ yêu mến người ấy. Cha Thầy và Thầy sẽ đến và ở lại với người ấy” (Ga 14, 23). “Con ở trong họ và Cha ở trong con, để họ được hoàn toàn nên một” (Ga 17, 23).

Thách đố nơi kinh nghiệm Kitô giáo là mở lòng ra với ơn Chúa, dùng tự do của mình để chiều theo tự do sáng tạo của Thiên Chúa. Con người ở trong tay Thiên Chúa Tạo Hóa trở vượt hơn khối đất sét trong tay người thợ gốm ở chỗ có thể kháng cự những thao tác sáng tạo của Ngài. Tuy nhiên, là một thụ tạo thấp hèn, con người động não đến mấy cũng chỉ vẽ được cho mình một dự phóng mập mé số không. Tối khi vui lòng để cho Thiên Chúa tước đoạt, cái mập mé số không ấy chợt trở thành vô tận.

Như thế, sự khôn ngoan trong kinh nghiệm huyền học là xóa bỏ ý riêng để nhường chỗ cho ý Chúa, khước từ sức riêng để nhường chỗ cho ơn Chúa. Nói cách khác, thay vì chủ động, ta sẽ xóa mình, hoàn toàn thụ động đón nhận điều Thiên Chúa muốn thực hiện cho ta.

Trên lộ trình bảy bước, ba diễn biến quan trọng có sức giúp ta ra khỏi mình để được biến đổi là:

- Bước vào mức ở lại thứ nhất nhờ đức tin và sự đối thoại với Thiên Chúa (cầu nguyện).

- Tại mức ở lại thứ ba: xóa bỏ niềm tự hào về hoàn thiện luân lý để tập trung kiếm tìm và thể hiện ý Chúa.

- Tại mức ở lại thứ sáu: Ta gặp cảnh bị bỏ rơi và bị sỉ nhục như Chúa Kitô trên thập giá, nhưng chính khi vui lòng đón nhận, ta sẽ được sự bình an sâu thẳm.

Có nghĩa là, sự hiệp nhất với Thiên Chúa chí thánh đòi thụ tạo phải được gội sạch hết mọi bất toàn, bất xứng. Song song với sự thanh tẩy chủ ý và trước khi mỗi người nỗ lực tự thanh tẩy, chính Thiên Chúa đã có một chương trình giúp người ấy được thanh tẩy để có thể được đưa vào hiệp nhất với Ngài. Ngài thanh tẩy vượt hơn cả điều họ mong chờ. Tựa như người ta nấu chảy quặng, luyện sạch hết những tạp chất để hứng lấy quý kim tinh ròng. Cuộc thanh tẩy này là sáng kiến của Thiên Chúa nên được các tác giả huyền học Kitô giáo gọi là cuộc thanh tẩy thụ động.

Như thế, trên cả 7 bước hay 7 vòng tiến của đường vào nội tâm, chính Thiên Chúa đích thân hành động và mời gọi con người hưởng ứng hành động của Ngài. Mỗi người vừa được mời gọi vươn lên (chủ động) vừa được Thiên Chúa kéo lên (thụ động). Cùng lúc, vừa có công cuộc của Thiên Chúa vừa có nỗ lực của con người, cả hai đẩy đưa con người tiến vào càng lúc càng gần gũi Thiên Chúa và hiệp nhất với Ngài. Trừ đỉnh điểm (mức độ 7), sáu mức độ có thể chia thành hai đoạn đường. Đoạn đường đầu (luân lý) gồm ba bước 1, 2 và 3. Đoạn đường sau (hiệp nhất) gồm ba bước 4, 5 và 6. Ở ba bước sau, nét thụ động nổi rõ hơn ba bước đầu, dù vậy, sự thụ động ở bước thứ ba sẽ tạo nên bước nhảy vọt để tiến vào đoạn đường thứ hai. Rồi sự thụ động của bước sáu sẽ là bước nhảy vọt đưa vào sự hiệp nhất trọn vẹn ở đích điểm (bước bảy).

3. LỘ TRÌNH TÂM LINH CỦA HÀN MẠC TỬ

Tới đây ta có thể đối chiếu kinh nghiệm của nhà thơ Hàn Mạc Tử với lộ trình Lâu Đài Nội Tâm để tìm được lời giải đáp cho câu hỏi nêu ra ở đầu: Tại sao sau khi biết rõ mình bị bệnh phong, thơ anh như bay vượt lên và nghiêng nhiều về thơ đạo?

Với những bài thơ còn lại quá ít của Hàn Mạc Tử, ta không dễ minh họa đầy đủ các chi tiết về hành trình tâm linh của anh. May thay, ta còn giữ được tên các tập thơ của anh và hướng đi chính của các tập ấy. Với 28 tuổi đời, sự nghiệp sáng tác văn thơ của anh trải dài mười năm cuối (1931-1940) với sáu tập thơ và một số bài văn.

Dựa trên bảng niên biểu Hàn Mạc Tử¹ và trình tự giới thiệu Thơ Hàn Mạc Tử², ta được biết thứ tự các tác phẩm và qua đó cũng có thể thấy được bước tiến rất nhanh của anh trên đường tâm linh (xin đọc từ dưới lên):

6. Tấm linh hồn thanh khiết (1940)

5. *Cắm châu duyên* và *Quần tiên hội* (1939)

4. *Xuân như ý* và *Thượng thanh khí* (1939) – Quan niệm thơ (1939)

3. *Đau thương* hay *Thơ điên* (1938)

1937: Biết rõ mình mắc bệnh phong, cắt đứt thư từ và xa lánh bạn bè.

2. *Gái quê* (1936)

1. Thơ đăng báo - *Lệ Thanh thi tập* (1931-1935)

¹ Nguyễn Toàn Thắng, trong *Hàn Mạc Tử, Về Tác Gia Và Tác Phẩm*, Nxb Giáo Dục 2002, trang 36-42.

² Phan Cự Đệ, *Hàn Mạc Tử, Tác Phẩm, Phê Bình Và Tưởng Niệm*, Nxb Văn Học 2002, trang 189-334.

Đem đối chiếu, ta có:

Lâu Đài Nội Tâm	Hàn Mạc Tử
7 - Hiệp nhất trong tình yêu	Tấm linh hồn thanh khiết
6 – Đâm tâm linh	Cảm châu duyên, Duyên kỳ ngộ và Quần tiên Hội
5 – Hiệp nhất một lòng một ý với Chúa	Xuân như ý và Thượng thanh khí/ Quan niệm thơ
4 – Vui nhận ý Chúa trong hiện tại	Đau thương
3 – Ra khỏi mình	
2 – Thắng tội nhẹ	Gái quê
1 – Thắng tội trọng	Thơ đăng báo – Lệ Thanh thi tập

Trong bảng đối chiếu trên đây, thời điểm 1937 tương ứng với mức ở lại thứ ba của Lâu Đài Nội Tâm, để rồi từ đó nhà thơ tiến thẳng vào kinh nghiệm hiệp nhất.

Hàn Mạc Tử đã có được bước tiến nhảy vọt không do sáng kiến hay sức riêng của anh nhưng do sức mạnh lôi kéo của Thiên Chúa, Đấng ưu ái thanh luyện anh qua khổ đau thể xác và tinh thần; đồng thời cũng do bởi anh đã không hề hẹp hòi tí nào trước những gọt giũa của Ngài.

Trước khi đảm nhận cái chết hằng ngày của giai đoạn thứ ba, Hàn Mạc Tử đã hoàn tất giai đoạn thứ nhất và thứ hai.

Cuộc thanh tẩy ở giai đoạn một và hai

Ở vòng thứ nhất, những người thiện chí tự thanh tẩy những tội lỗi sống sượng; sang vòng thứ hai, họ tự thanh tẩy những tội lỗi nhẹ. Hàn Mạc Tử đã tiến vào vòng đầu khi lãnh nhận bí tích Thánh

Tẩy, rồi anh đã vượt khỏi vòng thứ hai như thế nào?¹

Khi ở đường Espagne Sài Gòn, có lúc đám bạn bè nhà báo, nhà văn đã định lôi kéo Hàn Mạc Tử vào lối sống buông thả, trụy lạc, “nhưng tâm hồn anh tinh trắng quá ngay cả cái Sài Gòn ăn chơi tội lỗi này cũng không cảm dỗ anh sa ngã được” (Chia sẻ của Hoàng Trọng Miên, trích theo PCĐ-1, t.68).

Giáo sư Phan Cự Đệ kết luận: “Hàn Mạc Tử đã có một cuộc đấu tranh để không bị cám dỗ, để tạo một khoảng cách với luồng thơ đồi trụy của thời đại” (x. PCĐ-1, t. 68).

Ta hãy nghe lời Hàn Mạc Tử tâm sự với Bùi Tuân: “Bao giờ tôi cảm thấy mình đau đớn, trong xác thịt và trong tâm hồn, và nhất là tôi thấy mình bình tĩnh trong sạch thì mới làm ra những bài thơ đạo hạnh. Không phải lúc nào mình cũng làm được lối thơ ấy”².

Cuộc vượt thoát ở giai đoạn ba

Tới đây cư xá thứ ba của Lâu Đài Nội Tâm, những người thiện chí tự thanh tẩy cả những khuyết điểm và bất toàn nhỏ nhỏ. Đang khi họ nỗ lực như vậy, Thiên Chúa đẩy cuộc thanh tẩy đi xa hơn.

¹ Cuộc chiến đấu thắng tội nhẹ:

*Vì chung tất cả về ngây thơ
Quyến rũ mê hồn của gái tơ
Chỉ lộ nền tình trong sạch được
Là nhờ đứng lặng cảnh trong mơ.*

*Tôi chỉ yêu em như thế này
Luôn bây giờ với mãi sau đây
Lòng tôi áy náy trong khi gió
Rủ rĩ bên tai chuyện nước mây...
(Nước Mây, 21-28).*

² Bùi Tuân, *Nửa Đêm Đi Tìm Hàn Mạc Tử*, nguyệt san Vinh Sơn (Huế) số 22, ngày 1-2-1951, tr. 7.

Ngài gởi đến những điều bất ngờ và trái ý, những thử thách lớn. Chẳng hạn một người vừa viết xong một quyển sách dày thì bị hỏa hoạn hủy sạch, cả bản in thử cuối cùng lẫn những phác thảo và tư liệu nhật nhậm từ bao năm. Thử tưởng tượng khoảng cách và tác dụng của hai phản ứng trái ngược. Điều gì xảy ra nếu người ấy than trời trách đất, phẫn uất phản kháng Thiên Chúa? Và ngược lại, điều gì xảy ra nếu sau một phút thoáng buồn, người ấy tự nhủ: Có lẽ thế lại hay, có thể mình mới chịu viết lại quyển sách cho thật ngắn gọn, vừa xuyên suốt vừa sáng rõ dễ hiểu hơn. Bao năm ông cứ chấp vạ, cứ phải níu lấy khuôn khổ cũ, không thoát ra được, nay nhờ công trình bị hủy diệt, ông mới thật sự tự do để viết được quyển sách thật mới, gọn nhẹ và thanh thoát, đem so với quyển cũ khác nào bướm sánh với sâu. *“Nếu hạt lúa gieo vào lòng đất mà không chết đi, thì nó vẫn trơ trọi một mình; còn nếu chết đi, nó mới sinh được nhiều hạt khác”* (Ga 12, 24).

Thái độ trước chỉ đem lại đắng cay thất vọng. Thái độ sau mở ra một chân trời hoàn toàn mới. Tác giả không thể nào hân hoan trước sự mất mát quá lớn nhưng cùng lúc ông cảm nghiệm được một an ủi lớn: nhất định quyển sách viết lại sẽ hay hơn trước nhiều. Đây cũng là điều Thánh nữ Têrêxa Avila nhắc đến khi mô tả vòng thứ ba trên đường vào Lâu Đài Nội Tâm (3Cu 2, 10): ơn an ủi là điều khác với sự hoan lạc tâm linh, người ta có thể được an ủi cả khi không hề cảm thấy ngọt ngào hoan lạc.

Đừng nghĩ rằng người thứ hai là một kẻ bi quan: cam lòng, đành phận. Thái độ “cùng đành” hay “cam chịu” che tối chân trời, khiến cuộc đời thành ảm đạm, ngược với thái độ của Đức Khổng Tử là “thuận theo ý Trời”, mở ra một chân trời tươi sáng.

Đó cũng là thái độ của Hàn Mạc Tử. Thái độ được người viết niên biểu lược ghi gây gọn nhẹ nhàng: *“1937:... biết rõ mình mắc*

bệnh phong, cắt đứt thư từ và xa lánh bạn bè”. Đàng sau mấy chữ đơn giản ấy là biết bao đấu tranh để quảng đại đáp lại ý Thiên Chúa, khiến ta lặng người đi nếu không bật khóc. (x. PCD-2 giữa trang 38)

Mai Đình chỉ là người bên cạnh nhưng đã phản ứng trước những chuyện ấy bằng những lời “căm giận”:

*Em muốn phá tan cả đất trời
Cho lòng nhẹ bớt nỗi bi ai
Thương Anh càng thấy căm trời đất
Gieo bệnh nan y để hại người.*
(PCĐ1, t. 366)

Đang khi đó suốt tập *Đau thương*, 48 bài thơ, ta không hề thấy Hàn Mạc Tử thốt ra một từ nào mang ý nghĩa phiền trách. “*Những phút sáng láng như hôm nay, soi sáng linh hồn tôi, và giải thoát cái “ta” của tôi ra khỏi nơi giam cầm của xác thịt...*” (*Chơi giữa mùa trăng*).

Và phút chốc, ta thấy xảy ra phép lạ của sự từ bỏ: thơ của an bình và là thơ gieo an bình. Đàng khi mọi người chỉ nhìn thấy mặt trái nham nhở của tám thảm, nhà thơ được ơn vượt khỏi thế giới này, nhảy vào một cõi khác, nhìn thấy tuyết tác phía mặt phải tám thảm. Anh được ơn nhìn mọi sự từ cõi vĩnh hằng và kể lại cho chúng ta, những người đang sống ở cõi đời tạm bợ. Xem lời tựa *Đau thương* (PCĐ-1, 159-160)¹.

70 năm qua, không thiếu người đã mô phỏng ngôn từ, âm điệu và hình ảnh của Hàn Mạc Tử, lắm khi hết sức tài tình, nhưng chưa thấy ai có câu nào tồn tại với thời gian. Đàng khi đó, sau ba phần tư thế kỷ, thơ Hàn Mạc Tử cả lời lẫn ý vẫn không một chút cũ

¹ Cũng có thể ví như bước nhảy từ thơ cũ sang thơ mới. Xem “Không nên có luật thơ mới” của Hàn Mạc Tử (PCĐ-1, tt. 148-149).

mòn. Vì đâu? Vì máu chốt để hoàn tất giai đoạn thứ ba là sự khiêm nhường. “*Thiên Chúa chống lại kẻ kiêu ngạo, nhưng ban ơn cho kẻ khiêm nhường*” (Thư Thánh Giacôbê 4, 6). Trong hồi ký về những ngày cuối đời Hàn Mạc Tử, ông Nguyễn Văn Xê viết: “Trên đường trở về nhà thương, vừa đi tôi vừa suy nghĩ về Trí, về sự khiêm nhường của Trí là từ ngày vô cho đến chết, Trí chưa hề nói một tiếng Pháp với bất cứ mẹ nào. Lúc nào tôi cũng là người thông ngôn” (PCĐ-1, tt. 380-381).

Khiêm nhường đây không phải là vẻ từ tốn bên ngoài nhưng là sự “hiền lành và khiêm nhường trong lòng” (Mt 11, 29). Học khiêm nhường với Chúa Giêsu là học sự xóa mình triệt để đến mức độ tự hủy (x. Pl 2, 6-8). Như thế, giai đoạn ba gắn liền với giai đoạn sáu. Để hoàn tất giai đoạn ba, ta cần hướng tới giai đoạn sáu, khao khát nên giống Chúa Giêsu trong nghèo hèn, bị cô đơn, bị bỏ rơi, bị sỉ nhục. Làm như thế là ta đang đong cho Chúa những đấu thật đầy và Chúa sẽ trả lại những đấu tràn đầy gấp bội (x. Mc 4, 24). Theo hướng ấy, với chút kinh nghiệm hướng dẫn các linh hồn qua sứ vụ linh mục, tôi có thể xác quyết rằng: bất cứ thi sĩ nào càng thêm khiêm nhường thì thơ sẽ càng hay, cái hay từ ơn Chúa.

Đón nhận thử thách và sẵn sàng từ bỏ tất cả để dẫn thân theo Chúa, nhà thơ Hàn Mạc Tử của chúng ta được gấp trăm và còn hơn gấp trăm (x. Mc 10, 29-30), bởi lẽ anh được lôi lên một tầm cao hoàn toàn mới. Chẳng hạn, từ tuyển tập *Đau Thương* trở đi, Hàn Mạc Tử vẫn nhắc nhiều đến phụ nữ nhưng cái nhìn của anh hoàn toàn thanh thoát: Khác với Beaudelaire, “trong khi làm thơ, Trí đã tận hưởng những phong vị của nhạc, của hoa, của trăng, của gái một cách vô tội... Tình cảm là sự thanh bạch hồn nhiên, không một chút gì bợn nhơ, tội lỗi; còn dục tình là cả một sự ham muốn phi thường, ngoài điều răn của Đức Chúa Trời...” (Quan Niệm Thơ).

Càng vô tội, người thơ càng có cảm thức sâu xa về tội:

*Tôi van lơn thăm nguyện Chúa Giêsu
Ban ơn xuống cho mùa xuân hôn phối.
Xin tha thứ những câu thơ tội lỗi
Của bàn tay thi sĩ kẻ lên trăng.*
(Đêm xuân cầu nguyện)

Nghe hai tiếng “tội lỗi”, những đầu óc vụ luân lý dễ vẽ vờ ra những chuyện gì đó có lẽ xấu xa ghê gớm lắm. Họ khó mà hiểu được tâm thức một người đã đạt tới chỗ tận hưởng phong vị của mọi sự một cách vô tội. Phải là những ai đã rung động mãnh liệt trước tình yêu của Chúa Cứu Thế Giêsu và tha thiết khát khao đáp lại mới hiểu được cái tế nhị của tình yêu, chỉ một sơ suất rất nhỏ cũng vô cùng áy náy với Đấng yêu mến ta vô cùng và ta hết sức yêu mến.

Trong Cựu Ước, ngôn sứ Isaia đã có một cảm nghiệm kinh hoàng về sự thánh thiện của Thiên Chúa (x. Is 64, 5). Với tâm hồn Tân Ước, khi đã yêu mến Thiên Chúa cách tế nhị, người tín hữu không kinh hoàng trước sự thánh thiện nhưng khổ đau vì những điều nhỏ mọn xúc phạm đến Tình Yêu.

Nói về cuộc vượt thoát của Hàn Mạc Tử, Nguyễn Mộng Giác viết: “Giêsu Christ đã chịu đau khổ, đã chịu chết để cứu chuộc tội lỗi của nhân loại. Hàn Mạc Tử đã chịu đau khổ để hiểu ý *nghĩa của đau khổ*, từ đó vươn lên cõi đạo”¹.

Tuy nhiên, không chỉ có thế. Hàn Mạc Tử đã tâm sự với Bùi Tuân: “Tôi dự định viết ra nhiều tập thơ về tôn giáo. Trong thi giới nước ta chưa ai nghĩ đến việc đem truyện Sinh Nhật, truyện Phục

¹ Nguyễn Mộng Giác, *Tình và Đạo trong thơ Hàn Mạc Tử*. Luận văn tốt nghiệp Đại học Sư phạm Huế, 1963 (Trích lại theo Lê Đình Bảng, *Miền Thơ Kinh Cầu Nguyện*, Nxb Phương Đông 2009, tr. 323).

Sinh để làm thi đề. Đó là những tài liệu không còn gì thú vị bằng”.¹ Hồi nhỏ tôi rất ngạc nhiên khi đọc lời ấy, tự hỏi tại sao nhà thơ nhắc tới màu nhiệm Giáng sinh và Phục sinh mà không nhắc tới sự Thương khó và cái Chết của Chúa? Nay thì tôi mới hiểu: một khi đã qua lúc nửa đêm, ta không còn nghĩ đến bóng tối vây phủ mà chỉ hướng tới hừng đông.

Câu trả lời của chính nhà thơ

Để đọc giả không nghĩ rằng tôi đang tìm cách chứng minh một học thuyết, tôi xin phép được trích dẫn bút tích của chính Hàn Mạc Tử. Nhà thơ vừa rao: “ai mua trắng tôi bán trắng cho” thì đã vội vàng đính chính: “không, không, không, tôi chẳng bán *hòn* trắng... trắng vàng trắng *ngọc* bán sao đang”. Nhà thơ đã từng ghép tên những phụ nữ mình yêu mến vào các câu thơ cách thật tài tình, thì ở đây thủ thuật của anh cũng tương tự. *Hòn* và *ngọc* cộng với ý tưởng nơi triết thứ hai của bài thơ cho thấy anh đang nói về hòn ngọc Nước Trời: “*Nước Trời giống như chuyện kho báu chôn giấu trong ruộng. Có người kia gặp được thì liền chôn giấu lại, rồi vui mừng đi bán tất cả những gì mình có mà mua thửa ruộng ấy. Nước Trời lại cũng giống như chuyện một thương gia đi tìm ngọc đẹp. Tìm được một viên ngọc quý, ông ta ra đi, bán tất cả những gì mình có mà mua viên ngọc ấy*” (Mt 13, 44-46). Hàn Mạc Tử đã gặp được ngọc quý của Nước Trời và trả mọi giá để mua cho bằng được. Ngọc quý vô cùng vô tận, trả giá nào đi nữa vẫn rẻ, dù đó là giá của “lời phụ rầy” hay của bệnh phong cùi. Nguồn thơ anh bắt gặp là “Thơ màu nhiệm”, vượt trên mọi thứ thơ, là chính Con Thiên Chúa

¹ Bùi Tuân, *Nửa Đêm Đi Tìm Hàn Mạc Tử*, nguyệt san Vinh Sơn (Huế) số 22, ngày 1-2-1951, tr. 7 (Trích lại theo Lê Đình Bảng, *Miền Thơ Kinh Cầu Nguyên*, Nxb Phương Đông 2009, tr. 215).

nhập thể trong lòng Đức Trinh Nữ để ra đời làm người (x. *Ave Maria*, câu 35). Để mua sắm Thơ màu nhiệm cho đời, anh sẵn sàng trả giá đau thương: “Máu tim ta tuôn ra làm bể cả” (Biển Hồn Ta, câu 1).

Trong bài Quan Niệm Thơ gởi Trọng Miên, Hàn Mạc Tử viết: “Đức Chúa Trời đã tạo ra trăng, hoa, nhạc, hương là để cho người đời hưởng thụ nhưng người đời u mê phần nhiều không biết tận hưởng một cách say sưa, và nhân đây chiêm nghiệm lẽ màu nhiệm, phép tắc của Đấng Chí Tôn. Vì thế trừ hai loài trọng vọng là thiên thần và loài người ta, Đức Chúa Trời phải cho ra đời một loài thứ ba nữa: Loài thi sĩ. *Loài này là những bông hoa quý và rất hiếm, sinh ra đời với một sứ mệnh rất thiêng liêng: Phải biết tận hưởng những công trình châu báu của Đức Chúa Trời đã gây nên, ca ngợi những quyền phép của Người và trút vào linh hồn người ta những nguồn khoái lạc mê mê, nhưng rất thơm tho, rất tinh sạch. Bởi muốn cho loài thi sĩ làm trọn nhiệm vụ ở thế gian này, nghĩa là tạo ra những tác phẩm tuyệt diệu, lưu danh lại muôn đời, Người bắt chúng mua bằng giá máu, luôn có một định mệnh tàn khốc theo riết bèn mình...*” (Trích theo PCĐ-1, tt. 178-180).

“Loài người hãy cảm ơn thi nhân đã đổ ra biết bao nhiêu nguồn máu lệ, đã từng uống mật đắng cay trong khi miệng vẫn tươi cười sốt sáng...” (Lời tựa *Xuân như ý*: PCĐ-1, tr. 161-162).

Những lời trên đây của chính Hàn Mạc Tử giúp ta hiểu rõ tại sao trước khi biết rõ mình bị bệnh phong (1937), anh làm thơ rất hay, và sau khi biết điều ấy anh lại làm thơ cực hay, tại sao trước đó anh chỉ làm thơ đời là chính còn sau đó anh lại nghiêng về thơ đạo.

Tuy nhiên sự vui lòng ở bước ba chỉ mới đẩy nhà thơ lên hẳn bình diện hiệp nhất chứ chưa khiến kinh nghiệm hiệp nhất nở hoa. Sự nở hoa chỉ xảy ra ở bước sáu, tức ở đoạn cuối của phần đường thứ hai.

Bị bỏ rơi với Chúa Kitô

Hãy đọc Lời tựa *Xuân như ý*. Như ý là chặng thứ năm trên đường vào nội tâm, là được ơn hiệp nhất một lòng một ý với Thiên Chúa. Theo Đức Khổng Tử, đây là kinh nghiệm “lục thập nhi nhĩ thuận” và “thất thập nhi tông tâm”. Ta chiều theo ý Trời và Trời chiều theo ý ta. Như một tác giả minh triết trong Cựu Ước: “Trong tay Chúa, lòng Đức Vua tựa dòng nước chảy” (Cn 21, 1). Hoàn toàn tự do. Chúa muốn gì, mình muốn nấy; và mình muốn gì, Chúa muốn nấy, bởi một lẽ rằng mình chỉ còn muốn những điều Chúa muốn. Từ đó mà có Xuân như ý, cả một mùa xuân, cả một trời hạnh phúc trong ý muốn của Thiên Chúa.

Giữa những thử thách ở giai đoạn thứ ba, linh hồn tín hữu vẫn nhận được bình an và an ủi nhưng thiếu vắng những hoan lạc tâm linh. Còn giữa mùa *Xuân như ý* của ơn tông tâm ở giai đoạn thứ năm thì có nhiều hoan lạc ngọt ngào. Vị Chúa của linh hồn là vị Chúa chịu đóng đinh tức tử nhục nhã trên thập giá và bị ruồng rẫy đến tận cùng, thế nhưng linh hồn tín hữu cứ say đắm yêu Ngài trong hôn hoan. Tuy nhiên tình trạng này cũng có thể dẫn đến một sự mập mờ mới. Họ say sưa yêu Chúa vì Chúa hay vì những ngọt ngào hoan lạc? Làm sao để linh hồn có thể khẳng định mình yêu Chúa chỉ vì Chúa chứ không vì những hoan lạc và ủi an? Với thân phận thụ tạo, linh hồn biết mình rất yếu đuối. Dù có quyết gỡ mình khỏi những hoan lạc ngọt ngào, có quyết khước từ chúng, để tự chứng minh một tình yêu tinh ròng thanh khiết, linh hồn không sao thực hiện được. May thay, Thiên Chúa thấu suốt nỗi khắc khoải thầm kín ấy của linh hồn nên chính Ngài sẽ đích thân can thiệp. Chính Ngài sẽ tước đoạt hết mọi ngọt ngào hoan lạc trong một thời gian và để mặc cho linh hồn điều đứng khốn khổ. Nếu linh hồn ấy là một kẻ chuyên cầu nguyện giữa tu phòng cô tịch, vui sâu sau các

bức tường nội cảm, nó sẽ bị để cho rơi vào chỗ hoài nghi chẳng biết có đời sau hay không (như thánh nữ Têrêxa Hài Đồng Giêsu), Thiên Chúa có thương xót thứ tha hay không (như thánh nữ Têrêxa Margaret Thánh Tâm Chúa Giêsu). Nếu linh hồn là một nhà truyền giáo bôn ba rong ruổi chân trời góc biển hay một mục tử luôn nằm giữa tầm nhắm của dư luận khen chê, nó sẽ bỗng chốc bị vùi sâu giữa muôn vàn sỉ nhục bất công; truyền thông đa chiều bỗng dưng nhất loạt kết án, đòi khử trừ nó khỏi cuộc đời như xưa đám đông người Do Thái chuyển từ chỗ công kên Chúa làm vua đến chỗ đồng thanh đòi đóng đinh Ngài vào thập giá. Chân phước Têrêxa thành Calcutta, vừa chiêm niệm vừa hoạt động, cảm thấy Thiên Chúa vắng mặt những năm dài. Cha Damien, tông đồ người phong, những tháng cuối đời tưởng như mất đức tin, mãi đến những ngày chót mới được bình an trở lại.

Dù giữa nội cảm lặng im hay giữa lòng đời náo động, lúc ấy linh hồn kẻ Chúa yêu vẫn rơi vào thảm cảnh của Gióp trong Cựt Ước.

Đó là đêm đức tin, là đêm tâm linh giữa chiêm niệm hay giữa cuộc đời hoạt động, là cơ hội ngàn vàng để linh hồn được minh oan trước mọi gièm pha vu khống, để linh hồn có cơ may tự tỏ rõ rằng nó yêu Chúa chỉ vì Chúa chứ không vì một hoan lạc ỉ an nào. Đặng Tiến viết: *“Mâu thuẫn tâm cảm của nhà thơ là vừa yêu bóng đêm – vũ trụ Hàn Mạc Tử là một vũ trụ về đêm – vừa yêu ánh sáng và vươn tới một nguồn chói lọi”* (PCĐ-1, tr. 419). Ghi nhận của tác giả Đặng Tiến khá trùng khít với học thuyết của Thánh Gioan Thánh Giá, theo đó, đêm có ba phần: đầu hôm (cuộc thanh tẩy từ ngoài vào trong), nửa đêm (thách đố đức tin) và hừng đông (hướng về hiệp nhất trong ánh sáng). Bởi yêu hừng đông để hiệp nhất trong ánh sáng chính ngộ, linh hồn tín hữu khao khát vượt qua những thử thách lớn nhất của phần nửa đêm.

Bước thứ sáu được gọi là đêm đức tin, tương ứng với cảnh Chúa Kitô bị bỏ rơi trên thập giá. Một nhà thơ Tây Ban Nha, Thánh Gioan Thánh Giá, đã diễn tả tâm trạng vị Chúa bị bỏ rơi qua bài thơ sau đây:

CHÚ BÉ CHẶN CỪU

1.

*Một chú bé chẵn cừu lẻ loi đau khổ,
Chú chẳng thiết vui, chẳng thiết đùa,
Chỉ nghĩ tới cô bé chẵn cừu của chú,
Trái tim tan nát vì yêu.*

2.

*Chú không khóc vì tình yêu đã làm chú bị thương,
Cũng không phải vì thấy mình buồn đau mà chú khổ.
Dù đúng là chú đã bị đánh vào tim,
Nhưng chú khóc vì nghĩ mình đã bị lãng quên.*

3.

*Chỉ vì một ý nghĩ là mình
Bị cô bé chẵn cừu xinh đẹp lãng quên,
Mà hết sức đau khổ, chú đã để mình bị đánh tả tơi nơi đất lạ,
Trái tim tan nát vì yêu.*

4.

*Và chú bé chẵn cừu nói: Thật bất hạnh
Cho ai xua đuổi tình tôi khỏi trái tim
Và không muốn hưởng niềm vui được có tôi ở với
Bên trái tim đã vì người ấy mà tan nát vì yêu.*

5.

*Và sau một hồi lâu chú đã lên
Trên một thân cây, ở đó chú đã giăng đôi tay xinh đẹp,
Và chú chết treo ở đó bởi đôi tay ấy,
Trái tim tan nát vì yêu.*

Đó là thảm cảnh bị bỏ rơi. Chỉ mới mấy ngày trước, cả một rừng người nghênh đón và tung hô Ngài là vua (x. Mt 21, 9); thế nhưng hôm nay cũng chính những môi miệng ấy hô to: *“Đóng đinh nó vào thập giá!”* (Mt 27, 22). Giuđa bán nộp Ngài, Phêrô chối Ngài và các môn đệ khác bỏ trốn. Chúa Giêsu cảm thấy trơ trọi. Ngài ngược nhìn Chúa Cha, Cha cũng im lặng, cho nên Ngài thốt lên: *“Ê-li, Ê-li, lê-ma xa-bác-tha-ni”*, nghĩa là *“Lạy Thiên Chúa, lạy Thiên Chúa của con, sao Ngài bỏ rơi con?”* (Mt 27, 46).

Tiếng kêu ấy là câu mở đầu của Thánh vịnh 21. Thật bất ngờ, sau 22 câu than thở, 10 câu còn lại của thánh vịnh này là những lời tạ ơn vì được Thiên Chúa cứu thoát. Chính vì thế, một lát sau, *“Đức Giêsu kêu lớn tiếng: ‘Lạy Cha, con xin phó thác hồn con trong tay Cha’. Nói xong, Ngài tắt thở”* (Lc 23, 46).

Nơi trường hợp Hàn Mạc Tử, cuộc thử thách ở giai đoạn thứ sáu đã khởi sự ngay từ giai đoạn thứ ba. Cả trong bầu khí Kinh thánh lẫn trong tâm thức người Việt nửa đầu thế kỷ 20, cùi hủi là một điều đáng ghê tởm. Tác giả Trọng Miên viết: *“Cuộc đời của Hàn Mạc Tử là cả một bài thơ ghê gớm rùng rợn, có một không hai trong những thi sĩ đông tây. Thân tai họa đã gieo vào chàng một chứng bệnh tàn ác trong lúc thi sĩ rơi xuống cõi đời bơ vơ, bơ ngỡ và lạ lùng”* (PCD-1, t. 357).

Thế nhưng không lâu sau khi biết mình bị bạo bệnh, Hàn Mạc Tử đã hiểu mình được ơn nên giống Đấng đã tự hủy ra không (Pl 2, 5-11) để cứu chuộc nhân loại, như được báo trước trong sách ngôn sứ Isaia:

“Ngài bị khinh khi, và là đồ phế bỏ của người đời, con người đón đau và những ốm o xo bại, như một kẻ có gập chúng tôi thì lo giấu mặt, bị khinh bỉ, và chúng tôi đã chẳng thèm đếm xỉa. Trái lại, chính các bệnh tật của chúng tôi, Ngài đã mang, chính các đau

khô của chúng tôi, Ngài đã vác. Còn chúng tôi, chúng tôi lại kể Ngài như kẻ bị trời đánh, bị Thiên Chúa trừng phạt và đầy đọa. Nhưng Ngài đã bị đâm vì những sự ngộ nghịch của chúng tôi, và vì tội vạ của chúng tôi, Ngài đã bị nghiền nát. Đã giáng xuống Ngài hình phạt đối lầy an bình cho chúng tôi, và nhờ những vết hằn Ngài chịu, chúng tôi có phương được chữa lành. Chúng tôi hết thấy đã xiêu lạc, như chiêm cừu mỗi người quay mỗi ngã, nhưng Thiên Chúa lại để Ngài phải lụy vì chúng tôi. Bị tra tấn, Ngài đã chịu đựng, và không mở miệng, như cừu bị dẫn đến lò sát sinh, như chiêm mẹ ngậm câm, không hề mở miệng. Bị bắt giam và lên án, Ngài đã bị đem đi. Nào ai màng nghĩ đến vận mạng của Ngài? Ngài đã bị chặt phăng khỏi đất người sống, chính vì sự ngộ nghịch của dân Ngài, Ngài đã bị sát phạt” (Is 55, 3-8).

Sâu xa hơn những khổ nhục bên ngoài, còn có cả sự phụ bạc, phản bội, ruồng rẫy. Chúa Giêsu tin cậy bạn hữu mình là các Tông đồ nhưng chính họ đã lia bỏ, phủ nhận và cả đến dùng cái hôn để bán nộp Ngài (Mt 27, 48-49; Mc 14, 44-45; Lc 22, 47-48). Mỗi lần tưởng niệm cuộc Thương Khó Chúa Kitô, Giáo hội lại thốt lên bài ca của Đavít khóc người con phản bội:

*Giả như tên địch thù phỉ báng, thì tôi cũng cam lòng,
hay kẻ ghét ghen lên mày lên mặt, tôi có thể lánh đi.
Nhưng đây lại là bạn, người đồng vai đồng vế,
chỗ thân tình tâm phúc với tôi,
đã cùng tôi chia ngọt sẻ bùi,
trong đền Thiên Chúa, giữa hội vui cùng sánh bước.*

Tv 54/55, 13-15.

Hàn Mạc Tử đã phó thác đứa con tinh thần của mình cho ba người mà anh yêu mến tin cậy nhưng có hai người đã xử hết sức tệ với thơ anh. Một người ít học đã xé bỏ thơ anh đem gói hành gói tỏi

hoặc dùng làm giấy vệ sinh (x. PCĐ-1, tt. 383-384). Còn người kia là bạn thân, lại để di sản đã được phó thác biến thành hư không.

Từ cõi trời cao nhìn xuống, thấy những chuyện ấy, nhà thơ của chúng ta có buồn không? Thưa không, một lần nữa đang lúc lẽ ra phải buồn thì anh lại rất vui, vui như các Tông đồ, *“lòng hân hoan, dạ vui mừng bởi được coi là xứng đáng chịu khổ nhục vì danh Đức Giêsu”* (Cv 5, 41). Vâng, Đáng yêu thương anh là Con Thiên Chúa đã si mê loài người đến độ trở nên giống hẳn con người và chịu chết vì con người, đã bị loại trừ cách tàn bạo, thì anh phải vui biết bao khi được chia sẻ cùng số phận với Ngài.

Trong trích đoạn Isaia trên đây, Đáng thụ nạn ngậm câm không mở miệng, chẳng phải vì bất cần đời, chẳng phải vì bất lực không thể làm gì, nhưng Ngài câm lặng với cuộc đời để liên lí đối thoại với Thiên Chúa tận cõi lòng. Người thơ của chúng ta cũng thế:

Đây phút thiêng đã khởi đầu...

Ai hãy làm thinh chớ nói nhiều

Để nghe dưới đáy nước hồ reo

Để nghe tơ liễu run trong gió

Và để xem trời giải nghĩa yêu...

Cả trời say nhuộm một màu trắng

Và cả lòng tôi chẳng nói rằng

Không một tiếng gì nghe động chạm

Dấu là tiếng vỡ của sao băng.

(Đà Lạt trắng mờ)

Từ giai đoạn thứ ba đến giai đoạn thứ sáu, thử thách nơi Hàn Mạc Tử tăng nhanh cả bên ngoài (sau khi tự cô lập nơi lều tranh, anh đã xin vào bệnh viện phong Qui Hòa), lẫn bên trong (gia đình

Thương Thương yêu cầu ngưng viết kịch bản *Quần tiên hội*¹).

Một tác giả đương thời, nhà phê bình văn học Hoài Thanh chỉ nhìn bằng con mắt thường cũng đủ nhận ra tình cảnh ấy: “Tôi nghĩ đến người đã sống trong một túp lều tranh phải lấy bì thư và giấy nhựt trình che mái nhà cho đỡ dột. Mỗi bữa cơm đưa đến, người không sao nuốt được, vì ăn khổ quá. Cảnh cơ hàn ấy và chứng bệnh kinh khủng đã bắt người chịu bao nhiêu phũ phàng, bao nhiêu ruồng rẫy. Sau cùng người bị vứt hẳn ra ngoài cuộc đời, bị giữ riêng một nơi, xa hết thảy mọi người thân thích. *Tôi nghĩ đến bao nhiêu năm người bó tay nhìn thế phách lẫn linh hồn cùng tan rã...*”².

Ô không. Không sao. Không sao đâu. Ta có thể trích một đoạn *Duyên kỳ ngộ* để thấy tâm tình của Hàn Mặc Tử trong hoàn cảnh bị bỏ rơi thật khác lạ:

*Dấu đau đớn vì lời phụ rẫy
Nhưng mà ta không lấy làm điều
Trăm năm vẫn một lòng yêu
Và còn yêu nữa rất nhiều em ơi.
(Muôn năm sâu thẳm)*

*Một mai kia ở bên khe nước ngọc
Với sao sương anh nằm chết như trăng
Không tìm thấy nàng tiên mô đến khóc
Đến hôn anh và rửa vết thương tâm.
(Duyên kỳ ngộ)*

Hoặc trong bài *Những giọt lệ*:

Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu?

¹ Xem PCD-2, tr. 128-129.

² Hoài Thanh - Hoài Chân, *Thi Nhân Việt Nam*, trích lại theo PCD-2, t. 171-172.

*Sao bông phượng nở trong màu huyết,
Nhỏ xuống lòng tôi những giọt châu?*

Hết sức bi thương sâu thẳm mà vẫn bình an biết bao! Vâng, mọi thử thách đều phải chào thua người tín hữu trẻ đã nồng nàn yêu Chúa. Anh vẫn không ngừng ca hát, không ngừng viết để ngợi mừng tình yêu cũng như ngợi mừng ơn hiệp nhất, và gọi đó là *Cảm châu duyên*, là *Duyên kỳ ngộ*, là *Quần tiên hội*. Kia muôn dân thiên hạ, sao lại xót thương, hãy vỗ tay reo mừng Thiên Chúa vì Ngài đã sắm được cho mình một anh hùng của tình yêu, một *tấm linh hồn thanh khiết* đang ngợi ca những tấm linh hồn thanh khiết khác.

Dạo đầu khúc linh ca

Hẳn một số Kitô hữu khó chịu khi thấy các tác phẩm *Cảm châu duyên*, *Duyên kỳ ngộ* và *Quần tiên hội* được đặt vào dãy cư xá thứ sáu của Lâu Đài Nội Tâm. Có lẽ họ quên rằng hai chữ tiên tri trong Kinh thánh không có nghĩa là người biết trước tương lai nhưng chỉ là ngôn sứ của Thiên Chúa, là người diễn đạt thông điệp của Thiên Chúa bằng chính cuộc sống bản thân trước khi giải thích bằng lời. (x. Giêrêmia và chiếc đai lưng, Gr 13,1-11; Êzêkiel được lệnh không than khóc khi vợ chết, Êd 24,15-24; cuộc hôn nhân của Hôse, Hs 1,1-3,5).

Tiến vào cảm nhận tâm linh, các tầng lớp ý nghĩa có thể chồng chéo lên nhau... Một đàn ông nhà thơ có thể thấy mình là thụ tạo mọn hèn nhưng lại được tiến dâng lên làm bạn lòng của Ngôi Lời Thiên Chúa (x. 2Cr 11,2)... Một đàn ông khác, nhà thơ lại có thể dùng chuyện tình yêu đôi lứa của mình để diễn tả cuộc tình của Thiên Chúa đối với nhân loại. Câu chuyện *Quần tiên hội* có thể là phiên bản *Diễm ca* riêng của nhà thơ...

Nhiều người dễ chấp nhận cái nhìn của giáo sư Phan Cự Đệ, tách đôi Hàn Mạc Tử thành một nhân vật thi sĩ và một nhân vật tín đồ đi bên cạnh nhau, và tưởng rằng “Hàn Mạc Tử nghệ sĩ bao giờ cũng phóng túng hơn, hào hoa hơn Nguyễn Trọng Trí tín đồ” (PCĐ-2, tr. 17). Những người ấy sẽ không nghĩ như thế, nếu họ biết rằng vị thánh nữ đan sĩ tôi trích dẫn đây khi làm thơ về Chúa thì nhiều bài đọc qua ta cứ ngỡ là thơ tình của những bạn trẻ đang yêu đương đắm đuối. Hoặc nếu như họ biết rằng Thánh Gioan Thánh Giá, một linh mục khát sĩ, có bốn tác phẩm giáo khoa dạy đường tâm linh và cả bốn đều chỉ mình giải những bài thơ đắm đuối yêu thương¹.

Tác phẩm thứ nhất và thứ hai mình giải bài thơ có đoạn như sau:

*Ôi đêm! Người đã hướng dẫn ta!
 Ôi đêm! Đáng yêu hơn rạng đông!
 Ôi đêm! Người đã phối hợp
 Đức Tình-Quân với tình-nương
 Một tình-nương đã được biến đổi nên Tình-Quân!*

*Trên lòng tôi đầy hoa,
 Được giữ vẹn cho một mình chàng,
 Chàng lưu lại đó, say ngủ,
 Và tôi vuốt ve chàng,
 Và quạt mát cho chàng bàn quạt bá hương.*

Bài thơ cho tác phẩm thứ ba mở đầu:

*Người ẩn nơi nao, Hỡi người Yêu Dấu,
 Mà bỏ em rên rỉ?
 Như một con nai, Người trốn biệt,
 Sau khi đã làm cho em bị thương,
 Em chạy ra, gọi với theo Người, thì Người đã đi.*

¹ Một trong bốn tác phẩm đã có bản dịch tiếng Việt: *Khúc Linh Ca*, Nxb Tôn giáo 2003.

Bài thơ cho tác phẩm thứ tư mở đầu:

*Ôi ngọn lửa tình nồng
Thì ra Người đã
Đốt giữa lòng em
Vết phỏng thật êm ái.*

*Ôi ngọn lửa tình nồng
Ngủ quên sao chớ
Xé nốt giùm em
Tấm thân này lụa đào.*

Chẳng phải là Gioan Thánh Giá khi làm thơ thì phóng túng, bởi lẽ đây là những bài thơ được ông dùng để triển khai thành những giáo trình dạy đường tâm linh! Vị thánh viết nên những sự thật mà người ngoài cuộc không hiểu được.

Đơn giản hơn, những người viết về Hàn Mạc Tử tách đôi tình yêu với đức tin vì họ không biết rằng một trong những sách làm nên bộ Cựu Ước là Diễm Ca, là một chuỗi thơ tình với những câu như:

¹ *Hỡi bạn lòng, em đẹp biết bao,
Đôi mắt như bồ câu.
Sau lớp khăn choàng mỏng,
Làn tóc em mơn mớn
Như bày dê bên sườn Galaát tung tăng.*

² *Và hàm răng,
Hàm răng em tựa chiêm mới tẩm,
Không lẻ loi, toàn sinh đôi nụ bĩm.
³Môi thắm chỉ hồng, miệng mới xinh sao.
Đôi má em, hai nửa quả đào,
Dưới khăn choàng e ấp.*

⁴ *Cổ em như bảo tháp*

*Của Đavít tiên vương
 Được xây làm kho tàng
 Treo muôn thuẫn khiên của ngàn dũng sĩ.
⁵ Tuyết lê em như nai tơ,
 Một cặp sinh đôi của linh dương mẹ
 Đang gặm cỏ non bên khóm huệ.
 (Diễm Ca 4,1-5)*

Làm sao quan niệm được Thánh kinh lại viết như thế nếu chưa một lần hiểu rằng Thiên Chúa là Tình Yêu và là nguồn mạch của mọi tình yêu trong lịch sử.

Xin đan cử tác phẩm *Quần tiên hội*. Khi chiều theo yêu cầu của gia đình Thương Thương, ngưng viết kịch bản này, Hàn Mạc Tử viết thư chia sẻ với Trần Thanh Địch như sau:

“Ba đoạn sau mà tôi tính viết, nó như thế này: bọn tiên xúm lại vây hai người trong vòng vây mà bảo rằng “người con trai” ấy là của trời cho, là “của chung” chứ không phải riêng gì của Thương Thương. Nếu không bằng lòng, phải “chia” ra. Chia ra chín phần cả thấy, thế thì còn chi người ta nữa! (Nguyên văn của Hàn Mạc Tử). Thế rồi bọn tiên nổi ghen lên. Hai người ấy phải rủ nhau đi trốn. Bọn tiên hay được liền hè nhau đang đêm “hạ san” tìm bắt cho kỳ được cặp uyên ương ấy, nghĩa là bọn tiên chạy theo tình yêu, trở về thế gian, bỏ lại những động mây bây giờ thành ra hoang vu cô độc. Và những động ấy tử thân than kẻ không biết bao nhiêu mà nói. Vội lại, ở động tiên con trai hay tin bọn tiên con gái về thế gian lấy chồng, chúng hẳn cũng đăm buồn bực rồi cùng trở lại đời cả. Và vì thế người ta mới hiểu rằng tại làm sao bây giờ, ngày nay còn dấu tích tiên động mà tiên đục, tiên cái thì đi mô hết cả thấy. Ha! Ha!”.
 (PCD-1, tt 333-334)

Ha! Ha! Những tình tiết ấy cộng với kết luận hết sức diều cợt của Hàn Mạc Tử phải chẳng ngược hẳn 180° với điều tôi đang viết? Thưa không, cần hiểu rằng trong đầu óc người tín hữu Kitô, chỉ có Thiên Chúa đã ngổ lồi với loài người trong Kinh thánh là Thiên Chúa thật, còn mọi thần thánh của các dân tộc đều chỉ là trò đùa giả trá do con người nghĩ ra hoặc do con người phong thần, bất cứ ai thờ phượng các thứ giả trá ấy đều mắc tội chống lại Thiên Chúa. Như thế, trong đầu óc của tín hữu Hàn Mạc Tử, cõi trần giá trị hơn cõi tiên, vì cõi tiên là cõi giả, cõi trần là cõi thật. Khi nhà thơ lồng chuyện tình của bản thân vào đó, nếu anh muốn dùng nó để diễn tả quan hệ tình yêu giữa anh và Thiên Chúa, câu chuyện sẽ mang thêm một tầng ý nghĩa mới mà người bạn Trần Thanh Địch của anh không sao ngờ được.

Huyền Tiên giả gái hòa mình vào
đám tiên nữ.

Ngôi Lời, Con Thiên Chúa, là Đức
Giêsu Kitô nhập thể làm người ở
giữa chúng ta.

Bọn tiên đòi xé xác Huyền Tiên
mối đũa giành một phần.

Loài người giết chết Chúa Giêsu –
Ngài trở thành tấm bánh bẻ ra đến
vô tận để nuôi sống mọi người.

Quỳnh Tiên theo Huyền Tiên bỏ
cõi giả về cõi thật.

Linh hồn nhà thơ yêu mến Ngôi Lời
Thiên Chúa và theo Ngài bỏ cõi
tạm về quê thật đời đời.

Bọn tiên cũng theo chân bỏ cõi giả
về cõi thật.

Mọi người cũng theo chân, bỏ cõi
tạm về quê thật đời đời.

Chuyện thật cứ như đùa. Tôi chợt nhớ câu nói Chúa Giêsu thường lặp đi lặp lại: “Ai có tai để nghe, hãy nghe” (Mt 11, 15; 13, 9; 13, 43, vv...)

Thay lời kết

Để kết thúc, có lẽ không gì bằng ghi lại mấy câu trong đoạn cuối bài *Quan Niệm Thơ* của Hàn Mặc Tử viết cho Trọng Miên: “Miên ơi, như thế là Miên đã hiểu thế nào là quan niệm của Trí về thơ. Thơ là sự ham muốn vô biên những nguồn khoáng lạc trong trắng của một cõi trời cách biệt... Nếu để thơ trợ trợ một mình, thơ sẽ lạt lẽo vô duyên, không có phong vị gì nữa.

Baudelaire thuộc về phái vô thần, nên không tin Chân lý, không nhận Chân lý làm tiêu chuẩn cho thơ văn. Còn Trí phải lấy Đức Chúa Trời làm chân lý, làm tiêu chuẩn cho văn thơ. Văn thơ không phải bởi không mà có”.

CHẤT TƯỢNG TRUNG TRONG THƠ THÁNH GIOAN THÁNH GIÁ¹

LUCIEN-MARIA DE ST JOSEPH, OCD

Trong thơ thánh Gioan Thánh Giá, tất cả đều là biểu tượng. Nhưng có lẽ cũng phải nói rằng đã là thi ca đích thật thì thi ca nào cũng vậy cả. Đã có hơn một nhà phê bình cho rằng tính tượng trưng nằm ngay trong chính yếu tính của thơ ca trữ tình. Xưa kia Ferdinand Brunetiere có viết: “Bởi vì chất tượng trưng vốn nằm trong yếu tính của thi ca, cho nên chắc chắn chất tượng trưng cũng cổ xưa như thi ca, và tôi cũng có thể nói được rằng, nó có cùng thời với những vần thơ bập bẹ đầu tiên”.

Thế nên cho dù có những gặp gỡ khá kỳ thú, ta không được phép ngây thơ biến thánh Gioan Thánh Giá thành “nhà thơ tượng trưng” như kiểu người ta vẫn nghĩ về Mallarmé hay Verlaine. Xa hơn trường phái tượng trưng còn có chính cái chất tượng trưng vốn không ngày sinh tháng đẻ, không bị gò bó theo quy tắc luật lệ. Điều mà thánh Gioan Thánh Giá đột nhiên tìm lại được, chính là dòng thác trữ tình cuộn cuộn của mọi thế hệ và mọi dân tộc, mà dòng thác ấy tự yếu tính lại mang sẵn chất tượng trưng.

Chúng ta sẽ gặp lại ở đây điều đã được Jean Baruzi suy nghĩ sâu sắc và trình bày gãy gọn. Nơi thánh Gioan Thánh Giá, không thể có chuyện gắng sức bóp trán tìm tòi để dùng lời biểu tượng mà diễn đạt một thực tại nội tâm. Để hiểu đúng về thi ca, cần hình dung ra

¹ Lucien Marie de St Joseph, Introduction aux pœmes, trong *Jean de la Croix, Oeuvres Complètes*, ed. Desclée de Brouwer, 1959, tr. 1181-1187.

một sự đột xuất, một sự tự phát trong đó “cái chất tượng trưng dường như là trực tiếp mặc khải cho ta biết được một sự kiện mà không một cách thể suy nghĩ nào khác có thể giúp ta đạt được. Và như thế không còn có chuyện dùng một biểu tượng để diễn đạt một kinh nghiệm, mà phải nói cách sít sao là có một kinh nghiệm mang tính tượng trưng”.

Vấn đề vẫn chưa phải đã hoàn toàn được soi sáng. Cái hay ho lý thú của nó còn vượt hẳn thế giới của các thi sĩ, kể cả các thi sĩ thần nhiệm. Việc sử dụng thế giới khả giác để diễn tả những thực tại vô hình đã là một chuyện rất thông thường trong Kinh thánh. Vấn đề là thử hỏi, tác giả thánh vịnh khi cảm nghiệm được sức mạnh của Thiên Chúa và thốt lên: “*Thiên Chúa là đá tảng của tôi*”, thì ông đã đi từ tảng đá đến sức mạnh của Thiên Chúa mà nó tượng trưng, hay ông trực tiếp tìm thấy nơi Thiên Chúa chính phẩm tính mà một cách nào đó đã được hành động sáng tạo của Ngài thể hiện thành vật chất trong thế giới khả giác này khi tạo nên các tảng đá.

Cách trước là khởi đi từ thụ tạo và cẩn thận tiến dần lên tới Tạo Hoá. Còn cách kia thì ngay từ đầu đã đặt mình nơi Thiên Chúa và tìm gặp lại nơi Ngài tất cả những gì Ngài đã gieo vãi vào thế giới theo hình ảnh hữu thể của Ngài. Phải chăng là quá liều lĩnh nếu quả quyết rằng gần như tất cả cái chất tượng trưng trong các bài thơ của thánh Gioan Thánh Giá đều diễn tiến theo cách thứ hai?

Nhưng nếu ơn trước hết của một nhà thơ là cảm nghiệm được mọi sự trong chính hữu thể khôn tả của nó (khi nhà thơ này là một vị thánh, ta biết những điều khôn tả độc đáo ông nói đến là gì), thì một ơn khác của ông là biết cách dùng ngôn ngữ loài người để diễn tả điều đã cảm nhận được cách sâu sắc ấy.

Trên bình diện văn chương thì cả trong việc này, Verlaine và

các bạn ông đã có công đúc kết những nguyên tắc không phải chỉ có giá trị cho các môn sinh của một trường phái.

Nhạc đi trước mọi sự...

Câu thơ ấy ai cũng biết. Còn đoạn tứ tuyệt áp chót của bài “Nghệ thuật thi ca” có lẽ người ta ít biết hơn, nhưng lại là đoạn diễn tả rất đúng điều thánh Gioan Thánh Giá đã thực hiện (với một danh nghĩa còn chắc nịch hơn cả tác giả sách Khôn ngoan).

*Nhạc thêm nữa và luôn luôn bằng nhạc
Nào thơ bay nhanh nữa, bay cao
Như chút tâm linh đang lạc lối vào
Những trời khác và những tình yêu khác.*

Chỉ còn phải thêm:

Và những gì còn lại chỉ là từ chương.

Rabindra Nath Tagore, người từng viết nên những bài thơ tuyệt diệu, đã nói một cách điềm tĩnh chắc nịch như đứng trước một điều hiển nhiên: “*Những nhà thơ đích thật, mà đồng thời cũng là những vị tiên tri, thì tìm cách trình bày thế giới này bằng tiếng nói của âm nhạc*”. Và ông nói thêm lý do: “*Âm nhạc chẳng bao giờ phải lệ thuộc một cảm quan ở bề mặt, nó diễn tả điều mà các từ ngữ không bao giờ nói được*”.

Ta hãy vượt ngay khỏi một quan niệm hẹp hòi và ngây ngô về việc sử dụng âm nhạc, thường phải cầu cứu đến những hình ảnh kêu vang, rút từ thể hợp xướng và các giai điệu. Những hình ảnh như thế không thiếu trong tác phẩm của thánh Gioan Thánh Giá, nhưng chúng không phải là vấn đề vượt trội:

*Và là đêm yên hàn
Đang khi hừng đông cửa mình thức giấc*

*Nhạc thính lặng
Niềm cô tịch réo rắt
Bữa tối bổ dưỡng và đắm say yêu mến.*

Ta phải quan niệm một cách sâu sắc hơn về nhạc tính của một bài thơ. Theo đó, những từ ngữ là chất liệu mà chuyển động của câu văn muốn xếp đặt để tất cả được ngân vang, đó là điều mà từ ngữ chuyên môn gọi là “tiết điệu”.

Hẳn nhiên, chỉ những bản văn ở nguyên ngữ mới có thể cho ta hình dung được thế nào là sự ngân vang trong ngôn ngữ của thánh Gioan Thánh Giá. Trong dàn nhạc của một số tiết thơ trong bài *Chú bé chẵn cừu* chẳng hạn, ta nghe vang những tiếng chất chúa của những nhạc khí bằng đồng với những âm “a” chế ngự một cách thô bạo, trong khi ở tiết tiếp theo, những âm “o” kéo dài của vĩ cầm xoa dịu cho vết đau của *Chú bé chẵn cừu*.

Những chỗ khác, sau những nhịp rung trong sáng hài hoà, lại có xen vào những âm sắc của các giai điệu buồn thảm.

Việc sắp xếp các hình ảnh cũng thật ý nghĩa. Dường như không có màu sắc. Trỗi vượt nhất là những hình ảnh về thị giác và chuyển động. Những hình ảnh về chuyển động đem lại cho những bài thơ thuộc nhiều loại một tiết điệu rất kích động. Đoạn mở đầu của bài *Ca khúc tâm linh* là một điển hình về loại này:

*Người ẩn nơi nao, Hỡi người Yêu Dấu,
Mà bỏ em rên rỉ?
Như một con nai, Người trốn biệt,
Mặc cho em bị thương,
Em chạy ra, gọi với theo Người, thì Người đã đi.*

Nếu quả đúng như lời phương ngôn rằng cuộc sống luôn chuyển động thì chẳng có gì để ngạc nhiên khi ta thấy một sức

năng động mãnh liệt cuốn hút thơ ca của một người muốn ca ngợi cuộc sống của linh hồn sống với Thiên Chúa. Những bài thơ chính yếu của ngài đều bắt đầu bằng những hợp âm của chuyển động, như những bản hợp xướng của Bach. Và thường thì đến đoạn cuối, chuyển động nhẹ dần và ngưng hẳn, như một làn sóng dẹt đi và biến mất dần trong đám cát ven bờ:

*Hãy gỡ con khỏi cái chết ấy,
Lạy Thiên Chúa của con, và hãy ban cho con sự sống.
Đừng để con bị vương mắc,
Trong cái cạm bẫy ấy mạnh biết bao.
Hãy nhìn xem con phải đau đớn để thấy Ngài
Và nỗi khốn khổ của con đã xâm chiếm trọn
Bởi con đang chết vì không chết.
Từ đây con sẽ khóc thương sự chết của con,
Và con sẽ than cho cái sống của con,
Bao lâu con còn bị níu giữ
Vì những tội lỗi con.
Ôi Thiên Chúa của con! Cho đến bao giờ?
Bao giờ con được nói với Chúa cách đơn thành rằng:
Từ nay con đã sống vì con không chết nữa.*

Trên bình diện phân tích văn chương thì sau cùng phải lưu ý đến điều có thể gọi là sự trinh nguyên của cách diễn tả thi vị nơi thánh Gioan Thánh Giá. Nơi ngài, không bao giờ người ta cảm thấy có sự gọt dũa. Người ta dễ khám phá ra những sơ suất hơn là những trau chuốt giả tạo. Ngài sử dụng năng khiếu mà không biết mình có năng khiếu ấy. Trong sự đôi co biến thiên giữa cảm hứng và kỹ thuật diễn tả, năng lực của cảm hứng đã không ngừng thắng vượt: Chính cảm hứng đã định luật lệ cho kỹ thuật. Không hề phải gọi đến tinh thần Ly-Tao. Nhưng hoàn toàn là một cái gì trực tiếp và

mới mẻ, phát sinh từ kinh nghiệm và cũng dẫn đến kinh nghiệm. Bởi lẽ ở đây nhà thơ chỉ là thông dịch viên của vị thánh. Tác giả của “Ca khúc tâm linh”, nếu có viết một bài về nghệ thuật thi ca, chắc chắn sẽ nói đại ý rằng: “Những lời mang sự sống, sự sống mà nó diễn tả, sự sống mà nó gây nên... Còn ngoài ra đều là từ chương”.

(Trăng Thập Tự chuyển dịch)

THEO CHÂN HÀN MẠC TỬ TIẾN VÀO KINH NGHIỆM ĐƯỢC BIẾN ĐỔI

Lm TRĂNG THẬP TỰ

Trong bài trước, tôi đã trình bày ơn được biến đổi nơi nhà thơ Hàn Mạc Tử. Độc giả sẽ hiểu rõ hơn khi chính mình trải qua kinh nghiệm được Thiên Chúa biến đổi. Vì thế ở đây tôi xin chia sẻ thêm đôi điều để giải đáp câu hỏi có thể độc giả đang nêu ra: làm thế nào để được ơn biến đổi? Câu hỏi có lẽ không riêng của người cầm bút Công giáo mà cả của nhiều người khác.

Sự biến đổi nói đây là biến đổi trong cõi lòng, giúp linh hồn ta được trở nên thánh thiện hơn và nên giống Thiên Chúa hơn. Chính Thiên Chúa đóng vai chủ động trong việc tạo nên vườn hoa muôn màu muôn vẻ của Ngài. Chương trình tình thương Ngài dành cho mỗi người một khác và sự đào tạo uốn nắn họ cũng khác. Chúng ta chỉ cần khao khát được Thiên Chúa biến đổi, còn biến đổi thế nào, xin để tùy Ngài. Điểm then chốt là đừng cố chấp với ý riêng nhưng biết buông bỏ tất cả để chiều theo ý Chúa. Trong đời hành đạo vào nội tâm, đến vòng thứ năm ta được ơn hiệp nhất với Chúa trong một lòng muốn: Chúa muốn gì, mình muốn nấy và mình muốn gì, Chúa muốn nấy. Ý Chúa là lòng ta và lòng ta là ý Chúa, bởi lẽ lúc ấy ta chỉ còn muốn điều Chúa muốn.

Ơn được biến đổi không giữ cho ta khỏi vấp ngã. Cần phải tiếp tục tiến bước trong khiêm nhường và càng tiến xa, càng phải khiêm nhường sâu thẳm.

Thiên Chúa có thể ban ơn được biến đổi cho bất cứ ai Ngài

muốn, miễn là họ thành tâm thiện chí. Xin đan cử kinh nghiệm Đức Khổng Tử (551-479 tcn).

Kinh nghiệm Đức Khổng Tử

Vị vạn thế sư biểu đã gặp gỡ Thiên Chúa Tuyệt Đối bên ngoài khuôn khổ mặc khải Kinh thánh của Do Thái giáo và Kitô giáo. Ông đối diện với Thiên Chúa theo cách của ông, qua lương tâm của ông. *Ngô nhật tam tỉnh ngô thân*, mỗi ngày ông tự vấn lương tâm, tức là đối diện với Thiên Chúa, ba lần. Ông kể lại những bước tiến của mình như sau: “Ta mười lăm tuổi đã để chí vào việc học; ba mươi, đã vững; bốn mươi, chẳng còn nghi hoặc; năm mươi, biết mệnh Trời; sáu mươi, vâng theo mệnh Trời; bảy mươi, tâm ta có muốn điều gì cũng chẳng hề sai phép” (Ngô thập hựu ngũ, nhi chí vu học; tam thập nhi lập; tứ thập nhi bất hoặc; ngũ thập nhi tri Thiên mệnh; lục thập nhi nhĩ thuận; thất thập nhi tông tâm, sở dục bất du cử)¹.

70: tông tâm/ hòa nhịp với trời

60: vâng mệnh trời

50: biết mệnh trời

40: chẳng còn nghi hoặc

30: có lập trường

15: học

Ở một chừng mực nào đó, ta có thể lập bảng đối chiếu tương ứng hai lộ trình của Đức Khổng Tử và Thánh nữ Têrêxa như sau:

¹ *Luận Ngữ*, Quyển I, II, 4, Nguyễn Văn Dương dịch, trong “Đại Cương Triết Học Sử Trung Quốc” của Phùng Hữu Lan, nxb Thanh Niên, 1998, tr. 62).

	7 – Hiệp nhất trong tình yêu
	6 – Đem tâm linh
70: tông tâm/ hòa nhịp với trời	5 – Hiệp nhất một lòng một ý với Chúa
60: vâng mệnh trời 50: biết mệnh trời	4 – Vui nhận ý Chúa trong hiện tại
40: chẳng còn nghi hoặc	3 – Ra khỏi mình
30: có lập trường	2 – Thắng tội nhẹ
15: học	1 – Thắng tội trọng

Trong bảng so sánh, khoảng trống ở hai ô trên cùng phía Đức Khổng Tử cho thấy sự khác biệt nơi cảm nhận của hai bên về Thiên Chúa. Đức Khổng Tử chưa nhận được mặc khải Kinh thánh. Với kinh nghiệm chia sẻ trên đây, ông chỉ mới trực giác thấy một Thiên Chúa có ngôi vị đang điều hành vũ trụ. Do đó sự hiệp nhất ông vươn tới với Ngài là hiệp nhất trong một lòng muốn chứ chưa là hiệp nhất trong tình yêu.

Cửa vào lâu đài nội tâm là cầu nguyện

Tựa đề quyển sách dạy đường tâm linh của Thánh nữ Têrêxa Avila dịch chính xác là *Những cư xá* hay *Những chỗ ở*. Nó gợi ý rằng linh hồn mỗi người chúng ta tựa một tòa lâu đài nhiều phòng ở, tiến dần theo hình xoắn ốc từ ngoài vào trong, có Thiên Chúa ngự tại tâm điểm. Ta càng tiến sâu vào linh hồn mình càng được gần Thiên Chúa. Những mức độ gần gũi cứ tăng dần cho tới lúc và tới chỗ được hoàn toàn nên một với Thiên Chúa trong tình yêu.

Ôn được biến đổi bắt đầu với sự ở lại trong Chúa, sống sự hiện diện của Ngài, lắng nghe Lời Ngài và để cho Lời Ngài biến đổi: “Nếu

các con ở lại trong lời Ta, các con sẽ biết sự thật và sự thật sẽ cho các con được tự do” (Ga 8, 32).

Để đạt tới mục đích là hiệp nhất với Thiên Chúa, ta loại trừ mọi điều xấu và vận dụng mọi điều tốt lành để đến với Thiên Chúa. Bao lâu một điều tốt lành còn giúp ta gần gũi Thiên Chúa, ta còn tiếp nhận nó; một khi nó cản trở, cho dù nó có vẻ tốt lành tới đâu, ta cần biết loại trừ không thương tiếc ...

Ngỏ lời mời tham quan tòa lâu đài, tác giả mở đầu bằng việc giới thiệu cửa vào. Cửa vào ấy là sự cầu nguyện, chính xác hơn phải nói là tâm nguyện. Được hỏi tâm nguyện là gì, bà nói: *“Tâm nguyện không gì khác hơn là một cuộc trao đổi thân tình và là cuộc đàm đạo thường xuyên một mình mình với Đấng mà ta biết là rất yêu thương ta”* (Đời tôi 8, 5).

Để có thể đàm đạo với Thiên Chúa, ta cần làm chủ các giác quan và trí tưởng tượng, chấm dứt sự đối thoại với các thụ tạo quanh ta cũng như sự độc thoại tự nói với mình và tiến vào thình lặng. *“Này Ta sẽ quyến rũ nó, đưa nó vào sa mạc, để cùng nó thổ lộ tâm tình”* (Hôsê 2,16).

Hàn Mạc Tử gọi sự làm chủ trí tưởng tượng để duy trì thình lặng là sự *đứng lặng cảnh trong mơ*:

*Vì chưng tất cả vẻ ngây thơ
Quyến rũ mê hồn của gái tơ
Chỉ lộ nên tình trong sạch được
Là nhờ đứng lặng cảnh trong mơ.*
(Nước mây).

Theo nhà thơ Hồ Dzếnh, sự thình lặng thiêng liêng là một thình lặng ngập tràn sự hiện diện của Thiên Chúa và ta phải tự lia gươm đến rướm máu mới có được:

*Hồi im lặng thiêng liêng, ngập tràn, ứa vữa!
Ta lia gươm rạch ứa máu ngàn không
Để muôn đời không có nữa mệnh mông
Vấn ngăn cách Hồn Yêu cùng Đạo Lý
(Thể chất)*

Hàn Mạc Tử không xa lạ với cửa vào lâu đài nội tâm. Anh là một người thường xuyên cầu nguyện và biết rằng, để nghe được tiếng Thiên Chúa, cần phải thính lặng:

*Ai hãy làm thính chó nói nhiều
Để nghe dưới đáy nước hồ reo
Để nghe tơ liễu run trong gió
Và để xem trời giải nghĩa yêu
(Đà Lạt trăng mờ)*

Khi làm thơ đời, mỗi người có một cách tìm cảm hứng; còn khi làm thơ đạo, kinh nghiệm không thể thiếu là thính lặng: Thính lặng với ngoại cảnh và với chính mình. Càng thính lặng, ta càng nghe được Thơ của muôn thơ tình tự.

Kinh nghiệm hoàn thiện luân lý

Là thụ tạo thấp hèn và bị ô nhiễm, ta cần được thanh tẩy triệt để mới có thể hiệp nhất với Thiên Chúa chí thánh. Lộ trình tiến vào tận tâm điểm, cũng có thể nói là tiến lên tột đỉnh là sự hiệp nhất với Thiên Chúa trong tình yêu, có sáu chặng đường thanh tẩy. Ba chặng đầu là nỗ lực thanh tẩy chủ động của người trong cuộc. Ở chặng thứ nhất, họ khẳng định giá trị tuyệt đối của viên ngọc Nước Trời và sẵn lòng trả bất cứ giá nào, bắt đầu bằng việc làm chủ giác quan, hy sinh và từ bỏ bên ngoài.

Chặng thứ hai: làm chủ trí tưởng tượng và tự thắng mình nơi những điều rất nhỏ trong cuộc sống hằng ngày. Bắt đầu từ các giác

quan: nhìn một câu nói, một cái nhìn, một điều thuốc, một cốc bia... Rồi làm chủ nhịp cầu giữa giác quan và tâm linh là trí tưởng tượng. Tiếp đến là lãnh vực bên trong: từ bỏ những quan niệm, những dự phóng, những chọn lựa lệch lạc.

Chặng thứ ba: thay đổi não trạng thế tục bằng nhân quan Tin mừng; buông bỏ kế hoạch riêng để chiều theo điều Thiên Chúa đòi hỏi. Không cần cố gắng nhiều, chỉ cần vui nhận những điều trái ý do ngoại cảnh đem lại: nắng mưa thất thường, bị lỡ hẹn, tai ương, hoạn nạn, ốm đau... Không những đón nhận cách vui vẻ mà còn cả với lòng biết ơn vì hiểu rằng Thiên Chúa là Cha nhân ái đang dùng những trở ngại trên đường để uốn nắn gọt giũa ta. Ta gọi đây là sự thanh tẩy thụ động = vui lòng để cho Thiên Chúa thanh tẩy.

Cuộc thanh tẩy thụ động không phải lúc này mới khởi sự nhưng đã có ngay từ đầu, khi Thiên Chúa gọi lên trong lòng mỗi người nỗi khao khát hiệp nhất với Ngài và thúc đẩy họ làm chủ cả giác quan lẫn trí tưởng tượng và thay đổi não trạng. Từng bước, cuộc thanh tẩy thụ động sẽ dần dần giành vai trò chủ chốt để đẩy lên một cấp độ mới.

Từ hoàn thiện luân lý lên đến gặp gỡ Thiên Chúa

Kinh nghiệm Đức Khổng Tử cho thấy cả những người chưa nhận biết Chúa rõ ràng cũng có thể lơ mờ nghiệm ra có một Đấng Tạo Hóa và bản thân mình là một thụ tạo chưa hoàn thành của Ngài. Kinh nghiệm được biến đổi đúng nghĩa là sự gặp gỡ Thiên Chúa Tuyệt Đối và là Đấng Tạo Hóa. Có một cuộc biến đổi quan trọng giữa kinh nghiệm 40 và kinh nghiệm 50 (từ bất hoặc đến tri thiên mệnh), theo đồ hình đường vào nội tâm là chặng thứ ba tiến vào chặng thứ bốn. Đây là bước nhảy từ luân lý lên thần bí.

Lắm người theo đuổi con đường tự định lấy đời mình. Lắm

người phó mặc tất cả cho may rủi: “*Cũng liều nhắm mắt đưa chân, Thủ xem Con Tạo xoay vần nơi nao*” (Kiều). Cùng lúc, có những người được ơn nhận biết Thiên Chúa là Cha Toàn Năng và giàu lòng nhân ái, là Đấng đang dựng nên ta. Một khi đã nhận biết Thiên Chúa, ta cần tích cực tìm kiếm ý Ngài và nương theo đó để thực hiện đời mình.

Kinh nghiệm được biến đổi hay cuộc thanh tẩy thụ động là ơn Thiên Chúa ban, cho ta được gặp gỡ Ngài, nhận ra ý Ngài và chuyên chăm thực hiện để được hiệp nhất với Ngài trong yêu thương hạnh phúc.

Từ sự hoàn thiện luân lý tiến lên tình trạng được biến đổi là nhảy lên một cấp độ mới, tiến vào một thế giới mới, với những tương quan mới và những cảm nghiệm hoàn toàn mới mà ở cấp độ cũ người ta không biết đến nên không thể quan niệm được.

Một người không biết vi tính không sao quan niệm được cái nhanh nhạy của internet. Lên cao hơn, lắm người rất sành internet và ĐTDĐ nhưng lại có những lúc thấy cần tắt nguồn cả hai thứ ấy để được đắm chìm trong thình lặng nội tâm mà những người chung quanh không sao hiểu được chỗ thâm diệu của sự thình lặng ấy. Một người luôn ăn thịt cá không hiểu được cái tuyệt vời của việc ăn chay lạt. Một người sống đời hôn nhân hoặc chưa thoát khỏi đòi hỏi xác thịt không thể nào hiểu được niềm hạnh phúc khiết tịnh của người sống độc thân vì Nước Trời. Một người đang bận tâm kiếm tìm tiền bạc (dù rất chính đáng) không sao hiểu được cái tự do của người luôn phó thác trong tay Chúa. Cũng thế, người chỉ biết lý tưởng hoàn thiện về luân lý không sao hiểu được cái mới mẻ và cao vượt của kinh nghiệm được biến đổi.

Có thể nói đó là sự biến đổi cá hóa thành rỗng ở Vũ Môn, điều mỗi người cần tự mình trải nghiệm mới hiểu và càng trải nghiệm càng xác tín.

Tinh táo để không dừng lại và thụt lùi

Trên lộ trình tâm linh, bước nhảy vọt ở giai đoạn thứ ba rất quan trọng, mang tính quyết định, tựa như thách đố vượt Vũ môn trong truyền thuyết cá hóa rồng. “Theo truyền thuyết, ở thượng lưu sông Hoàng Hà bên Trung Quốc, có một mỏm đá như hình cái cửa; khi vua Vũ nhà Hạ trị thủy, đã đục phá mỏm đá này cho rộng thêm ra, nên gọi là Vũ môn [cửa vua Vũ]. Vũ môn có sóng dữ, hàng năm vào tiết tháng ba, cá chép tập trung đến đây thi vượt Vũ môn, con nào vượt qua được thì hoá rồng. Từ đó, cửa Vũ thường được chỉ chốn trường thi và ai thi đỗ được ví như cá vượt qua Vũ môn” (<http://tudien.xalo.vn>).

Gương mẫu của các thí sinh, bậc thầy của muôn thế hệ, là Đức Khổng Tử đã vượt qua Vũ môn. Vì thế, ông luôn luôn có thái độ an nhiên, ung dung tự tại của một hiền nhân ngộ đạo chứ không nhắm gậm vị cay đắng của cuộc đời như nhấp rượu.

Trong thực tế, tám gương và lời dạy của ông đã giúp biết bao môn sinh, cả những người chân lấm tay bùn, đã khao khát hóa rồng và đã tìm đến Vũ môn. Có ước vọng biến thành rồng đã là điều rất đáng khích lệ, tìm tới được Vũ môn để dự thi là đã thành công đáng kể, cho nên nếu tới được Vũ môn rồi mà lại tháo lui thì thật đáng tiếc.

Trên lộ trình tiến vào nội tâm, Vũ môn nằm ở chặng thứ ba. Theo tác giả *Lâu đài nội tâm*, số người tiến vào được tới chặng thứ ba rất nhiều, thế nhưng phần đông bị dừng lại ở đó rồi ít lâu sau bị đẩy ngược ra ngoài, quay lại khởi điểm và lắm khi còn lọt hẳn ra ngoài tòa lâu đài.

Dãy cư xá thứ ba hay mức ở lại thứ ba có nguy cơ là một ngã rẽ đau thương. Vấn đề này được trình bày ở chương II của “Cư xá

thứ ba” trong tác phẩm. Chương này được Kieran Kavanaugh và Carol Lisi tóm tắt như sau¹:

1. (số 1-9). Thánh nữ tiếp tục đánh giá về những người ở dãy cư xá thứ ba. Ngài bảo rằng những người này, đã từng có cuộc sống mực thước và đã thực hành nhân đức nhiều, nhưng lại có thể đau đớn phiền muộn chỉ vì những thử thách nhỏ. Chỉ vì bị mất của cải, vì muốn có thêm của cải, hoặc vì bị tai tiếng là đủ để khiến họ bị hoảng loạn. Thánh nữ nêu rõ rằng những người này rất quân bình, không chỉ trong nếp sống mà cả trong việc hy sinh hãm mình. Họ luôn hành động theo lý trí, tình yêu của họ chưa đạt tới mức thắng vượt lý trí. Thánh nữ kết luận rằng đây là một trong những bước tiến tuyệt vời nhất nếu như người ta biết khiêm nhường. Thiếu khiêm nhường, ta chẳng bao giờ tiến được. Ở đây Chúa không ban nhiều sự vui thỏa thiêng liêng nhưng Ngài ban những ơn an ủi.
2. (số 10-12) Thánh nữ Têrêxa giải thích rằng ơn an ủi và những sự ngọt ngào thiêng liêng (hoan lạc tâm linh) là hai chuyện khác nhau và ngài sẽ bàn kỹ hơn khi trình bày về các cư xá thứ tư. Ngài cũng cần thận nhắc ta phải có thái độ đúng đắn trước các đặc ân. Linh hồn nào được các đặc ân thì điều rất quan trọng là phải khiêm nhường. Họ nên cảm tạ nếu nhận được các đặc ân ấy, mà nếu không nhận được cũng hãy ngợi khen Thiên Chúa đã rộng lòng ban các đặc ân cho những người khác. Thánh nữ nghĩ rằng đối với những nữ tu đã được vào tới bậc này thì điều quan trọng là chuyên chăm vâng phục. Những người không thuộc các dòng tu thì nên cố gắng tìm một ai đó làm cố vấn để không rơi vào chỗ làm theo ý riêng. Ngài bảo thường thì việc chạy theo ý riêng bao giờ cũng có hại. Ngài khuyên nên tìm hỏi ý kiến nơi

¹ Kieran Kavanaugh, ocd, *St. Teresa Of Avila – The Interior Castle – Study Edition*, ICS Publications, Washington DC, 2010, pp 103-106.

những người không bị những chuyện phù phiếm thế gian chi phối. Ngài cũng cảnh báo một khi đã vào tới bậc này thì cần cẩn thận tránh những dịp có thể xúc phạm đến Thiên Chúa, bởi vì sức mạnh của họ chưa có được nền móng vững chắc. Họ vẫn còn mấp mé với những cư xá ngoài cùng.

3. (số 13) Để kết luận, thánh nữ bảo chúng ta nên nhìn thẳng vào những lầm lỗi khiếm khuyết của bản thân và đừng bận tâm tới lầm lỗi của kẻ khác. Ngài khuyên ta sống trong tỉnh lặng và hy vọng, vững tin rằng chính Thiên Chúa sẽ chăm sóc cho những linh hồn có vẻ chưa hoàn thiện bằng chúng ta.

Cái đáng thương của con người, cá nhân cũng như tập thể, là ở chỗ đề cao mình, tập trung tất cả vào mình, luôn coi mình là trung tâm và luôn đòi quyền ưu tiên. Ta đã vào tới dãy cư xá thứ ba và đòi lán trước mọi người để vào những dãy cư xá bên trong, gần với Đức Vua, nhưng vì không dám ra khỏi mình, ta bị mắc kẹt ở đó. Để cứu ta khỏi chủ quan lệch lạc và giúp ta ra khỏi mình, Thiên Chúa gởi đến cho ta những điều bất ngờ và trái ý. Thế nhưng, mãi bám lấy lý trí thay vì dẫn thân theo đức tin, ta không chấp nhận thử thách. Người ngoài cuộc thấy rõ cái dở của ta, tìm cách ủi an và gợi ý, nhưng ta đã từng là nhà mô phạm, ta tự cho mình đã nắm chân lý, chẳng còn nghe ai. Thế là ta rơi vào trầm uất. Tệ hơn nữa, ta có thể bị lọt ra ngoài. Do tự cho mình đã “hoàn thiện”, đã vượt trên chuyện thị phi, ta có nguy cơ tự tha thứ, tự định lấy tốt xấu, tự dành biệt lệ cho mình và vì thế ta bị đánh gục lúc nào không hay. Ta nguy biền để tìm thỏa mãn những nhu cầu hạ đẳng, tin vào tiền của hơn là ơn Chúa rồi vì tham sân si mà thiếu thẳng thắn về tiền bạc cũng như về nhận định. Nhìn lại mới thấy ma quỷ đã kiên nhẫn đi đường vòng. Do không cảm dỗ được ta làm điều xấu, nó dẫn dụ ta chạy theo những điều tốt chủ quan lệch lạc, bề ngoài có vẻ hết sức

tốt nhưng chỉ là ý riêng, đưa ta tới chỗ tự khẳng định mình và gạt Thiên Chúa sang một bên.

Theo phần 1 của bản tóm tắt dãy cư xá thứ ba trên đây, Thiên Chúa trách nghiệm những người đã đạt giai đoạn ba (đã có cuộc sống mục thước và đã thực hành nhân đức nhiều) bằng chút thử thách về *của cải và lời khen* tiếng chê, xem họ còn *ham danh và ham lợi* không. Hơn bao giờ hết, giữa thời buổi văn minh tiêu thụ hiện nay, đây là thước đo cụ thể và hết sức hữu hiệu giúp ta tự lượng giá và lượng giá người khác, từ chính trị gia, văn nhân nghệ sĩ cho đến thầy thuốc, nhà giáo và thầy tu. Trên cơ sở “trách mình trước, trách người sau”, mỗi chúng ta đều phải đề cao cảnh giác về hai điểm ấy, bởi lẽ chúng có thể đội lốt những danh nghĩa cao cả nhất để ta dễ an lòng thỏa hiệp. Nếu Chúa Giêsu không vạch mặt chỉ tên, ai dám bảo những người Phariseu mẫu mực thời Ngài là những kẻ đạo đức giả, ham danh và ham lợi? Thời nay cũng thế, cả trong đạo lẫn ngoài đời, những người Phariseu ấy vẫn nhan nhản và nhờn nhờn. Mà biết đâu trong đó có cả bạn và tôi! Soi mói cái rác trong mắt người bao giờ cũng dễ hơn là nhận ra cái xà nhà trong mắt mình (x. Mt 7, 3). Bởi thế, “để kết luận, Thánh nữ bảo ta nên nhìn thẳng vào những lầm lỗi khiếm khuyết của bản thân và đừng bận tâm tới lầm lỗi của kẻ khác” (đoạn cuối bản tóm tắt). Thật khó, nhưng có thể ta mới được tự do (x. Ga 8, 32) và mới được ơn khiêm nhường, vì cũng theo Thánh nữ Têrêxa Avila, “khiêm nhường là bước đi trong sự thật”. Chính sự khiêm nhường là căn bản vững chắc nhất giúp ta đứng vững trước cạm bẫy của văn minh tiêu thụ.

Bí mật của Vũ Môn

Bí mật ở Vũ môn là con cá phải chết đi, phải lột xác, con rồng mới có thể hình thành. Đức Khổng Tử đã lặng lẽ đi qua một cái chết

giữa đời thường, đã được ơn thanh tẩy thụ động của vòng thứ ba. Một đàng, ông được các vua quan tôn trọng nhưng đàng khác, những đề xuất của ông chỉ được họ đón nhận nửa vời. Quả là một thất bại tinh tế mà hết sức sâu xa và não lòng. Thế nhưng ông đã vui lòng đón nhận thực tế ấy như mệnh Trời. Chính khi ông vui nhận để cho thiên mệnh phá vỡ kế hoạch của riêng ông thì kế hoạch Trời dành cho bản thân ông đã thành tựu. Dù chưa hề nhận biết Chúa Kitô, ông vẫn đáng được các Kitô hữu mến yêu và học đời như một đại thánh. Không phải ông đã tìm thấy kho tàng rồi tự nguyện bán hết cơ nghiệp để mua thửa ruộng có kho tàng ấy (x. Mt 13, 44) nhưng ông bị ai đó giật mất mẩu bánh thừa trên tay rồi thay vào đó bằng khối ngọc (x. Mt 13, 45-46), chỉ vì khi bị giật mất ông bằng lòng chứ không hề than trách. Khi nhìn sững khối ngọc trên tay là chính sự sống mới của mình, hẳn ông đã tự nhủ: “Được lời lãi cả thế gian mà hỏng mất chính mình, nào ích lợi gì?” (Mt 16,26)

Đức Khổng Tử đã đi qua cái chết lặng lẽ nhiều năm trước khi nhắm mắt xuôi tay. Có thể ông cũng biết đó là chìa khóa của Vũ môn nhưng không vội nói tới cái chết để môn sinh không rời khỏi Vũ môn. Ông muốn họ yên ổn ở lại đó, “an phận thủ thường”, và rồi đến một lúc bất ngờ, nhờ cái chết, họ sẽ được ai đó ẵm qua Vũ môn, không cần nhảy. Như thế, nếu cứ ẩn nhẫn ở cửa Vũ môn, chết rồi ta sẽ hóa rồng.

Trên quan điểm hữu thể học, mọi con sâu đều đẹp, tuy nhiên đó chỉ là cái đẹp của con sâu. Cái mệnh của con sâu là phải chết đi để thành con bướm thanh cao và xinh đẹp hơn bội phần. Con sâu đẹp nhất trong thế giới loài sâu, dù có đẹp tới đâu cũng không cao quý bằng cánh bướm nhỏ nhất và giản dị nhất đang tự do tung tăng trong không trung và nắng gió. Tương tự, những nỗ lực nhân loại và những cái chủ quan của ta dù hay đẹp tới đâu vẫn chỉ như loài sâu, cần phải để cho Thiên Chúa lột xác thành loài bướm mới thật tuyệt vời.

Điều vô cùng khó cho ta là nhận ra được sự chủ quan của mình. Tự sức riêng, ta có ra khỏi mình tới đâu thì vẫn còn kẹt nơi mình. Chỉ Thiên Chúa mới có thể lôi ta ra khỏi ta. Hãy giao con sâu nô lệ của ta vào tay Ngài và Ngài sẽ đổi cho ta con bướm tự do. Muốn vậy, hãy tập trung tất cả vào Thiên Chúa, hướng về Ngài với trọn niềm tin, cậy và yêu mến.

Giai đoạn ba đã là một thành tựu, là phòng đợi vào thi chung khảo, chỉ cần kiên trì đến cùng là thi đậu (x. Mt 10,22; 24,13), vì đây là cuộc thi mà vị chánh chủ khảo vừa ra đề thi vừa tự giải đề thi giúp thí sinh, hoặc qua đêm tâm linh ở đời này hoặc qua ngưỡng cửa đêm sâu của sự chết. Sự kiên trì cần thiết ở đây là kiên trì lột bỏ con người cũ để sẵn sàng đón nhận con người mới. Kiên trì như người đầy tớ thức đợi chủ về, như phù dâu đợi cung nghinh chàng rể, đôi khi có thể chợp mắt vì mệt mỏi nhưng lòng phải tỉnh thức (x. Dc 5, 2). Mối nguy ở đây là sự chệnh mảng, chủ quan, tự hào (x. Mt 24, 48-51) khiến cho con người cũ dần dần lấy lại sức, lên ra bên ngoài, tự chích ngừa chống lại chất men của con người mới và tái bố trí để không bị khuất phục nữa (x. Mt 12,43-45).

Nước Thiên Chúa ở giữa chúng ta

Thiền học và kinh nghiệm tâm linh Kitô giáo gặp nhau ở chỗ *sống giây phút hiện tại*. Tuy nhiên ngay ở giây phút hiện tại ấy, thái độ mỗi bên một khác. Người tham thiền tự thấp sáng hiện hữu, chỉ cốt sống sự giác ngộ, giữ bỏ hết tham sân si, mọi âu lo và mọi dự phóng để cho mình được hoàn toàn tự do và thanh thản. Họ chỉ cốt sống thật ý thức chứ không bận tâm gì tới sự kiện có Thiên Chúa Tạo Hóa hay không và Tạo Hóa ấy đang muốn họ làm gì. Người Kitô hữu không chỉ nhằm cho mình được *tự do khỏi* những trói buộc mà còn là được *tự do để* có thể làm tròn ý định của Thiên Chúa Tạo

Hóa. Họ lấp đầy hiện tại bằng sự lắng nghe và đáp lại ý muốn của Thiên Chúa Tạo Hóa, như Đức Kitô: “Lạy Thiên Chúa, này con đây, con đến để thực thi ý Ngài” (Thư Do Thái 10,6).

Trong cùng một kinh nghiệm hít sâu thở chậm, tâm thái hai bên khác nhau. Người tập thiền hít vào và niệm: “Tôi thở vô, tôi biết tôi thở vô”, rồi thở chậm và niệm: “Tôi thở ra, tôi biết tôi thở ra”. Còn người Kitô hữu khi hít vào thì niệm: “Chúa đang cho con tất cả”, rồi thở ra thì niệm: “Xin Chúa nhận lấy con đây”. Chính sự lắng nghe và quảng đại đáp lại mở cửa cho ta vào tham dự bữa tiệc Nước Trời. Bữa tiệc luôn có sẵn và luôn chào đón ta, miễn là ta không để mình hụt lỗ vì mãi lo chuyện tậu ruộng, mua bò hay cưới vợ (x. Lc 14,18-20). Sống giây phút hiện tại tức là dám quảng đại buông bỏ những điều rất nhỏ mà Chúa đang đòi hỏi, từ trong ý nghĩ, lời nói đến việc làm.

2.400 năm sau Đức Khổng Tử, một thiếu nữ hoàn tất cuộc đời lúc 24 tuổi (Thánh nữ Têrêxa Hải Đồng Giêsu) đã không ngần ngại mách cho cuộc đời biết chiếc chìa khóa đơn giản để vượt Vũ môn: một cái chết hằng ngày. Nghĩa là, Chúa Giêsu Kitô đã cứu chuộc nhân loại bằng cuộc Vượt Qua mới, tức là cái chết và sự sống lại của Ngài, và cho người Kitô hữu được nên giống Ngài không chỉ nơi cái chết cuối đời mà còn cả nơi những cuộc vượt qua nho nhỏ giữa đời thường, tức là chết đi từng chút về lời khen, về lợi lộc và ý riêng, vui nhận mọi bất ngờ và trái ý hằng ngày. Nếu đảm nhận được cái chết hằng ngày, ta sẽ có cơ may của Hàn Mạc Tử, hưởng được *Xuân như ý* ngay trên cõi đời này.

Chết hằng ngày, tức là sẵn lòng để cho Thiên Chúa tước lột từng chút một trong hiện tại. Ngày lại ngày, con sâu chuyển mình và một lúc nào đó sẽ hoàn toàn trút bỏ được hình hài cũ để trở thành con bướm. Giữa vô vàn cuộc thi rất nhỏ của đời thường, bất chợt một đáp án đúng nào đó (có thể là một lần tha thứ, một lần từ

bỏ ý riêng) đã thành giọt nước đầy ly, khiến người ta được hóa rồng ngay bên này cửa Vũ môn. Kinh nghiệm được biến đổi không phải là một kiến thức nhận được từ sách vở nhưng là một sự sống, một trải nghiệm đạt được nhờ sự từ bỏ. Cái chết hằng ngày giúp hoàn tất giai đoạn ba và dọn đường cho giai đoạn sáu. Thiên Chúa không chỉ muốn sâu thành bướm mà còn muốn nó thành cánh bướm xinh bậc nhất. Những thử thách ở giai đoạn sáu càng nặng nề dồn dập càng giúp cánh bướm thêm xinh, viên ngọc thêm chói sáng và vinh quang trong cõi đời thêm rực rỡ.

Giai đoạn sáu

Giai đoạn sáu là ơn Thiên Chúa dành cho những người được Ngài chọn riêng và cả những người có lòng khao khát muốn được¹. Thánh I Nhã Lôyôla, vị sáng lập Dòng Tên, dạy những người tinh tâm linh thao xây dựng lòng khao khát này bằng bài thực tập mang tên *Ba bậc khiêm nhường*, có thể nói là *ba mức độ quảng đại* với Thiên Chúa:

Mức độ 1: Giữa điều xấu và điều tốt, luôn chọn điều tốt, dứt khoát không nhượng bộ điều xấu. Tôi quyết phục vụ Thiên Chúa như một tôi tớ trung tín, sẵn sàng tuân giữ mọi lề luật của Chúa: thà mất hết còn hơn phạm một tội trọng. Dù được cả thế gian này mà phải xa mục đích đời sống, tôi cũng không màng.

¹ Đức Khổng Tử đã có một cái nhìn nào đó về Thiên Chúa. Ông đón nhận mệnh Trời cách bình an (ở tuổi 50 và 60) và đã đạt tới chỗ đồng cảm với ý Trời (tuổi 70). Tuy nhiên, khi viết lời trên đây có thể Đức Khổng Tử chưa biết đến kinh nghiệm đau thương tằm tối trước khi được hiệp nhất với Thiên Chúa trong yêu thương hạnh phúc. Cũng có thể rằng ông đã được ơn ấy nhưng vì sợ làm rối lòng người nghe, chưa đủ sức hiểu nổi, nên ông không nói ra. Khi lập ngôn, ông cân nhắc từng chữ, phần không nói mệnh mông gập bội phần nói ra, ta khó đoán được.

Mức độ 2: Giữa hai điều tốt, luôn chọn điều đẹp lòng Thiên Chúa hơn. Tôi thà mất hết mọi sự, kể cả mạng sống, còn hơn phạm một tội nhẹ mất lòng Chúa. Chẳng những tôi không chấp nhận xa Chúa mà còn quyết tâm cắt đứt mọi dây mơ rễ má ràng buộc tôi với những gì khác với Thiên Chúa. Trong bậc này, tôi hoàn toàn bình tâm trước mọi sự: không tha thiết được giàu sang hơn nghèo hèn, danh dự hơn nhục nhã, ước ao đời sống lâu dài hơn ngắn ngủi.

Mức độ 3: Giả sử nếu hai trường hợp trái ngược vẫn tôn vinh danh Chúa như nhau, ý Chúa ngang nhau cả đôi đàng, tôi quyết chọn phía khiến tôi được nên giống với Chúa Giêsu hơn cả. Tức là, tôi hạ mình nên giống Chúa trong những gì người đời thường khinh chê ghét bỏ, để nên giống Chúa và chia sẻ với Chúa, vì Chúa đã sống nghèo, chịu đau khổ, sỉ nhục và bất công...

Cụ thể, trong đời sống, khi đôi đàng đều giúp tôn vinh Thiên Chúa như nhau, tôi ưu tiên chọn những điều giúp tôi nên giống Chúa Giêsu hơn: nghèo, cô đơn, bị hiểu lầm, không được thông cảm, bị bỏ rơi... Đây là thái độ của một người yêu, yêu đến điên cuồng, tất cả chỉ vì yêu. Người ngoài nhìn vào không sao hiểu được, nhưng con tim có những lý lẽ của nó. Vì Chúa Giêsu đã yêu tôi cách điên cuồng không hiểu được, tôi cũng muốn đáp lại như thế.

Mỗi lần tĩnh tâm linh thao từ 5 ngày trở lên, đề tài này luôn được nhấn mạnh. Lúc đầu bản thân tôi thấy rất khó, vì lời cầu xin này hoàn toàn ngược với xu hướng tự nhiên của tôi. Thế nhưng khi đã chọn chỗ rốt hết với Chúa, tôi được bình an sâu thẳm, vì không còn gì để sợ bị mất mát nữa.

Các vị thánh Dòng Cát Minh Têrêxa và nhiều vị thánh khác mở lòng ra với ơn thanh luyện của giai đoạn sáu bằng sự chìm sâu trong chiêm ngắm nỗi cô đơn hấp hối của Chúa trong vườn

Ghetsêmani, cuộc khổ nạn, tâm trạng bị bỏ rơi và cái chết của Chúa trên thập giá. Họ khao khát chia sẻ đau thương với Chúa. Họ tình nguyện an ủi Chúa bằng sự hy sinh và từ bỏ triệt để.

Kết:

Cũng như cuộc thương khó của Chúa Giêsu Kitô, đau khổ của Hàn Mạc Tử, nhà thơ tài hoa trẻ tuổi, được nhắc đi nhắc lại không phải để khơi sâu lòng trắc ẩn nhưng để gọi lên niềm hy vọng mãnh liệt của hạt giống mọc nát đang chờ đơm hoa kết trái, của một đêm dài đã qua khỏi lúc nửa khuya để hướng về hừng đông.

Nhìn ở góc độ thâm sâu – Hàn Mạc Tử, từ nghệ thuật đến tâm linh – ta có một kinh nghiệm không dành riêng cho văn nghệ sĩ cũng không dành riêng cho người Công giáo. Nó là một kinh nghiệm ích lợi và cần thiết chung cho mọi người trên trái đất, bởi lẽ đau khổ là chuyện chung của mọi người, chẳng đờn đau thể chất cũng sầu muộn tinh thần, và mỗi ngày ai trong chúng ta cũng gặp hàng trăm điều bất ngờ trái ý, tạo điều kiện cho ta thành hạt giống mọc nát đi để sinh nhiều hạt mới (x. Ga 12, 24).

Đó là một hành trình tâm linh, không làm bằng nghiên cứu học hỏi nhưng bằng sự đón nhận tác động biến đổi của ơn Chúa. Đã hẳn sự biến đổi không phải để thành nhà thơ nhưng để khám phá ra điều Thiên Chúa đang muốn dọn sẵn cho ta, đáp lại lời Ngài mời gọi và trở nên tuyệt vời như Ngài đã ước mơ cho ta ngay tự phút đầu.

Như lời Đức Giáo Hoàng Biển Đức 16: “Ở đâu có Thiên Chúa, ở đó có hy vọng”. Kinh nghiệm được biến đổi Kitô giáo là kinh nghiệm về hy vọng.

HÀN MẠC TỬ - TỪ NGHỆ THUẬT ĐẾN TÂM LINH

Lm TRĂNG THẬP TỰ

Nếu hát là cầu nguyện hai lần thì thơ đạo cũng thế. Như Hoài Thanh có viết, “Với Hàn Mặc Tử, thơ có một sự quan hệ phi thường. Thơ chẳng những để ca tụng Thượng Đế mà cũng để nối người ta với Thượng Đế, để ban ơn phước cho cả thiên hạ”. Với hai tiếng Thượng Đế, Hoài Thanh muốn nói Thiên Chúa Tạo Hóa mà theo ngôn ngữ Công giáo đương thời, Hàn Mặc Tử gọi là Đức Chúa Trời. Như thế, thơ đạo của Hàn Mặc Tử là gạch nối giữa anh cũng như giữa độc giả với Đức Chúa Trời. Hàn Mặc Tử có được những bài thơ đạo như thế chính là nhờ anh đã có một kinh nghiệm tâm linh chính xác và sâu đậm. Thơ đạo của anh là hoa quả của tương quan giữa anh và Thiên Chúa.

Biên thù huyền học giữa tâm linh và nghệ thuật

Về tương quan giữa thi ca với huyền học tự nhiên cũng như huyền học Kitô giáo, Giáo sư Thế Tâm Nguyễn Khắc Dương chia sẻ như sau:

Trong giáo trình về duy thức luận, tôi cũng đi từ tri giác lên tri thức thần hiệp. Khởi sự là tri giác rồi đến tri thức khoa học thực nghiệm, tới trực giác của nhà nghệ sĩ, thần bí tự nhiên ngoài giáo (Hy Lạp, Ấn Độ), cho tới thần bí Kitô giáo.

Đây không đặt vấn đề hơn thua cao thấp, nhưng nếu hỏi ai là người am hiểu được bản chất của vũ trụ hơn, thì theo tôi, cao nhất là các nhà thần hiệp Kitô giáo, rồi đến các nhà thần hiệp ngoài Kitô giáo, tiếp đến là các nghệ sĩ, rồi mới đến các triết gia, các nhà khoa học và thấp nhất là tri giác.

Tâm hồn các bậc thi hào, khi thốt lên tiếng tơ lòng của họ trước cái đẹp, đều nói lên được phần nào bản chất của nhân sinh cũng như của vũ trụ. Họ mon men tới biên thùy của cái biết tự nhiên và cái biết huyền học giữa con người với vũ trụ, với tha nhân, với nhân loại.

Khi được mời tham gia thực hiện cuốn phim đời mình, nhạc sĩ Văn Cao đã xin một cảnh quỳ dưới chân thập giá nhưng người ta không chấp thuận. Cụ bảo: “Nếu tôi không hiểu alleluia nghĩa là gì, thì đã không có bài *Làng Tôi*”¹, nói cách khác, nhạc của cụ chịu ảnh hưởng âm nhạc và đức tin Công giáo.

Trong ca từ của Trịnh Công Sơn, nhan nhản những hình ảnh rõ là mấp mé biên thùy huyền học. Huy Cận cũng thế. Huống hồ những người như Tagore.

Ngược lại, một cách rất tự nhiên, nhà huyền học (Kitô giáo hoặc ngoài Kitô giáo) luôn có nét của tâm hồn thi sĩ. Như với thánh Phanxicô thì trong cả vũ trụ, hình như nhìn bất cứ vật gì ngài cũng đều thấy thấp thoáng bóng dáng Chúa Giêsu. Ví dụ thấy tảng đá thì ngài nghĩ đến Tảng Đá Góc Tường, thấy con sâu bị chà đạp thì ngài nghĩ đến Chúa Giêsu, được mô tả qua hình ảnh người tôi trung trong Isaia như một con sâu hèn mọn. Theo Giáo sư Cao Xuân Hạo, đoạn Tin Mừng về Chúa Giêsu và người phụ nữ ngoại tình (x. Ga 8, 1-11) là một đỉnh cao không những về đạo lý Kitô giáo mà cả về cấu trúc văn chương và nghệ thuật.

Đạo Đức Kinh cũng vừa là một bài thơ vừa đầy tính huyền học. Bát phúc (x. Mt 5, 3-11) cũng thế. Sách Isaia và một số sách tiên tri khác trong Cựu Ước đều đầy những bài thơ mang tầm vóc nghệ thuật. Đó là chưa nói tới Thánh vịnh hay Diễm ca...

¹ Xem bài *Một giờ với nhạc sĩ Văn Cao* của Trăng Thập Tự trong báo *Hát Lên Mừng Chúa*, số 1, tháng 8-1995, trang 41-45.

Nhà thần học Von Ur Balthasar có xu hướng lấy cái đẹp (Mỹ) làm dấu chỉ của Thiên Chúa hơn là cái thật và cái tốt (Chân và Thiện), nhất là nơi Kitô giáo. Về một Thiên Chúa dưới góc nhìn Chân và Thiện, có lẽ các tôn giáo khác và các nền minh triết khác đều đã nhìn thấy. Chỉ riêng Kitô giáo mới đào sâu Thiên Chúa là Tình yêu (x. 1Ga 4,8.16) và là Vẻ Đẹp. Tình yêu gắn liền với cái đẹp. Cả tình yêu lẫn cái đẹp (duyên dáng) đều mang tính cho không, vô vụ lợi.

Tóm lại, tâm hồn nghệ sĩ mon men tới thần bí, và tâm hồn thần bí mon men tới biên giới của nghệ thuật.¹

Từ thiên nhiên đến Thiên Chúa

Nhiều nhà thơ có một cuộc sống hiệp nhất chan hòa với thiên nhiên vũ trụ. Họ chưa cảm nhận được Thiên Chúa nhưng đã say mê với những bóng dáng của Ngài nơi các thụ tạo muôn hình muôn vẻ. Cụ thể như Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm xưa hay như Trịnh Công Sơn gần đây. Nếu Trịnh Công Sơn được ơn cảm nhận Thiên Chúa Tuyệt Đối, hẳn chúng ta đã có thêm được những tác phẩm có nội dung như Rabidranath Tagore. Nhà thơ Ấn này trực giác thấy Thiên Chúa Tuyệt Đối Chí Thánh như một vị vua nhân ái và vị chủ nhân đời đời đáng kính mến, và thơ ông toát ra sự hiệp nhất ở mức độ ấy.

Phần Hàn Mạc Tử, đã được lãnh bí tích thánh tẩy để trở nên con cái Thiên Chúa và ngay từ tấm bé, nhờ học giáo lý Kinh thánh, đã nhận biết Thiên Chúa đầy yêu thương là Thiên Chúa duy nhất trong ba ngôi vị phân biệt là Cha, Con và Thánh Thần. Vì thế, khi anh được lôi cuốn vào ơn hiệp nhất với Thiên Chúa, thì ấy không phải là Thiên Chúa của Khổng Tử hay của Tagore nhưng là Thiên

¹ Trích tư liệu gửi tác giả (TTT).

Chúa của Kinh thánh.

Trong bài “Quan niệm thơ”, Hàn Mạc Tử viết: “Người tri kỷ của thi sĩ phải là một bậc cao quý, toàn tài, toàn năng, một Đấng mà thi sĩ nhận lấy như là hết cả mọi sự – Đấng ấy là Đức Chúa Trời. Thi sĩ chỉ có thể trút hết hận tình với Đức Chúa Trời, kể lể hết niềm đau thương với Người, dâng cho Người những bài thơ sáng láng, anh hoa, thể mới là mãn nguyện. Vì Đức Chúa Trời đã tạo ra thơ ở thế gian này, nhưng thi sĩ là người khao khát vô tận, cứ nhất định hưởng cái thơ trên mọi cái thơ khác nữa. Chỉ có Đức Chúa Trời mới làm vừa lòng thi sĩ. Cho nên tất cả thi sĩ ở trong đời phải quy tụ, phải đi khơi mạch thơ ở Đức Chúa Trời” (PCĐ-1, tr. 180).

Trong lời tựa *Xuân như ý*, Hàn Mạc Tử viết:

*“Hãy cầu nguyện bằng trăm kinh mây gió,
Hãy dâng cho một tràng chuỗi trắng sao...”*

Thi nhân sẽ vừa say sưa, vừa điên cuồng, ọc ra từng búng thơ sáng láng, phương phi như một mùa *Xuân như ý*”.

Chiêm niệm và thơ

Khi cầu nguyện thỉnh lặng ta không làm thơ nhưng chỉ cảm nghiệm Thiên Chúa. Chỉ sau khi cầu nguyện rồi, một lúc nào đó cảm hứng mới đến và ta sẽ vận dụng những chất liệu tốt nhất có được để diễn tả cái sâu xa phong phú đã cảm nghiệm.

Ở đây tôi xin được chia sẻ một chút kinh nghiệm. Qua suy niệm cũng như qua chiêm niệm trong tĩnh nguyện hay giữa cuộc sống, nhiều lúc trong “*tâm tư có một điều rất thích, không nói ra vì sợ bớt say sưa*” (*Ra đời*, c. 20). Phản xạ bình thường là thích giữ lấy niềm riêng giữa mình với Chúa (x. *Biển Hồn Ta*, c. 9; *Say Thơ*, c.

69), không thích diễn thành thơ¹ vì ngôn từ thật giới hạn². Cũng có khi muốn viết lên để chia sẻ với mọi người mà không có giờ. Còn nếu như có điều kiện ngồi viết, thì sẽ thế nào? Điều đã cảm nhận sẽ cùng lúc lôi kéo về một hình ảnh trội vượt, phát xuất từ Kinh thánh hoặc cuộc sống, và một câu thơ tâm đắc (có thể sẽ nằm ở giữa hoặc cuối bài, không phải lúc nào cũng là câu đầu), rồi nhiều hình ảnh và ngôn từ phụ họa tuôn ra từ vốn sống sẵn có, có thể là từ điển tích Kinh thánh, kinh nguyện Phụng vụ, từ sinh hoạt Dân Chúa, từ lịch sử Giáo hội và cả từ ca dao, điển tích đời, lịch sử, địa lý, phong tục cho đến những hình ảnh đẹp của các tôn giáo khác hoặc của tín ngưỡng bình dân. Tất cả là những chất liệu ùa đến cho tôi có thể vận dụng để trình bày điều mình cảm nhận. Chọn lựa của tôi sẽ chính xác và trong trẻo hay sẽ mơ hồ hỗn độn là tùy mức độ thanh lặng của cõi lòng. Bận tâm của người linh mục cũng góp phần kiểm duyệt, giúp tôi tránh bớt những gì có thể gây ngộ nhận cho những người đọc đang mở lòng ra với ơn Chúa. Dù là một giáo dân, Hàn Mạc Tử vẫn có ý thức mục vụ. Ý thức ấy sẽ kiểm duyệt thơ anh phần nào nhưng không phải là tất cả, vì anh “đã phát tiết hết tinh lực của hồn, của máu, bằng những câu thơ ngát đi vì khoái lạc” (Quan niệm thơ, PCĐ-1, t. 178). Do đó lắm lúc anh diễn tả rất tự do, dùng đủ mọi thứ để lột được điều anh cảm nhận, và như thế cũng là chấp nhận bị hiểu lầm, mặc cho người đọc đoán mò về điều anh đã cảm nhận thâm sâu.

Với chút kinh nghiệm ấy, tôi cho rằng có lẽ nhiều bài thơ của

¹ Tôi làm thơ? - Nghĩa là tôi yếu đuối quá. Tôi bị cám dỗ. Tôi phản lại tất cả những gì của lòng tôi, máu tôi, hồn tôi đều hết sức giữ bí mật. (Hàn Mạc Tử – Lời tựa của tập *Đau thương*).

² Ý còn ở trong lòng thì rạo rức xoắn xang, khi phô phang lên giấy thì tê dại, ngất ngư, như không có chút gì là rung động nữa. (Hàn Mạc Tử - *Kêu gọi*).

Hàn Mạc Tử chưa được đánh giá đúng lắm. Khi anh đưa thơ cho bạn bè, họ rất thích nhưng “không có lấy được một người hiểu mình” (Quan niệm thơ). Do đó, khi họ hỏi thì anh rất khó diễn giải; anh phải tìm cách này cách kia để giúp họ hiểu được phần nào¹, và vì thế vô tình để lại những chứng từ gây ngộ nhận như trường hợp lời kể của Quách Tấn trong PCĐ-1, t. 95 về hai bài *Cuối Thu* và *Cô liêu*. Xin thử đối chiếu với những cước chú của chúng tôi nơi hai bài này ở phần Tuyển Thơ.

Thiên Chúa chẳng có cách nào khác để diễn tả Ngài là Tình Yêu (x. 1Ga 4,8.16) nên đành dùng tình yêu của cha mẹ trần gian đối với con cái, tình chồng đối với vợ, tình của người tình với người tình, tình của người mục tử với bầy chiên để diễn tả phần nào. Hàn Mạc Tử khi phải diễn tả những thực tại trời cao anh cảm nhận được cũng lúng túng như thế. Anh phải vận dụng đủ thứ. Khi vận dụng cả những hình ảnh và khái niệm Phật giáo để diễn tả đức tin của anh, một cách rất tự do, Hàn Mạc Tử đã có phần đi trước thời đại, đã áp dụng vào thơ anh những điều mà hơn 25 năm sau Công Đồng Vaticanô II mới nêu rõ.

Chất tượng trưng trong thơ

Trong bài “Thế giới nghệ thuật độc đáo của Hàn Mạc Tử”, giáo sư Phan Cự Đệ trình bày thơ tượng trưng như tột đỉnh của thơ Hàn Mạc Tử (PCĐ-2, tt. 315-328). Thế nhưng ông chỉ mới nói theo hướng thơ tượng trưng Pháp thế kỷ XIX. Để hiểu hơn về Thơ Đạo

¹ Không, không, không! Tôi chẳng bán hồn trăng.

Tôi giả đồ chơi, anh tưởng rằng

Tôi nói thiệt, là anh dại quá:

Trăng Vàng Trăng Ngọc bán sao đang.

(Trăng Vàng Trăng Ngọc, 5-8).

của Hàn Mạc Tử, ta còn phải biết đến một hướng tượng trưng xa xưa hơn của Thánh Gioan Thánh Giá thế kỷ XVI và của sách *Diễm ca* cũng như các *Thánh vịnh* trong Cựu Ước (thế kỷ II trước công nguyên) – xin đọc bài “*Dẫn vào các bài thơ của Thánh Gioan Thánh Giá*” của Lucien Marie de Saint Joseph¹ và bản dịch sách *Diễm Ca*. Trong thơ Thánh Gioan Thánh Giá, sách *Diễm Ca* hay các *Thánh vịnh*, ta thấy nhiều yếu tố thiên nhiên mang tính tượng trưng, chẳng hạn trong các *Thánh vịnh*, người tín hữu gọi Thiên Chúa là núi đá, là dòng suối, là người mục tử, vv...

Ở đâu đó trong Tứ Thư Ngũ Kinh có nói: “đối với trời thì đàn ông là âm mà đối với đất thì đàn bà là dương”. Nhận Thánh Phanxicô Assisi làm bản mạng, Hàn Mạc Tử không thể nào không biết đến bài ca các thụ tạo Thiên Chúa của thánh nhân, trong đó muôn loài muôn vật đều là anh chị em của loài người, kể cả “*em trăng buông ánh trăng thề, những em sao ngổ lập lòe đóm bay*” (bản dịch TTT). Trong thơ thì các tầng lớp ý nghĩa còn chòng chéo lên nhau, khi thì trăng là một yếu tố cảm dỗ (*trăng nằm sóng soài trên cành liễu*), khi thì trăng sao là thụ tạo cho ta chiêm ngưỡng phép tắc của Đấng Chí Tôn (*hãy dâng cho một tràng chuỗi trắng sao*), khi thì trăng là thụ tạo đang thờ phượng Đấng Tạo Hóa (*bống đêm nay trước cửa bóng trăng qui - sắp mặt xuống uốn mình theo dáng liễu*), khi thì trăng sao là hiện thân của Tuyệt Đối (*chỉ có trăng sao là bất diệt, cái gì khác nữa thấy qua đi*). Trăng còn là Đức Kitô chết trên thập giá mà người tín hữu cảm thương:

“Thình linh vùng mộng của chúng tôi bớt vẻ sáng lạ. Chị tôi liền chỉ tay về phía bên đờ thôn Chùa Mo và bảo tôi rằng: “Thôi

¹ Thánh Gioan Thánh Giá, *Khúc linh ca*. Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2003, tr. 408-456. Trích đoạn liên quan có in trong tập này: *Chất tượng trưng trong thơ Thánh Gioan Thánh Giá*.

rồi! Trí ơi! Con trăng nó bị vướng trên cành trúc kia kìa, thấy không? Nó gỡ mãi mà không sao thoát ra được, biết làm thế nào, hử Trí”. Tôi cười: “Hay là chị em ta cho thuyền đỗ vào bến này, rồi ta trèo lên động cát với tay gỡ hộ cho trăng thoát nạn”

(Chơi giữa mùa trăng).

Và trăng cũng còn là phẩm giá tuyệt vời của người Kitô hữu, đã được nên giống Đức Kitô:

“Ánh sáng tràn trề, ánh sáng tràn lan, chị tôi và tôi đều ngã vạt áo ra bọc lấy, như bọc lấy đồ châu báu... Tôi bỗng thấy chị tôi có vẻ thanh thoát quá, tinh khôi, tươi tốt và oai nghi như pho tượng Đức Bà Maria là đáng tinh tuyền chí thánh. Tôi muốn sốt sắng quỳ lạy mong ơn bào chữa. Nhưng trời ơi, sao đêm nay chị tôi đẹp đẽ đến thế này. Nước da của chị tôi đã trắng, mà vận áo quần bằng hàng trắng nữa, trông thanh bạch quá đi.

Tôi nắm tay chị tôi giật lia lịa và hỏi một câu hỏi tức cười làm sao: “Có phải chị không hử chị?”. Tôi run run khi có cái ý nghĩ: chị tôi là một nàng Ngọc nữ, một hồn ma, hay một yêu tinh. Nhưng tôi lại phì cười và vội reo lên: “A ha, chị Lễ ơi, chị là trăng mà em đây cũng là trăng nữa!”.

Ngó lại chị tôi và tôi, thì quả nhiên là trăng thiệt”

(Chơi giữa mùa trăng).

Đi xa hơn, chất tượng trưng nằm cả nơi bản thân hai nhân vật đang tình tự và nơi chính tình yêu của họ. Tùy từng Thánh vịnh, khi cầu nguyện người tín hữu có thể mặc lấy những tâm tình khác nhau, nhập vào những vai trò khác nhau: Dân Chúa trong thử thách đau thương, tội nhân thống hối, người được Chúa yêu thương, chăm sóc và tha thứ, Đức Kitô trong cuộc Thương khó hoặc trong vinh quang Phục sinh.

Hiểu như thế, đọc Hàn Mạc Tử, ta sẽ thấy có khi anh nhập vai thành Giáo hội, hiền thê của Chúa:

*Chàng ơi, chàng ơi, sự lạ đêm qua
Mùa xuân tới mà không ai biết cả.
(Ra Đời)*

Có khi anh nhập vai vào chính Chúa Kitô:

*Máu tim ta tuôn ra làm bể cả
Mà sóng lòng rần rật như mây trôi
....
Ta muốn níu hồn ai đương hiển hiện
Trong lòng và đang tắm máu sông ta.
(Biển Hồn Ta, 1-2. 9-10)*

Ngay giữa cuộc sống quay cuồng, chất tượng trưng vẫn cần thiết. Những ca từ của tuổi trẻ hiện nay đang trở thành suôn đuột, hoàn toàn đơn nghĩa, chẳng còn gì lý thú. Không sớm thì muộn, người ta sẽ thấy cần có cái gì đó sâu xa hơn, ý nhị hơn, thâm trầm hơn, khám phá mãi không hết ý nghĩa.¹

Chiêm niệm giữa đời thường

Trong bài “Thơ đạo của Hàn Mạc Tử và một kinh nghiệm được biến đổi”, tôi có nói nhà thơ đã được ơn vượt qua cuộc thử thách ở giai đoạn thứ ba trên đường vào nội tâm. Khi đã biết mệnh Trời và vâng mệnh Trời, Hàn Mạc Tử khiêm nhường lui về lo bổn phận hằng ngày. Bổn phận trước mắt của anh lúc ấy là lo tìm cách

¹ Cũng phải nói tương tự về nhiều bài nhạc đạo hiện nay: lắm ca từ có vẻ như trích văn của một văn kiện Giáo hội hoặc một đốc quyết tinh tâm, chẳng có một tí nào hình ảnh, vắng hẳn chất tượng trưng.

chạy chữa. Dù rất vô vọng, bệnh nhân và người nhà vẫn tìm đủ mọi cách, còn nước còn tát. Nỗi mất mát ở giai đoạn ba cộng với cái công dã tràng ở giai đoạn bốn này có thể đưa tới sự chán ngán mệt mỏi, tương đương với tình trạng khô khan trong cuộc sống cầu nguyện của người đan sĩ. Thế nhưng, theo Thánh Gioan Thánh Giá, cuộc thử thách ở chặng thứ ba (*sự thất bại, đêm khô khan hay đêm giác quan thuận tình*) là điều cần thiết để đạt tới bậc chiêm ngưỡng, đây là bước chuyển tiếp từ suy niệm lên chiêm niệm, là lúc đứa bé phải cai sữa để tập ăn (x. *Đường Lên Núi Cát Minh, quyển 2, chương 13-14; Đêm Dày, quyển 2, chương 8-9; Ngọn Lửa Nồng của Tình Yêu 3, 32-37*). Các bài thơ trong tập *Đau Thương* cũng phần nào cho thấy những thử thách đã đem lại cho Hàn Mạc Tử ơn chiêm niệm:

- thích cầu nguyện thỉnh lặng,
- cảm nghiệm sự hiện diện của Thiên Chúa,
- không còn suy niệm theo chủ đề, không cần đến những phương tiện như ý tưởng, lời nói, chỉ tập trung vào sự gặp gỡ Ba Ngôi Thiên Chúa.

Chính Hàn Mạc Tử kể lại một ngày bệnh tật của mình: “Lại đọc kinh, lại ngâm thơ, lại làm thơ, lại nhớ, lại nằm. Buổi tối khi ăn xong, cũng vừa đi bộ vừa ngâm thơ một cách sung sướng nhất đời. Cả ngày chỉ ngâm thơ và đọc kinh là nhiều hơn cả. Ngày nào cũng như ngày ấy, không thấy buồn lắm, và ngày nào cũng mong mỗi một cái gì...” (PCĐ-1, t. 413).

Trong bài “Quan Niệm Thơ”, Hàn Mạc Tử viết: “Thi sĩ đã ngất ngư trong khi nuốt hết khí vị thanh tao của mùa xuân ấm, của tất cả những lương thực ngọt ngào mỹ vị làm bằng hương báu, làm bằng nhạc thiêng, làm bằng rượu say, làm bằng châu lệ. Song le miệng

lưỡi của thi sĩ ra như vẫn còn nóng ran, vẫn còn khát khao thèm thườn những vật lạ muôn đời. Cửa thế gian nếm mãi chưa bưa, chưa ớn, chưa hả hê chút nào. *Thi sĩ vẫn đi tìm mãi*, vẫn còn kêu rên thảm thiết, *để đi đến cõi ước mơ hoàn toàn*. Trong đời thi sĩ, thi sĩ đã sống cô độc, những người con gái rất xinh đẹp cũng không làm cho thi sĩ vui đặng, vì thi sĩ nhận thấy ở người con trai cũng như người con gái, đều có một tâm thuật nhỏ nhoi, tầm thường không hợp với tính tình thanh cao của thi sĩ. Vì thế thi sĩ cứ kêu rên thảm thiết là để tìm một người tri kỷ. Mà than ôi, không bao giờ thi sĩ tìm đặng. *Người tri kỷ của thi sĩ phải là một bậc cao quý, toàn tài, toàn năng, một đấng mà thi sĩ nhận lấy như là hết mọi sự - Đấng ấy là Đức Chúa Trời. Thi sĩ có thể trút hết hận tình với Đức Chúa Trời, kể lể hết niềm đau thương với Người, dâng cho Người những bài thơ sáng láng, anh hoa, thế mới là mãn nguyện*. Vì Đức Chúa Trời đã tạo ra thơ ở thế gian này, nhưng thi sĩ là người khao khát vô tận, cứ nhất định muốn hưởng cái thơ trên cái thơ khác nữa. Chỉ có Đức Chúa Trời mới làm vừa lòng thi sĩ. Cho nên tất cả thi sĩ ở trong đời phải quy tụ, phải đi khơi mạch thơ ở Đức Chúa Trời. Thi sĩ không phải là một người thường” (Trích theo PCD-1, t. 179-180).

Trong bài Say Thơ, ba lần Hàn Mạc Tử lặp lại:

Hãy quy tụ nhìn xem cho sướng đã.

(Câu 13, 25, 48)

Chiêm niệm không phải là tưởng tượng nhưng là cảm nghiệm của cầu nguyện trong thanh lặng và chiêm ngưỡng. Chiêm niệm là ra khỏi mình để tập trung tất cả vào Thiên Chúa. Cũng theo Thánh Gioan Thánh Giá, chiêm niệm là lãnh nhận.

Chiêm niệm là sự sống, thơ là hoa trái

Qua tuyển tập *Đau Thương*, ta thấy ơn chiêm niệm không đi đôi với việc làm thơ đạo. Ở giai đoạn này Hàn Mạc Tử vẫn viết thơ tình là chính. Hàn Mạc Tử là một Kitô hữu giáo dân và là một Kitô hữu trẻ. Anh ý thức trách nhiệm Kitô hữu của mình nhưng anh không thể hiện trách nhiệm ấy như kiểu một linh mục. Những vấn đề của anh là của một bệnh nhân và của một người trẻ (tình yêu lứa đôi) – và anh sống các thực tế của mình trong cái nhìn Kitô giáo. Cũng đừng quên rằng, trong cái nhìn Kitô giáo, tình yêu lứa đôi là điều thánh thiện.

Trong tiểu phẩm cuối cùng, bài “Hồn Thanh Khiết”, Hàn Mạc Tử viết: “Tôi những muốn tắm gội trong Đại dương ánh sáng và tình yêu Thiên Chúa”.

Hàn Mạc Tử chiêm niệm để chiêm ngưỡng Thiên Chúa và bắt gặp chính mình chứ không phải để làm thơ. Nếu ai làm thơ đang khi cầu nguyện thì sẽ lạc đường và chỉ râu lượm được những bài thơ rất dở. Sau khi chiêm ngưỡng Thiên Chúa, Hàn Mạc Tử về lại với đời thường và có khả năng nhìn những vấn đề nổi cộm của anh – bệnh tật và tình yêu – với cái nhìn từ một thế giới khác. Từ đó, anh viết nên những bài thơ khiến muôn đời kinh ngạc. Cũng vì thế, sang *Xuân như ý* và *Thuộng thanh khí* mới có nhiều thơ đạo.

“Cho mau lên! Dồn ánh nguyệt vào đây... Lời thơ ta sẽ sáng trưng như thất bảo. Tình cảm ta sẽ nóng ran như mặt trời. Ý ta sẽ cao cường hơn ngọn núi. Lạy Chúa Trời tôi! Hãy ban cho tôi hàng hà sa số là ơn lành, ơn cả... Thơ tôi sẽ rất no, rất ớn, rất nư, trọng vọng như tài hoa, cao sang như nhân đức, chói chang vô vàn phước lộc... Ôi! Trời hạo nhiên đây không phải là công trình châu báu của Người sao? Lòng vô lượng đây không phải là do phép tắc màu nhiệm của Đấng Vô thí Vô chung?”

Đưa ra nào là nhạc thơm, hương gấm, mộng ngọc và hoa trinh bạch, đàn ly tao, tranh tuyệt phẩm...

Đưa ra nào là gió chia biệt, trăng đoàn viên, chim tứ chiếng, mây giang hồ, và nào là trời thanh sắc, lòng nữ hương, niềm mộc được...”.

(Lời tựa *Xuân như ý*: PCD-1, tr. 161)

Đưa ra... đưa ra... Tựa như là Thiên Chúa phán khi tạo ra muôn loài: Hãy có ... Hãy có ... (St 1, 1-2, 4). Từ trong vườn Êđen, con người đã có sinh mệnh trở nên như Tạo Hóa. Con người được ban khả năng lao động để góp phần vào công cuộc sáng tạo vũ trụ, khả năng sinh sản để góp phần sáng tạo nên những con người khác. Nhà thơ thì góp phần sáng tạo ra toàn người đẹp:

*Cả lòng ta vô số gái hồng nhan
Ta nhả ra đây một nàng.*

Có thể nói Hàn Mạc Tử đang được ơn chạy đua với Thiên Chúa như Chúa Kitô đã hứa: “Thật, Thầy bảo thật anh em, ai tin vào Thầy, thì người đó cũng sẽ làm được những việc Thầy làm. Người đó còn làm được những việc lớn hơn nữa, bởi vì Thầy đến cùng Chúa Cha” (Ga 14, 12).

Thế nhưng tác giả Phan Cự Đệ lại bảo rằng “thi nhân đang *cạnh tranh* với Thượng Đế về vai trò Sáng thế” (PCD-2, t. 328). Tiếp nối Quách Tấn, Võ Long Tê, Chế Lan Viên và Phan Xuân Sanh, ông còn dựa vào câu thơ dưới đây cho rằng Hàn Mạc Tử “phạm thượng đối với những Đấng thiêng liêng mà Tử phụng thờ” (x. PCD-1, t. 87):

*Ta chấp hai tay lạy quỳ hoan hảo
Ngửa trông cao, cầu nguyện trắng không gian
Để vừa dâng vừa hiệp bốn mùa xuân
Nở một lượt giàu sang hơn Thượng Đế.*

(Đêm xuân cầu nguyện).

Thiết tưởng bảo rằng Hàn Mạc Tử phạm thượng đối với Thiên Chúa anh phụng thờ là oan cho anh. Từ nửa sau thế kỷ XX, hai tiếng Thượng Đế đã dần dần mang ý nghĩa Đấng Tạo Hóa Tuyệt Đối và Vô Hình, dầu vậy trên sân khấu hài, người ta vẫn tiếp tục trình bày về Ngọc Hoàng Thượng Đế theo một quan niệm nhân hình thô thiển – những người kinh doanh thời nay còn bảo: “*khách hàng là Thượng Đế*”. Vì thế, không lạ gì *Huấn thị Ex illa die* năm 1715 đã cấm dùng hai tiếng Thượng Đế để chỉ Thiên Chúa, bởi lẽ những khái niệm Thượng Đế, Ngọc Hoàng, Ngọc Đế của Lão giáo bình dân không đủ để diễn tả Thiên Chúa Tạo Hóa. Như thế, có khoảng cách vô cùng lớn giữa hai tiếng Thượng Đế anh dùng trong câu thơ trên đây và Thiên Chúa Tạo Hóa trong đức tin của anh. Để nói về Thiên Chúa Tạo Hóa, anh dùng các thuật ngữ Chúa, Thiên Chúa, Đức Chúa Trời, Đấng Chí Tôn, Đấng Vô Thủ Vô Chung, không dùng thuật ngữ Thượng Đế.

Tự thâm tâm, Hàn Mạc Tử biết mình có dùng não sáng tạo để chạy đua tới đâu đi nữa vẫn chỉ là trong tưởng tượng, không sao no thỏa được lòng mình, cho nên liền sau những chữ *đưa ra, đưa ra*, anh tiếp:

“Vẫn chưa bưa, chưa đã, chưa nguôi được chí muôn sao...!

Phải mời cho được Xuân thiêng ra đời...

Bình an cả và thiên hạ...

Vì chung muôn xuân là lương thực ngon ngọt, mỹ vị, ánh xuân là nguồn tư tưởng thơm tho, tinh khiết, khí xuân là mạch trường sinh bất tử, tình xuân là cung cầm nguyệt mê ly, tuổi Xuân là Ngọc như ý, tên xuân là Dạ lan hương.

Và xuân là phong thái hòa của năm muôn năm, trời muôn trời, châu lưu trên thượng tầng không khí, bàng bạc dải cát Hà sa,

chen lán vô tận hồn tạo vật.... Loài người hãy tận hưởng một hơi cho đã ngán và cao rao danh Cha cả sáng. Và loài người hãy cảm ơn thi nhân đã đổ ra biết bao nhiêu nguồn máu lệ, đã từng uống mật đắng cay trong khi miệng vẫn tươi cười sốt sáng...

(Lời tựa Xuân như ý: PCD-1, tr. 161-162)

10.

Vườn thơ Đạo nữ hoa

Có thể nói, đối với những người đồng đạo, Hàn Mạc Tử đã để lại một mùa hoa.

“Nếu hạt lúa gieo vào lòng đất mà không chết đi, thì nó vẫn trơ trọi một mình; còn nếu chết đi, nó mới sinh được nhiều hạt khác” (Ga 12, 24). Có nhiều dấu hiệu cho thấy hạt lúa Hàn Mạc Tử đã chết đi theo hướng ấy và đang nở thành một mùa hoa: nhiều bạn trẻ đang theo bước chân anh, trau dồi khả năng văn thơ “để sót cho cả xuân xuân thiên hạ - hương mến yêu là lộc của lời thơ”.

Vì thế nhân kỷ niệm 100 năm ngày sinh của nhà thơ, sau tập đầu mang tên “Thi sĩ của thánh giá”, về con người, cuộc đời và thơ đạo của Hàn Mạc Tử, bộ sưu tập tiếp nối với ba tập dành để giới thiệu thơ đạo của những tác giả theo chân Hàn Mạc Tử, những vị có năm sinh từ 1912 về sau. Cùng với Hàn Mạc Tử đã có những hạt giống khác nữa nhưng nổi trội nhất vẫn là hạt giống đã chịu mục nát hơn cả.

Ba tập sau được đặt tên theo những hình ảnh trong mấy câu đầu của bài thơ AVE MARIA.

TẬP 2: NHỮNG SONG LỘC TRIỀU NGUYÊN

Tập này giới thiệu các tác giả có năm sinh từ 1912 đến hết 1940, gồm có:

TÊN TÁC GIẢ	Năm sinh	Thành phần
BÀNG BÁ LÂN	1912	Giáo dân nam
TRẦN VĂN THI	1912	Linh mục
BÙI TUÂN	1913	Giáo dân nam
PHẠM ĐÌNH TÂN	1913	Giáo dân nam
GÉRARD GAGNON NHÂN	1914	Linh mục
VŨ NGỌC BÍCH	1914	Linh mục
MAI LÂM	1915	Giáo dân nam
HỒ DZẾNH	1916	Giáo dân nam
MARIA NGỌC MINH	1917	Giáo dân nữ
VŨ ĐỨC TRINH	1918	Linh mục
HÀN KHÊ	1919	Giáo dân nam
PHẠM ĐÌNH TỤNG	1919	Hồng y
LONG GIANG TỬ	1920	Giáo dân nam
NGUYỄN DUY DIỄN	1920	Giáo dân nam
NGUYỄN VĂN ÁI	1920	Giáo dân nam
NGUYỄN XUÂN VĂN	1922	Linh mục
ĐỖ MINH LÝ	1923	Linh mục
CAO VĨNH PHAN	1924	Linh mục
HOÀNG DIỆP	1924	Linh mục
HOÀNG SĨ QUÝ	1926	Linh mục
XUÂN LY BĂNG	1926	Linh mục
GÉRARD TRẦN VĂN LIÊN	1927	Tu sĩ nam

HOÀNG KIM	1927	Linh mục
VÕ LONG TÊ	1927	Giáo dân nam
VŨ ĐÌNH TRÁC	1927	Linh mục
ĐÔNG KHÊ	1928	Giáo dân nữ
VŨ PHAN LONG	1929	Giáo dân nam
VŨ HUYỀN DƯ	1930	Giáo dân nam
LÊ MINH TÂM	1931	Giáo dân nam
BẠCH LẠP	1932	Giám mục
VÕ THANH TÂM	1932	Linh mục
KIM NGÔN	1933	Giáo dân nam
ĐỖ QUANG VINH	1933	Giáo dân nam
NGUYỄN TIẾN LỢI	1935	Linh mục
ĐÌNH QUANG	1935	Giáo dân nam
NGUYỄN TẤN PHƯỚC	1936	Giáo dân nam
NHẤT TUẤN	1936	Giáo dân nam
TRẦN THỊ HOA	1936	Tu sĩ nữ
HƯƠNG VĨNH	1937	Giáo dân nam
NGUYỄN KHẮC ĐẠI	1937	Giáo dân nam
HOÀI MỘNG	1939	Giáo dân nữ
HÀN LỆ THU	1940	Giáo dân nữ
JOSEPH TRẦN VŨ	1940	Giáo dân nam
ĐỖN PHƯƠNG	1940	Giáo dân nam
THANH QUÂN	1940	Linh mục

TẬP 3: ƠN PHƯỚC CẢ

Tập này giới thiệu các tác giả có năm sinh từ 1941 đến hết 1955, gồm có:

TÊN TÁC GIẢ	Năm sinh	Thành phần
TRẦN UYÊN THI	1941	Cảm tình viên
HAI TÊ MIỆT VƯỜN	1942	Tu sĩ nam
LÊ ĐÌNH BẢNG	1942	Giáo dân nam
NGHINH NGUYỄN	1942	Giáo dân nam
NGÔ XUÂN TỊNH	1942	Giáo dân nam
PHAN NGỘ	1942	Giáo dân nam
TRẦN MỘNG TÚ	1942	Giáo dân nữ
LÊ MINH BÌNH DƯƠNG	1943	Linh mục
ĐIỆP LAN ĐÌNH	1943	Linh mục
HOÀNG VŨ ĐAN THANH	1944	Linh mục
HUYỀN THỊ KIM HẢI	1944	Tu sĩ nữ
LÊ QUÝ LONG	1944	Giáo dân nam
PHẠM VĂN THÂN	1944	Giáo dân nam
NGUYỄN QUỐC HẢI	1945	Linh mục
TRẦN VĂN GIÃ	1945	Giáo dân nam
XUÂN PHÚC	1945	Giáo dân nam
DZUY SƠN TUYẾN	1946	Giáo dân nam
TRẦN QUANG CHU	1946	Giáo dân nam
MÂY TRẮNG	1947	Tu sĩ nữ
NGUYỄN NGỌC HẠNH	1947	Giáo dân nam
TRĂNG THẬP TỰ	1947	Linh mục
PHẠM THỊ THÁI QUÝ	1948	Giáo dân nữ
SAO VƯỜN DẦU	1948	Linh mục

VĨNH AN	1948	Giáo dân nam
AN TRINH	1949	Giáo dân nữ
LÊ QUỐC HÁN	1949	Giáo dân nam
ĐỖ THẢO ANH	1949	Giáo dân nữ
LÝ VIỆT THẮNG	1950	Giáo dân nam
THẾ NHÂN	1950	Giáo dân nam
LIỄU GIANG	1951	Giáo dân nữ
NGƯỜI VIỄN KHÁCH	1951	Giám mục
NGUYỄN TÂM THƯỜNG	1951	Linh mục
ĐỖ VĂN	1951	Giáo dân nam
LƯU DZOANH BẢO	1952	Giáo dân nam
MINH DUYÊN THẬP TỰ	1952	Tu sĩ nữ
SƠN CA LINH	1952	Linh mục
BỤI HỒNG ÂN	1953	Giáo dân nữ
DIỆU HƯƠNG	1953	Tu sĩ nữ
NGUYỄN TÂM HIỀN	1953	Tu sĩ nữ
THÚY NGÀ	1953	Tu sĩ nữ
TRẦN ĐỨC XUÂN	1953	Giáo dân nam
TRẦN PHÙNG LINH DUYÊN	1953	Giáo dân nam
BÙI CHÍ VINH	1954	Giáo dân nam
CÁT GIANG	1954	Giáo dân nam
MẶC LỆ TUYỀN	1954	Giáo dân nam
MẠC TƯỜNG	1954	Giáo dân nam
NGUYỄN CA NGUYỆT	1954	Linh mục
CAO HUY HOÀNG	1954	Giáo dân nam
M. J. VĨNH AN	1955	Giáo dân nữ
ĐOÀN XUÂN DŨNG	1955	Giáo dân nam
TRẦN THU MIỀN	1955	Giáo dân nam

TẬP 4: THẦN NHẠC SÁNG HƠN TRĂNG

Tập này giới thiệu các tác giả có năm sinh từ 1956 đến thập niên 1990, gồm có:

TÊN TÁC GIẢ	Năm sinh	Thành phần
HỒNG PHÚC	1957	Linh mục
PAUL NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	1957	Giáo dân nam
PHAN XICÔ	1957	Giáo dân nam
TRẦN TÍNH NGUYỄN	1957	Giáo dân nam
NGUYỄN THÔNG	1958	Tu sĩ nam
THIÊN GIANG	1958	Tu sĩ nữ
MIC. CAO DANH VIỆN	1959	Giáo dân nam
QUANG UY	1959	Linh mục
THANH PHƯƠNG	1959	Giáo dân nam
MARIA NGUYỄN THỊ XUYẾN	1960	Giáo dân nữ
SA MẠC HỒNG	1960	Giáo dân nam
TRỊNH TÂY NINH	1960	Giáo dân nữ
ĐẶNG THỊ VÂN KHANH	1961	Giáo dân nữ
AN THIÊN MINH	1962	Giáo dân nam
LÝ THỊ MINH KHIÊM	1963	Giáo dân nữ
THANH HƯƠNG	1964	Giáo dân nữ
VŨ THỦY	1965	Giáo dân nữ
VŨ HUY THÔNG	1967	Linh mục
H. T. S.	1968	Tu sĩ nữ
SONG LAM	1968	Giáo dân nữ
LÊ QUANG HẬN	1969	Giáo dân nam
VƯƠNG DIỆU ÂN	1969	Linh mục
KIM ÂN	1971	Linh mục
H. C. N.	1972	Tu sĩ nữ

LƯU LY THẢO	1972	Linh mục
NGUYỄN MAI	1972	Linh mục
HƯỜNG KINH	1973	Linh mục
TRÂM TỬ	1973	Giáo dân nam
PHẠM THÁI SỒN	1974	Giáo dân nam
HẠT BỤI	1975	Giáo dân nữ
PHAN THỊ LIÊN GIANG	1975	Giáo dân nữ
GLASSEY-TRẦNNGUYỄN TRANGĐÀI	1975	Giáo dân nữ
MARIA KHÁNH VÂN	1976	Giáo dân nữ
QUỲNH ANH	1979	Tu sĩ nữ
TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	1979	Tu sĩ nữ
G. B. NGUYỄN QUỐC TUẤN	1980	Chủng sinh
LƯU MINH GIAN	1981	Tu sĩ nam
ĐÌNH CHẨN	1983	Chủng sinh
ĐÌNH THIỆN PHƯƠNG	1983	Giáo dân nam
VŨ TRUNG CHÍNH	1983	Tu sĩ nam
TRẦN PHƯƠNG NHÃ	1984	Giáo dân nữ
MARIA VŨ THƯƠNG	1987	Giáo dân nữ
KIM DẠ	1988	Giáo dân nữ
PHÊRÔ ĐỖ KHẮC MINH KHOA	1990	Dự tu

Cuối tập 4 sẽ có mục lục các tác giả xếp ABC theo tên.

Ban Biên soạn đã chọn được thơ của một số tác giả khác nữa, nhưng vì chưa có thông tin về bản thân tác giả nên chưa giới thiệu được trong đợt này. Đàng khác còn rất nhiều vị chúng tôi chưa liên lạc được. Vì thế chúng tôi dự kiến sẽ thực hiện đợt II của bộ sưu tập, Vườn Thơ Đạo Nở Hoa, phát hành vào năm 2015, dịp giỗ lần thứ 75 của nhà thơ Hàn Mặc Tử. Xin đóng góp bài vở về:

thoconggiao@gmail.com

MỤC LỤC

<i>Lời giới thiệu của Đức Cha Chủ Tịch Ủy Ban Văn Hóa.....</i>	<i>7</i>
<i>Lời giới thiệu của Đức Giám Mục Phêrô Nguyễn Soạn</i>	<i>9</i>
<i>Lời tựa của Đức Cha Micae Hoàng Đức Oanh.....</i>	<i>11</i>
<i>Đôi lời của nhóm sưu tập.....</i>	<i>15</i>

1. GIỚI THIỆU TỔNG QUÁT VỀ NHÀ THƠ HÀN MẠC TỬ

TƯỞNG NIỆM THI SĨ CÔNG GIÁO HÀN MẠC TỬ

- *Lm TRẦN QUÝ THIÊN.....* 25

HÀN MẠC TỬ: ĐỜI VÀ THƠ - *NGUYỄN THỊ TUYẾT.....* 35

KINH NGHIỆM THƠ VÀ HÀNH TRÌNH TINH THẦN

CỦA HÀN MẠC TỬ - *VÕ LONG TÊ.....* 53

VỀ BÚT HIỆU CỦA NHÀ THƠ - *PHAN CỰ ĐỆ.....* 73

2. TRÍCH TUYỂN TÁC PHẨM HÀN MẠC TỬ

TRÍCH TUYỂN THƠ HÀN MẠC TỬ 83

THÁNH NỮ ĐỒNG TRINH MARIA..... 83

ĐÂY THÔN VĨ DẠ..... 86

TRĂNG VÀNG TRĂNG NGỌC..... 86

PHAN THIẾT! PHAN THIẾT!..... 87

ĐÀ LẠT TRẮNG MỜ..... 88

ĐÊM XUÂN CẦU NGUYỆN..... 89

ĐIỀM LẠ..... 90

NHỮNG GIỌT LÊ..... 91

NGUỒN THƠM..... 92

RA ĐỜI..... 93

SAY THƠ..... 94

CÔ LIÊU..... 97

CUỐI THU	98
BIỂN HỒN TA	99
XUÂN ĐẦU TIÊN	100
SÀU VẠN CỔ.....	101
HỒN LÀ AI.....	101
TRƯỜNG THỌ	102
SIÊU THOÁT	103
NGOÀI VĨ TRỤ.....	104
TRÚT LINH HỒN.....	105
VÀNG TRẮNG.....	105
XUÂN NHƯ Ý.....	106
NƯỚC MÂY.....	107
MÙA XUÂN CHÍN	108
HỒN LÌA KHỎI XÁC	109
MỘT NỬA TRĂNG	110
SAO, VÀNG, SAO.....	111
TRÍCH TUYỂN VĂN HÀN MẠC TỬ	
LỜI TỰA ĐAU THƯƠNG.....	112
LỜI TỰA “XUÂN NHƯ Ý”	113
CHƠI GIỮA MÙA TRẮNG	115
QUAN NIỆM THƠ	118
HỒN THANH KHIẾT.....	121
3. ĐÓNG GÓP CỦA GIÁO SƯ PHAN CỰ ĐỆ	
THỂ GIỚI NGHỆ THUẬT ĐỘC ĐÁO CỦA HÀN MẠC TỬ	
- PHAN CỰ ĐỆ	128
CHẤT ĐẠO VÀ CHẤT ĐỜI TRONG THƠ HÀN MẠC TỬ	
- PHAN CỰ ĐỆ	133
HÀN MẠC TỬ VÀ TÔN GIÁO	
- PHAN CỰ ĐỆ	176

4. TRONG KÝ ỨC BẠN BÈ

HÀN MẠC TỬ HỒI ẤY - <i>YẾN LAN</i>	193
HÀN MẠC TỬ - <i>TRẦN THANH MAI</i>	196
THƠ HÀN MẠC TỬ - <i>TRỌNG MIÊN</i>	198
CHUYỆN DƯỚI ĐẤT VÀ CHUYỆN TRÊN TRỜI - <i>CHẾ LAN VIÊN</i>	200
CON NGƯỜI HÀN MẠC TỬ QUA THƠ ANH - <i>NGUYỄN MINH VỸ</i>	202
HÀN MẠC TỬ - <i>TRẦN TÁI PHÙNG</i>	203
NHÀ MẠNH THƯỜNG QUÂN NGHÈO - <i>HOÀNG DIỆP</i>	206
NHỮNG KỶ NIỆM VỀ HÀN MẠC TỬ - <i>TRẦN THANH DỊCH</i>	208
HÀN MẠC TỬ - <i>BÍCH KHÊ</i>	210
TRĂNG CŨ - <i>MAI ĐÌNH</i>	213
NHỚ HÀN MẠC TỬ - <i>NGUYỄN VIỆT LÃM</i>	215

5. LÃNG KÍNH RIÊNG CỦA NHÀ THƠ QUÁCH TẤN

ẢNH HƯỞNG ĐẠO PHẬT TRONG THƠ HÀN MẠC TỬ - <i>QUÁCH TẤN</i>	222
---	-----

6. TRONG MẮT CÁC NHÀ PHÊ BÌNH VĂN HỌC

XUÂN NHƯ Ý - <i>HOÀI THANH - HOÀI CHÂN</i>	232
MỘT NGUỒN HỨNG MỚI - <i>VŨ NGỌC PHAN</i>	234
THỜI KỲ XOA DỊU - <i>NGUYỄN TẤN LONG</i>	236
HỒN THƠ SIÊU THOÁT - <i>VƯƠNG TRÍ NHÀN</i>	240
TƯ DUY TÔN GIÁO CỦA HÀN MẠC TỬ - <i>ĐỖ LAI THUY</i>	242
NGUỒN THƠ ĐẠO CỦA HÀN MẠC TỬ - <i>BÍCH THU</i>	247
LINH HỒN THANH KHIẾT - <i>LÊ HUY OANH</i>	251

7. TRONG MỐI ĐỒNG CẢM CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐỒNG ĐẠO

NHỚ HÀN MẠC TỬ - <i>NGUYỄN VĂN XÊ</i>	256
HÀN MẠC TỬ VÀ CHÚA - <i>Bs LÊ VĂN LÂN</i>	262
HÀN MẠC TỬ, NHÀ THƠ CÔNG GIÁO - <i>THÁI VĂN KIỂM</i>	273
THẾ GIỚI MỚI - <i>PHẠM ĐÁN BÌNH</i>	274
ÂN HUỆ CỦA THIÊN CHÚA - <i>BÙI TUẤN</i>	277
CHỈ MỘT NIỀM TIN - <i>NGUYỄN BÁ TÍN</i>	281
TÔN GIÁO TRONG THƠ HÀN MẠC TỬ - <i>NGUYỄN THỊ TUYẾT</i>	295
ĐỨC TIN TRONG HỒN THƠ HÀN MẠC TỬ - <i>ĐẶNG TIẾN</i>	323
NỬA ĐÊM ĐI TÌM HÀN MẠC TỬ - <i>BÙI TUẤN</i>	356
HÀN MẠC TỬ: THƠ VÀ KINH - <i>PHẠM ĐÁN BÌNH</i>	362
LỜI GIỚI THIỆU TIỂU LUẬN “LINH HỒN HÀN MẠC TỬ” - <i>VÕ LONG TẾ</i>	380
LINH HỒN HÀN MẠC TỬ - <i>PHẠM ĐÌNH KHIÊM</i>	386

8. ĐÓNG GÓP CỦA LM TRẦN CAO TƯỜNG

NHỮNG HUYỀN BÍ BÊN KIA CÔI CHẾT QUA HIỆN TƯỢNG HÀN MẠC TỬ - <i>Lm DŨNG LẠC TRẦN CAO TƯỜNG</i>	415
HIỆN TƯỢNG BÉ AKIANE VÀ HÀN MẠC TỬ ỌC RA THƠ TỪ CÙNG MỘT NGUỒN ÁNH SÁNG - <i>Lm DŨNG LẠC TRẦN CAO TƯỜNG</i>	427
DẤU CHỈ VĂN HÓA THỜI ĐẠI: CÔ BÉ AKIANE VẼ ĐƯỢC NHỮNG BỨC TRANH KỲ LẠ DO ÁNH SÁNG TỪ TRỜI - <i>Lm DŨNG LẠC TRẦN CAO TƯỜNG</i>	435
PHƯỢNG TRÌ TRONG TRƯỜNG CA HÀN MẠC TỬ - <i>Lm DŨNG LẠC TRẦN CAO TƯỜNG</i>	442

9. TỪ GÓC NHÌN HUYỀN HỌC CÁT MINH

THƠ ĐẠO CỦA HÀN MẠC TỬ VÀ MỘT KINH NGHIỆM ĐƯỢC BIẾN ĐỔI
- *Lm TRĂNG THẬP TỰ*..... 457

CHẤT TƯỢNG TRUNG TRONG THƠ THÁNH GIOAN THÁNH GIÁ
- *LUCIEN-MARIA DE ST JOSEPH, OCD* 489

THEO CHÂN HÀN MẠC TỬ TIẾN VÀO KINH NGHIỆM ĐƯỢC BIẾN ĐỔI
- *Lm TRĂNG THẬP TỰ*..... 495

HÀN MẠC TỬ - TỪ NGHỆ THUẬT ĐẾN TÂM LINH
- *Lm TRĂNG THẬP TỰ*..... 512

10. VƯỜN THƠ ĐẠO NỞ HOA

TẬP 2: NHƯ SONG LỘC TRIỀU NGUYÊN..... 529

TẬP 3: ƠN PHƯỚC CẢ..... 531

TẬP 4: THẦN NHẠC SÁNG HƠN TRĂNG..... 533

MỤC LỤC 535

CÓ MỘT VƯỜN THƠ ĐẠO – TẬP 1

TRĂNG THẬP TỰ CHỦ BIÊN

TUẤN SƠN VẼ BÌA

PHẠM QUỐC ANH TRÌNH BÀY

NGUYỄN THANH XUÂN SỬA BẢN THẢO

Filename: VUON THO DAO - 1 QUOC ANH chinh sua(1).doc
Directory: C:\Users\TuanSon\Downloads
Template: C:\Users\TuanSon\AppData\Roaming\Microsoft\Templates\Normal.d
otm
Title: còu moät vööðøn thô ñiã
Subject:
Author: quocanh
Keywords:
Comments:
Creation Date: 7/10/2012 7:20:00 PM
Change Number: 8
Last Saved On: 7/11/2012 4:08:00 PM
Last Saved By: TuanSon
Total Editing Time: 29 Minutes
Last Printed On: 7/11/2012 10:36:00 PM
As of Last Complete Printing
Number of Pages: 540
Number of Words: 118,865 (approx.)
Number of Characters: 677,537 (approx.)